

TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH
GIẢI DIỄN NGHĨA

QUYỂN 10



Chủ giảng: LÃO PHÁP SƯ TỊNH KHÔNG

Trưởng ban biên dịch:

TK. Thích Đồng Bổn



TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA

淨土大經解演義

QUYỂN 10

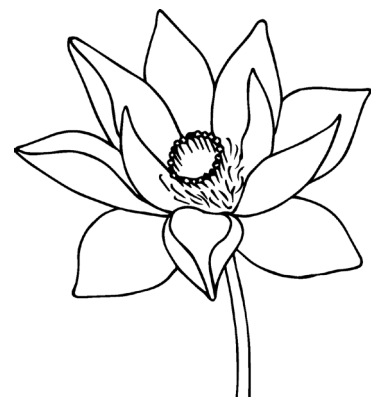
(Tập 91 – 100)

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

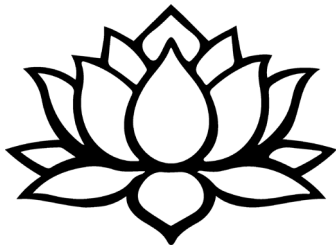
TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA



TẬP 91



Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong



Chur vị pháp sư, chư vị đồng học, xin xem tiếp *Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải*, trang 103, xem hàng thứ 6, kể từ dưới lên.

“Bản kinh tiên liệt Thanh Văn, hậu chương Bồ tát, chính như Phật Địa Luận đề nghị vân: - Tiên thuyết Thanh Văn, hậu thuyết Bồ tát. Thanh Văn chúng giả, cận đối Thế Tôn, thân thọ hóa cố. Hựu chư Thanh Văn, thường tùy Phật cố, hình đồng Phật cố. Thị cố, chư kinh đa thị tiên Thanh Văn, nhi hậu Bồ tát” (Kinh này trước là liệt kê Thanh Văn, sau nêu bày hàng Bồ tát. Đúng như *Phật Địa Luận*, quyển thứ 2 đã nói: “Trước nói Thanh Văn, sau nói Bồ tát. Vì hàng Thanh Văn thân cận đức Thế Tôn, được Ngài đích thân giáo hóa. Lại nữa, các vị Thanh Văn thường theo đức Phật, có hình dáng giống như Phật. Do vậy, các kinh phần nhiều liệt kê chúng Thanh Văn trước, sau đó mới nói đến hàng Bồ tát”).

Trong phần trước, chúng ta đã nói tới ý nghĩa này. Khi kết tập kinh tạng, 6 thứ thành tựu trong phần trước chính là lời chào đầu của đức Thế Tôn, liệt kê các vị thượng thủ hoàn toàn nhằm biểu thị pháp. Từ các vị Thanh Văn và Bồ tát, chúng ta liền biết tính chất của bộ kinh này.

Từ những vị biểu thị pháp, chúng ta sẽ thấy: Qua bộ kinh này, đức Thế Tôn muốn dạy chúng ta pháp môn nào. Như đã nói trong phần trước. Ngài Liễu Bốn Tế tượng trưng cho tự tính. Bốn tế là bản tính. Liễu là hiểu rõ. Nói theo cách này

giờ, liễu bốn tế chính là “minh tâm kiến tính, kiến tính thành Phật”, biểu thị ý nghĩa này, thành tựu trong một đời.

Thông thường, ta thấy những vị thượng thủ được nêu tên nhiều nhất là Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên, gần như mỗi bộ kinh đều có 2 Ngài, điều đó tượng trưng cho trí tuệ và thần thông trong tự tính, đồng thời biểu thị năng lực sẵn có của 6 căn chẳng có chướng ngại. Mắt thấy thì chúng ta có thể thấy khắp pháp giới hư không giới, có thể thấy tự tính. Có năng lực to dường ấy, căn tính của 6 căn đều chẳng thể nghĩ bàn. Ngài Ca Diếp biểu thị thiền tịnh bất nhị, Tôn giả A Nan biểu thị đa văn đệ nhất, khiến cho chúng ta trông thấy những vị ấy liền biết tính chất trọng yếu của bộ kinh này. Chúng ta học tập bộ kinh này sẽ có thể đạt tới cảnh giới như thế nào?

Nay, chúng ta xem tới phần *Chúng Bồ tát. “Hựu hữu Bồ tát Phổ Hiền”* (Lại có Bồ tát Phổ Hiền). Xếp Phổ Hiền trước Văn Thù giống như trong kinh *Hoa Nghiêm*. Kinh *Hoa Nghiêm* cũng xếp Ngài Phổ Hiền đầu tiên, Văn Thù thứ hai. Phổ Hiền tượng trưng Hành môn, Văn Thù tượng trưng Giải môn. Nói cách khác, bộ kinh này chú trọng thực hành, phải thật sự làm, chú trọng Hành môn.

Chúng ta đọc lời chú giải của Hoàng lão cư sĩ, “*Bồ tát nãi Phạm ngữ chi lược tồn*” (Bồ tát là nói tắt của tiếng Phạm). Đây là nói tới nguyên gốc của từ Bồ tát trong tiếng Phạm.

Người Trung Quốc chuộng đơn giản, nên đã rút gọn từ ngữ ấy. *“Cụ túc ưng vân Ma Ha Bồ Đề Chất Đế Tát Đỏa”* (Nói đầy đủ phải là Ma Ha Bồ Đề Chất Đế Tát Đỏa). Phía trước còn thêm Ma Ha. Ma Ha có nghĩa là đại. *“Bồ Đề Chất Đế Tát Đỏa”*. Ma Ha dịch là đại, Bồ đề dịch là đạo, Chất đế (Citta) dịch thành tâm, Tát đỏa (Sattva) dịch thành chúng sinh hoặc hữu tình, gộp lại là Đại đạo tâm chúng sinh. Trong giáo pháp Đại thừa, cách này được gọi là cổ dịch.

Nói đến cổ hay kim phải lấy Huyền Trang Đại sư làm đại biểu. Những nhà dịch kinh trước thời Ngài Huyền Trang Đại sư gọi là cổ dịch. Từ Huyền Trang Đại sư trở về sau gọi là kim dịch. Chúng ta đọc chú giải thấy nói cổ dịch hay kim dịch là theo ý nghĩa này, chứ kim dịch chẳng phải là dịch thuật theo lối hiện đại. Thời cổ dịch, Bồ tát là Đại đạo tâm chúng sinh. Huyền Trang Đại sư dịch từ ngữ này thành Giác hữu tình, vì Bồ đề (Bodhi) là giác ngộ, Tát đỏa (Sattva) là hữu tình chúng sinh. Tình của họ chưa đoạn, tức là chưa đoạn tình thức, vẫn chưa thể chuyển A Lại Da thành Đại viên kính trí, chưa chuyển 8 thức thành 4 trí.

Bậc Bồ tát như vậy được gọi là Bồ đề tát đỏa, đã giác ngộ. Nếu Ngài chuyển 8 thức thành 4 trí sẽ gọi là Ma Ha Tát. Ma Ha Tát là Pháp thân đại sĩ. Pháp thân đại sĩ là Phật, cho nên *“giản xưng Bồ đề tát đỏa, nghĩa vi Giác hữu tình”* (gọi đơn giản là Bồ đề tát đỏa, nghĩa là Giác hữu tình). Giác hữu tình là do Huyền Trang Đại sư dịch, trước thời

Huyền Trang Đại sư, từ ngữ ấy được dịch là Đại đạo tâm chúng sinh.

“Đồng Phật sở chứng chi vị Giác, vô minh vị tận chi vị Tình”
(Sở chứng giống như Phật thì gọi là Giác, chưa hết vô minh nên gọi là Tình). Ở chỗ này, hoàn toàn nói về hàng Pháp thân Bồ tát. Có sao nói Pháp thân Bồ tát chưa hết vô minh? Tập khí vô minh chưa hết, chứ vô minh đã thật sự đoạn xong, chẳng khởi tâm, không động niệm, nhưng tập khí vẫn có. Các Ngài ở nơi đâu? Các Ngài không ở trong mười pháp giới, mà ở ngoài mười pháp giới, trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Nói chư Phật Như Lai, nhưng thật ra là nói tới cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chính mình, vô minh đã đoạn, chứng đắc Pháp thân, 4 cõi Tịnh Độ ấy đều rõ ràng, rành rẽ.

Quý vị đến cõi Phương Tiện, hay đến cõi Đồng Cư, nhằm hóa độ chúng sinh. Ấy là do chúng sinh có cảm, tức là chúng sinh trong mười pháp giới có cảm. Tứ thánh pháp giới là cõi Phương Tiện. Lục đạo là cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Do chúng sinh có cảm, Bồ tát bèn ứng, cảm ứng đạo giao trọn chẳng sai chạy, rất chuẩn xác, hễ có cảm bèn có ứng. Cảm ứng có 4 loại. Trong phần trước, chúng tôi đã nói rồi, có 4 loại là Hiển cảm hiển ứng, Hiển cảm minh ứng, Minh cảm hiển ứng, Minh cảm minh ứng (Cảm và ứng rõ rệt; Cảm rõ rệt, ứng âm thầm; Cảm âm thầm, ứng rõ rệt; Cảm và ứng đều âm thầm). Phàm phu chúng ta phiền não quá nặng, tập

khí quá sâu, chúng ta có thể cảm Phật, Bồ tát hay không? Có cảm, các Ngài sẽ ứng, tuy có ứng nhưng chúng ta không biết.

Chúng ta là hiển cảm, các Ngài là minh ứng (ứng ngầm ngầm), minh cảm minh ứng (cảm lẫn ứng đều ngầm ngầm) chúng ta cũng không biết, đều chẳng thể nhận biết, nên Phật, Bồ tát âm thầm gia trì và che chở chúng ta. Nếu là hiển ứng thì sẽ rất rõ rệt, quý vị thấy, nghe, trong tâm cảm nhận, rất rõ rệt! Có những trường hợp cảm và ứng rõ rệt, chẳng phải là không có. Trong các đồng tu thường có những người như vậy. Những trường hợp ấy, đều thuộc loại Minh cảm minh ứng. Vì thế, chúng ta phải hiểu câu “*vô minh vị tận*” này có nghĩa là vị ấy chưa đoạn hết tập khí.

“*Hựu Giác thị sở cầu Phật đạo, Hữu tình thị sở hóa chúng sinh*” (Lại nữa, Giác là Phật đạo được mong cầu, Hữu tình là chúng sinh được hóa độ). Đây là một ý nghĩa khác của Giác hữu tình, nói theo phương diện giáo hóa chúng sinh. Phần trước là Tự thọ dụng, ở đây là Tha thọ dụng. Dùng gì để giáo hóa chúng sinh? Dùng Phật pháp. Vì thế, chúng ta thấy ở đây kinh điển đã ban cho chúng ta một tấm gương rất hay: Bồ tát giáo hóa chúng sinh, chẳng tách lìa giáo huấn của đức Phật. Bồ tát có thể nói không giống hệt như Phật, tức là lời lẽ có thể khác nhau, nhưng ý nghĩa chẳng khác! Đó là “*y nghĩa, bất y ngữ*” trong Tứ y pháp như đức Phật đã nói, chẳng giống như phức giảng. Phức giảng nhất định phải vừa y nghĩa lại còn y ngữ.

Bồ tát giáo hóa chúng sinh có thể y nghĩa, chẳng y ngữ thì quý vị mới có thể khế cơ; nếu không, sẽ chẳng khế cơ! Vừa y nghĩa vừa y ngữ là gì? Đó là phức giảng kinh do Phật, Bồ tát đã nói nhằm tạo tín tâm cho đại chúng, ta chẳng thay đổi một chữ nào do Phật, Bồ tát đã nói, hoàn toàn nói đúng như thế, nhằm kiến lập tín tâm, mang ý nghĩa này. Nếu giúp chúng sinh lý giải bèn sống động, linh hoạt, hãy nên thuận theo nghĩa, chứ không lập lại y hệt từ ngữ. Giải thích cho họ, kinh văn tuyệt đối chính xác, chẳng thêm vào một chữ nào, nhưng giảng giải thì sống động, linh hoạt, phải giảng ý nghĩa rõ ràng ngõ hầu người khác sẽ thật sự thấu hiểu. Do vậy, “*hữu tình*” là những chúng sinh được giáo hóa, những hữu tình chúng sinh ấy đều chưa đoạn tập khí phiền não.

“*Lợi sinh vi cấp, quảng độ quần sinh đồng đẳng đại Giác, cố vị Giác hữu tình*” (Gấp rút lợi sinh, rộng độ quần sinh chứng lên đại Giác, nên Bồ tát được gọi là Giác hữu tình), ý nghĩa này hay hơn ý nghĩa trong phần trước. Bồ tát thật sự phát tâm đại Bồ đề, lấy chuyện giúp đỡ và thành tựu người khác làm đầu, mong mỗi người khác được thành tựu trước, hy vọng người khác sớm thành tựu. Bồ tát Địa Tạng đại diện chuyện này, “*Địa ngục bất không, thệ bất thành Phật*” (Địa ngục chẳng trống, thề chẳng thành Phật).

Quý vị đọc kinh *Địa Tạng*, mở quyển kinh ra, sẽ thấy một điều chẳng hề thấy trong hết thảy các kinh khác: Trong số các vị thượng thủ của đại chúng tham dự pháp hội của Địa

Tạng Bồ tát, mười phương chư Phật Như Lai đều đến tham gia pháp hội. Chư Phật Như Lai là ai? Toàn bộ đều là học trò của Địa Tạng Bồ tát. Hết thầy học trò của Địa Tạng Bồ tát đều đã thành Phật, Ngài vẫn còn làm Bồ tát.

Điều này nhằm bảo chúng ta: Bồ tát phải nên có tâm lượng như vậy, chính mình thì cần gì phải lo sớm được thành tựu? Đúng là toàn tâm toàn lực giúp đỡ người khác. Giúp đỡ chúng sinh căn cơ chín muồi, khiến cho họ thành Phật trước; giúp kẻ căn tính chưa chín muồi được chín muồi, giúp kẻ thiếu căn tính gieo thiện căn. Tâm nguyện của Bồ tát viên mãn; đúng là chẳng bỏ một ai! Hữu duyên thì Bồ tát độ kẻ ấy. Vô duyên, Bồ tát bèn kết duyên với kẻ đó để đời sau, kiếp sau trở thành hữu duyên. Chúng ta phải học tập chuyện này. Đặc biệt là trong Đại thừa, nhất là Tịnh tông. Tịnh tông phải lấy bốn nguyện của Phật Di Đà làm nguyện lực của chính mình. Phật A Di Đà đúng là chẳng bỏ một ai. Vì thế, Bồ tát có nghĩa là Giác hữu tình. *“Bồ tát nhị tự tắc thị tối lược giả dã”* (2 từ Bồ tát là giản lược nhất), đó là tỉnh lược. Người xưa chuộng đơn giản, cho nên chỉ nói là Bồ tát, lược bớt âm cuối.

Tiếp đó, lời chú giải ghi: *“Vân hà vi Đại đạo tâm chúng sinh”* (Vì sao gọi là Đại đạo tâm chúng sinh?). Đây là giải thích cho chúng ta ý nghĩa của Bồ tát theo lối cổ dịch. *“Dĩ cụ tứ chủng đại cố”* (Do có đủ 4 thứ Đại). Bồ tát nhất định trọn đủ 4 thứ đại ấy. *“Tứ chủng giả”* (4 thứ là): *Thanh Lương Sớ* giảng rất khéo. *“Nhất giả, nguyện đại, cầu đại Bồ đề cố”* (Một

là nguyện đại vì cầu đại Bồ đề). Đây là điều kiện đầu tiên của Bồ tát. Chúng ta thường gọi đại nguyện này là “phát Bồ đề tâm”, đây là “nguyện đại”. Đối với Bồ đề tâm, nay chúng tôi nói rõ ràng hơn, thêm vào mấy chữ nữa. Tâm chân thành là Thể của Bồ đề tâm; bản thể của Bồ đề tâm là chân thành, chân thật, chẳng giả.

“Thành” (誠) là chẳng hư ngụy. Học Phật, nếu là học Đại thừa, đối với hết thảy người, đối với hết thảy sự, đối với hết thảy vạn vật, chúng ta nhất định phải dùng tâm chân thành. Tâm chân thành là Tự thọ dụng, tức là Thanh tịnh, Bình đẳng, Chính giác như đã nói trong nhan đề kinh chính là Tự thọ dụng. Đối với chính mình, dùng tâm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, giác, đối người khác là đại từ đại bi. Từ là ban vui. Bi là dẹp khổ. Chúng ta cần phải dùng trí tuệ như thế nào, phương pháp ra sao để giúp người khác lìa khổ được vui, đó là Bồ đề tâm.

Hiện thời, chúng sinh trong thế gian này gặp quá nhiều khổ nạn. Khổ nạn do đâu mà có? Do mê hoặc mà có. Đã biết như thế, chúng ta dùng phương pháp gì để giúp họ? Hãy giúp họ giác ngộ. Dùng phương pháp gì để giúp họ giác ngộ? Thân hành và ngôn giáo. Phật Thích Ca Mâu Ni suốt đời nêu gương, chúng ta nhìn vào đó phải hiểu, phải học theo Ngài. “Thân hành” tức là những gì Ngài đã nói, Ngài đều làm được toàn bộ, chẳng giả tí nào, trong và ngoài như nhau. Đức Phật có vì chính mình hay chẳng? Nói thật cùng quý vị, vì chính

mình! Hết thấy chúng sinh là chính mình. Ta và người chẳng hai, vì người khác mới là thật sự vì chính mình. Vì chính mình mà chẳng biết vì chính mình, như vậy là sai rồi. Vì thế, Ngài dạy chúng ta giác ngộ. Giác ngộ điều gì? Giác ngộ pháp môn Bất nhị.

Toàn thể vũ trụ là một Thể! Trong kinh *Hoa Nghiêm*, đức Phật dạy chúng ta: Hết thấy chúng sinh và chư Phật Như Lai có cùng một tâm, một nguyện, một trí tuệ, cho đến 10 lực, 4 vô úy, 18 pháp Bất Cộng, không có gì chẳng giống nhau. Trong giáo pháp Đại thừa, đức Phật dạy chúng ta hãy thật sự nhận thức chính mình, chính mình và toàn thể vũ trụ là một, chẳng hai, vĩnh viễn chẳng tách rời. Chúng sinh gặp nạn là chính mình bị khổ nạn. Chúng sinh là khổ là chính mình là khổ. Chúng sinh được vui là chính mình được vui. Ta và người chẳng hai. Do vậy, như thế nào thì quý vị sẽ có thể nhập Phật môn? Quý vị thấy trong kinh luận đã dạy: Buông 88 phẩm Kiến hoặc trong tam giới xuống, quý vị sẽ nhập môn.

88 phẩm Kiến hoặc chia thành 5 loại lớn, đầu tiên là Thân kiến, chấp trước thân này là ta; thân chẳng phải là ta, trật mất rồi! Chư Phật Như Lai minh tâm kiến tính, minh tâm kiến tính là chứng đắc Pháp thân. Pháp thân là gì? “Pháp” là hết thấy các pháp, hết thấy các pháp đều là thân của ta, đó là Pháp thân. Chấp trước thân này là ta, vứt bỏ thân khác, giống như đối với cái thân của quý vị, chấp trước một sợi

lông là ta, những thứ khác đều chẳng phải là ta! Chúng ta nói kẻ ấy mê mất rồi. Nay, chúng ta là kẻ mê, chẳng biết vạn sự vạn vật trong toàn thể vũ trụ và chính mình là một thể, một tâm, một trí tuệ.

Người kiến tính mới thật sự hiểu rõ, chẳng còn có phân biệt nữa, chăm sóc hết thấy chúng sinh giống như chăm sóc chính mình, coi hết thấy chúng sinh như người nhà, quyến thuộc của chính mình. Cách nhìn như vậy vẫn còn cách biệt một tầng, trên thực tế là chăm sóc chính mình. Mỗi vị Pháp thân Bồ tát đều có cách nhìn và cách nghĩ như vậy, vì sao? Chân tướng sự thật là như vậy. Trước kia, chúng ta đã học bộ *Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán* của Hiền Thủ Đại sư, chẳng phải là chuyện này đã được Ngài giảng rất rõ ràng, mình bạch rồi hay sao? Từ một Thể khởi 2 tác dụng, một Thể là tự tính. Quý vị thấy đầu kinh này nêu tên Ngài Liễu Bồn Tế, tức Tôn giả Kiều Trần Như. Bồn tế là lý thể. Sách *Hoàn Nguyên Quán* gọi Bồn tế là “*Tự tính thanh tịnh viên minh thể*”. Y báo và Chính báo trang nghiêm đều do tự tính biến hiện, cùng một Thể, có sao quý vị nói chúng chẳng phải là chính mình? Há có lẽ ấy!

Trong giáo pháp Đại thừa, đức Phật thường bảo: “*Hết thấy các pháp sinh từ tâm tưởng*”. Tâm là chính mình. Thức là chính mình. Tâm là chân tâm của chính mình. Thức là vọng tâm của chính mình, chân - vọng chẳng hai! Đức Phật bảo chúng sinh đã mê rồi. Mê ở chỗ nào? Mê ở chỗ này, chẳng

biết hết thấy các pháp do tính thức của chính mình biến hiện, đẩy lên phân biệt, chấp trước. Đối lập ở trong ấy, nảy sinh mâu thuẫn, là trật mất rồi, lầm lẫn quá đỗi! Kinh Phật dạy những đạo lý này, nói về những chân tướng sự thật này. Nếu những nhà khoa học hiện thời có thể tìm hiểu kinh Phật, tôi tin tưởng cảnh giới của họ sẽ được nâng cao với một mức độ lớn, nhập vào cảnh giới của Phật, Bồ tát. Trong Lượng tử lực học đã nói đến A Lại Da, chỉ cần chuyển A Lại Da thành Đại viên kính trí, họ bèn viên thành Phật đạo. Cách chuyển ra sao? Buông xuống là chuyển. Buông khởi tâm động niệm xuống, thông đạt, hiểu rõ hết thấy các pháp. Đây là quả vị của Như Lai, trong Phật pháp gọi chuyện này là “chứng đắc”.

Nguyên đại thì chẳng thể không có đại nguyên. Nghĩ đến chính mình, nhất định phải nghĩ đến chúng sinh, nhất là chúng sinh đang mê hoặc, điên đảo. Chúng ta dùng phương pháp gì để giúp họ giác ngộ? Hiện thời, chúng sinh tham đắm, tham tài, tham sắc, bản thân chúng ta hãy buông những thứ ấy xuống, buông tự tư, tự lợi xuống, buông tiếng tăm, lợi dưỡng xuống. Rất muốn buông xuống, nhưng buông chẳng được là do nguyên nhân nào? Trong Phật pháp thường nói: *“Nghệp chướng của chính mình quá nặng”*. Thật đấy, chẳng giả đâu! Nguyên nhân thứ hai là do chưa hiểu rõ chân tướng sự thật! Nghiệp chướng sâu nặng là Phiền não chướng, chưa hiểu rõ chân tướng là Sở tri chướng, đó là nhị chướng. Phật Thích Ca Mâu Ni vì chúng ta thị hiện thân hành, ngôn giáo.

Thân hành giúp chúng ta phá Phiền não chướng. Ngôn giáo giúp chúng ta phá Sở tri chướng.

Ân đức của Phật đối với chúng ta quá lớn. Vấn đề là chúng ta phải khéo học, phải biết học, biết học thì quý vị sẽ tiến bộ rất nhanh. Thế nào là biết học? Biết học là quý vị hiểu rõ rồi thật sự làm, đó gọi là “biết”. “Thật sự làm” là gì? Buông xuống là thật sự làm, thấy thấu suốt là hiểu rõ. Chúng ta hãy nghĩ xem, Phật Thích Ca Mâu Ni có thứ gì chẳng buông xuống được? Ngài suốt đời nêu gương cho chúng ta, thật sự buông xuống. Quý vị thấy bản thân Ngài có tự tư, tự lợi hay chẳng? Có thấy tiếng tăm, lợi dưỡng hay chẳng? Nơi thân đức Phật có tập khí tham, sân, si, mạn hay không? Còn có hiện tượng tham luyến ngũ dục, lục trần hay chẳng? Chúng ta nhìn kỹ lưỡng, hoàn toàn chẳng có! Thuở tại thế, đức Thế Tôn thường ở dưới cội cây, chẳng ở trong nhà. Toàn bộ đều làm cho chúng ta thấy, đặc đại tự tại. Nếu nói theo cách bây giờ, sự tự tại ấy chính là trong tâm chẳng lo nghĩ, chẳng có áp lực tinh thần, thân tâm khỏe mạnh, đặc đại tự tại.

Điều thứ hai là Hạnh đại. Hạnh đại chính là “*Nhị lợi thành tựu cố*” (Do thành tựu tự lợi và lợi tha), thật sự làm, y giáo tu hành. Nhị lợi là tự lợi và lợi tha, là cùng một chuyện. Lợi tha chính là tự lợi. Tự lợi chính là lợi tha, nhất quyết chẳng tách rời! Nay, chúng ta chưa làm được, tự và tha tách rời, giới hạn rạch ròi; đấy là nguyên nhân khiến cho chúng ta vĩnh viễn chẳng nhập môn. Nếu chúng ta thật sự biết tự tha bất nhị,

sẽ nhập môn chẳng khó! Nay, ta tự lợi. Nay, ta nói cuộc sống của cá nhân ta là tự lợi. Ta ăn uống mỗi ngày chỉ nhằm duy trì thân mạng, quần áo nhằm giữ cho ta ấm áp. Đó là tự lợi, chẳng sai! Nhưng vì sao ta cần tới thân thể này? Cần tới thân thể này nhằm phục vụ người khác. Đó là lợi tha, là bất nhị.

Vì sao ta hiện thời dừng mãnh học hành khó nhọc ở nơi đây? Ta học thành công, sẽ nêu gương cho kẻ khác nhìn vào; giảng giải những đạo lý và chân tướng sự thật ấy cho kẻ khác nghe, đó là lợi tha, là một, chẳng hai! Nếu sau khi ta học thành công, trong tương lai làm đại pháp sư, trong tương lai sẽ đạt được tiếng tăm, lợi dưỡng trong Phật môn, là trật rồi! Như vậy là quý vị đã hoàn toàn đi ngược lại Phật pháp. Vì sao? Quý vị có hai, Phật pháp chẳng hai. Hãy vĩnh viễn ghi nhớ: Nhập pháp môn Bất Nhị. Ta thấy người khác nay đang chịu khổ mắc nạn, chính mình phải dụng công gấp bội. Vì sao? Ta thành tựu sớm một ngày, kẻ ấy sẽ chịu khổ ít hơn một ngày. Ta thành tựu chậm một ngày, người ấy phải chịu khổ thêm một ngày!

Người khổ nạn đông như thế đang ở trước mặt, đốc thúc quý vị ngay lập tức dụng công. Quý vị trông thấy, chẳng thể không nỗ lực, chẳng thể không nghiêm túc. Vì thế, những chúng sinh khổ nạn ấy đang thị hiện trước mặt chúng ta, đốc thúc chúng ta nghiêm túc thật sự tu tập hồng sớm có ngày thành tựu. Quý vị nói xem họ là phàm phu hay là Phật? Chẳng phải là Phật, chẳng phải là phàm phu, tùy thuộc quý vị có cách nhìn như thế nào! Nếu quý vị có cách nhìn giống

như Thiện Tài đồng tử, trừ chính mình ra, hết thấy chúng sinh đều là thiện tri thức, đều là thầy của chính mình thì sau khi thành tựu cũng giống hết như chư Phật, Bồ tát, thị hiện đủ mọi hình tướng hồng giúp đỡ chúng sinh có căn cơ chín muồi. Ta và người phân chia theo cách nào? Thật sự là chẳng tách rời! Đây là cửa ải đầu tiên để người thật sự học Phật khế nhập cảnh giới của Phật, rất khó đột phá cửa ải này, không có đại nguyện và đại hạnh sẽ rất khó khăn.

Thứ ba, *“Thời đại, kinh tam vô số kiếp cố”* (Thời đại, vì trải qua 3 lần vô số kiếp). Kiếp (kalpa) là đơn vị thời gian rất dài, phải trải qua bao nhiêu kiếp? Vô số kiếp, lại còn phải trải qua 3 lần vô số kiếp, nên đây là một công việc lâu dài, chẳng phải là một khoảng thời gian ngắn ngủi. Chúng ta phải biết: Tu hành trong thế giới này phải trải qua thời gian dài ngàn ấy. Chúng ta mong sớm có ngày thành tựu, hồng sớm có ngày giúp đỡ chư Phật Như Lai hóa độ chúng sinh, giống như Văn Thù, Phổ Hiền, Ca Diếp, A Nan.

Chúng ta thấy người khác thành Phật, bèn thị hiện làm đệ tử hay làm ngoại hộ của người ấy, khẳng định là như thế, thành tựu đại nghiệp hóa độ chúng sinh của Phật Đà. Phải mong rút ngắn thời gian, phải nghe lời đức Phật khuyến cáo, cầu sinh Tây Phương Cực Lạc thế giới, gần gũi Phật A Di Đà, thời gian sẽ được rút ngắn với một mức độ to lớn. Quý vị thấy ở đây là *“trải qua ba vô số kiếp”*. Kinh *Quán Vô Lượng Thọ* nói niệm Phật vãng sinh thế giới Cực Lạc sẽ đạt

phẩm vị gì? Hạ phẩm hạ sinh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, là phẩm vị thấp nhất trong thế giới Cực Lạc. Tu hành trong thế giới Cực Lạc, phải tu bao lâu mới viên mãn thành Phật? Trong kinh, đức Phật bảo là 12 kiếp. Kẻ hạ hạ phẩm vãng sinh về cõi Phàm Thánh Đồng Cư, đến thế giới Cực Lạc, 12 kiếp sẽ viên mãn, chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. 3 lần vô số kiếp so với 12 kiếp, thời gian rút ngắn khiến chúng ta chẳng dám tưởng tượng nổi! Thật đấy, chẳng giả đâu! Đức Phật chắc chắn chẳng vọng ngữ, chúng ta phải tin tưởng!

Do vậy, sau khi hiểu rõ chân tướng sự thật này, nhiều vị cổ đại đức xưa kia đã buông hết những kinh giáo và pháp môn khác xuống, suốt đời hành một môn này. Rất nhiều vị cổ đại đức cả đời niệm một bộ kinh *Vô Lượng Thọ*, niệm một câu A Di Đà Phật, những vị đó ai nấy đều vãng sinh. Còn nữa, tuyệt đại đa số trong ấy, có thể nói là đến 8 hay 9 phần trong 10 phần, tỷ lệ như vậy đó, 3 năm đã làm xong.

Căn cứ vào đâu mà chúng ta có con số ấy? Từ *Tịnh Độ Thánh Hiền Lục*, từ *Vãng Sinh Truyện* trong *Đại Tạng Kinh*. Quý vị thấy người xuất gia, kẻ tại gia niệm Phật vãng sinh phải niệm bao lâu? 3 năm hoặc 5 năm bèn thành công, đã vãng sinh. Chúng ta hiểu rất rõ ràng, nhất định chẳng phải là họ niệm Phật 3 năm hoặc 5 năm, do đã hết tuổi thọ nên vãng sinh, chẳng phải vậy! Mà do chính mình công phu đã thành tựu, thỉnh cầu Phật A Di Đà đến tiếp dẫn sớm hơn. Các điều kiện đã hội đủ rồi, đã thực hiện Tín - Nguyện - Hạnh viên mãn,

thật sự tin tưởng, thật sự phát nguyện cầu sinh thế giới Cực Lạc, thân cận Phật A Di Đà, ta muốn học hết thầy kinh luận, pháp môn thì đến thế giới Cực Lạc sẽ lại được học.

Trước tiên, ở thế giới này, chỉ giữ lấy thế giới Cực Lạc, hoàn toàn chẳng quan tâm đến những điều khác. Như thế thì sẽ thành tựu với tốc độ nhanh chóng ngàn ấy. Chuyện này là thật, chẳng giả. Ngoài *Vãng Sinh Truyện*, *Tịnh Độ Thánh Hiền Lục* và bút ký của cổ nhân ra, trong một đời này, chúng tôi đã thật sự thấy chuyện này: Người đứng vãng sinh, ngồi vãng sinh, đều là biết trước lúc mất, lâm chung chẳng ngã bệnh, ra đi tự tại và tiêu sái đường ấy, chẳng phải là lừa người. Họ là hạng nhất trong những người học Phật. Ngài Kiều Trần Như làm đại biểu, là đệ tử bậc nhất của Như Lai.

Điều kiện thứ tư là “*Đức đại, cụ túc Nhất thừa chư công đức cố*” (Đức đại, do trọn đủ các công đức Nhất thừa). Nhìn vào 4 điều đại này, đức đại khó lắm! Chúng ta phải như thế nào mới trọn đủ hết thầy công đức Nhất thừa? Thừa quý vị, thật sự phát Bồ đề tâm, một bề chuyên niệm, tôi chẳng nói nhất tâm. Nhất tâm chẳng dễ gì làm được, mà là nhất hướng (một bề). Nhất hướng chuyên niệm, quý vị sẽ trọn đủ các công đức Nhất thừa. Nhất thừa là một Phật thừa. Chỉ cần trong tâm quý vị có Phật A Di Đà, sẽ trọn đủ các công đức Nhất thừa, chẳng phải là Đại thừa. Đại thừa chẳng sánh bằng Nhất thừa. Đại thừa là Bồ tát. Nhất thừa là chư Phật Như Lai. Công đức thù thắng khôn sánh, chẳng khó khăn gì!

Hiện thời, mọi người đều biết, trên quả địa cầu này phát sinh tai nạn. Các khoa học gia thuộc Cơ quan Hàng không và Vũ trụ của Mỹ (NASA), đã cho biết rất có thể là Ngân hà sẽ thẳng hàng^[1], giống như người Mã Nhã (Maya) đã tiên đoán, họ nói vào năm 2012. Các khoa học gia thuộc cơ NASA nói không phải là 2012 mà là 2013, họ cũng cảnh cáo, một cơn bão mặt trời có thể gây tổn hại nghiêm trọng cho địa cầu. Tất cả các thiết bị khoa học rất có thể bị mất điện, toàn thể địa cầu mất điện. Phàm những máy móc dùng điện, như máy bay, tàu thủy trong hiện thời, hệ thống thông tin, vệ tinh truyền thông

[1] Đây là một hiện tượng “giả thuyết” được mệnh danh gọi là Galactic Aligment. Trong Thái Dương Hệ, mặt trời và các hành tinh hầu như cùng thuộc một mặt phẳng thường được gọi là mặt phẳng hoàng đạo (plane of ecliptic). Nhìn từ trái đất, hoàng đạo chính là quỹ đạo mà mặt trời chuyển động trên bầu trời để mọc và lặn mỗi ngày (do trong thực tế, trái đất xoay quanh mặt trời, chứ không phải mặt trời xoay quanh trái đất, nên sự “chuyển động” của mặt trời trên “hoàng đạo” được gọi là chuyển động biểu kiến). Trên hoàng đạo có 12 chòm sao mà mặt trời phải lần lượt đi qua (do vậy, từ vi Tây Phương mới lập ra khái niệm 12 cung hoàng đạo, thường gọi là Zodiac).

Theo chu kỳ, mặt trời sẽ chậm lại một độ vào mỗi 72 năm, tức là chậm lại một cung hoàng đạo mỗi 2.160 năm. Sự thay đổi này được gọi là Tuế Sai (Precession). Sau khoảng 26.000 năm, Bắc Cực sẽ vạch đủ một vòng tròn, tức là mặt trời bị chậm lại đúng 360 độ. Thuyết “Ngân Hà thẳng hàng” được một người chuyên chủ trương chủ nghĩa bí truyền là John Major Jenkins (ông này chỉ là một nhà văn, không trực thuộc một cơ quan nghiên cứu hàng không vũ trụ nào và cũng chẳng có học vị gì về thiên văn) đưa ra vào năm 1990 dựa trên sự kiện lịch cổ của người Maya chấm dứt vào ngày Đông chí năm 2012, tức ngày 21 tháng 12. Jenkins cho rằng người Maya đã quan sát Great Rift, tức một đám mây bụi tối dọc theo Ngân hà, họ gọi nó là Xibalba. Jenkins cho rằng người Maya đã nhận biết sự giao nhau giữa Great Rift và đường hoàng đạo.

Theo giả thuyết đó, mặt trời sẽ thẳng hàng chính xác với đường xích đạo của Ngân hà vào ngày Đông chí năm 2012. Từ đó, những người theo chủ nghĩa Mật thể (Tận thể) cũng như theo trào lưu New Age cho rằng năm 2012 sẽ đánh dấu một kỷ nguyên mới, kết thúc thế giới hoặc vô số tai ương. Họ còn cho rằng mặt trời sẽ có bão từ cực đại hoặc thế giới sẽ hủy diệt do va chạm của trái đất với một lỗ đen hay hành tinh Nibiru (các nhà thiên văn không công nhận có hành tinh này). Các nhà thiên văn như David Morrison chẳng hạn cho rằng xích đạo của Ngân hà không cố định và không bao giờ có thể vẽ chính xác, do đó, khó thể có hiện tượng Ngân hà thẳng hàng. Dựa trên niềm tin này, rất nhiều thuyết tận thể được đưa ra và đều gán cho NASA như cơ quan thẩm quyền đã lưu hành tuyên bố đó. Nhưng nếu ta kiểm lại trong trang nhà của NASA thì không hề thấy những thông tin đó! NASA phải dành riêng một vài trang để trả lời về câu hỏi liệu thế giới có chấm dứt vào năm 2012 hay không (tham khảo <http://www.nasa.gov/topics/earth/features/2012.html>).

Đồng thời, những nhà nghiên cứu văn hóa Maya cũng cho biết trong các thư tịch của người Maya không hề thấy nhắc đến thuyết tận thể như những nhà “giả khoa học” khẳng định.

hoàn toàn chẳng sử dụng được, giống như tòa cao ốc chúng ta đang ở, thang máy chẳng chạy, những đồ dùng bằng điện trong gia đình đều ngưng hoạt động, đèn điện chẳng thắp sáng, điện thoại chẳng hoạt động, mang lại ngàn ấy khó khăn cho chúng ta! Tai nạn ấy phỏng chừng mất bao lâu mới có thể khắc phục? Phỏng đoán là phải 10 năm mới có thể khôi phục, chuyện này phiền phức rất lớn.

Chúng ta ban ngày chẳng nhìn thấy mặt trời, một bầu đen kịt^[2]. Họ nói trong khoảng thời gian phỏng chừng từ

[2] Những điều này không hề thấy trong các thông tin về bão mặt trời (Solar flare). Năm 1989, một cơn bão mặt trời đã khiến cho hệ thống điện tại Quebec ngưng hoạt động trong vòng vài giờ. Bão mặt trời là hiện tượng bình thường trong chu kỳ hoạt động 11 năm của mặt trời. Mặt trời phóng ra một lượng lớn điện tử, ion và nguyên tử tạo thành một đám mây từ tính gây ảnh hưởng đến các tinh tú trong Thái Dương Hệ. Nó sẽ gây ra các trận bão địa từ (geomagnetic storm) trên trái đất, khiến các thiết bị điện tử và mạng điện bị ảnh hưởng, nhiễu loạn hệ thống radio sử dụng các làn sóng ngắn, phi thuyền v.v... nhưng không làm cho bầu trời tối đen như trong các “báo cáo khoa học” của những người theo chủ thuyết tận thế. Mặt trời đã hoạt động rất mạnh trong ngày 13 tháng 7 vừa qua, nhưng chúng ta chẳng thấy có tổn thất gì đáng kể!

Những thông tin được nói ở đây là do Hòa thượng Tịnh Không đọc từ các báo cáo được đăng tải tùy tiện trên Internet do các đồng tu in ra, đưa cho Ngài. Các vị đồng tu ấy nhiều khi không suy xét kỹ, không kiểm tra kỹ lưỡng tính chính xác của các thông tin ấy từ các cơ quan khoa học có thẩm quyền, mà chỉ dựa vào những lời quyết đoán của các nhà giả khoa học đội lốt các nhà nghiên cứu. Chẳng hạn như bà Lynne McTaggard, một tác giả thường viết nhiều về tận thế, đã được các trang nhà (homepage) của người Hoa viết về tận thế gán cho danh hiệu là một “khoa học gia người Mỹ nổi tiếng”, thật ra chỉ là một nhà báo, một nhà diễn giảng không chuyên nghiệp, chưa hề làm việc tại một trường đại học nào, chưa từng có công trình nghiên cứu nào, chỉ tự tuyên bố đã tự chữa được căn bệnh “nan y” của chính mình, và in cuốn *What Doctors Don't Tell You* để chỉ trích việc chích vaccine cho trẻ nhỏ, cũng như xuất bản nhiều sách để trình bày luận thuyết, suy diễn của chính mình về vũ trụ, thiên văn v.v...

Các “công trình nghiên cứu” của bà ta đã bị phê bình là lẫn lộn giữa kiến thức thật sự và những niềm tin vô căn cứ, kiến thức lỏng lẻo, sai lạc, chẳng hạn lầm lẫn thuốc cúm Tamiflu với vaccine, cũng như kết tội một loại vaccine chống cúm không hề tồn tại, đồng thời chứa đựng rất nhiều hiểu biết sai lầm về khoa học lượng tử. Do đại chúng xôn xao về chuyện này, Hòa thượng Tịnh Không bèn tiện dịp khuyên chúng ta hãy vững tâm tinh tấn tu hành hơn, tranh thủ thời gian tích cực tu hành mong sớm vãng sinh hồng viên thành Phật đạo. Nếu đọc kỹ, chúng ta sẽ thấy Ngài khuyên chúng ta nên tinh tấn tu hành, đừng hoảng sợ.

Nếu Ngài thật sự tin thế giới hủy diệt thì trong đoạn sau, Hòa thượng sẽ chẳng nói: “Vì thế, tôi dùng thời gian này để cùng mọi người học kinh *Đại Thừa Vô Lượng Thọ*, hy vọng bộ kinh này có thể lưu truyền hậu thế, tôi tin tưởng [kinh này sẽ] phổ độ các chúng sinh trong hơn tám ngàn năm nữa” và “thầy bảo tôi, phải có lòng tin nơi Phật, Phật pháp sẽ chẳng diệt vong, cũng có nghĩa là thế giới này chẳng phải sẽ chấm dứt như người ngoại quốc nói. Có tai nạn là thật, nhưng chẳng thế tận thế, trong nhà Phật chẳng có thuyết tận thế”.

3-4 tháng đến nửa năm chẳng thể thấy mặt trời, có thể sẽ gặp tai nạn như vậy. Vì thế, người học Phật chúng ta, tôi thường nói với mấy đồng tu khá gần gũi đôi chút, trong tâm chúng ta chẳng kinh hãi tí nào, chẳng hề hoảng sợ, chúng ta chẳng tham sống, sợ chết, chúng ta phải định kỳ hạn vãng sinh vào lúc nào? Nhằm cuối năm 2012.

Nếu chuyện ấy phát sinh, thì chúng ta đã đi trước rồi. Tai nạn ấy hữu ích cho chúng ta, giúp chúng ta tiến hơn, thúc chúng ta phải nhanh chóng tu hành kéo trễ tràng chẳng kịp, lại phải luân hồi. Luân hồi rất khổ, ta chẳng còn luân hồi nữa! Thời gian của chư vị còn dài lắm, sống thọ cả trăm tuổi, hãy nghĩ thọ mạng của ta chỉ có 2 năm, thời gian đã định rồi, cũng là biết trước lúc mất, triệt để buông xuống, chuyện đáng làm là hãy nhanh chóng tích công lũy đức, chớ nên làm chuyện hồ đồ nữa! Vì thế, tôi dùng thời gian này để cùng mọi người học kinh Đại thừa *Vô Lượng Thọ*. Hy vọng bộ kinh này có thể lưu truyền hậu thế. Tôi tin tưởng kinh này sẽ phổ độ các chúng sinh trong hơn 8.000 năm nữa. Pháp sẽ chẳng bị diệt, chúng sinh quay đầu thì Phật, Bồ tát bèn đến! Chúng ta liễu giải kinh *Vô Lượng Thọ* và danh hiệu Phật A Di Đà có công đức chẳng thể nghĩ bàn!

Chúng ta xem tiếp đoạn dưới: “*Thử diệt hàm nhiếp Pháp Hoa chi lục đại*” (Điều này cũng bao gồm giáo nghĩa lục đại trong *Pháp Hoa*). Trong bản chú giải kinh *Pháp Hoa* của Trí Giả Đại sư có nói tới lục đại.

Điều thứ nhất trong lục đại là “*Tín đại pháp*”. Pháp môn này là đại pháp. Không có pháp môn nào có thể phổ độ chúng sinh trong 9.000 năm cuối thời Mạt pháp của đức Thế Tôn, chỉ có pháp này. Cổ đại đức đã chứng minh cho chúng ta thấy *Hoa Nghiêm* và *Pháp Hoa* đến cuối cùng đều quy vào Tịnh Độ, đều quy vào kinh *Vô Lượng Thọ*, chứng tỏ pháp này là đại pháp, phải tin tưởng, nhất quyết đừng hoài nghi.

Điều thứ hai là “*Giải đại nghĩa*”. Ngày nay, chúng ta may mắn đường ấy, suốt 2.000 năm qua, kinh *Vô Lượng Thọ* chẳng có một bản hoàn thiện. Quý vị đọc các bản dịch gốc cảm thấy rất khó khăn, đâu có bản nào đọc trôi chảy, thông suốt, hoan hỷ, chẳng có chướng ngại như bản này! Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ lại viết lời giảng nghĩa để giảng giải, đó là *Giải đại nghĩa*.

Điều thứ ba là “*Phát đại tâm*”. Phát đại tâm là thật sự phát tâm cầu sinh Tịnh độ.

Điều thứ tư là “*Xu đại quả*” (tiến đến đại quả), tức là một phương hướng, một mục tiêu, một bề chuyên niệm, hết thấy thời, hết thấy chỗ, trong tâm thường nghĩ đến Phật A Di Đà, trong tâm thật sự có Phật.

Điều thứ năm và sáu là “*Tu đại hạnh. Chứng đại đạo*”. Mỗi ngày đọc tụng, niệm Phật chính là tu đại hạnh. Vãng sinh Tây Phương Cực Lạc thế giới, cho dù là hạ hạ phẩm vãng sinh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư cũng là chứng đại đạo.

Vì sao? 12 kiếp bèn viên mãn. *“Dĩ cụ thượng thuật chư đại cố, danh vi Đại đạo tâm chúng sinh”* (Do trọn đủ các điều đại như đã nói trên đây, nên gọi là Đại đạo tâm chúng sinh), giải thích từ ngữ Bồ tát như vậy đó.

Tiếp đó, cụ Niệm Tổ giới thiệu Bồ tát Phổ Hiền (Samantabhadra). *“Phổ Hiền diệc danh Biến Cát”* (Phổ Hiền còn gọi là Biến Cát). Biến (遍) là phổ biến, trọn khắp pháp giới hư không giới; Cát (吉) là cát tường. *“Thanh Lương Sớ vị Phổ Hiền hữu tam”* (Thanh Lương Sớ giảng có 3 loại Phổ Hiền). Nói đến 3 loại, nhưng trên thực tế, Phổ Hiền rất nhiều.

Thưa quý vị, người thật sự phát tâm niệm Phật cầu sinh Tây Phương Cực Lạc thế giới, người ấy chính là Bồ tát Phổ Hiền. Vì sao? Nhan đề của phẩm thứ hai trong kinh này là *Đức Tuân Phổ Hiền*, chúng ta biết Tây Phương Cực Lạc thế giới là cảnh giới của pháp môn Phổ Hiền. Những vị Bồ tát trong thế giới Cực Lạc đều có thể gọi là Bồ tát Phổ Hiền. Chúng ta phát nguyện cầu sinh Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn là Bồ tát Phổ Hiền. Chúng ta chưa tu 10 đại nguyện của Bồ tát Phổ Hiền, nhưng một câu A Di Đà Phật đã gồm trọn 10 đại nguyện, chẳng thể nghĩ bàn. Đức đại, tức là đức của Phổ Hiền Đại sĩ ở ngay trong một câu danh hiệu này, nói cặn kẽ là trong bộ kinh *Vô Lượng Thọ* này toàn là nói về đức của Phổ Hiền Đại sĩ, tuyệt diệu thay! Từ *“Thanh Lương”* chỉ bộ *Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao*, trong bộ *Sớ giải kinh Tứ Thập Hoa Nghiêm* của Ngài Thanh Lương có câu: *“Đệ nhất cá vị tiền,*

đản phát Phổ Hiền tâm” (Thứ nhất là vị tiền, chỉ phát tâm Phổ Hiền).

Nay, chúng ta phát tâm niệm Phật cầu sinh Tịnh độ, đó là tâm Phổ Hiền. Nay, chúng ta là vị tiền Phổ Hiền. Thứ hai là “*Vị trung*”, tức là đang thuộc vào địa vị này, đó là Đẳng Giác Bồ tát. Thứ ba là “*Vị hậu*”. Vị hậu là đã thành Phật. “*Thành Phật bất xả nhân hạnh*”, có nghĩa là “*vị thành Phật nhưng bất xả nhân địa đích tu hành*” (ý nói đã thành Phật, vẫn chẳng bỏ sự tu hành trong lúc tu nhân). Thành Phật, đặc quả tức là thành Phật. Sau khi thành Phật, vẫn dùng thân phận Bồ tát để giúp Phật A Di Đà tiếp dẫn chúng sinh trong mười phương cõi nước. Dùng thân phận Bồ tát, vì thân phận Bồ tát thuận tiện; thân phận Phật chẳng thuận tiện.

Phật là sư đạo. Sư đạo là tôn sư trọng đạo, chẳng thuận tiện. Bồ tát là đồng học. Bồ tát và chúng sinh sẽ được hóa độ là đồng học lớp trước và lớp sau, thuận tiện rất nhiều! Vì thế, chư Phật Như Lai giáo hóa chúng sinh, rất ít khi dùng thân phận Phật, mà dùng thân phận Bồ tát, như 32 ứng thân đã nói trong *Quán Thế Âm Bồ tát Phổ Môn Phẩm*, nên dùng thân gì để độ kẻ khác bèn thị hiện thân ấy. Thấy đều là Bồ tát Phổ Hiền .

“*Sớ vị Phổ Hiền chi nghĩa vi: Quả vô bất cùng viết Phổ, bất xả nhân địa viết Hiền*” (Lời sớ giảng ý nghĩa của danh hiệu Phổ Hiền: “Quả không gì chẳng cùng tốt là Phổ, chẳng bỏ sự

tu hành trong lúc tu nhân là Hiền”), tách 2 từ ra để giảng. *“Thử tức vị hậu chi Phổ Hiền, thị vi Như Lai chi hóa hiện dã”* (Đây là vị hậu Phổ Hiền, do Như Lai hóa hiện). Hóa thân của Phật, toàn bộ 32 ứng thân là hóa thân của Phật. Dầu hóa hiện làm Phật, vẫn là hóa thân. Thuở tại thế, thân của Phật Thích Ca Mâu Ni là thân gì? Ứng hóa thân, chẳng phải là báo thân. Chúng ta chẳng thấy báo thân. Báo thân quá lớn. Báo thân của Phật có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo.

Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ thấy báo thân của Phật A Di Đà. Quý vị phải biết: Thấy được báo thân của Phật A Di Đà tức là bản thân quý vị đã chứng đắc báo thân. Nếu quý vị chẳng chứng đắc báo thân, sẽ chẳng thể thấy báo thân của Phật. Do vậy, nói chung, thấy Phật trong cõi Đồng Cư, thì vẫn là thấy ứng hóa thân. Tới khi nào sẽ thấy báo thân của Phật? Minh tâm kiến tính. Cũng chính là như tôi vừa mới nói: Hạ hạ phẩm vãng sinh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, tu hành nơi ấy 12 kiếp, quý vị chứng đắc báo thân. Do quý vị đã thành Phật, nên trong Tây Phương Cực Lạc thế giới quý vị thấy báo thân của Phật A Di Đà.

Lúc ấy, mới thật sự là A Duy Việt Trí Bồ tát. Trước lúc đó, A Duy Việt Trí Bồ tát của quý vị là do bốn nguyện và oai thần của Phật A Di Đà gia trì, chẳng phải là quý vị thật sự đạt được, nhưng trí tuệ, thần thông, và đạo lực của quý vị chẳng khác A Duy Việt Trí Bồ tát. Trong thế giới của mười phương chư Phật chẳng có điều tốt đẹp này, chỉ riêng thế

giới Cực Lạc là có. Quý vị hãy suy nghĩ, có nên sang nơi ấy hay chẳng? Không chỉ nên đi, mà còn nên đi ngay cho nhanh. Đừng lưu luyến thế gian này nữa! Lưu luyến thế gian này, nếu chính mình chẳng vững vàng, quý vị chẳng thể nào không tạo nghiệp. Do đó, quý vị phải suy nghĩ cẩn thận về sự khác biệt một trời một vực giữa lẽ lợi - hại, được - mất trong 2 chỗ tu hành này. Kẻ thông minh phải nên biết chọn lựa như thế nào!

“Chí ư Hội Sớ vân” (Còn như sách *Hội Sớ* nói). *Hội Sớ* là bản *Chú giải kinh Vô Lượng Thọ* của người Nhật, có những câu như thế này cũng nhằm giải thích danh hiệu Phổ Hiền: *“Thế biến pháp giới”* (Thế trọn khắp pháp giới). Đó là ý nghĩa Phổ. *“Vị lân cực thánh”* (Địa vị gần với bậc thánh tốt bậc), nên gọi Hiền. Đây cũng là vị trung Phổ Hiền, tức Đẳng Giác Bồ tát. Giảng rõ cho chúng ta biết ý nghĩa của Bồ tát Phổ Hiền .

“Hội Sớ hựu vân: Năng đạo ngự nhất thiết” (Sách *Hội Sớ* lại nói: “Có thể hướng dẫn, chế ngự hết thảy”). Đạo (導) là dẫn đạo (引導: hướng dẫn), chỉ đạo. Ngự (御) là thống ngự (統御: cai quản, kiểm chế), mang ý nghĩa dẫn dắt, lãnh đạo. *“Nhất thiết”* chỉ chúng sinh. Đối với chúng sinh thuộc mười pháp giới trong hết thảy các cõi Phật đều có năng lực giúp đỡ, chỉ dạy, dìu dắt chúng sinh. *“Phát thập đại nguyện vương, nguyện Tây Phương vãng sinh, đặc dục tán Di Đà”* (Phát ra 10 đại nguyện vương, nguyện vãng sinh Tây Phương hồng

đặc biệt khen ngợi, giúp đỡ đức Di Đà). Giúp đỡ Phật A Di Đà, “*cố ư thử kinh thị vi thượng thủ*” (nên trong kinh này, Ngài là thượng thủ).

Trong kinh này, Ngài đứng đầu trong các vị Bồ tát nhằm biểu thị pháp, chúng ta đọc đến những đoạn này sẽ hiểu: “*Hựu Thám Huyền Ký viết: Đức châu pháp giới viết Phổ, chí thuận điều thiện viết Hiền*” (Lại như sách *Thám Huyền Ký* giảng: “Đức bao trùm pháp giới là Phổ, hiếu thuận, nhu hòa đến cùng cực là Hiền”)^[3]. *Thám Huyền Ký* là tác phẩm chú giải bộ *Lục Thập Hoa Nghiêm* của Quốc sư Hiền Thủ. *Lục Thập Hoa Nghiêm* là bản dịch kinh *Hoa Nghiêm* đời Tấn. Trong tác phẩm ấy, lão nhân giảng: “*Đức châu pháp giới*”, Tính đức viên mãn là Phổ. “*Chí thuận điều thiện*”. Thuận (順) là gì? Người Trung Quốc nói là hiếu thuận. “*Điều*” (調) là điều lý (調理: điều hòa, giữ cho cân bằng). Thiện là chí thiện (tốt lành tốt bậc), như nói “*minh đức, thân dân, chỉ ư chí thiện*”^[4], đó là ý nghĩa của chữ Hiền.

[3] Câu này khá khó dịch nên tạm dịch như thế. “Chí thuận” có nghĩa là hiếu thuận đến tột bậc, tức là thể hiện cái tâm cứu vớt chúng sinh tốt bậc không ai sánh bằng, giống như lòng con hiếu thảo với cha mẹ, luôn nghĩ đến phụng dưỡng cha mẹ, nên nói là “chí thuận”. “Điều thiện” là luôn tu dưỡng sao cho tương ứng với Tính đức (ở đây Tính đức được diễn tả bằng Chí thiện). Chúng tôi tạm dùng từ Nhu hòa để diễn tả sự tu dưỡng, điều ngự cái tâm cho đạt tới mức thánh thiện (tức là tương ứng với Tính đức). Nói cách khác là giữ cho cái tâm luôn tương ứng với thanh tịnh và bình đẳng như lão hòa thượng thường nói.

[4] Câu này trích từ sách *Đại Học* trong *Tứ Thư* của Nho gia. Nói đầy đủ là: “*Đại học chi đạo, tại minh minh đức, tại thân dân, tại chỉ ư chí thiện*”. *Đại Học* vốn là chương thứ 42 trong sách *Lễ Ký*. Sách *Tứ Thư Tập Chú* của Châu Hy giảng: “*Chữ Thân nên đọc là Tân. Đại học là cái học của bậc đại nhân. Minh là làm cho sáng tỏ. Minh đức là bẩm tánh được thừa hưởng tự nhiên, rộng rang, sáng suốt, chẳng tối tăm, trọn đủ các lý để ứng với vạn sự. Thân (tức Tân) là đổi thay những cái cũ kỹ, ý nói đã tự thông hiểu minh đức lại giúp người khác cùng đạt đến chỗ bỏ những cái cũ kỹ, nhiễm ô*”. Như vậy, câu này có thể hiểu thô thiển là “đạo của bậc đại nhân là tự thấu hiểu chân tánh của chính mình, giúp cho người khác cùng sửa đổi khuyết điểm, cùng nhau đạt đến chỗ tốt lành nhất”.

“*Đại Nhật Kinh Sớ nhất viết*” (*Đại Nhật Kinh Sớ*^[5] quyển một nói). Đây là sách Mật tông, “*Bồ tát Phổ Hiền giả, Phổ thị biến nhất thiết xứ, Hiền thị tối diệu thiện nghĩa, vị Bồ đề tâm sở khởi nguyện hạnh, cập thân khẩu ý, tất giai bình đẳng, biến nhất thiết xứ, thuần nhất diệu thiện, bị cụ chúng đức, cố dĩ vi danh*” (Bồ tát Phổ Hiền: Phổ là khắp hết thấy các chỗ, Hiền nghĩa là sự lành màu nhiệm nhất; tức là nguyện hạnh do tâm Bồ đề khởi lên và thân, miệng, ý thấy đều bình đẳng, trọn khắp hết thấy các chỗ đều là thuần nhất diệu thiện, đầy đủ các đức. Vì vậy, lấy đó làm tên).

Cách giải thích này cũng rất rõ ràng, rành rẽ. 2 từ Phổ và Hiền đều là Tính đức viên mãn, hết thấy chúng sinh chẳng ai không có, thấy đều có. Nay, chúng ta mê mất tự tính, Tính đức có còn hay không? Vẫn còn, chỉ là ẩn, chẳng hiện. Đã mê thì trí tuệ biến thành phiền não, đức hạnh biến thành tạo nghiệp. Chúng ta tạo nghiệp ác, đức hạnh biến thành tạo nghiệp, tướng hảo biến thành lục đạo.

Cũng có nghĩa là trí tuệ và đức tướng trong tự tính của chúng ta sau khi mê bèn bị biến dạng. Sự biến dạng ấy cũng chẳng thật sự là biến dạng, khi nào chúng ta quay đầu, sự biến dạng ấy cũng sẽ khôi phục bình thường. Khôi phục

[5] *Đại Nhật Kinh Sớ* là tác phẩm chú giải kinh *Đại Nhật* do Ngài Nhất Hạnh ghi lại lời Ngài Thiện Vô Úy giảng kinh *Đại Nhật* (tức kinh *Đại Tỳ Lô Giá Na Thành Phật Thân Biến Gia Trì*) cho Đường Huyền Tông. Tác phẩm này khá đồ sộ, gồm 20 quyển, ngoài lời giải thích của Ngài Thiện Vô Úy, sách còn ghi thêm những kiến giải riêng của Ngài Nhất Hạnh. Những phần đó được ghi rõ là “tư vị” (riêng tôi cho rằng), hoặc “kim vị” (nay cho rằng). Đây là một tác phẩm trọng yếu cho hành giả Mật tông để tìm hiểu về *Thai Tạng Giới* nói riêng và giáo nghĩa *Mật tông* nói chung.

bình thường chính là Tính đức Phổ Hiền. Vì thế, câu kế tiếp trong sách *Chú Giải* rất hay: “*Vị Bồ đề tâm sở khởi nguyện hạnh*” (Tức là nguyện hạnh do tâm Bồ đề khởi lên). Câu này rất quan trọng, nguyện và hạnh của quý vị phải tương ứng với Bồ đề tâm. Vì vậy, mấy từ “*Chân thành, Thanh tịnh, Bình đẳng, Chính giác, Từ bi*” là quan trọng. Trong hết thấy lúc, hết thấy chỗ, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác đều phải tương ứng với chúng. Chúng ta sẽ thuộc vào Bồ đề đạo.

Chúng ta dùng tâm gì để niệm Phật? Dùng Bồ đề tâm để niệm Phật. Bồ đề tâm sung mãn, thân, khẩu, ý của chúng ta giống như Phật Thích Ca Mâu Ni đã vì chúng ta mà thị hiện thân hành, ngôn giáo, hiển thị Bồ đề tâm nơi thân tâm của chính mình, dùng tâm chân thành đãi người, tiếp vật, dùng thanh tịnh, bình đẳng, giác, dùng đại từ đại bi, tự tha bất nhị.

“*Tất giai bình đẳng, biến nhất thiết xứ*” (Thấy đều bình đẳng, trọn khắp hết thấy các chỗ). Tín, giải, hành, chứng của chúng ta cũng trọn hết thấy các nơi, một chính là hết thấy, hết thấy chính là một, đấy là cảnh giới Hoa Nghiêm. “*Thuần nhất diệu thiện*”. Thuần nhất diệu thiện là nói tổng quát. Vì sao Phật, Bồ tát pháp hỷ sung mãn, thường sinh tâm hoan hỷ? Nếu chúng ta nhập cảnh giới ấy, quý vị nói xem quý vị có hoan hỷ hay không? Giống như chư Phật, Bồ tát, pháp hỷ sung mãn. “*Bị cụ chúng đức*” (Trọn đủ các đức). Bị (備) là chẳng khuyết, những đức năng vốn sẵn có trong tự tính thấy đều hiện ra. Đó là ý nghĩa của Phổ Hiền.

“Phổ Hiền, Văn Thù nãi Thích Ca Như Lai chi nhị hiếp sĩ” (Phổ Hiền và Văn Thù là 2 vị hiếp sĩ của Thích Ca Như Lai). *“Hiếp sĩ”* (脅士)^[6] chính là vị Bồ tát thân cận ở 2 bên. *“Thị Phật tả hữu”* (Hầu 2 bên Phật). Phía sau chúng tôi là tượng Tam Tôn Phật, chính giữa là Tỳ Lô Giá Na Như Lai. Tỳ Lô Giá Na là pháp thân. Lô Xá Na là báo thân. Phật Thích Ca Mâu Ni là ứng thân. Tam thân là một thân, một thân là tam thân. Nói theo Thể, Tỳ Lô Giá Na là pháp thân; nói theo Dụng, trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, bèn gọi là Lô Xá Na, tức báo thân; ứng hóa trong mười pháp giới là ứng thân. Phật Thích Ca Mâu Ni là ứng thân. Một tức là ba, ba tức là một, chẳng tách rời! Phía sau chúng tôi, Văn Thù và Phổ Hiền ở 2 bên Phật.

“Nãi Thích Tôn hội trung thượng thủ, tại Hoa Nghiêm hội thượng diệc thị thượng thủ. Hựu, Bồ tát Phổ Hiền vi nhất thiết chư Phật chi trưởng tử” (Thượng thủ trong hội của đức Thích Ca. Trong hội Hoa Nghiêm, họ cũng là thượng thủ. Bồ tát Phổ Hiền còn là con trưởng của hết thầy chư Phật). *“Trưởng tử”* là danh hiệu chung. Trong *Tứ Thập Hoa Nghiêm Kinh Tứ Thập Tụng*, có câu: *“Nhất thiết Như Lai hữu trưởng tử, bỉ danh hiệu viết Phổ Hiền tôn”* (Hết thầy Như Lai có trưởng tử, danh hiệu của Ngài là Phổ Hiền). Vì thế, quý vị phải biết, danh hiệu của Bồ tát chẳng phải là danh xưng chuyên biệt của một người nào.

[6] Hiếp là cái hong, do vậy, Hiếp sĩ có thể hiểu theo nghĩa đen là người đứng sát sườn ta, là phụ tá gần gũi nhất.

Quý vị học pháp môn này bèn gọi là Bồ tát Phổ Hiền. Trong kinh *Hoa Nghiêm*, người học kinh *Hoa Nghiêm* là Bồ tát Phổ Hiền, mà cũng là Bồ tát Văn Thù. Quý vị lý giải, tức là hiểu rõ, lý giải kinh *Hoa Nghiêm*, sẽ là Văn Thù; quý vị áp dụng những điều đã lý giải vào cuộc sống, thực hiện trong công việc, áp dụng vào sự đãi người, tiếp vật, bèn gọi là Phổ Hiền. Phổ Hiền tượng trưng Hạnh môn, Văn Thù tượng trưng Giải môn, giải hạnh bất nhị, đều là nói theo mặt Dụng. Về Thể, thì Tỳ Lô Giá Na tượng trưng bản thể, tượng trưng cho thanh tịnh viên minh thể của tự tính, đều là biểu thị pháp.

“Khả kiến Phổ Hiền chính thị Như Lai Pháp thân chi sở lưu hiện, hóa tác Đẳng Giác Đại sĩ, tương tán Thích Tôn, diễn xướng thánh giáo. Nhược cú Mật giáo, Phổ Hiền tức thị Mật giáo Sơ Tổ Kim Cương Tát Đỏa. Kim Cương Tát Đỏa tức thị Kim Cương Thủ Bồ tát Ma Ha Tát” (Có thể thấy Phổ Hiền chính là từ Pháp thân của Như Lai xuất hiện, hóa thành vị Đẳng Giác Đại sĩ tán trợ Thích Tôn, xướng diễn thánh giáo. Trong Mật giáo, Phổ Hiền chính là Kim Cương Tát Đỏa, Sơ Tổ của Mật giáo. Kim Cương Tát Đỏa chính là Kim Cương Thủ Bồ tát Ma Ha Tát). Ở đây, Ngài được xếp đứng đầu các vị Bồ tát. Trong phần trước, chúng ta thấy Tôn giả Ca Diếp biểu thị thiền tịnh bất nhị. Ở chỗ này, Bồ tát Phổ Hiền cũng nhằm biểu thị Mật tông và Tịnh Độ bất nhị. Trong Mật tông, Phổ Hiền Bồ là Sơ Tổ của Mật giáo. Mật tông do Ngài truyền thừa, nhưng trong

Mật tông, Ngài được gọi là Kim Cương Tát Đỏa (Vajrasattva) hay Kim Cương Thủ Bồ tát Ma Ha Tát (Vajrapāni).

Tiếp đó, *“Thánh Vô Động Tôn Đại Oai Nộ Vương Bí Mật Đà La Ni Kinh* viết: *Thủ Kim Cương Thủ thị Pháp Thân đại sĩ, thị cố danh Phổ Hiền*” (*Thánh Vô Động Tôn Đại Oai Nộ Vương Bí Mật Đà La Ni Kinh*, chép: “Ông Kim Cương Thủ này là Pháp thân đại sĩ; vì vậy, tên là Phổ Hiền”). Sự biểu thị pháp của Ngài ở đây có ý nghĩa sâu xa, có thể nói là sâu rộng không ngần mé.

“Hựu Kim Cương Trí chi Ngũ Bí Tát Quyết viết: *Kim Cương Tát Đỏa giả, tức thị Phổ Hiền Đại Bồ tát dị danh dã, diệt danh nhất thiết Như Lai trưởng tử, diệt danh Đại A Xà Lê*” (*Sách Ngũ Bí Tát Quyết* của Ngài Kim Cương Trí cũng ghi: “Kim Cương Tát Đỏa chính là tên khác của Phổ Hiền Đại Bồ tát, Ngài cũng được gọi là con trưởng của hết thảy Như Lai, cũng gọi là Đại A Xà Lê”).

Chúng ta xem mấy câu này, Kim Cương Tát Đỏa chính là biệt danh của Bồ tát Phổ Hiền, là danh xưng trong Mật tông. *“Diệt danh Như Lai trưởng tử”* (Cũng gọi là con trưởng của Như Lai). Đây là danh xưng trong kinh *Hoa Nghiêm*. *“Diệt danh Đại A Xà Lê”*. Đại A Xà Lê là danh xưng trong Mật giáo. A Xà Lê (Ācārya) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Quỹ Phạm Sư, có nghĩa là tư tưởng và ngôn hạnh của vị ấy có thể làm gương mẫu, khuôn phép cho người tu hành. Bất

luận quý vị tu pháp môn nào hay tông phái nào, Bồ tát Phổ Hiền là gương mẫu chung. Mỗi nguyện trong 10 đại nguyện vương đều hàm nhiếp 9 nguyện kia; do vậy, 10 nguyện biến thành 100 nguyện. 100 nguyện ấy nếu lại triển khai sẽ gồm trọn vô lượng vô biên hoằng nguyện của Bồ tát, chẳng sót một nguyện nào; từ tâm Bồ đề mà sinh, chân thật, chẳng dối!

“Lễ kính chư Phật”. Chư Phật là gì? Tự tính là chư Phật, Thể của hết thảy chúng sinh, nói theo triết học là bản thể, Lý, Thể có thể sinh, có thể hiện chính là tự tính. Trong Phật pháp có nói: *“Ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm”*. Nói cách khác, tâm và pháp là một, chẳng hai. Tâm đã là Phật, lẽ nào pháp chẳng phải là Phật?

Chúng ta bèn hiểu rõ ý nghĩa của *“Lễ kính chư Phật”*. Lễ kính chư Phật là hết thảy cung kính, như vậy thì mới có thể đoạn sạch sành sanh những tập khí ngạo mạn cực kỳ vi tế từ vô thủy kiếp đến nay. Vì sao? Lễ kính chư Phật thì Lễ là hình thức bề ngoài, Kính là trong tâm. Trong tâm thật sự có ý kính trọng, cung kính hết thảy. Cung kính hết thảy mọi người, như vậy thì đối với hết thảy chư Phật, Bồ tát chẳng cần phải nói nữa. Vì sao?

Hết thảy mọi người là vị lai Phật. Cung kính hết thảy động vật, muỗi, trùng, kiến, những loài cựa quậy, bò trườn trong giới động vật, nay chúng ta biết vi khuẩn là động vật nhỏ nhất. Nhìn dưới kính hiển vi, vi khuẩn giống như tiểu trùng,

chúng cử động, đó là chư Phật, phải lễ kính chúng. Cây cối, hoa, cỏ cũng do tâm hiện, tâm sinh. Đá, bùn, cát, các khoáng vật cũng do tâm hiện, thức biến, cho đến hư không, chẳng có một pháp nào chẳng phải là tâm hiện, thức biến, toàn là chư Phật. Do vậy, kinh *Hoa Nghiêm* nói: “*Tình dữ vô tình, đồng viên chủng trí*” (Tình và vô tình cùng Viên mãn chủng trí). “*Tình*” là hữu tình chúng sinh. “*Vô tình*” là thực vật, khoáng vật, hư không, đại địa như chúng ta thường nói. Trong pháp Đại thừa, toàn bộ đều do tự tính hiện, không có thứ gì chẳng phải là tự tính. Tự tính ở nơi đâu? Tùy tiện lấy một pháp nào cũng đều là nó, người minh tâm kiến tính bèn biết điều này.

Do đó, lễ kính chẳng có ngăn mé, đúng là vật to lớn chẳng ra ngoài, vật nhỏ bé không gì chẳng ở trong, đấy là Tính đức của tự tính, là Tính đức viên mãn. Nếu chúng ta muốn kiến tính, quý vị làm như thế sẽ kiến tính rất dễ dàng. Quý vị chẳng tu theo cách như vậy, kiến tính rất khó. Vì sao? Quý vị có nghiệp chướng. Nghiệp chướng là gì? Bất kính! Tự tính của quý vị vốn trọn đủ lễ kính, nay quý vị ngạo mạn đối với kẻ khác, thấy kẻ ấy chẳng vừa mắt, đấy chính là nguyên nhân vì sao quý vị chưa thể kiến tính! Bồ tát Phổ Hiền đã nói rõ ràng, đã dạy quý vị rồi, nhưng quý vị chẳng tin tưởng, không chịu y giáo phụng hành. Ai thua thiệt? Chính mình bị thiệt thòi, chứ Bồ tát Phổ Hiền chẳng bị thiệt thòi. Pháp tánh và Pháp tướng chẳng bị thiệt thòi, mà chính mình bị thiệt thòi to lớn! Sau khi mê, chưa tỉnh lại, không có cách nào giác ngộ.

Nếu muốn giác ngộ, phải khởi đầu bằng lễ kính. Bồ tát Phổ Hiền dạy như thế đó!

Thứ hai là “*Xưng tán Như Lai*”. Thứ ba là “*Quảng tu cúng dường*”. Quảng tu cúng dường chính là Cộng sản chủ nghĩa, chính là “*Lợi hòa đồng quân*” trong *Lục Hòa Kính*. Tiếp theo đó là “*Sám trừ nghiệp chướng*”. Chưa làm được 3 điều trước, sẽ chẳng thể sám trừ hết sạch nghiệp chướng. Sám thế nào cũng chẳng sạch, vẫn còn lưu lại khúc đuôi! 3 điều trước đã làm được, nghiệp chướng sẽ sám trừ sạch sành sanh. Quý vị bèn suy nghĩ, ta đối với hết thầy người, sự, vật, hễ còn có tí xiu tâm chẳng cung kính, đó là nghiệp chướng. Ta thấy kẻ khác làm chuyện tốt mà chẳng khen ngợi, nghiệp chướng đấy! Thấy người khác làm chuyện bất hảo bèn rêu rao, đó cũng là nghiệp chướng. Do vậy, khen ngợi là khen ngợi điều thiện, chẳng khen ngợi sự ác.

Ta thấy chúng sinh chịu khổ bị nạn, cuộc sống của bản thân ta còn khá, sau khi đã thấy, nếu chính mình có nhân duyên để giúp đỡ họ mà chẳng chịu làm, đó là nghiệp chướng! Quý vị làm thế nào để sám trừ nghiệp chướng? Do vậy, 3 điều trước có đạo lý rất sâu! 10 đại nguyện ấy, mỗi điều sau sâu hơn điều trước, điều sau có thể bao gồm điều trước, nguyện thứ hai bao gồm nguyện thứ nhất, nguyện thứ nhất chẳng bao gồm nguyện thứ hai, cuối cùng là “*phổ giai hồi hướng*” gồm trọn các điều khác. Nhất định phải hiểu đạo lý này, nhất định phải thật sự làm, thực hiện bằng tâm chân thành của chính mình.

Như vậy là đúng! *“Tác A Xà Lê”* (Làm A Xà Lê). A Xà Lê chính là nêu gương, đúng là *“học làm thầy người, hạnh làm gương cho đời”*. Học làm thầy người là ngôn giáo; hạnh làm khuôn mẫu cho đời, đó là thân hành; phải thật sự làm mới được.

“Kim thử kinh trung, Phổ Hiền Đại sĩ, liệt tối thượng thủ, chính hiển Mật Tịnh bất nhị” (Nay trong kinh này, Phổ Hiền Đại sĩ được kể tên là bậc thượng thủ cao nhất, chính là để hiển thị Mật, Tịnh bất nhị). Ý nghĩa này hay lắm. Nói thật hay!

“Cổ tiên sư Hạ lão vân” (Vì vậy, tiên sư là Hạ lão cư sĩ nói), tức là lão cư sĩ Hạ Liên Cư, *“Tịnh Độ tức thị Mật giáo hiển thuyết”* (Tịnh Độ chính là hiển thuyết của Mật giáo). Câu này nghĩa là gì? Khuyến kẻ học Mật hãy trở về Tịnh Độ. Vì sao? Mật chẳng dễ gì thành tựu! Cụ Hoàng Niệm Tổ bảo tôi, nước Trung Hoa mới^[7] thành lập đã nhiều năm như thế, nhưng tu Mật tông chỉ có 6 người thành tựu. Lão nhân gia kể cho tôi biết chuyện này, quá khó khăn! Tu Thiền tông, theo lão pháp sư Đàm Hư cho biết, Ngài nói suốt đời Ngài chưa thấy một ai tham thiền khai ngộ, chưa hề thấy, mà cũng chưa hề nghe nói đến. Đắc thiền định thì có, như Lão Hòa thượng Hư Vân đắc thiền định, nhưng chẳng khai ngộ, quý vị bèn biết thiền khó lắm!

Ở đây, Tôn giả Ca Diếp biểu thị pháp “Thiền Tịnh bất nhị”. Nếu quý vị mong thật sự thành tựu, hãy tu Tịnh Độ, Thiền

[7] Tân Trung Quốc là từ ngữ do chính quyền Trung Quốc đặt ra để gọi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, nhằm phân biệt với Trung Hoa Dân Quốc.

có thể tu kèm. “*Có Thiền, có Tịnh Độ*”. Câu ấy nói rõ chẳng thể thành tựu nơi Thiền, bèn có thể thành tựu nơi Tịnh. Học Mật cũng giống như vậy. Ở đây, Bồ tát Phổ Hiền biểu thị pháp, chẳng thể thành tựu nơi Mật, thì thành tựu bằng Tịnh. Lão cư sĩ Hạ Liên Cư cũng học Thiền và Mật, cuối cùng niệm Phật vãng sinh thế giới Cực Lạc. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ cũng học Thiền và Mật. Cụ học Thiền với Lão Hòa thượng Hư Vân, học Mật với Cống Cát lão nhân^[8]. Cụ cũng tu Tịnh Độ. Cuối cùng, trong lúc ngã bệnh, cụ bảo tôi: Mỗi ngày niệm Phật 14 vạn câu, ngày đêm chẳng giải đãi, niệm Phật vãng sinh Tịnh độ. Những vị ấy đều là đại thiện tri thức, đã nêu gương cho chúng ta trong thời kỳ Mật pháp này! Vì sao các Ngài thị hiện những chuyện như thế? Đây là lòng từ bi vô tận, dạy chúng ta đừng đi theo đường vòng. Các Ngài đã đi đường vòng cho chúng ta thấy, cuối cùng các Ngài đều trở về Tịnh Độ, đạt được

[8] Cống Cát lão nhân (1903-1997) họ Thân, tên là Thư Văn, thuộc hoàng tộc nhà Thanh, sinh tại Bắc Kinh, tập võ từ năm 6 tuổi. Năm 12 tuổi, theo học kiếm thuật và luyện nội công theo Đạo giáo, và có chí nguyện xuất gia từ nhỏ. Năm 1920, bà vâng lệnh cha kết hôn với ông Vũ Anh Đình, nhưng do sẵn chí xuất trần, bà xin thoái hôn, hành hiệp khắp vùng Nam Bắc. Năm 1922, bà gặp Hòa thượng Đạo Giai, chùa Pháp Nguyên điểm hóa, bèn bỏ tu Tiên, học Phật, chuyên tâm dạy học, đề xướng khuyến học và các biện pháp giảm đói nghèo cho dân chúng. Bà từng tham gia du kích kháng Nhật khi chiến tranh Hoa Nhật nổ ra. Không lâu sau, bà bị thương nặng, bị quân Nhật bắt được.

Trong thời gian tù đầy, bà sáng chế niệm thánh hiệu Quán Âm, được cảm ứng, thoát hiểm. Từ đó, bà ăn chay trường, chuyên tâm hành trì Phật pháp. Chiến tranh thế giới lần thứ hai nổ ra, bà theo chính phủ Dân Quốc thiên cư về Trùng Khánh, theo học tại Hán Tạng Giáo Lý Viện, quy y với Thái Hư Đại sư. Bà cũng xin học Thiền với Hư Vân Đại sư. Năm 1940, bà chuyển tới Khang Định, đảm nhiệm chức Bí thư của chính quyền tỉnh Tây Khang, hứng thú học Mật tăng cao. Tuy gặp nhiều vị đại đức Mật tông, bà chỉ tôn sùng Cống Cát Hoạt Phật (Konga, Gangkar Rinpoche, 1893-1957), nên đến chùa Cống Cát tại núi Gangkhar Dzongsar thuộc vùng Khang Định xin quy y, được truyền pháp quán đảnh, bà xin bề quan tu hành suốt 3 năm, được Cống Cát Hoạt Phật ban đạo hiệu Cống Cát Lão Nhân. Bà tinh tấn tu hành, trở thành một vị thượng sư đức cao trọng vọng của dòng Karmapa Kagyu tại Hoa Lục. Tuy tu hành, bà vẫn tích cực hành nghề y tại Thượng Hải, Tô Châu. Bà từng sang Đài Loan hoằng pháp vào năm 1958, sáng lập Cống Cát Tinh xá tại Trung Hòa (Đài Bắc), lập viện chữa trị Đông Y tại nơi đó. Bà từng tuân lệnh Karmapa đời thứ 16 thành lập Cống Cát Tinh xá tại Phi Luật Tân cũng như sang hoằng pháp tại Mã Lai, Thái Lan, Tân Gia Ba, và HongKong.

thành tựu. Chúng ta còn phải học Thiền hay học Mật nữa hay chẳng? Chẳng cần! Chúng ta trực tiếp tu Tịnh Độ là được rồi, theo đường thẳng, không đi loanh quanh, biểu thị ý nghĩa ấy.

“Tạng Mật Hồng giáo tổ sư Liên Hoa Sinh Đại sĩ, tức A Di Đà Phật chi hóa thân Phật, cổ Hồng giáo tôn sùng Di Đà, khuyến sinh Cực Lạc, viễn tịnh u kỳ tha giáo phái. Mật Tịnh bất nhị chi chỉ, u bốn giải trung tạm bất tường luận” (Tổ sư Liên Hoa Sinh Đại sĩ (Padmasambhava) của Hồng giáo^[9] Mật tông Tây Tạng chính là hóa thân của Phật A Di Đà. Vì vậy, Hồng giáo tôn sùng A Di Đà Phật, sốt sắng khuyến sinh về Cực Lạc hơn các tông phái khác. Trong bản giải thích kinh này, tạm chẳng bàn luận chi tiết về yếu chỉ “Mật, Tịnh bất nhị”). Sự thị hiện này, đặc biệt là một chiêu cuối cùng của Niệm công lão nhân (cụ Hoàng Niệm Tổ) nhằm bảo chúng ta, hãy chuyên niệm Phật A Di Đà, nhất tâm cầu sinh Tịnh độ bèn thành công.

Chúng ta lại xem đoạn kế tiếp, *“Văn Thù Sư Lợi Bồ tát”*. *“Văn Thù Sư Lợi, diệt vân Mạn Thù Thất Lợi”* (Văn Thù Sư Lợi còn gọi là Mạn Thù Thất Lợi). Đây là dịch âm tiếng Phạn, cách dịch khác nhau, âm thanh cũng chẳng sai khác mấy, cũng rất gần gũi, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Diệu Thủ, hoặc còn dịch là Diệu Cát Tường, *“diệt vân Diệu Đức, thị chư Phật*

[9] Hồng giáo còn gọi là Cổ Mật, tức tông phái Nyingma pa, là tông phái Mật tông cổ nhất tại Tây Tạng. Gọi là Hồng giáo, Hồng phái hoặc phái Hồng mao vì chư tăng thường mặc ca-sa có màu đỏ sậm, đội mũ đỏ, nhằm phân biệt với tông phái Gelugpa của Đại Lai Lạt Ma (Hoàng Mao phái, đội mũ vàng, khoác ca-sa vàng phủ lên ca-sa đỏ), Bạch giáo (Kagyupa, tuy gọi như vậy, nhưng phái này vẫn mặc ca-sa nâu đỏ) và Hoa giáo (Sakyapa). Hồng giáo tôn sùng Đại sĩ Liên Hoa Sinh làm sáng tỏ.

chi sư” (còn dịch là Diệu Đức, Ngài là thầy của chư Phật). Trong kinh có nói Ngài là thầy của 7 vị Phật quá khứ. Quý vị thấy 7 người học trò đều đã thành Phật mà lão nhân gia vẫn thuộc địa vị Bồ tát, giúp người khác thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, nêu gương cho chúng ta thấy.

“Phóng Bát kinh viết: Kim ngã đắc Phật, giai thị Văn Thù Sư Lợi chi ân dã. Quá khứ vô ương số chư Phật, giai thị Văn Thù Sư Lợi đệ tử. Đương lai giả diệc thị kỳ oai thần lực sở trí. Thí như thế gian tiểu nhi hữu phụ mẫu” (Kinh Phóng Bát chép: “Nay tôi được thành Phật đều do ơn của Văn Thù Sư Lợi. Quá khứ vô ương số chư Phật đều là đệ tử của Văn Thù Sư Lợi. Các vị Phật trong tương lai cũng cậy vào sức oai thần của Ngài mà thành. Ví như trẻ nít trong cõi đời có cha mẹ”). Những người nương cậy Bồ tát, bao nhiêu Bồ tát trong quá trình tu hành đều được Bồ tát Văn Thù chiếu cố.

Trên thực tế, Bồ tát Văn Thù cũng đã thành Phật trong kiếp số lâu xa, nhưng luôn dùng thân phận Bồ tát. Tuy đã thành Phật, nhưng giống như Bồ tát Phổ Hiền, đã thành Phật vẫn chẳng bỏ nhân địa. Chúng ta thấy kinh chỉ nói Ngài là thầy của 7 vị Phật. Ở đây, chúng ta thấy, *“quá khứ vô ương số chư Phật đều là đệ tử của Văn Thù Sư Lợi”*. Trong kinh, đức Phật đã dạy điều này! *“Văn Thù giả, Phật đạo trung phụ mẫu dã”* (Văn Thù là cha mẹ trong Phật đạo). Trong Phật đạo và trong Bồ tát đạo, Ngài giống như cha mẹ, chiếu cố những kẻ tu hành phát tâm học đạo.

“Tâm Địa Quán Kinh viết: - Tam thế giác mẫu Diệu Cát Tường” (Kinh *Tâm Địa Quán* nói: “Mẹ giác ngộ của 3 đời là Diệu Cát Tường”). Diệu Cát Tường là Văn Thù Sư Lợi. *“Tam thế giác mẫu”*. Giác là Phật. Tam thế giác mẫu là mẹ của 3 đời chư Phật. *“Hựu Diệu Đức giả, Pháp Hoa Gia Tường Sớ nhị”* (Lại nữa, Diệu Đức, theo quyển 2 trong tác phẩm *Sớ Giải Kinh Pháp Hoa* của Ngài Gia Tường). *“Nhị”* là quyển thứ hai, *“viết: Văn Thù, thử vân Diệu Đức”* (nói: “Văn Thù, cõi này dịch là Diệu Đức”). Văn Thù là dịch âm tiếng Phạn, Văn Thù Sư Lợi dịch sang tiếng Hán là Diệu Đức hay Diệu Cát Tường. *“Dĩ liễu liễu kiến Phật tính cố, đức vô bất viên, quả vô bất tận, xưng Diệu Đức dã”* (Do thấy rõ ràng Phật tánh, đức không gì chẳng viên mãn, quả không gì chẳng cùng tột, nên xưng là Diệu Đức). Vì sao dịch là Diệu Đức? Đức đã trọn vẹn, quả đã chứng đến địa vị cùng tột. *“Quả vô bất tận”* là đã chứng đến địa vị cùng tột, cũng tức là công đức viên mãn, nên gọi là Diệu Đức.

“Hội Sớ viết: Cụ tam đức bí tạng, thần hóa bất tư nghị, cố danh Diệu Đức” (*Hội Sớ* chép: “Trọn đủ 3 đức bí tạng, thần thông và giáo hóa chẳng thể nghĩ bàn, nên gọi là Diệu Đức”). Trong kinh Đại thừa thường nói đến tam đức bí tạng, Pháp thân, Bát nhã, và Giải thoát được gọi là tam đức. *“Cụ”* (具) là đầy đủ. Đây là nói đến sự chứng đắc. Chứng đắc tam đức bí tạng là Pháp thân Bồ tát.

Trong tam đức bí tạng, A La Hán chỉ có một đức là Giải thoát. A La Hán vẫn chưa có Bát nhã và Pháp thân. Giải thoát

của A La Hán thường nói là giải thoát một nửa, giải thoát chẳng viên mãn. Quyền Giáo Bồ tát cũng chưa chứng đắc Bát nhã và Pháp thân. Pháp thân Bồ tát mới chứng đắc, người xưa thường nói là “minh tâm kiến tính, kiến tính thành Phật”. Đây là chứng đắc. Kiến tính thành Phật là chứng đắc.

Theo kinh *Hoa Nghiêm*, Sơ Trụ trong Viên giáo đã chứng đắc tam đức bí tạng, nhưng chẳng thể nói là viên mãn. Vì sao? Các Ngài chưa đoạn tập khí, tập khí vô thủ vô minh vẫn còn. Trong phần trước, tôi đã nói, phải mất 3 đại A-tăng-kỳ kiếp mới đoạn hết tập khí, đoạn hết tập khí bèn trở về tự tính viên mãn, đó là Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Vì vậy, Ngài trọn đủ tam đức bí tạng, cũng tức là đã thật sự chứng quả từ lâu, nhưng chẳng bỏ hạnh đã tu nơi nhân địa, giống như Phổ Hiền. Vì thế, nói Ngài là thầy của chư Phật, thần hóa chẳng thể nghĩ bàn, tức là thần thông và giáo hóa chẳng thể nghĩ bàn, cho nên gọi là Diệu Đức.

“Diệu Cát Tường giả, Viên Trung Sao viết: - Vi diệu tam đức, đồng Phật sở chứng, cố diệc vân Diệu Cát Tường. Hoặc nghiệp khổ tam, hữu thiếu phần tại, giai vị cát tường” (Diệu Cát Tường: Sách *Viên Trung Sao* giảng: “Chứng 3 đức vi diệu giống như Phật nên cũng gọi là Diệu Cát Tường. 3 thứ hoặc, nghiệp, khổ nếu còn có chút phần đều chẳng phải là Cát Tường”).

Chúng ta phải ghi nhớ câu này. Hoặc là mê hoặc. Nghiệp là tạo nghiệp. Khổ là chịu báo. Đó là gì? Là những thứ trong

lục đạo luân hồi. Mê hoặc, tạo nghiệp, chịu báo, 3 chuyện này hể còn chút phần, đều chẳng thể gọi là Cát Tường. Trong quá khứ, người thế gian chúng ta khen ngợi người khác bèn nói “cát tường”, thật ra là lời lẽ khen ngợi hữu danh vô thực! Tiêu chuẩn Cát Tường theo nhà Phật có mức độ thấp nhất là A La Hán. Vì sao? A La Hán đã đoạn hết hoặc, nghiệp, khổ. Đã đoạn xong, vượt thoát lục đạo luân hồi, đối với Tứ thánh pháp giới được gọi là Cát Tường, nhưng chưa thể thêm vào chữ Diệu! Diệu là Pháp thân Bồ tát, thì mới có thể xưng là Diệu Cát Tường.

“Vi diệu tam đức, đồng Phật sở chứng” (Chứng 3 đức vi diệu giống như Phật), này là Diệu Cát Tường. *“Vị cư cứu cánh, tam đức viên chương, cố hựu hiệu Diệu Cát Tường dã”* (Địa vị đạt đến rốt ráo, 3 đức hiển lộ trọn vẹn, nên lại có hiệu là Diệu Cát Tường). Quý vị thấy địa vị đạt đến rốt ráo. Đạt đến rốt ráo là Diệu Giác, chẳng phải là Đẳng Giác. Ngài thị hiện thân phận Đẳng Giác. Đẳng Giác là Ngài thả chiếc bè Từ, chứ thật ra Ngài đã thành Phật từ rất lâu rồi! *“Văn Thủ ư Bồ tát chúng trung, trí tuệ đệ nhất, bốn vi Long Chung Tôn Vương Như Lai”* (Trong các vị Bồ tát, Văn Thủ Sư Lợi Bồ tát là bậc trí tuệ bậc nhất. Ngài vốn là Long Chung Tôn Vương Như Lai), Ngài đã thành Phật xưa kia, đấy là Phật hiệu của Ngài.

“Hiện tại Bắc phương Thường Hỷ quốc thành Phật, hiệu Bảo Tích Như Lai” (Hiện tại Ngài thành Phật trong cõi Thường Hỷ thuộc phương Bắc, hiệu là Bảo Tích Như Lai).

Nguyên lai Bảo Tích Như Lai cũng là Ngài. Theo như kinh *Đại Bảo Tích* đã nói, Bảo Tích Như Lai vốn vẫn là Ngài. “*Vị lai thành Phật, hiệu Phổ Kiến Như Lai*” (Trong tương lai thành Phật, hiệu là Phổ Kiến Như Lai). Trong tương lai, Ngài lại thị hiện thành Phật, đặc đại tự tại.

Ở đây, đã thấu lộ cho chúng ta một tin tức. Tin tức gì vậy? Đoạn hết tập khí vô thỉ vô minh, cõi Thật Báo Trang Nghiêm cũng không có, đúng là “*phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”. Cõi Thật Báo cũng chẳng thật, chỉ có Thường Tịch Quang là thật. Có người hỏi, trong Thường Tịch Quang, ta có khởi tác dụng hay chẳng? Quý vị đọc đến đây, sẽ thấy có khởi tác dụng. Trong Thường Tịch Quang, khi nào chúng sinh hữu duyên có cảm, Ngài sẽ ứng. “Ứng” ở đây là có thể thật sự hiện thân Phật, xuất hiện. Bồ tát Văn Thù là một thí dụ. Ngài chẳng cần phải thị hiện 8 tướng thành đạo, có thể thị hiện quả vị rốt ráo để xuất hiện. Đấy chính là “có cảm”. Nói chung là người nào cảm? Pháp thân Bồ tát hễ có cảm bèn ứng.

“*Cố tri Văn Thù Đại sĩ nãi quá hiện vị tam thế thành Phật giả, kim thị hiện hội trung, đại trí độc tôn, biểu thử pháp môn duy đại trí phương năng tín nhập*” (Do vậy biết: Đại sĩ Văn Thù thành Phật trong 3 đời: quá khứ, hiện tại, vị lai. Nay, Ngài thị hiện làm bậc đại trí độc tôn trong hội này, biểu thị chỉ có người đại trí mới có thể tín nhập pháp môn này). Thật vậy! Chẳng phải là bậc đại trí, đại thiện căn, đại phúc đức thật sự sẽ chẳng thể ngay lập tức tiếp nhận pháp môn này.

“Hựu Diệu Đức giả, liễu liễu kiến Phật tính cố, kim lân Phổ Hiền vị liệt thượng thủ, chính biểu Thiền Tịnh bất nhị” (Hơn nữa, Diệu Đức là thấy rành rẽ Phật tính, nên kinh văn đặt Ngài làm thượng thủ tiếp ngay theo Phổ Hiền chính là để biểu thị ý chỉ “Thiền, Tịnh bất nhị”). Vì Bồ tát Văn Thù cũng là tổ sư của Thiền tông, nên núi Ngũ Đài cũng là đại bản doanh, là tổ đình của Thiền tông. Ở đây, chúng ta thấy ý nghĩa biểu thị pháp của Văn Thù và Phổ Hiền.

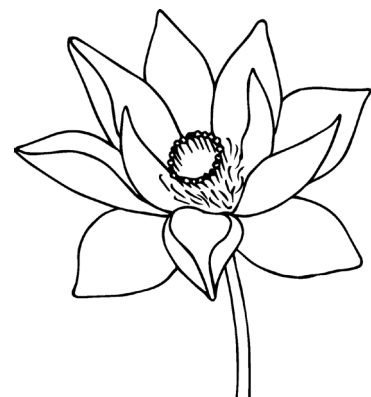
Tôi giảng kinh *Hoa Nghiêm* được một nửa, nghĩ Văn Thù và Phổ Hiền tu pháp nào? Do thuở ấy, tôi chưa có tín tâm đối với Tịnh Độ, nhưng cũng chẳng hoài nghi, cũng chẳng phản đối, không muốn tu Tịnh Độ, vẫn là muốn học Giáo. Kết quả là lật xem phần sau kinh *Hoa Nghiêm*, đều thấy các vị Bồ tát phát nguyện cầu sinh về Tịnh Độ. Lại đọc phần 53 lần tham học của Thiện Tài đồng tử, đúng là đều dạy thâm nhập một môn, huân tu lâu dài. Tuy tham phỏng mỗi vị thiện tri thức, đến cuối cùng đều là lẽ từ, tức là *“luyện đức lẽ từ”*, cảm ơn đại đức đã giáo huấn. *“Lẽ từ”*: Lẽ là lẽ tạ, Từ là chẳng học pháp môn ấy. Ngài vẫn là một câu Di Đà niệm tới cùng, từ đầu tới cuối chẳng thay đổi pháp môn. Lúc ấy, tôi mới nghiêm túc xem xét chỗ vi diệu của Tịnh tông, như vậy rồi mới tiếp nhận. Vì thế, rất khó khăn, *Hoa Nghiêm*, *Pháp Hoa* và *Lăng Nghiêm* đã dẫn tôi về Tịnh Độ.



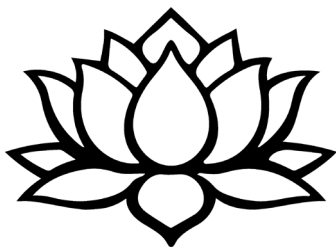
TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA



TẬP 92



Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giảo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong



Chur vị pháp sư, chư vị đồng học, xin xem tiếp *Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải*, trang 106, xem từ dòng thứ 8, cũng là đoạn thứ 2.

“Bồ tát Di Lặc, cập hiền kiếp trung nhất thiết Bồ tát, giai lai tập hội” (Bồ tát Di Lặc và hết thảy Bồ tát trong hiền kiếp đều đến nhóm hội). Đối với câu kinh văn này, trong *Chú Giải*, cụ Niệm Tổ đã giới thiệu, Di Lặc (Maitreya) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Từ Thị, tức là từ bi. *“Bồ tát chi tánh dã, danh A Dật Đa”* (Là họ của Bồ tát, Ngài tên là A Dật Đa). A Dật Đa (Ajita) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Vô Năng Thắng (không ai có thể trội hơn được), có nghĩa là thù thắng khôn sánh.

“Cụ túc tắc vi Từ Thị Vô Năng Thắng” (Nói đầy đủ là Từ Thị Vô Năng Thắng), cũng có nghĩa là trong các vị Bồ tát, Bồ tát Di Lặc từ bi nhất. Trên thực tế, Phật Phật đạo đồng, chư Phật Như Lai, Pháp thân Bồ tát chẳng hề bất bình đẳng. Trí tuệ, đức năng, và tướng hảo đều bình đẳng. Những danh hiệu như vậy trong kinh điển không gì chẳng nhằm thể hiện ý nghĩa biểu thị pháp. Pháp môn nào sẽ dùng vị Bồ tát nào làm đại diện, mang ý nghĩa biểu thị pháp? Di Lặc đặc biệt biểu thị lòng từ bi thù thắng, như Văn Thù tượng trưng trí tuệ thù thắng, Phổ Hiền tượng trưng sự thực hành thù thắng, Địa Tạng tượng trưng “hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy” thù thắng. Thật ra, đều là bình đẳng, chúng ta phải hiểu điều này! Hiện thân, làm việc, ngôn ngữ, danh hiệu

trong Phật pháp, không gì chẳng nhằm biểu thị pháp. Nói cách khác, hết thấy đều là phương tiện dạy học, mục đích là không gì chẳng khiến cho hết thấy chúng sinh thấy hình tượng Bồ tát, đó là thân hành, nghe Bồ tát giáo huấn, có thể đạt giác ngộ, trở về tự tính. Đây là mục tiêu chung cực trong học tập Phật pháp.

Tiếp đó, cụ Hoàng dẫn chứng: *“Di Đà Sớ Sao vân”* (Sách *Di Đà Sớ Sao* viết). *Sớ Sao* do Liên Trì Đại sư soạn. Trong *Sớ Sao* có một đoạn như vậy. Những điều được nói trong đoạn ấy đều là những điều được nói trong kinh điển. *“Dĩ tại mẫu thai trung, tức hữu từ tâm, cố dĩ danh tộc”* (Do khi Ngài còn trong thai, mẹ liền có tâm từ, nên lấy đó làm họ). Khi mẹ có thai Ngài, tâm từ bi vô cùng rõ rệt; vì thế, bộ tộc của Ngài lấy tên là Di Lạc. Di Lạc là họ của Ngài, dòng họ là bộ tộc, tại cổ đại Ấn Độ là như vậy, mà ở Trung Quốc cũng là như thế. Trung Quốc cổ đại thường lấy dòng họ làm danh xưng của bộ tộc.

“Hựu quá khứ sinh trung, ngộ Đại Từ Như Lai, nguyện đồng thử hiệu, tức đắc Từ Tâm Tam-Muội” (Lại nữa, trong đời quá khứ, gặp Đại Từ Như Lai, nguyện có cùng danh hiệu ấy, liền đắc Từ Tâm Tam-Muội). Trong kiếp trước lâu xa, Bồ tát gặp Phật nghe pháp, gặp được một vị Phật có hiệu là Đại Từ Như Lai. Ngài làm đệ tử của Đại Từ Như Lai, phát nguyện đời đời kiếp kiếp mong có cùng danh hiệu với thầy. Danh và thực nhất định tương xứng. Danh hiệu giống nhau, trí tuệ,

đức năng, hành trì nhất định chẳng khác thầy, đó là “*thầy trò đạo hợp*”, là truyền nhân của thầy. Do phát nguyện ấy bèn đắc Từ Tâm Tam-Muội. Tam là đúng mực, còn dịch là chính định. Tâm đã định. Định trong đại từ đại-muội (Samādhi) là tiếng Ấn Độ, dịch sang nghĩa tiếng Hán là chính thọ, tức sự hưởng thụ chính đáng, còn dịch là chính định, tâm đã định rồi, định trong đại từ đại bi.

“*Hựu tích vi Bà La Môn, hiệu Nhất Thiết Trí, ư bát thiên tuế, tu tập Từ hạnh*” (Xưa kia, Ngài lại là Bà La Môn có hiệu là Nhất Thiết Trí, tu tập hạnh Từ trong 8.000 năm). Trong đoạn này nói đến rất nhiều thời đại, đấy cũng là sự tích tu hành của Bồ tát Di Lặc trong đời quá khứ. Lại nữa, trong thời đại ấy, Ngài từng hiện thân làm Bà La Môn. Bà La Môn giáo của cổ Ấn Độ là một tôn giáo vô cùng xa xưa, lịch sử đã lâu đời, hậu thân của tôn giáo này chính là Hưng Đô giáo (Hinduism) trong hiện tại, người ta gọi tôn giáo ấy là Ấn Độ giáo.

Nghe nói tôn giáo ấy có hơn một vạn năm lịch sử, chúng ta có thể tin tưởng lời này. Người Ấn Độ không coi trọng lịch sử cho lắm, họ chú trọng tu định, khai ngộ. Điều này cũng có lý. *Tu định*, khai ngộ là thật; trừ chuyện này ra, như đức Phật đã dạy trong kinh: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, “*Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”. Những điều này đều là sự thật. Hiện thời, trên thế giới thừa nhận Ấn Độ giáo có lịch sử tối thiểu là 8.500 năm.

Họ nói Phật giáo chỉ có hơn 2.500 năm lịch sử. Nói như vậy, tối thiểu Ấn Độ giáo lâu hơn Phật giáo 5.000 năm. Thật sự là một tôn giáo cổ xưa.

Bà La Môn giáo coi trọng tu định. Trong kinh điển, đức Phật thường nhắc tới Tứ thiền Bát định. Những món thiền định ấy do Bà La Môn giáo của cổ Ấn Độ đề xướng. Thuở đó, ở Ấn Độ, tất cả các tôn giáo, kể cả các học phái đều coi trọng tu thiền định. Trong định có thể đột phá các chiều không gian, có thể thấy quá khứ, mà cũng có thể thấy tương lai. Họ có năng lực thấy trạng huống trong toàn thể lục đạo. Học thuyết lục đạo luân hồi do họ đề ra. Đó là cảnh giới do họ đích thân chứng nghiệm trong định. Nói theo hiện thời, điều này cũng thuộc về triết học và khoa học. Bất quá, họ chẳng dùng máy móc khoa học, mà dùng công phu thiền định để hoàn toàn thấy được, hoàn toàn thông đạt, hiểu rõ! Đây là giới thiệu đơn giản về Bà La Môn giáo.

Thuở ấy, Bồ tát Di Lặc tu hành trong đạo Bà La Môn rất có thành tựu, phải thuộc vào hàng đại sư, nên có hiệu là Nhất Thiết Trí. Trong 8.000 năm, Ngài thường tu hạnh Từ. 8.000 năm là thời gian, niên đại được nói ở đây cũng là niên đại trên địa cầu, Ngài tu đại từ đại bi. “*Hựu*” (Lại nữa), tiếp đó nhằm nói đến một thời đại nữa, tức là một thời đại khác, chỉ rõ Bồ tát tu từ bi không chỉ một đời, một kiếp, mà là đời đời kiếp kiếp, vĩnh viễn tiếp tục không ngừng! Vì thế, ngày nay chúng ta vẫn lấy Bồ tát Di Lặc tượng trưng cho lòng từ

bi trong Đại thừa Phật pháp. Tiếp đó, nói *“Phất Sa Phật thời”* (Thời Phất Sa Phật). Đây là danh hiệu của một vị cổ Phật, *“dữ Thích Ca Như Lai đồng phát Bồ đề tâm, thường tập Từ Định”* (cùng phát tâm Bồ đề với Thích Ca Như Lai, thường tu tập định từ).

Trong đời ấy, Ngài là bạn học của Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Phật, đều là học trò của Phất Sa Phật, cùng tu học có thành tựu. Di Lặc và Thích Ca đều mang thân phận Bồ tát. Tiếp đó, sách *Sớ Sao* lại nêu ra: *“Tư Ích Kinh vân: Chúng sinh kiến giả, tức đắc Từ Tâm Tam-Muội”* (Kinh *Tư Ích* chép: “Chúng sinh trông thấy liền đắc Từ Tâm Tam-Muội”). Hết thấy chúng sinh trông thấy Bồ tát, tâm từ bi đều sinh khởi. Do vậy, tại Trung Quốc, các vị tổ sư đại đức thờ Bồ tát Di Lặc ngay tại cửa chùa. Chùa miếu được xây dựng theo lối chính quy, bước vào đầu tiên là sơn môn, tức là Thiên Vương Điện. Tứ Đại Thiên Vương là thần hộ pháp trong Phật môn. Tứ Đại Thiên Vương được bày 2 bên, chính giữa thờ Bồ tát Di Lặc, nhưng Bồ tát Di Lặc được tạc tượng khác với Ấn Độ. Tại Ấn Độ, Bồ tát Di Lặc được tạc tượng rất giống Quán Thế Âm, Đại Thế Chí; ở Trung Quốc thờ tượng Bồ Đại Hòa thượng.

Trong lịch sử, thật sự có một vị Bồ Đại Hòa thượng. Trong *Cao Tăng Truyện* có chép truyện ký của Ngài. Ngài sinh nhằm thời đại Tống Cao Tông (1107-1187) nhà Nam Tống. Rất nhiều đồng học biết trong lịch sử Trung Quốc có danh nhân Nhạc Phi, tinh trung báo quốc. Bồ Đại Hòa thượng

cùng thời với Nhạc Phi, xuất hiện tại huyện Phụng Hóa, tỉnh Chiết Giang. Tuy truyện ký ghi chép rất tỉ mỉ, vẫn chẳng biết dòng họ và lai lịch của Ngài. Rốt cuộc, Ngài là người nơi nào, không biết, tên họ gì cũng không biết, thậm chí đối với pháp danh xuất gia của Ngài cũng không biết, chẳng ai biết! Người ta gọi Ngài là Bồ Đại Hòa thượng (Hòa thượng túi vải) do Ngài hằng ngày cầm một cái túi to đi khắp nơi hóa duyên. Người ta cúng dường thứ gì, Ngài đều bỏ vào túi.

Mỗi ngày, gặp người khác đều thật sự hoan hỷ, mặt tràn đầy vẻ tươi cười, người cũng rất mập mạp. Vì thế, tạo tượng Bồ tát Di Lặc đều là tạo hình tượng của Bồ Đại Hòa thượng. Theo truyền thuyết, khi vãng sinh, Ngài bảo người khác Ngài là Bồ tát Di Lặc thị hiện. Nói xong bèn tịch, chẳng sinh bệnh, nói ra thân phận bèn ngồi xếp bằng vãng sinh.

Vào thời cổ có chuyện như thế, là thật. Phật, Bồ tát thị hiện trong nhân gian chúng ta, hễ thân phận bộc lộ bèn tịch, chẳng thể lưu lại trong nhân gian nữa. Nếu bộc lộ thân phận mà vẫn không tịch, vẫn sống trong nhân gian, tức là giả trá, chẳng thật! Các đồng học học Phật chúng ta phải hiểu điều này, sẽ chẳng bị kẻ khác lường gạt! Kẻ đó nói hẩn là Bồ tát hay Phật sống nào đó tái lai, nói xong vẫn chẳng tịch, vậy thì mục đích của hẩn là gì ta có thể đoán ra được, vẫn là tham cầu tiếng tăm, lợi dưỡng. Nói rồi bèn tịch thì là thật, chẳng giả tí nào! Do vậy, từ đó trở đi, người ta đặt tượng lão nhân gia ở ngay sơn môn, khiến cho hết thảy

chúng sinh hể bước vào sơn môn sẽ thấy vị đầu tiên là Ngài. Vì sao? Đây là như kinh đã dạy: *“Chúng sinh kiến giả, tức đắc Từ Tâm Tam-Muội”* (Chúng sinh trông thấy liền đắc Từ Tâm Tam-Muội). Biểu thị pháp ấy, khiến cho hết thấy chúng sinh hể bước vào cửa Phật, thấy Ngài đầu tiên, tâm từ bi sẽ sinh khởi. Quý vị thấy Bồ tát hoan hỷ dường ấy, vẻ mặt tràn đầy vẻ tươi cười, bụng to đùng, tượng trưng điều gì? Có thể bao dung. Chớ nên so đo với bất cứ ai, mà có thể bao dung, có thể rộng lòng tha thứ, có thể xử sự, đãi người, tiếp vật bằng đại từ đại bi, biểu thị những ý nghĩa này. Do vậy, đây là giáo dục, là lên lớp.

Đã nói tới Thiên Vương Điện, chúng tôi cũng tiện dịp giới thiệu đôi chút về ý nghĩa biểu pháp của Tứ Đại Thiên Vương. Họ hộ trì Phật pháp, chớ nên không biết họ hộ trì chúng ta ra sao! Họ hộ trì bằng cách chỉ dạy chúng ta hộ trì chính mình như thế nào, tức là hộ trì thân tâm của chính mình. Có thể hộ trì thân tâm của chính mình, hạng người như thế được gọi là “biết yêu thương chính mình”. Yêu mình thì có thể yêu người; chẳng yêu thương chính mình, làm sao có thể yêu thương người khác, há có lẽ ấy? Tứ Đại Thiên Vương tượng trưng cho sự yêu thương chính mình. Họ được chia thành 4 vị thiên vương Đông, Nam, Tây, Bắc:

1) Đông Phương Thiên Vương có danh hiệu là Trì Quốc (Hộ Quốc thiên vương, Dhrtarāstra, Đề Đầu Lại Tra). Ý nghĩa Hộ Quốc được mở rộng thành hộ trì chính mình, hộ trì gia

đình, hộ trì dòng họ, hộ trì láng giềng làng xóm, hộ trì xã hội, hộ trì quốc gia, hộ trì dân tộc, hộ trì toàn thể thế giới. Quý vị phải hiểu ý nghĩa này.

Cần phải lưu ý một chuyện trọng yếu nhất trong hộ quốc. Người xưa đã dạy chúng ta đạo Trung dung. Điều kiện trọng yếu nhất là phải biết sử dụng Trung, chớ nên thái quá mà cũng đừng bất cập sẽ đạt đến chỗ tốt đẹp. Đó chính là tốt lành nhất, “*chỉ ư chí thiện*”. Tiêu chuẩn của Trung là gì? Trong Phật pháp, Trung được hiểu sâu hay cạn khác nhau, quá nhiều. Sách *Trung Dung*^[10] trong *Tứ Thư* của triết học Trung Quốc giảng về Trung, trong ấy thánh hiền đã giảng về tiêu chuẩn của Trung.

Danh hiệu của thiên vương khiến chúng ta hiểu Ngài biểu thị ý nghĩa nào. Tay Ngài cầm đàn tỳ bà. Tỳ bà là nhạc khí, không phải là nói vị thiên vương này thích ca hát, không phải là ý nghĩa ấy! Đàn tỳ bà biểu thị Trung đạo. Nhạc khí sử dụng dây, thì dây đàn không thể rất căng, quá căng sẽ bị đứt, cũng chẳng thể quá chùng, quá chùng sẽ không phát ra tiếng, phải điều chỉnh thích đáng, phù hợp, âm sắc sẽ hay đẹp, mang ý nghĩa ấy! Quý vị phải điều chỉnh sao cho thích đáng, vừa phải.

[10] *Trung Dung* là một chương trong sách *Lễ Ký*, tức chương 31, chưa rõ tác giả là ai, có thuyết nói là do Không Cấp (tự là Tử Tư). Không Cấp (438-402 trước Công Nguyên) là cháu nội của Không Tử, tức con trai của Không Lý, từng theo học với Tăng Tử (Tăng Sâm, một trong những môn đệ đặc ý của Không Tử). Không Cấp được hậu thế xưng tụng mỹ hiệu là Thuật Thánh. Dựa theo văn phong, chỉ có thể đoán sách *Trung Dung* được hoàn thành cuối thời Chiến Quốc. Mãi đến đời Tống, thiên sách này mới được rút ra thành một bản lưu hành riêng và Châu Hy đã quy định *Tứ Thư* gồm *Luận Ngữ*, *Mạnh Tử*, *Đại Học* và *Trung Dung*.

Trong Đại thừa Phật pháp, Trung được gọi là Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đế, biểu thị ý nghĩa ấy. Ai có thể hành Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đế? Chư Phật Như Lai, Pháp thân Đại sĩ, còn Phật và Bồ tát thuộc trong mười pháp giới vẫn chưa làm được. Quý vị phải hiểu Trung, chẳng lệch, chẳng tà mới là Trung. Người ở trong lục đạo chẳng làm được. Vì sao? Họ có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là lệch lạc, tà vạy, chẳng phải là chánh. Trung và Chính có ý nghĩa giống nhau.

Trung đạo được hành trong Tứ thánh pháp giới là tương tự, chưa thật. Vì sao? Đã đoạn phân biệt và chấp trước, nhưng chưa hết vọng tưởng, vẫn còn có khởi tâm động niệm, nên chẳng phải là Trung, Chính thật sự. Nhất định phải đạt đến minh tâm kiến tính, trong cảnh giới lục trần, lục căn thật sự làm được “chẳng khởi tâm, không động niệm”, đấy mới là thật sự đạt được Trung, Chánh. Đó là tiêu chuẩn cao nhất của Trung đạo. Pháp thân Bồ tát chứng đắc, chứng đắc bèn vượt thoát mười pháp giới, chứ không phải chỉ là lục đạo. Hộ Quốc thiên vương biểu thị ý nghĩa này. Chúng ta thấy tượng Hộ Quốc thiên vương bèn hiểu ý nghĩa biểu thị pháp, xử sự, đãi người, tiếp vật phải hành Trung đạo, chẳng lệch lạc, chẳng tà vạy, mang ý nghĩa này.

2) Nam Phương Thiên Vương có đức hiệu là Tăng Trưởng (Virūdhaka, Tỳ Lô Lặc Xoa). Danh hiệu của Ngài là Tăng Trưởng. Tăng Trưởng có nghĩa là không ngừng tiến lên, tiến

bộ, mong cầu tiến bộ! Người xưa đã dạy: *“Cầu nhật tân, nhật nhật tân”* (Ngày một mới, mỗi ngày một mới mẻ hơn), chính là ý nghĩa này. Nói theo Phật pháp sẽ là Tinh Tấn Ba La Mật. Tinh tấn là trọn chẳng thoái chuyển, mang ý nghĩa này.

Tay Ngài cầm kiếm, tức bảo kiếm. Bảo kiếm tượng trưng trí tuệ. Chỉ có trí tuệ mới có thể thật sự giúp cho chúng ta tiến bộ, tiến bộ nhưng không để lại hậu quả. Tại Ấn Độ vào thời cổ và tại Trung Quốc xa xưa, tông chỉ giáo dục có mục tiêu chung cực là cầu trí tuệ. Phật pháp sau khi truyền đến Trung Quốc đã thúc đẩy Nho và Đạo đều theo đuổi trí tuệ. Trí tuệ do đâu mà có? Kinh điển cho chúng ta biết: Tự tính của chúng ta vốn trọn đủ trí tuệ. Trong kinh *Hoa Nghiêm*, đức Phật dạy: *“Hết thấy chúng sinh đều có trí tuệ và đức tướng của Như Lai”*, nói rất rõ ràng, rất rành mạch. Nói “Như Lai” là nói tới tự tính, chẳng phải là ai khác. Trong tự tính của chúng ta có trí tuệ viên mãn, đức năng viên mãn, nay chúng ta nói là năng lực, năng lực kỹ thuật. Hiện thời, người bình phàm chúng ta gọi “tướng hảo” là phúc báo, không có gì chẳng viên mãn. Nay vì sao chúng ta có sai biệt? Chúng ta so với Phật và Pháp thân Bồ tát khác biệt một trời một vực. Vì sao vậy? Đức Phật dạy: *“Chỉ vì vọng tưởng, chấp trước, nên không thể chứng đắc”*. Câu này đã nói toạc ra. Thật vậy, chúng ta có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nên trí tuệ và đức tướng sẵn có trong tự tính chẳng thể hiện tiền, chúng bị những thứ ấy chướng ngại.

Do đó, đức Phật dạy chúng ta 3 phương pháp nhằm phá 3 thứ chướng ngại ấy. Ngài dạy Giới. Nếu trì giới, thanh tịnh sẽ phá được Kiến Tư phiền não. Kiến Tư phiền não là chấp trước, có thể phá chấp trước, khôi phục tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh hiện tiền. Tâm thanh tịnh là bản tâm. Tâm thanh tịnh là phúc báo.

Chư vị phải ghi nhớ, chúng ta mong cầu phúc thì: Tâm chẳng thanh tịnh sẽ chẳng có phúc; tâm đã thanh tịnh, phúc báo bèn hiện tiền. Thật đấy, chẳng giả đâu! Có phúc sẽ có địa vị và của cải trong xã hội; nếu tâm không thanh tịnh, phúc ấy là giả, chẳng thật. Có địa vị và của cải mà tâm thanh tịnh, phúc đó là thật, người ấy thật sự hưởng phúc.

Thứ hai là dạy chúng ta tu định. Tu định có thể phá Trần Sa phiền não, tức là phân biệt. Đạt được gì? Đạt được bình đẳng. Đây là như kinh *Vô Lượng Thọ* đã nói “Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác”, đạt được bình đẳng. Tâm bình đẳng hiện tiền. Bình đẳng là đại định, chẳng nổi sóng gió. Bình lặng rồi, đây là cảnh giới của Bồ tát, đã tiến cao hơn.

Cuối cùng đức Phật dạy chúng ta giác, chính giác, giác chứ không mê. Giác có thể phá căn bản vô minh, thành Phật, trở về tự tính. Đức Phật dạy chúng ta 3 phương pháp Giới - Định - Tuệ. Vì vậy, trong kinh Phật thường nói: “*Cần tu Giới, Định, Tuệ, tức diệt tham, sân, si*” (Siêng tu Giới, Định, Tuệ, dứt bật tham, sân, si). Thứ nghiêm trọng nhất trong Tham

là chấp trước, thứ nghiêm trọng nhất trong Sân là phân biệt, thứ nghiêm trọng nhất trong Si là vọng tưởng. Đức Phật dạy chúng ta phương pháp phá 3 thứ chướng ngại ấy, trí tuệ và đức năng sẵn có trong tự tính của chúng ta đều hiện tiền, chẳng phải là hướng ra ngoài để cầu.

Do vậy, Phật pháp được gọi là Nội học, kinh Phật được gọi là Nội điển, chẳng hướng ra ngoài cầu mà cầu từ bên trong là trí tuệ, hướng ra ngoài để cầu bên ngoài là tri thức. Tri thức và trí tuệ là 2 chuyện khác hẳn nhau. Giáo dục của người phương Tây nhằm cầu tri thức, chẳng phải là cầu trí tuệ. Trí tuệ do Giới, Định, Tuệ mà có, còn tri thức thật sự là từ tâm ý thức của chúng ta. Chúng ta dụng tâm nghiên cứu, làm như vậy càng chẳng ăn khớp với Giới, Định, Tuệ, trong ấy chẳng có Giới, Định, Tuệ. Giáo dục phương Đông coi trọng Giới, Định, Tuệ, đặc biệt là Phật giáo.

Sau khi Phật giáo truyền đến Trung Quốc, đúng như Tiến sĩ Thang Ân Tử (Toynbee) đã nói, nó đã phong phú hóa nền văn hóa bản địa của Trung Quốc. Nho gia coi trọng Giới, Định, Tuệ. Đạo gia cũng xem trọng Giới, Định, Tuệ, tăng trưởng mà! Nâng cao Giới, Định, Tuệ, đó là tăng trưởng. Giới, Định, Tuệ thúc đẩy hết thảy tiến bộ trong xã hội. Giới, Định, Tuệ cũng có thể thúc đẩy quý vị thăng quan, phát tài, nó là chính đáng, chẳng để lại hậu quả, cao minh hơn phương Tây nhiều.

Ở phương Tây, tri thức, khoa học, kỹ thuật phát triển, đến hiện thời chúng ta có thể thấy, chẳng qua là 300 năm, chúng ta thấy gì? Thấy ngày tàn của thế giới. Vì vậy, hiện thời họ cũng dần dần giác ngộ, học theo phương Đông, học tập Ấn Độ. Trong mấy năm gần đây, họ tìm cầu hóa giải xung đột, khôi phục sự an định trong xã hội và thế giới, chung sống hòa bình. Họ chẳng làm được điều này, khiến cho xã hội rối loạn, địa cầu bị tổn hại.

Địa cầu đã bị tổn hại, theo họ nói, tức theo lời các nhà khoa học, hiện thời địa cầu triển khai sự trả thù đối với nhân loại, sự trả thù ấy chính là tai nạn. Vì sao? Các nhà lượng tử học hiện đại đã biết, hết thấy tất cả hiện tượng vật chất, giống như vi trần được nói tới trong kinh Phật. Một hạt vi trần là vật chất, nó có Thọ, Tưởng, Hành, Thức, có thể thấy, nghe, hiểu ý nghĩ, ý niệm, hành vi của con người. Nó có ưa, ghét. Ngôn hạnh của con người tốt đẹp, nó sẽ ưa chuộng. Tâm hạnh của con người tạo ác, nó sẽ chán ghét, chẳng phải là vô tri. Do vậy, trong Phật pháp nói vạn sự vạn vật trong toàn bộ vũ trụ đều là thể hữu cơ, sống động, chẳng chết cứng! Hiện thời, các nhà khoa học lượng tử phát hiện điều này. là thật, chẳng giả.

Hiện nay, tư tưởng và hành vi của loài người chúng ta có lỗi với địa cầu! Phá hoại sự cân bằng sinh thái tự nhiên, phạm lỗi với nó, nó phải báo thù. Có thể hóa giải tai nạn hay không? Các nhà lượng tử học nói “có thể”. Phật pháp

cũng giống như vậy, cũng có cách nói như thế. Chúng ta chỉ cần thay đổi tâm thái, nhận biết chân tướng của hiện tượng tự nhiên, điều chỉnh tâm thái của chính mình, vứt bỏ tham, sân, si, mạn, đoạn hết thấy ác, tu hết thấy thiện.

Hết thấy vạn vật ưa chuộng thiện pháp, chúng ta tìm lại 12 từ *“hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ, nhân, ái, hòa, bình”* của cổ thánh tiên hiền. Khởi tâm, động niệm, ngôn ngữ, tạo tác đều tương ứng với đức hạnh, xã hội sẽ hòa hài, chẳng có tai nạn. Vì sao? Cảnh chuyển theo tâm. “Cảnh” là hoàn cảnh. Đối với đại hoàn cảnh của chúng ta, địa cầu là đại hoàn cảnh, vô lượng vô biên tinh hệ trong không gian cũng là đại hoàn cảnh của chúng ta. Khoa học gia đã đưa cảnh cáo nghiêm trọng nhất, năm 2012, Ngân hà thẳng hàng, người Maya đã tính như vậy. Chúng tôi thấy có một tài liệu tức là bài phát biểu của Tổng cục Vũ trụ của Mỹ tuyên bố chuyện Ngân hà thẳng hàng là có thật, nhưng họ nói không phải là năm 2012, mà là năm 2013, sai khác một năm. Chúng ta có thể hóa giải tai nạn này hay không? Có thể! Vì sao? Trong hoàn cảnh cư trụ, tâm chúng ta chính đáng, không chỉ địa cầu chẳng có tai nạn, mà các tai nạn trong các tinh hệ (hệ thống tinh tú) thuộc vũ trụ cũng có thể hóa giải. Người thâm nhập Đại thừa biết như vậy, có tín tâm, chẳng hoài nghi tí nào!

Trong quá khứ, đã từng có người bảo cho tôi biết, hy vọng người học Phật chúng ta sẽ nghiêm túc, nỗ lực tu học, thay đổi quỹ đạo của các tinh hệ trong vũ trụ. Lúc đó, tôi nghe

xong, hết sức ngỡ ngác, há có loại năng lực ấy? Phật, Bồ tát cũng làm không được, lẽ đâu chúng ta có năng lực như vậy? Học kinh *Hoa Nghiêm*, học bộ *Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán* của Hiền Thủ Đại sư, chúng tôi hoát nhiên đại ngộ “thật sự có loại năng lực ấy”. Các nhà khoa học cận đại đã phát hiện ý niệm có năng lượng chẳng thể nghĩ bàn. Chẳng có bất cứ năng lượng nào có thể sánh bằng năng lượng sinh bởi ý niệm, nhưng trong kinh điển, chúng ta thường đọc thấy điều gì? Không thể liễu giải thấu triệt ý nghĩa của nó.

Quý vị thấy trong kinh Phật, từ lúc mới học Phật, chúng ta đã đọc đến rồi, vũ trụ sinh ra như thế nào? “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Đọc nhuyển như cả rồi, nhưng ý nghĩa thật sự được bao hàm trong câu nói ấy chẳng biết; vì vậy, chẳng thể sử dụng được, vẫn mê trong cảnh giới y như cũ, chẳng biết chân tướng sự thật của cảnh giới, không biết thật tướng của các pháp, rất oan uổng, rất đáng tiếc! Trời cao đã cho chúng tôi sống thọ, chúng tôi rất cảm kích! Nếu tôi chết từ 5 năm trước, sẽ chẳng biết đến chuyện này. Tôi thật sự biết là đã đọc đến nắm lòng rồi, nhưng chẳng thấu triệt, chẳng thật sự hiểu, chẳng dùng được! Thật sự hiểu, vận dụng được, ứng dụng điều ấy vào đời sống, công việc, xử sự, đãi người, tiếp vật, học sống động, dùng sống động, tức là quý vị đã thật sự học được! Sách *Hoàn Nguyên Quán* giảng rõ ràng, minh bạch, lại còn đọc các báo cáo khoa học hiện thời, đối chiếu những điều này, tín tâm của chúng tôi mười phần đầy

đủ. Các khoa học gia đã phát hiện, tuy phát hiện, họ chẳng nói rõ ràng và thấu triệt như trong Phật pháp.

Do vậy, chúng tôi nghĩ, tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu Phật pháp với tôi, bảo tôi: *“Triết học trong kinh Phật là đỉnh cao nhất trong triết học toàn thế giới”*. Lão nhân gia giới thiệu điều này với tôi. Nay tôi nhận thấy, không chỉ là đỉnh cao nhất trong triết học toàn thế giới, mà đồng thời cũng là đỉnh cao nhất của khoa học toàn thế giới. Ngày nay, có những vấn đề mà khoa học chưa thể giải quyết, nhưng Đại thừa Phật pháp đã giải quyết toàn bộ!

Quý vị nghĩ xem, các nhà khoa học biết chuyện Ngân hà xếp thẳng hàng, nhưng bó tay không có cách giải quyết! Phật pháp biết có biện pháp để thay đổi nó. Vì sao? Toàn thể vũ trụ do tâm hiện, thức biến, ta muốn sửa đổi một chút khuyết điểm chẳng phải là chuyện thực hiện dễ dàng ư? Ta có thể sáng tạo nó, lẽ đâu chẳng thể thay đổi nó? Phải tin tưởng chuyện này! Trong Tịnh Độ tông nói tới Tín, Nguyện, Hành, tuyệt đối tin tưởng, chẳng có mảy may hoài nghi nào. Sức của một người chúng ta chẳng đủ! Đúng vậy, lời này có lý lắm, chẳng phải là vô lý! Nếu nay chúng ta thật sự chứng đắc địa vị Pháp thân Bồ tát thì được, chúng ta có năng lực, một người là được rồi!

Chắc sẽ có người hỏi, chư Phật Như Lai rất nhiều, Pháp thân Bồ tát càng nhiều hơn nữa, vì sao các Ngài chẳng sử

dụng thần thông và pháp thuật để hóa giải tai nạn cho chúng ta? Nếu các Ngài chẳng hóa giải tai nạn, từ bi ở chỗ nào? Chúng ta hỏi, Phật, Bồ tát sẽ bảo: *“Tâm, Phật, chúng sinh, 3 thứ chẳng sai biệt”*. Tâm, Phật, chúng sinh có sức mạnh bình đẳng. Nghiệp này do chúng ta tự làm, tự chịu. Quý vị tạo tội nghiệp, thì người khác sẽ chẳng thể chịu thay. Quý vị gây ra sai sót này, thì chính mình phải bù đắp, hóa giải. Phật, Bồ tát chẳng thể hóa giải giùm quý vị. Phật, Bồ tát nói cho quý vị biết lý luận và phương pháp hóa giải. Quý vị phải hiểu rõ lý luận, nương theo phương pháp ấy, sẽ thật sự có thể hóa giải vấn đề, đó là chính lý.

Sự rối loạn hiện thời do chúng ta gây ra. Trong cảnh giới của Phật, Bồ tát có tai nạn hay không? Không có. Tôi nói với quý vị những câu này đều là lời thật. Trong cảnh giới của các Ngài chẳng có tai nạn, nhưng trong cảnh giới của chúng ta có tai nạn. Trong kinh điển thường nói điều này, mỗi người tự lo chuyện sống chết, mỗi người tự nhận lãnh nghiệp báo. Đã làm sai, đừng sợ, nhất niệm hồi đầu, vấn đề lập tức được giải quyết.

Cổ nhân nói: *“Hành hữu bất đắc, phản cầu chư kỷ”* (Làm không được, thì hãy quay lại xét mình). Câu này quan trọng lắm! Oán trời, trách người, tội càng thêm tội, không chỉ chẳng thể giải quyết vấn đề, mà còn khiến cho vấn đề càng thêm nghiêm trọng, chỉ có quay lại tự vấn, vấn đề sẽ thật sự được giải quyết. Kẻ khác chẳng có lầm lỗi, thiên nhiên chẳng

có lầm lỗi. Vì sao thiên nhiên biến hiện tai nạn nhiều ngàn ấy? Do tâm bất thiện của chúng ta cảm vời, chẳng phải là thiên nhiên cố ý. Nó vô tình. Thiên nhiên biến hóa theo lệnh của ai? Nghe theo ý niệm của chúng ta! Ý niệm của chúng ta tốt lành, thiên nhiên trở thành tốt lành. Ý niệm của chúng ta bất thiện, thiên nhiên trở thành bất thiện. Đạo lý là như thế đó. Ý niệm làm chủ tế hết thủy. Ý niệm thay đổi hết thủy. Quý vị bất thiện nhiên trở thành thiện hay ác đều do ý niệm. Ý niệm của Phật là thanh tịnh, bình đẳng, giác, nên trong cảnh giới của Ngài không có tai nạn. Ý nghĩa biểu thị pháp của Tăng Trưởng Thiên Vương rất sâu, rất rộng, chúng ta phải nghiêm túc học tập. Giới, Định, Tuệ trọng yếu hơn bất cứ gì khác, do Giới đắc Định, do Định đắc Tuệ.

3) Vị thiên vương thứ ba là Quảng Mục Thiên Vương (Virūpākṣa, Tỳ Lô Bác Xoa) ở phương Tây. Phương Tây và phương Bắc nhắc nhở chúng ta tâm thái tu học. Chúng ta phải làm như thế nào để thật sự đạt được trí tuệ? Vì mấu chốt của toàn bộ chính là trí tuệ, mục tiêu là hộ quốc. Có trí tuệ, thì mới có thể hộ quốc. Thiếu trí tuệ sẽ chẳng thể hộ quốc. Hộ quốc là đại nguyện, tăng trưởng trí tuệ là đại đức, đại năng. Cầu bằng cách nào? Đa văn, quảng học đa văn, thành tựu trí tuệ chân thật.

Ở đây, coi trọng Hậu đắc trí, không gì chẳng biết, quý vị đạt được quảng học đa văn. Quý vị thấy đạo cụ do Ngài cầm trên tay: Một tay cầm ròng hoặc rắn. Ròng và rắn tượng

trung cho lắm nổi thay đổi. Quan hệ giữa con người lắm nổi thay đổi, xã hội lắm chuyện thay đổi, vạn vật có nhiều điều thay đổi, thiên biến vạn hóa. Tay kia cầm một viên châu. Châu biểu thị điều gì? Biểu thị “chẳng thay đổi”. Trong nhiều nổi thay đổi, quý vị nắm giữ sự chẳng thay đổi. Thường thay đổi là Sự, chẳng thay đổi là Lý, thường biến đổi là Tướng, chẳng biến đổi là Tánh. Cũng có thể nói quý vị dùng “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, vĩnh hằng chẳng thay đổi để quan sát thế giới này và vũ trụ, trí tuệ bèn hiện tiền, biết dùng phương pháp gì để an định xã hội này. Thật sự lưu lộ lòng từ bi viên mãn vốn có trong tự tính, giúp đỡ hết thảy chúng sinh khổ nạn là khổ, được vui, phá mê, khai ngộ.

Giúp đỡ họ là khổ được vui như thế nào? Chẳng phải là người ta không có tiền bèn cho tiền, họ không có ăn bèn cho ăn, kẻ ấy không có cái mặc bèn cho quần áo. Từ bi cứu tế như thế là nhỏ nhoi, nhỏ bé nhất! Phật là đại từ đại bi. Đức Phật dùng phương pháp gì để giúp đỡ hết thảy chúng sinh trong thế gian và xuất thế gian? Giáo học! Phải hiểu đạo lý này! Vì sao? Khổ do đâu mà có? Khổ do mê mà có, quý vị chẳng liễu giải thật tướng của các pháp (tức chân tướng của vạn pháp trong vũ trụ), đã mê rồi. Do mê nên quý vị suy nghĩ loạn xạ, làm càn, làm quấy, tạo đủ mọi điều bất thiện, chống trái pháp tắc trong thiên nhiên, phá hoại quy luật thiên nhiên, khiến cho hết thảy bị mất cân bằng, tai nạn bèn xảy ra. Vốn không có tai nạn, chúng ta chưa hề nghe nói thế giới Cực Lạc

có tai nạn, cũng chẳng hề nghe nói thế giới Hoa Tạng có tai nạn. Cõi Trời có tai nạn thì có nghe nói, chứ đối với nơi Phật, Bồ tát ngự, chưa hề nghe nói có tai nạn. Do nguyên nhân nào? Mỗi ngày đều là giáo học, mỗi ngày đều lên lớp. Đạo lý ở chỗ này, chúng ta chớ nên không biết.

Chư Phật, Bồ tát xuất hiện trên thế gian, có vị nào chẳng giáo học? Phật Thích Ca Mâu Ni đã nêu gương cho chúng ta, 19 tuổi xuất gia, tham học; 30 tuổi thành đạo, học xong trong 12 năm. Sau khi thành đạo, trong Phật pháp nói là *“đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính”* vào lúc 30 tuổi. Sau khi kiến tính bắt đầu giáo học, mãi cho đến khi già chết, lão nhân gia 79 tuổi viên tịch.

Do vậy, kinh chép suốt đời đức Phật *“giảng kinh hơn 300 hội, thuyết pháp 49 năm”*. Mọi người đều biết rõ chuyện này. Phật giáo có phải là tôn giáo? Chẳng phải! Phật giáo là giáo dục. Chúng ta thấy rõ ràng thân phận của Phật Thích Ca Mâu Ni, suốt đời dạy học, mang chức nghiệp của một vị thầy, chẳng bỏ sót ngày nào. Lão nhân gia đúng là thân hành, ngôn giáo. Những gì Ngài dạy người khác, Ngài đều thực hiện toàn bộ, đó là một vị thầy tốt. *“Học vi nhân sư, hành vi thế phạm”* (Học được làm thầy người, hạnh làm khuôn mẫu cho đời). 8 từ ấy, Phật Thích Ca Mâu Ni thực hiện 100%, thực hiện viên mãn. Chúng ta phải nhận thức điều này.

Ngài dạy học nhưng chẳng mở trường, không tạo lập cơ sở vật chất. Dạy học ở chỗ nào? Phần lớn thời gian là trong núi rừng, dưới gốc cây, bên bờ nước, nơi phong cảnh tốt đẹp. Thầy ngồi dưới gốc cây, trò cũng ngồi dưới cội cây, các Ngài chọn lựa những nơi ấy, học ngoài trời! Suốt đời Ngài chẳng xây cất, chúng tôi thường nghĩ vì sao? Ngài muốn dựng đại đạo tràng thật là chuyện dễ dàng! Gia đình, gia tộc đức Phật là vương tộc, đủ sức để dựng đạo tràng cho Ngài. Kinh điển ghi chép, thuở ấy ở Ấn Độ, vua 16 nước lớn, chẳng nhắc tới những vua nước nhỏ, 16 vị đại quốc vương đều là đệ tử Thích Ca Mâu Ni Phật. Ngài muốn tạo dựng một đạo tràng, chẳng phải là chuyện dễ dàng ư? Chỉ cần nói một chút, chẳng cần tốn sức nghĩ ngợi, đạo tràng bèn thành tựu, nhưng Ngài chẳng dựng. Vì sao? Đại từ đại bi, thể hiện lòng từ bi khôn sánh. Có đạo tràng sẽ có kẻ tranh chấp, người đến học tập tâm chẳng thanh tịnh, chẳng thể nói là toàn thể, nhưng trong ấy nhất định có kẻ tâm chẳng thanh tịnh toan khống chế, chiếm hữu đạo tràng ấy! Vì vậy, Phật Thích Ca Mâu Ni không làm chuyện này, từ bi đến tột bậc. Một kẻ có ác niệm, Ngài đều ngăn chặn hẳn.

Phương thức sống là mỗi ngày ăn một bữa, đêm nghỉ dưới cội cây, đoạn sạch sành sanh tham, sân, si, mạn, nghi, tâm đặt nơi Trung đạo đệ nhất nghĩa. Học trò Phật chẳng ít, chúng ta dựa theo tưởng tượng, sách vở cổ điển của Trung Quốc ghi chép đệ tử của Khổng Tử là 3.000 người, trong số đó có 72 người hiền (Thất thập nhị hiền). Tôi tin Phật Thích

Ca Mâu Ni chẳng kém Khổng Tử, kinh điển thường ghi chép 1.255 người, những vị ấy tương đương với thất thập nhị hiền của Khổng Tử. Phật Thích Ca Mâu Ni có hơn 1.000 vị hiền nhân. Mỗi buổi giảng, mọi người tới tham gia, chẳng phải là những người thường tiếp xúc đức Phật, ở đây không ghi chép, chỉ nói là đại chúng rất đông. Tôi nghĩ đại chúng sẽ chẳng ít hơn 1.500 người, gộp thành 3.000 người.

Chúng ta thấy kinh này nói tỳ-kheo tăng đến hai vạn (20.000) người, chuyện này rất ít được nói tới. Chúng ta thấy trong hội Pháp Hoa và hội Vô Lượng Thọ, người tham dự rất đông. Do vậy, từ chỗ này ta có thể nhận biết: Đức Phật dạy học cả đời, học trò đông ngàn ấy, nhưng chẳng có tổ chức, đức Phật chẳng chia thành mấy lớp, người nào thuộc lớp nào, mời ai làm trưởng lớp nào. Nếu thuở ấy mà có, kinh điển nhất định ghi chép, bởi đây là đại sự lẽ nào chẳng ghi chép. Thầy chỉ có một, học trò đông đúc, các học trò ưu tú bèn giúp đỡ những học trò căn tính kém cỏi hơn một chút, đều là tự động, tự phát, đều là người một nhà, đệ tử cùng một thầy, các đệ tử ở cùng nhau giống như anh em trai, chị em gái. Đây là nói tới luân lý trong Phật pháp, không chỉ là đem kinh điển dạy chúng ta, mà quý vị thấy Ngài nêu gương cho chúng ta xem, ai nấy đều thi hành *Lục Hòa Kính*. Chúng tôi thường nghĩ thuở Phật Đà tại thế, thầy dạy mỗi ngày, trò học tập mỗi ngày. Thiên vương phương Tây tượng trưng cho chuyện này. Ý nghĩa ấy quá sâu!

4) Thiên vương ở phương Bắc là Đa Văn (Vaiśravaṇa, Tỳ Sa Môn). Tây Phương Quảng Mục, Bắc Phương Đa Văn, xem nhiều, nghe nhiều. Bắc Phương Thiên Vương tay cầm lọng. Lọng có dụng ý ngăn ngừa ô nhiễm. Hiện thời, trong xã hội đề xướng “hoàn bảo” (bảo vệ môi trường). Lọng tượng trưng cho sự bảo vệ môi trường, dẫn khởi ý nghĩa ngăn ngừa ô nhiễm thân tâm. Quý vị thấy: Xem nhiều, nghe nhiều, ngăn ngừa ô nhiễm, khôi phục thanh tịnh, bình đẳng, giác, thật sự bảo vệ chính mình. Ngài dạy chúng ta bảo vệ chính mình ra sao. Đó chính là hình tượng được tạc của Tứ Đại Thiên Vương. Danh hiệu gia trì công đức của chúng ta, quý vị phải hiểu điều này.

Họ dùng gì để che chở quý vị? Dùng danh hiệu này, dùng hình tượng của 4 vị thiên vương để biểu thị ý nghĩa này. Quý vị đã thật sự hiểu rõ, sẽ biết trong cuộc sống hằng ngày, xử sự, đối người, tiếp vật, tuân thủ những nguyên lý và nguyên tắc ấy, sẽ đạt được thân tâm an định, đạt được thanh tịnh, bình đẳng. Đó là gia trì thật sự. Chẳng phải là thấp hương, lễ bái, dập đầu cầu nguyện, xin các Ngài phù hộ cho con, như thế là mê tín. Mê tín thì làm sao có thể truyền được 2.500 năm? Nhưng hiện thời đúng là mê tín, vốn là trí tuệ, nay biến thành mê tín. Trí tuệ có thể truyền 2.500 năm; mê tín thì sợ rằng 25 năm cũng chẳng truyền được. Thật đấy, chẳng giả đâu!

2 tháng trước, vào tháng Sáu, chúng tôi theo đoàn phỏng vấn tôn giáo của Mã Lai đến thăm Vatican ở La Mã, gặp gỡ

Giáo hoàng. Hồng Y Giáo chủ Đào Nhiên (Jean-Louis Tauran) thuộc Tòa Thánh cùng chúng tôi trao đổi, nghe ông ta báo cáo. Ông ta cho chúng tôi biết: Trong xã hội hiện thời, người tín ngưỡng, tôn giáo mỗi năm một ít đi. Họ có thống kê, người chịu lễ rửa tội mỗi năm một ít hơn.

Trong nhà Phật gọi là quy y, tức là người quy y đạo Thiên Chúa mỗi năm một ít hơn. Theo lập trường của một giáo sĩ, họ rất lo ngại, cứ như vậy, tôn giáo sẽ dần dần biến mất trên địa cầu. Lần lượt đến phiên tôi trình bày, tôi cũng tha thiết thưa với mọi người, vì sao lúc các vị giáo chủ sáng lập tôn giáo thuở ấy, cũng như thời các vị cổ thánh tiên hiền kế thừa truyền thống, một mực kéo dài mấy ngàn năm cho đến hiện thời là do nguyên nhân nào?

Hiện thời, chúng ta gặp gỡ quần chúng, quần chúng bỏ rơi, rời khỏi chúng ta. Trong quá khứ, giáo chủ, tổ sư đại đức truyền giáo ở nơi đâu, tín chúng từ phương xa tụ hội đến. Nay, chúng ta ở đây họ bèn bỏ đi, do nguyên nhân nào? Chúng ta suy nghĩ vào thời đại của Phật Thích Ca Mâu Ni là giáo học, một nền giáo dục tốt đẹp như vậy, người ta nghe thấy bèn hoan hỷ, nên người ta kéo đến. Nay thì sao? Chẳng có giáo học. Rất nhiều tôn giáo ở ngoại quốc lo cầu nguyện, Phật giáo thì lo làm kinh sám Phật sự, pháp hội. Ngay như *Tam Thời Hệ Niệm* của chúng ta cũng giống như chuyện cầu nguyện của họ, những người trẻ tuổi trong xã hội trông thấy chẳng tin, chê là mê tín. Thôi rồi! Hễ nói đến mê tín, thì còn

ai muốn đến nữa? Đương nhiên, ai nấy đều bỏ đi. Đạo lý ở chỗ này!

Chúng ta phải cứu vãn tôn giáo như thế nào? Phải đưa tôn giáo trở về giáo học. Phải biết: Kinh điển chẳng phải để tụng! Vì sao? Thuở Phật Thích Ca Mâu Ni tại thế, Ngài chẳng viết một bộ kinh nào! Kinh điển do đâu mà có? Sau khi Phật Thích Ca Mâu Ni viên tịch, các đệ tử nhớ lại các giáo huấn của Phật Thích Ca Mâu Ni mà họ đã được tiếp nhận trong một đời, cũng là hội tập, thỉnh tôn giả A Nan nhắc lại, đại chúng cùng nghe, xem A Nan có nói sai hay không. 500 vị A La Hán chứng minh, chép lại thành văn tự lưu truyền hậu thế. Đó là nguồn gốc của kinh điển.

Chúng ta hiểu rõ kinh điển nhằm dạy chúng ta hiểu lý, vâng giữ quy củ, sống như thế nào, dùng tâm thái gì để làm việc, đãi người, tiếp vật, nhằm nâng cao linh tánh của chính mình. Đức Phật dạy chúng ta những điều ấy, chẳng dạy chúng ta niệm kinh, càng chẳng dạy chúng ta siêu độ. Siêu độ là phải đem công đức chân thật của chính mình, đối với xã hội và hết thảy đại chúng dâng hiến công đức chân thật, hồi hướng cho thân nhân của quý vị. Phương pháp siêu độ trong *Địa Tạng Bồ tát Bốn Nguyên Kinh* là như thế, chẳng có kinh sám Phật sự, nói theo Lý cũng thông suốt. Vì thế, chúng ta chớ nên không biết, chớ nên chẳng giác ngộ điều này.

Chúng ta dạy học mỗi ngày, cùng nhau học tập mỗi ngày, biến các đạo lý được giảng trong kinh điển thành tư tưởng và kiến giải của chúng ta, và cũng biến rất nhiều lời khuyên bảo trong kinh điển thành hành vi trong cuộc sống của chính chúng ta. Kinh điển có cống hiến quá lớn đối với chúng ta. Từ kinh điển, chúng ta học tập cách làm người, biết làm một người tốt, chính mình làm được sẽ ảnh hưởng cả nhà. Nhà chúng ta sẽ là một gia đình thật sự hạnh phúc mỹ mãn. Hạnh phúc mỹ mãn ấy do đức Phật dạy dỗ. Lại mở rộng ra, chúng ta sẽ có xã hội hài hòa, thế giới hòa hợp, đó là cống hiến chân thật của chư Phật, Bồ tát đối với thế giới và nhân loại, chẳng giả tí nào! Phật giáo là như thế, mà các tôn giáo khác cũng đều như thế. Các tôn giáo học tập lẫn nhau, chỉ có học tập lẫn nhau mới có thể nâng cao chính mình, giống như tại Trung Quốc, Nho và Đạo tiếp nhận Phật pháp, học tập kinh điển, nâng cao văn hóa bản địa, có cùng một đạo lý!

Quảng Mục Thiên Vương đã thị hiện ngăn ngừa tạp loạn. Đa Văn Thiên Vương thị hiện ngăn ngừa ô nhiễm. Thiên Vương Điện gồm 4 vị thiên vương và Bồ tát Di Lặc đã ban cho chúng ta bài học thứ nhất. Hết sức đáng tiếc là hiện thời mọi người đã bỏ sót, quên khuấy ý nghĩa này, coi Bồ tát Di Lặc và các thiên vương như thần tiên, đốt hương, lễ bái cầu phúc! Há có chuyện như thế ư? Mười phần mê tín.

Sa sút như vậy, Phật giáo sẽ dần dần bị suy diệt, mà cũng có thể chẳng còn nữa! Phật giáo bị diệt trong đời này của

chúng ta, người trong thời đại chúng ta có thể thành tựu hay chẳng? Niệm Phật có thể vãng sinh hay chẳng? Tôi nghĩ chẳng thể nào, thả đều vào địa ngục. Vị thầy tốt như thế, nhưng quý vị làm cho đại chúng trong xã hội nảy sinh hiểu lầm nghiêm trọng đối với thầy. Quý vị có tội lỗi hay không? Chúng ta làm sao để xứng với thầy? Phương pháp duy nhất là quay đầu. Thật sự quay đầu là bờ, nghiêm túc học tập kinh giáo, thực hiện trong cuộc sống, nâng cao phẩm chất cuộc sống, cống hiến chân thật. Đây là mới làm Phật pháp tồn tại lâu dài trong nhân gian. Chính pháp tồn tại dài lâu. Thừa mọi người, trong ấy có giáo dục luân lý, giáo dục đạo đức, giáo dục nhân quả, giáo dục triết học, giáo dục khoa học viên mãn. Những gì đại chúng trên thế gian đang theo đuổi trong hiện thời, trong kinh Phật đều có cả, đó là lòng đại từ đại bi chân chánh. Vì thế, chúng sinh hãy trông thấy, nghe tên đều đắc Từ Tâm Tam-Muội.

Tiếp theo là *“Hựu Bi Hoa kinh vân: Phát nguyện ư đao binh kiếp trung, ủng hộ chúng sinh”* (Lại nữa, kinh *Bi Hoa* nói: “Phát nguyện ủng hộ chúng sinh trong kiếp đao binh”). Nay, chúng tôi đọc câu này, cảm xúc thật sâu! Trong nhiều tiên đoán về sự ngày tận thế, có một tiên đoán hầu như mọi người đều nhắc tới, chiến tranh thế giới lần thứ ba là vũ khí nguyên tử, hoặc chiến tranh sinh hóa, chúng là đại tai nạn hủy diệt địa cầu. Bồ tát Di Lặc phát nguyện trong kiếp đao binh, tức là nói về thời đại này, Ngài sẽ đến ủng hộ chúng

sinh. Chúng ta thường nói: Ngài đến che chở, gia trì chúng sinh. Chúng ta mỗi ngày thắp hương, lạy lục Ngài có được hay chẳng? Không được, sai lầm rồi, đó là mê tín. Phải nên như thế nào? Phát huy rộng lớn tinh thần đại từ đại bi của Bồ tát Di Lặc. Hiện thời, trong thế gian này chẳng có lòng yêu thương. Bồ tát Di Lặc tượng trưng cho sự yêu thương.

Quý vị nghĩ xem, đại từ đại bi có thể nào chẳng hiểu thuận với cha mẹ ư? Bất hiếu với cha mẹ là thiếu từ bi. Có thể chẳng kính trọng sư trưởng ư? Bất kính sư trưởng là thiếu từ bi. Lòng đại từ đại bi của quý vị thiếu năng lực mở rộng đến xóm giềng làng nước, đến quốc gia, dân tộc, đó chẳng phải là chân ái! Cổ nhân đã nói: *“Nhân dân cập vật”* (Nhân từ đối với dân và vật). *“Nhân”* là nhân từ. Đối đãi nhân từ với hết thảy mọi người, tâm yêu thương thanh tịnh, bình đẳng, sau đấy còn mở rộng đến cả loài vật. Đây là Đại thừa Phật pháp đã phong phú hóa văn hóa truyền thống của Trung Quốc. Vật là gì? *“Vật”* là vạn vật, tức vạn vật trong trời đất. Tâm yêu thương của chúng ta như Phật pháp đã nói: *“Từ bi trợn pháp giới, thiện ý ngập nhân gian”*. Đó chẳng phải là khẩu hiệu, mà là thật sự làm được, làm rất viên mãn, làm rất thù thắng. Thật sự có thể làm được, chúng ta mới thật sự bước vào Phật môn, vượt qua Thiên Vương Điện, quý vị mới thấy Phật, Bồ tát. Chẳng vượt được cái ải Thiên Vương Điện sẽ chẳng thấy Phật, Bồ tát. Ý nghĩa này sâu lắm!

Bồ tát Di Lặc là ai? Phải hiểu rõ ràng, Bồ tát Di Lặc là lòng từ bi trong tự tính của chính mình. Phật, Bồ tát từ bi, các Ngài thị hiện hình tướng, ngôn ngữ, âm thanh, nhằm dẫn khởi lòng từ bi trong tự tính của chúng ta. Quý vị thấy: Trong đời quá khứ, Di Lặc gặp Đại Từ Như Lai, nguyện có cùng danh hiệu ấy, thật sự đã đồng. Vì sao? Chứng đắc Từ Tâm Tam-Muội. Từ Tâm Tam-Muội là tâm từ bi vĩnh viễn chẳng thoái chuyển, an trụ trong từ bi, hết thấy thời, hết thấy chỗ, luôn một lòng từ bi đối với hết thấy chúng sinh, có ý nghĩa này! Bản thân chúng ta đã làm được sẽ cảm động, lan truyền sang người khác. Chẳng thể khiến người khác cảm động là vì bản thân chúng ta làm chẳng đủ, đừng nên trách người khác là căn tính của họ chậm lụt, hoặc nghiệp chướng nặng nề, chẳng phải vậy. Đó là do chính mình nghiệp chướng nặng nề.

Tánh con người vốn lành, quý vị nhất định phải thừa nhận lời Phật dạy: *“Hết thấy chúng sinh đều có trí tuệ và đức tướng của Như Lai”*. Từ bi là một phần của đức, là một phần vô cùng trọng yếu, là phần mấu chốt. Phật pháp nói từ bi, trong Ngũ Luân có nói *“Phụ tử hữu thân”* (Cha con có tình thân ái). Thân ái chính là từ bi. Giáo dục phát xuất từ chỗ này, lại trở về nguồn đúng chỗ này.

Quý vị thấy trong nhà Phật, quý vị bước vào cửa là từ bi, mắt quý vị thấy vị đầu tiên chính là Bồ tát Di Lặc. Quý vị rời khỏi tự viện, vẫn phải từ sơn môn ấy đi ra, quý vị vẫn phải

trông thấy Ngài. Từ đầu đến cuối là một bầu từ bi, đấy là Phật pháp. Phật pháp giáo dục điều gì? Giáo dục từ bi, giáo dục yêu thương, lại còn là giáo dục lòng yêu thương thanh tịnh, bình đẳng. Phật giáo chẳng có cống hiến đối với xã hội là vì đệ tử học Phật trong Phật môn chúng ta chẳng thực hiện lòng yêu thương ấy, chẳng nói rõ ràng lòng yêu thương đó. Chẳng nói rõ ràng là lẽ đương nhiên. Vì sao? Chẳng làm được! Có làm được thì quý vị mới có thể nói rõ ràng, làm không được thì làm sao có thể nói rõ ràng cho được? Há có đạo lý ấy? Yêu thương có thể hóa giải xung đột, đối lập, mâu thuẫn, cho nên chẳng còn chiến tranh, có thể hóa giải đao binh kiếp!

Chúng ta xem câu cuối cùng, *“Thị tắc từ long tức thế”* (Vì thế, lòng từ chan chứa đương thời), đại từ đại bi. Long (隆) là hưng long (興隆: chan chứa, dồi dào). *“Tức thế”* là hiện tại, đang trong hiện tiền. *“Bi trấn hậu kiếp”* (Lòng bi đến tận các kiếp sau). *“Hậu kiếp”* là tương lai. Chúng ta có thể yêu thương, bảo vệ hiện tại, xung đột trong thế gian hiện thời đã được hóa giải, xã hội đã an định, thế giới hòa bình. Không chỉ là hết thấy chúng sinh trong hiện tại được lợi ích, mà đời sau cũng được lợi ích. Chúng ta phải giống như cổ nhân, khéo dạy dỗ thế hệ kế tiếp, điều này trọng yếu lắm! Trong xã hội hiện tại, mọi người không hiểu sự giáo dục, bao nhiêu phụ nữ hoặc người mẹ trẻ tuổi chẳng biết dạy bảo con thơ ra sao! Hiện thời, còn có khá nhiều giáo viên chẳng biết dạy

học trò như thế nào! Tôi đã gặp rất nhiều kẻ làm mẹ tìm tôi kể khổ, kẻ làm thầy cũng như vậy! Những chuyện ấy không thể trách họ được. Kinh *Vô Lượng Thọ* đã nói rất hay: “*Tiên nhân vô tri, bất thức đạo đức, vô hữu ngữ giả, thù vô quá dĩ*” (Người đời trước chẳng biết, chẳng hiểu đạo đức, không có ai nói với họ, trọn chẳng đáng trách). Đừng trách móc họ! Quý vị chê trách họ sẽ là tàn nhẫn. Nhân duyên của chuyện này rất phức tạp.

Trung Quốc kể từ sau khi nhà Thanh mất nước, 100 năm qua, xã hội lâm vào cảnh động loạn, chẳng được an định, quân phiệt cát cứ, chiến tranh kháng Nhật. Đặc biệt là cuộc chiến tranh kháng Nhật đã đánh sụp văn hóa truyền thống khiến nó chẳng còn nữa, tối thiểu là chúng ta đã đánh mất văn hóa truyền thống 4 thế hệ. Người hiện thời chẳng biết đến giáo dục truyền thống. Quý vị hỏi cha mẹ, họ cũng chẳng biết. Quý vị hỏi ông bà cố họ cũng không biết. Nói chung là phải ông bà sơ thì họ mới biết, làm sao quý vị trách họ được? Hiện thời muốn phục hưng văn hóa truyền thống nhất định gặp khó khăn.

Cổ nhân nói rất hay: “*Gần sơn ắt đỏ, gần mực thì đen*”. Trong xã hội hiện thời, chẳng thấy sơn đâu nữa, không có, toàn là đen thui. Vì sao? Đại biểu cho màu đen ấy chính là TV, Internet, truyền thông, nhật báo, tạp chí, mỗi cá nhân trên toàn cầu hằng ngày tiếp xúc những thứ ấy. Hễ tiếp xúc bèn bị ô nhiễm. Tiếp xúc mà chẳng bị nhiễm bẩn thì Quảng

Mục Thiên Vương làm được, chứ chúng ta chẳng làm được! Quảng Mục Thiên Vương có Định Tâm Châu. Tâm Ngài là định. Thấy rõ ràng, nghe rõ ràng, tâm Ngài chẳng dao động, chẳng biến đổi. Người ta có bản lĩnh to lớn, viên châu của Ngài chính là “thanh tịnh, bình đẳng, giác”. Chúng ta có thể nào chẳng bị nhiễm bẩn ư? Vì thế, con cái bị nhiễm bẩn từ nhỏ, chính mình cũng bị nhiễm bẩn. Quý vị phải biết, bản thân quý vị bị nhiễm bẩn 7 phần, con cái quý vị bị nhiễm bẩn 12 phần, đến thời cháu quý vị chỉ sợ bị trở thành nhiễm bẩn đến 24 phần. Đáng hãi quá! Vì thế, thế giới có thể bị tận thế!

Do đâu có ngày tận thế? Do ý niệm bất thiện cảm ứng. Nguyên nhân là như thế đó. Nếu muốn cứu vãn, đoạn kinh văn này hay lắm, cứu từ chỗ nào? Cứu bằng tâm từ bi, cứu bằng tâm yêu thương. Trước hết, chính mình quay đầu, tự yêu thương. Tự yêu thương nhất định phải học theo Tứ Đại Thiên Vương, phải học theo Bồ tát Di Lặc, thật sự tự yêu thương chính mình. Mắt ta chẳng thể không nhìn, tai chẳng thể không nghe, thật sự giữ gìn sự thanh tịnh, bình đẳng, giác của chính mình như thế nào để chẳng bị xã hội quấy nhiễu, chẳng bị xã hội dẫn dụ, mê hoặc. Đó là quý vị thật sự tự yêu thương. Quý vị đã có thể tự yêu thương, nhất định sẽ cảm động cả nhà, con cái trong nhà quý vị sẽ dễ dạy. Thầy biết tự yêu thương sẽ cảm động học trò, bởi con người tánh vốn lành. Chỉ cần thầy tâm chánh, hạnh chánh, tôi nghĩ học

trò cũng hoan hỷ, cũng bằng lòng theo học lớp của quý vị. Cả nhà quý vị tốt đẹp, sẽ ảnh hưởng xóm giềng, ảnh hưởng thân thích, bạn bè. Khiến cho cả thế giới khôi phục như thế nào? Ít nhất phải là 100 năm, phải mất một thế kỷ, thế giới này mới có thể khôi phục bình thường, lại còn phải có nhiều người ngàn ấy thật tâm thực hiện. Nếu không có những người ấy thực hiện, sẽ là như chúng ta thường nghe nói trong hiện thời, tận thế! Địa cầu bị hủy diệt. Chúng ta quan sát cẩn thận chuyện này xem có thể xảy ra hay chẳng?

Vì vậy, đọc đến chỗ này, *“Chí cực chi từ”* (Lòng từ tội bậc). Câu này hay lắm, khuyên chúng ta phải phát tâm học tập Bồ tát Di Lặc. Phải học giống hệt như Ngài, *“Siêu xuất phạm tiểu, cố Vô năng thắng”* (Vượt trội phạm phu, Tiểu thừa, nên không ai có thể hơn được). Vô năng thắng là nói biến đổi bản thân chúng ta, đoạn ác, tu thiện, phá mê, khai ngộ, chuyển phàm thành thánh, khởi điểm là lòng từ đến tội bậc. *“Chí cực chi từ”*, chẳng khác với khái niệm *“Phụ tử hữu thân”* trong Ngũ Luân. Hiện thời, giáo học truyền thống bị coi nhẹ, chẳng nhắc tới, chỉ có thiểu số. Rất ít người học tập Đại thừa đọc được điều này trong kinh điển, hiểu minh bạch, rõ ràng, nghiêm túc nỗ lực thực hiện, cứu chính mình, cứu gia đình, cứu con cháu, cứu người đời, cứu địa cầu bằng một câu nói này. Vì thế, nói là Vô năng thắng.

Lại xem đoạn kế tiếp, *“Đại sĩ vị cư Bồ Xứ”* (Đại sĩ thuộc địa vị Bồ Xứ). Dùng từ đại sĩ để gọi Bồ tát Di Lặc, thật sự

có vị này. Ngài thuộc địa vị nào? Ngài là Đẳng Giác Bồ tát, là hậu bổ Phật sau Phật Thích Ca Mâu Ni. Phật Thích Ca là vị Phật thứ 4 trong hiền kiếp. Chúng ta nay thuộc pháp vận của Phật Thích Ca Mâu Ni, cũng có nghĩa là sự giáo hóa của Ngài có ảnh hưởng đến một vận hai ngàn năm. Theo cách ghi chép của người Trung Quốc, từ khi Phật Thích Ca Mâu Ni diệt độ cho tới hiện thời là 3.037 năm, những vị đại đức trong Phật giáo Trung Quốc từ xưa đều tuân theo cách tính niên đại này.

3.037 năm, sau đấy còn có 9.000 năm nữa, gộp thành một vận năm. Thời Mạt pháp mới qua 1.000 năm, còn có 9.000 năm sau nữa, tức là sự giáo học của Phật Thích Ca Mâu Ni hãy còn ảnh hưởng tới 9.000 năm. Trong 9.000 năm, đương nhiên có lúc Phật pháp hưng vượng, có lúc suy vi. Trong quá khứ, Chương Gia Đại sư đã nói cho tôi biết chuyện này. Nay, chúng ta đang thuộc giai đoạn Phật pháp suy vi, suy đến tận cùng sẽ hưng vượng trở lại. Thầy bảo tôi, phải có lòng tin nơi Phật, Phật pháp sẽ chẳng diệt vong, cũng có nghĩa là thế giới này chẳng phải sẽ chấm dứt như người ngoại quốc nói. Có tai nạn là thật, nhưng chẳng thể tận thế. Trong nhà Phật chẳng có thuyết tận thế.

Ngài hiện đang ở đâu? *“Tại Đâu Suất nội viện”*. Bồ tát Di Lặc ở nơi ấy, cõi Trời Đâu suất, tức tầng trời thứ tư trong Dục giới. Từ quả đất của chúng ta tính lên, tầng thứ nhất là Tứ Vương Thiên, tầng thứ hai là Đao Lợi Thiên, tầng thứ ba

là Dạ Ma Thiên, tầng thứ tư là Đâu Suất Thiên, Ngài ở trong tầng thứ 4, trên đó còn 2 tầng nữa, đó là Dục giới. Lại lên trên nữa là Sắc giới và Vô sắc giới. Vì vậy, Ngài ngự trong tầng trời thứ 4 trong Dục giới. *“Tứ thiên niên hậu”* (4.000 năm sau). 4.000 năm là thọ mạng trong cõi Trời Đâu suất. Cụ Hoàng mở dấu ngoặc ở đây, *“chỉ Đâu Suất Thiên chi tứ thiên niên”* (Chỉ 4.000 năm trong cõi Trời Đâu suất), chẳng phải là 4.000 năm trong nhân gian chúng ta. Thời gian sai khác rất lớn. Vì một ngày trong Đâu Suất Thiên bằng 400 năm trong nhân gian, nên nhân gian sống 100 tuổi, Đâu Suất Thiên thấy nhân gian chúng ta rất đáng thương, tương đương với gì? 6 giờ. 4 lần 6 là 24. 24 giờ, một ngày của họ bằng 400 năm trong nhân gian chúng ta.

“Tương đương ư địa cầu thượng chi ngũ thập thất ức lục thiên vạn niên” (Tương đương năm mươi bảy ức sáu ngàn vạn năm trên địa cầu), cũng có nghĩa là tính theo thời gian trên địa cầu, sau năm mươi bảy ức sáu ngàn vạn năm, Ngài sẽ đến thế gian này thành Phật, tức vị Phật thứ 5. *“Hạ sinh thử giới thành Phật”* (Hạ sinh thành Phật trong cõi này). Thời gian trong thế gian này không có Phật rất dài! Pháp của Phật Thích Ca Mâu Ni đã suy rồi. Hiện thời học Giáo cũng thế, mà học Thiền cũng thế, học Mật cũng thế. Thật sự vô cùng khó khăn. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ bảo với tôi điều này, cụ đích thân học Thiền. Học Thiền với Lão Hòa thượng Hư Vân, theo Cống Cát lão nhân học Mật. Cụ bảo tôi,

trong đời cụ, chẳng có ai học Thiền khai ngộ. Đắc định còn được mấy vị, không nhiều lắm. Đắc thiền định nhưng chưa thể khai ngộ. Cụ cho biết kẻ học Mật kể từ khi nước Trung Hoa mới được thành lập cho tới hiện thời, kẻ học Mật có thành tựu tại Trung Quốc Đại Lục chỉ có 6 người, quá ít ỏi! Bản thân cụ niệm Phật vãng sinh. Khi ấy, cụ cho tôi biết, mỗi ngày cụ niệm Phật bèn niệm 14 vạn câu Phật hiệu, ra đi rất thù thắng, thật sự niệm Phật cầu sinh về Tịnh độ. Chúng ta chớ nên không biết những sự thật này.

Trong tương lai, Di Lặc Phật hạ sinh làm Phật, “*Tam hội Long Hoa, độ sinh vô lượng*” (3 hội Long Hoa, độ sinh vô lượng). Ngài khác Thích Ca Mâu Ni Phật. Phật Thích Ca Mâu Ni cả đời giảng kinh hơn 300 hội. Trong tương lai, Bồ tát Di Lặc hạ sinh chỉ có 3 hội. Hội của Ngài rất lớn, số người rất nhiều. Hội của Phật Thích Ca Mâu Ni chẳng lớn, có những hội nhỏ chỉ có vài ba người, cũng là một hội. Một hôm hướng về Ngài thỉnh giáo, Ngài bèn thuyết pháp cho họ. Lời thuyết pháp ấy cũng được ghi chép trong kinh *A Hàm*. Quý vị thấy kinh văn rất ngắn, vài ba trăm từ, là một hội. Đại hội có khi lâu đến mấy năm, khác hẳn, dài ngắn khác nhau, nơi chốn cũng khác nhau. Long Hoa tam hội là 3 lần đại pháp hội tại cùng một chỗ, độ sinh vô lượng. Trong kinh điển đã nói như thế.

Hiện tại, thuộc vào pháp vận của Phật Thích Ca Mâu Ni, kẻ học Phật chưa thể đắc độ, nhưng những đã gieo thiện

căn. Trong tương lai, đến năm mươi bảy ức sáu ngàn vạn năm, trong khoảng thời gian ấy, chúng ta đã luân hồi chẳng biết bao nhiêu lần trong thế giới này.

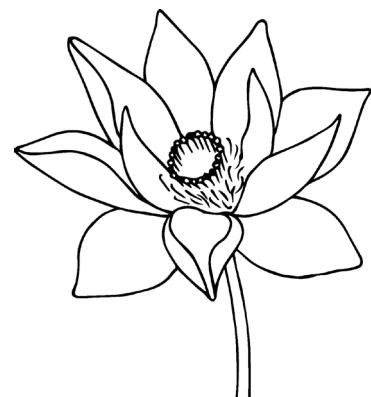
Đức Phật chẳng còn, có người thay thế Phật, điều này rất khó có. Bồ tát Địa Tạng Vương thay thế Phật. Vì thế, Bồ tát Địa Tạng Vương rất cực nhọc! Trong năm mươi bảy ức sáu ngàn vạn năm, Phật pháp đều do Địa Tạng Vương thay thế. Ngài ở nơi đây giáo hóa chúng sinh, vun bồi thiện căn, đợi khi Phật Di Lặc hạ sinh sẽ tham gia Long Hoa tam hội. Chúng ta có muốn làm như vậy hay không? Làm như vậy cũng được, nhưng thời gian rất dài. Nếu quý vị muốn thành Phật nhanh chóng hơn một chút, hãy niệm Phật để đến thế giới Cực Lạc gặp Phật A Di Đà, như vậy thì sẽ rất nhanh. Cho tới lúc nào Bồ tát Di Lặc hạ sinh làm Phật, quý vị từ thế giới Cực Lạc hạ sinh lần nữa giúp đỡ Ngài, giống như Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên là loại người như vậy. Quý vị thừa nguyện tái lai, giúp đỡ Phật Di Lặc giáo hóa chúng sinh, trở thành đại đệ tử trong hội của Ngài Di Lặc. Tôi tiết lộ tin tức này cho quý vị, còn cách làm ra sao chính mình có thể quyết định.



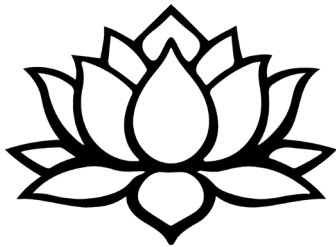
TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH
GIẢI DIỄN NGHĨA



TẬP 93



Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong



Chur vị pháp sư, chư vị đồng học, xin xem tiếp *Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải*, trang 107, xem từ dòng thứ 2.

“Bản kinh dĩ thượng tam đại sĩ vi Bồ tát chúng trung thượng thủ, cái nhân tam đại sĩ Tịnh Độ duyên thâm, chính hảo ảnh hưởng hải hội đại chúng đồng quy Tịnh Độ” (Trong kinh này, 3 vị đại sĩ trên đây là thượng thủ trong hàng Bồ tát. Do vì 3 vị đại sĩ có duyên sâu đậm với Tịnh Độ, rất phù hợp để tạo ảnh hưởng khiến đại chúng cùng quay về Tịnh Độ). 2 câu này vô cùng hay, khiến tôi cảm xúc rất sâu, vì quả thật 3 vị đại Bồ tát ấy đã hướng dẫn tôi quay về Tịnh Độ, pháp môn này quả thật là pháp khó tin. Đặc biệt là nói pháp môn này với những người hiện đang được gọi là “thành phần trí thức” càng đặc biệt khó khăn. Vì sao? Sở tri chướng quá nặng. Nếu lại thêm Phiền não chướng, chuyện này sẽ rất phiền phức. Phiền não chướng nhẹ nhàng, Sở tri chướng nặng nề, cũng rất khó trở về Tịnh Độ.

Chúng ta xem tiếp trang sau: *“Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm trung Bồ tát Phổ Hiền ư Thệ Đa lâm trung, phát thập đại nguyện vương”* Trong phẩm *Phổ Hiền Hạnh Nguyên*, Bồ tát Phổ Hiền ở trong rừng Thệ Đa phát ra 10 đại nguyện vương). Thệ Đa Lâm tức là Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên^[11]. Chúng ta thấy Bồ tát Phổ Hiền dùng 10 đại nguyện vương dẫn về

[11] Thệ Đa là cách phiên âm khác của chữ Jeta. Thái Tử Kỳ Đà (Jetakumāra) cùng trưởng giả Cấp Cô Độc xây dựng tịnh xá này.

Cực Lạc. Quý vị phải nhớ: 10 nguyên ấy giống như một tòa cao ốc 10 tầng. Lễ kính là tầng thứ nhất, xưng tán là tầng thứ hai, cúng dường là tầng thứ ba, sám trừ nghiệp chướng là tầng thứ tư, càng về sau càng phát triển cao hơn, tầng sau nhất định bao gồm tầng trước, nhưng tầng trước chẳng bao gồm tầng sau.

Tầng thứ nhất không bao hàm tầng thứ hai, nó có thể độc lập; tầng thứ hai nhất định có tầng thứ nhất, không có tầng thứ nhất sẽ chẳng thể xây dựng được. Từ chỗ này, chúng ta biết: Nếu không có lễ kính, tâm cung kính chẳng thể sinh khởi, thứ gì cũng chẳng có. Quý vị không có tầng thứ nhất, toàn bộ đều chẳng có! Ngàn vạn phần chớ nên sơ sót. Nếu nghĩ cung kính qua loa một chút là được rồi, không được đâu nhé! Qua quýt không được! Hễ qua quýt là thôi rồi! Chúng ta mở sách *Lễ Ký* ra xem, câu đầu tiên là “*Khúc Lễ viết, vô bất kính*” (Khúc Lễ^[12] nói: “Không gì chẳng kính”). Quý vị thấy, cổ nhân đặt lễ kính vào hàng đầu, bèn biết pháp môn này trọng yếu ngàn ấy!

Giữa những người quá thân thuộc với nhau, suồng sã một tí, cần gì phải bày vẽ màu mè như thế? Trọn chẳng biết đấy không phải là bày vẽ màu mè, mà lễ kính phát xuất từ trong nội tâm, Tính đức tự nhiên lưu lộ, lại còn phải vĩnh viễn chẳng suy, thì pháp thế gian và pháp xuất thế gian mới

[12] *Khúc Lễ* là một cuốn sách nhỏ, không rõ ai là tác giả, được ghép thành một bộ phận của *Lễ Ký*. *Khúc Lễ* ghi chép chi tiết về những ứng xử nhằm đúng lễ, đúng mực, kể cả những câu châm ngôn dạy thái độ sống như “*Ngạo bất khả trường, dục bất khả tòng, chí bất khả mãn, lạc bất khả cực*” (Chớ nên tăng trưởng lòng kiêu ngạo, chớ nên chạy theo lòng ham muốn, chớ nên đắc chí, chớ nên vui sướng quá mức).

có thể kiến lập. Lễ kính hơi suy một chút, chắc chắn sau đó sẽ nảy sinh vấn đề. Người sáng mắt hiểu rõ: Lễ số bị suy kém một chút, đó là tín hiệu cho thấy đoàn thể bị phân tán, sắp phải chia tay, đã có chuyện thay đổi! Vì thế, chúng ta phải hiểu rõ: Chẳng thể điên đảo thứ tự! Cùng một đạo lý, Bồ tát tu 6 Ba La Mật. Thứ nhất là bố thí, thứ hai là trì giới, thứ ba là nhẫn nhục, thứ tư là tinh tấn; nếu chẳng có bố thí, toàn bộ những điều sau đó cũng chẳng có! Kẻ không chịu bố thí làm sao trì giới được? Chẳng thể nào! Không thể trì giới, làm sao kẻ ấy tu nhẫn nhục cho được?

Trong Phật pháp, đức hạnh có rất nhiều thứ, nhưng chắc chắn không thể đảo lộn thứ tự các đức hạnh trong tu hành. Hễ thứ tự bị xáo trộn bèn rối loạn, đến cuối cùng chẳng có chuyện nào thành tựu! Đối với lễ kính, Bồ tát Phổ Hiền dạy chúng ta *“Lễ kính chư Phật”*. Từ cơ sở này mà tu thành Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác. Đấy mới là công đức xứng tánh viên mãn, làm sao có thể coi thường cho được? Những gì do chư Phật Như Lai, Pháp thân đại sĩ đã kiến lập, nhất định có đạo lý to lớn trong ấy, chúng ta phải tin sâu chẳng nghi, phải nghiêm túc học tập, tuân thủ các lời răn dạy mới hòng thành tựu. “Phổ giai hồi hướng” là tầng lầu thứ mười ở tận trên cùng, là chót đỉnh của tháp báu. “Phổ giai hồi hướng” nghĩa là gì? Chính là nguyện thứ nhất trong *Tứ Hoằng Thệ Nguyện*: *“Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ”*. Cơ sở của phổ độ là lễ kính.

Sau khi đã phát 10 đại nguyện vương, Bồ tát Phổ Hiền nói tiếp, những điều ấy đều là lời phát nguyện của Ngài. *“Thị nhân lâm mạng chung thời, tối hậu sát-na”* (Người ấy lúc sắp lâm chung, trong sát-na cuối cùng), tức là trong hơi thở cuối cùng, *“Nhất thiết chư căn tất giai tán hoại”* (Hết thảy các căn thảy đều hư hoại). Cái thân vật chất bị tan nát.

“Nhất thiết quyền thuộc tất giai xả ly” (Hết thảy quyền thuộc thảy đều lìa bỏ). Khi ấy, quý vị không buông xuống cũng chẳng được, chẳng còn là người nhà quyền thuộc của quý vị nữa. Duyên trong đời này đã hết, đã chấm dứt rồi.

“Nhất thiết oai thế tất giai thoái thất” (Hết thảy quyền uy, thế lực thảy đều lui mất). Oai đức, quyền lực của quý vị đến lúc ấy đã chấm dứt rồi.

“Phụ tướng đại thần”, nếu quý vị mang thân phận quốc vương thì từ ngữ “phụ tướng đại thần” nói đến Tể tướng, bầy tôi của quý vị.

“Cung thành nội ngoại” (Cung thành trong ngoài), đây là của cải và cung điện của quý vị.

“Tượng mã xa thặng” (Xe voi, xe ngựa), đây là công cụ giao thông, đều rực rỡ, xa hoa nhất, thù thắng nhất.

“Trân bảo phục tạng” (Kho tàng quý báu), những món quý báu, đồ cổ quý vị đã thu thập.

“Nhu thị nhất thiết vô phục tương tùy” (Hết thảy những thứ như vậy chẳng còn theo ta nữa), chẳng có thứ gì là của

quý vị. Khi ấy quý vị liền biết nguyên lai, ngay cả cái thân của chính mình cũng chẳng phải là của chính mình! Có thân thể này, quý vị có hết thấy những thứ đó, thân thể chẳng còn, toàn bộ hết thấy những thứ kèm theo đều chẳng còn nữa! Những điều ấy nói với chúng ta một chân tướng sự thật, mỗi cá nhân đều chẳng thể tránh khỏi, cái thân xác thịt này đã có sinh nhất định phải chết, đó là hiện tượng tự nhiên. Một năm có 4 mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông luân chuyển, luôn đổi dời chẳng ngừng, không thể ngưng lại được, biến hóa trong từng sát-na. Do vậy, đức Phật dạy chúng ta, phàm thứ gì không mang theo được hãy buông xuống, chớ nên ghim trong lòng. Thứ gì thật sự mang theo được hãy nên giữ nơi tâm, niệm niệm chẳng xả, đó là đúng!

Tôi nhớ cư sĩ Lưu Tố Vân có báo cáo. Quý vị có thể xem đĩa CD của bà ta, trong ấy bà ta có kể một câu chuyện thật, chẳng giả, một bạn gái thân thiết than văn chồng cô ta lẳng nhăng bên ngoài. Bà ta bảo người bạn gái ấy: “Đó là chồng cô dan díu bên ngoài. Cô có biết trượng phu giải thích như thế nào hay không? Trượng là xa đến một trượng, trong vòng một trượng là chồng cô, ngoài một trượng chẳng phải nữa. Cô bận tâm làm gì?”. Đó là khuyên người khác buông xuống, chẳng nên tự tìm phiền não.

Cùng một đạo lý, chúng ta hãy mở rộng ra để quan sát, thân thể này, một hơi thở chưa đoạn thì còn sống, là của chính mình; hễ một hơi thở chẳng hít vào được nữa, chẳng

phải là của ta. Quần áo quý vị mặc trên người là của chính quý vị, bỏ chúng vào trong tủ áo bên chẳng phải là của quý vị. Căn nhà quý vị đang ở, hôm nay quý vị ở trong căn nhà ấy thì nó là của quý vị, quý vị rời khỏi nhà, nó chẳng phải là của quý vị nữa.

Trong túi quý vị chứa bao nhiêu tiền thì là của quý vị, tiền trong ngân hàng chẳng phải là của chính mình. Nếu chúng ta có thể quán như thế, tâm thanh tịnh sẽ rất nhanh chóng hiện tiền, đây là nói lời thật với quý vị, chẳng nói giả dối. Buông xuống, bảo quý vị hãy thời thời khắc khắc quán tưởng, tự nhiên quý vị có thể buông xuống. Sau khi buông những thứ tạp nhạp xuống, Phật hiệu mới dấy lên được, đó là thật. Vì sao? Mang theo được! Khi ta mạng chung sẽ sang thế giới Cực Lạc.

Trong sát-na cuối cùng, nếu quên mất Phật hiệu, vẫn mê luyến những thứ ấy, quý vị lại luân hồi trong lục đạo, chẳng phải là bỏ lỡ cơ hội vãng sinh Tây Phương ư? Thật đáng tiếc! Tôi cũng gặp chuyện giống như người bạn thân tố khổ với Lưu cư sĩ, tôi cũng từng gặp phải chuyện đó. Một vị nữ cư sĩ kể lễ chồng bà ta dan díu bên ngoài, hỏi tôi nên làm sao? Tôi nói: “Điều ấy rất hợp để giúp cho bà niệm Phật. Bà đừng bận lòng, cứ để chồng làm theo ý muốn sẽ hay hơn. Không chỉ chẳng oán hận, mà còn cảm tạ người tình của chồng. Nếu không, bà phải chăm sóc chồng, công phu niệm Phật chẳng đắc lực! Có một người tốt như thế đến giúp đỡ bà, đó

là chuyện tốt. Bồ tát đấy!”. Chuyện thế gian chẳng có gì tuyệt đối phải, trái, đúng, sai, chẳng có, đều là trong một niệm của chính mình. Một niệm đã giác ngộ, ai nấy đều là người tốt, chuyện gì cũng là chuyện tốt, đều do trong một niệm, tùy thuộc quý vị chuyển ý niệm theo cách nào! Vì vậy, niệm nhiều những đoạn kinh văn như thế này sẽ có lợi.

Tiếp theo đó là *“Duy thử nguyện vương bất tương xả ly”* (Chỉ có nguyện vương này chẳng bỏ lìa). Chẳng phải là bảo quý vị niệm 10 đại nguyện vương, mà là bảo quý vị hãy hành. Lễ kính chư Phật là quan hệ luân lý rất ráo viển mãn trong Phật môn, quý vị thấy pháp thế gian được thực hiện từ đâu? Từ *“Phụ tử hữu thân”*, tức là thực hiện bằng tình thân ái. Trong Đại thừa Phật pháp, *Hoa Nghiêm* là Nhất thừa. Phật pháp được thực hiện từ đâu? Thực hiện từ *“Lễ kính chư Phật”*. Xét theo ý vị, thì ý vị thế gian và pháp vị là một vị, chẳng hai, chớ nên không biết điều này. Nhưng phạm vi của lễ kính chư Phật to lớn, lớn đến mức độ nào?

Cổ nhân nói: *“Đại nhi vô ngoại, tiểu nhi vô nội”* (Không gì lớn ở ngoài, không gì nhỏ nhoi chẳng ở trong), toàn bộ đều bao gồm trong ấy. Chư Phật là gì? Chư Phật là tự tính. Chúng ta gọi người minh tâm kiến tính là Phật. Quá khứ Phật là Phật đã thành, hiện tại Phật cũng đã minh tâm kiến tính. Vị lai Phật là ai? Vị lai Phật chính là chúng ta, là hết thảy hữu tình chúng sinh, hoàn toàn là vị lai Phật. Muỗi, trùng, kiến là vị lai Phật; các loài trùng ngọ ngoạy, bay, bò là vị lai Phật.

Kinh *Hoa Nghiêm* nói càng khéo: *“Tinh và vô tình đều cùng viên thành Chứng Trí”*, ý nghĩa này bao hàm điều gì? Hữu tình chúng sinh là vị lai Phật, vô tình chúng sinh cũng là vị lai Phật. Vô tình là gì? Hoa, cỏ, cây cối, núi, sông, đại địa, các hiện tượng vũ trụ toàn bộ đều là vị lai Phật, đều do tự tính biến hiện. Là khỏi tự tính sẽ chẳng có một pháp nào để được. Nhà Phật thường nói: *“Ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm”*. Tâm tức là Phật, Phật tức là tâm. Những năm qua, chúng tôi đề xướng *Tam Thời Hệ Niệm* là trợ tu. Trong nghi thức ấy, Thiền sư Trung Phong đã bảo: *“Tâm ta chính là Phật A Di Đà. Phật A Di Đà chính là tâm ta. Phương này chính là Tịnh Độ. Tịnh Độ chính là phương này”*. Loại nhận thức, ngôn hạnh như thế được gọi là *“Lễ kính chư Phật”*.

Quý vị thấy Phật pháp giảng luân lý, đúng là giảng đến rốt ráo viên mãn; đối với một sợi lông trong Chính báo, Y báo trên đầu một sợi lông của chúng ta được gọi là một hạt vi trần. Các nhà khoa học hiện thời phân tích, biết nguyên tử có thể phân tích nhỏ hơn, điện tử vẫn có thể phân tích, phân tích đến hạt cơ bản, phân tích đến khoa khắc (quartz), vẫn còn có thể phân tích nhỏ hơn nữa, hiện thời đã phân tích đến tiểu quang tử (photon); các nhà khoa học đặt cho nó cái tên là lượng tử (quantum), nói chung là chẳng còn cách nào phân tích nhỏ hơn nữa! Đó là vật chất nhỏ nhất trong vũ trụ; trong Phật pháp vật chất nhỏ nhất được gọi là *“cực vi chi vi”* đã bị họ phát hiện.

Các nhà khoa học nói trên thế giới không có vật chất. Họ nói rõ vật chất chẳng tồn tại. Vật chất là gì? Vật chất là hiện tượng được phát sinh bởi ý niệm tích lũy. Hiện tượng ấy chính là tiểu quang tử, nó là từ trong Không sinh ra Có. Hơn nữa, tốc độ vô cùng nhanh chóng, vừa thấy nó sinh, nó đã diệt, gần như là gì? Sinh diệt đồng thời, tốc độ nhanh ngần ấy! Vì thế, hiện tượng vật chất là một thứ huyền tượng tích lũy liên tục phát sinh.

Hơn nữa, họ còn phát hiện những vật chất vô cùng vi tế ấy cũng có tác dụng tinh thần. Tác dụng tinh thần là gì vậy? Trong tự tính, chúng được gọi là “kiến, văn, giác, tri” (thấy, nghe, hay, biết). Khi mê, nơi hiện tượng vật chất, chúng (kiến, văn, giác, tri) được gọi là Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Đây chính là A Lại Da, nói chính xác hơn, đó là 3 tế tướng của A Lại Da. Nói theo Lý, quả thật có thứ tự trước sau, nhưng trên mặt Sự, chẳng nhìn ra thứ tự trước sau, nó quá nhanh chóng, quá lẹ làng!

Từ 3.000 năm trước, trong kinh, Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói: *“Một niệm bất giác bèn có vô minh”*. Vô minh là 3 tế tướng. Từ 3 tế tướng sinh ra 6 thô tướng. Tướng thứ nhất trong 6 thô tướng là Trí tướng. Người hiện thời gọi Trí là tri thức (kiến thức). Thừa quý vị, Trí ấy chẳng phải là trí tuệ, mà là tri thức. Loại thứ hai là Tương tục tướng, thứ ba là Chấp thủ tướng; thứ tư là Phân biệt; thứ năm là Nghiệp tướng, tạo nghiệp; thứ sáu là Nghiệp hệ khổ tướng. Đó là

quả báo. Quả báo luân hồi trong lục đạo, 3 tế, 6 thô, có thể nói là 6 thô bao gồm Y báo và Chính báo trang nghiêm trong mười pháp giới.

Cũng như khi Huệ Năng Đại sư khai ngộ đã báo cáo 5 câu; câu cuối cùng là *“Nào ngờ tự tính, có thể sinh vạn pháp”*. 3 tế, 6 thô sinh ra vạn pháp. 6 thô tướng chính là vạn pháp. Nay, chúng ta mê nơi 6 thô tướng, chẳng thể giác ngộ, chẳng thể quay đầu. Khi nào quay đầu sẽ giác ngộ, sẽ tu hành chứng quả. Trong kinh *Hoa Nghiêm*, Bồ tát Phổ Hiền dạy chúng ta quay đầu. Dùng phương pháp gì? Chỉ có nguyện vương này chẳng lừa bỏ. Quý vị tu hành 10 đại nguyện vương, thật thà niệm Phật cầu sinh Tịnh độ, bèn thành tựu trong một đời này.

“Ư nhất thiết thời, dẫn đạo kỳ tiền” (Trong hết thảy các thời, nó dẫn đường trước mặt). Nguyện vương ấy dìu dắt quý vị. *“Nhất sát-na trung tức đắc vãng sinh Cực Lạc thế giới”* (Trong một sát-na liền được vãng sinh thế giới Cực Lạc). 10 đại nguyện vương này là 10 nguyện phải phát, chẳng phải phát bằng miệng. Chỉ phát nguyện bằng miệng, chẳng khởi tác dụng, phải từ trong tâm phát ra, phải thực hiện lễ kính. Lễ là bề ngoài, Kính là trong tâm, biểu hiện ra ngoài bằng chân tâm thương yêu, cung kính.

Nay, chúng ta trông thấy người khác, ắt phải cúi gập người 90° để chào. Đối với bất cứ ai đều biểu thị sự lễ kính.

Đối với muỗi, kiến, có cần phải cúi gập người 90° để chào hay chẳng? Quý vị cũng cúi gập người 90° để chào, người ta sẽ nói quý vị là kẻ ngốc! Thấy hoa, cỏ, cây cối cũng cúi gập người 90° để chào ư? Chẳng phải vậy! Chân tâm yêu thương, hãy chấp tay niệm Phật hồi hướng, thuyết pháp cho nó. Cái bàn, băng ghế dài cũng là một trong các vị Phật, ta có nên hành lễ với cái bàn hay chẳng? Chẳng phải, lễ kính bàn ghế là lau chùi sạch sẽ, sắp xếp ngay ngắn, đó là lễ kính! Vì vậy, lễ kính do người, do thời, do nơi chốn, sống động, chứ không chết cứng, chẳng phải là khô khan, mà là sống động, linh hoạt.

Trong tâm thật sự thành kính, sẽ chẳng có gì không đúng pháp. Thứ gì cũng đều đúng pháp, chúng ta thật sự có thể cảm động người khác, có thể giúp cho người khác “quay đầu là bờ”. Vì thế, tự hành thật sự là hóa tha. Thật sự hóa tha nhất định phải tự hành. Tự hành và hóa tha là một chuyện, chẳng phải hai chuyện.

Vãng sinh thế giới Cực Lạc, “đáo dĩ, tức kiến đáo A Di Đà Phật ” (đã đến cõi Cực Lạc liền thấy Phật A Di Đà). Vì sao? Đó là pháp Nhất thừa, dùng 10 đại nguyện vương tu pháp môn Niệm Phật, sinh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng phải là trong cõi Đồng Cư, cũng chẳng phải trong cõi Hữu Dư, mà là trực tiếp sinh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Quý vị không tin thì hãy thử xem. Quý vị có thể đối với đá, đối với bùn, cát cung kính chân thành dường ấy, quý vị sẽ cung

kính người khác chẳng khác gì cung kính Phật A Di Đà. Tâm chân thành như vậy sẽ tự nhiên tương ứng với cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Phật A Di Đà. Vì sao? Chư Phật Như Lai đối với vạn sự, vạn pháp, vạn vật đều cung kính như thế, quý vị học theo chư Phật Như Lai không hai, không khác, nên phẩm vị của quý vị trong 4 cõi, 3 bậc, 9 phẩm nơi thế giới Tây Phương sẽ cao.

Nho gia nói đến quan hệ nhân luân cao nhất là “*Phàm thị nhân, giai tu ái*” (Hễ là người đều phải yêu), chẳng nói đến động vật. Nếu động vật cũng nói đến thì là “*ái ốc cập điểu*” (yêu nhà, yêu lây cả chim). Đó là nói đến động vật, nhưng chẳng nói đến cây cối, hoa, cỏ, chẳng nói đến núi, sông, đại địa, chẳng nói đến hiện tượng tự nhiên. Phật pháp thấy đều nói tới, toàn bộ được bao gồm trong ấy. Vì thế, luân lý rất ráo viên mãn ở trong kinh Đại thừa. Người ấy đến nơi đó thấy Phật A Di Đà, thấy pháp thân và báo thân của Phật A Di Đà. Pháp thân, chẳng phải là ứng hóa thân.

“*Hựu kệ vân*” (Lại nói kệ rằng), tiếp theo đó là 8 câu kệ, đây là Bồ tát Phổ Hiền phát nguyện cầu sinh Tịnh độ. Bài kệ này được chép trong quyển 40 của bộ *Tứ Thập Hoa Nghiêm*. Chúng ta hãy đọc mấy câu kệ đó. “*Nguyện ngã*” (Nguyện tôi). “*Ngã*” là Bồ tát Phổ Hiền tự xưng. “*Lâm dục mạng chung thời*”, tức là khi thọ mạng chấm dứt. “*Tận trừ nhất thiết chư chướng ngại*” (Trừ sạch hết thảy các chướng ngại). Khi mất chẳng có chướng ngại. Vì sao? Thấy đều buông xuống. Hễ có

một chuyện chẳng buồn xuống được sẽ trở thành chướng ngại, chuyện dầu nhỏ bé đến mấy cũng rất phiền phức. Có chướng ngại quý vị chẳng thể vãng sinh. Chướng ngại khiến quý vị tiếp tục luân hồi trong lục đạo. Quý vị nói xem, chuyện này có phiền phức hay không?

“Diện kiến bử Phật A Di Đà, tức đắc vãng sinh An Lạc sát” (Gặp mặt đức Phật A Di Đà, liền được vãng sinh cõi An Lạc). Chẳng có chướng ngại, nên quý vị mới có thể thấy Phật, sinh Tịnh Độ.

“Ngã ký vãng sinh bử quốc dĩ, hiện tiền thành tựu thủ đại nguyện” (Tôi đã vãng sinh cõi ấy rồi, hiện tiền thành tựu đại nguyện này). 10 đại nguyện vương phải được thực hiện viên mãn rất ráo khi nào? Trong thế giới Cực Lạc. Vì vậy, quý vị thật sự thực hiện viên mãn rất ráo 10 đại nguyện vương, thế giới Cực Lạc sẽ hiện tiền. Vì sao? Thế giới Cực Lạc do ý niệm của quý vị biến hiện.

Đúng là *“Phương này chính là Tịnh Độ. Tịnh Độ chính là phương này”*. Ý niệm 10 đại nguyện vương biến hiện thành cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Phật A Di Đà. *“Nhất thiết viên mãn tận vô dư, lợi lạc nhất thiết chúng sinh giới”* (Hết thảy viên mãn chẳng còn sót, lợi lạc hết thảy chúng sinh giới). Chính mình đã thành tựu, lại thành tựu hết thảy chúng sinh giới. Lợi ích như thế nào? Giáo hóa. Bồ tát Phổ Hiền cũng là trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, khởi cảm ứng đạo giao

cùng hết thấy chúng sinh hữu duyên. Chúng sinh có cảm, Ngài bèn hiện thân, giống như Bồ tát Quán Thế Âm *“nên dùng thân gì để đắc độ bèn hiện thân ấy”*. 8 câu ấy là lời phát nguyện của Bồ tát Phổ Hiền.

Kế đó, chúng ta lại xem Bồ tát Văn Thù. Xem xong lời phát nguyện của Bồ tát Phổ Hiền, lại xem tới Ngài Văn Thù. Lời nguyện của Ngài Văn Thù hầu như hoàn toàn giống với Bồ tát Phổ Hiền: *“Nguyện ngã mạng chung thời, diệt trừ chư chương ngại, diệt kiến A Di Đà, vãng sinh An Lạc sát”* (Nguyện tôi lúc mạng chung, diệt trừ các chương ngại, gặp gỡ A Di Đà, vãng sinh cõi An Lạc). Cõi An Lạc chính là thế giới Cực Lạc.

“Sinh bỉ Phật quốc dĩ, thành mãn chư đại nguyện, A Di Đà Như Lai, hiện tiền thọ ngã ký” (Sinh về cõi ấy rồi, thành mãn các đại nguyện, A Di Đà Như Lai bèn hiện tiền thọ ký). Như Lai thọ ký Bồ tát thành Phật viên mãn.

“Nhu thị lương đại sĩ, phát thù thắng đại nguyện, cầu sinh Cực Lạc, khả khuyến nhất thiết Bồ tát, giai ngưỡng tín Văn Thù chi đại trí, nhập Phổ Hiền chi đại hạnh, phổ đạo chúng sinh, đồng quy Cực Lạc” (Hai vị đại sĩ phát đại nguyện thù thắng, cầu sinh Cực Lạc như vậy, có thể khuyên hết thấy các vị Bồ tát đều ngưỡng mộ, tin tưởng đại trí của Văn Thù, nhập đại hạnh của Phổ Hiền, dẫn dắt trọn khắp các chúng sinh đều về Cực Lạc).

Xưa kia, khoảng chừng 30 năm trước, tôi giảng kinh *Hoa Nghiêm*, cũng dùng một thời gian rất dài mà chỉ giảng được một nửa. Khi ấy, mỗi tuần tôi giảng 3 ngày, 2 ngày giảng *Bát Thập Hoa Nghiêm*, ngày giảng *Tứ Thập Hoa Nghiêm*. Mỗi tuần giảng 6 giờ, mỗi lần 2 giờ. Giảng được một nửa, bỗng có ngày tâm tình sôi nổi, đột nhiên nghĩ Văn Thù và Phổ Hiền tu pháp môn gì?

Trong hội Hoa Nghiêm, Thiện Tài là đệ tử đặc ý của Bồ tát Văn Thù, cũng có thể nói Ngài là truyền nhân của Bồ tát Văn Thù, Ngài tu pháp môn gì? Điều này thuộc phần sau, vẫn chưa giảng đến. Tôi vừa mới thưa cùng quý vị, đối với đoạn văn này, vừa mới đọc đến đoạn văn này trong quyển 40 của bộ *Tứ Thập Hoa Nghiêm*. Tôi lật kinh ra, xem đến phần sau, thấy đoạn này, hoát nhiên đại ngộ. Lúc đó, tôi mới thật sự tin tưởng Tịnh Độ, nhất tâm quy mạng pháp môn Tịnh Độ, cũng nguyện sinh về cõi Cực Lạc giống như Bồ tát, đích thân phụng sự Phật A Di Đà.

Trước đó, thầy Lý đã khuyên tôi rất nhiều lần, nhưng tôi cũng chẳng có cách nào tiếp nhận. Tôi học Phật là do theo tiên sinh Phương Đông Mỹ học triết học nhập môn. Thầy Phương đặc biệt giới thiệu kinh *Hoa Nghiêm* cho tôi, bảo tôi “bộ sách ấy” vốn là khái luận của Đại thừa Phật học, cụ dùng danh xưng ấy để giới thiệu. Cụ nói “bộ sách” ấy viết hay lắm, trên cả thế giới không có sách triết học nào hay hơn được! Trong sách ấy có lý luận viên mãn, có phương pháp tinh tế,

phía sau lại còn kèm theo 53 lần biểu diễn. Biểu diễn gì vậy? Thực hiện lý luận và phương pháp ấy như thế nào trong cuộc sống, trong công việc, trong xử sự, đối người, tiếp vật; vì thế, thầy Phương mới nói: *“Đây là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người”*.

Thầy Phương không khuyên tôi tu Tịnh Độ. Thầy dạy tôi hãy nhập môn từ Pháp Tướng tông. Đối với những thành phần tri thức thông thường, thì phải giới thiệu như vậy. Phần tử tri thức ham học, nghe nhiều, Pháp Tướng Duy thức hết sức phù hợp khẩu vị của họ. Do vậy, họ bài xích Tịnh Độ, cho là gì? “Giáo pháp của mấy bà già! Phật Thích Ca Mâu Ni đại từ đại bi, thấy những kẻ ngu si ấy chẳng có cách nào học tập, bèn khuyên họ niệm Phật A Di Đà”. Tâm thái nhìn nhận Tịnh Độ như vậy là nhìn sai bét rồi!

Chương Gia Đại sư là Thượng Sư bên Mật tông, Ngài khuyên tôi *“Mật giáo nhất định phải tu học từ Hiển giáo”*, dạy tôi hãy nương theo kinh luận Đại thừa. Ngài cũng chẳng khuyên tôi tu Tịnh Độ. Sau này, gặp thầy Lý. Thầy Lý học với Ấn Quang Đại sư là bậc đại đức trong Tịnh tông, biết sự thù thắng của Tịnh Độ, nhưng cụ khuyên tôi rất nhiều lần, tôi chẳng bài xích, chẳng khinh dễ Tịnh Độ. Cụ đưa *Ấn Quang Văn Sao* cho tôi xem. Tôi đọc xong một lượt, đối với Tịnh Độ có chút ấn tượng, chẳng hề hủy báng, cũng tán thán, nhưng chính mình chẳng chịu học, mà học kinh điển Đại thừa. Thầy giảng kinh *Hoa Nghiêm* tại Đài Trung. Tôi giảng kinh *Hoa*

Nghiêm tại Đài Bắc, giảng đến một nửa đột nhiên nghĩ đến chuyện này, xem đoạn văn này mới quay đầu là bờ, thật sự phát tâm.

Vì thế, tôi từ học Phật mà trở về Tịnh Độ. Nói chung, 20 năm trước chẳng thật sự dụng tâm đọc kinh Tịnh Độ, 20 năm sau mới bắt đầu nghiêm túc đọc tụng kinh luận Tịnh Độ. Tôi tin tưởng, Phật, Bồ tát đã bảo là pháp khó tin, đối với tôi quả thật khó tin. Nếu không có *Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm*, tôi chẳng thể trở về Tịnh Độ. Những bộ đại kinh ấy đã dẫn dắt tôi về Tịnh Độ. Vì thế, tôi có ấn tượng rất sâu đối với mấy câu này. Hết thấy Bồ tát đều ngưỡng mộ, tin tưởng Văn Thù đại trí, Phổ Hiền đại hạnh. “*Ngưỡng*” (仰) là kính ngưỡng, chẳng còn bàn cãi chi nữa, 2 vị Bồ tát này là đại trí, đại hạnh.

“Phổ đạo chúng sinh đồng quy Cực Lạc. Thị cố thử kinh, liệt vi thượng thủ. Thứ lệ Di Lặc giả, Đại Bảo Tích Kinh, Phát Thắng Chí Nhạo hội, Di Lặc vấn Phật, nhược hữu chúng sinh phát thập chủng tâm, tùy nhất nhất tâm, chuyên niệm hướng ư Phật A Di Đà, thị nhân mạng chung đương đắc vãng sinh bỉ Phật thế giới” (Hướng dẫn trọn khắp chúng sinh cùng về Cực Lạc. Vì thế, kinh này xếp các Ngài vào hàng thượng thủ. Kế đó, nêu tên Ngài Di Lặc. Trong pháp hội *Phát Khởi Bồ tát Thù Thắng Chí Nhạo* của kinh *Đại Bảo Tích*. Ngài Di Lặc hỏi Phật: “Nếu có chúng sinh phát 10 loại tâm, do mỗi tâm chuyên niệm, hướng về Phật A Di Đà, người ấy mạng chung

sẽ sinh về thế giới của đức Phật ấy”). Đây là trong kinh *Bảo Tích*, trong hội ấy, Bồ tát Di Lặc có nói mấy câu như vậy. Ngài nói nếu có chúng sinh phát 10 loại tâm, chúng tôi trích lục 10 loại tâm ấy từ *Tam Tạng Pháp Số*, đều sao lục từ kinh *Bảo Tích*, rất quan trọng.

Kinh dạy như thế này: *“Di Lặc Bồ tát bạch Phật ngôn: Như Phật sở thuyết, A Di Đà Phật Cực Lạc thế giới công đức lợi ích”* (Bồ tát Di Lặc bạch Phật: “Như đức Phật đã nói về công đức và lợi ích trong thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà”). Những điều ấy do đức Thế Tôn giảng cho Bồ tát Di Lặc: *“Nhược hữu chúng sinh phát thập chủng tâm, tùy nhất nhất tâm chuyên niệm bỉ Phật, thị nhân mạng chung đương đắc vãng sinh dã”* (Nếu có chúng sinh phát 10 loại tâm, dùng mỗi tâm để chuyên niệm đức Phật ấy, người đó mạng chung sẽ được vãng sinh). Chúng ta phải nghiêm túc học tập 10 loại tâm ấy. 2 loại đầu tiên biểu thị lòng đại từ đại bi của Bồ tát Di Lặc.

Thứ nhất là *“Vô tổn hại tâm”*. Người niệm Phật đều phải tu 10 loại tâm ấy. *“Niệm Phật chi nhân, ư chư chúng sinh, thường khởi đại từ chi tâm, bất gia tổn hại, linh đắc khoái lạc, thị danh vô tổn hại tâm”* (Người niệm Phật thường khởi tâm đại từ đối với các chúng sinh, chẳng gây tổn hại, khiến cho họ được vui sướng, nên gọi là tâm chẳng tổn hại). Từ bi làm đầu, phát tâm ấy như thế nào? Người bình thường chẳng phát được, chỉ có Đại thừa Bồ tát. Vì sao? Đại thừa

Bồ tát mới thật sự biết chúng sinh trong pháp giới vốn cùng một Thể. Sách *Hoàn Nguyên Quán* của Hiền Thủ Quốc sư đã giảng nguyên khởi của vũ trụ. Đây là một đại vấn đề, là một vấn đề lớn trong triết học và khoa học, mãi cho đến hiện thời cũng chẳng có cách nào giải quyết.

Biết có chuyện ấy, nhưng chuyện ấy rất ráo là như thế nào, chẳng ai có thể nói được. Vũ trụ do đâu mà có? Vì sao có vũ trụ? Con người do đâu mà có? Ta do đâu mà có? Trọng yếu nhất là ta. Ta do đâu mà có? Chỉ trong Đại thừa Phật pháp là những vấn đề ấy được giảng rõ ràng. Ngay cả các nhà khoa học lượng tử hiện thời cũng chẳng có cách nào giảng rõ ràng như đức Phật. Thật sự hiểu rõ ràng, minh bạch thì khắp pháp giới hư không giới và chính mình vốn là một, một Thể, một thân. Thân ấy được gọi là pháp thân, chẳng phải là thân nghiệp báo, mà là pháp thân. Thân nghiệp báo là một phân tử, một tế bào, một sợi lông trong pháp thân.

Pháp thân không có sinh diệt, đạo lý “chẳng sinh diệt” này nói rất sâu. Trong kinh giáo Đại thừa, đức Phật bảo chúng ta “vốn chẳng sinh”. Nếu chẳng sinh, lấy đâu ra diệt? Có hiện tượng hay không? Có, nhưng khó hiểu. Có hiện tượng thì có sinh diệt, có sao có thể nói là “vốn chẳng sinh?”. Trong khi giảng kinh, đức Phật rất khéo dùng tỷ dụ, khiến cho chúng ta từ tỷ dụ sẽ thấu hiểu. Tỷ dụ được dùng nhiều nhất là nằm mộng. Mỗi cá nhân đều có kinh nghiệm nằm mộng, nên dùng mộng làm tỷ dụ, mọi người sẽ chẳng cảm thấy xa lạ. Xưa nay,

trong và ngoài nước mọi người đều nằm mộng. Vì thế, trong kinh *Kim Cương*, đức Phật nói 4 câu kệ: *“Hết thấy các pháp hữu vi”*. Hết thấy các pháp hữu vi là pháp thân. *“Như mộng, huyễn, bọt, bóng. Như sương cũng như chớp. Hãy nên quán như thế”*.

Như mộng, huyễn, bọt, bóng là không có sinh diệt; vốn không sinh, há có diệt! Vì sao? Giả, chẳng thật. Khi nằm mộng thì có, sau khi tỉnh mộng bèn chẳng còn nữa, rỗng tuếch! Khi mộng thì chẳng sinh, khi tỉnh cũng không diệt, căn bản là không có chuyện này. Phật dùng điều này để tỷ dụ điều gì? Y báo và Chính báo trang nghiêm trong mười pháp giới là mộng cảnh. Có thời gian dài hay ngắn hay không? Thừa quý vị, không có, trong mộng có thời gian, sau khi tỉnh lại bèn chẳng còn thời gian nữa. Không chỉ chẳng có thời gian, mà không gian cũng chẳng có. Không gian là gì? Ngay trong giây phút này. Đối với những lời kinh ấy và những ý nghĩa ấy, chúng ta phải rất chú tâm quán chiếu, thấu hiểu thì mới có thể nhận thấy đức Phật nói chẳng sai! Khắp pháp giới hư không giới và chính mình là một. Ngoài chính mình ra, thứ gì cũng chẳng có, giống như trong mộng. Toàn bộ cảnh giới trong mộng đều do tâm của chính mình biến hiện. Trong mộng có nhiều người, nhiều sự, nhiều vật, toàn bộ đều do tự tâm biến hiện.

Thật sự đúng như đức Phật đã nói: *“Ngoài tâm chẳng có pháp. Ngoài pháp chẳng có tâm. Ngoài tâm chẳng có mộng.*

Ngoài mộng chẳng có tâm". Quý vị dần dần thấu hiểu, thật sự thấu hiểu, tâm từ bi sẽ phát xuất. Vì sao? Chẳng có ai không yêu thương chính mình! Đã biết toàn thể vạn sự, vạn vật trong vũ trụ là chính mình, tâm đại bi mới có thể sinh khởi được. Đó là chân tâm, chẳng phải là hư vọng, tâm yêu thương chân thành.

Thật ra, trước khi Phật pháp truyền đến Trung Quốc, cổ thánh tiên hiền cũng đã từng nói đến đạo lý này, nhưng chẳng nói tỉ mỉ như trong kinh Phật. Lão Tử nói: "*Thiên địa dĩ ngã đồng căn. Vạn vật dĩ ngã nhất thể*" (Trời đất và ta cùng cội rễ. Vạn vật và ta cùng một thể), chẳng phải là ý nghĩa này ư? Lão Tử và Phật Thích Ca Mâu Ni chưa hề gặp mặt, cũng chẳng trao đổi tin tức, đó gọi là "anh hùng có cách nhìn đại lược giống nhau!". Phật Thích Ca Mâu Ni trông thấy, Lão Tử cũng nói đến. Nếu chẳng thấy, làm sao Ngài có thể nói được? Ất phải có nhận biết giống như vậy, nhận biết vũ trụ là một Thể, tâm từ bi chân thành mới sinh ra được. Sau đấy thì sao? Đối với hết thảy chúng sinh chắc chắn không có tâm tổn hại, quý vị yêu thương họ.

Quý vị không chỉ giết họ, mà ngay cả gây tổn hại cho họ cũng chẳng thể làm được, đó là Tính đức trong tự tính thấu lộ viên mãn. Không chỉ chẳng gây tổn hại, mà quý vị nhất định có tâm thành tựu người khác, khiến họ được vui sướng, thật sự có lòng giúp đỡ kẻ khác, khiến cho kẻ khác thành tựu. Nếu ta chẳng quen biết kẻ đó, kẻ đó lại chẳng có

liên quan gì với ta, ta cần gì phải làm chuyện tốt ấy, cần gì phải giúp đỡ kẻ chẳng thân thiết, chẳng có quan hệ gì với ta? Đó là tâm thái của kẻ chưa giác ngộ, là tâm phàm phu!

Người thật sự giác ngộ chẳng có tâm ý thức ấy! Người ấy chỉ biết căn tính chúng sinh là lợi hay độn, đã chín muồi hay chưa. Nếu căn tính chín muồi, nhảy bén, bèn giúp đỡ, thành tựu kẻ đó trước. Nếu kẻ đó thành Phật, sẽ phổ độ chúng sinh. Đối với người chí thân và bạn bè thân thiết của ta, nếu căn cơ của họ chưa chín muồi, ta có thể tạm thời bớt giúp họ một chút, họ chưa chín muồi mà! Một nguyên tắc là thành tựu điều tốt đẹp cho người khác, chẳng thành tựu điều ác, nhất định phải hiểu nguyên tắc này. Do vậy, không có tâm tổn hại. Đối với hết thảy chúng sinh, đối với núi, sông, đại địa, cây cối, hoa, cỏ, chẳng có tâm tổn hại.

Điều thứ hai, *“Vô bức não tâm. Niệm Phật chi nhân, thân tâm an tĩnh, ư chư chúng sinh, thường khởi đại bi chi tâm, thâm gia mẫn thương, linh đắc thoát khổ, thị danh vô bức não tâm”* (Tâm vô bức não: Người niệm Phật, thân tâm an tĩnh, thường khởi tâm đại bi đối với các chúng sinh, sinh lòng thương xót sâu xa, khiến cho họ được thoát khổ, điều đó gọi là “vô bức não tâm”). Bức (逼) là bức bách, nay chúng ta gọi là “áp lực”. Não (惱) là khiến cho kẻ khác sinh phiền não. Vô tổn hại tâm và vô bức não tâm đều thuộc về từ bi. Ở đây, kinh nói rất hay, điều trước là từ tâm, điều này là bi tâm. Bi tâm là tâm thương xót.

Tâm thương xót dấy lên, ở đây, nói rất hay, *“thân tâm an tĩnh”*. Nếu thân tâm chẳng thể an tĩnh, bi tâm chẳng thể sinh khởi. Bi tâm là tâm thương xót, tâm đồng tình. Vì sao? Thân tâm an tĩnh sinh trí tuệ. Từ bi và trí tuệ có mối liên quan. Thân tâm chẳng an sẽ sinh phiền não. Trong phiền não lấy đâu ra từ bi? Có lúc trong phiền não cũng có từ bi, đó là 2 thứ trước trong 4 loại từ bi như kinh Phật đã dạy. Phạm phu có 2 thứ ấy.

Loại thứ nhất là Ái duyên từ bi, nói chung là đối với thân bằng hảo hữu của chính mình, ta yêu mến họ, họ có quan hệ với ta, ta bèn giúp đỡ, yêu thương, chăm sóc họ. Nhưng nếu chẳng phải là thân bằng hảo hữu, tâm ấy chẳng thể sinh khởi. Đó là Ái duyên từ bi.

Người đọc sách có đức hạnh, có học vấn, tâm lượng mở rộng, đấy cũng là như *Đệ Tử Quy* nói, người ấy đã đạt tới mức *“hễ là người, đều phải yêu thương”*. Đạt đến cảnh giới ấy, trong Phật pháp gọi cảnh giới ấy là Chúng sinh duyên từ bi. Mở rộng lòng yêu thương của chính mình, có thể từ bi đối với hết thảy chúng sinh. Điều này rất khó có. Tại Trung Quốc, chúng ta gọi người như vậy là thánh hiền, đại thánh, đại hiền. Tâm từ bi của họ thấu đến hết thảy chúng sinh là những người chẳng có mảy may quan hệ với họ.

Điều thứ ba thuộc về Bồ tát trong Phật môn, tức là Pháp duyên từ bi. Ngài chưa phải là Phật, đang học Phật. Phật dạy

vạn sự vạn vật trong khắp pháp giới hư không giới và ta là một Thể. Ngài học tập, Ngài cũng giống như Phật mở rộng tâm từ bi của chính mình đến rộng khắp hết thấy chúng sinh trong pháp giới.

Ngài chưa đoạn khởi tâm động niệm, chẳng còn phân biệt, chấp trước, nhưng vẫn còn khởi tâm động niệm. Đến cuối cùng là Vô duyên từ bi. Lòng từ bi này là của Phật. Ở đây nói tới Vô duyên từ bi, thì Vô duyên là không có điều kiện. Hiện thời, có thể dùng 2 từ “điều kiện” để giải thích chữ duyên. Vô duyên là vô điều kiện. Vì sao vô điều kiện? Ta và chúng sinh có cùng một Thể. Đã là một Thể, há có điều kiện? Do vậy, Phật là Vô duyên đại từ đại bi. Bồ tát là Pháp duyên. Thánh hiền là Chúng sinh duyên. Các phàm phu chỉ có Ái duyên. Vì thế, người đạt đến địa vị thánh hiền có tâm từ bi, lòng yêu thương mở rộng, đúng là *“phàm là người, đều nên yêu thương”*. Thấy người tuổi tác chẳng khác cha mẹ ta cho lắm, bèn lễ kính người ấy chẳng khác cha mẹ của chính mình. Thấy kẻ tuổi nhỏ bằng cỡ con cái mình, bèn chăm nom kẻ ấy hết như con cái của chính mình. Đó là thánh hiền thế gian. Sự tu học trong Phật pháp chẳng có gì khác, cứ từng bước tiến cao hơn, nhất quyết chẳng có tâm thái bức náo!

Thứ ba là hộ pháp. *“Nhạo thủ hộ tâm. Niệm Phật chi nhân, ư Phật sở thuyết chính pháp, đương tu bất tích thân mạng, thủ hộ, ái tích, thị danh nhạo bảo hộ tâm”* (Tâm yêu thích gìn giữ, bảo vệ. Người niệm Phật đối với chính pháp do đức

Phật đã nói, hãy nên chẳng tiếc thân mạng để bảo vệ, yêu mến. Đó là tâm yêu thích bảo vệ). Đây chính là như chúng ta thường nói, chính pháp tồn tại lâu dài. Phải làm như thế nào mới hòng chính pháp tồn tại lâu dài?

Quý vị nhất định phải tuân thủ pháp, thì mới có thể hộ pháp. Không tuân thủ pháp, quý vị dùng điều gì để hộ pháp? Do vậy, trong 4 từ này, đức Phật chẳng nói “*Nhạo hộ pháp tâm*” (Tâm thích hộ pháp), mà nói “*thủ hộ tâm*”, chữ Thủ (守) là mấu chốt. Có thể làm được hay không? “*Thủ*” là thọ trì. Ngày nay, Phật pháp suy vi, chúng ta muốn tuân thủ Phật pháp, chiếu theo Phật pháp để tu hành, tự nhiên có hộ trì trong ấy. Nhưng quý vị có tin tưởng chính pháp do đức Phật đã nói hay không? Có thể lý giải hay không? Đây là mấu chốt. Thật sự lý giải, thì quý vị mới có tín tâm. Chẳng hiểu rõ, thì lòng tin ấy chính là mê tín. Mê tín sẽ bị dao động rất dễ dàng. Do vậy, Phật pháp nói tới chính tín. Chính tín là gì? Quý vị hiểu rõ ràng, minh bạch lời đức Phật dạy, đây là chính tín. Hiểu rõ ràng, minh bạch rồi quý vị mới thật sự y giáo phụng hành.

Ta thật sự quy y. Quy y là bái sư. Bái ai làm thầy? Bái Phật A Di Đà làm thầy, bái Phật Thích Ca Mâu Ni làm thầy. Quy y chính là bái sư, quy y Tam Bảo, chẳng nói quy y vị pháp sư nào! Trong giáo pháp Đại thừa đã nói rõ ràng, minh bạch, nhất là trong *Lục Tổ Đàn Kinh*, Tổ sư đời thứ 6 của Thiền tông là Huệ Năng Đại sư đã nói đơn giản, minh bạch. Ngài

truyền trao quy y cho người khác, dạy người ta “quy y Giác, quy y Chánh, quy y Tịnh”, Ngài chẳng nói “quy y Phật, Pháp, Tăng”. Vì sao? Chúng ta có thể suy ra rằng: Trong thời Ngài, Phật pháp đã truyền đến Trung Quốc khoảng chừng hơn 700 năm. Thời gian lâu ngàn ấy, cho nên càng truyền càng bị sai ngoa. Người bình phàm nảy sinh hiểu lầm đối với Phật pháp, hể nhắc tới quy y Phật, bèn nghĩ đến tượng Phật bằng đất nặn, gỗ khắc; quy y Pháp, ngay lập tức nghĩ đến kinh điển; quy y Tăng liền nghĩ đến người xuất gia. Quý vị quy y như vậy là sai bét rồi. Quy y chẳng phải là ý nghĩa ấy!

Do vậy, Tổ chẳng dùng Phật, Pháp, Tăng, mà dùng Giác, Chính, Tịnh, rồi lại giải thích cho quý vị. Phật là Giác. Phật có nghĩa là Giác. Giác mà không mê là quy y Phật. Quý vị thấy trong ấy há có mê tín? Chính chứ không tà, chính tri, chính kiến, chẳng phải là tà tri, tà kiến, đó là quy y Pháp. 6 căn thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần, đó là quy y Tăng. Quy y mang ý nghĩa ấy. Vì thế, Phật là tự tính giác, Pháp là tự tính chánh, Tăng là tự tính tịnh, nói tới tự tính Tam Bảo, chẳng phải là bên ngoài, quý vị mới thật sự quy y.

Chư Phật Như Lai xuất hiện trên thế gian để biểu diễn, thân hành, ngôn giáo, đích thân biểu diễn giác, chính, tịnh, miệng giảng cho quý vị cũng là giác, chính, tịnh, hoàn toàn giúp chúng ta trở về tự tính. Quy (皈) là quay đầu, Y (依) là nương cậy. Quay đầu nương theo gì? Nương theo trí tuệ và đức tướng trong tự tính, chẳng phải là cậy vào bên ngoài,

ngàn muôn phần các đồng học phải ghi nhớ điều này! Nếu quy y một vị pháp sư hay hòa thượng nào đó, hổng biết rồi. Vị ấy có đại triệt đại ngộ hay không? Vị ấy có minh tâm kiến tính hay không? Nếu vị ấy chưa đại triệt đại ngộ, chưa minh tâm kiến tính, vị ấy là phàm phu trong lục đạo. Ta quy y vị ấy chẳng phải là vẫn tạo nghiệp lục đạo ư? Thầy tạo nghiệp lục đạo, dẫn dắt quý vị vẫn tạo nghiệp lục đạo, chẳng ra khỏi được! Vì thế, đối với chính pháp do đức Phật đã nói, chẳng thể không học tập, chớ nên không hiểu rõ ràng. Sau khi hiểu rõ bèn phải thực hiện, ta chẳng tiếc thân mạng quyết tâm thực hiện. Thân mạng là tử dụ. Chẳng tiếc thân mạng tức là chẳng sợ khổ. Đức Phật dạy chúng ta buông xuống, chúng ta buông xuống. Thân mạng cũng chẳng cần, thì còn có gì chẳng buông xuống được? Phật dạy chúng ta trì giới, chúng ta thật sự làm.

Tịnh Tông Học Hội thành lập, khi ấy tôi ở Mỹ. Tôi khuyên các đồng tu học tập 5 khoa mục. Kinh Phật có nội dung quá phong phú, học trọn hết thì quá phức tạp, cũng chẳng thể nhớ nổi! Đơn giản là nhớ kỹ 5 khoa mục, chẳng cần dùng đến sách vở mà quý vị có thể ghi nhớ kỹ càng. Đầu tiên là chúng ta phải học tam phúc. Con người chẳng thể không có phúc báo. Trước tiên là tu tam phúc. Tam phúc là “tính, tu bất nhị”, chúng có sẵn trong tự tính. Chúng ta chịu tu theo tam phúc trong tự tính là đúng. Tu đầu tiên là “*Hiếu dưỡng phụ mẫu. Phụng sự sư trưởng. Từ tâm không giết. Tu thập*

thiện nghiệp”. Đó là gì? Tu phúc. Tu phúc theo kiểu ấy sẽ hoàn toàn tương ứng với Tính đức trong tự tính. Đức Phật coi trọng, quý vị thấy nhà Phật thường nói “*phúc tuệ song tu*”. Đặt phúc đằng trước, đặt tuệ đằng sau.

Người thế gian chúng ta cũng hy vọng có phúc trước, rồi mới cầu trí tuệ, nên Phật làm cho chúng sinh mãi nguyện. Như vậy, thì phúc báo của quý vị do tu từ đâu mà thành? Từ hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy, từ tâm chẳng giết, tu mười thiện nghiệp, phúc báo do đấy mà có. Chúng ta chiếu theo đó để tu, nhưng phát tâm cách nào cũng tu chẳng thành, tu mấy năm vẫn chẳng có hiệu quả. Thôi đi, chẳng cần nữa! Vẫn là ta làm theo kiểu của ta, thế là thoái chuyển rồi. Người như vậy quá nhiều! Do đó, chúng ta hãy nên phản tỉnh sâu xa, vì sao cổ nhân làm được? Chẳng cần nói đến thời rất xa, 100 năm hay 80 năm trước, nói chung, người thuộc 80 năm trước quá nửa là có thể làm được.

100 năm trước, tối thiểu có từ 80% đến 90% có thể làm được! Người hiện thời làm không được, vì nguyên nhân gì? Tuổi nhi đồng của chúng ta đã coi nhẹ, bỏ sót, không vun bồi căn cơ giáo dục. Căn cơ ấy là gì? Chính là 3 căn bản của Nho, Thích, Đạo, tức là những điều chúng tôi đề xướng trong mấy năm gần đây. Căn bản của Nho là *Đệ Tử Quy*, dùng nó làm đại biểu, căn bản của Đạo là *Thái Thượng Cảm Ứng Thiên*, căn bản của Phật là *Thập Thiện Nghiệp Đạo*.

80 năm trước, trẻ nhỏ ắt phải học 3 thứ ấy nên chúng có căn bản. Ai dạy chúng nó? Cha mẹ dạy. Cha mẹ thấy đều làm được. Từ lúc sinh ra, trẻ nhỏ đã thấy, nghe từ cha mẹ, tai nghe quen, mắt nhìn quen, tự nhiên học được. Cổ nhân có câu: “*Thượng lương bất chính, hạ lương oai*” (Kèo trên chẳng ngay, kèo dưới lệch). “Kèo trên” là gì? Kẻ làm cha mẹ! Cha mẹ đã chính, lẽ nào con cái bất chính? Cha mẹ bất chính, làm sao con cái chính cho được? Vấn đề xuất hiện ở chỗ này.

Vì vậy, chúng tôi đưa ra 3 căn bản giáo dục ấy, “Hiếu thân, tôn sư” (Hiếu thảo với cha mẹ, tôn trọng thầy) được thực hiện bằng *Đệ Tử Quy*; “Từ tâm chẳng giết” được thực hiện bằng *Cảm Ứng Thiên*; cuối cùng là tu *Thập Thiện Nghiệp*. Do có rất nhiều người hỏi tôi: “Thưa pháp sư Tịnh Không! Vì sao thầy đề xướng *Đệ Tử Quy* và *Cảm Ứng Thiên*? Những thứ ấy đều chẳng phải là Phật giáo”. Họ không biết, từ giữa đời Đường trở đi, Phật giáo Trung Quốc không học Tiểu thừa. Trong kinh điển, đức Phật đã dạy: “*Phật tử không học Tiểu thừa trước, sau đó học Đại thừa, chẳng phải là đệ tử Phật*”, Phật không thừa nhận.

Cớ sao quý vị chẳng làm theo quy củ của đức Phật? Các kinh luận Tiểu thừa được dịch sang tiếng Hán vô cùng đầy đủ. Tôi chẳng chú tâm nghiên cứu, nhưng Chương Gia Đại sư bảo tôi, đối chiếu *Tam Tạng* của Nam truyền Tiểu thừa với *Tứ A Hàm* trong Hán Tạng, tạng Nam truyền chỉ nhiều hơn các kinh điển Tiểu thừa trong Hán Tạng năm mươi mấy

bộ. Gần 3.000 bộ kinh điển mà chỉ nhiều hơn năm mươi mấy bộ, có thể thấy *Tứ A Hàm* đã được phiên dịch khá hoàn bị.

Phật giáo sau khi được truyền đến Trung Quốc, đứng là trước học Tiểu thừa, sau học Đại thừa, đặt vững cơ sở nơi Tiểu thừa; vì sao từ giữa đời Đường trở đi chẳng cần nữa? Hai tông Tiểu thừa, tức Thành Thật tông và Câu Xá tông, chẳng còn nữa, hiện thời ngay cả tên gọi cũng chẳng nghe nói tới. Tổ sư đại đức Trung Quốc dùng Nho và Đạo để thay thế Tiểu thừa vẫn được! Quý vị thấy một 1.700 năm qua, trải các đời, bao nhiêu cao tăng đại đức, bao nhiêu vị tổ sư xuất hiện, cũng có nghĩa là dùng Nho và Đạo để thay thế bèn tốt đẹp, càng thân thiết hơn nữa. Hơn nữa, tâm lượng của Nho và Đạo rộng rãi hơn Tiểu thừa, chẳng thua kém Tiểu thừa.

Chúng ta phải hiểu chuyện lịch sử này, hiểu sự dụng tâm của tổ sư đại đức, dùng Nho và Đạo để thực hiện phúc thứ nhất trong 3 phúc. Phúc thứ nhất là căn cơ. Có 3 căn bản ấy, đức hạnh của quý vị sẽ thành tựu. Có đức hạnh bèn có phúc báo thật sự. Không có đức hạnh, phúc báo ấy là giả, chẳng thật, thường là giống như hoa đàm thoáng hiện! Do vậy, ngạn ngữ có câu: *“Phú bất quá tam đại”* (Chẳng ai giàu 3 đời), đạo lý là ở chỗ này. Vì sao? Kẻ đó thiếu căn cơ. Phải có căn cơ, thì mới có thể kéo dài đời đời kiếp kiếp. Kẻ ấy biết tích công lũy đức, dẫu phú quý vẫn tu đức, tiếp tục tu không ngừng, đời đời kiếp kiếp hưởng thụ chẳng cùng. Những điều này đều là thật.

Có phúc thứ nhất thì mới có thể nhập Phật môn. Quý vị thấy điều thứ hai là *“Thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi”*, tức là đã nhập môn. Trước khi nhập môn phải có điều kiện. Điều kiện là phúc thứ nhất. Phúc thứ nhất là như trong kinh điển ta thường thấy nói *“thiện nam tử, thiện nữ nhân”*, vì họ trọn đủ *Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp*. Họ là thiện nam tử, thiện nữ nhân, nên mới có thể thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, đó là nhập môn. Tam Quy, giới luật, oai nghi đều có thể tu khá lắm, đức hạnh thành tựu giống như A La Hán, như Bồ tát. Điều ấy mới khiến cho quý vị thật sự tu Giới, tu Định, tu Huệ trong Đại thừa.

Điều thứ ba là *“Phát Bồ đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại thừa, khuyến tấn hành giả”*. Đó là tam phúc. 10 loại tâm như chúng ta đang đọc ở đây đều là Bồ đề tâm. Mỗi điều đều là Bồ đề tâm. Mỗi điều đều đầy đủ viên mãn 9 điều kia. Bồ tát phát tâm là đệ nhất. Đã phát tâm, quý vị bèn có phương hướng, có mục tiêu. Sau đấy là tin sâu nhân quả. Câu này rất quan trọng. Câu quan trọng nhất là *“Niệm Phật là nhân, thành Phật là quả”*. Quý vị có thể tin tưởng nhân quả ấy, trở về Tịnh Độ, chắc chắn thành tựu trong một đời này, chẳng còn bị lạc đường nữa! Đọc tụng Đại thừa, chính mình đã thành tựu. Câu cuối cùng là dạy người khác, đã tự hành, phải hóa tha. Bồ tát phải độ chúng sinh. Nếu không giúp đỡ người khác, chẳng phải là Bồ tát! Vì thế, sau đó bèn khuyến

tấn hành giả, quý vị phải khuyên lơn, phải giúp người khác tinh tấn, phải giúp người khác thành tựu.

Quý vị thấy 3 phúc thành tựu sẽ tự nhiên giống như Bồ tát, Bồ tát là như thế nào? Bồ tát là *Lục Hòa*. *Lục Hòa Kính* là Bồ tát. *Lục Hòa Kính* chẳng có tâm tổn hại, chẳng có tâm bức nã, thật sự thích thủ hộ. Có đầy đủ đức hạnh như vậy rồi mới thâm nhập kinh tạng, tu Giới, Định, Tuệ, tu Bồ tát hạnh. Bồ tát hạnh là Lục độ, tu 10 nguyện Phổ Hiền, tiếp nhận 10 đại nguyện vương của Bồ tát Phổ Hiền dẫn về Cực Lạc. Đây là khi Tịnh Tông Học Hội thành lập tại Mỹ, chúng tôi đã viết một bài giới thiệu duyên khởi. Trong duyên khởi, nhắc đến 5 khoa mục ấy. Lấy 5 khoa mục ấy làm tiêu chuẩn, phương hướng và mục tiêu tu học của chúng ta. Con người hiện thời có nói: *“Học làm thầy người, hạnh làm khuôn mẫu cho đời”*. Chúng ta khởi tâm, động niệm, ngôn ngữ, tạo tác đều nêu gương tốt đẹp cho xã hội, chớ nên nêu gương xấu!

Thứ tư, *“Vô chấp trước tâm. Niệm Phật chi nhân, thường dĩ trí tuệ quán sát u nhất thiết pháp, bất sinh chấp trước, thị danh vô chấp trước tâm”* (Tâm chẳng chấp trước: Người niệm Phật thường dùng trí tuệ quán sát hết thấy các pháp, chẳng sinh chấp trước, đó là tâm không chấp trước). Vô chấp trước cần có gì? Phải có trí tuệ, không có trí tuệ là không được, phải có trí tuệ chân thật.

Trí tuệ do đâu mà có? Từ tâm thanh tịnh phát ra. Tâm thanh tịnh sinh trí tuệ. Chớ nên chấp trước hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian. Vì sao? Trong kinh giáo Đại, Tiểu thừa, đức Phật đã giảng vô cùng rõ ràng luân hồi trong lục đạo do đâu mà có? Do chấp trước mà ra. Chẳng còn chấp trước nữa, quý vị cũng rất dễ vượt thoát luân hồi. Chỉ cần quý vị có chấp trước, sẽ chẳng vượt thoát luân hồi. Luân hồi do chấp trước biến hiện.

Đức Phật bảo ngoài lục đạo còn có Tứ thánh pháp giới, tức là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ tát, Phật. 4 pháp giới ấy cao hơn chúng ta. Họ do nguyên nhân gì mà có? Họ có tâm phân biệt, chẳng có tâm chấp trước. Họ có tâm phân biệt cho nên có Tứ thánh pháp giới. Chấp trước là Phiền não chướng. Vô lượng vô biên phiền não đều từ đây sinh ra. Quý vị buông xuống, bèn chẳng còn có chuyện gì nữa! Phân biệt là Sở tri chướng. 2 thứ chướng ngại này đều chướng ngại con người minh tâm kiến tính.

Nếu chúng ta trở về tự tính, 2 thứ chướng ngại ấy đều chẳng còn nữa. Vì vậy, trong giáo pháp Đại thừa, đức Phật thường nói: Chúng ta buông chấp trước xuống (Kiến Tư phiền não đã đoạn), bèn chứng quả A La Hán, thành Chính Giác, chứng quả A La Hán vượt thoát lục đạo. Bởi lẽ, lục đạo là mộng cảnh, chỉ cần Chính Giác hiện tiền, lục đạo chẳng còn nữa, đã tỉnh giấc rồi, đã tỉnh khỏi giấc mộng rồi. Sau khi tỉnh lại, vẫn còn trong mộng, bởi lẽ lục đạo là mộng trong

mộng. Đó là gì? Tứ thánh pháp giới. Tứ thánh pháp giới vẫn là mộng cảnh. Ất phải buông phân biệt xuống, đối với hết thấy các pháp thể gian và xuất thể gian chẳng phân biệt. Tâm phân biệt đoạn mất, tâm ấy càng thù thắng hơn tâm thanh tịnh. Trong tâm thanh tịnh không có chấp trước, nhưng có phân biệt. Trong tâm bình đẳng không chỉ chẳng có chấp trước, mà phân biệt cũng không có. Nay chúng ta nói là “hài hòa” (hỗ tương hợp tác, ý kiến hòa hợp), nói đến hòa, bình khó lắm. Vì sao hòa, bình khó khăn dường ấy? Người nào đạt được hài hòa chân thật? Bồ tát! A La Hán cũng chưa làm được. Vì sao? Bồ tát chứng đắc tâm bình đẳng, hể bình đẳng bèn hòa!

Bởi lẽ đó, người xưa nói đến hòa, bình, thì “hòa” do đâu mà có? Do bình mà có, tức là do bình đẳng mà có. Người xưa nói đến quả trước, sau đấy mới nói đến nhân. Người Nhật nói thành “*bình hòa*” (heiwa), tức là nói nhân trước, quả sau. Quý vị hãy xem văn tự của Nhật Bản. Bất bình lẽ nào có hòa hợp? Cao hơn thanh tịnh! Vì vậy, trong Tứ thánh pháp giới, chủ yếu là tu tâm bình đẳng. Trong nhan đề kinh này có “thanh tịnh, bình đẳng”. Bồ tát tu bình đẳng. Buông phân biệt xuống, bình đẳng hiện tiền. Trong Phật pháp nói quý vị đã chứng đắc Chính Đẳng Chính Giác.

A La Hán chứng Chính Giác, Bồ tát chứng đắc Chính Đẳng Chính Giác. Đẳng là bằng với Phật. Lại lên cao hơn nữa là phá Vô Minh phiền não. Vô Minh phiền não là gì? Khởi tâm

động niệm. Quý vị thấy: Không chỉ chẳng có phân biệt, chấp trước, mà kể cả khởi tâm động niệm cũng không có, đó gọi là Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác, đã thành Phật. Hành nhân tu hành chứng quả. “Hành nhân” là học trò. Nói theo cách bây giờ, cũng có thể nói hành nhân là người tu hành. Người tu hành phải thường dùng Giới, Định, Trí tuệ. Ngài nói “thường dùng trí tuệ”, tôi thêm vào trước đó Giới và Định, vì trí tuệ do Giới và Định mà có. Giới có thể đắc định. Không trì giới, tâm quý vị sẽ chẳng định được! Trì giới chẳng nhằm mục đích nào khác, nhằm đắc định! Thiền định vẫn là phương tiện, chưa phải là mục đích. Vì sao phải tu định? Nhằm khai trí tuệ. Tâm định, trí tuệ sẽ khai.

Trí tuệ quán hết thấy các pháp, quý vị mới thật sự có thể triệt để buông xuống chấp trước, phân biệt, khởi tâm động niệm! Vì sao? Đó là giả, là chướng ngại, chướng ngại trí tuệ và đức tướng sẵn có trong tự tính của quý vị. Quý vị nói nay ta muốn phát tài, ta mong sẽ có hết thấy của cải, quý vị có thể có toàn bộ địa cầu được hay không? Có thể. Quý vị có thể biến toàn thể địa cầu thành hoàng kim, châu bảo được không? Có thể. Vì sao nay quý vị không làm được? Vì quý vị có chấp trước, khiến cho toàn bộ đức năng trong tự tính bị chướng ngại, quý vị sống khổ sở ngàn ấy! Nếu khôi phục, quý vị sẽ giống như Phật A Di Đà. Quý vị thấy Ngài trụ trong thế giới Cực Lạc. Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu với chúng ta một phần vạn, làm sao có thể giới thiệu trọn hết cho được?

Trong thế giới Cực Lạc, thân thể như thế nào? Thân Kim cương bất hoại, thật sự là vô lượng thọ, chẳng giả, vĩnh viễn chẳng già yếu. Quý vị có muốn hay không? Hoàn cảnh cư trú của quý vị là cung điện 7 báu. Hiện thời, chúng ta dùng những thứ trần châu, mã não làm đồ trang sức, quý báu khôn ngần. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, những thứ ấy là vật liệu để xây dựng, chỗ nào cũng có! Hoàng kim quý báu vô cùng, nhưng trong thế giới Cực Lạc, hoàng kim để lót đường, giống như nhựa đường trong thế gian này được dùng để lót đường! Từ chỗ này, quý vị nghĩ xem sự phú quý nơi ấy là gì? Chính là những thứ quý vị vốn tự mình sẵn có! Thật sự hiểu rõ, thật sự minh bạch, trong thế gian này chẳng có chút gì hiếm hoi, lạ lùng! Giống như quý vị thuộc gia đình đại phú đại quý, nay đến nơi đây du lịch văn cảnh, thấy thổ dân ở nơi này đeo những món trang sức bằng đồng hay bằng thiếc.

Quý vị thấy họ cảm thấy những thứ đó đẹp dễ khôn xiết, quý vị cười mà thôi, hiểu rõ rồi! Quả thật người trong thế giới Cực Lạc, đừng nói thế giới Cực Lạc, chư thiên trong thế giới Sa Bà thấy loài người chúng ta đáng thương lắm! Nếu chúng ta nhất niệm hồi quang, tiến lên, đặc biệt là vãng sinh Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị thấy hạ hạ phẩm vãng sinh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư là cảnh giới gì? Cảnh giới ấy do Phật A Di Đà tự nói, tuyệt đối chẳng phải là lời giả, hạ hạ phẩm vãng sinh cũng là A Duy Việt Trí Bồ tát. Điều

này có nghĩa là: Chỉ sợ quý vị không đến được thế giới Cực Lạc, chỉ sợ chẳng vãng sinh; hễ thật sự đến thế giới Cực Lạc, đến nơi ấy với phẩm vị thấp nhất thì trí tuệ, thần thông, đạo lực và sự hưởng thụ của quý vị chẳng khác Thất Địa Bồ tát. Pháp môn này được gọi là pháp khó tin. Đúng là khó tin! Nhưng chúng ta tin tưởng Phật chẳng nói dối, chẳng nói lời giả, lời Phật nói chắc chắn chân thật, chẳng giả. Chúng ta thật sự làm, thì sẽ thật sự đạt được.

Cơ hội này chẳng phải là ngàn năm khó gặp. Thời gian 1.000 năm quá ngắn ngủi! Cư sĩ Bành Tế Thanh đã nói: *“Vô lượng kiếp lai hy hữu nan phùng đích nhất thiên”* (Một ngày khó gặp hiếm có từ vô lượng kiếp đến nay), chúng ta đã gặp gỡ! Võ Tắc Thiên đã viết lời kệ *Khai Kinh* cho kinh *Hoa Nghiêm*: *“Bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ”* (Trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ). Nay, chúng ta đã gặp gỡ, nếu ở trước mặt mà bỏ lỡ, đúng là quý vị đã sai lầm quá đổi! Đặc biệt là chúng ta thấy trong hiện thời tai nạn nhiều ngàn ấy, các đồng học học Phật hiểu rõ. Trong tâm đã có căn cứ, biết tai nạn phát sinh như thế nào, cũng biết dùng phương pháp gì để hóa giải, hãy giành lấy duyên phận thù thắng này, nắm chắc niệm Phật vãng sinh thế giới Cực Lạc, điều đó càng thù thắng hơn. Hoàn cảnh hiện thời có lợi rất lớn. Vì sao? Chẳng có hoàn cảnh như vậy, thì quý vị vẫn chẳng phát tâm, hãy còn lưu luyến thế gian này. Nay, đã biết trong hoàn cảnh hiện tiền, chẳng thể lưu lại được, chẳng có vật nào ở ngoài

thân mà hòng giữ được, ngay cả thân thể của chính mình sợ còn chẳng giữ được!

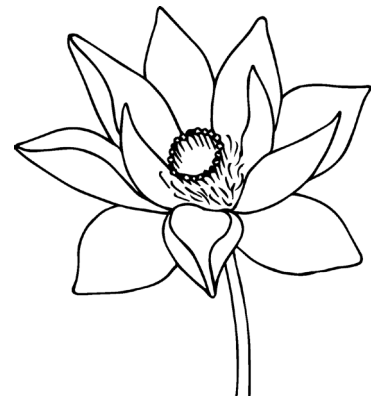
Hãy thừa cơ hội này mà ra đi thì tốt lắm! Thời gian vài ba năm là đủ rồi. Nhiều vị đại đức xưa nay đã chứng minh cho chúng ta thấy. Vì thế, phải dùng Giới, Định, Tuệ để quan sát hết thấy các pháp. Điều quan trọng là chớ sinh chấp trước. Hãy thực hiện trong cuộc sống hằng ngày, học theo Phật Thích Ca Mâu Ni hết thấy tùy duyên: Đối với chuyện ăn uống, sinh sống, người khác cúng dường gì ăn nấy, chớ nên chấp trước, đừng nên phân biệt, hãy thực hiện từ chỗ này, hãy tùy duyên trong ăn uống, sinh sống. Chớ nên cầu cạnh bất cứ ai, hãy tùy phận sống qua ngày, thật thà niệm Phật. Điều này trọng yếu hơn bất cứ điều gì khác, đó gọi là tu hành chân thật. Thật sự chẳng có tâm chấp trước, đối đãi bình đẳng với hết thấy mọi người, đối xử hòa thuận, và cũng thật sự thực hiện *Lục Hòa Kính*. Phần sau hãy còn 6 điều nữa !



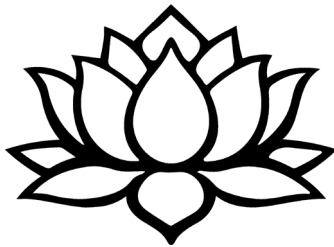
TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH
GIẢI DIỄN NGHĨA



TẬP 94



Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong



Chur vị pháp sư, chư vị đồng học, xin xem tiếp *Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải*, trang 107, hàng thứ 3, từ dưới đếm lên. Xem từ chữ thứ 3 trong dòng thứ 3, từ dưới đếm lên.

“Thứ liệt Di Lặc giả, Đại Bảo Tích Kinh Phát Thắng Chí Nhạo Hội, Di Lặc vấn Phật: Nhược hữu chúng sinh phát thập chủng tâm, tùy nhất nhất tâm chuyên niệm hướng ư A Di Đà Phật, thị nhân mạng chung đương đắc vãng sinh bỉ Phật thế giới. Thế Tôn! Hà đẳng danh vi phát thập chủng tâm?” (Kinh Đại Bảo Tích, pháp hội Phát Khởi Bồ tát Thù Thắng Chí Nhạo, có chép Ngài Di Lặc hỏi Phật: “Nếu có chúng sinh phát 10 tâm, đối với mỗi tâm chuyên niệm hướng về A Di Đà Phật, người ấy mạng chung sẽ được vãng sinh thế giới của đức Phật ấy. Bạch Thế Tôn! Những gì gọi là phát 10 thứ tâm?”).

Trong phần trước, chúng ta học đến chỗ này. Chúng tôi trích lục đoạn kinh nói về “phát 10 thứ tâm” trong kinh *Đại Bảo Tích*. Trong phần trước, chúng ta đã học 4 tâm trong 10 thứ tâm, thứ nhất là *Vô tổn hại tâm*, thứ hai là *Vô bức não tâm*, thứ ba là *Nhạo thủ hộ tâm*, thứ tư là *Vô chấp trước tâm*. Trong mỗi tâm bao hàm ý nghĩa sâu rộng vô tận.

Nay, chúng ta lại xem tâm thứ năm: *“Khởi tịnh ý tâm. Niệm Phật chi nhân, năng ly thế gian tạp nhiễm chi pháp, phục ư lợi dưỡng đẳng sự, thường sinh tri túc chi tâm, thị danh khởi tịnh ý tâm”* (Khởi tịnh ý tâm: Người niệm Phật có

thể là pháp tạp nhiễm thể gian, tâm lại thường biết đủ đối với những sự như lợi dưỡng v.v... thì gọi là *Khởi tịnh ý tâm*).

Điều này nói tới “chẳng tham”, 2 điều trước đó là “chẳng giết”, điều thứ 3 là hộ pháp, điều thứ 4 vô cùng quan trọng, buông chấp trước xuống. Vì trong các kinh Đại, Tiểu thừa, đức Phật thường dạy chúng ta, nếu chúng ta có thể chẳng chấp trước hết thấy các pháp thể gian và xuất thể gian, đức Phật nói quý vị sẽ vượt thoát lục đạo luân hồi. Do điều này có thể biết lục đạo luân hồi do đâu mà có? Do chấp trước mà có. Chỉ cần quý vị có ý niệm chấp trước, hiện tượng luân hồi bèn xuất hiện.

Người thật sự giác ngộ sẽ như Vĩnh Gia Đại sư đã nói trong *Chứng Đạo Ca*. Ngài Vĩnh Gia là người đời Đường, cùng thời đại với Lục Tổ của Thiền tông, và cũng là học trò của Lục Tổ, minh tâm kiến tính, kiến tính thành Phật trong hội của Lục Tổ. Suốt đời Lục Tổ, trong số các học trò có 43 người thành tựu. “Thành tựu” là minh tâm kiến tính. Minh tâm kiến tính không chỉ vượt thoát lục đạo, mà còn vượt thoát mười pháp giới, thật sự thành tựu! A La Hán chỉ là tiểu thành tựu, chẳng thể coi là thành tựu thật sự. Ngài chỉ thoát ly lục đạo luân hồi, chưa thoát ly mười pháp giới. Chúng ta biết luân hồi do ý niệm chấp trước mà xuất hiện; do vậy, Vĩnh Gia Đại sư bảo: “*Mộng lý minh minh hữu lục thú*” (Trong mộng rành rành phô 6 nẻo). “*Lục thú*” là lục đạo luân hồi; “*giác hậu không không vô đại thiên*” (giác rồi 3 cõi

rỗng toang hoang). Đã giác ngộ sẽ không chấp trước. Chấp trước là mê. Mê mà bất giác nên mới chấp trước. Nhưng chấp trước nghiêm trọng nhất là tình chấp, thứ này cũng chẳng thật. Chấp trước chẳng còn, thì lục đạo chẳng còn! A La Hán chẳng còn chấp trước, nhưng còn có phân biệt. Có phân biệt, thì có Tứ thánh pháp giới, tức là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ tát, Phật, có những pháp giới ấy xuất hiện. Những pháp giới ấy vẫn là mộng, cũng chẳng thật. Lục đạo là mộng trong mộng. Quý vị thấy đó, mê rất sâu!

Từ lục đạo tỉnh giấc, cảnh giới hiện tiền là Tứ thánh cảnh giới. Tứ thánh cảnh giới vẫn là mộng, vẫn chẳng thật. Lại phải buông phân biệt xuống! Không chỉ chẳng chấp trước, mà còn vĩnh viễn lìa khỏi phân biệt đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian. Sau đấy, lại nâng cao công phu tới mức “chẳng khởi tâm, không động niệm”, sẽ chẳng thấy mười pháp giới. Đúng như đức Thế Tôn đã dạy trong kinh *Bát Nhã*: “*Phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”. Mười pháp giới có tướng, nên chúng chẳng thật. Chúng ta đạt đến một trình độ nhất định sẽ chẳng thấy cảnh giới nữa, nó tiêu mất. Vì thế, các nhà khoa học hiện đại bảo chúng ta: Vũ trụ to lớn vô cùng tận. Khoa học hiện thời có thể thăm dò vũ trụ vĩ mô, nhưng chỉ có thể thăm dò được 10% của toàn thể vũ trụ. Nói cách khác, hãy còn 90% vũ trụ chưa thấy!

Chúng ta nghe câu ấy bèn hiểu, người tu học Đại thừa bèn hiểu rõ, lời các nhà khoa học nói là thật, 90% chẳng

thấy. Vì sao không thấy? Đã tỉnh mộng, sau khi tỉnh giấc, chẳng thấy cảnh giới trong mộng nữa, do đạo lý này. Vì thế, họ đã dò xét chân tướng vũ trụ khá lắm, chúng ta rất bội phục, nhưng họ vẫn chưa đạt đến rốt ráo, vẫn chưa triệt để. Nếu đạt đến triệt để, tôi tin là sẽ hoàn toàn giống như kinh Đại thừa đã nói.

Mười pháp giới chẳng còn, xuất hiện cảnh giới gì? Chính là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai như trong Phật pháp thường giảng, hoặc thế giới Cực Lạc như trong Tịnh Độ tông đã nói, hoặc thế giới Hoa Tạng như trong kinh *Hoa Nghiêm* đã nói. Những thế giới ấy đều là cõi Thật Báo Trang Nghiêm, chúng ta còn gọi nó là Nhất chân pháp giới. Nó có thật hay không? Nếu nó là thật, thì trong kinh *Bát Nhã*, đức Thế Tôn phải nói: *“Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng, trừ cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật ra!”*, phải nói theo cách ấy. Đức Phật chẳng nói ngoại trừ cõi Thật Báo của chư Phật; do vậy, có thể biết cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai cũng được gộp vào trong ấy, chúng ta chẳng nghe sai lời Phật dạy, có đúng hay không? Đúng! Cõi Thật Báo Trang Nghiêm vì sao mà có? Nó cũng là hư vọng, là hư vọng cuối cùng; nhưng hư vọng ấy rất khó đột phá. Vì sao? Nó do tập khí vô thỉ vô minh hiện ra. Vô thỉ vô minh là do khởi tâm động niệm. Chẳng khởi tâm, không động niệm, vô minh bèn bị phá. Tuy đã phá vô minh, tập khí vẫn còn, nhưng tập khí ấy chẳng nảy sinh chướng ngại đối

với chính mình và đối với sự giáo hóa chúng sinh. Do vậy, sau khi phá vô minh, nói theo thực tế, trí tuệ, thần thông, đạo lực vô cùng giống với quả vị rốt ráo, chỉ là kèm theo tập khí. Trừ điều này ra, chẳng có gì khác với quả vị rốt ráo.

Địa vị Diệu Giác là Phật quả rốt ráo. Trong mười pháp giới, thuận theo nghiệp cảm của chúng sinh, Ngài có thể hiện thân thuyết pháp, có thể hiện vô lượng vô biên thân. Do vậy nói: *“Nên dùng thân gì để độ được, bèn hiện thân ấy”*. Sự ứng hiện ấy không do ý nghĩ của chính mình. Chư vị phải hiểu, trong Viên giáo, từ hàng Sơ Trụ Bồ tát trở lên không có ý nghĩ của riêng mình. Nếu chính mình vẫn còn có ý nghĩ, chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi. Nếu chúng ta hỏi: A La Hán có ý nghĩ của riêng mình hay chẳng? Không có! A La Hán có phân biệt, nhưng chẳng có ý nghĩ.

Nếu chính mình có ý nghĩ, sẽ chẳng thoát khỏi lục đạo. Bởi lẽ, một điều kiện để thoát lục đạo là phá Kiến Tư phiền não, do ý nghĩ thuộc về Tư hoặc nên chẳng thể có ý nghĩ mới hòng thoát khỏi lục đạo. Sơ Quả Tu Đà Hoàn đoạn 88 phẩm Kiến hoặc. Điều nghiêm trọng trong Kiến hoặc là có thành kiến. Thành kiến là ý nghĩ, chủ trương, cách nghĩ, cách nhìn của ta. Chấp trước những thứ này là trật rồi. Hễ có chấp trước ấy, thì ngay cả Sơ Quả cũng chẳng chứng được, thật sự là lục đạo phàm phu. Vì thế, điều này được gọi là công phu. Công phu tu hành chẳng có chi khác, chẳng phải là niệm kinh cho nhiều, hay công phu định lực sâu bao nhiêu, không

phải vậy! Công phu thật sự là hoàn toàn buông xuống, đừng nên chấp trước, chớ nên phân biệt, chớ nên khởi tâm động niệm, thả đều buông xuống, đó là công phu. Như vậy, thì mới có thể thật sự nâng cao linh tánh của chính mình. Vì vậy, trong mỗi điều đều bao hàm ý nghĩa sâu rộng vô tận, chúng ta phải ghi nhớ trong tâm, phải nghiêm túc học tập.

Nay, chúng ta xét tới “*Khởi tịnh ý tâm*”. Khởi (起) là sinh khởi. Ý chớ nên nhiễm ô. Ý là tâm, đó là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm. Chân tâm là thanh tịnh, nhất định chẳng có nhiễm ô. Ý là vọng tâm, hiện thời chúng ta luôn dùng vọng tâm. Ai dùng chân tâm? Chư Phật Như Lai dùng chân tâm, Pháp thân Bồ tát dùng chân tâm. Những ai chưa minh tâm kiến tính đều sử dụng vọng tâm, tức là ý niệm, luôn dùng thứ này. Bồ tát và Phật trong mười pháp giới đều dùng vọng tâm, bất quá người ta sử dụng rất chính đáng. Chính đáng là gì? Ý họ thanh tịnh, còn ý của chúng ta là nhiễm ô, họ vẫn dùng ý.

Từ Pháp thân Bồ tát trở lên không dùng ý nữa, ý chẳng còn. Ý biến thành gì? Ý biến thành Bình đẳng tánh trí. Chư vị phải biết: Ý là Mạt Na thức. Kinh luận Tướng tông dạy chúng ta, chuyển Mạt Na thành Bình đẳng tánh trí, chuyển A Lại Da thành Đại viên kính trí, chuyển thức thứ 6 (Ý thức) thành Diệu quán sát trí, chuyển thức thành trí, thoát khỏi mười pháp giới. Trong mười pháp giới thì chưa chuyển, nhưng họ đúng là thật thà, biết nghe lời, thật sự làm, thực

hiện 100% những điều đức Phật đã chỉ dạy. Vấn đề là chưa chuyển được. Hễ chuyển được, bèn vượt thoát mười pháp giới, đạt đến Nhất chân pháp giới. Vì thế, ở đây Bồ tát dạy chúng ta, quý vị thấy người niệm Phật nếu làm được 10 thứ tâm này, không chỉ vượt thoát lục đạo luân hồi, mà cũng sẽ nhanh chóng vượt thoát mười pháp giới.

Đầu tiên là tách rời pháp thế gian tạp nhiễm, “*Tạp*” (雜) là chẳng thuần, quá phức tạp rồi. “*Nhiễm*” (染) là chẳng thanh tịnh, là nhiễm ô, phải tách rời những thứ ấy. Tách rời là buông xuống. Tạp nhiễm vô lượng vô biên, những điều mắt chúng ta thấy, tai chúng ta nghe, lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần đều là pháp tạp nhiễm. Hiện tại, xã hội tạp nhiễm tới mức bão hòa, tạp nhiễm tới cùng cực, nảy sinh một hiện tượng vô cùng rõ rệt trong xã hội. Hiện tượng ấy chính là xã hội động loạn, môi trường sống thay đổi. Môi trường sống là hoàn cảnh tự nhiên của chúng ta.

Nay, chúng ta nói địa cầu có tai nạn nhiều dường ấy, khắp nơi đều có là do nguyên nhân nào? Là vì pháp tạp nhiễm đã quá mức, nên biến thành nông nổi ấy! Cổ nhân có nói một câu được ghi trong *Tả Truyện*, tức là bộ *Tả Truyện* do Tả Khâu Minh viết. Đó là tác phẩm chú giải kinh *Xuân Thu* của Khổng Tử. Ông này rất lỗi lạc! Trong sách ấy, có một câu như sau: “*Nhân khí thường tắc yêu hưng*”, nghĩa là nếu người ta vứt bỏ đạo lý thường hằng. “*Thường*” là gì vậy? Chính là Ngũ thường, cũng có thể nói là 5 thứ pháp đúng mực. Nếu con người chẳng

cần đến những thường pháp ấy, toàn bộ yêu ma quỷ quái sẽ xuất hiện, xã hội hiện thời thuộc về tình cảnh này.

Trong Ngũ thường:

1) Điều thứ nhất là Nhân. Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín là Ngũ thường. Nhân là gì? Nhân là suy từ mình mà nghĩ đến người. Quý vị thấy chữ Nhân (仁) trong tiếng Hán là 2 người. Nhân trong “nhân từ” là 2 người, nghĩ đến chính mình liền lập tức nghĩ đến người khác. Do vậy, “*nhân giả ái nhân*” (người nhân từ yêu thương con người), “*phàm thị nhân, giai tu ái*” (hễ là người, đều phải yêu thương). Đó là Nhân. Con người hiện thời chẳng yêu thương người khác. Không chỉ chẳng yêu thương người khác, mà con người hiện thời cũng chẳng yêu thương chính mình. Vì sao? Con người phải giữ vững Ngũ thường. Làm được Ngũ thường, đó là yêu thương chính mình, là “tự ái” (tự yêu thương mình). Do vậy, kẻ chẳng yêu thương chính mình, thì còn làm sao được nữa? Thiếu căn cơ! Trong xã hội hiện thời, tìm chẳng ra!

2) Thứ hai là Nghĩa. Nghĩa được giải thích ra sao? Nghĩa là tuân theo Lý, tức là hết thảy đều tuân theo một đạo lý, tuân thủ đạo lý gì vậy? Quy luật, pháp tắc của thiên nhiên, giống như thực vật mùa Xuân sinh, mùa Hạ tăng trưởng, mùa Thu thu hoạch, mùa Đông ẩn tàng. Đó là quy luật thiên nhiên. Đời sống của con người phải phù hợp Ngũ thường và Ngũ hành, thân tâm mới khỏe mạnh.

Trong thời đại hiện tại, sùng bái, đề cao khoa học. Khoa học làm gì? Phá hoại toàn bộ môi trường thiên nhiên! Thực vật sinh sôi vào mùa Xuân, mùa Hè ta cũng bắt nó sinh, tiết Thu cũng bắt nó sinh, trời Đông cũng bắt nó sinh, rối loạn nó, sinh, trụ, di, diệt đều bị rối tung. Đây là bất nghĩa. Vì thế, nói về Nghĩa theo phương diện con người thì nói đơn giản là tư tưởng và hành vi của chúng ta hợp tình, hợp lý, hợp pháp bèn gọi là Nghĩa. Trái nghịch tình, lý, pháp sẽ là bất nghĩa.

Lễ là lễ tiết. Lễ tiết trọng yếu. Vì thế, cổ nhân rất coi trọng lễ tiết, chẳng dám khinh mạn, lễ tiết nhỏ nhất cũng chẳng bỏ sót. Vì sao? Đây là tôn trọng thiên nhiên, tôn trọng đạo. Nếu chẳng có lễ, toàn bộ đều chẳng có. Giống như cất nhà, hay xây cao ốc, nó là nền tảng; không có nền tảng, lầu cao cách mấy cũng chẳng xây thành công. Phật pháp coi trọng lễ, xếp nó thành điều thứ nhất.

Quý vị thấy 10 đại nguyện vương của Bồ tát Phổ Hiền, thứ nhất là *Lễ kính chư Phật*, rất trọng yếu, làm sao có thể coi thường được? Vừa mở *Lễ Ký* trong *Ngũ Kinh* của Nho gia ra, câu đầu tiên là: “*Khúc Lễ viết, vô bất kính*” (Sách *Khúc Lễ* nói: “Không gì chẳng kính”). Chẳng có chuyện gì không cung kính. Đối với người, đối với sự, đối với vật đều phải cung kính. Vì sao phải cung kính? Đức Phật đã giảng thấu triệt nhất, vì toàn thể vũ trụ và bản thân chúng ta là một Thể, một tự tính, tâm hiện, thức biến.

Hiện tại các nhà khoa học rất khó có thể giúp chúng ta giải quyết rất nhiều vấn đề, nâng cao tín tâm của chúng ta. Các khoa học gia bảo: Trong vũ trụ chẳng có vật chất. Hiện tượng vật chất là gì? Là một loại huyền tượng do ý niệm của chúng ta liên tục tích lũy sinh ra. Vì sao vật chất có chất rắn, chất lỏng, và chất khí? Vì sao có những hiện tượng ấy? Đối với chất rắn như phù sa, đá tảng, đá cục, các nhà khoa học phát hiện: Do tốc độ dao động của ý niệm chúng ta khá chậm, biến thành trạng thái vật chất như đá tảng, phù sa, tức trạng thái rắn. Nếu tần suất nhanh hơn một chút, nó biến thành chất lỏng, giống như nhục thể của loài động vật chúng ta, tuy cũng là vật chất, nhưng chẳng cứng chắc như chất rắn. Tần suất mau hơn nữa, biến thành chất hơi. Nhanh nhất bèn biến thành sóng điện từ (electromagnetic wave), sóng ánh sáng cũng là một loại sóng điện từ.

Vì thế, hết thấy hiện tượng vật chất đều trở về quang tử (photon), là năng lượng. Năng lượng và vật chất chuyển biến trở thành lẫn nhau. Khoa học gia đã phát hiện điều này từ lâu, nhưng hiện thời vẫn chưa thể biến vật chất thành năng lượng dễ dàng như ý muốn. Bom nguyên tử đã được phát minh dựa trên đạo lý này. Làm thế nào để biến năng lượng thành vật chất? Họ biết chuyện này là có thể, nhưng vẫn chưa biết phương pháp! Phật pháp đã biết. Phật pháp quả thật có thể biến năng lượng thành vật chất, hiện tượng ấy rất phổ biến trong báo độ của chư Phật Như Lai. Do vậy, quan sát từ

góc độ này, thế giới của Phật, Bồ tát thật sự là cảnh giới khoa học cao nhất, thù thắng hơn chúng ta quá nhiều!

Nhưng khoa học kỹ thuật nhất định phải được kiến lập trên cơ sở luân lý, đạo đức, nó mới thật sự có thể giúp cho con người đạt tới cảnh giới hạnh phúc mỹ mãn. Nếu thiếu khuyết luân lý, đạo đức, khoa học kỹ thuật có thể đi ngược quy luật thiên nhiên, đi theo chiều hướng tương phản, đem lại tai hại cho nhân loại và thiên nhiên. Bậc thánh triết phương Đông, chư Phật, Bồ tát đều hiểu điều ấy, nên đã đặt nền tảng của giáo dục trên luân lý, đạo đức, nhân quả. Chẳng vun bồi vững bền những căn cội ấy, thì khoa học kỹ thuật phải tiến bộ thông thả một chút, chẳng thể tiến quá nhanh, nhất định phải đi sau luân lý, đạo đức mới không xuất hiện vấn đề. Nếu vứt bỏ luân lý, đạo đức, cứ mê mết lo tiến triển khoa học, hậu hoạn sẽ vô cùng, xã hội và địa cầu chúng ta hiện thời xuất hiện tai nạn nhiều ngàn ấy là do nguyên nhân ở chỗ này, chúng ta thấy rất rõ ràng. Những lời ấy chẳng phải do chúng tôi nói trước tiên, mà là những điều thường được nhắc tới trong ngôn luận của Tiến sĩ Thang Ân Tỷ, nước Anh, trong thập niên 70. Thời đại ấy hoàn toàn chưa nghiêm trọng lắm, hiện thời vấn đề nghiêm trọng đã xuất hiện, chúng ta suy nghĩ giáo huấn của cổ thánh tiên hiền, suy nghĩ lời bàn luận của Tiến sĩ Thang Ân Tỷ, đúng là chẳng giả!

Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín chẳng do bậc thánh hiền phát minh hay sáng tạo. Nếu chúng ta giữ quan niệm thánh hiền

đã sáng chế những điều ấy, là hoàn toàn sai lầm. Nếu quý vị hỏi một vị đại thánh đại hiền chân chánh, Ngài sẽ nói lời thật cùng quý vị, cả đời Ngài có sáng tạo hay không? Không có! Có phát minh hay không? Không có. Khổng Tử nói thật thà, Khổng Tử bảo cả đời Ngài “*thuật nhi bất tác*” (kể lại chứ không trước tác), có nghĩa là Ngài chẳng sáng tạo, chẳng phát minh.

Những điều Ngài học, tu, dạy, truyền lại toàn là những thứ của cổ nhân trong quá khứ, chẳng có gì là của chính mình. Ngài nói lời chân thật, thật thà. Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín được các đời truyền thừa, chẳng phải do Ngài nói. Phật Thích Ca Mâu Ni vì chúng ta giảng kinh, thuyết pháp 49 năm, Ngài có sáng tạo, phát minh hay không? Ngài nói “không có”, và còn nói rõ ràng hơn Khổng phu tử, lời ấy đã được Thanh Lương Đại sư nêu ra trong bộ *Tứ Thập Hoa Nghiêm Huyền Nghĩa*. Phật Thích Ca Mâu Ni nói hết thấy các kinh do Ngài đã giảng trong 49 năm chẳng phải là của Ngài, mà do các vị cổ Phật đã nói. Ngài còn nói: “*Ta chẳng nói nhiều hơn một chữ so với kinh của chư cổ Phật đã giảng*”, nói còn nghiêm ngặt hơn Khổng lão phu tử. Khổng lão phu tử chỉ nói “*thuật nhi bất tác*”, một câu nói hàm hồ, chung chung! Phật Thích Ca Mâu Ni nói cụ thể dường ấy, chẳng thêm vào kinh giáo của cổ Phật một chữ nào.

Quý vị thấy “*tín nhi hiếu cổ*” (tin tưởng, chuộng cổ), tin tưởng, yêu thích những thứ của cổ nhân, còn người hiện

thời ra sao? Người hiện thời chẳng tin những thứ của cổ nhân, cho rằng mọi thứ của cổ nhân đã lỗi thời, đều có thể vứt bỏ, chẳng cần đến nữa, hiện thời phải sáng tạo cái mới. Tôi còn nghe nói: “Trong vườn trẻ, thầy cho bài tập đòi hỏi trẻ nhỏ phải sáng tạo cái mới”. Tôi nghe mà kinh sợ. Từ bé tí như vậy mà đã bắt chúng nó sáng tạo cái mới, đáng sợ chưa? Những thứ của cổ thánh tiên hiền đều bị đào thải sạch sành sanh, vậy thì thế giới này phải hủy diệt. Tôi vừa mới nói, những ngôn luận, tư tưởng, trước tác của cổ thánh tiên hiền chẳng phải là sáng tạo, mà là Tính đức. Những gì được đời đời truyền lại đều là Tính đức trong tự tính, đều là những thứ chúng sinh vốn sẵn có trong Tính đức.

Trong kinh *Hoa Nghiêm*, đức Phật đã nói: “*Hết thấy chúng sinh đều có trí tuệ và đức tướng của Như Lai*”. Như Lai là tự tính. Trong tự tính của hết thấy chúng sinh vốn có vô lượng trí tuệ, vô tận trí tuệ, chẳng phải do bên ngoài mà có. Không chỉ có trí tuệ, mà còn có đức năng. Nay, ta gọi năng là năng lực. Không gì chẳng thể, trong tự tính của quý vị vốn sẵn có những đức năng ấy. Thứ ba là nói tới tướng hảo. Nay ta gọi tướng hảo là phúc báo. Trí tuệ, năng lực, và phúc báo mọi người đều bình đẳng, chẳng có mảy may sai biệt nào! Nay vì sao không có? Vì sao bất bình đẳng? Do phiền não khởi tác dụng. Phiền não là gì? Khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước. Những thứ ấy dày hay mỏng khác nhau, cho nên trí tuệ và đức tướng tỏ lộ không giống nhau.

Ở đây, đức Phật dạy chúng ta là dạy hàng sơ học, hãy lìa khỏi các pháp tạp nhiễm trong thế gian. Cội rễ của tạp nhiễm chính ngã chấp như chúng tôi đã nói trong phần trước. Trong chấp trước nói đến ngã chấp. Chấp trước cái thân là ta. Đó là cội nguồn của hết thảy họa hoạn. Vì thế, nhà Phật nói Vô ngã. Vô ngã chẳng phải là thật sự không có Ngã, mà là nói lục đạo chúng sinh chấp trước thân là ta. Sự chấp trước ấy sai lầm. Có chân ngã hay không? Có chân ngã. Nay, chúng ta không nhận biết chân ngã, ngỡ giả ngã là chân ngã. Giả ngã là gì? Giả ngã là cái ta có, giống như quần áo. Quần áo là cái ta có.

Hiện thời, một người nghiêm nhiên có những thứ hồ đồ như vậy, quên khuấy chân ngã, coi y phục là ta. Tình hình của lục đạo chúng sinh là như thế, coi quần áo là ta, quên bằng cái Ngã thật sự, hết thảy toàn là lo toan cho quần áo, quý vị nói xem có oan uổng hay không? Do vậy, đức Phật bảo chúng ta đã mê. Đó là căn cội, nguồn gốc, khởi đầu của mê. Vì thế, đức Phật dạy chúng ta trước hết phải phá ngã chấp. Phá trừ ngã chấp, chẳng còn chấp trước thân này là ta. Được vậy, chúng tôi chúc mừng quý vị. Quý vị thật sự nhập Phật môn, là đệ tử Phật, đã chứng quả Tu Đà Hoàn trong Tiểu thừa, chứng Sơ Tín trong địa vị Thập Tín Bồ tát của Đại thừa.

Thập Tín là Tiểu học trong Phật giáo. Sơ Tín là lớp Một, giống như kinh *Kim Cương* đã nói: “*Vô ngã tướng, vô nhân*

tướng, vô chúng sinh tướng, vô thọ giả tướng”. Người như vậy mới học lớp Một. Cửa nẻo Phật pháp cao lắm, dẫu quý vị nghiên cứu kinh điển giỏi giang đến mấy, nói đến nổi hoa trời rơi loạn xạ, mà vẫn ngỗ thân này là ta, quý vị chưa vào được cửa! Quý vị học suốt đời vẫn là Phật học. Phật học là gì? Tri thức, tức kiến thức về Phật học và Phật giáo đều vô dụng! Đức Phật đòi hỏi chúng ta phải học gì? Học trí tuệ, chẳng phải là học tri thức. Trí tuệ và tri thức là hai chuyện khác nhau. Trí tuệ là quý vị học được thì phải làm được, thật sự thọ dụng. Một người đạt đến vô ngã sẽ tự tại lắm!

Chư vị biết vô ngã sẽ tự tại ở chỗ nào? Nếu quý vị chứng vô ngã, sẽ vĩnh viễn trẻ trung, vĩnh viễn chẳng ngã bệnh, thân tâm khỏe mạnh. Đây là điều đầu tiên quý vị đạt được. Vì sao quý vị bị bệnh? Ngã mới có bệnh, không có Ngã, ai sinh bệnh? Bệnh ở chỗ nào? Chẳng còn nữa. Vì thế, mỗi tế bào trên toàn thân quý vị đều bình thường, khỏe mạnh. Vì sao có Ngã thì bị bệnh? Có Ngã thì có tự tư, tự lợi, có tham, sân, si, mạn.

Quý vị thấy nhà Phật gọi tham, sân, si là tam độc, đó là vi trùng gây bệnh nguyên thủy nhất, trong tế bào của quý vị có những thứ ấy. Trong tế bào có những vi trùng độc tham, sân, si như thế, bên ngoài rất dễ bị cảm nhiễm. Bên trong không có vi trùng, bên ngoài sẽ chẳng bị lây bệnh, đạo lý là như vậy. Đây là chỗ khác biệt giữa Trung Y và Tây Y. Với Trung Y thì khi một người mắc bệnh nghiêm trọng nhất, nếu tâm thái

tốt đẹp, thầy thuốc cho người ấy dùng một chút thuốc, rất dễ dàng khôi phục sức khỏe.

Vì thế, quý vị thấy hễ có ngã chấp sẽ kèm theo lắm nỗi phiền não ngăn ấy. Từ phiền não sẽ sinh khởi ngũ dục, lục trần, tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ bên ngoài là ngoại duyên; sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp là lục trần, là tạp nhiễm. Đức Phật quy nạp vô lượng vô biên tạp nhiễm thành mấy loại lớn để thuận tiện dạy học. Nếu chẳng tách lìa những thứ ấy, tâm quý vị làm sao có thể thanh tịnh cho được? Còn có tiếng tăm, lợi dưỡng, chúng đều là giả, đem theo không được! Phật, Bồ tát, tổ sư đại đức dạy chúng ta, hễ thứ gì mang theo không được, thì chớ nên để trong lòng. Có thì tốt lắm, không có cũng tốt lắm! Căn bản là chẳng bận lòng, tâm quý vị mới thanh tịnh.

“Phục ư lợi dưỡng đẳng sự” (Lại đối với các sự như lợi dưỡng v.v...). Lợi dưỡng là nói tới ngũ dục, lục trần. Người hiện thời rất coi trọng chúng. Chúng là đối tượng tham muốn của quý vị. Có những sự ấy, có thân thể thì cần phải nuôi dưỡng nó, nhưng câu tiếp đó quan trọng lắm: *“Thường sinh tri túc chi tâm”* (Thường sinh tâm biết đủ).

Phật Thích Ca Mâu Ni đã làm cho chúng ta thấy, cả đời lão nhân gia hiện diện trên thế gian, Ngài chẳng xuất thân từ chốn bần cùng, mà đến từ gia đình phú quý, cha là quốc vương, xuất thân từ vương tộc. Nhưng cả đời Ngài sống theo

nếp sống của một vị Tăng khổ hạnh, thể hiện “tri túc thường lạc” (biết đủ thường vui). Đã thế, lại còn bắt đầu cuộc sống khổ hạnh ấy khi còn rất trẻ, 19 tuổi rời khỏi gia đình, đi ra ngoài cầu học, tầm sư phỏng đạo 12 năm. Thường nghĩ thế gian này có quá nhiều chúng sinh khổ nạn, họ sống cuộc đời như thế nào? Chúng ta hơi dư dả đôi chút, cuộc sống đã tốt đẹp hơn họ nhiều lắm, vẫn còn chưa biết đủ hay sao? Không biết đủ là tội nghiệt (mầm mống tội lỗi)! Kẻ không biết đủ do muốn chiếm hữu, muốn khống chế, bèn tạo tội nghiệp. Nếu đối với chỗ này mà có tâm cảnh giác, có thể giác ngộ, trong cuộc sống vật chất chúng ta có thể làm được “tri túc thường lạc”, tâm quý vị sẽ thanh tịnh.

Đây là “*Khởi tịnh ý tâm*”. Tâm quý vị ngày càng thanh tịnh. Tâm thanh tịnh, thân sẽ thanh tịnh. Trong ý, buông tự tư, tự lợi xuống, buông tham, sân, si, mạn xuống, thì những nhân tố gây bệnh trong tế bào trên thân thể vật chất này chẳng còn nữa, bị hóa giải, bèn khôi phục bình thường. Thân tâm khỏe mạnh, vĩnh viễn chẳng ngã bệnh, cuộc sống vui sướng lắm, có sao chúng ta chẳng làm? Điều quan trọng là chẳng tham, mở rộng ý nghĩa thành chẳng sân và chẳng si.

Chúng ta lại xem điều thứ sáu tiếp đó: “*Lục, vô vong thất tâm. Niệm Phật chi nhân, cầu sinh Tịnh độ, thành Phật chủng trí, ư nhất thiết thời, niệm niệm bất xả, thị danh vô vong thất tâm*” (Sáu, tâm chẳng quên mất. Người niệm Phật cầu sinh Tịnh độ, thành Phật chủng trí, trong hết thảy các thời, niệm

niệm chẳng bỏ, đó là tâm chẳng quên mất). Điều này có ý nghĩa chẳng phức tạp, hoàn toàn quy nạp vào pháp môn Tịnh Độ. Chẳng mất ý niệm, vô lượng pháp môn của Như Lai chẳng mất, Ngài dạy chúng ta chẳng quên niệm Phật, đúng như Bồ tát Đại Thế Chí đã nói: *“Ưc Phật, niệm Phật, hiện tiền, đương lai, tất định kiến Phật”* (Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật).

Do đặc biệt trong thời đại hiện tại, tai nạn rất nhiều, khi nào tai nạn xảy ra, không ai biết. Tôi cũng nghe một người nói, anh ta nghe một người thông linh nói sẽ có rất nhiều tai nạn, rốt cuộc hỏi người ấy khi nào tai nạn sẽ phát sinh? Hỏi rất nhiều lượt, câu trả lời vẫn là một câu: *“Thiên cơ chẳng thể tiết lộ”*. Có hay không? Thật sự có, nhưng khi nào thì không ai biết. Lại còn gần như chẳng hề cảnh cáo trước, hễ nói là xảy ra bèn xảy ra.

2 tháng trước, vào đầu tháng Sáu, tôi theo đoàn phóng vấn tôn giáo Mã Lai đến thăm La Mã, thăm Vatican, tiện dịp viếng thăm khu Nam La Mã, lái xe đại khái gần 3 tiếng, thăm cổ thành Bàng Bối (Pompeii). 2.000 năm trước, thành này bị tro núi lửa chôn vùi. Nghe nói khi ấy, cư dân trong thành thị đó trốn được một phần, còn lại chừng hơn 4.000 người không chạy trốn được, đều gặp nạn. Thời gian bao lâu? Chỉ có mấy giây! Tôi đặc biệt đến thăm thành ấy, mong hiểu rõ tình trạng thuở ấy. Vì sao? Trong thế giới hiện tiền, rất có thể là trạng huống như vậy xảy ra tại bất cứ nơi nào. Chúng

ta phải chuẩn bị tâm lý, nó xảy ra quá đột ngột, quá nhanh chóng, giống như chúng ta coi phim *2012*, trở tay không kịp! Bất cứ ý niệm gì cũng chớ nên dấy lên, trong khoảnh khắc ấy chỉ nên dấy lên ý niệm niệm Phật, bởi dầu đều chết sạch, thì mỗi cá nhân sẽ đi đến những chỗ khác nhau!

Vì thế, nói tới lục đạo luân hồi, mỗi cá nhân đến mỗi chỗ khác nhau. Ai quyết định quý vị sẽ đến chỗ nào? Thưa quý vị, chẳng có ai quyết định! Lúc ấy, chẳng phải do thiên thần quyết định, cũng chẳng do Diêm La Vương quyết định, mà do ý niệm của chính quý vị! Trong Phật pháp đã nói rất hay, ý niệm cuối cùng của quý vị là gì? Nếu niệm cuối cùng tâm tham, bất luận quý vị nghĩ đến tài sản hay là người nhà, quyến thuộc, ý niệm cuối cùng quý vị nghĩ đến là tham. Tâm tham sẽ đọa trong Ngạ quỷ đạo. Nếu niệm cuối cùng là sân hận, có oán giận, oán khí, trong tâm bất bình, sẽ là Địa ngục đạo. Ý niệm cuối cùng là hồ đồ, ngu si, dầu chẳng có vọng niệm gì, nhưng mơ mơ màng màng, quá nửa sẽ vào Súc sinh đạo. Niệm cuối cùng là Phật A Di Đà, quý vị sinh sang thế giới Cực Lạc. Niệm cuối cùng nghĩ về Chân Chúa, quý vị sẽ sinh lên trời. Niệm cuối cùng là như thế đó. Khi thọ mạng đời này chấm dứt, đời sau đến nơi nào là do một niệm cuối cùng, đó là mấu chốt.

Quý vị hiểu rõ đạo lý này, trời già rất công bằng, chẳng có hậu đãi kẻ này, xử bạc kẻ kia, hoàn toàn đúng như cổ nhân đã nói: *“Tự làm, tự chịu”*. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, hiểu

rõ chân tướng sự thật, như vậy thì phải huấn luyện ngay trong hiện tại. Huấn luyện gì vậy? Huấn luyện ý niệm này: Thời thời khắc khắc đều có ý niệm Phật A Di Đà. Tai nạn xảy đến chẳng sao cả, xảy đến thì ta sang thế giới Cực Lạc; khi nó chưa xảy ra, ta tiếp tục niệm Phật, đấy là đúng, hoàn toàn đúng. Chủ thể tương lai của chính mình là ý niệm của chính mình. Chúng tôi có lý do để tin tưởng, bởi trong kinh điển của mỗi tôn giáo đều nói như thế. Những vị đại thánh đại hiền chẳng lừa gạt người khác.

Trong đoạn văn tự này, câu “*cầu sinh Tịnh độ*” dễ hiểu. Sinh về Tịnh độ để làm gì? Vì sao? Để thành *Phật chủng trí*; nói cách khác, trong thế giới Cực Lạc chỉ có một mục tiêu, chỉ có một phương hướng, đó là chỉ cầu thành tựu Nhất thiết chủng trí của Phật. Câu này cũng có nghĩa là đến thế giới Cực Lạc, ở trong hội của Phật A Di Đà, cầu Phật chỉ dạy chúng ta, giúp chúng ta chứng đắc minh tâm kiến tính, đại triệt đại ngộ, “*thành Phật chủng trí*”, chính là ý nghĩa này, trở về tự tính. Trở về tự tính, trí tuệ viên mãn trong tự tính là Nhất thiết chủng trí. Trong Phật pháp, danh từ này bao gồm hai ý nghĩa, 2 thuật ngữ, thứ nhất là Nhất thiết trí, thứ hai là Đạo chủng trí.

Nhất thiết trí cũng là Căn bản trí, liễu giải chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, nhà Phật thường nói: “*Vạn pháp đều không*”, kinh *Bát Nhã* dạy: “*Hết thấy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, trọn chẳng thể được*”. Câu này thoạt nhìn dường như chẳng sâu, nhưng trên thực tế rất ư là sâu. Phật Thích

Ca Mâu Ni suốt đời giáo học, giảng kinh *Bát Nhã* suốt 22 năm, gần như chiếm một nửa thời gian giáo học của Ngài để giảng đạo lý này. 22 năm *Bát Nhã* được tổng kết bằng một câu này. Một câu nói này gồm trọn 22 năm, quý vị biết nó rất sâu, rất rộng. Hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian không có pháp nào ngoại lệ, “*Vô sở hữu, rốt ráo không, trọn chẳng thể được*”.

Hết sức khó có. Hiện thời, các nhà khoa học lượng tử lực học đã dần dần chứng thực câu nói này. Lời Phật Thích Ca Mâu Ni giảng là lời thật, chẳng giả. Thật sự thấu triệt rõ ràng, thì quý vị mới buông xuống hết thấy. Hiểu rõ chân tướng sự thật. Chân tướng sự thật ấy là gì? Toàn thể vũ trụ và chính mình là một Thể, không phải là “một nhà”. Một nhà vẫn chưa phải là một Thể. Đức Phật bảo chúng ta, quan hệ giữa khắp pháp giới hư không giới và chính mình là một Thể. Điều này được gọi là luân lý trong nhà Phật. Do vậy, lòng từ bi của Phật không có điều kiện, đối với hết thấy mọi người, hết thấy sự vật, vạn vật trong trời đất, tâm từ bi bình đẳng, tâm từ bi thanh tịnh. Người hiện thời gọi từ bi là tâm yêu thương. Từ bi là tâm yêu thương bình đẳng, chẳng có sai khác. Vì sao? Một Thể, người ấy biết là vạn pháp và chính mình là một Thể, đó là Nhất thiết trí.

Đạo chủng trí là chuyện như thế nào? Là mỗi chuyện, mỗi vật, phát sinh như thế nào, vì sao nó phát sinh, đối với các đạo lý sai khác đó, người ấy đều hiểu rõ, chẳng có gì không

hiếu rõ, biết sự biến hóa phức tạp trong vũ trụ đều là bản năng trong tự tính. Hai thứ trí tuệ ấy đều chứng đắc, đều khôi phục, thì mới thật sự đáng gọi là *“không gì chẳng biết, không gì chẳng thể”*. *“Không gì chẳng biết”* là trí tuệ Bát nhã vốn sẵn có trong tự tính. *“Không gì chẳng thể”* là vô lượng đức năng vốn sẵn có trong tự tính, hiển thị ra ngoài thành tướng hảo. Đó gọi là Y báo và Chính báo trang nghiêm.

Đối với người mới học Phật mà nói, vì sao phải học Phật? Nhằm chứng đắc, khôi phục trí tuệ, đức năng, và tướng hảo trong tự tính, vì những điều này. Có thể làm được hay không? Có thể. Trong *Khởi Tín Luận*, Mã Minh Bồ tát dạy: *“Bổn Giác vốn có. Bất giác vốn không”*. 2 câu ấy dạy chúng ta phải tin tưởng chắc chắn, đức Phật nói trí tuệ và đức tướng sẵn có trong tự tính của chúng ta. Nếu là vốn có, đương nhiên có thể khôi phục. Những thứ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước vốn không có, trong tự tính chẳng có. Hiện tại dường như có, nhưng tự tính không có, đương nhiên có thể buông chúng xuống. Nói theo phía người bình phàm chúng ta, đương nhiên là có thể đoạn trừ chúng.

Học Phật là học gì? Học điều này: Trở về tự tính mà thôi. Trở về tự tính khó khăn, quý vị đọc kinh thông suốt, hiểu rõ, đó là giải ngộ. Quý vị đã hiểu rõ, nhưng chưa thực hiện, chưa làm được. Làm được là chứng ngộ. Làm được mới hữu dụng, thật sự hữu dụng. Ta hiểu rõ, liễu giải rồi, vẫn chưa làm được. Muốn làm, nhưng chẳng đơn giản như vậy. Làm thế nào để

buông tập khí vô thỉ phiền não xuống? 84.000 pháp môn như trong Đại thừa đã nói, chính là 84.000 phương pháp khác nhau giúp quý vị buông xuống. Có vô lượng pháp môn, giáo pháp Đại thừa dạy chúng ta như thế. Trong các phương pháp nhiều ngàn ấy, quý vị chỉ cần dùng một phương pháp là được, không cần phải tìm thật nhiều thứ. Nhưng phương pháp được chọn ấy phải là phương pháp mà chúng ta suy gẫm thấy chính mình có thể làm được.

Phương pháp có khó và dễ, căn tính của mỗi cá nhân khác nhau; vì thế, đức Phật cho phép chúng ta chọn lựa tự do. *“Pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp”*. Lời ấy rất hay! Trong các pháp môn, chẳng có pháp môn nào ưu việt, không hề có, đều là bình đẳng! Ưu việt tùy thuộc bản thân quý vị, căn tính của quý vị sai khác, nên phương pháp nào dễ sử dụng đối với chính mình, thì chúng ta dùng phương pháp đó. Đức Phật đặc biệt giới thiệu với chúng ta một pháp môn, tức là pháp Niệm Phật. Pháp môn này thuận tiện, dễ dàng, ổn thỏa, thích đáng, rất nhanh chóng. Thật sự nương theo phương pháp này để tu học, gần như Phật Thích Ca Mâu Ni có thể đảm bảo chúng ta sẽ thành công trong một đời này; đó là người niệm Phật.

Vì vậy, trong hết thảy các thời, niệm niệm chẳng bỏ ý niệm cầu sinh Tịnh độ và một câu Phật hiệu A Di Đà Phật. Câu ấy rất quan trọng, giúp chúng ta trở về tự tính. Đây là dạy chúng ta nhớ Phật, niệm Phật, trong tâm thường nghĩ đến

Phật, đặc biệt phải nghĩ tới Phật giáo hóa, độ thoát chúng sinh, công đức vô lượng vô biên. Phật chẳng có tâm riêng tư, vì sao? Ngài biết hết thấy chúng sinh trong khắp pháp giới hư không giới và Ngài là một Thể, làm sao Ngài có tâm riêng tư cho được? Niệm niệm vì chúng sinh, chính là niệm niệm vì chính mình. Niệm niệm giúp chúng sinh chính là niệm niệm giúp chính mình, lý này rất ư là sâu. Do chư Phật, Bồ tát không vị nào chẳng bỏ mình vì người, nên các Ngài mới có thể thật sự quay đầu, thật sự buông xuống, thật sự đạt đến thành tựu viên mãn.

Tiếp theo đó là điều thứ bảy: *“Vô hạ liệt tâm. Niệm Phật chi nhân, thường hành bình đẳng chi tâm, ư chư chúng sinh, tôn trọng cung kính, bất sinh khinh mạn, thị danh vô hạ liệt tâm”* (Tâm chẳng kém hèn: Người niệm Phật tâm thường hành bình đẳng, đối với các chúng sinh tôn trọng, cung kính, chẳng sinh lòng khinh mạn, đó là tâm chẳng kém hèn). Trong bình đẳng mới có sự đối đãi hòa thuận. Phật pháp và cổ thánh tiên hiền có chung quan niệm, giáo hóa chúng sinh thì nói quả trước, nói nhân sau. Vì sao? Chúng sinh bình phàm rất thực dụng, họ phải thấy kết quả trước. Hiểu rõ rồi, đã thấy tốt xấu rồi, mới giảng cái nhân cho họ. Họ sẽ tin tưởng, tiếp nhận dễ dàng. Bình đẳng là nhân, hài hòa là quả, người ta gọi là hòa, bình; hòa là quả, bình là nhân.

Người Nhật Bản nói là “bình, hòa”, đúng hay không? Cũng đúng, “bình, hòa” là nói nhân trước, nói quả sau. Có bình

đẳng rồi mới có hài hòa! Vì thế, ngày nay chúng ta muốn nói đến thế giới hòa bình, thế giới hài hòa, nếu thế giới này chẳng bình đẳng, thì hài hòa chỉ là khẩu hiệu, không thực hiện được! Xã hội này là xã hội rất bất bình đẳng, cho nên nơi nào cũng nảy sinh xung đột. Hóa giải xung đột bằng cách nào? Đối đãi bình đẳng, hài hòa sẽ xuất hiện, có thể hóa giải xung đột. Lời này nói dễ dàng, nhưng thực hiện chẳng đơn giản.

Chúng ta phải suy nghĩ, nghiêm túc tư duy, cổ thánh tiên hiền làm như thế nào? Dùng phương pháp gì để làm? Các Ngài dùng giáo dục. Mục đích của giáo dục là ở chỗ nào? Mục đích của giáo dục là giúp đại chúng giác ngộ. Đại chúng thật sự giác ngộ, thật sự hiểu rõ, khắp pháp giới hư không giới và ta là một Thể, tâm bình đẳng sẽ hiện tiền. Quý vị thấy các nhà Pháp Tướng Duy thức chuyển Mạt Na thức thành Bình đẳng tánh trí, hài hòa bèn xuất hiện. Mạt Na là Ý thức. Đã mê thì gọi là Ý thức, là Mạt Na thức. Đã giác ngộ, nó chính là Bình đẳng tánh, tức Bình đẳng tánh trí trong tự tính. Muốn giúp cho con người chuyển thức thành trí, trừ giáo dục ra, không có phương cách nào khác.

Trong cách nhìn theo Phật pháp của chúng tôi, tổ tông của mỗi dân tộc trên thế giới đều là Phật, Bồ tát thị hiện. Nói theo tôn giáo, thì họ đều là chân thần thị hiện. Nói như vậy hợp lý, mỗi vị đều là bậc minh tâm kiến tính. Vì vậy, họ lưu lại giáo huấn tương ứng với Tính đức viên mãn. Ngôn ngữ,

trí tuệ, lời bàn xứng tánh đều từ tự tính lưu lộ, chẳng phải do sáng tạo, chẳng phải là phát minh. Bởi lẽ, *“con người có cùng cái tâm này, tâm cùng một lý này”*.

Tôi bàn với Giáo sư Mạch Đại Duy (David McMullen) của khoa Hán học Trường Đại học Kiêm Kiêu (Cambridge) về phương pháp và quan điểm giáo học, những thứ tốt đẹp của cổ nhân đã truyền lại mấy ngàn năm, chẳng ai thay đổi được. Ông ta hỏi tôi: “Mấy câu nào vậy?”. Tôi bảo: “Đó là 8 câu đầu trong *Tam Tự Kinh*”. Ông ta có thể đọc thuộc lòng *Tam Tự Kinh*. Là một nhà Hán học, không biết ông ta đã đọc thuộc lòng bao nhiêu lượt, nhưng chẳng thấu hiểu. Quan điểm giáo học đầu tiên là phải thừa nhận *“Con người tánh vốn lành”*, giống như trong sự giáo dục của Phật Đà. Quý vị thấy quan điểm trung tâm trong nền giáo dục của đức Phật là *“Hết thấy chúng sinh vốn là Phật”*, ý nghĩa hoàn toàn giống với *“Nhân chi sơ, tánh bản thiện”* (Người thoát đầu, tánh vốn lành) trong *Tam Tự Kinh*. Vì thế, quý vị làm công tác giáo dục, giáo học, đầu tiên quý vị phải khẳng định con người tánh vốn lành.

Mục đích giáo dục là đâu? Mục đích chính là phải giúp hết thấy chúng sinh trở về bốn thiện. Trong Đại thừa Phật pháp, bốn thiện là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính. Đó mới là bốn thiện. Bốn thiện chính là thành Phật. Vì sao phải dạy? Câu tiếp đó đã nói rõ ràng: *“Tánh tương cận, tập tương viễn”* (Tánh thì giống nhau, do được huân tập mà trở thành khác

nhau). Tánh vốn lành, giống nhau, hoàn toàn giống nhau, nhưng do huân tập nên ngày càng cách xa bản tính. Tập tánh là gì? Thói quen. Bản tính vốn lành. Tập tánh bất thiện. Cổ nhân nói: *“Cận châu tắc xích, cận mực tắc hắc”* (Gần son thì đỏ, gần mực thì đen); một đứa bé hết sức dễ bị cảnh giới bên ngoài cảm nhiễm. Nó ở cùng người tốt sẽ biến thành người tốt, ở cùng kẻ ác sẽ biến thành xấu xa. Đó gọi là tập tánh. Mục đích của giáo dục là làm sao giúp cho con người từ tập tánh bất thiện quay về bản thiện, đó là mục đích của giáo dục. Vì vậy, quan điểm giáo dục được phát triển từ chỗ này.

“Cầu bất giáo, tánh nãi thiên” (Nếu chẳng dạy, tánh sẽ biến đổi). Chỉ cần dạy cho con người tốt đẹp, chuyện bất hảo nào trong xã hội cũng chẳng phát sinh, bất cứ tai nạn nào trên địa cầu cũng chẳng nảy sinh. Do vậy, người xưa hiểu giáo dục, có trí tuệ về phương diện giáo dục, có phương pháp và kinh nghiệm giáo dục, nên giáo dục có hiệu quả. Vô cùng đáng tiếc là sau khi nhà Mãn Thanh vong quốc một thế kỷ. Trong 100 năm ấy, chúng ta đã coi nhẹ, khinh rẻ những giáo huấn của cổ thánh tiên hiền, xã hội mới xuất hiện các phiền phức nhiều ngàn ấy; núi, sông, đại địa phát sinh các tai biến nhiều dường ấy. Truy tới căn bản, thì ra giáo dục có vấn đề!

“Giáo chi đạo, quý dĩ chuyên” (Đường lối giáo dục quý ở chỗ chuyên nhất). Chúng ta muốn học tốt đẹp, muốn học theo bậc thánh, muốn học theo người hiền, có thể làm được hay không? Chỉ cần quý vị kiên trì, ngăn ngừa hết thảy nhiễm

ô, như đã nói trong phần “*Khởi tịnh ý tâm*” ở trên, thì sẽ thực hiện được. Vâng giữ 8 câu giáo huấn của tiền nhân, ai nấy đều có thể trở thành thánh nhân, hiền nhân. Chẳng gặp thiện tri thức chân chính hoặc thầy tốt, có thể lấy cổ nhân làm thầy. Trước tác của cổ nhân hãy còn, hãy khéo đọc, học tập, y giáo phụng hành, có thể thực hiện. Tại Trung Quốc, người nêu gương đầu tiên là Mạnh Tử. Mạnh Tử học theo Khổng Tử. Khổng Tử đã chẳng còn, qua đời rồi, nhưng Thi, Thư, Lễ, Nhạc do Khổng Tử san định hãy còn; những văn tự do Khổng Tử biên tập giáo huấn của cổ thánh tiên hiền hãy còn. Mạnh Tử có được những tác phẩm ấy bèn nghiêm túc học tập, chỗ nào không hiểu rõ bèn thỉnh giáo các đệ tử của Khổng Tử. Ngài học thành công, học giống như Khổng Tử, vượt trội các đại đệ tử của Khổng Tử thuở ấy. Vì thế, hiện thời nhắc tới Khổng Mạnh, chẳng nói Khổng Tăng, tuy Tăng Tử cũng khá lắm, Hữu Tử cũng khá lắm, nhưng chẳng nhắc tới, chỉ nhắc tới Khổng Mạnh.

Quý vị thấy vị tư thực đệ tử này chưa hề gặp Khổng Tử, chiếu theo những trước tác còn lưu lại của Khổng Tử để học tập, nghiêm nhiên vượt trội những học trò do chính Khổng Tử chỉ dạy thời ấy, nêu gương tốt nhất cho chúng ta. Sách của Khổng Tử còn đó, *Tứ Thư*, *Ngũ Kinh*, nếu chúng ta chiếu theo đó, nghiêm túc học tập, bỏ ra 10 năm công phu cũng có thể làm được như Mạnh Tử. Chẳng phải là làm không được, nhưng vì sao không làm?

Thời gian 10 năm không dài, chỉ cần thật sự bỏ 10 năm công phu. Cổ nhân nói rất hay: “*Thập tải hàn song, nhất cử thành danh*” (10 năm quạnh quẽ miệt mài, một mai thi đậu công danh rõ ràng). Trong Phật pháp, Ngẫu Ích Đại sư đã nêu gương cho chúng ta. Ngẫu Ích Đại sư ngưỡng mộ Ngài Liên Trì, học theo Liên Trì Đại sư. Liên Trì Đại sư đã vãng sinh, chẳng còn tại thế, nhưng trước tác của Liên Trì Đại sư còn đó, học trò của Ngài là Thành Thời tu chỉnh, khắc ván lưu hành. Ngẫu Ích Đại sư có được những bộ sách của Liên Trì Đại sư bèn nghiêm túc học tập. Liên Trì là Tổ sư đời thứ 8 của Tịnh tông. Ngẫu Ích trở thành Tổ sư đời thứ 9. Vì thế, có thầy và có hoàn cảnh học tập là đại phúc báo! Điều ấy có thể gặp, chứ chẳng thể cầu. Không có hoàn cảnh ấy vẫn có thể học thành công, đó là Mạnh Tử và Ngẫu Ích Đại sư.

Trong hiện tại, chúng ta vừa phát hiện một người, tại miền Đông Bắc Trung Quốc có cư sĩ Lưu Tố Vân, dùng thời gian 10 năm để học một bộ kinh *Vô Lượng Thọ*, học thành công. Hiện thời, bà ta giảng kinh *Vô Lượng Thọ* không cần dùng kinh bản, giảng chỗ nào cũng thấm đẫm đạo lý, pháp duyên thù thắng, đến nơi nào cũng được người ta hoan nghênh. 10 năm, một quyển sách, bà ta học như thế nào? Bà ta có một bộ đĩa CD. Thuở ấy, bà ta đã 55 tuổi! 55 tuổi mới bắt đầu. Khi đó, bà có được một bộ đĩa CD kinh *Vô Lượng Thọ*, 60 giờ.

Chúng tôi không biết bà ta. Tới năm nay, tôi mới gặp mặt bà. Bà ta đã thành công, 10 năm bèn thành công. Bà ta kể

mỗi ngày nghe một đĩa CD, tức là 1 giờ. Với 1 giờ giảng, bà ta nghe 10 lần. Vì bà ta nghe tôi giảng kinh có nói một câu như sau: *“Thâm nhập một môn, huân tu lâu dài”*, bà ta ghi nhớ câu ấy, thật sự làm theo. Thâm nhập một môn, tức là nghe một bộ kinh đến cùng, chẳng có ý niệm thứ hai. Mỗi ngày nghe 10 lần đĩa CD ghi âm 1 giờ giảng. Ngày hôm, sau đổi sang đĩa kế tiếp, cũng nghe 10 lần. Nghe 60 ngày xong. Ngày thứ 61 quay lại nghe từ đầu. Nghe như vậy 10 năm, không chỉ toàn bộ kinh đều thuộc, mà mỗi chữ tôi nói bà ta đều nhớ nằm lòng. Một kinh thông, hết thấy các kinh thông. Hiện thời, bất cứ kinh giáo Đại thừa nào đưa đến trước mặt, bà ta chẳng bị mảy may chướng ngại gì! Đây là một tấm gương rất tốt đẹp. Năm nay, bà đã 65 tuổi. 10 năm, bà đã thành công rồi. Tôi giảng kinh thường nhắc tới bà ta. Bà ta đã nổi tiếng tại Đại Lục. Khắp nơi mời bà ta giảng kinh. Đó là một nhân vật giống như Mạnh Tử và Ngẫu Ích Đại sư.

Có người hỏi bà ta học như thế nào mà thành công? Bà ta bảo bí quyết gồm 6 từ: Thứ nhất là “lão thật” (thật thà), thứ hai là “thính thoại” (nghe lời), thứ ba là “chân cán” (thật sự làm). Thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, bà ta thật sự làm, 10 năm bèn thành công. Chúng ta thử nghĩ xem, chẳng phải là chúng ta không thể thành tựu, mà vì đã lãng phí thời gian. Người ta 10 năm dốc sức một bộ kinh, còn chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ loạn xạ trong 10 năm, uổng phí 10 năm!

Sau đấy, chúng ta suy nghĩ thấy tổ sư đại đức xưa kia có phúc báo. Quý vị thấy bao nhiêu người thành tựu y chỉ một vị thầy, ở trên núi vài chục năm chẳng hạ sơn. Hôm nay, pháp sư Trung Tây Tùy Công (Nakanishi Zuikou) của Nhật Bản đến thăm chúng ta. Trong quá khứ, tôi đã đi thăm Nhật Bản 6 lần, có một lần tôi đến thăm núi Tỳ Duệ (Hiei-zan) của Nhật Bản. Có người bảo tôi, các tổ sư khai sơn của 13 tông phái Phật giáo tại Nhật Bản^[13] đều tu hành trên núi này. Tôi lên núi đặc biệt hỏi dò xem thời gian tu hành của các vị tổ sư đại đức trên núi ấy bao lâu. Lão hòa thượng trên núi bảo tôi, vị lâu nhất hơn 30 năm không hạ sơn, vị ít nhất là 14 năm, nên các Ngài mới có thành tựu như vậy, trở thành nhất đại tổ sư. Pháp duyên thù thắng chưa phải là chuyện tốt, khiến cho quý vị suốt ngày từ sáng đến tối đi khắp nơi, tâm bị rối nháo nhào, thời gian cũng rồi beng, chẳng thể thành tựu! Người thành tựu an định một chỗ, như như bất động.

Tôi là một kẻ chẳng có phúc báo, chẳng có cách nào, chẳng có đạo tràng, nên nơi nào hữu duyên bèn đến nơi đó, nhưng tôi giữ vững một nguyên tắc, tôi đến bất cứ nơi

[13] 13 tông phái của Phật giáo Nhật Bản là 1) Hoa Nghiêm Tông (do Lương Biện sáng lập). 2) Thiên Thai Tông (do Tồn Trùng sáng lập). 3) Pháp Tướng Tông (do Đạo Chiêu sáng lập). 4) Luật Tông (do Giám Chân sáng lập). 5) Lâm Tế Tông (do Vĩnh Tây sáng lập). 6) Tào Động Tông (do Đạo Nguyên và Oánh Sơn sáng lập). 7) Hoàng Bá Tông (do Ấn Nguyên Long Kỳ sáng lập). 8) Nhật Liên Tông (do Nhật Liên sáng lập). 9) Dung Thông Niệm Phật Tông (do Lương Nhân sáng lập). 10) Thời Tông (do Nhất Biện sáng lập). 11) Tịnh Độ Tông (do Pháp Nhiên sáng lập). 12) Tịnh Độ Chân Tông (do Thân Loan sáng lập). 13) Chân Ngôn Tông (do Không Hải sáng lập). Tuy có 13 tông, nhưng nếu xét đến pháp môn hành trì và kinh điển chính yếu để y cứ thì chỉ có 7 tông là Hoa Nghiêm (Hoa Nghiêm Tông), Thiên Thai (Thiên Đài Tông, Nhật Liên Tông), Duy Thức (Pháp Tướng Tông), Luật Tông, Thiền Tông (Lâm Tế, Tào Động, Hoàng Bá), Tịnh Độ (Dung Thông Niệm Phật Tông, Thời Tông, Tịnh Độ Tông, Tịnh Độ Chân Tông) và Mật Tông (Chân Ngôn Tông).

nào cũng đều là để giảng kinh, nơi không thể giảng kinh tôi sẽ không đến. Do vậy, tôi có thể duy trì vững vàng cho đến hiện tại, suốt 52 năm giảng kinh không gián đoạn nên mới có một chút thành tựu. Nếu tôi có phúc báo như các vị tổ sư đại đức xưa kia, có một ngọn núi, 52 năm chẳng hạ sơn, đến nay tôi sẽ tuyệt lắm, khá vô cùng! Vì thế, các đồng học trẻ tuổi phải hiểu rõ đạo lý này, ai thành tựu quý vị? Chính mình thành tựu chính mình.

Xưa nay, trong ngoài nước, hễ là người có thành tựu, tuyệt đối chẳng phải do được thầy ở bên cạnh thường chỉ điểm, không có, đều do chính mình thành tựu. Nắm vững những nguyên tắc và nguyên lý do thầy chỉ dạy, thật sự phát tâm dũng mãnh, tâm tinh tấn, giữ chí thường hằng, không ai chẳng thành tựu! Cư sĩ Lưu Tố Vân là một tấm gương vô cùng tốt. Người ta 55 tuổi mới tiếp xúc, các vị còn chưa tới 55 tuổi, phải học theo bà ta, 10 năm trở thành đại pháp sư. Nếu bà ta xuống tóc, xuất gia, lên tòa, giảng kinh bèn là đại sư.

Do vậy, chuyển Mạt Na thức thành Bình đẳng tánh, điều này vô cùng trọng yếu. Thật sự chuyển được, nhất định sẽ có biểu hiện như thế này: Tôn trọng cung kính các chúng sinh, chẳng sinh lòng khinh mạn. Đối với người cũng thế, mà đối với chính mình cũng thế, ta và người bình đẳng, chúng sinh và Phật bình đẳng. Quý vị đối với người, đối với cây cối, hoa, cỏ, đối với núi, sông, đại địa, đối với hết thảy chúng sinh, quyết định chẳng có tâm khi dễ, chẳng có thái độ ngạo mạn,

thể hiện sự tôn trọng, cung kính, chắc chắn là như vậy. Đây là lễ kính, chẳng sân.

Tiếp đó, điều thứ tám là *“Sinh quyết định tâm. Niệm Phật chi nhân, bất trước thế gian ngôn luận, ư Vô Thượng Bồ Đề chi đạo, thâm sinh chính tín, tất cánh bất hoặc, thị danh sinh quyết định tâm”* (Sinh tâm quyết định: Người niệm Phật chẳng đắm chấp ngôn luận thế gian, đối với đạo Vô Thượng Bồ Đề, sinh lòng chính tín sâu xa, rốt ráo chẳng mê hoặc. Đó là *Sinh tâm quyết định*). Điều này là “chẳng si”. Quý vị thấy đó, không tham, không sân, không si. Những ngôn luận thế gian, đặc biệt trong hiện thời, chính luận ngày càng ít ỏi, lệch lạc, tà vạy ngày càng nhiều! Các đồng học theo tôi lâu dài cũng biết tôi có một thói quen, tôi học Phật 59 năm; 10 năm đầu, có khi xem nhật báo, tạp chí, TV, tôi buông bỏ những thứ ấy gần 50 năm rồi, chẳng xem TV, chẳng đọc nhật báo. Tôi nhất loạt cự tuyệt những tạp chí tin tức. Vì sao? Nhiệm ô. Cũng có đồng học thường gửi sách cho tôi xem, tôi cầm lấy, trước hết xem trang bản quyền, phía sau in: *“Sở hữu bản quyền, in lại nhất định truy cứu trách nhiệm”*, tôi sẽ không đọc sách ấy, bảo người ta đem đi.

Người ta hỏi vì sao ư? Tôi trả lời: Tác giả tâm lượng quá nhỏ. Tâm lượng quá nhỏ, thì có thể viết được thứ tốt đẹp gì? Quý vị thấy khi cổ nhân ra sách, chẳng phải vậy! *“Hoan nghênh tái bản, công đức vô lượng”*, chẳng có sở hữu bản quyền. Một người tâm lượng to lớn, tâm lượng lớn, phúc sẽ

lớn, trí tuệ cũng lớn; tâm lượng nhỏ bé, phúc cũng bé tí, trí tuệ cũng nhỏ nhoi, vậy thì cần gì phải lãng phí thời gian của chúng ta? Thời gian của chúng ta rất hữu hạn, chẳng muốn lãng phí vào đó; nhưng nếu là ngôn luận của thánh hiền thế gian thì có thể xem, có thể nghiên cứu. Tuy vậy, hoàn cảnh hiện tại đã khác, tai nạn nhiều lắm, khiến cho chúng ta sinh khởi tâm cảnh giác cao độ, chúng ta ứng phó ra sao, đây là chuyện cấp thiết trước mắt, chỉ có đem toàn bộ thời gian, tinh lực dùng vào Phật pháp.

Kinh luận Phật pháp cũng nhiều vô cùng, thưa quý vị. Kinh có thể cứu nạn gấp, thật sự có thể giúp chúng ta giải quyết nguy cơ trước mắt chính là một bộ kinh *Vô Lượng Thọ*, thật sự dùng được! Nhất là bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư. Hiện thời, trong 9 phiên bản tiếng Hán khác nhau của kinh *Vô Lượng Thọ*, bản của Hạ Liên Cư là bản tốt nhất trong 9 bản khác nhau. Chúng ta có duyên gặp gỡ, đó là phúc báo nhiều lắm! Do vậy, năm nay, tôi quyết định tạm ngừng giảng kinh *Hoa Nghiêm* một năm để giảng bộ kinh này. Mọi người chúng ta cùng nhau học tập kỹ càng.

Tôi cũng giảng kinh này giống như giảng kinh *Hoa Nghiêm*, giảng căn cứ bản chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, cũng là cảm ơn một phen tri giao giữa chúng tôi lúc tuổi già. Cụ viết bản chú giải này, dụng tâm rất khổ sở. Đã thế, thân đang mang bệnh nặng, vẫn hoàn thành tác phẩm này. Tôi biết rõ, vô cùng kính phục. Lần này, chúng tôi chia sẻ tâm đắc và cảm

tướng do đọc bộ kinh này cùng mọi người, tạo thành *Diễn Nghĩa*. Vì vậy, lần giảng kinh này có nhan đề là *Tịnh Độ Đại Kinh Giải*. *Đại Kinh* do cụ Hạ hội tập, *Giải* do lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ viết. Cuối cùng, chúng tôi đem phần tâm đắc khi học tập tạo thành *Diễn Nghĩa*, giúp cho các Tịnh tông đồng học hiện tiền và mai sau có một bản hoàn thiện hòng có thể tu học, mang ý nghĩa rất lớn. Đại biểu cho đạo Vô Thượng Bồ Đề, cứu độ chúng sinh nghiệp khổ trong 9.000 năm thời Mạt pháp là cuốn kinh này và bản chú giải này. Sinh lòng chính tín sâu xa, rốt ráo chẳng mê hoặc. Đó là “*Sinh quyết định tâm*”.

Thứ chín, “*Vô tạp nhiễm tâm. Niệm Phật chi nhân, tu tập công hạnh, chủng chư thiện căn, tâm thường viễn ly nhất thiết tạp nhiễm phiền não, thị danh vô tạp nhiễm tâm*” (Tâm chẳng tạp nhiễm: Người niệm Phật tu tập công hạnh, gieo các thiện căn, tâm thường xa lìa hết thảy phiền não tạp nhiễm. Đó là *Tâm không tạp nhiễm*). Học điều gì cũng phải chuyên, chớ nên tạp, kỵ nhất là xen tạp. Nhưng trường học hiện thời là tạp nhiễm. Chương trình học trong nhà trường hiện thời, nói chung từ nhà trẻ đến lớp tiến sĩ đều là học tập nhiều môn, lại còn sắp xếp các môn học xen kẽ.

Chẳng hạn như Tiểu học, giờ thứ nhất học Ngữ Văn, giờ thứ hai học Toán. Khái niệm ngữ văn còn chưa hấp thụ đã thay đổi đề mục. Đó là tạp, là nhiễm. Thời cổ kỵ nhất cách dạy học ấy. Cổ nhân tuân thủ nguyên tắc: “*Giáo chi đạo, quý dĩ chuyên*”, tức là “*Thâm nhập một môn, huân tu lâu dài*”.

Một môn chưa học nhuần nhuyễn, quyết định chẳng thể học môn thứ 2. Xưa kia, tôi theo lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam học kinh giáo. Thầy Lý áp dụng cách dạy học trong trường tư thực, tức là học từng môn một, quý vị không thể đồng thời học 2 môn. Thầy nói rõ ràng với quý vị, học đồng thời 2 môn thì 1 môn quý vị cũng chẳng học được! Vì sao? Phân tâm. Thời gian cũng bị chia vụn, tinh thần cũng bị phân tán, làm sao học tốt cho được? Chỉ cho phép học 1 môn. Học xong 1 môn mới có thể học môn thứ 2. Học từng môn một, phương pháp này có thể sử dụng trong nhà trường. Tôi tin tưởng dùng trong nhà trường, thành tích của học trò nhất định sẽ vô cùng tốt đẹp. Vì sao? Tập trung tinh thần. Chẳng hạn như Tiểu học có 4 môn chủ yếu, Ngữ Văn, Toán, hoặc là Sử, Địa, ngoài ra còn có Ngoại ngữ.

Các môn học chính yếu không sắp xếp xen kẽ. Ngữ Văn là cơ sở của tất cả khoa học, trọng yếu nhất, dành thời gian nhiều một chút. 6 năm Tiểu học dùng thời gian 3 năm để học Ngữ Văn, không có các môn khác, chuyên học Ngữ Văn. Toán thì dành ra 1 năm để chuyên môn học Toán. Quý vị thấy học theo kiểu này, trong cặp chỉ có 1 quyển sách, rất nhẹ nhàng, thông dong, đầu óc chỉ nghĩ tới 1 chuyện, chẳng nghĩ tới chuyện thứ 2, chắc chắn tinh thần tốt đẹp, thân thể tốt đẹp, thành tích học tập cũng tốt đẹp. Đây chính là như cách nói của người xưa: *“Giáo chi đạo, quý dĩ chuyên”*, chớ nên xen tạp. Khi đã xen tạp, sẽ rối loạn.

Cổ thánh tiên hiền có trí tuệ. Người hiện thời xem thường thánh hiền, nên họ bất hiếu với cha mẹ, ngỗ con người hiện thời rất thông minh, luôn vượt trội thánh hiền. Hiện thời, con cái đều nghĩ mình vượt trội cha mẹ rất nhiều, cha mẹ quá cổ lỗ, trở thành đồ cổ rồi, vô dụng, chẳng theo kịp thời đại, ngay cả computer cũng chẳng biết dùng, xem thường cha mẹ.

Tôi cũng thảo luận vấn đề này với nhiều người làm công tác giáo dục, kể cả một số giáo sư đại học và các hiệu trưởng, họ nghe xong cũng cảm thấy tôi rất có lý, có thể làm thí nghiệm. Nếu có trường học nào chọn phương pháp này để làm thí nghiệm. Thí nghiệm thành công sẽ là công đức vô lượng, có thể giúp khá nhiều trường học thay đổi phương pháp dạy học, thật sự có thể cứu vớt thế hệ kế tiếp. Chúng ta phải tôn trọng, cung kính tiền nhân, những thứ của tiền nhân là chân thật, thật tốt đẹp! Chẳng xảy ra chuyện gì! Vứt bỏ vốn quý ấy, thì phiền phức gì cũng đưa đến. Điều này cũng thuộc loại “chẳng si”. Hai điều 8 và 9 đều là “chẳng si”.

Điều cuối cùng là niệm Phật. *“Khởi tùy niệm tâm. Niệm Phật chi nhân, tuy quán Như Lai tướng hảo, nhi bất sinh ái trước chi tâm; ư vô niệm trung, thường niệm bỉ Phật, thị danh khởi tùy niệm tâm”* (Khởi tùy niệm tâm: Người niệm Phật tuy quán tướng hảo của Như Lai, nhưng chẳng sinh tâm yêu đắm, trong vô niệm thường niệm đức Phật ấy. Đó là *Khởi tùy niệm tâm*).

Quán tướng hảo của Phật Như Lai là quán những tướng hảo nơi báo thân Phật. Phật Thích Ca Mâu Ni xuất hiện trên thế gian, đây là ứng thân, chúng sinh có cảm, Ngài bèn ứng. Ứng thân Phật thị hiện 32 tướng tốt, 80 thứ hảo, cũng chính là vì người thế gian đã gọi những tướng đó là tướng tốt theo thuật xem tướng, Phật Thích Ca Mâu Ni thấy đều có đầy đủ. Kinh dạy: Trong thế giới Cực Lạc, quý vị thấy thân Phật A Di Đà có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo. Trên thế gian, đức Phật dùng tướng hảo để tiếp dẫn chúng sinh. Chúng sinh ưa chuộng tướng hảo, Phật tướng hảo đệ nhất. Họ thấy tướng hảo của Phật sẽ theo Phật, học theo Ngài. Mục đích của Ngài là ở chỗ này. Báo thân Như Lai là bình đẳng, nếu chúng ta minh tâm kiến tính, sinh về cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Phật, thì thân chúng ta và thân Phật chẳng khác. Vì sao? Từ tự tính hiển thị, quả thật là vô thượng phúc huệ trang nghiêm, nhưng chẳng sinh tâm yêu đắm.

Yêu đắm là phiền não. “Yêu” là phân biệt. “Đắm” là chấp trước. Lẽ nào sinh lòng yêu đắm? Không thể nào! Hiện tiền, trong vô niệm chúng ta phải thường niệm Phật A Di Đà, từ “*bỉ Phật*” trong đoạn kinh văn của pháp hội *Phát Khởi Bồ tát Thù Thắng Chí Nhạo* trong kinh *Bảo Tích* vừa được trích lục trên đây chỉ Phật A Di Đà. Niệm Phật thì tâm là tâm Phật, tức là như kinh đã nói “*niệm Phật làm Phật*”. Vốn là Phật, nay lại làm Phật, há lẽ nào chẳng thành Phật?

Ở đây, chúng ta đã học tập xong câu *“Hà đẳng danh vi phát thập chủng tâm?”* (Những gì gọi là phát 10 thứ tâm) trong kinh *Đại Bảo Tích*. Đối với 10 thứ này, chỉ cần làm được 1 thứ sẽ hội đủ điều kiện vãng sinh Tây Phương Cực Lạc thế giới. 10 thứ tâm thấy đều làm được, quyết định vãng sinh, quyết định thấy Phật.

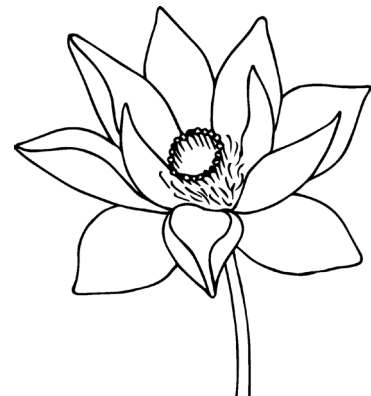
“Do thị tâm cố, đương đắc vãng sinh bỉ Phật thế giới” (Do tâm ấy sẽ được vãng sinh thế giới Cực Lạc). *“Khả kiến Di Lặc đại sĩ chính thị tương tán Thích Tôn đồng hoằng Tịnh tông diệu pháp dã”* (Có thể thấy Di Lặc Đại sĩ thật sự phụ trợ đức Thích Ca cùng hoằng dương diệu pháp Tịnh tông). Đây là lời kết luận của cụ Hoàng Niệm Tổ sau đoạn kinh văn này: Bồ tát Di Lặc quả thật đang hiệp trợ Phật Thích Ca Mâu Ni, hiệp trợ Phật A Di Đà hoằng dương pháp môn Tịnh Độ. Đương nhiên Bồ tát Di Lặc đã ở Tây Phương Cực Lạc thế giới; do vậy, đến thế giới Cực Lạc sẽ thấy chân thân của Bồ tát Di Lặc.



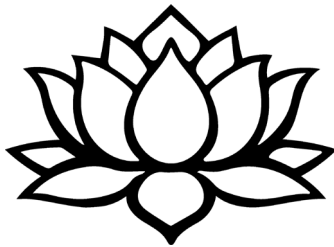
TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA



TẬP 95



Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong



Chur vị pháp sư, chư vị đồng học, xin xem tiếp *Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải*, trang 107, xem từ 3 từ cuối cùng:

“Hựu bản kinh trung đệ tam thập nhị phẩm hạ, Di Lặc đương cơ” (Lại nữa, trong kinh này từ phẩm 32 trở đi, Ngài Di Lặc là đương cơ).

Đức Phật thuyết bộ kinh này gồm tổng cộng 48 phẩm. Trong 31 phẩm đầu. Tôn giả A Nan là đương cơ. Trong các phẩm cuối từ phẩm 32 đến phẩm 48, Bồ tát Di Lặc là đương cơ. Điều này cũng hy hữu và là duyên phận thù thắng. Người đương cơ biểu thị loại căn cơ nào thích hợp để tu học pháp môn này. Di Lặc làm đương cơ có ý nghĩa rất sâu, vì trong thời kỳ Mạt pháp của đức Thế Tôn, trong xã hội hiện thời có rất nhiều tin đồn Bồ tát Di Lặc đã thành Phật, sắp đến thế gian này hóa độ chúng sinh. Đây là lời lẽ yêu mị dối người. Về căn bản chẳng có chuyện này! Trong kinh, đức Phật đã nói rất rõ ràng, khi nào Bồ tát Di Lặc sẽ đến thành Phật trong thế gian của chúng ta?

Trong phần trước, chúng ta đã đọc thấy “tứ thiên niên chi hậu” (sau 4.000 năm). 4.000 năm ấy là 4.000 năm trên cõi Trời Đâu Suất, không phải là 4.000 năm trong nhân gian chúng ta. Nay Bồ tát Di Lặc đang ở Đâu Suất Thiên. Thọ mạng của Đâu Suất Thiên là 4.000 tuổi. Sự khác biệt thời gian giữa Đâu Suất Thiên và thế gian chúng ta rất lớn. Hiện nay, sự

sai biệt ấy được gọi là “thời sai”, một ngày trên ấy bằng 400 năm trong nhân gian.

Nếu nói theo nhân gian, thọ mạng con người rất dài thì sống được 100 năm, trên cõi Trời Đâu Suất cũng là một ngày gồm 24 giờ, dùng thời gian trên cõi Trời Đâu Suất để tính toán, người trong nhân gian thọ 100 tuổi sống được bao nhiêu giờ? 6 giờ. 6 giờ của họ bằng 100 năm của chúng ta. Sai khác rất lớn. Đối theo cách tính thời gian trên địa cầu, sẽ là năm mươi bảy ức sáu ngàn vạn năm. Năm mươi bảy ức! Thời gian còn dài quá, rất ư là lâu! Trên thế gian, nếu không có Phật xuất thế sẽ hết sức đáng thương, năm mươi bảy ức sáu ngàn vạn năm, tôi tính sai rồi! Nhưng Phật, Bồ tát vô cùng từ bi, trong lúc không có Phật xuất thế, tuy hiện thời Phật Thích Ca Mâu Ni đã diệt độ, nhưng sức ảnh hưởng của Ngài, tức là pháp vận của lão nhân gia là một vạn hai ngàn năm.

Dựa theo cách ghi chép của tổ sư đại đức Trung Quốc từ xưa, Phật Thích Ca Mâu Ni sinh vào năm thứ 24 đời Châu Chiêu Vương, lão nhân gia nhập diệt vào năm thứ 53 đời Châu Mục Vương. Nếu tính theo cách này, phải biết từ khi Phật Thích Ca Mâu Ni diệt độ đến nay là 3.037 năm, khác với cách tính của người ngoại quốc. Theo cách tính của người ngoại quốc thì là hơn 2.500 năm. Sai biệt 600 năm.

Chúng ta chẳng cần phải khảo cứu chuyện này, bởi “*phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”. Chuyện này không quan

trọng, điều quan trọng nhất là hiểu lý. Chúng ta niệm Phật, cầu Nhất tâm bất loạn, đó là trọng yếu. Do vậy, tuy Phật chẳng tại thế, kinh điển vẫn còn. Kinh Đại thừa nói chỗ nào có kinh điển, chỗ đó có Pháp thân của Như Lai hiện diện. Đức Phật dùng kinh giáo để độ chúng sinh, những thứ khác đều thuộc loại kỷ niệm, chẳng hạn như xá-lợi của Phật hoặc xương ngón tay đức Phật đều thuộc loại kỷ niệm. Dầu quý vị đến xem cho nhiều, lễ bái nhiều đến đâu đi nữa, vẫn chẳng thể khai ngộ, cũng chẳng thành Phật.

Chúng ta muốn khai ngộ, muốn thành Phật, vẫn phải nương theo giáo huấn trong kinh điển để nghiêm túc tu hành. Đó là chính pháp, chẳng phải là mê tín, phải hiểu đạo lý này. *“Di Lặc làm đương cơ”*, có nghĩa là trong thời kỳ Mạt pháp, Bồ tát Di Lặc dạy chúng ta pháp môn gì? Dạy chúng ta niệm Phật, dạy chúng ta cầu sinh Di Đà Tịnh Độ, chẳng phải là Di Lặc Tịnh Độ. Phải hiểu ý nghĩa này. Nếu chẳng hiểu ý nghĩa này, phần sau kinh, từ phẩm 32 trở đi, Ngài Di Lặc làm đương cơ sẽ chẳng có ý nghĩa gì hết!

Do vậy, chúng ta phải hiểu, phải thấu hiểu ý nghĩa biểu thị pháp của đức Phật. Không chỉ là hiện thời Bồ tát Di Lặc dạy chúng ta phải niệm Phật A Di Đà cầu sinh Tịnh độ, mà trong tương lai, tức là vào năm mươi bảy ức sáu ngàn vạn năm sau, khi Bồ tát Di Lặc đến thành Phật trong thế gian này, vẫn giảng bộ kinh này, vẫn tuyên dương Tịnh Độ, khuyên dạy mọi người niệm Phật cầu sinh Tây Phương Cực Lạc thế giới,

phải là như vậy thì sự biểu thị pháp mới là viên mãn. Nếu không, Ngài biểu thị pháp có ý nghĩa gì đâu? Đối với những chỗ như thế này, xem kinh phải chú tâm, chớ nên hời hợt qua loa đọc lướt qua. Vì thế, ở chỗ này, kinh điển đã đặc biệt nhắc nhở chúng ta.

Lại xem tiếp, “*Đệ tứ thập lục phẩm, Phật phó chúc Di Lặc đại sĩ viết: - Ngã kim như lý tuyên thuyết như thị quảng đại vi diệu pháp môn*” (Trong phẩm 46, đức Phật phó chúc Di Lặc Đại sĩ: “Ta nay đúng lý tuyên thuyết pháp môn vi diệu rộng lớn như thế”). Đó là nói về bộ kinh này, “*nhất thiết chư Phật chi sở xưng tán*” (được hết thảy chư Phật khen ngợi). Ở đây chúng ta thấy, mười phương hết thảy chư Phật Như Lai tán thán Phật Thích Ca Mâu Ni tuyên dương pháp môn này, khuyên dạy đại chúng niệm Phật cầu sinh Tịnh độ.

“*Phó chúc nhữ đẳng tác đại thủ hộ, đương linh thị pháp cứu trụ bất diệt*” (Dặn dò, giao cho các ông hãy bảo vệ lớn lao, khiến cho pháp này tồn tại lâu dài chẳng diệt). Đó là lời phó chúc của Phật Thích Ca Mâu Ni, mà cũng là lời căn dặn Bồ tát Di Lặc, ông phải hộ trì pháp môn này, khiến cho pháp môn này tồn tại lâu dài trong thế gian, chẳng bị diệt mất.

“*Di Lặc thừa Phật phó chúc, hoằng trì thị kinh*” (Di Lặc tuân lời Phật phó chúc, hoằng dương, hộ trì kinh này). Hoằng (宏) là hoằng dương. Trì (持) là y giáo phụng hành. Bồ tát Di Lặc cũng niệm Phật A Di Đà cầu sinh Tịnh độ.

“Thị cố đại sĩ, bất dẫn đương lai Long Hoa hội thượng tất thuyết thử kinh” (Vì vậy, đại sĩ không chỉ trong tương lai ắt nói kinh này trong hội Long Hoa). Ngài tiếp nhận lời phó chúc của Phật Thích Ca Mâu Ni, lẽ nào trong 3 hội Long Hoa chẳng giảng kinh này? Phật Thích Ca Mâu Ni nhiều lần tuyên thuyết bộ kinh này, chúng ta có thể suy luận trong tương lai Bồ tát Di Lặc xuất hiện trong cõi đời, Ngài thuyết pháp chỉ có 3 hội, không giống như đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Đức Thế Tôn là hơn 300 hội, Ngài Di Lặc chỉ có 3 hội. Chúng ta có lý do để tin tưởng, trong mỗi hội, Ngài đều giảng bộ kinh này, đều tuyên dương pháp môn này, thì mới chẳng phụ bạc sự phó thác của Phật Thích Ca Mâu Ni. Pháp môn này trọng yếu ngàn ấy!

“Trực thị tận vị lai tế diệt tất thường thuyết bất tuyệt” (Mãi cho đến đời vị lai, ắt cũng thường nói chẳng dứt). Chúng tôi đồng ý với cách nhìn của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ trong câu này. Vì sao? Vì chỉ có pháp môn này có thể khiến cho người thuộc hết thấy căn tánh thượng, trung, hạ, thành tựu viên mãn trong một đời. Chỉ có pháp môn này là thành tựu viên mãn trong một đời. 84.000 pháp môn đều chẳng thể khiến cho quý vị thành tựu trong một đời. Do vậy, chúng ta rất may mắn gặp được pháp môn này, khó có lắm! Bài kệ *Khai Kinh* có câu: *“Trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ”*, cư sĩ Bành Tế Thanh nói: “Một ngày hiếm có khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay”, mà chúng ta đã gặp. Những người nói các câu ấy đều

khó có, nếu chẳng phải thật sự là bậc tái lai sẽ không thể nói ra lời ấy được! Nay, chúng ta có duyên nghe được, hãy nên nắm chắc nhân duyên hy hữu khó gặp này, quyết định thành tựu trong một đời này. Phải thật sự y giáo phụng hành, phải quyết định nắm chặt cơ hội này, chớ nên bỏ lỡ. Đó là đúng. Bồ tát Di Lặc được giới thiệu tới đây.

Tiếp theo đó là giới thiệu hiền kiếp, vì trong kinh vẫn có nói: *“Cập hiền kiếp nhất thiết Bồ tát”* (Và hết thấy các vị Bồ tát trong hiền kiếp). Kiếp (Kalpa) là một danh xưng thời gian trong Phật pháp, là một khoảng thời gian rất dài. Kiếp được nói đến ở đây là “đại kiếp”. Kiếp có 3 thứ: Tiểu kiếp, trung kiếp, và đại kiếp. Có rất nhiều cách giải thích tiểu kiếp, trong kinh có đến mấy cách nói, nhưng đức Phật thường dùng tuổi thọ của con người để nói. Tuổi thọ con người ngắn nhất là 10 năm, đây là nói theo tuổi thọ bình quân (tuổi thọ trung bình) của cư dân trong thế gian này.

Nói chung, tuổi thọ trung bình trong thế giới hiện thời là 70 tuổi. Cổ nhân thường nói: *“Nhân sinh thất thập cổ lai hy”* (Người sống 70 xưa nay hiếm). Trong thời đại Phật Thích Ca Mâu Ni xuất thế, tuổi thọ bình quân là 100 tuổi. Khi con người thọ 10 tuổi, cứ mỗi 100 năm, tăng thêm 1 tuổi, tăng đến 84.000 tuổi là đạt tới cực hạn; từ 84.000 tuổi, cứ mỗi trăm năm bèn giảm 1 tuổi, lại giảm đến 10 tuổi. Chu kỳ một tăng một giảm được gọi là một tiểu kiếp. 20 tiểu kiếp là một trung kiếp, 4 trung kiếp là một đại kiếp. Hiền kiếp (Bhadra-

kalpa) là danh xưng của đại kiếp. Chúng ta đang sống trong đại kiếp ấy. 4 đại kiếp có 4 trung kiếp. Trung kiếp là Thành, Trụ, Hoại, Không. Mỗi trung kiếp gồm 20 tiểu kiếp. Thời gian được tính theo cách như vậy. Hiện thời là trụ kiếp trong Thành, Trụ, Hoại, Không. Nay chúng ta đang thuộc trụ kiếp, “*danh vi hiền kiếp*” (có tên là hiền kiếp).

“*Tại thử đại kiếp trung, hữu thiên Phật xuất thế*” (Trong đại kiếp này có một ngàn vị Phật ra đời). Vì sao gọi là hiền? Trong đại kiếp này có 1.000 vị Phật xuất hiện trong thế gian này. Phật Thích Ca Mâu Ni là vị thứ 4. Vị thứ 5 kế tục là Bồ tát Di Lặc, đến thế gian này làm Phật. Phải biết sau khi pháp vận của Phật Thích Ca Mâu Ni kết thúc, vẫn phải là sau năm mươi bảy ức sáu ngàn vạn năm, Bồ tát Di Lặc mới đến thế gian này thị hiện thành Phật. Thời gian không có Phật, không có giáo huấn của thánh nhân, tập tánh của chúng sinh rất khó dứt trừ, khổ chẳng thể nói được! Phật, Bồ tát từ bi, trong thời gian không có Phật ấy, Bồ tát Địa Tạng phát nguyện trụ trong thế giới này, tiếp nhận sự phó thác của chư Phật Như Lai, thay thế Phật hóa độ chúng sinh. Chúng ta hãy suy nghĩ, trong khoảng thời gian dài ngàn ấy, Phật xuất hiện đúng là “*hoa đàm thoáng hiện*”, thời gian xuất hiện quá ngắn ngủi. Bồ tát Địa Tạng từ bi đến cùng cực, pháp hội của Bồ tát Địa Tạng thù thắng hơn các pháp hội Vô Lượng Thọ, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm. Vì sao? Phật Thích Ca Mâu Ni tại Đạo Lợi Thiên Cung giảng kinh *Địa Tạng Bồ tát Bản Nguyện*, ai đến

tham gia pháp hội? Mười phương hết thấy chư Phật Như Lai.

Quý vị nói xem có tuyệt diệu hay không? Trong các kinh điển khác, chúng ta thấy lúc đức Thế Tôn mở pháp hội, người nào tham gia? Mười phương Bồ tát đến tham gia, Thanh Văn đến tham gia, chư thiên đến tham gia, chẳng thấy chư Phật Như Lai đều đến tham gia. Vì sao? Bồ tát Địa Tạng phát tâm là thật, *“Địa ngục bất không, thế bất thành Phật”* (Địa ngục chẳng trống, thế không thành Phật). Từ vô lượng kiếp đến nay, chẳng biết có bao nhiêu chư Phật Như Lai trong quá khứ đều là học trò hay tín đồ của Bồ tát Địa Tạng, quý vị thấy họ đều thành Phật cả rồi, mà Địa Tạng vẫn thuộc địa vị Bồ tát, vẫn ở trong thế giới khổ nạn hồng giúp đỡ hết thấy chúng sinh.

Địa Tạng tượng trưng cho “hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy”. 2 câu trong *Tịnh Nghiệp Tam Phúc* là *“Hiếu dưỡng phụ mẫu. Phụng sự sư trưởng”* là cội rễ của hết thấy điều lành thế gian và xuất thế gian. Bồ tát đại diện cho pháp môn này. Vì vậy, chúng ta trông thấy tượng Bồ tát, nghe danh hiệu Bồ tát, phải nghĩ tới *“hiếu thân, tôn sư”* (hiếu thảo với cha mẹ, tôn trọng thầy). Nếu kẻ nào bất hiếu với cha mẹ, bất kính sư trưởng, khỏi cần phải nói nữa, dẫu là kẻ tu hành tốt đẹp đến mấy vẫn là giả, chẳng thật. Vì sao? Kẻ ấy trái nghịch Tính đức.

Do vậy, vào thời cổ, quốc gia tuyển lựa nhân tài, quá nửa là những người ấy sẽ được trao quyền cai trị, điều kiện tiên quyết là phải hiếu thảo. Người ấy có thể hiếu thảo với cha mẹ, nhất định sẽ có thể yêu dân, trung với nước nhà, yêu mến, bảo vệ nhân dân. Điều kiện thứ hai là liêm khiết. Gộp chung 2 điều ấy là hiếu liêm. Liêm sẽ không tham ô. Từ thời Hán Vũ Đế định ra quy chế ấy, “*cử hiếu liêm*”. “Cử” (舉) là tuyển cử, nơi nào có trẻ nhỏ là đưa con hiếu thảo, liêm khiết, quan viên nơi ấy phải chăm sóc nó cẩn thận. Thật vậy, quả nhiên là khá lắm, sẽ tuyển lựa nó, quốc gia vun bồi nó. Chế độ ấy vẫn được thực hành mãi cho đến khi chánh quyền Mãn Thanh vong quốc. Chỉ sau khi nhà Mãn Thanh sụp đổ, Dân Quốc thành lập, chế độ ấy mới chẳng còn nữa! Chế độ ấy hay lắm. Quý vị thấy bao nhiêu triều đại thay đổi, nhưng chế độ như vậy vĩnh viễn được gìn giữ, chẳng có triều đại nào không coi trọng vấn đề này, không triều đại nào dám phế bỏ chế độ ấy. Vì vậy, đây là một chế độ rất tốt đẹp!

Hiền kiếp, 1.000 vị Phật xuất hiện trong thế gian này. “*Bi Hoa Kinh ngũ viết*” (Kinh *Bi Hoa*, quyển thứ 5 nói). “Ngũ” là quyển thứ 5. Trong quyển ấy, có một đoạn như thế này: “*Thử Phật thế giới*” (Thế giới của vị Phật này). “Phật” ở đây chỉ Phật Thích Ca Mâu Ni, nay đang trụ trong thế giới này. “*Đương danh Sa Bà, thời hữu đại kiếp, danh viết hiền thiện. Thị đại kiếp trung, hữu thiên Thế Tôn, thành tựu đại bi, xuất hiện ư thế*” (Sẽ có tên là Sa Bà, khi ấy có đại kiếp tên là hiền

thiện. Trong đại kiếp ấy, có 1.000 vị Thế Tôn thành tựu đại bi, xuất hiện trong cõi đời). Nói rõ Phật Thích Ca Mâu Ni, Bồ tát Di Lặc trong tương lai xuất hiện trong thế gian này. Thế giới này cũng gọi là Sa Bà, đại kiếp ấy gọi là hiền kiếp hoặc hiền thiện. Sa Bà là tên gọi của thế giới, Phật Thích Ca Mâu Ni giáo hóa chúng sinh trong thế gian này. Chúng tôi giới thiệu đơn giản danh từ này đôi chút^[14]. “*Giới danh, hựu tác Sa Ha, Sa Ha Lô Đà*” (Tên của thế giới, còn gọi là Sa Ha, hoặc Sa Ha Lô Đà), đều là tiếng Phạn, dịch âm khác nhau đôi chút, nhưng âm đọc đại khái vẫn là tương tự. “*Tân dịch vi Sách Ha*” (Tân dịch là Sách Ha). Ở đây, tân và cựu lấy Huyền Trang Đại sư để phân chia giới tuyến. Phiên dịch trước thời Huyền Trang Đại sư là cựu dịch, những danh xưng nói trong phần trước đều là cựu dịch. Huyền Trang Đại sư dịch thành Sách Ha, tương đối gần âm tiếng Phạn hơn, đó là tân dịch.

Chúng ta học kinh giáo, do trước kia Huyền Trang Đại sư phiên dịch kinh không ít, cho nên chúng ta phải nên hiểu đôi chút về ý nghĩa của cựu dịch và tân dịch để chẳng đến nỗi nảy sinh hiểu lầm. Sa Bà nghĩa là gì? “*Kham nhẫn chi nghĩa, nhân nhi dịch viết Nhẫn Độ*” (Nghĩa là có thể chịu đựng, do vậy, Sa Bà còn được dịch là Nhẫn Độ, tức cõi chịu đựng). Kham Nhẫn là quý vị thật sự có thể chịu đựng. Thế giới này

[14] Ở đây, Hòa thượng giảng thêm về danh xưng Sa Bà. Những câu này trích từ *Phật Học Đại Từ Điển* của Đình Phúc Bảo, chứ không phải là những câu được viết trong bộ *Chú Giải* của cụ Hoàng Niệm Tổ.

rất khổ, cư dân ở nơi đây có thể chịu đựng. Vì thế, gọi là Sách Ha. Do đó, còn dịch là Nhẫn Độ. Độ là cõi đất này. Nhẫn Độ nghĩa là chúng sinh trong cõi này thật sự có thể chịu đựng nhiều nỗi khổ nạn. Khổ nạn do đâu mà có?

Chúng ta biết, trong kinh *Hoa Nghiêm* đã giảng rất rõ ràng, khổ nạn là do chúng ta mê hoặc tự tính, tùy thuận tập tánh. Tập tánh bất thiện, tạo tác đủ thứ nghiệp bất thiện, nên cảm quả báo. Nhân quả báo ứng rất hiện thực, khắp nơi đều là nó, bất cứ lúc nào cũng đều phát sinh, chỉ cần chúng ta lắng lòng chú tâm quan sát, sẽ biết chuyện này chẳng tở hào sai chạy. Thiện có thiện quả, ác có ác báo.

Vì sao nơi Phật A Di Đà trụ được gọi là thế giới Cực Lạc, còn thế giới của chúng ta gọi là thế giới Sa Bà? Cực Lạc và Sa Bà có gì khác biệt? Nói thật thà, 2 thế giới bình đẳng, chẳng có mấy may sai biệt nào. Nhưng trong kinh *Vãng Sinh*, Phật Thích Ca Mâu Ni đã giới thiệu thế giới Cực Lạc, thế giới ấy thật tốt đẹp. Chẳng nghe nói thế giới Cực Lạc có kẻ bất thiện. Chẳng nghe nói thế giới Cực Lạc có ngôn hạnh bất thiện, cũng chẳng nghe nói thế giới Cực Lạc có tai nạn gì! Thủy tai, phong tai, động đất, chưa hề nghe nói! Do nguyên nhân gì? Đức Phật cũng từ bi nói rõ với chúng ta: Thế giới ấy toàn là các vị thượng thiện nhân sống cùng một chỗ.

Chúng ta bèn hiểu rõ: Thế giới Cực Lạc là một thế giới mới, giống như một khu vực mới trong thế gian này, vừa

mới thành lập. Thế giới Sa Bà là một khu rất cổ lỗ, đời đời kiếp kiếp chất chứa những nghiệp chướng tập khí chưa đoạn. Một khu vực mới được thành lập, trong ấy có cư dân hay không? Không có, khu vực mới không có cư dân cũ, cư dân trong Tây Phương Cực Lạc đều do Phật A Di Đà dùng bản nguyện và oai thần tiếp dẫn người trong mười phương thế giới sinh về thế giới Cực Lạc; bởi lẽ, nó là một khu vực mới.

Đến chỗ Ngài phải thỏa một điều kiện. Điều kiện gì vậy? Điều kiện là Thập thiện. Phật A Di Đà bảo chúng ta cư dân trong cõi Cực Lạc đều là thượng thiện nhân ở cùng một chỗ, chúng ta muốn đến đó, ắt phải tu thượng phẩm Thập thiện mới có thể vãng sinh. Mỗi ngày niệm Phật, niệm rất khá, mỗi ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, lâm chung có thể vãng sinh hay không? Tùy thuộc cái tâm của quý vị là thiện hay bất thiện. Muốn xem lòng của quý vị thiện hay bất thiện. Mười vạn câu chẳng sai, có công phu! Nếu quý vị tu Thập thiện, thượng phẩm Thập thiện, ngay lập tức phê chuẩn, có thể di dân sang thế giới Cực Lạc.

Mỗi ngày mười vạn câu Phật hiệu, tâm địa bất thiện, vẫn còn tham, sân, si, mạn, còn có tự tư, tự lợi, kẻ ấy chẳng thể vãng sinh. Vì sao? Công phu niệm Phật tròn đủ, đạt tiêu chuẩn, cho 50 điểm, nhưng các mặt khác không đủ điểm số, chẳng thể vãng sinh! Do vậy, phải ghi nhớ, thượng phẩm Thập thiện! Phải thật sự làm, chẳng thật sự làm sẽ không

được! Hiện thời, tu thượng phẩm Thập thiện như thế nào? Mấy năm qua, chúng tôi đặc biệt đề xướng 3 căn bản của Nho, Thích, Đạo, đó là thượng phẩm Thập thiện. Do vậy, chớ nên sơ sót! *Đệ Tử Quy* hoàn toàn chẳng thực hiện sẽ không thể về thế giới Cực Lạc. *Cảm Ứng Thiên* không thực hiện chẳng đến thế giới Cực Lạc.

Hai thứ *Cảm Ứng Thiên* và *Đệ Tử Quy* đều thực hiện sẽ chẳng khác thượng phẩm Thập thiện cho mấy, nên tôi tin người ấy chắc chắn có thể làm được thượng phẩm Thập thiện. Chớ nên chẳng chú ý những lời đức Phật đã dạy trong kinh, chớ nên coi thường, nhất định phải hiểu rất rõ ràng, rất minh bạch; trong một đời này chúng ta hội đủ điều kiện của Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ ổn thỏa, thích đáng đến được thế giới Cực Lạc. Điều này, có cùng một đạo lý với việc di dân trong hiện thời, chúng ta hội đủ điều kiện sẽ có thể di dân sang thế giới Cực Lạc.

Tu hành trong thế gian này vô cùng khó khăn. Khó khăn lớn nhất là thọ mạng quá ngắn, tức là nói thời gian chúng ta tu học không đủ, còn chưa thành công, thọ mạng đã hết rồi. Đời sau sinh làm người, được tiếp tục mang thân người, tối thiểu bị gián đoạn 20 năm. Trong 20 năm chết sống ấy, gần như quên sạch sành sanh những thứ đã tu trong đời trước. Đời này tiếp tục tu bèn nhanh hơn một chút, vẫn chẳng bằng thọ mạng lâu dài, hòng có thể viên mãn thành tựu trong một đời. Đến thế giới Cực Lạc, chuyện ấy sẽ được giải quyết.

Người sinh về thế giới Cực Lạc sẽ giống như Phật A Di Đà. Phật A Di Đà vô lượng thọ, nên ai nấy trong thế giới Cực Lạc đều là vô lượng thọ. Vì vậy, gọi là “thành tựu viên mãn trong một đời” vì họ có thời gian.

Dựa vào điều này, chúng ta thật sự hiểu minh bạch, rõ ràng: Chẳng thể không vãng sinh! Đức Phật dạy chúng ta, những gì trong thế gian này chẳng thể đem sang thế giới Cực Lạc, hãy buông xuống toàn bộ; những gì có thể đem sang thế giới Cực Lạc, hãy khéo học tập, tu hành. Chớ nên không biết những gì có thể mang theo. Những gì sẽ mang theo được? Giới, Định, Tuệ mang theo được; thiền định, Bát nhã mang theo được; đoạn ác tu thiện, tích công lũy đức mang theo được. Tự tư, tự lợi, tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần trong thế gian chẳng mang theo được. Chẳng mang theo được, thì phải thật sự buông xuống, chẳng có tư hào lưu luyến. Đối với những gì mang theo được bèn nghiêm túc học tập.

Học Phật, mục tiêu chung cực là mong cầu minh tâm kiến tính, kiến tính thành Phật, đúng là trở về tự tính. Chỉ cần chúng ta đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, chắc chắn sẽ thành tựu viên mãn trong một đời. Vì sao gọi là một đời? Vãng sinh thế giới Cực Lạc là một đời. Phải biết: Vãng sinh là vãng sinh ngay trong lúc còn sống, chẳng phải là chết rồi mới vãng sinh. Chư vị đồng học nhất định phải hiểu rõ điều này! Vì thế, vãng sinh là bất tử, Phật A Di Đà đến tiếp dẫn quý vị lúc quý vị còn chưa tắt hơi, vẫn là người sống.

Quý vị thấy Phật đến tiếp dẫn, theo Phật ra đi, già biệt người nhà, chào từ biệt họ rồi ra đi. Thân thể chẳng cần đến nữa, bỏ đi, chẳng mang theo thân thể, đấy là thứ rất bản thủ. Thế giới Cực Lạc là thế giới thanh tịnh, chẳng có thứ gì bản thủ. Thân là cội nguồn của hết thảy ô nhiễm, cần phải vứt bỏ nó. Do vậy, đến thế giới Cực Lạc là ra đi trong khi còn sống, chẳng chết, ra đi trong lúc sống.

Đến thế giới Cực Lạc, nơi đó là hóa sinh, chẳng phải là thai sinh. Thế giới Cực Lạc là hóa sinh, nên chẳng có nỗi khổ sinh, lão, bệnh, tử. Đã thế, đức Phật giới thiệu thể chất của người trong cõi Cực Lạc là *“tử ma chân kim sắc thân”* (thân có như vàng ròng màu tía được trau dồi sáng bóng), thân Kim cương bất hoại, đều là từ tự tính lưu lộ, giống như Phật, thân Phật có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo. Nếu quý vị thật sự thấy, thật sự hiểu rõ, đã hiểu rõ thì quý vị còn chẳng vãng sinh ư? Quý vị còn có gì để lưu luyến trong thế gian này? May may lưu luyến đều chẳng có, nhất tâm hướng về. Trong *Di Đà Kinh Yếu Giải*, Ngẫu Ích Đại sư nói ý niệm “nhất tâm hướng về” chính là phát Vô Thượng Bồ đề tâm, giảng rất tuyệt! Nói cách khác, quý vị đã hoàn toàn hội đủ điều kiện vãng sinh. Do vậy, so sánh giữa hai thế giới, chúng ta rất coi trọng điều này.

“Pháp Hoa Văn Cú nhị viết” (Sách *Pháp Hoa Văn Cú*, quyển 2, chép). *Pháp Hoa Văn Cú* là tác phẩm chú giải kinh *Pháp Hoa* do Trí Giả Đại sư soạn. Trong ấy có giải thích Sa Bà: “Sa

Bà thử phiên Nhẫn, kỳ độ chúng sinh an ư thập ác, bất khảng xuất ly” (Sa Bà, cõi này dịch là Nhẫn. Chúng sinh trong cõi ấy an trụ trong thập ác, chẳng chịu xuất ly). Đây là hoàn cảnh hiện tại của chúng ta.

“Tùng nhân danh độ, cố xưng vi Nhẫn” (Do con người mà đặt tên cõi nước; vì thế gọi là Nhẫn). Thật vậy, người trên thế giới này, đúng là an trụ trong thập ác, tức 10 ác nghiệp: Sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói đôi chiều, nói thêu dệt, ác khẩu, tham lam, nóng giận, ngu si. Quý vị thấy đó, 10 điều ấy đều là tội nghiệp. Tạo tác 10 loại nghiệp ấy, quả báo là trong tam đồ, tức ngạ quỷ, địa ngục, và súc sinh. Quả báo ở nơi ấy, chẳng chịu xuất ly, lắm nỗi khổ sở! Vì chúng sinh trong thế giới của chúng ta có thể chịu đựng những nỗi khổ sở ấy, nên trong tiếng Phạn bèn gọi thế giới này là Sa Bà.

“Bi Hoa kinh vân: Vân hà danh Sa Bà? Thị chư chúng sinh nhẫn thọ tam độc cập chư phiền não, cố danh Nhẫn Độ, diệc danh Tạp Hội, cửu đạo cộng cư cố” (Kinh Bi Hoa nói: “Cớ sao tên là Sa Bà? Các chúng sinh ấy chịu đựng tam độc và các phiền não, nên gọi là Nhẫn độ, còn gọi là Tạp hội, là chỗ để chúng sinh thuộc 9 đường cùng ở”). Trong thế gian này, Tạp hội là tạp cư (ở lẫn lộn), tổ chất của nhân dân rất phức tạp. Kinh Bi Hoa cũng nói các chúng sinh trong cõi ấy có thể chịu đựng tham, sân, si, mạn. Tham, sân, si là tam độc, “cập chư phiền não” (và các phiền não). Phiền não nặng nhất là ngạo

mạn và hoài nghi. Sự hoài nghi ấy chẳng tầm thường, mà là hoài nghi giáo huấn của thánh hiền.

Hiện thời, chúng ta còn phải thêm một câu, “hoài nghi truyền thống của tổ tiên”, những thứ đó đều là phiền não. Vì thế được gọi là Nhẫn độ. Ý nghĩa Tập hội được câu tiếp theo nói rất rõ ràng: “*Cửu đạo cộng cư*” (9 đường cùng ở). Có sao có 9 đường? Thông thường chúng ta chỉ nói 6 đường, nếu tách ra thành 9 đường thì cũng có thể nói thông suốt. Trong thiên đạo có Dục Giới Thiên, Sắc Giới Thiên, và Vô Sắc Giới Thiên, đó là 3 đường, 1 biến thành 3. Trong địa ngục có Vô Gián địa ngục, có 8 địa ngục lạnh, 8 địa ngục nóng; do vậy, 1 cũng biến thành 3. Vì lẽ đó, đúng là vô cùng phức tạp, vì sống trong thế gian này, trong thế giới này, ai nấy tâm đều bất thiện, tạo nghiệp khác nhau, quả báo cũng chẳng giống nhau. Đoạn này nhằm giải thích vì sao thế giới này gọi là Sa Bà

Tiếp đó, trong “*Pháp Hoa Huyền Tán*”^[15] nói “*Phạn vân Sách Ha, thử vân Kham Nhẫn, chư Bồ tát đẳng hành lợi lạc thời, đa chư oán tặc chúng khổ bức não, kham nại lao quệỵn nhi nhẫn thọ cố, nhân dĩ vi danh. Sa Bà giả, ngoa dã*” (Tiếng Phạn là Sách Ha, cõi này dịch là Kham Nhẫn. Khi các vị như

[15] *Pháp Hoa Huyền Tán* có tên đầy đủ là *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Huyền Tán*, gồm 10 quyển, do Ngài Khuy Cơ soạn. Trong tác phẩm này, Khuy Cơ Đại sư đã dựa trên lập trường Pháp Tướng Duy thức, nhất là lý luận trong *Nhiếp Đại Thừa Luận* để phán định Nhất thừa, Tam thừa, phê bình các thuyết của tông Thiên Thai và Hoa Nghiêm. Ngài trích dẫn rất nhiều đoạn từ *Pháp Hoa Luận* của Thế Thân Bồ tát để nhận định về duyên khởi của kinh *Pháp Hoa*, xiển minh tông chỉ, giải thích nhan đề kinh, cũng như giải thích đại lược nội dung chánh kinh.

Bồ tát v.v... hành lợi lạc, bị nhiều sự oán ghét, các thứ khổ sở bức bách, náo hại, nhưng các Ngài có thể chịu đựng nhọc nhằn, mệt mỏi, kiên nhẫn hứng chịu. Vì thế, lấy đó làm tên của thế giới. Phiên âm thành Sa Bà là sai). Ý nghĩa này khác với phần trước, trong phần trước nói về chúng sinh cư trụ, tức cư dân trong thế giới này, họ có thể chịu đựng những khổ nạn trong thế gian, đó gọi là “tự làm, tự chịu”.

Trong *Pháp Hoa Huyền Nghĩa*^[16] nói đến chư Phật, Bồ tát, chúng sinh trong thế gian này tuy khổ, nhưng họ có cảm, có người mong cầu Phật, Bồ tát. Trong khi chịu khổ, chịu nạn, họ cầu Phật, Bồ tát gia hộ, cầu Phật, Bồ tát đến cứu chúng con. Chúng sinh dấy lên ý niệm ấy, Phật, Bồ tát lập tức nhận được tin tức ấy, các Ngài có đến hay không? Đến chứ! Các Ngài đến giúp đỡ chúng ta, nên dùng thân gì để độ bèn hiện thân ấy. Các Ngài đến nơi đây để độ bọn chúng sinh chúng ta. Trạng huống như thế nào? Các Ngài chịu khổ giống như chúng ta, có thể còn chịu khổ nhiều hơn chúng ta, có nghĩa là Phật, Bồ tát ứng hóa trong thế gian để độ chúng sinh rất khổ, chẳng dễ độ! Nói tới ý nghĩa này, quý vị thấy sách *Pháp Hoa Huyền Tán* viết “*chư Bồ tát đẳng*”. “Đẳng” ấy nghĩa là gì? Có A La Hán, Bích Chi Phật, còn có chư thiên. Chư thiên từ bi cũng đến thế gian giúp đỡ chúng sinh khổ nạn. Họ đến “*hành lợi lạc thời*” (khi hành lợi lạc), lợi lạc chúng sinh, đến giúp chúng sinh, đến cứu khổ cứu nạn. Nhưng như thế nào?

[16] Ở đây, tên tác phẩm bị nói lầm, phải là *Pháp Hoa Huyền Tán*.

“*Đa chư oán tặc chúng khổ bức nã*”, nghĩa là Bồ tát đến đây hảo tâm cứu giúp chúng sinh, nhưng vẫn có rất nhiều kẻ oán giận, ganh ghét các Ngài, còn có rất nhiều kẻ gây cho các Ngài đủ mọi nỗi phiền não. Hiện thời, hiện tượng này được thấy rất rõ rệt: Người tin tưởng cầu Phật, Bồ tát, kẻ không tin bèn nhục mạ người ấy là mê tín, nghĩ hết mọi cách để bài xích, chướng ngại người ấy. Độ chúng sinh rất khổ, nhưng những vị Bồ tát ấy có thể nhẫn nại.

“*Kham nại lao quyện*” (Chịu đựng mệt mỏi, nhọc nhằn), đó là vất vả, khổ sở, “*nhĩ nhẫn thọ cố*” (kiên nhẫn hứng chịu). Ở đây, Bồ tát tu Nhẫn Nhục Ba La Mật, thứ gì cũng đều nhẫn nại, “*nhân dĩ vi danh*” (do vậy, bèn lấy đó làm tên). Quý vị thấy đó, cư dân khổ sở, Phật, Bồ tát đến nơi đây độ chúng sinh cũng khổ, nên gọi là thế giới Kham Nhẫn; do vậy, lấy đó làm tên. “*Sa Bà giả, ngoa dã*” (Phiên âm thành Sa Bà là sai): Sa Bà là phiên âm thời cổ, phải nên phiên là Sách Ha. Âm này (tức Sa Bà) so với nguyên âm khác biệt nhiều hơn^[17].

“*Tây Vực Ký nhất viết*” (*Tây Vực Ký* quyển 1 viết). *Tây Vực Ký* do Huyền Trang Đại sư viết. Ngài sang Ấn Độ thỉnh kinh mười mấy năm, có viết một quyển sách ghi lại những chuyện thấy nghe trên đường đi, mang nhan đề là *Tây Vực Ký*. “*Sách Ha thế giới tam thiên đại thiên quốc độ, vi nhất Phật hóa nhiếp dã*” (Thế giới Sách Ha là cõi nước tam thiên đại thiên, là nơi

[17] Đây là nói theo cách phát âm đời Đường, chứ nếu căn cứ theo âm đọc Quan Thoại hiện thời (Sa Bà là Suō Pó và Sách Ha là Suǒ Hē), sẽ thấy cả 2 âm đều chẳng có âm nào gần với âm tiếng Phạn Sahalo-ka-dhatu.

hóa độ, nhiếp thọ của một vị Phật). Đây là nói về Phật Thích Ca Mâu Ni, nói về khu vực giáo hóa của một vị Phật. “*Cựu viết Sa Bà*” (Lỗi xưa, phiên âm là Sa Bà), “*hựu viết Sa Ha, giai ngoa*” (lại còn dịch là Sa Ha, đều sai). Những âm này đều không chính xác, nên Ngài phiên là Sách Ha. Đây là thuyết minh đơn giản câu “*đương danh Sa Bà*” (nên đặt tên là Sa Bà).

“*Thời hữu đại kiếp*” (Khi ấy, có đại kiếp). “Thời” là lúc hiện tại, trong khoảng thời gian ấy, đại kiếp có tên là hiền kiếp, “*danh viết hiền thiện*” (tên là hiền thiện). Trong đại kiếp ấy, “*Hữu thiên Thế Tôn, thành tựu đại bi xuất hiện ư thế*” (có 1.000 vị Thế Tôn, thành tựu đại bi, xuất hiện trong cõi đời). “*Thành tựu đại bi*” là đặc biệt nói rõ các vị Bồ tát thị hiện thành Phật trong thế giới này nhằm giáo hóa chúng sinh, mang ý nghĩa này.

“*Cứ Phật Tổ Thống Ký*” (Theo *Phật Tổ Thống Ký*). *Phật Tổ Thống Ký* ^[18] là một quyển sách trong Phật môn, có thể nói là sách lịch sử nhà Phật, có chép danh hiệu của mấy vị Phật, “*Đệ nhất Phật danh Câu Lưu Tôn Phật, thứ vi Câu Na Hàm Mâu Ni Phật, tam vi Ca Diếp Phật*” (Vị Phật thứ nhất tên là Câu Lưu Tôn Phật, vị kế đó là Câu Na Hàm Mâu Ni Phật, vị Phật thứ ba là Ca Diếp Phật), vị thứ tư là hiện tại, “*tức vi kim*

[18] *Phật Tổ Thống Ký*, đúng ra phải là *Phật Tổ Thống Kỷ* (佛祖統紀) là một tác phẩm do Ngài Chí Khánh soạn vào đời Tống gồm 54 quyển, chép về lịch sử Phật giáo. Sách bắt đầu bằng *Phật Thích Ca Mâu Ni Bốn Kỳ*, kế tiếp là truyện ký của lịch đại tổ sư Trung Quốc. Theo sách này, đức Phật giáng sinh vào năm thứ 24 đời Châu Chiêu Vương (1029 trước Công Nguyên). Sách chép các sự kiện Phật giáo từ năm 1027 trước Công Nguyên đến năm Hàm Thuần thứ năm (1259) đời Tống Độ Tông, chú trọng chủ yếu sự truyền thừa của tông Thiên Thai, đồng thời nói thêm một số tông phái khác.

chi Phật Thích Ca Mâu Ni, thử hậu hữu Di Lặc” (tức là Phật Thích Ca Mâu Ni trong hiện thời, sau đây có Ngài Di Lặc), đây là vị Phật thứ 5. Sau đó, còn có “*Cửu bách cửu thập lục Phật tương kế xuất thế*” (996 vị Phật kế tiếp nhau xuất thế). Đây là giới thiệu giản lược 1.000 vị Phật trong hiền kiếp lần lượt xuất hiện trên thế gian trong đại kiếp này.

“*Kim thử hội trung, Di Lặc dữ kỳ tha hiền kiếp trung thành Phật chi cửu bách cửu thập ngũ đại sĩ giai lai tập hội*” (Nay trong hội này, Di Lặc và 995 vị đại sĩ sẽ thành Phật trong hiền kiếp đều đến nhóm hội). Phật Thích Ca Mâu Ni ngự tại Linh Sơn, kinh này được nói tại Linh Sơn, cùng địa điểm với kinh *Pháp Hoa*, giảng kinh ở nơi ấy. Bồ tát Di Lặc và 995 vị đại Bồ tát sẽ thành Phật trong thế gian này vào thời tương lai của hiền kiếp đều đến tham gia pháp hội này.

“*Thính Phật thuyết pháp, cố tri hiền kiếp trung vị lai nhất thiết chư Phật giai tất đồng tuyên thử kinh*” (Nghe đức Phật thuyết pháp, nên biết hết thấy chư Phật vị lai trong hiền kiếp ắt sẽ đều cùng tuyên nói kinh này). Cụ Niệm Tổ có cách nhìn như thế, lý giải như thế, chúng ta thấy 1.000 vị Phật trong hiền kiếp đều đến tham dự pháp hội này. Trong tương lai các Ngài thành Phật, lẽ nào chẳng giảng kinh này? Lẽ nào chẳng tuyên dương pháp môn này?

Tiếp theo đó, cụ Niệm Tổ thuyết minh đơn giản: “*Biệt thuyết, hiền kiếp cộng nhất thiên linh ngũ Phật*” (Thuyết khác

cho rằng trong hiền kiếp có 1.005 vị Phật), tức là không kể Bồ tát Di Lặc, đây là một cách nói khác. Sau Bồ tát Di Lặc còn có 1.000 vị Phật xuất thế. Đó là ý nghĩa của câu: *“Di Lặc dĩ hạ nhất thiên linh nhất nhân”* (Từ Di Lặc trở đi là 1.001 người), hiện thời chưa thành Phật, còn đang mang thân phận Bồ tát.

“Phi sở thường kiến, cố bất tường lục” (Do chẳng thường thấy nên chẳng sao lục chi tiết), chẳng rườm rà, tỉnh lược phần nêu danh hiệu cụ thể của các vị Phật trong hiền kiếp.

“Dĩ thượng đệ nhất phẩm, dĩ Tín, Văn, Thời, Chủ, Xứ, Chúng, lục chủng thành tựu, vi bản kinh chứng tín. Kinh trung đại tỳ-kheo chúng vạn nhị thiên nhân, siêu việt dư kinh, đồng ư Pháp Hoa” (Trong phẩm thứ nhất, dùng Tín, Văn, Thời, Chủ, Xứ, Chúng, 6 thứ thành tựu để chứng tín kinh này. Giống như kinh *Pháp Hoa*, chúng đại tỳ-kheo trong kinh này là một vạn hai ngàn vị, trội vượt các kinh khác).

Chúng ta đặc biệt lưu ý sự biểu thị pháp này, nói rõ tầm quan trọng của kinh này. Quý vị thấy đức Phật nói hết thảy các kinh, thông thường số lượng các vị tỳ-kheo đều là 1.250 người, chỉ riêng kinh *Pháp Hoa* là một vạn hai ngàn người, kinh này cũng là một vạn hai ngàn người, cho thấy pháp hội này và *Pháp Hoa* bình đẳng.

Trong quá khứ, tổ sư đại đức bảo: Hết thảy các pháp do đức Thế Tôn đã nói trong 49 năm có thể chia thành 3 loại là Tiểu thừa, Đại thừa, và Nhất thừa. Tiểu thừa giảng về Thanh

Văn và Duyên Giác, nói theo cách bây giờ là học hành đã đạt được học vị, Đại thừa là Bồ tát, Nhất thừa là thành Phật.

Đối với “*Kinh thành Phật*” (Kinh dạy pháp môn tu thành Phật), các vị tổ sư đại đức từ xưa đã khẳng định kinh thành Phật chỉ có 3 bộ, tức là *Hoa Nghiêm*, *Pháp Hoa* và *Phạm Võng*. Kinh *Phạm Võng* chưa được truyền toàn bộ đến Trung Quốc, chỉ có một phẩm được truyền đến Trung Quốc, đó là *Bồ tát Giới Phẩm*, tức là phẩm *Bồ tát Tâm Địa Giới* trong bộ kinh ấy. Bộ kinh đó phân lượng cũng rất lớn, nhưng chưa được truyền tới.

Tại Trung Quốc chỉ có *Hoa Nghiêm* và *Pháp Hoa*, nhưng tổ sư đại đức phán định kinh này cao hơn *Hoa Nghiêm* và *Pháp Hoa*. Vì sao? *Hoa Nghiêm* và *Pháp Hoa* đến cuối cùng đều là “10 đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc”. Nói cách này hợp lý, mà nói theo Lý cũng thông suốt. Nói cách khác, *Hoa Nghiêm* và *Pháp Hoa* là kinh Nhất thừa, thành Phật trong một đời, cho nên kinh này cũng là thành Phật trong một đời.

Sau đó lại nói: “*Hựu Phổ Hiền tối vi thượng thủ, đồng ư Hoa Nghiêm kinh, diệt biểu bốn kinh chi đồng ư thượng chi Viên giáo nhị kinh dã*” (Hơn nữa, giống như kinh *Hoa Nghiêm*, Bồ tát Phổ Hiền là vị thượng thủ đầu tiên của kinh này. Điều này cũng biểu thị kinh này giống như 2 kinh Viên giáo vừa được nhắc đến trên đây). Đây là 2 bộ kinh Nhất thừa trong Viên giáo. Kinh này (Kinh *Vô Lượng Thọ*) ngang hàng với 2

kinh đó, chẳng sai biệt! Vì vậy, vào đời Thanh trước kia, cư sĩ Bành Tế Thanh đã gọi kinh này là *Trung bốn Hoa Nghiêm*, kinh *A Di Đà* là *Tiểu bốn Hoa Nghiêm*. Quý vị thấy có ý nghĩa như vậy.

Chúng ta phải đặc biệt lưu ý những đề xướng, chỉ dạy của các vị tổ sư đại đức. Trong toàn bộ Phật giáo, trong 49 năm hoằng truyền của Phật Thích Ca Mâu Ni, bộ kinh này chiếm địa vị ra sao? Có thể nói bộ kinh này là chí cao vô thượng! Không chỉ ngang hàng với *Hoa Nghiêm* và *Pháp Hoa*, trên thực tế, nó còn cao hơn *Hoa Nghiêm* và *Pháp Hoa*.

Kinh *Hoa Nghiêm* đến cuối cùng viên mãn là 10 đại nguyện vương của Bồ tát Phổ Hiền dẫn về Cực Lạc, thật sự đạt tới viên mãn rất ráo. Chúng ta chớ nên chẳng biết điều này. Nếu chúng ta nương theo *Pháp Hoa* và *Hoa Nghiêm* để tu hành, hy vọng thành công trong một đời này hết sức xa vời, mờ mịt. Các pháp môn ấy phải tu định, Pháp Hoa Tam-Muội chẳng dễ thành tựu. *Pháp Giới Quán* như trong kinh *Hoa Nghiêm* người tầm thường chẳng thể quán thành.

Quý vị thấy phương pháp trong bộ kinh điển này, trong 48 nguyện có nói “*Khi lâm chung, mười niệm nhất định vãng sinh*”. Do vậy, Thiện Đạo Đại sư tán thán pháp môn này là “vạn người tu, vạn người đến”, chẳng bỏ sót một ai! Chúng ta đã gặp gỡ, may mắn lắm! Dầu trong đời này, chúng ta học Phật cũng thế, mà không học Phật cũng thế, trong quá khứ

và đời này đã tạo chẳng ít tội nghiệp, có thể vãng sinh hay không? Có thể! Chỉ cần quý vị sau khi nghe pháp môn này, hạ quyết tâm “quay đầu là bờ”, ta chẳng còn làm ác nữa, ta thật sự nhất tâm tu học Thập thiện, thật thà niệm Phật, cầu sinh Tịnh độ, là được rồi. Quá khứ tạo tác tội Thập Ác, Ngũ Nghịch cũng được, vẫn có thể vãng sinh. Tuyệt diệu chưa? Đúng là quay đầu là bờ! Chúng ta chớ nên không biết điều này, nhất định phải quý trọng duyên phận thù thắng khôn sánh này.

Chúng ta học phẩm thứ nhất tới đây. Tiếp theo, chúng ta xem phẩm thứ hai là *Đức Tuân Phổ Hiền*. Chúng ta thấy trước đó cụ Hoàng Niệm Tổ mào đầu: “*Đệ nhị phẩm thị thượng phẩm thánh chúng chi bổ sung*” (Phẩm thứ hai là phần nói chi tiết thêm về thánh chúng trong phẩm trước). Chúng thành tựu trong 6 thứ thành tựu chỉ nói đến xuất gia Bồ tát, tại gia Bồ tát chưa nhắc tới, phải nói bổ sung trong phần kế tiếp.

“*Bốn phẩm chi thủ, ư Bồ tát chúng trung, niêm xuất thượng thủ chi Hiền Hộ đẳng thập lục Chánh Sĩ*” (Đầu phẩm này, trong hàng Bồ tát, lại nêu lên 16 vị chánh sĩ thượng thủ như Hiền Hộ v.v...). 16 vị đại Bồ tát ấy đều là Đẳng Giác Bồ tát, toàn là tại gia Bồ tát. “Phẩm末” (phẩm cuối cùng), tức cuối phẩm 48, “*Phục tiêu dư chi tam chúng cập chư thiên đại chúng, dĩ bổ túc thượng phẩm*” (Lại nêu 3 chúng kia và chư thiên đại chúng nhằm bổ túc phẩm đầu), tức phẩm trước

của phẩm này, *“Lục thành tựu trung chi Chúng thành tựu”* (Chúng thành tựu trong 6 thứ thành tựu), nói rõ ở đây.

“Vưu ưng trước nhãn” (Càng đáng chú ý nhất), tức là phải lưu ý. *“Bốn phẩm danh Đức Tuân Phổ Hiền”* (Phẩm này có tên là Đức Tuân Phổ Hiền). Ý nghĩa của tiểu đề này vô cùng trọng yếu. *“Cái biểu dự hội chi vô lượng vô biên chư đại Bồ tát, hàm cộng tuân tu Phổ Hiền chi đức”* (Biểu thị vô lượng vô biên chư đại Bồ tát dự hội đều cùng tuân tu đức của Phổ Hiền). Quý vị nói xem kinh này có tuyệt vời hay chẳng? *“Đều cùng tuân tu đức của Phổ Hiền”* là ở nơi đâu?

Trong kinh *Hoa Nghiêm*, tức là trong *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh*, chư Phật, Bồ tát vị nào cũng đều tu *“Phổ Hiền chi đức”*. *“Phổ Hiền chi đức”* là 10 đại nguyện vương, thành tựu viên mãn trong một đời. Kinh này chẳng ra ngoài lệ ấy. *“Phổ Hiền chi đức, thật diệc vô lượng”* (Đức của Phổ Hiền thật sự cũng là vô lượng). Nói thật với quý vị, thì là vô lượng vô biên. *“Nhi kỳ tâm trung chi tâm, yếu trung chi yếu, tắc vi thập đại nguyện vương đạo quy Cực Lạc dã, thị vi bốn phẩm chi cương”* (Nhưng điểm cốt lõi, trọng yếu nhất lại chính là “10 đại nguyện vương dẫn dắt về Cực Lạc”. Đó là cương lĩnh của phẩm này).

Tổng cương lĩnh của phẩm kinh này là 10 đại nguyện vương của Bồ tát Phổ Hiền. Phổ Hiền nguyện, Phổ Hiền đức thật sự là vô lượng, vô biên, vô tận, vô số. Cự Hoàng nói rất

hay, “tâm yếu”: *“Tâm trung chi tâm, yếu trung chi yếu”* (Điều cốt lõi nhất trong các điều cốt lõi, điều trọng yếu trong các điều trọng yếu), chính là 10 đại nguyện vương. Do vậy, chúng ta phải học 10 đại nguyện vương. Có thể học bao nhiêu bèn học bấy nhiêu, đối với chính mình chắc chắn có lợi ích.

Đầu tiên là phải học *“Lễ kính chư Phật”*, đối với bất cứ ai đều phải lễ kính. Vì sao? Hết thấy chúng sinh là vị lai Phật, há có thể chẳng lễ kính ư? Chúng ta lạy Phật, phải lạy ba đời mười phương chư Phật, ba đời là đời quá khứ, đời hiện tại, đời vị lai mà trong kinh, Phật Thích Ca Mâu Ni đã giới thiệu. Đời vị lai, đức Phật đã nói *“Hết thấy chúng sinh đều là vị lai Phật”*. Chúng ta chẳng cung kính một người hay chẳng cung kính một động vật nhỏ, chính là chẳng cung kính vị lai Phật.

Từ chỗ này, có thể thấy được đại đức và đại nguyện của Bồ tát Phổ Hiền. Không chỉ là đối với hết thấy hữu tình chúng sinh, chúng ta phải có ý niệm kính trọng chân thành, phải lễ kính viên mãn. Trong kinh *Hoa Nghiêm*, đức Phật còn dạy: *“Tình và vô tình, cùng viên thành chủng trí”*. Chúng ta chỉ nói động vật là hữu tình, còn vô tình thì sao? Thực vật, khoáng vật, núi, sông, đại địa là vô tình. Vô tình chúng sinh cùng viên thành chủng trí. Câu này chẳng thể nghĩ bàn, cũng có nghĩa là vô tình chúng sinh cũng sẽ thành Phật.

Nay, chúng tôi đã hiểu rõ, trước kia chẳng hiểu nổi câu này! Bao nhiêu năm qua, chúng tôi đã bị khốn đốn bởi câu

kinh văn này, giảng theo cách nào? Tôi thân cận rất nhiều vị đại đức, thưa hỏi họ câu này, thì họ cũng chẳng giảng câu này rõ ràng cho lắm. Giảng kha khá một chút là hữu tình chúng sinh thành Phật, thì núi, sông, đại địa cũng đều thành tự. Cách giảng ấy không sai, nhưng chưa thể khiến cho chúng tôi tâm phục, khẩu phục. Mãi cho đến lúc chúng tôi học tập *Hoa Nghiêm*, học bộ *Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán* của Hiền Thủ Quốc sư mới hoát nhiên đại ngộ. Tác phẩm ấy giảng về nguyên khởi của vũ trụ rõ ràng, minh bạch.

Trước khi đọc kinh luận ấy, tuy kinh giảng rất rõ ràng, minh bạch, nhưng đối với căn tánh của chúng tôi thì vẫn chưa được. Thô tâm đại ý, chưa thấu hiểu được! Kinh thường nói: *“Nhất niệm bất giác bèn có vô minh”*, lại nói: *“Vô minh bất giác sinh tam tế, cảnh giới làm duyên tăng trưởng lục thô”*. Đối với những điều kinh luận Duy thức đã nói, chúng ta cũng biết nói, nhưng thường là nói chẳng rõ ràng. Đối với những phần kinh văn ấy, từ đầu đến cuối là lơ mơ, chẳng hiểu rõ. Từ *Hoa Nghiêm*, từ *Hoàn Nguyên Quán* mới hiểu rõ ràng. Mới hiểu điều gì? Nguyên lai là trong tất cả hiện tượng vật chất đều có hiện tượng tinh thần. Tâm và vật chẳng thể tách rời, vĩnh viễn chẳng tách rời.

Trong một vi trần có tin tức viên mãn, đương nhiên hữu tình và vô tình cùng viên mãn chủng trí. Hiểu rõ chân tướng của chuyện này, không chỉ có tâm cung kính đối với con người, mà đối với một tảng đá, một hạt cát hay bụi đều

trọn đủ tâm cung kính, quý vị mới thực hiện được sự lễ kính chư Phật của Bồ tát Phổ Hiền. Ta cung kính hết thầy mọi người, cung kính thiên địa, quỷ thần, nhưng thiếu tâm cung kính đối với bùn, cát và những hiện tượng tự nhiên, thì sự lễ kính chư Phật của quý vị vẫn còn thiếu sót to lớn, mà chính mình chẳng biết! Phạm vi của lễ kính to như thế, phạm vi của mỗi điều trong 9 điều kia đều là khắp pháp giới hư không giới.

Chúng ta là người tu học Đại thừa, cầu sinh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chớ nên không biết điều này. Đã biết, hãy thật sự làm. Trong tương lai, phẩm vị vãng sinh sẽ cao. Phẩm vị của chính mình được nâng cao với một mức độ lớn.

Bây giờ, chúng ta xem kinh văn. Đoạn kinh này nói về 16 vị chánh sĩ nhằm bổ sung phần Chúng Bồ tát phía trước.

“Kinh Hựu Hiền Hộ đẳng thập lục chánh sĩ, sở vị: Thiện Tư Duy Bồ tát, Huệ Biện Tài Bồ tát, Quán Vô Trụ Bồ tát, Thần Thông Hoa Bồ tát, Quang Anh Bồ tát, Bảo Tràng Bồ tát, Trí Thượng Bồ tát, Tịch Căn Bồ tát, Tín Huệ Bồ tát, Nguyễn Huệ Bồ tát, Hương Tượng Bồ tát, Bảo Anh Bồ tát, Trung Trụ Bồ tát, Chế Hạnh Bồ tát, Giải Thoát Bồ tát, nhi vi thượng thủ”. (Kinh: Lại có nhóm Hiền Hộ 16 vị chánh sĩ, tức là: Thiện Tư Duy Bồ tát, Huệ Biện Tài Bồ tát, Quán Vô Trụ Bồ tát, Thần Thông Hoa Bồ tát, Quang Anh Bồ tát, Bảo Tràng Bồ tát, Trí Thượng Bồ tát, Tịch Căn Bồ tát, Tín Huệ Bồ tát, Nguyễn Huệ

Bồ tát, Hương Tượng Bồ tát, Bảo Anh Bồ tát, Trung Trụ Bồ tát, Chế Hạnh Bồ tát, Giải Thoát Bồ tát làm thượng thủ).

Đây là giới thiệu đức hiệu của 16 vị Thượng Thủ Bồ tát. Ý nghĩa biểu thị pháp rất sâu, bao hàm ý nghĩa đặc biệt. Trong hàng xuất gia Bồ tát thuộc phần trước, chỉ nêu tên 3 vị, tại gia Bồ tát nêu ra 16 vị. Điều này có ý nghĩa gì? Chúng ta phải hiểu rõ, pháp môn này đặc biệt dành cho các đồng học tại gia tu tập, thích hợp nhất đối với sự tu hành tại gia. 16 vị Bồ tát có địa vị bình đẳng với Văn Thù, Phổ Hiền, Di Lặc. Tại gia có thể thành tựu Đẳng Giác Bồ tát, chúng ta chớ nên không hiểu đạo lý này. Chúng ta đọc lời chú giải của lão cư sĩ: “Chánh sĩ giả”, trước tiên giải thích chánh sĩ là gì?

“Độ Thế Kinh viết: Khai Sĩ, Đại Sĩ, Thánh Sĩ, Lực Sĩ, Chánh Sĩ đẳng, giai Bồ tát chi dị xưng” (Kinh Độ Thế^[19] nói: “Khai Sĩ, Đại Sĩ, Thánh Sĩ, Lực Sĩ, Chánh Sĩ v.v... đều là tên gọi khác của Bồ tát”). Trong kinh Phật có nhiều cách xưng hô như thế. Quý vị thấy những danh xưng ấy toàn là biệt hiệu của Bồ tát. Trong kinh *Độ Thế* nói tới khai sĩ, thì khai (開) là khai ngộ, chẳng phải là khai ngộ tầm thường, mà là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính. Người như vậy được gọi là khai sĩ, Bồ tát, hoặc Pháp thân Bồ tát. Đối với danh xưng đại sĩ, quý vị thấy chúng ta nói Quán Âm Đại sĩ, Phổ Hiền Đại sĩ, đấy cũng chính là Ma Ha Tát trong tiếng Phạn, nghĩa là Đại Bồ

[19] Bản kinh này có tên gọi đầy đủ là *Độ Thế Phẩm Kinh*, do Ngài Pháp Hộ xứ Đại Nhục Chi dịch vào đời Tây Tấn, gồm 6 quyển. Đây là một bản dịch khác của phẩm Ly Thế Gian trong kinh *Hoa Nghiêm*.

tát, đều là danh xưng của Pháp thân Bồ tát. Thánh Sĩ: Thánh nhân, chẳng phải là con người. Thánh ở đây là đại thánh, chẳng phải là tiểu thánh.

A La Hán, Bích Chi Phật, Quyền Giáo Bồ tát được coi là tiểu thánh, còn những vị này là đại thánh. Lực sĩ là danh xưng thường dùng trong Mật tông, như Kim Cương Lực sĩ^[20] thường được nói tới trong các kinh sách của Mật tông. Chánh sĩ: Chánh là Vô Thượng Chính Đẳng Chánh Giác, Bồ tát là Chính Đẳng Chánh Giác, gọi là chánh sĩ. Pháp thân Bồ tát đều là Vô Thượng Chính Đẳng Chánh Giác, chỉ kém một chút là tập khí vô minh vẫn còn. Do tập khí có dày hay mỏng khác nhau, cho nên có 41 đẳng cấp. Đối với hết thảy cảnh duyên, các Ngài thật sự chẳng khởi tâm, không động niệm. Chúng ta phải biết điều này.

Chúng ta lại xem tiếp: “*Chân Giải vân*” (Sách *Chân Giải* nói). Trong phần trước, tôi đã giới thiệu cùng quý vị, đây là tác

[20] Kim Cương Lực Sĩ (Vajrapāṇibalin): Trong Mật tông, danh xưng này có 2 cách hiểu:

1. Danh xưng của một vị hộ pháp thần, thường là Bồ tát hoặc cổ Phật thừa nguyện ủng hộ Phật pháp, hóa hiện thân tướng dũng mãnh, phần nộ, đáng sợ, cầm Kim Cương Xử hộ trì Tam Bảo.

Vị Kim Cương Lực Sĩ nổi tiếng nhất tên là Mật Dao, còn gọi là Na La Diên đã phát nguyện hộ trì 1.000 vị Phật trong hiền kiếp. Theo hội Kim Cương Lực Sĩ trong kinh *Đại Bảo Tích*, vào thời quá khứ, Chuyển Luân Thánh Vương Dũng Quân có 1.002 người con trai. 2 người con trai út là Pháp Ý và Pháp Niệm. Pháp Ý phát nguyện khi 1.000 vị vương tử thành Phật, sẽ theo hộ trì, làm Kim Cương Lực Sĩ để hộ trì những pháp bí yếu của Phật.

2. Kim Cương Lực Sĩ là từ ngữ gọi gộp chung của Kim Cương và Lực Sĩ. Kim Cương còn gọi là Nan Thắng Kim Cương là danh xưng của các vị hộ pháp cầm Kim Cương Xử thủ hộ, ngăn ngừa kẻ ác phá hoại. Lực Sĩ cũng là thần thủ hộ tương ứng thường đi chung với Kim Cương, nên còn gọi là Đối Diện Kim Cương. Các tự viện thường đắp tượng 2 vị này thủ hộ 2 bên Đại Hùng Bảo Điện. Có thuyết lại nói vị bên trái là Tả Phù Kim Cương (tức Mật Dao Kim Cương), vị bên phải là Hữu Bất Kim Cương (tức Na La Diên). Hiểu theo nghĩa này, thì Na La Diên khác với Mật Dao Kim Cương. Như vậy là khi dùng danh xưng Lực Sĩ, đã hạn cuộc trong ý nghĩa các vị Đại Bồ tát hóa thân làm thần hộ pháp.

phẩm chú giải của tổ sư đại đức Nhật Bản, *“Chánh vị chánh đạo, Sĩ vị sĩ phu”* (Chánh là chánh đạo, Sĩ là sĩ phu). Đây là bậc sĩ đại phu. *“Tại gia chi xưng. Thử đẳng đại sĩ, ngoại hiện phàm hình, nội thâm đạt chánh đạo cố, cư gia danh vi chánh sĩ”* (Là danh xưng của người tại gia. Các vị đại sĩ này ngoài hiện hình tướng phàm phu, bên trong thấu hiểu sâu xa chánh đạo, sống tại gia, gọi là chánh sĩ). Đây là tại gia Bồ tát. Tại Trung Quốc, người tu hành tại gia được gọi là cư sĩ. Cư sĩ là người tại gia tu đạo, nên gọi là cư sĩ. Nói chung, đối với các vị đại sĩ, tức hàng Pháp thân Bồ tát, có nhiều danh xưng, đối với tại gia Bồ tát thì các danh xưng khai sĩ và chánh sĩ cũng được dùng rất nhiều, thường thấy sử dụng trong giới Phật giáo.

“Ngoại hiện phàm hình”. “Phàm hình” là thân phận tại gia, trên thực tế là *“thâm đạt chánh đạo”*. “Đạt” (達) là thông đạt, chẳng phải là nông cạn, tầm thường, mà là “thâm đạt”. “Thâm” nghĩa là minh tâm kiến tính, kiến tính thành Phật. Đồi Đường, thuở Lục Tổ tại thế, trong hội của Ngài có 43 người minh tâm kiến tính, trong đó có tại gia cư sĩ chứng đắc quả vị Pháp thân Bồ tát.

“Hựu Hội Sớ viết: Thập lục Chánh Sĩ giả, Văn Thù Sư Lợi Nghiêm Tịnh Kinh ngôn” (Sách Hội Sớ lại nói: “16 vị chánh sĩ, kinh Văn Thù Sư Lợi Nghiêm Tịnh nói”). Đây là danh xưng của một bộ kinh, tức là *Văn Thù Sư Lợi Nghiêm Tịnh Kinh*^[21].

[21] Kinh này có tên gọi đầy đủ là *Văn Thù Sư Lợi Phật Độ Nghiêm Tịnh Kinh* do Ngài Trúc Pháp Hộ dịch vào đời Tây Tấn. Đây là một bản dịch khác của hội *Văn Thù Sư Lợi Thọ Ký* trong kinh *Đại Bảo Tích*. Kinh này trần thuật công đức và sự nghiêm của cõi Tịnh Độ của Ngài Văn Thù sau khi thành Phật.

Kinh ấy nói: “*Bồ tát bát vạn tứ thiên cập thập lục chánh sĩ*” (Bồ tát 84.000 và 16 vị chánh sĩ). Có thể thấy là 16 người này thường được đức Thế Tôn nêu lên làm thí dụ, gương mẫu, khuôn phép trong khi giảng kinh, giáo học.

“*Tắc minh tri Chánh Sĩ chi danh, vân cư gia Bồ tát*” (Cho thấy danh xưng chánh sĩ chỉ hàng tại gia Bồ tát), nói rõ 16 vị này đều là tại gia đại Bồ tát, chẳng phải là kẻ tầm thường. “*Chánh vị chánh đạo, Sĩ vị cư sĩ*” (Chánh là chánh đạo, Sĩ là cư sĩ). Hoàng lão cư sĩ nói như vậy, chúng ta càng dễ hiểu.

“*Thử đẳng đại sĩ, tuy bảo quang hòa trần*” (Các vị đại sĩ ấy, tuy sống lẫn với phàm nhân). Dân gian cũng có một thành ngữ có tánh chất hoàn toàn tương đồng là “*Hòa quang đồng trần*”. Hòa quang đồng trần và câu này (*Bảo quang hòa trần*) có ý nghĩa hoàn toàn giống nhau.

“*Cửu xuất ư tà đạo, thâm đạt ư chính pháp, cố vân chánh sĩ dã*” (Đã thoát khỏi tà đạo từ lâu, thông đạt sâu xa chính pháp, nên gọi là chánh sĩ). Đây là cổ đại đức giải thích danh từ này.

“*Chuẩn thượng khả tri, chánh sĩ giả, tức tại gia Bồ tát*” (Chuẩn theo những điều trên đây có thể biết chánh sĩ chính là tại gia Bồ tát). Đây là lời tổng kết, nhằm kết luận 16 vị trên đây toàn là tại gia Bồ tát.

“*Hựu thập lục giả, Mật tông dĩ thập lục số, biểu viên mãn vô tận*” (Lại nữa, Mật tông dùng con số 16 để biểu thị sự

viên mãn vô tận). Do vậy, đối với 16 vị này, con số 16 cũng nhằm biểu thị pháp, dùng các Ngài để đại diện viên mãn chúng tại gia.

“*Xuất Sinh Nghĩa vân*” (Sách *Xuất Sinh Nghĩa* nói). *Xuất Sinh Nghĩa*^[22] là tên một quyển sách, là một bộ luận, chúng ta cũng có thể nói trong bài luận văn ấy lại giảng: “*Quyết hữu hà sa trần hải số lượng, cử thập lục vị yên, diệt trần sa chi số bất xuất ư thủ hỷ*” (Số lượng dầu nhiều như hằng sa biển các vi trần, cũng chỉ nêu ra 16 vị mà thôi, số nhiều như trần sa cũng chẳng ra ngoài số này), nói rõ “16” là biểu thị pháp.

Chúng ta đừng nên nghĩ nó là một con số, mà phải thấy nó là biểu thị pháp, ý nghĩa sẽ càng viên mãn. Vì sao? Trong đại hội này, hàng tại gia học Phật chứng đắc minh tâm kiến

[22] Tác phẩm này có tên gọi đầy đủ là *Kim Cương Đánh Du Già Tam Thập Thất Tôn Xuất Sinh Nghĩa*, do Ngài Bất Không dịch. Nội dung giải thích ý nghĩa từ Pháp thân xuất sinh 37 tôn thánh trong *Kim Cương Giới Mạn Đồ La*. 37 tôn thánh chính là:

- 5 vị Phật ứng với Ngũ Trí của Như Lai (Đại Nhật Như Lai, A Súc Như Lai, Bảo Sinh Như Lai, Vô Lượng Thọ Như Lai, và Bất Không Như Lai). Mỗi vị Phật có 4 vị Bồ tát châu hầu. Chẳng hạn như Vô Lượng Thọ Như Lai kết Di Đà Định Ấn, có các vị Bồ tát Kim Cương Pháp, Kim Cương Lợi, Kim Cương Nhân, Kim Cương Ngũ châu hầu.

- 4 vị Ba La Mật Bồ tát: Kim Cương Ba La Mật, Bảo Ba La Mật, Pháp Ba La Mật và Nghiệp Ba La Mật (3 vị này châu hầu Đại Nhật Như Lai).

- 16 vị Đại Bồ tát (các vị này vây quanh 4 vị Như Lai còn lại): Kim Cương Tát Đòa, Kim Cương Vương, Kim Cương Ái, Kim Cương Hỷ, Kim Cương Bảo, Kim Cương Quang, Kim Cương Tràng, Kim Cương Tiểu, Kim Cương Pháp, Kim Cương Lợi, Kim Cương Nhân, Kim Cương Ngũ, Kim Cương Nghiệp, Kim Cương Hộ, Kim Cương Nha, Kim Cương Quyền.

- 8 vị cúng dường Bồ tát: Kim Cương Hy Hỷ, Kim Cương Hoa Man, Kim Cương Ca Vịnh, Kim Cương Pháp Vũ, Kim Cương Phần Hương, Kim Cương Giác Hoa, Kim Cương Đăng Minh, Kim Cương Đồ Hương. 4 vị đầu gọi là Nội Cúng Dường do Đại Nhật Như Lai lưu xuất để cúng dường 4 vị Như Lai kia. 4 vị sau là Ngoại Cúng Dường, do 4 vị Phật kia lần lượt lưu xuất để cúng dường Đại Nhật Như Lai.

- Tứ Nhiếp Bồ tát: Kim Cương Câu, Kim Cương Tác, Kim Cương Tỏa, Kim Cương Linh.

tính chắc chắn không chỉ là 16 vị, cho nên “16” biểu thị sự viên mãn. Ý nghĩa này hay lắm, gồm trọn hết thấy những người tại gia đã đạt tới trình độ này.

Tiếp đó là giới thiệu từng vị một, đầu tiên là giới thiệu Hiền Hộ. *“Hiền Hộ đẳng thập lục chánh sĩ, thường kiến kinh luận”* (Nhóm Hiền Hộ 16 vị chánh sĩ thường thấy nhắc tới trong kinh luận). Trong khi giảng kinh, giáo học, đức Phật thường lấy các vị này làm thí dụ.

“Thắng Tư Duy Phạm Thiên Kinh cập Tư Ích Kinh, liệt thập lục danh. Trí Độ Luận tiêu thập lục, dẫn căn liệt lục danh” (Kinh Thắng Tư Duy Phạm Thiên và kinh Tư Ích có nêu tên 16 vị này. Trí Độ Luận nhắc đến 16 vị, nhưng chỉ nêu tên 6 vị đầu). Nêu ra 16 vị, nhưng Trí Độ Luận chỉ kể tên 6 vị. *“Luận viết”* (Luận chép). Luận ở đây là Đại Trí Độ Luận, “Thiện Thủ” chính là Hiền Hộ, tức là sự thủ hộ hiền thiện, có ý nghĩa này. *“Đẳng thập lục Bồ tát thị cư gia Bồ tát. Hạ liệt ngũ danh, tư bất cụ dẫn”* (16 vị Bồ tát là tại gia Bồ tát, kể đó nêu tên 5 vị, ở đây không nêu tên đầy đủ). Tỉnh lược, chứng tỏ những vị này đều là đại Bồ tát tại gia học Phật, minh tâm kiến tính, đại triệt đại ngộ được đức Thế Tôn nhắc đến.

“Tư Ích Kinh vân: Nhược hữu chúng sinh văn danh giả, tất cánh đắc Tam Bồ Đề, cố vân Thiện Thủ” (Kinh Tư Ích nói: “Nếu có chúng sinh nghe tới tên Ngài sẽ rốt ráo đắc Tam Bồ Đề. Vì vậy, gọi Ngài là Thiện Thủ”). Tam Bồ Đề (Sambodhi) là

Vô Thượng Chính Đẳng Chánh Giác. Có thể thấy những vị Bồ tát này, trí tuệ, thần thông, đạo lực có thể làm cho hết thảy chúng sinh nghe danh hiệu các Ngài cũng đạt được Tam Bồ Đề. Vì thế, danh hiệu, pháp danh đức hiệu của Ngài là Hiền Hộ. Thiện Thủ có nghĩa là Hiền Hộ.

“Hựu Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh” (Lại nữa, kinh *Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ*). Đức Thế Tôn đặc biệt giới thiệu Hiền Hộ Chánh Sĩ với mọi người, giảng về Ngài trong buổi giảng ấy, trong kinh ấy có nói: *“Vương Xá đại thành hữu ưu-bà-tắc, danh viết Hiền Hộ, vi chúng thượng thủ”* (Đại thành Vương Xá có ưu-bà-tắc tên là Hiền Hộ, là thượng thủ của đại chúng). Ngài là thượng thủ của hàng cư sĩ.

“Hựu Đại Bảo Tích Kinh Hiền Hộ Trưởng Giả hội” (Lại nữa trong hội *Hiền Hộ Trưởng Giả* của kinh *Đại Bảo Tích*). *Bảo Tích* là một trong hơn 300 hội của đức Thế Tôn. Hội này có quy mô rất lớn. Trong hội này, đức Phật nói rất nhiều kinh điển, nói mấy chục bộ. Đây là một đại pháp hội, thời gian cũng rất dài. Trong hội này, tức là trong hội *Đại Bảo Tích* cũng có nói kinh *Vô Lượng Thọ*.

“Phật thuyết Hiền Hộ trưởng giả chúng lạc sự” (Đức Phật nói về các điều vui sướng của trưởng giả Hiền Hộ). “Lạc” là yêu chuộng, chuyện vui sướng. *“Kỳ thọ ư khoái lạc quả báo, tuy phục Dao Lợi Đế Thích Thiên Vương do bất năng*

cập, hưởng phúc nhân gian” (Hưởng quả báo vui sướng, dầu là Đạo Lợi Đế Thích Thiên Vương còn chưa thể sánh bằng, hưởng hồ nhân gian). Có nhân ắt có quả, Phật pháp đã thật sự đem lại sự thọ dụng chân thật cho con người.

Thuở tôi học Phật, vì lúc tuổi trẻ học hành trong trường, chịu ảnh hưởng của giáo viên, thầy đôi khi cũng bàn tới tôn giáo, luôn bảo tôn giáo là mê tín. Vì thế, đối với tôn giáo, chúng tôi cũng hiểu lắm rất sâu, chẳng muốn tiếp xúc tôn giáo, luôn nghĩ tôn giáo là mê tín. Nhân duyên khiến tôi học Phật là do học triết học với tiên sinh Phương Đông Mỹ. Thầy Phương giảng một bộ *Triết Học Khái Luận*, phần cuối cùng là *Triết Học Trong Kinh Phật*.

Tôi rất hiếu kỳ, hỏi thầy: “Tôn giáo là mê tín, Phật giáo là phiếm thần giáo, đa thần giáo, là mê tín nhất trong các thứ mê tín, làm sao có triết học cho được?”. Thầy bảo tôi: “Anh còn trẻ, không biết, Phật Thích Ca Mâu Ni là triết gia vĩ đại nhất trên thế giới”. Tôi học *Triết học*, chưa hề nghe nói Phật Thích Ca Mâu Ni là triết gia. Thầy lại bảo tôi: “Triết học trong kinh Phật là đỉnh cao nhất của triết học trong toàn thế giới. Học Phật là hưởng thụ cao nhất trong đời người”. Kinh nói tới điều này, Hiền Hộ Bồ tát học Phật tới mức pháp hỷ sung mãn; nói cách khác, đạt tới sự hưởng thụ cao nhất trong thế gian. Câu này có cùng một ý nghĩa với câu nói của thầy Phương bảo tôi thuở ấy.

Tôi đọc câu này có cảm xúc cũng rất sâu, có đạt được sự hưởng thụ tối cao ấy hay không? Tôi đã học Phật 59 năm, sang năm là đúng một giáp. Đã 60 năm rồi, thật sự đạt được, hằng ngày đều đạt được, hoan hỷ khôn sánh, chứng thực lời cổ đức đã bảo: “Ý vị thế gian há nồng đậm bằng pháp vị?”. Nếu đem ý vị của nhân gian thiên thượng sánh với pháp vị, chẳng có cách nào sánh bằng!

Nhân gian thiên thượng là gì? Nói tới sự phú quý trong nhân gian; người Trung Quốc nói tới Ngũ phúc. Phú là có của cải. Quý là địa vị cao cả. Vào thời cổ là tước vị, đế, vương, công, hầu, những tước vị ấy sang quý. Còn có 3 điều nữa là “đa nam nữ”, tức là đông con, “đa tử đa tôn” là lắm cháu. “Hiếu đức hiếu thiện” (ham đức, chuộng lành), chẳng thể thiếu một điều nào. Hễ thiếu một điều, dầu trong quá khứ tu đại phú đại quý, sẽ hưởng hết rất nhanh. Khi hưởng hết sẽ lụn bại, bởi phú quý đã hưởng hết rồi! Nếu người ấy ham thiện, chuộng đức, quý vị thấy vừa hưởng phú quý vừa tu phú quý, thì phúc báo mới chẳng hưởng hết, đời đời kiếp kiếp dằng dặc không dứt.

Điều cuối cùng, lúc mất tốt lành, tức “thiện chung”. Người ta nói là “thiện chung”, tức là lúc mất, đầu óc tỉnh táo, sáng suốt, chẳng đau khổ. Người như vậy rời khỏi thế gian, đời sau chẳng vào nhân gian hưởng thụ phú quý, mà sẽ cao hơn đời này, sẽ sinh lên trời để hưởng phúc trời. Đó là Ngũ phúc. Trong Ngũ phúc, quan trọng nhất là điều cuối cùng, vì lẽ

nào? Nó quyết định quả báo của quý vị trong đời sau. Nếu chết chẳng tốt lành, hiện thời chúng ta thường thấy người già lú lẫn, chuyện này rất phiền phức, chẳng phải là chuyện tốt đẹp. Người già bị lú lẫn, dẫu chúng ta niệm Phật trợ niệm cho họ, họ cũng chẳng được hưởng gì, chẳng đạt được lợi ích ấy, chắc chắn sẽ phải lưu chuyển theo nghiệp. Nếu người ấy suốt đời tích đức, hành thiện, chúng ta tin tưởng người ấy tuổi già chẳng thể nào mắc phải chứng bệnh ấy. Vì sao? Người ấy có phúc báo, có các thiện hạnh và thiện đức bảo vệ. Chúng ta học Phật càng phải chú ý điều này, học Phật mà lúc mất bị lú lẫn thì cũng là theo nghiệp chịu báo. Đừng nói là quý vị tu học, tu Thiền hay tu Mật, cho tới lúc ấy hoàn toàn chẳng dùng được, mà niệm Phật cũng chẳng có cách gì!

Chúng ta liễu giải sự thật này, biết chân tướng này, chỉ biết nay chúng ta đang lúc khỏe mạnh, phải nên tu gì, cách tu như thế nào. Đây là những điều chúng tôi thường nói trong những năm qua, chớ nên sơ sót 3 căn bản của Nho, Thích, Đạo, chớ nên không nghiêm túc học tập. Quý vị thật sự muốn tích lũy công đức. Công đức và phúc đức khác nhau, chớ nên coi phúc đức là công đức.

Quý vị làm chuyện tốt, giúp đỡ người khác, đó là phúc đức. Quý vị thấy thuở ấy, Tổ sư Đạt Ma đến Trung Quốc, Lương Vũ Đế tiếp kiến Ngài. Có thể nói Lương Vũ Đế là một vị hộ pháp lớn nhất trong Phật giáo sử Trung Quốc, thật sự tận tâm tận lực hộ trì Phật pháp. Ông ta dùng thân phận

đế vương, lập cho Phật giáo 480 tòa đạo tràng, tự viện, am, đường, hộ trì mấy chục vạn người xuất gia, chiếu cố họ, chính mình rất đặc ý.

Đạt Ma Tổ sư đến Trung Quốc, 2 người gặp mặt, Lương Vũ Đế khoe khoang chính mình đã thay Phật môn làm những chuyện tốt đẹp như thế, hướng về Tổ thỉnh giáo, trên thực tế là khoe khoang: “Trong Phật môn, trẫm đã làm chuyện tốt đẹp nhiều ngàn ấy, công đức có lớn hay không?”. Đạt Ma Tổ sư trả lời bằng một câu: “Trợn chẳng có công đức”. Lương Vũ Đế nghe câu ấy chẳng chịu nổi, rất bực mình, đuổi Tổ đi, chẳng biếu tặng gì. Tổ sư Đạt Ma nói chẳng sai, Ngài là người thật thà. Nếu tán thán nhà vua vài câu: “Rất lớn, rất lớn”, vua sẽ khoái chí, hộ trì Tổ. Do Tổ không làm như vậy nên nhà vua hậm hực. Đây là Tổ Đạt Ma nói rõ Lương Vũ Đế làm chuyện gì? Phúc đức, chẳng phải là công đức. Công đức là gì? Công đức là tu hành. Trì giới có công, có công phu sẽ đạt được gì? Định. Định là đức; có công phu tu Định sẽ khai trí tuệ. Do định khai tuệ, khai trí tuệ là đức. Vì thế, những thứ ấy là thật, chẳng giả, chẳng dính dáng gì đến chuyện quý vị tu bổ thí, cúng dường. Bổ thí, cúng dường là tu phúc, nhất định phải biết điều này. Nếu khi ấy Lương Vũ Đế hỏi: “Trẫm có phúc đức hay không”? Nhất định Tổ Đạt Ma sẽ giơ ngón cái lên: “Rất ư là lớn. Phúc đức của bệ hạ rất lớn!”.

Phúc đức và công đức khác nhau. Quả báo của phúc đức là trong 3 thiện đạo. Công đức chẳng phải vậy. Công đức là

vượt thoát lục đạo luân hồi, thành Phật, làm Tổ, đó là công đức. Công đức và phúc đức nhất định phải phân biệt rõ ràng, phải hiểu rõ ràng. Chúng ta thường thấy trong chùa miếu ghi cái rương đựng tiền để người ta bỏ tiền vào là Công Đức Sương (Rương công đức), lầm rồi, há phải là công đức. Người hiểu biết sẽ ghi là Phúc Điền Sương (Rương ruộng phúc). Đó là đúng. Quý vị đến gieo phúc, đó là phúc điền, chẳng có công đức. Dẫu quý vị bố thí chùa miếu nhiều đến mấy vẫn chẳng có công đức, mà là phúc đức. Nhất định phải hiểu rõ điều này, đừng nên lầm lẫn. Chúng ta học Phật, phải Phúc huệ song tu, công đức và phúc đức đều phải nên tu. Quý vị chỉ tu công đức, không tu phúc đức, sẽ thiếu phúc!

Trong kinh Phật có câu chuyện: *“Tu tuệ, bất tu phúc, La Hán thác không bát”* (Tu tuệ, chẳng tu phúc, La Hán đi khát thực, bát rỗng tuếch). A La Hán chứng đắc A La Hán quả, đó là công đức, nhưng thiếu phúc báo, đi ra ngoài khát thực, chẳng được ai cúng dường là do thiếu phúc! Ngược lại, *“Tu phúc, bất tu tuệ, đại tượng quả anh lạc”* (Tu phúc, chẳng tu tuệ, voi to đeo chuỗi báu).

Thời cổ, công cụ giao thông chưa có xe cộ. Tại Ấn Độ và Nam Dương đều dùng voi để thay thế. Quốc vương ra ngoài ngồi trên lưng voi. Voi ấy là người tu hành trong quá khứ. Tu phúc, chẳng tu huệ, đời này đầu thai đọa trong súc sinh đạo, là vật cưỡi của quốc vương, khắp mình đeo các chuỗi báu, đó gọi là *“đại tượng quả anh lạc”*. Trong kinh, đức Phật

thường nêu lên tỷ dụ này, dụng ý rất sâu. Nếu chúng ta thấu hiểu, hãy Phúc Tuệ song tu.

Đức Phật trọn chẳng cấm chúng ta tu phúc, nhưng tu tuệ trọng yếu hơn tu phúc. Phải lấy tu tuệ làm chính yếu, phải tu công đức. Trợ tu là phụ trợ thì tu phúc kèm theo. Phúc huệ song tu. Bất luận tại gia hay xuất gia đều phải hiểu đạo lý này. Vì sao? Đã gặp gỡ Phật pháp, Phật pháp thù thắng ở chỗ nó tạo cơ hội cho quý vị, ngay trong một đời này có thể viên thành Phật đạo, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, chuyện này rất hiếm có. Chẳng dễ thoát khỏi luân hồi! Đã sa vào hầm sâu này, chỉ có gặp gỡ Phật pháp, thì quý vị mới có cơ hội vượt thoát luân hồi, nhất là gặp gỡ Tịnh Độ. Gặp gỡ Tịnh Độ mà nếu thật sự chịu tu tập, không ai chẳng thành công, thật sự giải thoát! Vãng sinh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thì có thể nói thân thể này của chúng ta là thân cuối cùng trong lục đạo luân hồi, đời sau chẳng còn luân hồi nữa. Điều này trọng yếu lắm! Quý vị nghĩ xem, còn có chuyện gì quan trọng hơn chuyện này? Đời này chẳng thể vãng sinh, chắc chắn đời sau lại phải tiếp tục luân hồi.

Chúng ta chẳng biết nỗi khổ luân hồi, nếu biết sẽ kinh sợ. Chắc chắn là luân hồi trong lục đạo, thì thời gian trong 3 ác đạo lâu dài, thời gian trong 3 thiện đạo ngắn ngủi, tạm bợ. Quý vị chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi, chắc chắn thời gian trong ác đạo sẽ dài lâu. Điều này chẳng khó hiểu, quý vị nhìn vào hoàn cảnh sống, trong cuộc sống hằng ngày, từ

sáng đến tối, quý vị khởi lên mấy ý niệm là Giới, Định, Tuệ? Khởi mấy ý niệm là tham, sân, si?

Quý vị so sánh một chút sẽ hiểu ngay. Nếu thời gian khởi tham, sân, si dài hơn thời gian Giới, Định, Tuệ, sẽ đi vào tam ác đạo. Tâm tham là Ngạ quỷ đạo. Sân khuể là Địa ngục đạo. Ngu si là súc sinh đạo. Do vậy, nếu lắng lòng phản tỉnh một phen, sẽ thấy rất đáng sợ! Trong một ngày, từ sáng đến tối, xử sự, đãi người, tiếp vật, 6 căn tiếp xúc cảnh giới 6 trần, dấy lên niệm nào, nói câu nào, làm chuyện gì, quý vị hoàn toàn hiểu rõ, chẳng cần hỏi ai khác, còn chẳng biết đời sau bản thân mình sẽ sinh vào đâu ư?

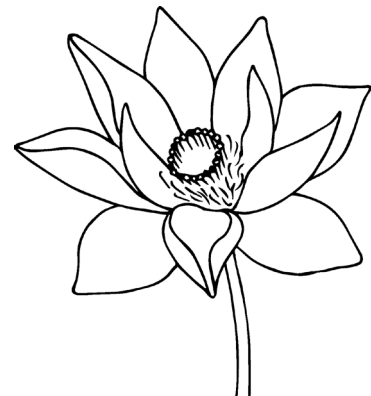
Vì vậy, muốn vãng sinh thì phải nắm vững câu Phật hiệu, đọc kinh mỗi ngày, tối thiểu là niệm một bộ kinh *Vô Lượng Thọ*. Niệm một bộ kinh, niệm Phật hiệu càng nhiều càng tốt. Chắc chắn thời gian niệm Phật hiệu phải dài hơn thời gian suy nghĩ lung tung, quý vị mới có thể nắm chắc. Nếu không chống lại được, vãng sinh còn phải đánh dấu hỏi, chưa xác định. Tụng kinh, niệm Phật là công đức chân thật. Tu thiện tích đức là chuyện tốt đẹp. Phúc tuệ song tu, như vậy là đúng.



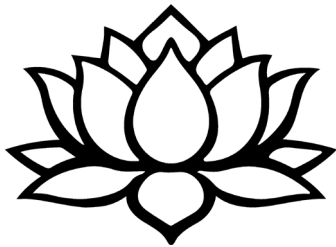
TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA



TẬP 96



Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong



Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin xem tiếp *Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải*, trang 110, dòng thứ 2, từ dưới đếm lên, xem từ câu thứ 2:

“Hựu Danh Nghĩa Tập viết: “Bạt Đà Bà La” (Lại nữa, sách Danh Nghĩa Tập^[23] nói: “Bạt Đà Bà La”). Đây là tiếng Phạn. “Phiên vi Hiền Hộ, tự hộ hiền đức, phục hộ chúng sinh cố. Hoặc vân Hiền Thủ, dĩ vị cư Đẳng Giác, vi chúng hiền chi thủ cố” (Dịch là Hiền Hộ, tự gìn giữ hiền đức, lại hộ trì chúng sinh. Hoặc dịch là Hiền Thủ, do Ngài ở địa vị Đẳng Giác, là thượng thủ của các bậc hiền nhân).

Đoạn này giải thích ý nghĩa biểu pháp trong danh hiệu. Tiếng Phạn *Bạt Đà Bà La* (*Bhadrāpāla*), dịch sang nghĩa tiếng Hán là *Hiền Hộ*. *Hiền* là gì? *Hộ* là gì? *“Tự hộ hiền đức”* (Tự gìn giữ hiền đức) là ý nghĩa của chữ *Hiền*. *“Phục hộ chúng sinh”* (Lại hộ trì chúng sinh) là ý nghĩa của chữ *Hộ*. Do vậy, *Hiền* là đối với chính mình mà nói, *Hộ* là đối với đại chúng mà nói. *Hiền đức vô lượng vô biên*, cũng giống như người xưa dạy trẻ nhỏ. Quý vị thấy họ dạy trẻ con, lúc mới nhập học, nói chung là 6-7 tuổi, học *Tam Tự Kinh*. *Tam Tự Kinh* là khái luận của văn hóa truyền thống. Quý vị thấy vừa nhập môn sẽ dạy tác phẩm này, vun đắp khái niệm này trước hết.

[23] Sách *Danh Nghĩa Tập* có tên gọi đầy đủ là *Phiên Dịch Danh Nghĩa Tập*, gồm 7 quyển do Ngài Pháp Vân biên soạn, hoàn thành vào năm Thiệu Hưng 13 (1143) đời Nam Tống. Sách được chia thành 44 thiên, gồm 2.000 từ nhằm giải thích các danh từ thường dùng trong kinh Phật. Đối với mỗi từ gồm có phần nêu các cách phiên âm khác nhau của cùng một từ ngữ, phân biệt cách dịch nào là dịch theo ý, cách dịch nào là dịch sát nghĩa, đồng thời dẫn chứng các kinh luận tương quan.

Phương pháp dạy học như thế thật sự là trí tuệ lỗi lạc, chẳng giống như một số nước khác. Người ngoại quốc dạy trẻ nhỏ, họ nói rất thực tế, cho là trẻ nhỏ chẳng hiểu lý luận lớn lao như “*Nhân chi sơ, tánh bản thiện*” (Con người thoát đầu, tánh vốn lành). Chúng nó có thể hiểu điều gì? Con cún sữa, con mèo bé nhảy nhót. Chúng hiểu những điều này, bèn dạy cho chúng những điều ấy.

Tuy nhìn bề ngoài trẻ chẳng hiểu, quý vị chẳng thể nói chúng nó không hiểu, chớ nên coi thường chúng. Trẻ nhỏ có trí tuệ vô cùng cao. Các bác sĩ tâm lý học của Tây phương trong thời cận đại đã dùng thuật thôi miên để chứng thực điều này. Không chỉ là trẻ thơ sau khi được sinh ra, mà ngay cả trước khi sinh, ở trong thai mẹ, chúng cũng rất thông minh, hoàn toàn hiểu rõ tâm tình của mẹ. Mẹ ăn uống gì, chúng nó đều có thể cảm nhận được. Làm sao quý vị có thể nói là chúng không biết? Những người ấy sau khi phát hiện sự thật trên đây, mới thật sự nghĩ cổ nhân nói “thai giáo” rất hữu lý!

Hiền đức là như trong kinh *Hoa Nghiêm*, đức Phật đã dạy: “*Hết thấy chúng sinh đều có trí tuệ và đức tướng của Như Lai*”. Trí tuệ là đức. Trí tuệ chính là đức được nói tới trong “hiền đức” ở đây. Ở chỗ này, đức năng và tướng hảo được gọi là hiền, chúng vốn sẵn có trong tự tính. Trong câu nói này, đức Phật hoàn toàn nói tới cương lĩnh của nó (Tịnh đức). Trong khi dạy học, đức Phật bảo chúng ta, Thập thiện là hiền đức, chính mình vốn sẵn có. Tam Quy,

Ngũ Giới, Lục Hòa, Lục Độ, 10 nguyện Phổ Hiền, đều là nói tới cương mục, cũng chẳng nhiều.

Chúng tôi khẳng định cổ thánh tiên hiền đều là Phật, Bồ tát tái lai, bởi lời họ nói hoàn toàn tương tự với kinh Phật. Nếu quan sát kỹ lưỡng, có đến 7-8 phần trong 10 phần giống như những điều do các vị sáng lập các đại tôn giáo trên toàn thế giới đã nói trong kinh điển, chỉ sai khác một vài phần trong 10 phần. Chỗ không giống nhau là gì? Tập quán sinh hoạt. Trên thế giới này, chúng sinh đông dương ấy, hoàn cảnh cư trú khác nhau, bối cảnh văn hóa khác nhau, cho nên có những thói quen khác nhau. Phật, Bồ tát hằng thuận chúng sinh, hoàn cảnh ấy, phong tục tập quán ấy sẽ có lợi cho họ. Tập quán của người thuộc hàn đới là sống trong cảnh trời băng đất tuyết, họ đến vùng nhiệt đới chẳng thể chịu được, không thể chịu đựng khí hậu nơi đó.

Cũng giống như vậy, người vùng nhiệt đới đến vùng băng giá cũng sống chẳng quen. Hiện thời, giao thông thuận tiện, trước kia giao thông bất tiện, đúng là có những trường hợp cho đến khi chết già vẫn chẳng qua lại với nhau, hoạt động cả đời chỉ là mấy thôn trang thân cận, có bao giờ tới huyện thành hay không? Cả đời cũng chẳng đi đến. Vì thế, thánh nhân giáo hóa tùy thuận Tính đức.

Thánh nhân dạy chúng ta điều gì? Cũng rất đơn giản, mấy ngàn năm chẳng thay đổi, tổng cương lĩnh gồm mấy

hạng mục là Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức. Trung Quốc ngàn vạn năm truyền thừa những thứ ấy. *Tứ Thư, Ngũ Kinh*, 13 kinh của Nho gia, thậm chí mở rộng đến *Tứ Khố Toàn Thư*, trong ấy nói những gì? Há chẳng phải là những điều ấy? Tuyệt đối chẳng rời khỏi 4 khoa mục ấy. 4 khoa mục là Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức.

Chúng ta quy nạp chúng lại, nói thật sự là 12 từ: “hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ, nhân, ái, hòa, bình”. 12 từ khoa mục, khi quý vị đọc kỹ, 4 khoa mục ấy sẽ quy nạp thành 12 từ. Mấy ngàn năm giáo học của Trung Quốc, hiền nhân các đời truyền thừa đều là những thứ ấy, chưa hề biến đổi. Chỉ sau khi nhà Mãn Thanh vong quốc, Dân Quốc thành lập, những điều ấy mới bị coi nhẹ, bỏ sót. Thời Dân Quốc vẫn chẳng thay đổi những điều ấy, nhưng không coi trọng và nghiêm túc như trong thời đại đế vương xưa kia. Vua chúa xưa kia nghiêm túc coi trọng điều này, khiến cho xã hội an tường, hòa hợp, hóa giải khá nhiều tai nạn.

Hiện thời, chúng ta đã hiểu rõ những nguyên lý ấy; đúng là kinh Phật đã dạy chẳng sai chút nào: “*Tướng do tâm sinh, cảnh chuyển theo tâm*”. Tâm thái của chúng ta tốt đẹp, niệm niệm chẳng rời khỏi 12 từ này. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác đều chẳng vi phạm “hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ, nhân, ái, hòa, bình”, quý vị chẳng vi phạm chúng. 12 từ này được nói trong kinh điển nhà Phật, so với các điển

tịch của nhiều nhà tôn giáo trên thế giới, quý vị thấy hoàn toàn giống nhau.

Cốt lõi của 12 từ là “ái”, tức là ái trong “nhân ái, hòa bình”. Nhà Phật chẳng nói Ái, mà nói từ bi. Từ bi chính là ái. Vì sao đức Phật không nói ái, mà phải nói từ bi? Vì người thế gian thấy chữ ái này, trong ái có tình, nên gọi là ái tình. Ái rất tốt, nhưng tình là không tốt! Do vậy, đức Phật không nói ái, mà nói từ bi. Từ bi là ái, trong đó có lý trí, điều này tốt lắm! Trong ái phải có lý tánh, phải có trí tuệ, chớ nên dùng cảm tình. Ái bằng cảm tình chẳng phải là thật, mà là giả ái, là hư tình giả ý, nhất định phải biết điều này. Vì sao? Nó bị biến đổi. Từ bi là chân ái, vĩnh hằng chẳng thay đổi, chân thật! Vì lẽ đó, Phật giáo dùng từ bi, không dùng ái. Trong các sách vở của nhiều tôn giáo trên thế giới, chúng ta thấy nói “Thần yêu thương con người”, hoặc “Thượng Đế yêu thương con người”.

Chúng ta biết lòng yêu thương ấy chính là từ bi như trong nhà Phật đã nói, chẳng phải là xử sự bằng cảm tình. Chúng ta nhất định phải hiểu điều này. Chúng ta thấy trong kinh *Cổ Lan* (Koran), mấy câu trọng yếu trong phần trước đều được nhắc đến: “*Chân Chúa quả thật nhân từ*”. Nhân từ tốt lắm. Nhân từ và từ bi như trong nhà Phật đã nói hoàn toàn giống nhau. Phía sau nhân từ là trí tuệ, là lý tánh, chẳng phải là cảm tình. Đây là cốt lõi của Tính đức, là trung tâm điểm của Tính đức. Tất cả hết thảy hiền đức đều phát xuất và được

phát huy rạng rỡ từ nơi đây. Người có thể hộ trì hiền đức của chính mình sẽ gọi là “biết yêu thương chính mình”.

Vì vậy, người nào thật sự yêu thương chính mình? Nói theo Phật pháp, nói nghiêm ngặt thì là Pháp thân Bồ tát thực hiện 100% sự “yêu thương chính mình”. Ở đây, nhóm Hiền Hộ gồm 16 vị tôn giả thật sự là Pháp thân Bồ tát. Không chỉ là Pháp thân Bồ tát, mà còn là Đẳng Giác Bồ tát trong các vị Pháp thân Bồ tát, địa vị cao cả. Trong 51 địa vị Bồ tát của Phật giáo, các Ngài đã đạt tới địa vị cao nhất. Lên cao hơn nữa sẽ là Phật quả viên mãn rất ráo, được gọi là địa vị Diệu Giác. Đẳng Giác đạt đến tối cao, Pháp thân Bồ tát có 41 địa vị, địa vị Đẳng Giác này cao nhất.

Chúng ta có thể nói theo kinh *Hoa Nghiêm*, Sơ Trụ Bồ tát, thực hiện được sự “yêu thương chính mình”, thật sự yêu thương chính mình. Biết thân là giả, chẳng thật, chẳng còn vì thân thể này tạo nghiệp; ý niệm tự tư; tự lợi chẳng còn; ý niệm tiếng tăm, lợi dưỡng chẳng có; chẳng còn đuổi theo tiếng tăm, lợi dưỡng, bởi chúng là giả, chẳng còn tham cầu hưởng thụ ngũ dục, lục trần trong thế gian; tham, sân, si, mạn sẽ giảm bớt trên một mức độ lớn. Muốn đoạn chúng rất khó, nhưng thật sự đoạn được sẽ thành A La Hán; vì thế, đoạn những phiền não ấy rất khó khăn! Trong giai đoạn tu học của chúng ta, chúng đã được giảm nhẹ, chẳng nghiêm trọng như trong quá khứ, đó gọi là Hiền Hộ. Đây là điều chúng ta hãy nên làm, có thể hộ trì Tánh đức của chính mình;

ở đây sách *Danh Nghĩa Tập* nói là “tự hộ hiền đức”. Người ấy đúng như tiên sinh Phương Đông Mỹ đã nói: Đã đạt được sự hưởng thụ cao nhất trong đời người.

Quý vị phải biết sự hưởng thụ cao nhất trong đời người chẳng liên quan gì đến của cải và địa vị. Điển hình và khuôn phép tốt nhất là Phật Thích Ca Mâu Ni. Chẳng phải là Ngài không có của cải, địa vị. Ngài sinh ra trong gia đình phú quý, phú quý từ lúc mới lọt lòng. Nếu Ngài chẳng xuất gia, sẽ nối ngôi vua. Người xưa nói: “*Quý vi thiên tử, phú hữu tứ hải*” (Thiên tử sang quý, giàu có khắp bốn biển). Ngài có thân phận như thế. Đức Phật thông minh, giác ngộ từ nhỏ, hiểu rõ, 19 tuổi bèn lìa bỏ cuộc sống trong cung vua, rời khỏi gia đình đi học đạo; nay chúng ta gọi là “du học”, thuở ấy gọi là “tham học”, tức là đi học hỏi những bậc cao nhân trong giới tôn giáo và giới học thuật.

Cổ nhân thường nói: “*Nhân đồng thử tâm, tâm đồng thử lý*” (Người có cùng cái tâm này, tâm có cùng lý này). Chúng ta có thể hiểu, Ngài có thân phận là vương tử, lại vừa thông minh, hiểu học, tuổi trẻ như thế, mười mấy hai mươi tuổi. Ai không ưa thích hạng học trò như thế? Trong thời đại ấy, Ấn Độ đích xác là nước tôn giáo phát triển nhất trên toàn cầu, bất luận tôn giáo hay học thuật đều đạt tới cảnh giới rất cao. Họ sử dụng phương pháp, tuy chẳng giống như khoa học kỹ thuật hiện đại, họ sử dụng thiền định. Thiền định có thể đột phá các chiều không gian. Người bình phàm chúng

ta gọi điều đó là “thần thông”. Những thứ chúng ta không thể thấy bằng mắt thịt, khi nhập định, trong định họ có thể trông thấy. Trong định có thể thấy quá khứ, tương lai. Do vậy, từ xưa đến nay đều có những dự ngôn (lời tiên đoán). Thuở chúng tôi còn trẻ, đối với những thứ ấy cũng hiếu kỳ.

Tôi thân cận lão cư sĩ Lý Bình Nam, thỉnh giáo lão nhân gia: Có thể tin tưởng những dự ngôn hay không? Có nên dựa theo đó hay không? Lão nhân gia bảo tôi: Dự ngôn chẳng rời khỏi Lý số, đó là cơ sở của chúng. Tại Trung Quốc, dự ngôn chẳng rời khỏi kinh *Dịch*. Nếu tính toán rất chuẩn xác, quả thật có thể tin tưởng, nhưng loại tính toán này đúng là “sai chỉ hào ly, lầm lạc ngàn dặm”. Vì sao có dự ngôn rất chuẩn xác, có dự ngôn không chuẩn xác, những điều đã nói chẳng hề xảy ra? Đó là vì trong ấy có đôi chút sai lầm sẽ chẳng chuẩn xác. Vì thế, nhà Phật nói họ dùng tỷ lượng, suy lường, nhưng thầy Lý nói: Nếu là những điều thấy trong định sẽ hết sức chuẩn xác. Vì thế, thầy bảo tôi: Thiền sư Hoàng Bá có mấy bài thơ dự ngôn chuẩn xác, nhưng những bài thơ ấy rất khó hiểu, giống như câu đố, rất khó suy luận thấu triệt. Đó là cảnh giới trong định, là cảnh giới hiện lượng. Phàm là những loại dự ngôn giống như vậy đều rất đáng tin.

Trong xã hội hiện thời, sợ chẳng thể thấy người nào có thể nhập định, chẳng còn có người như vậy nữa. Trong thế kỷ trước, còn có người tu hành đặc định như Lão Hòa thượng Hư Vân. Trong thế kỷ này tìm không ra! Phiền não tập khí

trong tâm rất nặng, quý vị chẳng có cách nào nhập định. Ngoài xã hội, thì như người ngoại quốc nói “tù trường hết sức bất hảo”. Chẳng nói chi khác, sóng vô tuyến điện quấy nhiễu quý vị đặc định.

Quý vị thấy hiện thời sóng vô tuyến điện là bao nhiêu? Đừng nói chi khác, điện thoại di động của mỗi cá nhân phát ra sóng điện đã ghê gớm lắm rồi. Chúng ta mắt thịt nhìn không thấy. Nếu chúng ta thấy, thì cả địa cầu bị những sóng điện từ bao phủ kín mít. Trong hoàn cảnh ấy, người ta chẳng có cách nào khiến tâm chẳng dao động, bộp chộp được? Tâm dao động, tính tình bộp chộp là gì? Do sóng điện từ quấy nhiễu, rất phức tạp. Trong quá khứ, khi chưa có những kỹ thuật ấy phát minh, không có hiện tượng này, hiện thời phiền phức ngày càng nghiêm trọng.

Khoa học đổi mới khác lạ mỗi tháng, mỗi ngày, tạo ra những ảnh hưởng tiêu cực quá lớn. Đúng là “được không bù nổi mất”. Nhiễu loạn tâm tình, chướng ngại cuộc sống bình thường, tâm thái bình thường, tư duy bình thường của chúng ta. Ngày nay, chúng ta tự bảo vệ chính mình ra sao? Tận hết sức giảm bớt những thứ này. Trước kia không có điện thoại, chẳng phải là cũng sống được hay sao? Hiện thời, chẳng lẽ không có thứ ấy liền chẳng thể sống hay sao? Đâu có đạo lý ấy! Họ cứ phát minh, ta có quyền cự tuyệt, chẳng dùng đến nó. Trong cuộc sống hằng ngày, chỉ có người khác gọi điện thoại cho tôi. Trước nay, tôi chẳng gọi điện thoại

cho ai. Vì sao? Tôi chẳng muốn tạo tội nghiệp ấy: Dùng loại sóng điện này nhiều loạn người khác, phải hiểu điều này. Người khác gọi tôi, tôi không có cách nào, chẳng thể không tiếp nhận. Nay thì khá hơn, có người khác nhận giùm tôi, tôi chẳng cần phải nghe nữa. Vì thế, nói chung phải nghĩ tới phương pháp bảo vệ chính mình.

Do vậy, phải luôn nghĩ “bản tánh bản thiện” (bản tánh vốn lành). Bản thiện là hiếu, đễ, trung, tín, chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, trước hết có nghĩ sẽ xứng với tiền nhân hay không? Có xứng với cha mẹ hay không? Tâm hạnh ta chẳng lành, cha mẹ chẳng hoan hỷ, tổ tông chẳng thể tiếp nhận, vậy thì không thể làm như thế được! Chúng ta hành hiếu, hành đễ. “Đễ” là tôn kính bề trên, tôn kính những người cùng hàng. Phải tôn kính những người cùng vai vế hoặc bậc trưởng bối, đó là đễ đạo. Thực hiện từ “anh em yêu thương, hòa thuận”, cho đến yêu thương, nhường nhịn hết thấy những người có cùng độ tuổi, vai vế với ta.

Trung với nước nhà, trung với dân tộc, trung với xã hội, trung với lãnh đạo. Trung là gì? Chịu trách nhiệm. Con người nói năng phải giữ chữ tín. Làm người nhất định phải giữ sự tín nhiệm. Không nói dối, không nói đôi chiều, chẳng nói thêu dệt, chẳng ác khẩu, đều thuộc về chữ tín này. Lễ, nghĩa, liêm, sỉ, xử sự, đãi người, tiếp vật, chớ nên coi thường. Coi thường là thiếu sót lễ. Nghĩa là hợp tình, hợp lý, hợp pháp. Liêm là liêm khiết, biết tiết kiệm là mỹ đức, nhất định chẳng

lãng phí. Phải thường nghĩ thế gian này còn có rất nhiều kẻ khổ nạn, kẻ chẳng có cái ăn, cái mặc, chẳng có nhà cửa để ở rất nhiều. Dầu họ không ở trước mặt, nhưng thường nghĩ tới họ, hễ có duyên phận bèn tận tâm tận lực giúp đỡ họ, thường nghĩ đến người khác, phải mở rộng tâm lượng.

Xưa kia, tôi ở Tân Gia Ba, tôi và 9 tôn giáo tại Tân Gia Ba đối xử với nhau hết sức hòa thuận. Bất luận tôn giáo nào cần giúp đỡ, chúng tôi cũng tự động ra tay giúp đỡ. Có một lần, có một nữ tu cho tôi biết: Người bên Phi Châu rất đáng thương, Thiên Chúa giáo cử sang đó một đoàn chữa bệnh, hình như có 3 bác sĩ, mấy người y tá sang đó giúp đỡ họ, bà ta kể với tôi tin ấy. Khi đó, tôi tặng năm vạn Mỹ Kim để họ thay tôi dùng làm phí tổn y tế, bổ thí thuốc men. Một tuần sau, bà ta lại gọi điện thoại cho tôi, cho biết bên đó giao thông vô cùng lạc hậu, rất khó khăn, có thể tặng một cái xe cứu thương hay không? Tôi nói được, tôi sẽ tặng cho bà một xe cứu thương. Các tín đồ Phật môn biết chuyện ấy đến chất vấn tôi, họ nói: “Thưa pháp sư! Tiền của tín đồ chúng tôi kiếm chẳng dễ, có sao thầy lại lấy đem cho ngoại đạo?”. Tôi hỏi: “Cái gì mà ngoại đạo?”. Họ đáp: “Thầy cho tiền Thiên Chúa giáo, chẳng phải là ngoại đạo ư?”. Tôi hỏi ngược lại họ: “Chúng ta có muốn lập viện dưỡng lão hay không?”. Muốn! “Có muốn lập cô nhi viện hay không?”. Muốn! “Chúng ta có nên mở bệnh viện hay không?”. Muốn! “Người ta có bệnh khổ có cần phải cứu kẻ ấy hay không?”. Phải! “Người ta đã phái một đội y tế

đi cứu giúp, chúng ta đầu tư một chút, tặng một ít tiền cho họ, chúng ta đã có quyền cổ đông (shareholder) trong ấy, có sai lầm gì chẳng?”. Họ mới thôi bắt bẻ, bỏ đi.

Do vậy, bất luận kẻ nào làm một chuyện tốt, lợi ích xã hội, chính là chúng ta làm. Bản thân chúng ta không có sức, bèn sinh tâm hoan hỷ, khen ngợi kẻ ấy. Hễ có sức, thì tận tâm tận sức giúp đỡ họ. Đó là chuyện tốt mà! Cần gì cứ nhất định phải chính mình làm mới là chuyện tốt, người khác làm thì không phải. Có cách nghĩ như vậy tức là tâm lượng quá nhỏ, đã trái phạm Tính đức. Bất luận kẻ nào làm chuyện tốt, đúng là chuyện tốt, ích lợi xã hội, có lợi cho chúng sinh khổ nạn, chúng ta phải nên giúp đỡ, chẳng bàn ra tán vào. Không có sức bèn hoan hỷ, tán thán, tuyên dương người ta. “Tự hộ hiền đức” là như vậy đó.

4 từ cuối trong 12 từ ấy là “nhân, ái, hòa, bình”, đó là đạt tới chỗ cùng cực. 12 từ ấy giống như một tòa cao ốc có 12 tầng, quý vị phải biết cội rễ ở chỗ nào? Cội rễ là hiếu. Hiếu là tầng thứ nhất; đễ là tầng thứ hai; hòa, bình là cao nhất. Nó có cội rễ, có cơ sở. Quý vị đọc kinh *Vô Lượng Thọ* và kinh *Quán Vô Lượng Thọ Phật* của Tịnh tông, câu đầu tiên trong *Tịnh Nghiệp Tam Phức* là “Hiếu dưỡng phụ mẫu”, câu thứ hai là “Phụng sự sư trưởng”. Hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy là căn cơ học Phật. Không có 2 câu này, dẫu học Phật tốt đẹp cách mấy, vẫn là thiếu cội rễ, làm sao có thành tựu cho được? Thí nghiệm của chúng tôi tại Thang Trì đã chứng thực.

Chúng tôi vốn cho rằng phải mất từ 3 đến 5 năm thí nghiệm mới có thể thấy hiệu quả; không ngờ từ 3 đến 4 tháng đã có hiệu quả rõ rệt, cho thấy căn bản vẫn còn. Đúng là thâm căn cố đế, con người hết sức dễ dạy. Đề ra 12 hạng mục đức hạnh ấy, tôi tin mọi người hoan nghênh, vì đây là Tánh đức.

Do vậy, Hiền Hộ phải hộ trì đức của chính mình là điều trọng yếu, những điều khác chẳng trọng yếu. Có thể hộ trì chính mình, sẽ có thể hộ trì người khác, đó là “*phục hộ chúng sinh*” (lại hộ trì chúng sinh). Thế nào là “hộ chúng sinh”? Giáo hóa chúng sinh. Giáo hóa nhất định phải bằng thân hành, ngôn giáo. Chính mình không làm được, mà bảo người khác làm, người ta sẽ không tin. Ất phải chính mình làm được, quý vị mới có thể cảm hóa người khác. Đó là “tự hành, hóa tha”, là ý nghĩa của Hiền Hộ. Danh hiệu này bao quát hết thấy những đồng tu tại gia học Phật. Đây là tên của một người, đại diện cho hết thấy các vị tại gia học Phật, có ý nghĩa rất sâu. Ngài là đại diện chung, 15 vị kia đại diện cho những đức riêng biệt, còn vị này là tổng đại biểu. Tại gia còn phải khéo hộ trì Tánh đức của chính mình, huống hồ xuất gia thì càng chẳng cần phải nói nữa. Chúng ta thấy chư Phật Như Lai, chư đại Bồ tát, Thanh Văn, Duyên Giác, có ai chẳng học tập như vậy? Ai nấy đều có thể thành tựu chính mình, lợi ích chúng sinh.

Tiếp đó, sách viết: “*Hoặc vân Hiền Thủ*” (Hoặc còn gọi là Hiền Thủ). Ý nghĩa này xuất phát từ tiếng Phạn, Bạt Đà Bà

La còn có nghĩa là Hiền Thủ. Hiền Thủ là *“chúng hiền chi thủ”* (đứng đầu trong các bậc hiền nhân), là gương mẫu, khuôn phép trong các vị Bồ tát, có địa vị cao nhất trong đại chúng, nên gọi là Hiền Thủ. *“Dĩ vị cư Đẳng Giác”* (Do Ngài thuộc địa vị Đẳng Giác). Ở đây nói rõ ràng, minh bạch, thân phận gì vậy? Đẳng Giác Bồ tát. Có cùng địa vị với Bồ tát Quán Thế Âm, Bồ tát Đại Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, Bồ tát Di Lặc? Các Ngài đều là Đẳng Giác Bồ tát. Trong 41 đẳng cấp, Ngài thuộc đẳng cấp thứ 41 cao nhất. Vì thế, so với 40 địa vị Pháp thân Bồ tát trước đó, địa vị của các Ngài cao nhất, Đẳng Giác cao nhất, nên là thủ tọa của họ, mang ý nghĩa này.

“Khả kiến Hiền Hộ chánh sĩ, nữ thị sinh ư Vương Xá thành, vị đẳng Đẳng Giác chi tại gia Bồ tát” (Có thể thấy Hiền Hộ chánh sĩ thị hiện sinh trong thành Vương Xá, là vị tại gia Bồ tát thuộc địa vị Đẳng Giác). Thật sự có vị này, thuở Phật Thích Ca Mâu Ni tại thế, hàng tại gia học Phật cũng chứng đắc địa vị Đẳng Giác. Đầu thời Dân Quốc, người sáng lập Chi Na Nội Học Viện là Âu Dương Cán Vô Đại sư, người đời sau tôn xưng ông ta là “đại sư”, chứ ông ta là tại gia cư sĩ. Tuy thời gian hoạt động của Chi Na Nội Học Viện không dài, chỉ có 2 năm, nhưng 2 năm ấy thật sự có công đức, kéo dài tuệ mạng của Phật pháp. Đầu thời Dân Quốc, những đại cư sĩ tại gia, như cư sĩ Giang Vị Nông và hàng xuất gia, ngay cả pháp sư Thái Hư. Pháp sư Thái Hư là học sinh dự thính

trong Nội Học Viện, cư sĩ Vương Ân Tường^[24], những vị đại đức trứ danh ấy đều xuất thân từ Phật Học Viện.

Ông ta (Âu Dương Cánh Vô) nói rất rõ ràng, Phật pháp là sư đạo. Sư đạo là giáo dục. Ông ta có lần giảng diễn, phát biểu vào năm Dân Quốc thứ mười hai (1923) tại Đệ Tứ Trung Sơn Đại Học, lần giảng diễn ấy đã chấn động toàn quốc vào thời đó. Đề tài giảng diễn là *“Phật pháp không phải là tôn giáo hay triết học, mà là nhu cầu tất yếu cho hiện thời”*. Đề tài giảng diễn như vậy.

Đệ Tứ Trung Sơn Đại Học nay là Đại học Sư phạm Nam Kinh, ở ngay thành phố Nam Kinh. Đã là sư đạo thì trong giáo học, thầy lớn nhất. Tôn sư, trọng đạo, hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng. Học trò chẳng có tâm tôn kính thầy, sẽ chẳng học được gì. Đúng như Ấn Quang Đại sư đã nói: “Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích”. Thầy dạy quý vị, quý vị có thể đạt được bao nhiêu chẳng do thầy, mà do tâm cung kính của chính mình. Quý vị có thể đạt được bao nhiêu sẽ tỷ lệ thuận với tâm cung kính của chính mình. Đạo lý như thế đó!

Đặc biệt nói rõ, quý vị học Phật, thầy là lớn nhất. Tôi là người xuất gia, thầy tôi là tại gia, hãy nhớ, thầy là người lớn

[24] Cư sĩ Vương Ân Tường (1897-1964) là người huyện Nam Sung, Tứ Xuyên, có tên tự là Hóa Trung. Ông học Duy thức với Âu Dương Cánh Vô và được coi là đệ tử nhập thất. Năm 1925, đảm nhiệm dạy Duy thức tại Chi Na Nội Học Viện. Năm 1942, sáng lập Đông Phương Văn Giáo Nghiên Cứu Viện, kể từ năm 1957 ông dạy học tại Phật Học Viện Trung Quốc. Ông sở trường về Duy thức, các tác phẩm *Nhiếp Đại Thừa Luận Sở, Duy Thức Thông Luận, Tâm Kinh Thông Giải, Phật Học Thông Luận, Nhân Sinh Học, Khởi Tín Luận Liệt Giản* của ông được đánh giá rất cao.

nhất, nên thấy thầy phải đánh lễ 3 lạy giống như thấy Phật. Thầy là cư sĩ, xác thực như thế. Trong thời đại này, chừng hơn 80 năm trước, ông ta đã nói ra câu ấy. Thuở Phật Thích Ca Mâu Ni tại thế đã biểu diễn cho chúng ta thấy. Chúng ta chỉ biết Phật Thích Ca Mâu Ni, còn có một vị Phật tại gia, nhưng mọi người quên khuấy. Thân phận của vị thầy tại gia ấy và địa vị của Phật Thích Ca Mâu Ni giống nhau, tại gia Phật là cư sĩ Duy Ma Cật, cùng thời đại với Phật Thích Ca Mâu Ni. 2 vị Phật đồng thời, một tại gia, một xuất gia. Quý vị thấy học trò của Phật Thích Ca Mâu Ni, chúng ta xem kinh thấy gần như mỗi bộ kinh đều có 2 vị là Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên. Xá Lợi Phất tượng trưng trí tuệ đệ nhất, Mục Kiền Liên tượng trưng thần thông đệ nhất.

Cư sĩ Duy Ma giảng kinh, Phật Thích Ca Mâu Ni sai 2 người học trò ấy đi nghe kinh. Họ trông thấy cư sĩ Duy Ma, vừa đánh lễ 3 lạy, vừa đi nhiễu 3 vòng theo chiều phải, lễ tiết hoàn toàn giống như gặp Phật A Di Đà. Đức Phật từ bi, vào lúc ấy diễn xuất cho chúng ta thấy, dạy người đời sau chúng ta biết tôn sư trọng đạo, đặc biệt dạy người xuất gia: Tại gia có người tu hành khai ngộ, minh tâm kiến tính, đắc đạo, chứng quả! Họ đạt tới địa vị ấy, chính là Phật, chính là thầy. Chúng ta đối với người ấy cung kính giống như đối với Phật, chớ nên hạ thấp, khinh dễ người ấy; nếu làm như vậy thì đã hoàn toàn sai mất rồi!

Trong lần diễn giảng ấy, Âu Dương Đại sư đã nói rất rõ ràng, minh bạch. Tuy vậy, chúng tôi là hàng hậu sinh, lần diễn giảng phát biểu ấy, tôi còn chưa ra đời. Tôi sinh năm Dân Quốc 16 (1927), ông ta giảng diễn vào năm Dân Quốc 12 (1923). Chúng tôi đọc bài diễn thuyết, hiểu dụng ý của ông ta: Người xuất gia phải học khiêm hư. Tại gia cư sĩ có đức năng, tu hành tốt đẹp hơn ta, thì ta phải nên trống lòng học tập người ấy, coi người ấy là thầy thì mới có thể thành tựu chính mình. Do vậy, trong bộ kinh này, càng hiển thị thâm ý ấy.

Quý vị thấy đối với hàng xuất gia Bồ tát chỉ nêu ra 3 vị, tại gia Bồ tát nêu lên 16 vị. 16 vị này hoàn toàn bình đẳng với 3 vị trước, đều là Đẳng Giác Bồ tát. Bởi lẽ, thuở Phật tại thế, quả thật có Hiền Hộ chánh sĩ sinh tại thành Vương Xá, là tại gia Bồ tát đã chứng địa vị Đẳng Giác, trên thực tế đều là tại gia Phật. Ngài Duy Ma đại diện cho tại gia Phật, thuộc địa vị Diệu Giác. Vì thế, tại gia có thể tu hành thành Bồ tát, thành Phật. Đó chính là như *Quán Thế Âm Phổ Môn Phẩm* đã nói: “*Nên dùng thân gì để độ được bèn hiện thân ấy*”. Đặc biệt là trong thời đại hiện tại, hiện thân làm người tại gia giáo hóa chúng sinh dễ dàng, so với người xuất gia dễ dàng hơn nhiều. Tại gia có thể kinh doanh các thứ sự nghiệp khác nhau, có thể khởi tác dụng xưởng xuất trong các nghề nghiệp khác nhau, đó chính là ý nghĩa của Hiền Thủ.

Chúng ta lại xem lời khai thị của cụ Hoàng Niệm Tổ kể đó: “*Nhược án kim kinh biệt ý*” (Nếu xét theo ý riêng trong kinh này). Kinh này là kinh *Vô Lượng Thọ*, chuyên giảng pháp môn Tịnh tông, dạy chúng ta niệm Phật đời nghiệp vãng sinh. Dựa theo bộ kinh này để thấy ý nghĩa của giảng tòa lần này.

“*Cứ Ban Châu Tam Muội Kinh*” (Theo kinh *Ban Châu Tam Muội*). Trong kinh *Ban Châu Tam Muội* có một đoạn như thế này: “*Thử Bạt Đà Hòa*” (Ông Bạt Đà Hòa này), có cùng ý nghĩa với âm tiếng Phạn Bạt Đà Bà La trong phần trước, chỉ là phiên dịch khác nhau, âm đọc cũng không sai biệt cho lắm. Bạt Đà Bà La và Bạt Đà Hòa chẳng khác nhau lắm, đều có nghĩa là Hiền Hộ. Bạt Đà Hòa Bồ tát, “*thị Niệm Phật Tam-Muội phát khởi nhân*” (là người phát khởi Niệm Phật Tam-Muội), quý vị thấy Ngài tu gì? Ngài chuyên tu Tịnh Độ, là người khởi đầu Niệm Phật Tam-Muội, thưở đức Phật tại thế, “*thân kiến Di Đà*” (đích thân thấy Phật Di Đà). Ngài đã thấy Phật A Di Đà. Kinh chẳng nói rõ sự đích thân trông thấy ấy là thấy trong định, hay thấy trong mộng, có lúc quả thật đang trong lúc hoàn toàn tỉnh táo mà thấy, đích thân thấy Phật Di Đà.

“*Kim cố lai thử thắng hội, trợ hiển Niệm Phật Tam-Muội vô thượng pháp môn*” (Nay đến hội thù thắng này để giúp hiển thị pháp môn Niệm Phật Tam-Muội vô thượng). Ngài hiện diện trong hội này, lại còn được kể tên đầu tiên.

Chúng ta biết hội này giảng điều gì? Giảng niệm Phật bậc nhất. Ngài là người phát khởi Niệm Phật Tam-Muội, biểu thị niệm Phật bậc nhất. Ngài được kể tên đầu tiên trong đại hội, pháp hội lần này nhằm giảng niệm Phật là bậc nhất, biểu thị ý nghĩa này.

Vị Bồ tát thứ hai, tức vị tại gia Bồ tát thứ hai, “*Thiện Tư Duy Bồ tát, Đường dịch vi Thiện Tư Duy Nghĩa Bồ tát*” (Thiện Tư Duy Bồ tát, bản dịch đời Đường ghi là Thiện Tư Duy Nghĩa Bồ tát). Bản dịch đời Đường nằm trong kinh *Đại Bảo Tích*. Trong *Vô Lượng Thọ Như Lai Hội* của kinh *Đại Bảo Tích*, danh xưng của Ngài được phiên dịch là Thiện Tư Duy Nghĩa Bồ tát. “Ngụy dịch”, bản dịch đời Ngụy là bản được lưu hành phổ biến nhất tại Nhật Bản. Các đại đức Nhật Bản vào thời cổ đọc kinh *Vô Lượng Thọ* quá nửa dùng bản này, tức bản dịch của Ngài Khang Tăng Khải. “Ngụy” ở đây là nhà Tào Ngụy trong thời đại Tam Quốc. “*Án Tứ Đồng Tử Kinh Hiện Sinh Phẩm*” (Xét theo phẩm *Hiện Sinh* trong *Tứ Đồng Tử Kinh*^[25]). Trong kinh ấy có giới thiệu, “*Thiện Tư Duy đẳng chánh sĩ, thị tha phương thế giới lai thử thị hiện chi tại gia Bồ tát*” (Các vị chánh sĩ như Thiện Tư Duy v.v... từ thế giới phương khác đến cõi này thị hiện làm hàng tại gia Bồ tát). Vị Bồ tát này không thuộc thế giới Sa Bà, mà là khách, từ thế

[25] Bản kinh này có tên gọi đầy đủ là *Tứ Đồng Tử Tam Muội Kinh* do Ngài Xà Na Quật Đa dịch vào đời Tùy, 3 quyển, chính là 1 bản dịch khác của 6 phẩm đầu kinh *Phương Đẳng Bát Nê Hoàn Kinh*. Trong kinh này, đức Phật sắp nhập diệt tại thành Câu Thi Na, đã giảng đạo Niết Bàn cho A Nan, A Nậu Lâu Đà và 4 vị đại Bồ tát tại gia.

giới phương khác đến, cũng đến tham gia pháp hội lần này, hiển thị sự thù thắng của pháp hội lần này, cảm động các Bồ tát ở những thế giới phương khác đến tham dự.

“Kinh vân: Đông phương khứ thử Phật sát thập thiên câu-chi, hữu nhất thế giới danh Bảo Minh” (Kinh dạy: “Từ phương Đông của cõi Phật này đi qua mười ngàn câu chi cõi Phật, có một thế giới tên là Bảo Minh”). Thế giới này của chúng ta gọi là Sa Bà. Mỗi thế giới có một vị Phật giáo hóa trong ấy. Mỗi thế giới là khu vực giáo hóa của một vị Phật. *“Phật danh Sư Tử Minh Thanh Như Lai. Hữu nhất Bồ tát danh Thiện Tư Nghị”* (Phật hiệu là Sư Tử Minh Thanh Như Lai, có một Bồ tát tên là Thiện Tư Nghị). Đấy chính là Ngài Thiện Tư Duy đang được nói đến ở đây. *“Ứng thác lai đáo thử độ, hóa sinh A Xà Thế vương cung nội”* (Thác sinh đến cõi này, hóa sinh trong cung vua A Xà Thế). Ngài đến thế giới này để đầu thai, sinh trong cung vua A Xà Thế.

Đây gọi là ứng thân, chẳng phải là hóa thân. Ứng hóa trong thế gian này là Bồ tát từ phương khác đến. Danh hiệu Thiện Tư Nghị và Thiện Tư Duy có ý nghĩa giống nhau, nói rõ ý niệm và tâm thái của Bồ tát thuần tịnh, thuần thiện. Thiện ở đây chẳng phải là thiện trong “thiện - ác”, mà có ý nghĩa giống như câu *“Nhân tánh bản thiện”* trong *Tam Tự Kinh*. Thiện là như vậy đó. Thiện trong “thiện - ác” có trình độ rất thấp, trong lục đạo có thiện - ác; ra khỏi lục đạo, thiện - ác chẳng còn. Thiện - ác không có, thì mới gọi là Tịnh Độ.

Vì vậy, họ (những người đã thoát khỏi lục đạo) có nhiễm và tịnh, chẳng có thiện và ác. So với lục đạo để nói, cảnh giới họ an trụ là Tịnh Độ, lục đạo là nhiễm ô. Thiện ở đây còn cao hơn so với thiện trong Tịnh Độ. Trong Phật pháp, gọi cảnh giới ấy là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Đấy mới là chân thiện. Do các Ngài (các vị Bồ tát thuộc nhóm Hiền Hộ Bồ tát) là Đẳng Giác Bồ tát, nhất định thuộc vào tầng bậc cao nhất, nên chúng ta không thể dùng định nghĩa về thiện trong lục đạo phàm phu để giải thích. Nếu hiểu theo ý nghĩa so sánh với lục đạo phàm phu sẽ là sai lầm!

Tiếp đó nói: *“Nam phương khứ thử ngũ bách ức thế giới, hữu nhất thế giới, Phật danh Bảo Tích Thiện Hiện Như Lai, hữu nhất Bồ tát danh Tịch Tĩnh Chuyển”* (Nơi phương Nam cách đây năm trăm ức thế giới có một thế giới, Phật hiệu Bảo Tích Thiện Hiện Như Lai, có một vị Bồ tát tên là Tịch Tĩnh Chuyển). Đây chính là Ngài Tuệ Biện Tài được nhắc đến trong kinh này. Huệ Biện Tài được gọi là Tịch Tĩnh Chuyển trong kinh *Tứ Đồng Tử*.

“Ư thử Xá Vệ thành nội, sinh đại cư sĩ Tỳ Sưu Tử gia. Tây Phương khứ quá bát ức bách thiên Phật sát, Lạc Âm Như Lai sở, hữu nhất Bồ tát danh Vô Phan Duyên” (Trong thành Xá Vệ này, sinh trong nhà cư sĩ Tỳ Sưu Tử. Ở phương Tây, cách khỏi đây tám ức trăm ngàn cõi Phật, ở chỗ đức Lạc Âm Như Lai có một vị Bồ tát tên Vô Phan Duyên). Vô Phan Duyên chính là Ngài Quán Vô Trụ đang được nói đến ở đây.

“Ư thử Ba La Nại quốc, hóa sinh đại cư sĩ Thiện Quỷ gia. Bắc phương khứ thử lục vạn tứ bách thiên ức Phật độ, trụ Bồ Đề Phần Chuyển Như Lai sở, hữu nhất Bồ tát danh Khai Phu Thần Đức” (Hóa sinh vào nhà đại cư sĩ Thiện Quỷ trong nước Ba La Nại này. Về phương Bắc, cách đây sáu vạn bốn trăm ngàn ức cõi Phật, ở chỗ đức Trụ Bồ Đề Phần Chuyển Như Lai có một vị Bồ tát tên là Khai Phu Thần Đức). Khai Phu Thần Đức chính là Ngài Thần Thông Hoa đang được nói đến ở đây.

“Sinh thử Tỳ Da Ly thành đại tướng Sư Tử gia. Thử tứ đồng tử dữ vô lượng đại chúng, cộng lai Sa La Song Thọ sở, cung kính cúng dường” (Sinh trong nhà đại tướng Sư Tử của thành Tỳ Gia Ly này. 4 đồng tử này cùng với vô lượng đại chúng đến rừng Sa La Song Thọ cung kính cúng dường). Đây là ghi chép về các vị Bồ tát ở phương khác. Các Ngài là Đẳng Giác Bồ tát nơi phương khác, có duyên rất sâu với Phật Thích Ca Mâu Ni, hiển thị điều thường được nói trong kinh: *“Một vị Phật xuất thế, ngàn vị Phật ủng hộ”*.

Mọi người thấy Phật Thích Ca Mâu Ni đến quả địa cầu này thị hiện thành Phật độ chúng sinh, chư Phật Như Lai, Đẳng Giác Bồ tát có duyên phận sâu đậm với Phật Thích Ca Mâu Ni thấy đều theo đến. Phật Thích Ca Mâu Ni giáng sinh tại nước Ca Tỳ La Vệ, trong vương cung của Đại vương Tịnh Phạn. Những vị ấy mỗi vị tìm một chỗ, đều cùng giáng sinh, dùng đủ thứ thân phận bất đồng, có vị là thân phận Bồ tát,

có vị là thân phận Thanh Văn, có vị là thân phận Duyên Giác, có vị mang thân phận xuất gia, có vị mang thân phận tại gia, cũng có vị mang thân phận quốc vương, đại thần, đủ mọi thân phận khác biệt đến hộ trì Phật Thích Ca Mâu Ni.

Mọi người đến diễn một vở tuồng, Phật Thích Ca Mâu Ni đóng vai chánh, các vị kia đều đóng vai phụ, khiến cho vở tuồng được diễn viên mãn, biểu diễn sống động, hoạt bát. Vì sao? Để giáo hóa chúng sinh. Ở đây, chúng ta thấy điều gì? Hòa hòa, chẳng ghen ghét, chẳng tranh danh đoạt lợi. Ai làm người cầm đầu, lãnh đạo cũng được, cũng hoan hỷ. Chúng ta phải học điều này. Mục tiêu và phương hướng chung chỉ có một, mong mỗi giúp cho những chúng sinh mê hoặc, còn chưa giác ngộ thì phá mê khai ngộ, là khổ được vui, nhắm tới mục tiêu này. Mục tiêu và phương hướng giống nhau, nên mọi người đều cùng đến. Những vị này thường được đức Phật nhắc tới trong kinh điển, lại còn là những vị cư sĩ tu hành chứng quả, cũng rất nổi tiếng tại Ấn Độ thuở ấy, hẳn nhắc tới mọi người đều biết.

Lại xem tiếp: *“Hựu thử hạ Quang Anh Bồ tát đẳng tứ Chánh Sĩ, như Phật Danh Kinh đệ thất thuyết, Quang Anh, Tuệ Thượng”* (Thêm nữa, 4 vị chánh sĩ như Quang Anh Bồ tát v.v... tiếp theo đó như quyển 7 kinh *Phật Danh*^[26] có nói:

[26] Kinh *Phật Danh* có tên đầy đủ là *Phật Thuyết Phật Danh Kinh*, gồm 12 quyển, do Ngài Bồ Đề Lưu Chi dịch vào thời Nguyên Ngụy. Do trong kinh liệt kê hơn một vạn vị Phật (khoảng chừng 11.093 vị Phật), đồng thời liệt kê thêm danh hiệu của vài trăm vị Bích Chi Phật và Bồ tát, nên bản dịch tiếng Việt ghi là kinh *Vạn Phật*.

Quang Anh, Tuệ Thượng). Tuệ Thượng ở đây là Trí Thượng. *“Tịch Căn, Nguyên Tuệ tứ Bồ tát, từng tứ phương Phật độ lai tập thử giới chi tướng”* (Tịch Căn, Nguyên Tuệ, 4 vị Bồ tát, từ cõi Phật ở 4 phương nhóm đến cõi này). Các Ngài hóa thân đến! Trong phần trước, ta thấy ứng thân đến thế gian này đầu thai, gọi là ứng thân, hoặc là hóa thân. *“Hựu Văn Thù Sư Lợi Nghiêm Tịnh Kinh diệt thuyết, thử tứ chánh sĩ từng tứ phương lai, đồng thượng sở thuyết”* (Hơn nữa, kinh Văn Thù Sư Lợi Nghiêm Tịnh cũng nói 4 vị chánh sĩ này từ 4 phương đến, giống như trong kinh Tứ Đồng Tử đã nói). Cũng có thể nói là trong kinh, đức Phật cũng đã nhiều lần giới thiệu các vị này.

“Hựu Nguyệt Đẳng Tam Muội Kinh đệ tam thuyết: - Hương Tượng Bồ tát từng Đông phương A Súc Phật, dĩ Na-do-đa Bồ tát, cộng lai vấn tấn Phật Thích Ca Mâu Ni” (Kinh Nguyệt Đẳng Tam Muội, quyển thứ 3 lại nói: “Hương Tượng Bồ tát từ cõi của A Súc Phật ở phương Đông cùng với Na-do-đa (Na-do-tha) Bồ tát cùng đến chào hỏi Phật Thích Ca Mâu Ni”). Trong 16 vị trên đây, Ngài Hương Tượng xếp thứ 12. Ngài từ cõi của Đông phương A Súc Phật, là đệ tử của A Súc Phật, dẫn theo rất nhiều người. Chúng ta thường dịch Na-do-đa (Nayuta) là vô số, số lượng nhiều lắm. Ngài dẫn theo Bồ tát nhiều dượng ấy, cùng nhau thưa hỏi Phật Thích Ca Mâu Ni. Sau khi chào Phật Thích Ca Mâu Ni, bèn thỉnh an Phật Thích Ca Mâu Ni.

“Dĩ thượng Hiền Hộ đẳng nhất trực đáo Hương Tượng” (Trên đây, từ Hiền Hộ cho đến Hương Tượng Bồ tát), tổng cộng là 10 vị. *“Kỳ dư lục nhân như Chân Giải vân”* (còn 6 vị kia thì như sách *Chân Giải* nói). *Chân Giải* là chú giải kinh *Vô Lượng Thọ* của pháp sư Đạo Ấn, người Nhật. Bản chú giải ấy có tên là *Chân Giải*. Trong Tịnh tông Nhật Bản, sư hết sức nổi tiếng. Bản chú giải của sư cũng được truyền đến Trung Quốc. Do vậy, tổ sư đại đức của Tịnh tông Trung Quốc cũng tham khảo bản chú giải của sư. Đây là bản chú giải kinh *Vô Lượng Thọ* hay khéo, rất nổi tiếng. *“Kỳ dư Trí Tràng”* (Ngoài ra, Trí Tràng), tức là *Bảo Tràng*. *“Bảo Anh, Trung Trụ, Chế Hạnh, Giải Thoát đẳng”* (Bảo Anh, Trung Trụ, Chế Hạnh, Giải Thoát v.v...), mấy vị này, *“tuy vị kiến kinh chứng”* (tuy chưa thấy kinh văn khác để làm chứng), khi đức Phật nói kinh, chẳng nhắc đến tên các Ngài, nhưng trong kinh *Vô Lượng Thọ* này, đức Phật đã nói đến. *“Chuẩn tiền tư chi”* (Chuẩn theo những điều trên đây để suy luận). Chúng ta dùng tiêu chuẩn phía trước cũng có thể biết, *“tất ưng thị tha phương lai đại sĩ dã”* (nhất định là các đại sĩ từ phương khác đến), nhất định phải là từ thế giới phương khác đến đây, tham gia một lần hoạt động của Thích Ca Mâu Ni, tức đại hội kinh *Vô Lượng Thọ*.

“Ấn Chân Giải sở chú thị Ngụy dịch” (Xét ra, sách *Chân Giải* dùng bản dịch đời Ngụy để chú giải), tức bản của Ngài Khang Tăng Khải. Bản dịch của Ngài Khang Tăng Khải rất nổi tiếng tại Nhật Bản.

“*Ngụy dịch cần liệt thập ngũ chánh sĩ chi danh*” (Bản Ngụy dịch chỉ kể tên 15 vị chánh sĩ). Ở đây là 16 vị, nhưng bản Ngụy dịch chỉ có 15, kể tên 15 vị.

“*Kỳ trung khuyết Tuệ Biện Tài Bồ tát, thử Bồ tát kiến ư Đường dịch. Chân Giải dĩ vi Tín Tuệ tức Tuệ Biện Tài*” (Trong ấy, thiếu Tuệ Biện Tài Bồ tát, vị Bồ tát này thấy ghi trong bản dịch đời Đường. Sách *Chân Giải* cho rằng Tín Tuệ chính là Tuệ Biện Tài). Hiện thời, Tín Tuệ và Tuệ Biện Tài tách thành 2 người, chia ra làm 2 người, nên mới “*hợp thập lục chi số*” (gộp thành con số 16). Vì 16 nhằm biểu thị pháp trong Mật tông. 16 tượng trưng cho sự viên mãn, chẳng phải là con số thật sự, mà nhằm biểu thị pháp.

“*Cố tri Tín Tuệ Bồ tát diệt ư như Bảo Tràng đẳng chánh sĩ, diệt thị tha phương lai giả*” (Nên biết Tín Huệ Bồ tát cũng giống các vị chánh sĩ như Bảo Tràng v.v... cũng từ phương khác đến). Ngài chẳng phải là Bồ tát trong thế giới Sa Bà, mà thuộc vào số những vị Bồ tát ở phương khác đến tham dự pháp hội lần này.

“*Chân Giải ư thử, cánh hữu xiển minh*” (Đối với điều này, sách *Chân Giải* càng giảng rõ). Ở đây, có trích lục đoạn văn trong sách *Chân Giải*: “*Văn viết: Sơ liệt Hiền Hộ đẳng thập lục chánh sĩ giả, chương thử pháp bất dĩ xuất gia phát tâm vi bốn*” (Nguyên văn: “Đầu tiên nêu lên nhóm Hiền Hộ 16 vị chánh sĩ để chỉ rõ pháp này chẳng lấy phát tâm xuất gia làm

gốc”). Chương (彰) là hiển thị (nêu rõ, chỉ rõ). Chương minh (tỏ bày rõ ràng), pháp môn này chẳng lấy phát tâm xuất gia làm căn bản, mà cũng chẳng phải chủ yếu vì họ (người xuất gia) mà nói.

“Thứ liệt tha phương lai giả, chương thập phương Phật độ trung, tất dĩ thử pháp vi xuất thế đại sự cố, cộng lai tinh tấn cầu thử pháp. Thử nghị thậm đặc kinh chỉ” (Kể đến, nêu ra các vị đến từ phương khác, ngụ ý: Trong các cõi Phật khắp mười phương đều dùng pháp này làm đại sự xuất thế, cùng tinh tấn đến cầu pháp này. Lời bàn định ấy rất phù hợp với tông chỉ của kinh).

Không lấy xuất gia thì lấy gì làm gốc? Lấy tại gia làm gốc. Đặc biệt, trong 9.000 năm về sau trong thời Mạt Pháp của Phật Thích Ca Mâu Ni, có thể là người xuất gia càng ngày càng ít, kẻ tại gia tu hành ngày càng đông. Người tại gia tu hành tu pháp môn nào đạt thành tựu? Pháp môn này! Chắc chắn thành tựu. Những vị tại gia Bồ tát này thị hiện, chứng minh tại gia có thể thành Phật, có thể thành Đẳng Giác, các Ngài đến làm mẫu, khiến cho quý vị sinh khởi tín tâm. Sách *Chân Giải* nói kiểu này rất tương ứng với tông chỉ của kinh.

Tiếp theo là *“Cái tại gia tu hành, tối nghi Trì danh Niệm Phật dã”* (Vì tu hành tại gia, thì Trì danh Niệm Phật là thích hợp nhất). Đầu tiên là Ngài Hiền Hộ nêu gương cho chúng

ta. “*Thập phương đại sĩ tất lai thính pháp, biểu thử pháp thù thắng, thật vi đại sự nhân duyên cố*” (Mười phương đại sĩ ắt đều đến nghe pháp, biểu thị pháp này thù thắng, thật sự là đại sự nhân duyên). Đại sự là liễu sinh tử, thoát tam giới, chứng Bồ đề, đắc đại quả; đấy là đại sự nhân duyên.

Kế đó, Hoàng lão cư sĩ nghị luận: “*Hựu Hiền Hộ biểu Như Lai thiện hộ niệm chư Bồ tát*” (Lại nữa, Hiền Hộ biểu thị Như Lai khéo hộ niệm các Bồ tát). Quả thật danh hiệu có ý nghĩa này. Như Lai có 2 ý nghĩa, nói theo Lý là tự tính. Tư tưởng và ngôn hạnh của con người tương ứng với Tính đức, thì trí tuệ và đức tướng trong tự tính sẽ thường hiện tiền. Vì sao? Tâm tâm tương ấn, hết thấy các pháp sinh từ tâm tướng; kinh *Hoa Nghiêm* nói “tâm hiện, thức biến”.

Tự tính có thể nâng cao năng lượng, nó là căn cứ lý luận để nâng cao cảnh giới của chúng ta. Đấy là ý nghĩa thứ nhất. Thứ hai, Như Lai là Phật Thích Ca Mâu Ni, là Phật A Di Đà, là những vị đã tu hành chứng đắc địa vị Diệu Giác. Ý thức của chúng ta chính là “niệm đầu” (ý niệm). Ý niệm chẳng thể nghĩ bàn. Từ *Hoàn Nguyên Quán*, chúng ta thấy: Bất luận hữu tâm hay vô tâm, ý niệm là dao động.

Dao động hết sức yếu ớt, nhưng tốc độ của nó quá nhanh, chẳng khởi dao động thì thôi, hễ dao động dấy lên, lập tức trọn khắp pháp giới. Chúng ta chẳng có cách nào tưởng tượng chuyện này, không ngờ các nhà khoa học lượng tử

hiện thời đã phát hiện. Họ nói hết sức gần gũi với cách giảng của Phật Thích Ca Mâu Ni. Họ nói sự dao động ấy cũng trọn khắp pháp giới. Đã là trọn khắp pháp giới, chư Phật Như Lai trong mười phương pháp giới đều nhận được tin tức ấy. Đã nhận được, há lẽ nào chẳng gia trì?

Như vậy, thì tin tức phát ra là cảm, chư Phật, Bồ tát hồi đáp là ứng. Cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn. Tôi tin tưởng chắc chắn là trong vòng dăm ba năm, lượng tử học sẽ rất phổ biến. Đây là chuyện tốt, sẽ khiến cho người bình phàm chúng ta sinh khởi tín tâm khôn sánh. Trên địa cầu có lắm tai nạn như vậy, có thể hóa giải những tai nạn ấy hay không? Có thể! Lượng tử học đã trao cho chúng ta lý luận. Lý luận ấy ở ngay trong kinh Đại thừa. Từ 3.000 năm trước, Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói tới rồi. Xưa nay đều nói như vậy, có thể thấy điều ấy là thật, chẳng giả. Vì thế, chỉ cần thay đổi ý niệm, vấn đề bèn được giải quyết.

Bởi lẽ, vào nửa sau năm ngoái, tôi xem đĩa CD của bà Lưu Tố Vân. Đó là một đĩa ghi lại cuộc săn tin của một ký giả báo chí, chẳng nhằm điều tra bà ta. Người ấy đi săn một tin khác ở miền Đông Bắc, nghe có chuyện lạ lùng như thế này: Một người mắc chứng Hồng Ban Lang Sang nghiêm trọng gần ấy, nghiêm nhiên không cần thuốc men, cũng chẳng tiêm thuốc, do niệm Phật mà lành bệnh. Cảm thấy lạ lùng, bèn đến phỏng vấn bà ta.

Tôi xem cuộc phỏng vấn được ghi hình nửa giờ. Đó là gì? Ý niệm! Hoàn toàn tương ứng với cách nói của Phật và của các nhà lượng tử lực học. Bệnh tật nặng nề ngần ấy, bà ta chẳng bận tâm. Chư vị phải biết, nếu nhiễm bệnh, thường bận tâm về căn bệnh, sẽ rất khó lành, cuối cùng là một con đường chết mà thôi! Người chẳng có bệnh tật, cơ thể rất khỏe mạnh, thường nghĩ chỗ này đau, chỗ kia nhức, chắc chắn sẽ sinh bệnh! Hết thấy các pháp sinh từ tâm tưởng. Quý vị nghĩ đến bệnh tật mỗi ngày, làm sao chẳng thể không ngã bệnh?

Trong quá khứ, tôi có một người bạn, là bạn xuất gia. Thầy ấy xuất gia từ nhỏ, bị quân đội bắt làm lính, không có cách nào khác! Do vậy, theo quân đội đến Đài Loan, thầy ấy mong thoát khỏi quân ngũ để tiếp tục cuộc sống xuất gia. Làm cách nào đây? Tuổi quá trẻ, mỗi ngày bèn nghĩ mình bị bệnh tim nặng. Thầy ấy nghĩ như thế chưa đầy một năm, quả thật, khám sức khỏe thấy bị bệnh tim. Do vậy, quân đội cho giải ngũ. Thoát khỏi quân đội, nhưng bệnh tim cả đời chẳng lành, hại thầy ấy suốt đời. Từ tâm tưởng sinh đấy mà! Khi ấy, chúng tôi tuổi trẻ, chẳng biết đạo lý này trong Phật pháp. Nếu biết đạo lý này, khuyên bảo thầy ấy, hãy khôi phục ý niệm bình thường, chẳng còn nghĩ bị bệnh tim nữa, hằng ngày nghĩ đến Phật A Di Đà, bệnh tim sẽ chẳng còn, bệnh sẽ chẳng đeo theo nữa! Tâm tưởng sự thành! Mỗi ngày nghĩ tới

Phật A Di Đà, trong tương lai quý vị sẽ làm Phật! Mỗi ngày nghĩ tới bệnh tật, chắc chắn quý vị sẽ bị bệnh nặng. Phải hiểu đạo lý này!

Thuở trước, tôi ở Mỹ, rất ít bị bệnh, có một lần bị cảm, đi bác sĩ. Bác sĩ là người Hoa, nói chuyện với tôi cũng rất hợp ý. Có một ngày, tôi bảo ông ta: “Bệnh lành không phải do thầy thuốc chữa lành”. Ông ta rất kinh ngạc, hỏi vì sao? Tôi nói: “Niềm tin chiếm tới 70%, bác sĩ chữa trị chiếm 30%. Người bệnh tin tưởng bác sĩ, bác sĩ tin tưởng người bệnh, bệnh ấy rất dễ chữa lành. Tín tâm mà! Nếu bác sĩ hoài nghi người bệnh, người bệnh cũng nghi ngờ bác sĩ, nghi ngờ thuốc thang, bệnh ấy chỉ có nặng thêm, chẳng thể bình phục tốt đẹp được!”.

Ông ta nghe xong, cảm thấy rất có lý. Đúng là như vậy, chẳng sai chút nào! Tín tâm làm chủ thể hết thảy, giống như hiện thời các nhà lượng tử lực học rất khẳng định bảo chúng ta: Ý niệm, năng lượng chẳng thể nghĩ bàn. Ý niệm làm chủ thể hết thảy. Thậm chí, ý niệm có thể thay đổi quỹ đạo của tinh cầu trong vũ trụ, có năng lượng to lớn như thế. Bản thân mỗi cá nhân đều có ý niệm, nhưng vấn đề là phải tập trung, sức mạnh mới lớn. Ý niệm của chúng ta phân tán, suốt ngày suy nghĩ loạn xạ, nên sức mạnh của nó cũng rất yếu ớt. Do vậy, chúng ta cần tu định. Định là gì? Định là tập trung ý niệm.

Quý vị thấy trong kinh *Di Giáo*, đức Phật đã nói: “*Chế tâm nhất xứ, vô sự bất biện*” (Chế tâm một chỗ, không chuyện gì chẳng làm được). Câu này rất quan trọng. Quý vị có thể tập trung ý niệm, tập trung tại một chỗ, không chuyện gì chẳng làm được. Chúng ta muốn hóa giải hết thảy những tai nạn trên địa cầu, tập trung ý niệm sẽ làm được. Vì thế, cầu đảo có hiệu quả, chẳng phải là không có hiệu quả. Lúc cầu đảo, ý niệm phải tập trung, thì mới có thể nảy sinh tác dụng. Nếu ý niệm không tập trung, cầu đảo sẽ chẳng thể sinh ra hiệu quả. Đều có đạo lý, chẳng phải là mê tín. Do vậy, Hiền Hộ biểu thị Như Lai khéo hộ niệm chư Bồ tát. Dùng gì để khéo hộ niệm? Thiện là tốt nhất. Hộ niệm tốt nhất, đối với các vị Bồ tát này, “*Nhất thừa nguyện hải. Lục tự hồng danh. Tam căn phổ bị. Vạn loại tề thâm*” (Biến nguyện Nhất thừa. 6 từ hồng danh. Thích hợp khắp 3 căn. Gồm thâm muôn loài). Dùng 4 câu này để “thiện hộ niệm”.

Thuở tôi còn trẻ, tôi nhớ đã giảng kinh điển Tịnh Độ là bộ *Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh*. Tôi tham khảo bản chú giải của pháp sư Quán Đảnh thuộc thời đại Càn Long nhà Thanh trước kia. Trong chú giải, Ngài có nói một câu: Chúng ta gặp khó khăn, cầu Phật, Bồ tát gia trì, dùng những phương pháp trong Phật giáo để hóa giải tai nạn. Ngài nói: Nghiệp chướng của quý vị rất nặng, hết thảy kinh giáo sám pháp cũng chẳng có cách nào tiêu trừ nghiệp chướng của quý vị được. Phương pháp gì cũng đã dùng hết cả rồi, vẫn chẳng

thể tiêu trừ, cuối cùng còn có một phương pháp, khẳng định có thể tiêu trừ. Phương pháp gì vậy? Một câu A Di Đà Phật, nhất tâm chuyên niệm.

Khi ấy, chúng tôi đọc chú giải, thấy Ngài viết như vậy, không tin. Tuy không phản đối, cũng giới thiệu lời Ngài nói, nhưng chẳng tin tưởng điều ấy, vì không liễu giải đạo lý. Sau này, chúng tôi học kinh *Hoa Nghiêm*, học tập *Hoàn Nguyên Quán* của Hiền Thủ Quốc sư mới hoát nhiên đại ngộ. Lại thấy lượng tử lực học hiện đại cũng nói như vậy, ý niệm tập trung, sức mạnh ấy rất lớn. Tập trung ở chỗ nào? Tập trung trong một câu Phật A Di Đà, 6 từ hồng danh, hoặc 4 từ đều được. Vì sao? Càng đơn giản, hiệu quả càng lớn. Một câu Phật hiệu thật sự hữu dụng. Dùng một câu Phật hiệu để gia trì hết thấy chư Bồ tát, từ sơ phát tâm cho đến Đăng Giác.

Tâm quý vị một niềm thanh tịnh niệm câu Phật hiệu này, sức mạnh chẳng thể nghĩ bàn. Trong câu Phật hiệu ấy, Phật A Di Đà là gì? Là danh xưng của tự tính. Dem dịch ra, đấy là tiếng Ấn Độ, tức tiếng Phạn, dịch là Vô Lượng, Phật là Giác Ngộ, Phật A Di Đà là vô lượng giác ngộ, vô lượng giác, vô lượng trí tuệ. Đó là năng lực có sẵn trong tự tính. Tự tính vốn là vô lượng giác. Dùng câu danh hiệu này để khai phát vô lượng trí tuệ, vô lượng giác ngộ trong tự tính của chính mình, tác dụng ấy quá lớn! Thuở đầu chúng tôi học tập kinh giáo, những danh từ thuật ngữ ấy đều rất quen thuộc, nhưng vì sao không thể sinh khởi tín tâm? Chúng tôi chẳng

tham cứu thấu triệt kinh giáo, mà cũng chẳng có ai giảng rõ ràng, minh bạch cho chúng tôi. Chúng tôi dùi mài kinh giáo chẳng bỏ, tốn ngàn ấy năm công phu, dần dần thông hiểu, từ từ giác ngộ, bèn khẳng định, chẳng còn hoài nghi, phương pháp này khởi tác dụng.

Trong Phật môn, chúng ta niệm Phật A Di Đà. Cơ Đốc giáo niệm Thượng Đế có được hay không? Được! Y Tư Lan giáo (Islam) niệm Chân Chúa, có được hay không? Được! Cùng một đạo lý! Chỉ cần quý vị tập trung ý niệm vào một niệm, sẽ sinh ra năng lượng chẳng thể nghĩ bàn, năng lượng ấy có thể giải quyết hết thảy vấn đề. Do đó, phải hiểu rõ đạo lý, phương pháp chính xác, nhất định chẳng hoài nghi, chẳng mê tín.

Hiện tại, rất nhiều người nói tôn giáo là mê tín, chúng ta nghe xong cảm khái ngàn muôn. Ai mê tín? Kẻ ấy mê tín. Vì sao nói kẻ ấy mê tín? Quý vị nói tôn giáo là mê tín, tôn giáo là gì, quý vị có biết hay không? Kẻ ấy không biết. Không biết thì xét theo thái độ, quý vị không có tư cách để nói chuyện! Quý vị thiếu tư cách để so sánh, thiếu tư cách để phê bình! Quý vị hiểu rõ ràng, nói nó là đúng hoặc chẳng đúng, quý vị có thể nói được. Quý vị chẳng hiểu rõ ràng, sẽ đúng là mê tín. Tự lầm, lầm người, tội lỗi ấy rất ư là nặng. Định luật nhân quả thuộc vào mười pháp giới; chưa vượt khỏi mười pháp giới, quyết định có nhân quả, không có cách nào vi phạm định luật nhân quả.

Sau khi vượt thoát mười pháp giới, quý vị giác ngộ toàn bộ, hiểu rõ hoàn toàn, chính mình mới thật sự làm chủ tể; 4 từ Thường, Lạc, Ngã, Tịnh thật sự làm được, cho nên có chân ngã. Thân thể này là giả ngã, chẳng phải là chân ngã. Sau khi minh tâm kiến tính, đã tìm được chân ngã. Định nghĩa của ngã là tự tại, là chủ tể. Quý vị thật sự có thể làm chủ. Hiện tại, chúng ta chưa thể làm chủ. Nếu có thể làm chủ, mỗi năm ta đều là 18 tuổi, đấy mới thật sự là làm chủ! Mỗi năm một già yếu hơn, tức là chưa làm chủ được. “Tôi mỗi ngày vui sướng lắm”, quý vị chẳng làm được! Ngã có nghĩa là chủ tể. Kiến tính, chủ tể hiện tiền, quý vị thật sự có thể làm chủ. Vì thế, cuối cùng nói: *“Chánh thị Hiền Hộ chi nghĩa”* (Chính là ý nghĩa của Hiền Hộ). Biển nguyện Nhất thừa, 3 từ hồng danh, thích hợp khắp 3 căn, gồm thâm vạn loại, 16 từ ấy đã bao gồm toàn bộ nội dung kinh *Vô Lượng Thọ*. Phật Thích Ca Mâu Ni triệu tập pháp hội này, giảng khóa học này, giảng những điều gì? Chính là giảng 16 từ ấy. Đặc biệt là Nhất thừa rất lỗi lạc. Nhất thừa là thành Phật, đạt đến viên mãn rất ráo.

Chúng ta lại xem tiếp: *“Hựu Thiện Tư Duy, biểu chính trí minh liễu, thâm tín Phật huệ, tịnh biểu Pháp Tạng nhân địa ngũ kiếp tư duy, kết đắc đại nguyện chi thắng nhân”* (Thêm nữa, Thiện Tư Duy biểu thị chánh trí minh liễu (hiểu trọn vẹn rõ ràng), tin sâu Phật huệ, lại còn biểu thị: Ngài Pháp Tạng lúc còn tu nhân, tư duy trong 5 kiếp, kết thành thắng

nhân đại nguyện). Do vậy, danh hiệu đều nhằm biểu thị pháp, tượng trưng cho chính trí sáng tỏ.

Chính trí không do bên ngoài mà có, mà chính mình vốn sẵn có, như đức Phật đã nói: *“Hết thấy chúng sinh đều có trí tuệ của Như Lai”*. Đây là chính trí. Trí tuệ của chúng ta không sáng tỏ, có chướng ngại, thứ gì chướng ngại? Vọng tưởng là tầng chướng ngại thứ nhất; phân biệt là tầng chướng ngại thứ hai; chấp trước là tầng chướng ngại thứ ba. Do 3 tầng chướng ngại, trí tuệ của chúng ta chẳng thể thấu lộ, trí tuệ chẳng có. Thật ra, đó là thật, chẳng giả. Vì sao trí tuệ chẳng thể thấu lộ? Sau khi trí tuệ xuyên qua 3 thứ chướng ngại ấy, nó cũng tỏ lộ, nhưng tỏ lộ thành gì? Đã bị biến chất, biến thành gì? Biến thành phiền não.

Vì thế, trong kinh, đức Phật đã nói rất hay: *“Phiền não tức Bồ đề, sinh tử tức Niết bàn”*. Lời này rất vi diệu. Phiền não và trí tuệ là một chuyện, khi không mê, nó được gọi là trí tuệ; khi đã mê bèn gọi là phiền não. Do vậy, có thể đoạn phiền não hay không? Chẳng thể đoạn. Phiền não đã đoạn, trí tuệ chẳng còn! Chúng là 2 mặt của một Thể.

Do vậy, lời chánh thuyết trong kinh Phật là: *“Chuyển phiền não thành Bồ đề”*, phải chuyển biến nó, chẳng thể đoạn nó. Vì nó là Tính đức trong tự tính, quý vị chẳng thể đoạn được. Nó vĩnh viễn tồn tại, chẳng sinh, chẳng diệt, nhưng nó có mê và ngộ. Mê là phiền não. Ngộ là trí tuệ.

Chỉ có chính trí sáng tỏ, quý vị mới tin sâu Phật huệ. Phật là người chứng đắc minh tâm kiến tính. Vì sao? Ngài chẳng có phiền não, hoàn toàn chuyển biến thành trí tuệ. Quý vị hãy tin tưởng Ngài. Chúng ta chưa chuyển được, vẫn là phiền não, chẳng chuyển thành Bồ đề.

Sau khi chúng ta đã chuyển được, sẽ giống như các Ngài, Phật Phật đạo đồng, không tăng, không giảm. Vì vậy, Phật pháp vĩnh viễn là pháp bình đẳng. Trí tuệ của Phật là trí tuệ của chính chúng ta, đã hiểu rõ, chẳng còn chướng ngại nữa! Nói theo phía Phật, phiền não của chúng ta chính là trí tuệ của Phật, do trong ấy có chướng ngại, nên trí tuệ bị biến chất. Chuyện là như thế đó! Biến chất là nhất thời, là tạm thời, chẳng phải là vĩnh hằng, rất dễ khôi phục bình thường. Khôi phục bình thường sẽ chẳng hai, chẳng khác với Phật; vì thế, Phật tôn trọng phàm phu, chẳng có mấy may tâm lý khinh mạn. Trong mắt Phật, hết thảy chúng sinh đều giống như Ngài, chẳng hai, chẳng khác.

Chỉ cần quý vị giác ngộ, chỉ cần quý vị chịu buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, quý vị sẽ giống như Ngài. Vì thế, tin sâu Phật tuệ rất khó khăn, chúng tôi huân tập kinh giáo một thời gian lâu như thế mới dần dần thông hiểu, chẳng còn có mấy may hoài nghi!

Về phương diện biểu pháp thì sao? Ngài cũng hiển thị “Pháp Tạng nhân địa”. Bồ tát Pháp Tạng là kiếp xưa của Phật

A Di Đà. Trước khi Ngài thành Phật, trong quá trình tu hành, Ngài có pháp hiệu là Pháp Tạng, tức từ-kheo Pháp Tạng, hoặc Bồ tát Pháp Tạng. Trong khi tu nhân, Ngài đã tu bao lâu? 5 kiếp. “*Ngũ kiếp tư duy*”. Tư duy trọng yếu, Ngài nghĩ tới gì? Nghĩ tới thế giới Cực Lạc. Tư duy 5 kiếp, suy nghĩ thành công, thế giới Cực Lạc hiện tiền. Hết thấy các pháp sinh từ tâm tưởng, chẳng phải là đạo lý như vậy ư? Nay chúng ta hiểu rõ, chúng ta có nhiều đồng học ngàn ấy, nếu quý vị hiểu được thâm ý hàm tàng trong câu này, Phật A Di Đà lại còn chứng minh cho quý vị, thế giới Cực Lạc thật sự do Ngài tưởng ra, từ trong Không sinh ra Có.

Nếu chúng ta có thể sử dụng thời gian 50 năm, dùng thời gian 100 năm để suy tưởng, suy tưởng khiến cho địa cầu khôi phục bình thường giống như thế giới Cực Lạc, có thể thành công hay không? Chắc chắn có thể thành công. Chỉ có một niệm, chẳng thể có niệm thứ hai. Niệm thứ hai là xen tạp, phá hoại niệm này. Cùng một đạo lý giống như vậy, chúng ta chỉ có một niệm thanh tịnh, nghĩ thân tâm của chính mình mạnh khỏe, có thể đạt được thân tâm khỏe mạnh hay không? Có thể! Thế gian có pháp hay không? Không có pháp. Pháp gì cũng không có. Hễ có thì là gì? Có thì là tâm thái, là ý niệm.

Vì thế, các nhà khoa học ngày nay bảo: Tất cả các hiện tượng vật chất trong thế gian đều do ý niệm tích lũy liên tục phát sinh huyễn tướng, được gọi là vật chất. Trên thực tế,

không có vật chất. Bất cứ vật chất gì cũng có thể trở về năng lượng. Các khoa học gia đã đưa ra luận điểm này rất sớm. Vật chất và năng lượng có thể chuyển biến thành lẫn nhau, họ đưa ra một học thuyết như vậy. Hiện thời, lượng tử giảng rõ ràng hơn, hết thấy vật chất đều là ý niệm tích lũy. Một ý niệm tốt, một ý niệm thuần tịnh, thuần thiện, khi hiển lộ sẽ là thế giới Cực Lạc.

Hiện thời, xã hội rối ren ngàn ấy, tai nạn trên địa cầu nhiều ngàn ấy là do gì? Do ý niệm bất thiện, tự tư, tự lợi, tham, sân, si, mạn, tổn người, lợi mình, đều do những ý niệm ấy. Người trên cả thế giới đều có những ý niệm như thế, đó là ý thức của tập thể, sức mạnh to lớn, sức mạnh ấy có thể hủy diệt địa cầu.

Chúng ta đã hiểu rõ đạo lý này, muốn cứu vớt địa cầu này thì phải chuyển biến ý niệm. Một số ít người chuyển được, thì cũng có thể sinh ra hiệu quả chẳng nghĩ bàn. Khoa học gia đã cung cấp một vài con số, đối với số lượng con người trên toàn thế giới, lấy căn bậc hai của 1% con số ấy, sẽ chưa tới 8.000 người, không phải là 8.000 vạn, mà là 8.000 người. Cũng có nghĩa là trên thế giới này, nếu có 8.000 người tập trung ý niệm, chuyển biến tâm thái thành tốt đẹp nhất, thiện nhất, sẽ có thể hóa giải tai nạn trên thế giới này.

Chúng ta có thể tin tưởng điều ấy hay không? Hiện thời, cư dân trên địa cầu là sáu mươi ức, thế mà 8.000 người có

thể cứu toàn thể cư dân trên địa cầu, quý vị có tin hay không? Người đông như thế làm chuyện xấu, 8.000 người tốt có thể cứu! Tôi tin tưởng. Dựa vào đâu để tin tưởng?

Cổ nhân có nói: “Tà chẳng thắng chánh”. Con người đa số là tà tri tà kiến, 8.000 người ấy chánh tri chánh kiến, nên tôi tin tưởng câu ấy, tà chẳng thắng chánh. Phải phát chân tâm, chẳng có chính mình, hễ thêm một chút tâm tự lợi mình vào đó là không được, sẽ là vọng tâm. Chúng ta dùng chân tâm, nhưng làm thế nào để biến vọng tâm thành chân tâm? 4 câu ấy hay lắm: *“Nhất thừa nguyện hải. Lục tự hồng danh. Tam căn phổ bị. Vạn loại tề thâm”*. 16 từ ấy quá hay! Trọng yếu nhất là học theo Phật A Di Đà, Nhất thừa nguyện hải trong khi tu nhân. Nhất thừa là thành Phật, đạt đến rốt ráo viên mãn. Thế giới Cực Lạc do 16 từ ấy tu thành. Thiện tư duy đấy! Dùng thời gian 5 kiếp để tư duy, rốt cuộc xuất hiện thế giới Cực Lạc. *“Kết đắc đại nguyện chi thắng nhân”*. Cái nhân thù thắng khôn sánh! Do vậy, thế giới Cực Lạc là quả báo thù thắng khôn sánh!

Tuệ Biện Tài Bồ tát, *“biểu minh tín Phật tuệ, biện tài vô ngại, tức kinh trung”* (Tuệ Biện Tài biểu thị tin hiểu Phật tuệ, biện tài vô ngại như trong kinh) đã nói: *“Diễn từ biện, thọ pháp nhãn, thường dĩ pháp âm giác chư thế gian chi nghĩa”* (Các ý nghĩa “diễn nói từ vô ngại biện tài, trao truyền pháp nhãn, thường dùng pháp âm giác ngộ các thế gian”). Mấy ý nghĩa trong câu kinh văn này, trong phần sau sẽ được nói đến. Sở dĩ, trong xã hội hiện thời, chúng ta trong hết thảy

thời, hết thấy chốn, chẳng bị cảm nhiễm, còn có thể gìn giữ cái tâm thanh tịnh của chính mình, hiểu rõ trí tuệ, là do cậy vào đâu? Cậy vào kinh giáo. Tôi tin tưởng các đồng học có cùng cảm nghĩ với tôi. Sự vui sướng nhất trong một ngày của chúng ta là gì? Khi cùng nhau học tập kinh giáo, vui sướng khôn sánh! Thầy Phương bảo tôi: “Học Phật là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người”, chúng tôi mới hiểu Phật Thích Ca Mâu Ni suốt ngày giáo học, vui sướng khôn sánh. Thật vậy, chẳng giả! Ngài giáo học chưa hề chẳng gián đoạn, một người Ngài cũng dạy, hai người Ngài cũng dạy, không câu nệ số người bao nhiêu, chẳng có thời gian nhất định, chẳng có nơi chốn nhất định. Thấy người tìm đến học, Ngài bèn dạy, chẳng bỏ sót một ai.

Đó là bậc thầy khuôn mẫu, là giáo viên điển hình, một vị thầy tốt đẹp! Toàn tâm toàn ý dạy quý vị, chẳng có mảy may tự tư tự lợi, giúp quý vị khai ngộ, minh tâm kiến tính, trở về Tính đức. Quý vị thấy sung sướng lắm chứ! Trong giáo lý Đại thừa, đức Phật thường nói: *“Bồ tát ở chỗ nào đều khiến cho hết thấy chúng sinh sinh tâm hoan hỷ”*, pháp hỷ sung mãn. Thật đấy, chẳng giả tí nào!

Tiếp đó: *“Quán Vô Trụ, kiến Đường dịch, Ngụy dịch tác Không Vô”* (Danh xưng Quán Vô Trụ thấy ghi trong bản dịch đời Đường; bản dịch đời Ngụy ghi là Không Vô). Bản Khang Tăng Khải và trong kinh *Đại Bảo Tích* đều dịch là Không Vô, có cùng ý nghĩa với Quán Vô Trụ.

“Biểu kinh trung: Thí thiện huyễn sư, hiện chúng dị tướng, ư bỉ tướng trung, thật vô khả đắc” (Biểu thị ý nghĩa sau đây trong kinh: “Ví như người khéo làm huyễn thuật, hiện các tướng lạ, nhưng các tướng ấy thật sự chẳng thể có được”). Đây là kinh văn trong phần sau, chúng tôi cũng dành lại để giảng sau. Đoạn kinh văn ấy ý vị vô cùng.

“Diệc biểu Pháp Tạng vĩnh kiếp nhân hạnh, thuyết Không, Vô Tướng, Vô Nguyên chi pháp” (Cũng biểu thị Ngài Pháp Tạng bao kiếp tu nhân hạnh, nói các pháp Không, Vô Tướng, Vô Nguyên). Trong danh hiệu này, cũng biểu thị Phật A Di Đà trong khi tu nhân, 5 kiếp tu hành, đó là nhân hạnh (hạnh được tu tập trong khi tu nhân); nói Không, Vô Tướng, Vô Nguyên, đây cũng là 3 pháp ấn trong Đại thừa Phật pháp, chúng ta dành lại để học tập trong phần sau.

“Thần Thông Hoa, biểu tòng thần thông lực, tập vạn hạnh chi đức hoa, dĩ tự trang nghiêm, cụ túc phương tiện, thành tựu chúng sinh. Như kinh vân: Du bộ thập phương, hành quyền phương tiện” (Thần Thông Hoa biểu thị sức thần thông, muôn hạnh kết thành đức hoa để tự trang nghiêm, đầy đủ phương tiện thành tựu chúng sinh như kinh chép: “Dạo chơi mười phương, hành phương tiện quyền biến”), Ngài đại biểu ý nghĩa này. Tự mình thành tựu và giúp đỡ chúng sinh, chẳng thể không có sức thần thông. Sức thần thông có phạm vi rộng lớn vô hạn.

Quý vị nhìn chữ thần (神) này. Chúng ta thấy bên trái chữ thần là chữ thị (示). Quý vị xem chữ này viết theo lối chữ triện sẽ thấy rất rõ ràng. Phía trên là một vạch ngắn nằm ngang, phía dưới là một vạch dài nằm ngang, đó là chữ thượng viết theo lối chữ triện thời cổ. Chữ hạ thì phía trên dài, phía dưới ngắn, đó là chữ hạ. Phía dưới chữ thượng có 3 vạch sổ xuống, mang ý nghĩa biểu thị các hình tượng trên bầu trời.

Nói theo cách bây giờ, tức là hiện tượng tự nhiên. Chữ “thị” tượng trưng hiện tượng tự nhiên, quý vị thấy hiện tượng tự nhiên. Bên phải là chữ thân (申). Chữ thân viết theo lối chữ triện sẽ giống như 3 cái ải. 3 cửa ải ấy quý vị đều có thể vượt qua, đấy chính là ý nghĩa của chữ thân. Gộp các ý nghĩa ấy lại, quý vị có thể thông đạt hiện tượng tự nhiên bèn gọi là thần. Do vậy, đối với hiện tượng tự nhiên trong vũ trụ, quý vị đều biết, đều hiểu rõ, bèn gọi là thần, mang ý nghĩa ấy. “Thần” và “thông”, sự thông đạt ấy mang ý nghĩa tương thông, nên thường cùng nhau khởi tác dụng, vì thế gọi là thần thông.

Quý vị có thể thông đạt hết thấy các pháp, quý vị có năng lực ấy. Đấy là gì? Đó là trí tuệ, chỉ có trí tuệ mới có thể thông đạt, còn tri thức không được. Tác dụng của tri thức chẳng lớn, nó có hạn cuộc, mà còn để lại hậu quả; trí tuệ không có những rắc rối ấy. Trí tuệ xử lý vấn đề chẳng hạn cuộc, lại còn chẳng để lại hậu quả. Trong thế giới hiện thời, dùng tri

thức, chẳng dùng trí tuệ. Phàm là người dùng trí tuệ, tâm thanh tịnh, tâm định. Vì thế, trong Phật pháp dùng “long tượng” để biểu tượng điều ấy: “*Na Già* ^[27] *thường tại định, vô hữu bất định thời*” (Đức Phật thường trong định, không lúc nào chẳng định), dùng long tượng để biểu thị. Chúng ta chưa thấy rồng, nhưng đã thấy voi. Chúng ta thấy voi to giống như nhập định. Nó đứng, bốn phương tám hướng bình ổn; bước đi chậm rãi, từng bước một, luôn ở trong định. Đi, đứng, nằm, ngồi, quý vị thấy nó tâm luôn định. Bồ tát phải lấy điều đó làm khuôn mẫu, phải thường học theo. Thời thời khắc khắc tâm thanh tịnh, tâm bèn định. Định sinh tuệ, lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần, phản ứng là trí tuệ, chẳng phải là tri thức.

Vì thế, con người chớ nên tâm tư lao chao, bộp chộp. Kẻ tâm trí lao chao, bộp chộp, thầy chẳng muốn nhận, vị thầy thật sự truyền đạo chẳng muốn nhận quý vị. Vì sao? Quý vị chẳng học được! Thầy thấy quý vị trầm tĩnh, ổn trọng, ổn định, người này là nhân tài, là pháp khí, thầy sẽ thật sự giúp quý vị. Quý vị không muốn học, thầy cũng tìm cách khiến cho quý vị học. Vì sao? Thầy vì truyền đạo, chẳng phải vì một ai! Quan trọng là chính pháp đại đạo phải có người tiếp nhận, truyền thừa, điều này là quan trọng! Gặp

[27] Na Già có nghĩa gốc là rồng (phiên âm của chữ Nāga). Kinh Phật thường gọi Phật hoặc A La Hán là Ma Ha Na Già, nhằm sánh ví bậc đại lực dụng, giống như rồng có thể ẩn hiện khôn lường. *Huyền Ứng Âm Nghĩa* quyển 3 giảng: “Na Già có 3 nghĩa, một là rồng, hai là voi, ba là Bất Lai, *Khổng Tước Kinh* gọi Phật là Na Già, do Phật chẳng còn sinh tử”. *Đại Nhật Kinh Sớ*, quyển 5, giảng: “Ma Ha Na Già là biệt hiệu của Như Lai, do Ngài có đại dụng không ngăn mé, chẳng thể nghĩ bàn”.

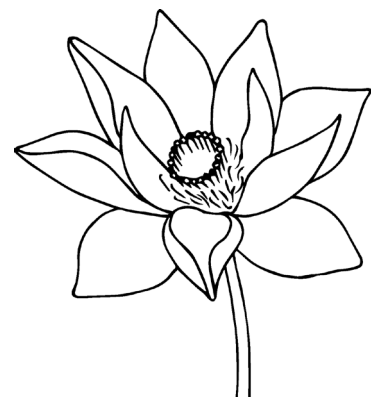
người như thế, thầy chắc chắn chẳng vứt bỏ, phải thành tựu kẻ ấy, tuy kẻ ấy chẳng có liên quan gì đến ta, vẫn phải truyền đạo. Đó là đại từ đại bi, chịu trách nhiệm đối với chính pháp, chịu trách nhiệm đối với hết thảy chúng sinh.



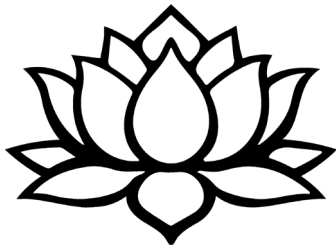
TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH
GIẢI DIỄN NGHĨA



TẬP 97



Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong



Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin xem tiếp *Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải*, trang 112, dòng cuối cùng.

“*Quang Anh, biểu quang minh anh phát. Hựu kinh trung Vô Lượng Quang, Vô Biên Quang, Vô Ngại Quang đẳng, quang trung cực tôn, thị Quang Anh nghĩa*” (Quang Anh biểu thị quang minh chiếu rọi. Lại nữa, các câu “Vô Lượng Quang, Vô Biên Quang, Vô Ngại Quang v.v... tôn quý nhất trong các quang minh”. Trong kinh là ý nghĩa của từ Quang Anh). Trong 16 vị tại gia Bồ tát, Quang Anh là vị thứ 6. Vị Bồ tát thứ 6 là Quang Anh biểu thị quang minh chiếu rọi. Trong kinh này, xưng tán Phật A Di Đà là “Vô Lượng Quang, Vô Biên Quang, Vô Ngại Quang”, cuối cùng nói “*Quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*” (Quang minh tôn quý nhất, là vua trong các vị Phật). Đây là lời chư Phật Như Lai tán thán Phật A Di Đà, tán thán đến tột bậc. Quang cũng tượng trưng cho trí tuệ, biểu thị Tính đức trong tự tính của chúng ta.

Vị kế tiếp là “*Bảo Tràng (kiến Đường dịch, Ngụy dịch tác Trí Tràng), biểu trí tuệ thù thắng do như bảo tràng*” (Bảo Tràng (danh xưng này thấy trong bản Đường dịch, bản Ngụy dịch ghi là Trí Tràng), biểu thị trí tuệ thù thắng giống như tràng báu), quá nửa đều là tán thán trí tuệ Bát nhã vốn có trong tự tính, mà cũng là tán thán đức năng và tướng hảo. Tính đức vô lượng, vô biên. Khi đức Phật giới thiệu các Tính đức bèn quy nạp chúng thành 3 loại lớn. Vô lượng đức năng

nói chung chẳng ngoài trí tuệ và đức tướng (đức năng và tướng hảo).

“Trí Thượng, kiến Đường dịch, Ngụy dịch” (Danh xưng Trí Thượng thấy ghi trong bản Đường dịch, nhưng trong bản Ngụy dịch, danh hiệu Bồ tát được dịch là Tuệ Thượng), biểu thị *“vô đẳng, vô luân, tối thượng thắng trí, oai đức quảng đại bất tư nghị trí”* (Trí không gì sánh bằng, trí thù thắng tối thượng, trí oai đức rộng lớn chẳng thể nghĩ bàn). Đây là lời tán thán 5 thứ trí tuệ của Vô Lượng Thọ Phật trong kinh. Nói tóm lại, *“Như thị vô thượng diệu trí, siêu xuất nhất thiết, cố danh Trí Thượng”* (Diệu trí vô thượng vượt trội hết thảy như thế, nên gọi là Trí Thượng). Trong 5 thứ trí, trí cuối cùng là *“oai đức quảng đại bất tư nghị trí”*, tán thán đến tột bậc.

Qua những lời tán thán Phật A Di Đà trong kinh, chúng ta bèn hiểu những câu tán thán ấy chính là tán thán Tính đức trong tự tính. Mỗi chữ, mỗi câu trong bộ kinh *Vô Lượng Thọ* hoặc *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh* đều nhằm tán thán Tính đức chẳng thể nghĩ bàn. Có thể tán thán trọn hết hay không? Tán thán chẳng cùng tận, đây là lời thật! Dẫu cho mười phương hết thảy chư Phật Như Lai dùng thời gian vô lượng kiếp cùng nhau tán thán vẫn chẳng thể nói trọn hết; bởi lẽ, công đức trong tự tính thật sự chẳng thể nghĩ bàn. Trong kinh, đức Phật thường dạy chúng ta, chuyện này chỉ có chứng mới biết. Chúng ta thật sự chứng đắc sẽ hiểu. Chưa

chứng đắc, không có cách nào tưởng tượng, nghĩ chẳng ra, mà cũng chẳng nói được! Nói thật ra, người chứng đắc cũng chẳng có cách nào nghĩ bàn. Giúp đỡ hết thấy chúng sinh là hoằng pháp lợi sinh, để giúp hết thấy chúng sinh, thì cũng có thể nói chút phần hy vọng là từ chút phần ấy, người đó sẽ tự có thể tu, có thể chứng, khi chứng đắc sẽ hiểu viên mãn.

Vị tiếp theo là “Tịch Căn”, sách *Hội Sớ* giải thích: “*Tịch diệt cảnh trí, chư căn thanh tịnh, cố danh Tịch Căn*” (Cảnh trí tịch diệt, các căn thanh tịnh, nên gọi là Tịch Căn). Tịch là nói tới định, bởi tự tính vốn định. Lục Tổ Huệ Năng Đại sư khi kiến tính đã nói: “*Nào ngờ tự tính, vốn chẳng lay động*”. Câu này là nói tự tính vốn định. Có lay động hay không? Chẳng có! Lay động thì chẳng phải là tự tính. “*Một niệm bất giác bèn có vô minh*”, là đã bị lay động rồi! Vì sao có một niệm bất giác? Một niệm bất giác ấy phát sinh khi nào? Trong giáo pháp Đại thừa, câu hỏi này được gọi là “căn bản đại vấn” (câu hỏi to lớn căn bản).

Đức Phật dạy chúng ta: Chuyện này chẳng có nguyên nhân, mà cũng chẳng có thời gian, và cũng chẳng có không gian. Nếu quý vị hỏi khi nào thì có, đức Phật trả lời bằng cách dùng một danh từ hết sức xảo diệu, “*Hễ hơi động một chút bèn là vô minh*”. Đức Phật gọi hiện tượng ấy là “vô thí vô minh”. 2 từ vô thí hay khéo đến tột bậc! Khi chúng tôi mới học Phật, ngỡ đức Phật nói 2 từ ấy, thì đại khái có nghĩa là thời gian đã quá lâu chẳng thể nói được, dù chúng ta nói

ngàn vạn năm, ức vạn năm, ức triệu vạn năm, nói chung là vẫn chẳng thể diễn tả được, nên mới nói là “vô thí”.

Chúng tôi đã hiểu sai ý nghĩa. “Vô thí” chẳng mang ý nghĩa ấy. Dẫu thời gian dài đến mấy đi nữa, đức Phật vẫn có thể nói được; nếu nói không được, làm sao có thể gọi Phật là Nhất Thiết Trí? Vô thí có ý nghĩa rất đơn giản: Không có khởi đầu nên gọi là vô thí. Khéo quá, tuyệt khéo! Có sao không có khởi đầu? Rõ ràng là có khởi đầu! Y báo và Chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, lục đạo luân hồi do đâu mà có? Chẳng phải là từ vô thí biến hiện ư? Tuy biến hiện, vì nó chẳng phải là thật, nên giống như chúng ta nằm mộng. Mỗi cá nhân chúng ta đều có kinh nghiệm nằm mộng, trong mộng có vô lượng vô biên cảnh giới.

Quý vị thường nằm mộng, có 2 giấc mộng giống hệt nhau hay không? Không có, chưa từng có 2 giấc mộng giống hệt nhau. Cũng có khi có 2 giấc mộng khá giống, đó là giấc mộng thuộc loại cảm ứng. Có thể mộng thấy cùng một chuyện, đó là do cảm ứng. Chứ đối với những giấc mộng thông thường, chẳng thể nào có hiện tượng giống nhau. Vậy thì tôi hỏi quý vị, giấc mộng của quý vị nảy sinh lúc mấy giờ, mấy phút? Quý vị cũng chẳng nói được! Nếu quý vị hỏi Phật, Phật dạy đó là nằm mộng vô thí. Vì sao? Nó là giả, chẳng thật, nên đức Phật gọi nó là vô thí vô minh. Vì sao có hiện tượng này? Đã mê! Hễ giấc sẽ chẳng có hiện tượng này, khi mê bèn có hiện tượng ấy. Giống như một người làm việc đã lâu, rất mệt, khi

rất mệt mỏi, mắt sẽ thấy những thứ chẳng bình thường; đó là “hoa mắt”, chẳng phải là quý vị thật sự thấy. Quý vị ngỡ là thấy, nhưng thật ra là do hoa mắt, mệt mỏi. Bất quá, trong khi có hiện tượng như vậy, phàm nhân rất dễ để cho đồng cốt thỉnh quỷ thần dựa vào thân mình. Người tinh thần sung mãn, chúng sẽ chẳng dám léo hánh. Người đang lúc mệt mỏi tột bậc, chúng rất dễ xâm nhập, mượn thân thể quý vị để dựa xác, sẽ xuất hiện những chuyện đó. Chúng ta hiểu “vô thi” là không thật. Về căn bản, chẳng có chuyện này.

Vì thế, đức Phật thường dùng mộng cảnh để tỷ dụ lục đạo. Kinh *Kim Cương* đã nói “*Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”, hình dung các hiện tượng. “*Như sương, cũng như chớp*”, hình dung thời gian tồn tại của những tướng được hiện ấy hết sức ngắn ngủi, tạm bợ. Ngắn ngủi, tạm bợ đến mức nào? Ngắn ngủi, tạm bợ đến mức sinh diệt đồng thời. Sách *Hoàn Nguyên Quán* đã giảng rõ ràng về sự thật của hiện tượng này.

Chúng ta nói “sinh diệt trong từng sát-na”, nhưng thời gian một sát-na đã là quá dài! Kinh *Nhân Vương* nói một cái khảy ngón tay có 60 sát-na. Đó là đức Phật nói phương tiện, trong một sát-na có 900 lần sinh diệt. Nói sinh diệt trong từng sát-na chẳng phải là quá dài ư? Trong một sát-na có tới 900 lần sinh diệt. Nếu chúng ta nghĩ tới cuộc đối thoại giữa Bồ tát Di Lặc và đức Thế Tôn, Bồ tát Di Lặc nói: “Một cái khảy ngón tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niêm”.

Hiện thời, chúng ta dùng giây làm đơn vị thời gian, nói chung, trong một giây chúng ta có thể khảy từ 4 đến 5 lần. Nếu khảy 5 lần, tính theo tốc độ ấy, trong một giây có bao nhiêu lần sinh diệt? Một ngàn sáu trăm triệu (1,6 tỷ). Trong một giây có một ngàn sáu trăm triệu lần sinh diệt, quý vị lý giải hiện tượng sinh diệt này như thế nào? Quá nhanh! Vì vậy, trong giáo pháp Đại thừa, nói đến rất ráo, bảo là “*Hoạt tại đương hạ*” (Sống ngay trong khi ấy). Câu này là thật, chẳng giả tí nào; nó cho thấy thời gian chẳng thật, không gian cũng chẳng thật. Lúc mê, dường như có hiện tượng thời gian và không gian, khi giác ngộ bèn chẳng có! Không có thời gian, nên chẳng có trước sau, quý vị thấy được toàn bộ quá khứ, hiện tại, vị lai. Chẳng có không gian, nên chẳng có khoảng cách. Thế giới Cực Lạc cách chúng ta mười vạn ức cõi Phật. Ở nơi đâu? Ở ngay nơi đây.

Trong *Tam Thời Hệ Niệm*, Thiền sư Trung Phong đã nói rất ý vị: “*Phương này chính là Tịnh Độ. Tịnh Độ chính là phương này*”. Tịnh Độ là thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc ở nơi đâu? Ở ngay nơi chúng ta đây! Nơi này, chính thế giới Cực Lạc. Câu này có ý nghĩa nhằm nói với quý vị: Không có thời gian và không gian! Trong Nhất chân pháp giới, không có thời gian và không gian. Do vậy, Tịch là tự tính vốn định. Diệt là diệt điều gì? Trong Phật pháp nói tới 3 loại phiền não lớn, tức là Vô Minh phiền não, Trần Sa phiền não, và Kiến Tư phiền não, chúng đều bị tiêu diệt, đều chẳng còn nữa. Đó là cảnh

giới gì? Tối thiểu phải là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Đại chúng trong ấy, ai nấy đều đoạn sạch 3 loại đại phiền não, cũng giống như kinh *Hoa Nghiêm* thường nói “*Chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước*”, đều đạt tới cảnh giới ấy, đó là “*Tịch diệt cảnh trí*”. Tâm thanh tịnh tịch diệt, trí tuệ hiện tiền. Tâm thanh tịnh giống như một tấm gương, có thể chiếu trọn khắp pháp giới hư không giới, dẫu vi tế đến mấy, chẳng hạn như “lượng tử” đang được nói đến trong hiện thời, người ấy đều thấy rõ ràng, rành rẽ. Bản năng và trí tuệ trong tự tính được diễn tả bằng câu “*Pháp nhĩ như thị*” (Pháp vốn là như vậy đó). Các căn thanh tịnh, nên gọi là Tịch Căn, biểu thị ý nghĩa này.

“*Chân Giải vân: Cảnh trí tịch diệt, căn bản nghiêm tịnh, vân Tịch Căn*” (Sách *Chân Giải* giảng: “Cảnh trí tịch diệt, căn bản nghiêm tịnh, gọi là Tịch Căn”), cũng chẳng giải thích khác với ý nghĩa trong phần trước cho mấy. Về căn bản đều là nói tới tự tính. Nghiêm là trang nghiêm. Tịnh là thanh tịnh. Nghiêm tịnh là trang nghiêm thanh tịnh, nên có đức hiệu là Tịch Căn. Nhìn vào đức hiệu này, 16 vị tại gia Bồ tát toàn là Pháp thân Bồ tát, Đẳng Giác Bồ tát.

“*Kim cứ bốn kinh trung Chân Thật Công Đức phẩm vân: Cứu cánh Bồ tát chư Ba La Mật, nhi thường an trụ bất sinh bất diệt chư tam-ma-địa. Chánh biểu Tịch vi căn bản, chiếu dụng vô cùng, Chiếu nhi thường Tịch, cố biểu thọ mạng vô lượng*” (Nay căn cứ theo *Phẩm Chân Thật Công Đức* trong

kinh này có nói: “Rốt ráo các Ba La Mật của Bồ tát, thường an trụ trong các chánh định bất sinh bất diệt”. Điều ấy biểu thị Tịch là căn bản, chiếu có tác dụng vô cùng. Chiếu nhưng thường Tịch, nên thọ mạng vô lượng).

Phần trước, theo cách giải thích của sách *Hội Sớ*, biểu thị trí tuệ vô lượng; phần này theo giải thích của sách *Chân Giải*, biểu thị thọ mạng vô lượng. Đây là nói theo đức, tức là nói theo phương diện Tính đức. Trong vô lượng vô biên đức năng, thọ mạng là đệ nhất. Nếu không có thọ mạng, hết thảy đều như không. Có thọ mạng, quý vị mới có thể hưởng thụ, Tính đức mới có thể khởi tác dụng. Không có thọ mạng, sẽ chẳng khởi tác dụng. Nói đến thọ dụng, thì ai đang thọ dụng? Ngã! Chẳng phải là thân này, mà là chân ngã xuất hiện. Chân ngã là gì? Linh tánh là tự tính. Tự tính mới là chân ngã. Tự tính có thể sinh ra vạn pháp. Tự tính trọn đủ vô lượng trí tuệ và đức năng.

Chúng ta học Phật, thì mục tiêu cuối cùng của học Phật là gì? Là tìm lại ngã, tìm lại chân ngã! Đừng chấp trước giả ngã nữa, chúng ta phải tìm lại chân ngã. Giả ngã ở trong chân ngã, giống như chân ngã là toàn bộ thân thể, còn giả ngã là gì? Giả ngã là một sợi lông trên thân, hoặc một tế bào nơi thân. Nay, chúng ta quên khuấy, quên bẵng chân ngã, coi một sợi lông là ngã, coi một tế bào là ngã. Chuyện là như thế đó! Trong hội Lăng Nghiêm, Phật Thích Ca Mâu Ni đã lấy biển cả làm tỷ dụ, sánh ví biển cả như tự tính. Chúng sinh

đồng đảo chúng là gì? Là trong biển cả nổi lên một bọt nước, sóng vừa cuộn sẽ có rất nhiều bọt.

Chấp trước một bọt nước là ta. Khi nào bọt nước vỡ tan, mới biết biển cả là ngã, bọt nước là giả ngã. Biển cả là chân ngã, mới biết tự tính là chân ngã. Từ tự tính dấy lên hiện tượng, giống như biển cả dấy lên bọt nước. Đã nhận ra biển cả, mới biết vạn sự vạn pháp trong khắp pháp giới hư không giới đều là ta, chẳng còn phân biệt nữa, đó mới là thật sự giác ngộ. Cây cối, hoa, cỏ, núi, sông, đại địa có quan hệ gì với chính mình? Ngã! Chân ngã!

Cũng giống như nằm mộng. Trong giấc mộng, mộng thấy chính mình, cũng mộng thấy rất nhiều người, cũng mộng thấy cây cối, hoa, cỏ, cũng mộng thấy núi, sông, đại địa. Do đâu mà có? Toàn là do ý thức biến hiện. Là khỏi ý thức, quý vị chẳng có mộng, lấy đâu ra mộng? Khi ngủ, ý thức khởi tác dụng. Khi ngủ, thân thể vật chất giống như được nghỉ ngơi, nhưng tinh thần chẳng nghỉ ngơi, nó vẫn khởi tác dụng. Khi nào tinh thần được nghỉ ngơi? Nhập định.

Vì thế, nhập định là tinh thần được nghỉ ngơi. Tinh thần được nghỉ ngơi, thì thân thể cũng nghỉ ngơi trong trạng thái nhập định. Chẳng phải là nhập định, thì không được nghỉ ngơi. Do vậy, nếu chúng ta muốn giữ gìn sức khỏe, muốn thân thể khỏe mạnh, điều quan trọng nhất là tinh thần được nghỉ ngơi.

Từ xưa tới nay, người hiểu đạo dưỡng sinh đã biết tĩnh tọa vào lúc sáng, tối, chẳng cần một thời gian dài, từ 5 phút đến 15 phút là đủ rồi. Thức dậy, bèn ngồi trên giường, điều gì cũng chẳng nghĩ tới, khiến cho thân lẫn tâm đều được nghỉ ngơi. Điều này có ích rất lớn, khiến cho thân thể khỏe mạnh. Ngồi xếp bằng hay không chẳng sao, cứ ngồi theo lối thông thường là được rồi, chỉ cần buông ý niệm xuống, chuyện khẩn yếu nào cũng đều chẳng nghĩ tới. Đây là một phương pháp hết sức tốt theo đạo lý dưỡng sinh, tương thông với ý nghĩa tịch căn trong kinh Phật đã nói. Chớ thấy thời gian rất ngắn mà coi thường, rất hữu dụng, vì từ trước đến nay quý vị chưa hề nghỉ ngơi. Có thể nghỉ ngơi trong mấy phút, sẽ cảm thấy rất thù thắng.

Tiếp theo là *“Tín Tuệ, Hội Sớ vân: Tín tâm trí tuệ. Vĩnh đoạn nghi võng”* (Tín Tuệ, sách *Hội Sớ* viết: “Tín tâm trí tuệ. Vĩnh viễn dứt lưới nghi”). Nói theo thế gian hay xuất thế gian, 2 câu này đều vô cùng trọng yếu. Đạo của thánh hiền thế gian, hay đại đạo xuất thế gian của Phật, Bồ tát, trong kinh luận thường nói: *“Phật pháp đại hải, tín vi năng nhập”* (Biển cả Phật pháp, do lòng tin mà có thể vào). Chúng ta học Phật đã ngàn ấy năm, có nhập hay không? Chẳng nhập! Vì sao chẳng nhập? Chúng ta tự nghĩ chính mình có tín tâm, ta đã tin Phật, ta là đệ tử chánh tín của Phật. Thật ra, chưa hiểu rõ ràng đạo lý chân thật trong Phật pháp! Chẳng thể nói là không tin, nhưng chẳng thể nói là đã hoàn toàn tin! Trong

lòng tin ấy, vẫn còn cả đồng dấu hỏi chưa thể giải quyết, chúng ta thường nói là “bán tín bán nghi”.

Chúng ta ở trong tình trạng như vậy, cho nên học Phật nhiều năm, chẳng thể thọ dụng! Đối với chuyện này, có phương pháp nào để có thể giúp chúng ta hay không? Chẳng thể, chẳng có cách nào! Phật có đến cũng chẳng có cách nào! Trong không có biện pháp, Phật vẫn có biện pháp, Phật có pháp phương tiện. Pháp phương tiện là giảng kinh, quý vị phải nghe nhiều, nghe thường xuyên, nghe chẳng gián đoạn, sẽ có ngày quý vị hoát nhiên đại ngộ, vĩnh viễn cắt đứt lưới nghi, tín tâm xuất hiện. Nếu không trải một thời gian rất dài, tín tâm chẳng dễ gì thành tựu.

Có những người học Phật chưa bao lâu, tín tâm đã thành tựu là do trong đời quá khứ, người ấy có thiện căn sâu dày, chúng ta chẳng sánh bằng, vì họ có thiện căn trong đời quá khứ mà! Học Phật trọn chẳng phải là một đời này, trong quá khứ tín tâm chưa sâu dường ấy, nửa tin, nửa ngờ, đời này gặp gỡ Phật pháp vẫn là bán tín bán nghi. Nhưng nếu có cơ hội như thế, nghe kinh mỗi ngày, học tập mỗi ngày, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài. Khi nào quý vị sẽ vĩnh viễn cắt đứt lưới nghi? Duyên phận mỗi người mỗi khác! Có người thiện căn dày, thì vài ba năm, tín tâm đã thành tựu. Có kẻ 10 năm, 8 năm, 20 năm, 30 năm không chừng! Cũng có người suốt đời vĩnh viễn vẫn thuộc giai đoạn bán tín bán nghi, rất nhiều! Chúng ta tiếp xúc các đồng tu, quý vị hãy lắng lòng quan sát,

sẽ có thể nhìn ra. Chúng ta cũng có thể nói “một phần tín tâm bèn có một phần thành tựu, mười phần tín tâm bèn có mười phần thành tựu”. Do vậy, *“Tín vi đạo nguyên, công đức mẫu, trưởng dưỡng nhất thiết chư thiện căn”* (Tín là nguồn đạo, mẹ công đức, nuôi lớn hết tất cả các thiện căn). Lời ấy có lý lắm! Tín Huệ Bồ tát biểu thị pháp này. Đối với pháp thế gian và xuất thế gian mà có thể thành tựu trong một đời, thì điều thứ nhất là tín tâm!

Tôi học Phật, nói thật ra, chẳng phải là kẻ có tín tâm rất mạnh mẽ. Tôi cũng là kẻ bán tín bán nghi. Tôi tin thầy, thật sự đắc lực là nhờ vào đó. Từ thuở bé, cha mẹ đã dạy tôn sư trọng đạo. Thuở ấy, đâu biết trọng đạo là gì, chỉ là tôn sư, phải tôn trọng thầy, phải nghe lời, thầy dạy làm sao bèn làm như vậy, chẳng dám chống trái. Từ nhỏ, đã học điều này. Sau này học Phật, điều ấy khởi tác dụng rất lớn. Tôi gặp gỡ 3 vị thiện tri thức. Họ đồng ý dạy tôi là nhờ vào đâu? Nhờ tôi có chút lòng cung kính thầy, nên thầy chịu dạy! Hiện thời, nói thật ra, người học Phật rất nhiều, đặc biệt là những kẻ trẻ tuổi chẳng có lòng cung kính thầy! Vì sao? Đối với cha mẹ, họ đều chẳng cung kính, làm sao có thể cung kính thầy? Thành tựu trong học tập đúng là đời sau kém đời trước! Quý vị phải truy cứu vì sao? Nguyên nhân ở chỗ nào? Nguyên nhân là đối với đạo, đối với thầy, đối với nghiệp (tức học nghiệp của quý vị), tâm cung kính chẳng bằng đời trước! Hiện thời, tâm cung kính mỗi đời một kém hơn!

Nói cách khác, chắc chắn là sự thành tựu của mỗi đời một kém hơn; nhưng chúng ta chớ nên nản chí. Nếu nghiệp chướng của chúng sinh tiêu tan kha khá, chư Phật, Bồ tát sẽ đến, sẽ thị hiện, giống như Phật Thích Ca Mâu Ni xuất hiện trên thế gian, chư Phật, Bồ tát nhiều ngàn ấy cũng đều thị hiện. Các Ngài thông hiểu, biết hiểu thuận với cha mẹ, biết tôn sư trọng đạo, sẽ có thể nêu gương cho mọi người thấy. Đó là gì? Nghiệp chướng của chúng sinh đã tiêu tan kha khá, các Ngài sẽ đến. Nghiệp chướng rất nặng, các Ngài chẳng đến. Vì sao? Đến chẳng có ích gì; có đến, những kẻ ấy cũng chẳng tin. Nhà Phật thường gọi điều này là “thời tiết nhân duyên”, nhân duyên đến thời, các Ngài đều thị hiện.

Tiếp theo, *“Chân Giải vân: Minh tín Phật trí, vô thượng trí tuệ. Hựu bốn kinh trung: Dĩ tăng cúng dường chư Như Lai, tắc năng hoan hỷ tín thủ sự; nhân thân nan đắc, Phật nan tri, tín huệ văn pháp nan trung nan”* (Sách *Chân Giải* viết: “Tin rõ Phật trí là vô thượng trí tuệ”. Kinh này lại nói: “Do từng cúng dường các Như Lai nên có thể hoan hỷ tin được sự này” và “thân người khó được, Phật khó gặp, tín tuệ nghe Phật pháp là điều khó nhất trong các điều khó”). Trong kinh, đức Phật nói mấy câu này, nói rõ trong thời kỳ Mạt pháp mà gặp gỡ pháp môn này, có thể tin tưởng, có thể hoan hỷ, sẽ là hạng người nào? Trong đời quá khứ, quý vị đã từng cúng dường Như Lai. “Chư Như Lai” ở đây bao gồm 41 địa vị Pháp thân đại sĩ.

Trong đời quá khứ, quý vị đã từng gặp gỡ, từng tiếp nhận giáo huấn của các vị Phật, Bồ tát ấy, nhưng tu hành chưa thành công, nên vẫn phải luân hồi trong lục đạo. Trong đời này, thiện căn trong đời quá khứ chín muồi, duyên ấy lại tiếp tục, lại tiếp nối duyên ấy. Vì thế, nhà Phật thường nói: *“Phật chẳng độ kẻ vô duyên”*. Hữu duyên là gì? Trong đời quá khứ từng cúng dường chư Như Lai, đấy là kẻ hữu duyên. Quý vị tiếp nhận, hoan hỷ tiếp nhận, ắt có thể hoan hỷ tin tưởng chuyện này. Nếu tiếp xúc nhưng chẳng sinh tâm hoan hỷ, tiếp xúc bèn có lăm nổi hoài nghi, tức là chẳng có duyên với Phật!

Hai câu kệ tiếp đã được lịch đại tổ sư trích dẫn rất nhiều: *“Nhân thân nan đắc. Phật pháp nan tri”*, có nghĩa là khó được làm thân người, khó nghe Phật pháp, mang ý nghĩa này. Được làm thân người, chưa chắc trong đời này quý vị đã có thể nghe Phật pháp. Chỉ cần chúng ta lắng lòng quan sát cận kề, sẽ thấy chuyện này ở ngay trước mắt. Trên thế giới hiện thời, dân cư cả thế giới thường được phỏng đoán là trên dưới sáu mươi lăm ức^[28]. Trong sáu mươi lăm ức người như thế, được mấy phần có dịp nghe Phật pháp? Nói thông thường, trên thế gian hiện thời, trong những người có tín ngưỡng tôn giáo, do Thiên Chúa giáo tuyên truyền rộng rãi nhất, số lượng tín đồ thường được nói đại khái là từ

[28] Hiện thời, Úc là một trăm triệu (khác với cách hiểu thông thường Úc là một trăm ngàn của Việt Nam).

hai mươi ức người trở lên, là tôn giáo lớn nhất trên thế giới này. Kế đó là đạo Y Tư Lan (đạo Hồi), tôi tiếp xúc với họ rất nhiều, có người bảo tôi, đại khái trên cả thế giới tín đồ đạo Hồi có chừng mười lăm ức.

Theo cách nhìn của tôi, dẫu chưa đến mười lăm ức thì chắc chắn cũng không ít hơn mười ba ức, đây là một tôn giáo lớn trên thế giới. Thứ ba phải là Phật giáo, người theo tín ngưỡng Phật giáo chưa được một nửa của họ. Tôi tin người có tín ngưỡng Phật giáo trên cả thế giới chẳng vượt quá sáu ức. Hiện thời, trên toàn cầu, người có tín ngưỡng tôn giáo mỗi năm một ít hơn. Thống kê số lượng tín đồ Phật giáo vô cùng khó khăn, vì mọi người trong Phật giáo không coi trọng chuyện này. Con số thống kê của Thiên Chúa giáo tương đối đáng tin, vì họ có người chuyên môn làm công việc này, thống kê mỗi năm có bao nhiêu người chịu phép rửa tội. Năm nay, chịu rửa tội ít hơn năm ngoái rất nhiều, mỗi năm một ít hơn, họ nói rất chính xác. Do nguyên nhân nào? Khoa học phát triển, tinh thần khoa học chẳng có chi khác, chẳng đưa ra được chứng cứ, người ta sẽ không tin. Họ nói: “Các người lý tưởng, chẳng phải là sự thật”, họ đòi hỏi chứng cứ!

Khéo sao mấy năm nay, khoa học tiên phong, tiên phong tức là chưa chín muồi, vừa mới đề ra khái niệm khoa học mới. Chẳng hạn như đối với nguyên khởi của vũ trụ, đối với nguyên khởi của sinh mạng có cách nhìn mới mẻ, lập luận

khác với những nhà khoa học trước kia. Cách nhìn mới mẻ ấy ngày càng gần với cách nói trong tôn giáo, nhưng vẫn cần phải thông qua thí nghiệm để chứng minh, thì mọi người mới tin tưởng, chẳng còn hoài nghi.

Chúng tôi nghĩ tối thiểu vẫn phải mất dăm bảy năm hay 10 năm nữa. Hiện thời loại khoa học ấy mới manh nha, đến khi ấy sẽ chín muồi! Đây là một chuyện tốt đẹp, những chuyện đã nói trong kinh điển nhà Phật đều được chứng minh, dùng khoa học để chứng minh, khiến cho chúng tôi nghĩ tới người trong thời cổ. Đối với những lời kinh điển dạy, họ vừa nghe liền tin tưởng, chẳng hoài nghi, chúng ta chỉ có thể tán thán họ có thiện căn sâu dày nên có thể tin tưởng.

Chúng ta hoài nghi, phải trải qua vài chục năm học tập mới thật sự tin tưởng, chẳng hoài nghi, còn người ta vừa tiếp xúc bèn tin tưởng, chẳng hoài nghi. So giữa chúng ta và họ, họ đỡ tốn thời gian mười mấy năm hay vài mươi năm. Nếu họ có thể thật sự thâm nhập một môn, huân tu dài lâu, thành tựu của họ nhất định cao hơn chúng ta. Chúng ta chẳng thể đuổi kịp họ.

Tiếp đó, sách *Chú Giải* viết: “*Thử Tịnh Độ tông, thị nan tín pháp. Nhược năng tín nhập, giai nhân túc cụ huệ căn*” (Tịnh Độ tông là pháp khó tin. Nếu có thể tin nhập đều là do đã có huệ căn từ đời trước). Trong đời đời kiếp kiếp quá khứ, người ấy đã trọn đủ huệ căn nên mới có thể tin

tưởng và khế nhập. Những điều này đều nói về tín tâm. Tín tâm rất quan trọng.

Có tín còn phải có nguyện, thì đời này mới có thể thành tựu viên mãn. Vì thế, kế tiếp là Nguyện Tuệ Bồ tát. *“Nguyện Tuệ, biểu A Di Đà Phật đại nguyện chi vương, trí tuệ quảng đại. Hựu khả dĩ Tín Tuệ chánh sĩ hợp tham, chính biểu Tịnh Độ dĩ tín nguyện trì danh vi tông”* (Nguyện Tuệ biểu thị Phật A Di Đà là bậc đại nguyện vương, trí tuệ rộng lớn; lại có thể phối hợp với Tín Tuệ chánh sĩ, biểu thị Tịnh Độ dùng “Tín, Nguyện, Trì danh” làm tông). Thật sự tin tưởng Tịnh tông, thật sự chẳng hoài nghi, nhất định phải phát nguyện, nguyện sinh về Tịnh độ, muốn thân cận Phật A Di Đà, đến thế giới Cực Lạc làm học trò của Phật A Di Đà. Thế giới Cực Lạc tốt đẹp, do Phật Thích Ca Mâu Ni đã giới thiệu cho chúng ta. Ngài giảng kinh, thuyết pháp 49 năm, tuyên giảng kinh *Vô Lượng Thọ* nhiều lượt, cũng có thể nói là đã nhiều lần giới thiệu thế giới Cực Lạc.

Thế giới Cực Lạc tốt đẹp. Tốt đẹp ở chỗ nào? Trong thế giới này, hết thảy chúng sinh tạp cư, các nghề nghiệp, còn thế giới Cực Lạc đơn thuần, chẳng phức tạp tí nào! Trong thế giới này, nam, nữ, già, trẻ, các nghề nghiệp là bao nhiêu? Hiện thời, có mấy trăm loại, còn thế giới Cực Lạc chỉ có 2 loại người, quý vị thấy đơn thuần, đơn giản lắm, 2 loại người là gì? Một là thầy, hai là trò. Chẳng nghe nói thế giới Cực Lạc có chính phủ hay có quốc vương, thiên vương, chưa hề nghe

nói tới, cũng chẳng nghe nói thế giới Cực Lạc có đại thần, quý vị biết thế giới ấy quá đặc thù.

Chúng ta đến thế giới Cực Lạc là học trò, Phật A Di Đà là thầy. Chúng sinh trong mười phương thế giới cầu vãng sinh thế giới Cực Lạc, đều là học trò của Phật A Di Đà. Nói theo cách bây giờ, thế giới Cực Lạc là gì? Là trường học. Ở bên đó, Phật A Di Đà lập ra một trường học. Trường gì vậy? Trường học dạy phàm phu thành Phật. Phàm phu trong mười phương thế giới chỉ cần thật sự tin tưởng, chịu phát tâm đến nơi đó, ai nấy đều thành Phật, tốt nghiệp bèn thành Phật. Nơi đó là trường học để thành Phật viên mãn trong một đời. Vì thế, chúng ta học Phật, mong thành Phật. Đến thế giới Cực Lạc thành Phật nhanh nhất; thời gian ngắn nhất, thành tựu nhanh nhất, lại còn thành tựu địa vị Phật rất ráo viên mãn. Chẳng giống như thế giới này, thành Phật còn phải trải qua Phật pháp giới trong mười pháp giới, ngôi vị Phật ấy vẫn chưa phải là chân Phật.

Quý vị nói xem, nơi cõi Cực Lạc có thù thắng lắm hay không? Gặp cơ hội này chẳng dễ dàng, dầu được làm thân người, nghe Phật pháp, trong những người được nghe Phật pháp, được mấy phần có cơ hội nghe pháp Tịnh Độ này? Quý vị phải xét như vậy, mới nhận thấy đúng là chẳng nhiều nhõm gì! Người thật sự hiểu Tịnh Độ, khẳng khẳng một mực tu học Tịnh Độ chẳng có mấy! Vì thế, 2 vị Bồ tát Tín Tuệ và Nguyện Tuệ này biểu thị “*Tín, Nguyện, Trì danh*”, đó là tôn chỉ tu học của Tịnh tông.

Vị tiếp theo, “*Hương Tượng Bồ tát nãi Đông phương A Súc Phật quốc Bồ tát*” (Hương Tượng Bồ tát là Bồ tát trong nước A Súc Phật ở phương Đông). Đây là Bồ tát từ thế giới phương khác đến tham gia pháp hội của Phật Thích Ca Mâu Ni, đến làm ảnh hưởng chúng.

“*Tăng ư Duy Ma hội thượng, tác đồng văn chúng. Hương Tượng thân xuất hương phong, thử Bồ tát thân hương diệc như chi. Hương Tượng lực đại, biểu Di Đà nguyện lực vô biên*” (Từng ở trong hội Duy Ma làm đại chúng cùng nghe pháp. Thân Hương Tượng toát ra mùi thơm, mùi hương nơi thân của vị Bồ tát này cũng giống như vậy. Hương Tượng^[29] có sức mạnh to lớn, biểu thị Di Đà nguyện lực vô biên). Chư Phật, Bồ tát giảng kinh, giáo học, những người có công phu định lực sẽ trông thấy các vị Bồ tát từ các thế giới phương khác đến tham dự pháp hội ấy, ngồi trên không trung để nghe giảng.

Nhục nhãn của chúng ta không trông thấy, nhưng họ (người có công phu định lực sâu) có thể thấy thiên long bát bộ, chư thiên Sắc giới, chư thiên Dục giới, chư thiên thuộc 18 tầng trời trong Sắc giới và 6 tầng trời trong Dục giới đều đến nghe kinh, thần hộ pháp đến trang nghiêm đạo tràng. Vị Bồ tát này đến từ cõi A Súc Phật ở phương Đông, đức Phật từng giới thiệu Ngài trong hội Duy Ma. Cư sĩ Duy Ma giảng kinh. Duy Ma là tại gia Phật, thuộc địa vị Diệu Giác, Bồ tát

[29] Hương tượng (Gandha-hastin) là một loài voi có thể tiết ra mùi thơm, có sức mạnh rất lớn. Theo *Đại Tỳ Bà Sa Luận*, quyển 30, voi ấy rất mạnh, mạnh bằng 10 con voi thường.

cũng đến làm đồng văn chúng (đại chúng cùng nghe). Đồng văn chúng là ảnh hưởng chúng. Vì sao? Vị Bồ tát này là Đẳng Giác Bồ tát, chẳng phải là Bồ tát thông thường. Ngài đến làm ảnh hưởng chúng, khiến cho mọi người nhìn vào. Quý vị thấy Đẳng Giác Bồ tát từ thế giới phương khác đều đến tham gia pháp hội này, nghe cư sĩ Duy Ma giảng kinh, nhất định là cư sĩ Duy Ma rất lỗi lạc.

Nếu không, lẽ nào Đẳng Giác Bồ tát đến nghe giảng? Điều này, cho tín tâm của thính chúng hiện tiền trong đại hội kiên định; khiến cho đại chúng sinh khởi tâm cung kính đối với vị đại đức giảng kinh; chắc chắn sẽ khiến cho đại chúng đang nghe kinh, sinh tâm tôn trọng pháp bốn, kinh điển, tôn trọng pháp môn đang được giảng, sẽ đạt được lợi ích. Vì thế, gọi là ảnh hưởng chúng. Thân Hương Tượng tỏa ra hơi thơm, thân Bồ tát cũng có mùi thơm, có mùi thơm lạ. Ngài có đại lực, biểu thị Phật A Di Đà nguyện lực to lớn. Phật A Di Đà muốn độ hết thấy chúng sinh trong khắp pháp giới hư không giới thành Phật viên mãn trong một đời. Đại nguyện lực như vậy cảm vờn hết thấy chư Phật Như Lai, Pháp thân đại sĩ trong mười phương 3 đời tán thán.

“Bảo Anh, biểu Di Đà nguyện hải, nãi vô lượng công đức diệu bảo chi sở trang nghiêm, năng linh phạm phu vô công đức giả kính đặng Bất thoái, chứng nhập Niết bàn. Thị nãi bảo trung chi anh, cố viết Bảo Anh” (Bảo Anh biểu thị Di Đà nguyện hải, được trang nghiêm bằng chất báu màu nhiệm

vô lượng công đức, có thể khiến cho phàm phu chẳng có công đức mau chóng đạt lên địa vị Bất thoái, chứng nhập Niết bàn, là thứ quý báu nhất trong các chất báu, nên gọi là Bảo Anh). “Bảo” (寶) là tỷ dụ, nhằm sánh ví Di Đà nguyện hải, tức là 48 nguyện của Phật A Di Đà.

48 nguyện của Phật Di Đà là diệu bảo của hết thảy chúng sinh trong khắp pháp giới hư không giới, không ai gặp gỡ mà chẳng đắc độ. Vì vậy, Tịnh Tông Học Hội thành lập, nguồn gốc của Tịnh Tông Học Hội là do lão cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập kinh *Vô Lượng Thọ*, đã hội tập kinh xong xuôi, lão nhân gia đề xướng hưng khởi Tịnh Tông Học Hội.

Vào thời cổ, gọi là Liên Xã. Đạo tràng, Niệm Phật Đường của Tịnh Độ tông là Liên Xã. Nhằm phù hợp nhu cầu của thời đại và quan niệm con người hiện đại, lão cư sĩ dùng danh xưng Học Hội hoặc Học Viện. Như vậy thì sẽ khiến cho mọi người nhìn vào danh xưng, nghĩ tới ý nghĩa. Trông thấy danh xưng ấy chẳng đến nổi nảy sinh hiểu lầm. Vì trước kia gọi là Liên Xã, khiến người ta nghĩ tới tôn giáo, cho là mê tín, nên cụ sửa lại danh xưng.

Chúng ta tụ hội với nhau để cùng nhau tu tập (cộng tu) nên gọi là Học Hội, cùng nhau tụ tập để học tập kinh giáo nên gọi là Học Viện, cũng là đưa Phật giáo trở lại giáo dục, thực hiện như vậy đó. Khi ấy, cụ đề xướng nhưng hoàn toàn chưa thành lập, chỉ đề ra các danh hiệu ấy, chẳng thành lập.

Tôi diện kiến lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Lão cư sĩ đem chuyện này ủy thác cho tôi, hy vọng tôi giảng kinh, giáo học ở ngoại quốc sẽ cổ vũ, khích lệ mọi người thành lập Tịnh Tông Học Hội. Vì vậy, Tịnh Tông Học Hội đầu tiên được thành lập tại Ôn Ca Hoa (Vancouver), Gia Nã Đại (Canada). Nghe nói hiện thời hội ấy vẫn còn.

Thuở ấy, hội trưởng đầu tiên là cư sĩ Trần Đại Xuyên. Tôi giảng kinh tại Vancouver, thành lập Gia Nã Đại Tịnh Tông Học Hội. Học hội thứ hai tại Thánh Hà Tây (San Jose) nước Mỹ, thuộc vùng phụ cận thành phố Tam Phiên (San Francisco). Thành phố Tam Phiên ở phía Tây San Jose, thành lập Mỹ Quốc Tịnh Tông Học Hội. Hội trưởng của học hội thứ hai là cư sĩ Dương Nhất Hoa. Hiện thời, vẫn là ông ta. Lần ấy, chúng tôi học tập *Lục Hòa Kính* tại HongKong, ông ta đến tham gia, đó là học hội thứ hai. Tôi nhớ, tôi ở Mỹ mười mấy năm. Tại Mỹ và Gia Nã Đại nói chung có tất cả ba mươi mấy học hội, có những hội mấy năm gần đây đã mất liên lạc. Thật sự có liên lạc với chúng tôi dường như chưa đến 10 hội, nhưng Tịnh Tông Học Hội tại Mã Lai nhiều nhất, nghe nói chánh thức thành lập hơn 50 cơ sở. Những cơ sở chưa đăng ký đại khái cũng tới hơn 50 hội, gộp chung, Mã Lai có hơn 100 Tịnh Tông Học Hội, đứng đầu thế giới, pháp duyên ở đó thù thắng khôn sánh!

Lão cư sĩ đặc biệt bảo chúng ta: “*Năng linh phạm phu vô công đức giả kính đảnh Bất thoái, chứng nhập Niết bàn*” (Có

thể làm cho phàm phu không có công đức mau chóng đạt tới địa vị Bất thoái, chứng nhập Niết bàn). Câu này tuyệt diệu! Chúng ta đúng là phàm phu sát đất, lấy đâu ra công đức? Nhưng gặp gỡ kinh *Vô Lượng Thọ*, mỗi ngày có thể niệm kinh *Vô Lượng Thọ* một lần, dùng làm công khóa sáng tối để niệm một lần. Mỗi ngày, quý vị tích lũy, tích lũy chẳng ít công đức, phát nguyện cầu sinh Tịnh độ, chẳng còn luân hồi nữa. Luân hồi rất khổ sở, chớ nên mê hoặc nữa!

Nếu mong tái lai, rất đơn giản, quý vị tới thế giới Cực Lạc, gặp Phật A Di Đà, quý vị nói trên quả địa cầu này, tức địa cầu thuộc thế giới Sa Bà, thân bằng hảo hữu rất nhiều, con muốn giúp họ, tiếp dẫn họ về thế giới Cực Lạc, Phật A Di Đà gặt đầu. Trí tuệ, thần thông, và đạo lực của Ngài sẽ gia trì quý vị. Quý vị là Bồ tát tái lai, trở lại thế giới Sa Bà. Khi trở lại, quý vị chẳng mê hoặc, chẳng đọa lạc, quý vị có thể dẫn một nhóm người sang thế giới Cực Lạc. Đó là một chủ ý hay, là một biện pháp tốt. Đến thế giới Cực Lạc mới thật sự biết chỗ hay đẹp của thế giới Cực Lạc, quay về khuyên dạy đại chúng cùng sinh Cực Lạc quốc. Bảo Anh biểu thị ý nghĩa này.

Trung Trụ Bồ tát, *“Trung Trụ, an trụ trung đạo, bất lạc nhị biên, đương tướng tức đạo, tức Sự nhi Chân, tịnh niệm tương kế, tức niệm ly niệm, thị Trung Trụ nghĩa”* (Trung Trụ: An trụ trong trung đạo, chẳng rơi vào 2 bên (chấp Có, chấp Không). Từ ngay nơi Tướng chính là đạo, ngay nơi Sự tức là chân, tịnh niệm nối tiếp. Từ ngay nơi niệm là được niệm là

ý nghĩa của Trung Trụ). Mấy câu này giải thích hết sức hay, “an trụ” nói về tâm. Tâm trụ nơi đâu? Tâm đã được an trụ, thân sẽ chẳng có vấn đề. Thân như thế nào? Thân là khổ và vui, 2 bên khổ và vui đều là cả rồi. Đây là trung đạo! Tà - chánh là nhị biên (bên), thiện - ác là nhị biên, an - nguy là nhị biên. Nhị biên đều tách rời, đó là trung trụ. Nói rất ráo, Không - Có là nhị biên, chân - vọng là nhị biên. Giáo pháp Đại thừa dạy chúng ta: *“Nhị biên bất trụ, trung đạo bất tồn”* (Chẳng trụ vào nhị biên, thì trung đạo cũng chẳng còn).

Nếu quý vị trụ nơi trung đạo, mà trung đạo đối lập với nhị biên, vẫn là một bên, vẫn là trật. Vì thế, đối với trung trụ, trung đạo cũng chẳng có, chẳng rơi vào nhị biên. Câu này giảng hết sức hay, chẳng rơi vào nhị biên, nhưng ai chẳng rơi vào nhị biên? Pháp thân Bồ tát. Không chỉ người trong lục đạo chẳng làm được, mà Tứ thánh pháp giới cũng chẳng làm được. Vậy ai làm được? Người minh tâm kiến tính làm được. Người đại triệt đại ngộ thật sự, vĩnh viễn an trụ trong trung đạo. An trụ trung đạo, có ý niệm “ta đang an trụ trong trung đạo” hay không? Chẳng có ý niệm ấy. Hễ có ý niệm ấy, tức là lại “có trụ”. Trung đạo là một bên, nhị biên là bên kia, người ấy vẫn chẳng có cách nào trụ trong trung đạo! Không rơi vào nhị biên sẽ là trung đạo thật sự.

4 câu tiếp đó nhằm hiển lộ ý nghĩa của trung đạo: *“Đương Tướng tức đạo”*. Đương (當) là ngay lập tức, Tướng là hiện tượng; nói cách khác, hiện tiền là trung đạo. Cách trụ như

thế nào? Trong hoàn cảnh hiện tiền, chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, đó là trung đạo. Khởi tâm động niệm là lệch lạc; phân biệt, chấp trước là tà, sai mất rồi!

Chư Phật, Bồ tát thị hiện trong thế gian này. Thuở Phật Thích Ca Mâu Ni tại thế, Pháp thân Bồ tát, Đẳng Giác Bồ tát từ cõi này hay phương khác nhiều ngàn ấy đều đến thế gian. Có không ít vị đến nơi đây đầu thai để thị hiện, các Ngài chẳng mê hoặc. Tuy chẳng mê hoặc, giả vờ mê hoặc, lên sân khấu biểu diễn một vai nhằm giúp Phật Thích Ca Mâu Ni giáo hóa chúng sinh.

Trên thực tế, các Ngài quả thật là “*Đương Tướng tức đạo*” (Từ ngay nơi Tướng chính là đạo). Từ ngay nơi Sự, chính là chân. Chỉ những ai có công phu thật sự mới thấy được các Ngài đang biểu diễn, đang diễn tuồng, đang dạy người khác, mới thấy được trí tuệ của Bồ tát và phương tiện thiện xảo của Phật, Bồ tát.

Áp dụng vào Tịnh tông, tịnh niệm nối tiếp, từ ngay nơi niệm mà là niệm, đó là trung đạo. Đấy chính là thật sự hiểu “*đương Tướng tức đạo, tức Sự nhi chân*” như đã nói trong phần trước. Bậc Tông môn đại đức trong Thiền tông khảo nghiệm học trò: “Người hiểu chưa?”. Hiểu thì quý vị là Bồ tát, chẳng phải là phàm phu; không hiểu thì là phàm phu, chẳng phải là Bồ tát. “Hiểu không” là gì vậy? Thật sự hiểu,

buông phân biệt, chấp trước xuống mới là thật sự hiểu. Quý vị còn có phân biệt, chấp trước, tức là chẳng hiểu, quý vị là phàm phu. A La Hán buông chấp trước xuống, Bồ tát buông phân biệt xuống, Pháp thân đại sĩ, Đẳng Giác Bồ tát khởi tâm động niệm cũng không có, chẳng khác chư Phật Như Lai, an trụ trong trung đạo. Tiêu chuẩn an trụ trong trung đạo là Pháp thân Bồ tát. Theo kinh *Hoa Nghiêm*, trong Viên giáo, từ Sơ Trụ trở lên thuộc về cảnh giới này, thật sự an trụ trong trung đạo.

Ngày nay, trên địa cầu tai nạn rất nhiều, các Ngài có bị tai nạn hay không? Các Ngài chẳng bị. Vì sao chẳng bị? Các Ngài chẳng khởi tâm động niệm. Tai biến biến hóa như thế nào, các Ngài hiểu rõ ràng, minh bạch, biết gì là nhân, biết gì là quả. Chẳng có mảy may gì liên quan đến các Ngài, giống như các Ngài đang xem diễn tuồng, hoặc xem biểu diễn ảo thuật vậy. Trụ trong trung đạo mới được, tối thiểu cũng phải trụ trong Tứ thánh pháp giới, đừng trụ trong lục đạo.

Nếu trụ trong Tứ thánh pháp giới, nhất định chẳng chấp trước. Hễ có chấp trước nhất định là lục đạo phàm phu, chắc chắn phải chịu khổ. Muốn hưởng vui, quý vị làm lành sẽ hưởng vui; quý vị tạo ác phải chịu khổ, chẳng có cách nào. Trong lục đạo có nhân quả báo ứng.

“Chế hạnh, biểu nghiêm trì tịnh giới, chế ác hành thiện”
(Chế hạnh biểu thị trì giới thanh tịnh nghiêm ngặt, ngăn ác,

làm lành). Chế (制) là ngăn dút. Chế hạnh là dút ác làm lành, nghiêm trì giới luật. “*Hựu niệm Phật tức thị trì giới*” (Lại nữa, niệm Phật chính là trì giới). Chúng ta có phải học giới luật hay không? Người niệm Phật chẳng cần. Giới luật có 3 loại lớn, thứ nhất là *Luật nghi giới*, nhất định phải tuân thủ từng điều một, đặc biệt là đối với kẻ sơ học, giới luật cũng rất trọng yếu.

Người thật sự niệm Phật, suốt ngày từ sáng đến tối là mười vạn (100.000) câu Phật hiệu. Sự niệm Phật ấy chính là trì giới. Đó là gì? Đạo cộng giới. Niệm Phật là tu đạo. Tu đạo Tây Phương, tu đạo Di Đà, từng bước hướng gần đến thế giới Cực Lạc. Điều này thuộc về đạo cộng giới. Phật hiệu là giới luật. Trong tâm là Phật, nơi miệng là Phật, thân chính là Phật, lấy đâu ra chuyện xấu để làm! Đó là trì giới. Loại thứ hai là gì? Định cộng giới, người ấy đã nhập định. Nhập định sẽ chẳng làm chuyện xấu xa, chẳng có ác niệm, cũng chẳng có ác hạnh. Vì vậy, Định cộng giới, tức là trong định có giới, trong đạo có giới. Nếu chẳng tu đạo, chẳng tu định mà muốn trì giới, sẽ chẳng có giới, mà Phật pháp cũng chẳng có luôn!

Chư vị đồng tu chớ nên không biết điều này: Không có giới luật, Phật pháp sẽ tiêu diệt! Bởi thế, ngày nay chúng ta niệm Phật vẫn phải nhấn mạnh trì giới. Vì sao? Niệm Phật là chúng ta thành tựu chính mình, trên địa cầu còn có nhiều chúng sinh phải chịu khổ, trì giới sẽ có thể lìa khổ, được vui. Giới là thiện pháp, đoạn ác, tu thiện. Thiện có thiện quả, tức

quả báo tốt lành. Ác có ác báo. Đức Phật giảng cho chúng ta mười tiêu chuẩn, tức *Thập Thiện Nghiệp Đạo*.

Quý vị tu Thập thiện, quả báo là trong tam thiện đạo, thật sự thiện. Hiện thời, loài người bất thiện, quý vị thấy làm người khổ quá! Xã hội hỗn loạn dường ấy, trên địa cầu tai nạn nhiều ngàn ấy, do nguyên nhân gì? Chuyện này ngay các nhà khoa học cũng biết, các thứ tai biến trên địa cầu cho thấy tâm thái của cư dân trên địa cầu có vấn đề. Phản ứng đối với tâm thái bất thiện xuất hiện thành hiện tượng. Cảnh chuyển theo tâm, nếu cư dân trên địa cầu ai nấy tuân thủ nhân, nghĩa, đạo đức, hiếu, đễ, trung, tín, xã hội hòa hài, tai nạn chẳng dậy lên. Thật đấy, chẳng giả đâu! Chúng ta là người học Phật, có tin tưởng những gì đức Phật đã giảng trong kinh hay không? Nói đến Tín Tuệ Bồ tát, quý vị có tin hay không? Quý vị không tin, thì vẫn phải hứng chịu quả báo. Hưởng hết mọi nỗi khổ, đến cuối cùng quý vị tin tưởng. Khi nào quý vị tin tưởng, khi ấy tai nạn sẽ đình chỉ, ác báo của quý vị chấm dứt. Quý vị chẳng tin, thì ác báo vẫn kéo dài, vẫn tiếp tục không ngừng, đạo lý là như vậy đó!

Chư Phật, Bồ tát, tổ sư đại đức đã giảng những điều này suốt mấy ngàn năm, cổ nhân tin tưởng, nhưng người hiện thời chẳng tin. Vì sao? Thời cổ không có khoa học, lòng người thuần hậu, tử tế, nên đều có thể tiếp nhận, tin tưởng. Người thông minh, do người có trí tuệ dui dặt, người thật sự

có trí tuệ sẽ tin tưởng. Kẻ có kiến thức, nhưng thiếu trí tuệ sẽ chẳng tin.

Gần 300 năm qua, khoa học phát triển mạnh mẽ, mọi người tin theo khoa học, chẳng còn tin tưởng giáo huấn của cổ thánh tiên hiền, chẳng còn tin tưởng luân lý đạo đức, nên mới biến thành nông nổi hiện thời, chúng ta chớ nên không biết. Nếu chúng ta muốn giúp đỡ xã hội này, giúp họ lìa khổ được vui, phải bắt đầu thực hiện từ bản thân, phải nêu gương tốt cho người khác nhìn vào. Họ nhìn quý vị dăm ba năm chẳng tin, nhìn vào quý vị 10 năm hay 8 năm chẳng tin, nhưng nhìn quý vị 20, 30 năm sẽ tin. Giúp đỡ người khác chẳng dễ dàng, lúc đầu hứng chịu hết mọi nỗi cực nhọc, người ta không tin, hủy báng, khinh nhục, thậm chí hãm hại, quý vị đều phải chấp nhận, luôn nêu gương tốt. Gây cho ta khó khăn gì đi nữa, vẫn chẳng oán hận mảy may, mỗi ngày vẫn vui sướng. Vì sao? Quý vị tiếp xúc Phật, pháp hỷ sung mãn.

Họ nhìn lâu ngày, khổ sở cũng chịu đựng chán chê rồi, vẫn phải tiếp tục chịu khổ, chúng ta tin tưởng rồi sẽ có ngày họ quay đầu, giác ngộ, biết lỗi, sám hối, cuối cùng hiểu rõ, người ấy được gọi là “đắc độ”. Do vậy, hiện thời độ hết thấy chúng sinh nhất định gặp khó khăn, tùy thuộc các Bồ tát có thể chịu đựng hay không? Bồ tát có thể chịu được. Vì sao? Ngài vĩnh viễn trụ trong trung đạo, nên chẳng bị cảnh giới bên ngoài quấy nhiễu, nhất tâm niệm Phật hồng nâng cao

cảnh giới của chính mình. Nói theo người thế gian là tích tập vô lượng vô biên công đức. Bồ tát không hưởng những công đức ấy, mà hồi hướng những công đức ấy cho hết thảy chúng sinh khổ nạn, giúp họ sớm có ngày giác ngộ, sớm có ngày quay đầu. Vì vậy, trì giới cũng có nghĩa là chế hạnh. Hạnh là hành vi. Chế là khống chế. Chế hạnh là khống chế những tư tưởng và hành vi sai lầm của chúng ta. Đây là ý nghĩa trì giới.

Cuối cùng là vị thứ 16: *“Giải Thoát, biểu diệt trừ kết phược, cổ danh Giải Thoát”* (Giải Thoát biểu thị trừ diệt kết phược, nên gọi là Giải Thoát). Kết (結) và Phược (縛) đều là những danh xưng khác của phiền não. Quý vị tạo tác nghiệp, bất luận thiện nghiệp hay ác nghiệp, những nghiệp ấy chưa gặp duyên, sẽ chẳng thể dấy lên hiện hành, nhưng chúng tồn tại, giống như thắt nút, chưa tháo ra. Vì thế, chúng ta hiểu rõ chân tướng sự thật này, cả đời phải giữ sao cho chẳng kết oán với bất cứ ai. Điều này rất quan trọng. Kẻ khác kết oán với ta, ta chẳng kết oán với họ, sẽ chẳng có chuyện gì. “Kết” là phải cả hai phía thì mới kết được, nếu một phía đã buông bỏ, sẽ chẳng thể thắt chặt. Đối phương kết, ta không kết! “Phược” cũng là danh xưng khác của phiền não, giống như dùng thừng trói chặt quý vị ở một chỗ, chẳng cựa quậy được. Trong ấy có thiện, có ác, nhưng thật ra đều là ác, lấy đâu ra thiện? Nhưng chúng sinh ngộ đó là thiện, đấy là gì? Tình chấp. Người thế gian nói tới ái tình, đó chính là một sợi

thừng trói thít chặt quý vị nơi đó, chẳng cựa quậy được, đó là ái tình. Vì thế, phải thấy thấu suốt. Thấy thấu suốt sẽ giải thoát. Tháo nút buộc, cởi trói xong, quý vị được đại tự tại; do vậy, gọi là Giải Thoát Bồ tát.

Tiếp đó, sách viết: *“Nhu kinh vân: Thân độc độ thoát, hoạch kỳ Phúc đức, khả đắc trường thọ Nê Hoàn chi đạo. Hựu, trị tư kinh giả, tùy ý sở nguyện, giai khả đắc độ”* (Nhu kinh nói: “Riêng thân mình độ thoát, đạt được phúc đức, có thể đắc đạo Nê Hoàn trường thọ”, và “ai gặp được kinh này, tùy ý mong muốn, đều được đắc độ”). Trong kinh này có 2 câu như vậy, biểu thị ý nghĩa này. Kinh này có công đức chẳng thể nghĩ bàn.

“*Trị*” (值) là gặp gỡ. Chúng ta gặp bộ kinh *Vô Lượng Thọ* này, mỗi ngày tụng niệm, lại còn phải lý giải. Biết niệm nhưng không lý giải, hiệu quả chẳng lớn. Vừa biết niệm, vừa có thể hiểu, sẽ khởi tác dụng. Biến sự lý giải thành tư tưởng và kiến giải, biến các giáo huấn trong kinh thành hành vi trong cuộc sống của chúng ta. Quý vị thật sự nhập kinh *Vô Lượng Thọ*, thật sự nhập cảnh giới Di Đà. Trong kinh này nói đến cảnh giới của Phật A Di Đà. Nhập cảnh giới Tây Phương Cực Lạc thế giới từ chỗ nào? Từ hiện tại mà nhập, ngay trong giây phút này chính là nó, tự và tha chẳng hai. “Tự” là hoàn cảnh cư trụ của chúng ta. “Tha” là Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tự và tha là một, chẳng hai!

Vì thế, gặp gỡ kinh này, quả thật là tùy theo ý nguyện đều có thể đắc độ. Nương theo lý luận, phương pháp, và cảnh giới trong kinh điển để tu hành, giữ lấy Tây Phương Cực Lạc thế giới, muốn khi nào đi bèn đi. Có người nóng lòng muốn đi, có thể thành công trong vài ngày hay không? Kinh *Di Đà* dạy “*nhược nhất nhật*”, một ngày bèn có thể thành tựu. “*Nhược nhị nhật, nhược tam nhật*”, cuối cùng nói 7 ngày. “Bảy” chẳng phải là chỉ vốn vẹn 7 ngày, mà “bảy” có ý nghĩa biểu thị pháp, tượng trưng cho viên mãn, có nghĩa là tùy ý, quý vị thích đi ngày nào bèn đi trong ngày ấy.

“*Bảy*” mang ý nghĩa tùy ý, viên mãn, thích khi nào đi bèn đi khi ấy, muốn ở lại thế gian này thêm mấy năm nữa chẳng trở ngại gì! Vì sao? Ở lại thế gian này chẳng có chuyện gì khác, chỉ vì còn có những kẻ hữu duyên, ta trụ thêm vài ngày để dẫn họ cùng đi, do chuyện này! Nếu không dẫn theo ai thì phải đi trong hiện tại, ở lại nơi đây để làm gì? Chẳng có mảy may ý nghĩa gì! Do vậy, hiểu đạo lý này, từ xưa tới nay, tai nạn là cộng nghiệp, mấy ngàn người hoặc mấy trăm người cùng chết sạch trong một trận tai nạn. Chúng ta không có Thiên nhãn, chẳng có Túc mạng thông, không biết chuyện là như thế nào, dường như tai nạn từ trên trời giáng xuống, và cũng thấy có những kẻ nào đáng chết, người nào chẳng đáng chết, thật sự có người tốt bị chết bất ngờ trong tai nạn ấy! Người tốt lẫn người xấu đều có. Vì sao đều cùng nhau gặp nạn?

Người có Thiên nhân thông và Túc mạng thông có thể thấy người tốt do chết vì tai nạn ấy bèn sinh lên trời. Trời già rất công bằng, kẻ ấy sinh lên thiên đường hưởng phúc. Kẻ tạo tác ác nghiệp bèn đọa xuống ngạ quỷ, địa ngục, súc sinh. Cùng chết như nhau, nhưng sinh vào các chỗ khác nhau. Do vậy, người niệm Phật thời thời khắc khắc ghi nhớ Phật A Di Đà trong tâm. Dầu là do cộng nghiệp phải tử vong lần này, người ấy sinh về thế giới Cực Lạc, quý vị mới thật sự nhìn thấy chân tướng sự thật.

“Thân độc độ thoát, hoạch kỳ phúc đức” (Thân riêng độ thoát, đạt được phúc đức). Phúc đức ấy là phúc đức trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng phải là phúc đức trong nhân gian hay cõi Trời. Vì thế, chúng ta tu phúc, tốt nhất là chớ nên hưởng phúc. Vì sao? Phúc ấy có thể mang đi được. Chúng ta có tâm hưởng phúc, sẽ chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi. Vì sao? Phúc báo trong nhân thiên. Hiện thời, phúc báo trong nhân gian đã suy, tôi nghe nói phúc báo cõi Trời cũng chẳng bằng quá khứ.

Chúng ta có thể tin tưởng điều này. Vì sao? Cảnh chuyển theo tâm, cùng một đạo lý như vậy. Vì thế, có phúc phải để cho người khác hưởng, chúng ta biết trong thế gian này còn có rất nhiều người có phúc báo chẳng bằng chúng ta. Tuy chúng ta thiếu phúc, vẫn đỡ hơn họ rất nhiều, phải nghĩ cách giúp họ, chiếu cố họ nhiều hơn một chút. Đó là chuyện tốt đẹp. Nói chung, con người chịu khổ nạn một chút sẽ có lợi,

tâm cảnh giác sẽ cao, chẳng còn lưu luyến thế gian này, quý vị nói có phải là trọng yếu lắm hay không? Nếu hưởng phúc trong thế gian này, sẽ quên bằng thế giới Cực Lạc, “ở đây khá lắm!”. Lưu luyến thế gian này, sẽ là chuyện hỏng bét. Vì thế, thà chịu khổ một tí, có tâm cảnh giác cao độ, nhất quyết cầu sinh thế giới Cực Lạc.

Câu cuối cùng: *“Nhi vi thượng thủ, biểu dĩ thượng thập lục chánh sĩ vi hội trung vô lượng vô biên, nhất thời lai tập chi tại gia Bồ tát trung chi thượng thủ”* (Câu “Nhi vi thượng thủ” (làm thượng thủ) biểu thị 16 vị đại sĩ là thượng thủ của vô lượng vô biên Bồ tát tại gia cùng một lúc đến dự hội). Lão cư sĩ nói câu này hay lắm. “Trong hội, vô lượng vô biên tại gia Bồ tát cùng một lúc đến nhóm họp” là thật, chẳng giả. Do vậy, đức Phật mở pháp hội này, nói bộ kinh này, chúng ta mắt thịt chỉ thấy loài người, ở đây nói là hơn một vạn hai ngàn người. Đại hội mà! Chúng ta chẳng nhìn thấy các vị Bồ tát từ mười phương thế giới vân tập, chư thiên đại chúng thuộc Dục Giới Thiên, Sắc Giới Thiên trong tam thiên đại thiên thế giới đều tới, đúng là vô lượng vô biên. Quý vị nói pháp hội này thù thắng lắm không? Trong nơi nhóm hội ấy, người tại gia đông đảo, hàng xuất gia cũng chẳng ít, nhưng tại gia đông hơn. Hơn nữa, ở đây tại gia học Phật và tại gia thành tựu là chủ yếu.

“Cứ Hội Sớ cập Chân Giải nghĩa” (Xét theo ý nghĩa được trình bày trong *Hội Sớ* và *Chân Giải*). Ở đây, nói đến vị thứ

nhất, “*Phổ Hiền, Văn Thù chính thị Thích Ca hội trung chi thượng thủ. Cố cử lưỡng đại sĩ tổng nhiếp hội trung nhất thiết Bồ tát*” (Phổ Hiền và Văn Thù đúng là thượng thủ trong hội của Phật Thích Ca. Vì thế, lấy 2 vị đại sĩ để gồm trọn hết thấy các vị Bồ tát trong hội). Vì Văn Thù và Phổ Hiền là trợ thủ của Phật Thích Ca Mâu Ni, tượng trưng trí tuệ, Văn Thù tượng trưng trí tuệ đệ nhất, Phổ Hiền tượng trưng tận lực thực hiện bậc nhất. Người hiện thời nói là “chân cán” (thật sự làm), dùng 2 từ này cho mọi người dễ hiểu.

Phổ Hiền tượng trưng cho “chân cán”. 2 vị Bồ tát này đại diện thế giới Sa Bà, là thượng thủ trong pháp hội của Phật Thích Ca Mâu Ni, đại diện hết thấy Phật, Bồ tát. Thứ hai, “*Di Lặc thị đương lai hiền kiếp thành Phật chư Bồ tát chi thượng thủ*” (Bồ tát Di Lặc là thượng thủ của các vị Bồ tát sẽ thành Phật trong tương lai của hiền kiếp).

Phật Thích Ca Mâu Ni là vị Phật thứ 4 trong 1.000 vị Phật thuộc hiền kiếp. Di Lặc là thứ 5, từ nay về sau còn có 995 vị Phật. Bồ tát Di Lặc đại diện cho những vị ấy. Các vị ấy thấy đều tham dự pháp hội này. Điều này có dụng ý rất sâu, nói rõ 1.000 vị Phật xuất thế trong hiền kiếp. Mỗi vị Phật cũng sẽ giảng kinh *Vô Lượng Thọ*. Mỗi vị Phật đều đề xướng pháp môn Tịnh Độ, khuyên mọi người cầu sinh thế giới Cực Lạc, hòng chứng đắc quả vị viên mãn rốt ráo trong một đời.

“Hiền Hộ đẳng thập lục chánh sĩ thị hội trung cư gia Bồ tát chi thượng thủ. Thủ thuyết ổn thỏa” (16 vị chánh sĩ thuộc nhóm Hiền Hộ là thượng thủ của các vị tại gia Bồ tát trong hội, thuyết này ổn thỏa). Đây là 2 vị đại đức trong quá khứ của Nhật Bản đã tổng kết đoạn kinh văn này. Cụ Hoàng Niệm Tổ khẳng định thuyết ấy rất thỏa đáng, nói rất viên mãn. Quý vị thấy trong phần tổng kết, cụ chọn thuyết của 2 vị pháp sư Nhật Bản trong *Hội Sớ* và *Chân Giải*. *“Cố bất thái Tịnh Ảnh chi thuyết”* (Cho nên chẳng lấy thuyết của Ngài Tịnh Ảnh). *Tịnh Ảnh Sớ* là chú giải kinh *Vô Lượng Thọ* của người Trung Quốc. Chú giải của Trung Quốc chỉ có 2 loại. Trong ấy nói như thế nào?

“Bỉ tương Văn Thù, Phổ Hiền diệc tịnh ư hiền kiếp thành Phật chi Bồ tát trung” (*Tịnh Ảnh Sớ* xếp Văn Thù và Phổ Hiền vào số các vị Bồ tát sẽ thành Phật trong hiền kiếp), sai mất rồi! Quý vị thấy đại đức Nhật Bản đã tách rời Văn Thù và Phổ Hiền ra khỏi các vị Bồ tát sẽ thành Phật trong hiền kiếp. Họ là đại biểu của đức Thế Tôn trong hội này. Khi đem so thuyết của *Tịnh Ảnh Sớ* với cách nói của 2 vị pháp sư Nhật Bản, thuyết của 2 vị pháp sư Nhật Bản rất hay, hay hơn thuyết của *Tịnh Ảnh Sớ*. Chúng ta xem chú sớ của cổ đại đức phải rất thận trọng, phải lắng lòng, dùng trí tuệ chân thật để lý giải, thấu hiểu. Sau khi hiểu ý nghĩa rõ ràng, sẽ biết chúng ta nên làm như thế nào, thực hiện trong cuộc sống hằng ngày, công việc, xử sự, đối người, tiếp vật.

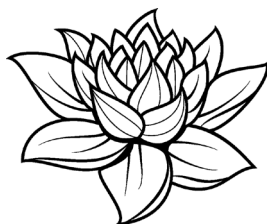
Kinh *Vô Lượng Thọ* là sống động. Người hiện thời gọi cách vận dụng này là vận dụng sống động, chẳng phải là mê tín. Đức hiệu của mỗi vị Bồ tát biểu thị điều gì? Tu đức. Danh hiệu Phật biểu thị quả đức, chẳng là rời tự tính. Trong giáo pháp Đại thừa, tổ sư đại đức thường dạy chúng ta xứng tánh khởi tu. Danh hiệu Bồ tát là xứng tánh. Trong Phật giáo Trung Quốc, Phật giáo Trung Quốc là Đại thừa, lấy tứ đại Bồ tát làm tổng đại biểu, chớ nên không biết điều này!

Vị thứ nhất, Cửu Hoa Sơn Bồ tát Địa Tạng đại biểu sự hiểu thân tôn sư. Vị thứ hai là Phổ Đà Sơn Bồ tát Quán Thế Âm, đại biểu đại từ đại bi, mắt đến tận tay^[30], cứu độ hết thảy chúng sinh khổ nạn, từ bi cứu giúp thế giới. Vị thứ ba, Ngũ Đài Sơn Bồ tát Văn Thù, đại biểu trí tuệ. Hiểu thân tôn sư, đại từ đại bi, phổ độ chúng sinh đều phải cậy vào trí tuệ. Không có trí tuệ, sẽ bị biến chất. Nhà Phật thường nói: *“Từ bi lắm họa hại, phương tiện thành hạ lưu”*. Vốn sẵn từ bi, phương tiện là độ chúng sinh, “từ bi là gốc, phương tiện làm cửa”. Vì sao từ bi trở thành họa hại, phương tiện trở thành hạ lưu? Thiếu trí tuệ! Phải nhờ vào trí tuệ mới tránh khỏi những khuyết điểm ấy.

Phổ Hiền, Nga Mi Sơn Phổ Hiền đại biểu “thật sự làm”. Nói kiểu này, mọi người sẽ thấy dễ hiểu! Chẳng giả, thật sự, thật sự thực hiện “hiếu thân tôn sư, từ bi cứu vớt thế giới”, đó là Phổ Hiền, dùng 4 vị đại Bồ tát này để biểu pháp. “Triều

[30] Hình tượng Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Âm có ngàn cánh tay, giữa mỗi bàn tay có một con mắt.

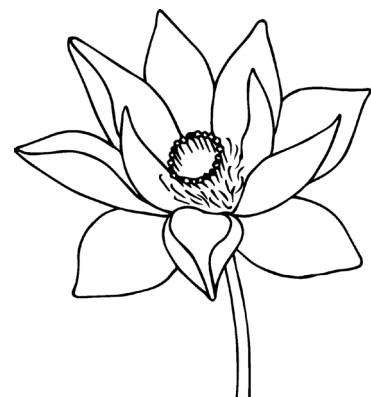
sơn” (lên núi chiêm bái) là triều (hướng về, châu hầu về) điều gì? Hiểu 4 ý nghĩa này, thật sự làm được, tức là đã triều toàn bộ 4 ngọn danh sơn. Nếu chẳng hiểu, quý vị đến 4 quả núi lễ bái Bồ tát nứt toác cả đầu vẫn uống công, điều gì cũng chẳng đạt được! Phải hiểu rõ ràng, minh bạch lý này, tứ đại Bồ tát tượng trưng cho tu đức. Phật Thích Ca Mâu Ni tượng trưng cho Tánh đức. Thích Ca Mâu Ni, năng nhân, tịch mặc là Tánh đức. Năng nhân là nhân từ. Tịch mặc là thanh tịnh. Tâm địa thanh tịnh, tiếp độ chúng sinh nhân từ, còn Bồ tát tượng trưng cho phương pháp cụ thể để thực hiện những điều đó, thì mê tín ở chỗ nào? Nhà Phật bài trừ mê tín, lấy đâu ra mê tín? Các đồng học chúng ta cùng nhau học tập, đúng là phải lý giải, phải hiểu rõ, phải thật sự làm, đưa Phật giáo trở về giáo học. Chúng ta thật sự làm chuyện tốt đẹp, chẳng khiến cho Phật Thích Ca Mâu Ni thất vọng, xứng đáng sự truyền thừa của lịch đại tổ sư.



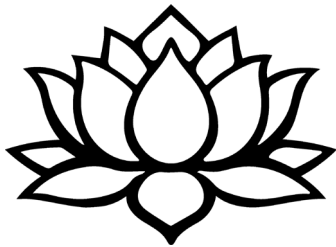
TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH
GIẢI DIỄN NGHĨA



TẬP 98



Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong



Chur vị pháp sư, chư vị đồng học, xin xem tiếp *Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải*, trang 114, xem từ phần kinh văn.

“Hàm cộng tuân tu Phổ Hiền đại sĩ chi đức. Cụ túc vô lượng hạnh nguyện. An trụ nhất thiết công đức pháp trung. Du bộ thập phương, hành quyền phương tiện. Nhập Phật pháp tạng, cứu cánh bỉ ngạn” (Điều cùng tuân tu đức của đại sĩ Phổ Hiền, đầy đủ vô lượng hạnh nguyện. An trụ trong hết thảy các pháp công đức. Đạo chơi mười phương, hành phương tiện quyền biến. Nhập pháp tạng của Phật, rốt ráo đạt đến bờ kia).

Đây là tổng cương lĩnh của cả phẩm, tán thán công đức của Bồ tát Phổ Hiền. Chúng ta đọc lời chú giải của cụ Niệm Tổ: *“Bản phẩm tông hàm cộng tuân tu”* (Phẩm này từ câu “điều cùng tuân tu”) cho đến cuối phẩm này “bất khả tư nghị” (chẳng thể nghĩ bàn). Trong bản này là trang 147. Nếu chúng ta lật ra xem, sẽ thấy kinh văn phẩm này đến câu cuối cùng là lời tổng kết, hoàn toàn là tán thán đức của Bồ tát Phổ Hiền.

Lão cư sĩ nói: *“Giai thị tán thán Phổ Hiền đại sĩ kỳ hội trung nhất thiết Bồ tát chi đức”* (Điều là tán thán đức của Phổ Hiền đại sĩ và hết thảy các vị Bồ tát trong hội). Trên thực tế, đức của hết thảy Bồ tát trong hội đều là đức của Phổ Hiền đại sĩ. Kinh văn phẩm này khá dài, có thể nói là mỗi chữ, mỗi

câu chúng ta đều nên học tập, vận dụng vào cuộc sống, công việc, đãi người, tiếp vật, đó là chúng ta tu đức của Phổ Hiền đại sĩ.

Chúng ta xem lời chú giải kế tiếp: *“Đại sĩ giả tức Bồ tát, tức Đại Đạo Tâm Hữu Tình”* (Đại sĩ là Bồ tát, tức Đại đạo tâm hữu tình). Cổ nhân dịch là Đại đạo tâm chúng sinh, Huyền Trang Đại sư dịch là Giác hữu tình. Đại đạo tâm hữu tình thì nói cách khác, vị ấy vẫn chưa đoạn sạch tình, nên là Bồ tát. Nếu sau Đại đạo tâm không có 2 từ ấy (hữu tình) sẽ là Phật Đà. Sai biệt ở chỗ này.

“Sĩ vị sĩ phu” (Sĩ là sĩ phu), người xưa gọi người đọc sách, dạy học là “sĩ đại phu”. Vào thời cổ, đó là người dạy học, hiện thời gọi là thầy giáo. Thời cổ không gọi là thầy mà gọi là “phu tử”. Khổng phu tử tức là thầy Khổng, nay gọi là “thầy”, cổ nhân gọi là phu tử. Vì thế, gọi là “sĩ phu” tức là người đọc sách, dạy học.

“Đại giả, tức tiền thích Đại đạo tâm chi Đại” (Đại chính là chữ Đại trong phần giải thích về Đại đạo tâm ở phần trước), chẳng lặp lại điều này, chẳng nhắc lại.

“Bốn kinh hội trung, dĩ Bồ tát Phổ Hiền vi nhất thiết Bồ tát chi thượng thủ” (Pháp hội kinh này lấy Bồ tát Phổ Hiền làm thượng thủ của hết thảy các vị Bồ tát). Dùng Bồ tát Phổ Hiền làm đại diện cho vô lượng vô biên Bồ tát tham gia pháp hội, lấy Ngài làm đại biểu.

“Dư Văn Thù, Di Lặc, Hiền Hộ đẳng xuất gia, tại gia Bồ tát” (Các vị khác như Văn Thù, Di Lặc, Hiền Hộ, các vị tại gia hay xuất gia Bồ tát), đều bao gồm hết, *“ky thập phương lai hội vô lượng vô biên chi chư đại Bồ tát, giai tất tuân hành Phổ Hiền đại sĩ chi đức”* (và vô lượng vô biên các vị đại Bồ tát đến từ mười phương, tất đều tuân hành đức của Phổ Hiền đại sĩ). Từ mấy câu kinh văn ngắn ngủi này, chúng ta có thể thấu hiểu rõ ràng, hội Vô Lượng Thọ này và hội Hoa Nghiêm chẳng hai, chẳng khác! Để biểu thị pháp, trong kinh *Hoa Nghiêm* cũng lấy Bồ tát Phổ Hiền làm con trưởng, tức là ý nghĩa thượng thủ đang nói ở đây.

Trong phần sau, cụ Hoàng cũng nói: *“Phổ Hiền đại sĩ nãi Hoa Nghiêm trưởng tử, kỳ chí đức tức thập đại nguyện vương, đạo quy Cực Lạc dã”* (Phổ Hiền đại sĩ chính là trưởng tử trong hội Hoa Nghiêm, đức tốt cùng của Ngài là 10 đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc). Nói đến cùng tốt, đức của Bồ tát Phổ Hiền chính là một câu *“10 đại nguyện dẫn về Cực Lạc”*. Do đây, ta có thể biết tầm quan trọng của 10 đại nguyện vương. Kinh luận và cổ đại đức cũng thường nói, Bồ tát chẳng tu 10 nguyện Phổ Hiền (tức là Phổ Hiền hạnh), sẽ chẳng thể viên thành Phật đạo. Do điều này, ta có thể biết Phổ Hiền hạnh nguyện là khoa mục tất phải tu học của tất cả các vị Bồ tát. Tuy cương lĩnh chỉ có 10 điều, tức 10 câu, nhưng tế hạnh vô lượng vô biên. Từ kinh *Thập Thiện Nghiệp Đạo*, chúng ta có thể thấu hiểu, Thập thiện

chỉ có mười điều, Đại thừa Bồ tát đã triển khai 10 điều ấy thành 84.000 tế hạnh.

Quý vị thấy 10 điều có thể biến thành 84.000 điều, là Bồ tát đấy! 10 nguyện Phổ Hiền chẳng phải chỉ có chừng đó từ, mà là vô lượng vô biên, vô số vô tận hạnh nguyện, nhưng chẳng vượt ngoài 10 cương lĩnh ấy, ta mới biết 10 cương lĩnh đó trọng yếu ngàn ấy! 84.000 nhớ không xuể, nhưng 10 điều thì dễ nhớ. Nhớ 10 điều, thực hiện được thì 84.000 tế hạnh bèn viên mãn.

Ở chỗ này, cụ Hoàng nêu lên danh xưng của 10 nguyện. *“Vị đại sĩ thập chủng quảng đại hạnh nguyện. Nhất giả, lễ kính chư Phật”* (10 đại nguyện rộng lớn của đại sĩ. Một là lễ kính chư Phật). Chúng tôi giới thiệu đơn giản mỗi điều một chút. Chư vị phải biết đối với điều thứ nhất này, 10 điều giống như một tòa cao ốc 10 tầng. Điều thứ nhất là tầng đầu tiên. Chư vị phải biết, chẳng có tầng thứ nhất sẽ không thể có tầng thứ hai, không có tầng thứ hai sẽ không thể có tầng thứ ba. Nói cách khác, tầng sau chắc chắn bao gồm tầng trước, tầng trước chẳng nhất định bao gồm tầng sau. Có lẽ kính không nhất định có xưng tán, nhưng có xưng tán chắc chắn có lễ kính.

Do vậy, chúng ta hiểu rõ: Tu hành phải có thứ tự, không thể nhảy cóc được. Ta chẳng cần mấy điều trước, chỉ cần một điều sau, có được hay không? Chắc chắn là chẳng thể

được! Lễ kính xếp đầu tiên. Lễ là lễ tiết, đó là nhìn từ biểu hiện bên ngoài. Kính là thành kính, là Tính đức trong nội tâm. Tính đức lưu lộ ra ngoài sẽ tự nhiên là lễ. Lễ có cần phải học hay không? Có tâm chân thành cung kính, không cần học mà tự nhiên đúng lễ. Thật đấy, chẳng giả tí nào! Nếu bên trong chẳng có tâm thành kính, bên ngoài học lễ, thì lễ ấy là hư ngụy, chẳng thật. Người sáng mắt vừa nhìn đã thấy thấu suốt, giả trá! Cố ý tạo tác!

Chúng ta hiểu thực chất của lễ là kính, hết thủy cung kính. Tâm cung kính là Tính đức, có sẵn trong tự tính, không do học được. Nay chúng ta phải học lễ, vì sao? Đã mê mất tự tính. Thời gian mê quá dài, mê quá lâu, nên chẳng còn thấy tâm thành kính nữa. Dùng tâm gì? Tâm hư ngụy. Tương phản của thành kính là hư ngụy. Ai trong chúng ta chịu thừa nhận chính mình dụng tâm hư ngụy? Đều chẳng thừa nhận, toàn là nghĩ tâm của chính mình là chân tâm, nhưng Phật, Bồ tát thấy chúng ta dụng tâm hư ngụy, chẳng phải là chân tâm.

Hư ngụy là gì? A Lại Da là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm. Giới hạn giữa chân và vọng là gì? Nói theo cách định nghĩa của người hiện thời, dùng điều gì để vạch ranh giới? Chân tâm vĩnh hằng chẳng thay đổi. Vọng tâm biến hóa trong từng sát-na. Dùng đạo lý này để hoạch định ranh giới, chúng ta cũng đành chịu phục, đích xác là tâm chúng ta chẳng chân thành, niệm trước diệt, niệm sau sinh, sinh diệt chẳng trụ, chẳng ngừng. Tốc độ nhanh chóng, chúng ta chẳng có cách

nào tướng tượng. Hiện thời, các nhà khoa học lượng tử đã phát hiện tốc độ của nó quá nhanh.

Phật, Pháp thân Bồ tát trong cảnh giới thiền định rất sâu đã thấy. Những điều được các Ngài thấy trong thiền định là cảnh giới hiện lượng. Thiền định cực sâu, tốc độ vô cùng nhanh, dẫu dao động tới bậc yếu ớt, các Ngài vẫn có thể thấy rõ ràng. Khoa học hiện thời dùng các máy móc tinh vi để quan sát, còn Phật, Bồ tát thấy trong định. Chúng ta chẳng thể không bội phục những nhà khoa học ấy. Từ các dụng cụ tinh vi, họ cũng thấy được 3 thứ tế tướng của A Lại Da.

Nói thật ra, những máy móc ấy vẫn chẳng sánh bằng công phu định lực. Máy móc thấy những điều đương nhiên, chẳng biết nguyên do. Trong thiền định, Phật, Bồ tát trông thấy các hiện tượng, hiểu rõ căn nguyên vì sao có những hiện tượng ấy, đều thấy thấu suốt. Điều này cho thấy: Nếu so sánh giữa công phu thiền định và máy móc khoa học, công phu định lực vượt trội, chẳng có gì sánh bằng được! Nếu chúng ta chọn lựa giữa 2 phương pháp, chắc chắn mọi người sẽ chọn thiền định.

Nếu chúng ta hỏi, khoa học có thể phát hiện căn nguyên hay không? Dựa theo lời đức Thế Tôn đã dạy trong kinh điển, chuyện ấy chẳng thể được. Vì sao? Họ chẳng đoạn tập khí phiền não, sẽ chẳng thấy chân tướng. Tập khí phiền não chướng ngại tự tính, nên chỉ có thể thấy 3 tế tướng của A Lại Da. Trong kinh, đức Phật đã giảng, Ngài nói 8 thức, công năng

của 8 thức khác nhau, công năng lớn nhất là thức thứ 6, tức ý thức. Nay chúng ta gọi thức thứ 6, tức ý thức, là tư tưởng.

Triết gia Tây phương có nói: “Tôi tư duy, nên tôi tồn tại” (Ergo cogito, ergo sum). Đức Phật nói: Đối với bên ngoài, tư tưởng có thể duyên đến hư không pháp giới, các nhà vật lý học hiện tại gọi hư không pháp giới là “vũ trụ vĩ mô”. Thức thứ 6 có thể duyên tới, ắt cần dùng các dụng cụ khoa học tinh vi để phụ trợ, nó sẽ duyên tới. Đối nội, nó có thể duyên tới A Lại Da. Đức Phật đã nói những lời này từ 3.000 năm trước, hiện nay đã được chứng thực. Phàm phu chúng ta duyên chẳng tới, các nhà khoa học thông minh sử dụng máy móc, dùng toán học, có thể duyên tới, nhưng chẳng duyên được tự tính, nên vẫn không thể giải quyết vấn đề. Các phát hiện này, nói theo cách bây giờ thì là tri thức (kiến thức). Tri thức uyên bác, nhưng chẳng phải là trí tuệ. Trong thiền định, đức Phật thấy bằng trí tuệ.

Trí tuệ khác với tri thức ở chỗ: Một đằng là đoạn sạch phiền não, một đằng là phiền não vẫn còn. Khoa học gia chưa đoạn phiền não, giống hệt như chúng ta, có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; nhưng chư Phật Như Lai, Pháp thân đại sĩ đã đoạn sạch phiền não, chẳng còn. Không chỉ là phân biệt, chấp trước chẳng còn, mà ngay cả khởi tâm động niệm đều không có. Vĩnh viễn chẳng khởi tâm, không động niệm, đó là cảnh giới gì? Nói theo Tịnh tông sẽ là cảnh giới Thường Tịch Quang. Không khởi tâm, không động niệm, nó có thể khởi

tác dụng hay không? Có thể, chúng sinh có cảm, tự nhiên sẽ có ứng. Cảm ứng đạo giao, pháp vốn là như vậy. Sống động, chẳng chết cứng, có thể nào chẳng khởi tác dụng? Vì khắp pháp giới hư không giới là một tự thể, Nhất chân, chỉ có một tự thể này!

Ngày hôm qua, tôi xem một bản tin do một đồng học hạ tải (download) từ Internet. Hạ tải xong, kể với tôi tin tức ấy, hiện thời các nhà khoa học lại phát hiện điều gì? Trong hố đen có vũ trụ. Trong vũ trụ chẳng biết có bao nhiêu hố đen. Trong mỗi hố đen đều có một vũ trụ. Chuyện vừa được phát hiện như thế, trong kinh Phật có đề cập hay không? Có! Ở đâu vậy? Trong các phẩm *Hoa Tạng Thế Giới* và *Thế Giới Thành Tự* của *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh*. Những điều ấy vẫn thuộc trong phạm vi của thức thứ 6 (ý thức).

Quý vị thấy nó (ý thức) có thể duyên tới vũ trụ vĩ mô, và duyên tới A Lại Da là duyên theo vũ trụ vi mô. Vũ trụ vĩ mô và vũ trụ vi mô ý thức đều duyên được. Đối với chúng ta mà nói, những điều này đều là chuyện tốt. Vì sao? Giúp chúng ta tăng thêm tín tâm đối với Đại thừa Phật pháp. Nhưng để thật sự giải quyết vấn đề, vẫn cần đến Đại thừa Phật pháp. Khoa học đã giúp đỡ Đại thừa Phật pháp chẳng ít. Giúp gì vậy? Giúp chúng ta kiến lập tín tâm kiên định, chẳng còn hoài nghi, tin vào Giới, Định, Tuệ của chính mình, tin tưởng lời đức Phật đã dạy trong kinh: “*Chế tâm nhất xứ, vô sự bất biện*” (Chế tâm một chỗ, không chuyện gì chẳng thực hiện

được). Lợi ích thân thiết nhất là giúp cho thân tâm của chúng ta khỏe mạnh, rất có lợi! Bản thân chúng ta dùng ý niệm để điều chỉnh cho thân tâm khỏe mạnh. Dùng ý niệm để biến đổi dung mạo đẹp đẽ hơn, chẳng có khuyết điểm gì!

Quý vị nói tới thẩm mỹ viện bên ngoài, đó là hại người, phá hoại sinh thái tự nhiên. Dùng ý niệm để sáng tạo sinh thái tự nhiên, đó là chính đáng, thường hằng. Nếu mở rộng ra, gia đình hòa thuận, sự nghiệp thuận lợi, xã hội hòa hài, thiên hạ thái bình, mở rộng đến hoàn cảnh cư trú của chúng ta, núi, sông, đại địa sẽ vĩnh viễn không có tai biến, là do ý niệm đấy! Khoa học phát triển đến cảnh giới này, đối với nhân sinh mới có lợi ích chân thật.

Chúng ta hiểu rõ chân tướng sự thật, Tính đức trong tự tính tự nhiên lưu lộ ra ngoài. Cốt lõi của Tính đức là ái. Cổ nhân đã nói: *“Phụ tử có thân”* (Cha con có tình thân thiết). Ở đây, sự thân ái được Bồ tát Phổ Hiền gọi là “lễ kính”. Lễ kính là ái, là biểu hiện của ái. Chư Phật tức là bao gồm hết thủy chúng sinh. Trong kinh, đức Phật thường nói: *“Hết thủy chúng sinh vốn là Phật”*, há có thể chẳng cung kính? *Hoàn Nguyên Quán* nêu thí dụ, lấy một vi trần làm thí dụ, quý vị nghĩ xem, đối với một hạt vi trần, chúng ta đều phải lễ kính, huống hồ những thứ khác?

Vi trần là cơ bản của vật chất. Tất cả hết thủy vật chất đều do vi trần tụ tập; vì thế, danh xưng khoa học của nó là

“hạt cơ bản” (elementary particles), trong Phật pháp gọi là một vi trần. Khoa học nói nó là cơ sở của tất cả vật chất, hiện thời cơ sở của mọi vật chất được gọi là lượng tử (quantum), còn nhỏ hơn hạt cơ bản, nhục nhãn chẳng thể thấy lượng tử. Liễu giải chân tướng sự thật, tâm lễ kính tự nhiên sinh khởi, cung kính hết thủy. Người có tâm thành kính, chắc chắn chẳng hại kẻ khác, nhất định sẽ chẳng hại hết thủy vạn vật, kể cả cây cối, hoa, cỏ, núi, sông, đại địa; yêu thương, che chở chúng giống như yêu thương thân nhân chúng ta. Các động thực vật, núi, sông, đại địa như thế sẽ đáp tạ lòng yêu thương ấy bằng sự viên mãn, tận thiện, tận mỹ.

Có thể giới ấy hay không? Có! Kinh *Hoa Nghiêm* nói đến thế giới Hoa Tạng. Trong kinh luận *Tịnh Độ* nói tới thế giới Cực Lạc. Những thế giới ấy đều có tình hình như thế. Cư dân bên ấy, ai nấy đều thực hiện 10 đại nguyện vương. Quý vị thấy đó “*hàm cộng tuân tu Phổ Hiền đại sĩ chi đức*” (đều cùng tuân tu đức của Phổ Hiền đại sĩ), nói rõ điều gì? Nói rõ Tây Phương Cực Lạc thế giới là thế giới của “*Phổ Hiền đại sĩ chi đức*”. Hễ người nào vãng sinh thế giới Tây Phương, người ấy đã tu viên mãn đức của Phổ Hiền đại sĩ. Chẳng tu viên mãn, làm sao đến được?

Vì thế, nay chúng ta rất muốn đến, phát nguyện cầu sinh Tịnh độ, quý vị đọc kinh *Vô Lượng Thọ*, cho tới hiện thời vẫn còn thuộc phẩm *Tự*, kinh văn của phần *Chứng Tín* dài lắm, phải chia làm 2 đoạn lớn. Dài ở phần nào? Dài ở chỗ nói về

đức của Phổ Hiền đại sĩ. Bởi lẽ, một phẩm kinh này hoàn toàn giảng về đức của Phổ Hiền đại sĩ. Người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới ai cũng tu viên mãn những điều đã được nói trong một phẩm này. Chúng ta thật sự muốn vãng sinh Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng thể không làm! Không làm, sẽ chẳng đến được, nhưng làm một ít phần cũng được! Coi toàn phần đức của Phổ Hiền đại sĩ là 100 phần, chúng ta có được 1 phần sẽ có thể vãng sinh. Phẩm vị bên kia cao hay thấp khác nhau, chúng ta chỉ có 1 phần, vãng sinh thế giới Cực Lạc phẩm vị sẽ thấp một chút. Nếu thật sự làm viên mãn, vãng sinh sẽ là thượng thượng phẩm vãng sinh trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Chúng ta chỉ có 1 phần, hoặc 2 phần, hạ hạ phẩm vãng sinh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Thế là được rồi! Có thể vãng sinh là giỏi rồi! Do vậy, phải tu đức của Phổ Hiền đại sĩ, tận tâm tận lực tu, chẳng thể không tu. Đầu tiên là phải học lễ kính. Đối với bất cứ ai đều phải có tâm cung kính, đều phải lễ phép. Người khác đối với ta chẳng có, nhưng ta đối với người khác bèn có, đấy là đúng! Nhất định phải thật sự làm thì mới được, niệm Phật A Di Đà suông, chẳng tu đức, sẽ không được! Giải và Hành tương ứng với Phật A Di Đà. Chỉ niệm không tu, chẳng có cách nào! Niệm và thật tu mới thành tựu vô lượng công đức, chớ nên không biết điều này. Trước hết là học lễ kính.

“Nhị giả, xưng tán Như Lai” (Hai là khen ngợi Như Lai). Quý vị thấy ở đây, Ngài chẳng nói khen ngợi chư Phật, mà

ngay lập tức thay đổi. Chúng ta phải hiểu rõ dụng ý thay đổi danh xưng. Trong kinh, hễ nói “chư Phật” là nói theo Tướng; nói Như Lai là nói theo Tánh. Nói “chư Phật” là nói theo Sự; nói Như Lai là nói theo Lý, quý vị càng thấy rõ ràng hơn! Xưng tán là gì? Xưng tán thì chẳng thể tùy tiện ca ngợi! Kẻ khác chẳng có đức hạnh thật sự, chớ nên khen ngợi. Người ta có đức hạnh, thì nhất định phải khen ngợi.

Cũng có thể nói, người ấy làm lành thì phải khen ngợi; kẻ ấy làm ác, chớ nên khen ngợi. Kẻ làm chuyện tham, sân, si, mạn, không nên khen ngợi. Nếu người ấy tu Giới, Định, Huệ, đáng nên khen ngợi. Bỏ mình vì người, đáng nên khen ngợi. Tự tu, tự lợi, chớ nên khen ngợi. Chúng ta phải hiểu những điều này. Qua 53 lần tham học, Thiện Tài đồng tử đã biểu diễn cho chúng ta thấy. Quý vị thấy: Đối với lễ kính chư Phật, Ngài tham phỏng thiện tri thức, xuất gia hay tại gia, nam, nữ, già, trẻ, chẳng bắt kính một ai. Trong xã hội, bậc thiện nhân làm lành, cung kính người ấy. Kẻ ác làm ác, gặp gỡ cũng cung kính, chẳng phân biệt. Nói theo Tướng là chẳng có phân biệt; nhưng khen ngợi, thì có những trường hợp chẳng khen ngợi. Có lễ kính, có cúng dường, nhưng chẳng khen ngợi. Rõ rệt nhất là 3 vị thiện tri thức, chẳng hạn như Thắng Nhiệt Bà La Môn. Thiện Tài đến tham phỏng, có lễ kính, có cúng dường, nhưng chẳng khen ngợi. Vì sao? Vị Bà La Môn này đại diện cho ngu si. Trong tham, sân, si, vị ấy đại diện cho si, nên chẳng khen ngợi vị ấy. Chẳng khen ngợi Cam Lộ Hỏa Vương, vì nhà

vua đại diện cho sân hận, hết sức nóng nảy. Thiện Tài đồng tử tham phỏng cô Phật Tô Mật Đa chẳng khen ngợi. Vì sao? Cô ta là kỹ nữ, tượng trưng cho tham ái.

Quý vị thấy 3 vị ấy đại diện tham, sân, si, Thiện Tài đồng tử lễ kính, cúng dường họ, nhưng không khen ngợi. Chúng ta phải hiểu điều này. Người nào tâm hạnh phù hợp, nói theo người xưa là “hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ”, chúng ta khen ngợi. Nếu kẻ ấy bất trung, bất hiếu, bất nhân, bất nghĩa, chúng ta lễ kính, cúng dường kẻ ấy, nhưng không khen ngợi. Thiện Tài dạy chúng ta như vậy. Danh từ được sử dụng ở đây, chư Phật và Như Lai khác nhau. Trong Phật pháp, người có tâm hạnh tương ứng với *Thập Thiện Nghiệp Đạo* phải khen ngợi. Kẻ tương ứng với Thập Ác, chẳng khen! Thập Ác là giết, trộm, dâm, dối, tham, sân, si, mạn. Đối với kẻ ấy chẳng khen ngợi, nhưng nhất định phải lễ kính, nhất định phải cúng dường. Chúng ta phải học điều này!

Thứ ba, “*Quảng tu cúng dường*”, điều này trọng yếu! Quý vị xem nó được đặt thành điều thứ ba, vô cùng trọng yếu! Người trong thế gian bất luận thuộc quốc gia nào, chủng tộc nào, tuy văn hóa khác nhau, tín ngưỡng khác nhau, nhưng tâm cầu của cải giống nhau, tâm cầu trí tuệ giống nhau, cầu khỏe mạnh, sống lâu giống nhau. Quý vị thấy tối thiểu là 3 thứ này giống nhau. Bất luận đi tới đâu, quý vị hỏi người ta có muốn 3 thứ ấy hay không? Muốn! Năm xưa tôi ở Mỹ, gần như các thành phố lớn đều đã đi qua, tôi gặp

kẻ khác đều hỏi, tôn giáo bất đồng, những người hàng xóm của chúng tôi cũng rất thân thiết, tôi đều hỏi họ có muốn 3 thứ ấy hay không? Muốn. Họ cũng chẳng phải là Phật giáo đồ, nhưng hỏi họ, họ muốn! Bất luận tin theo đạo nào, họ đều muốn. 3 thứ ấy do đâu mà có? Đều do rộng tu cúng dường mà có, nhưng họ không biết.

10 năm trước, năm 1999, tôi ở Tân Gia Ba (Singapore), có duyên phận thường qua lại với 9 đại tôn giáo ở Tân Gia Ba^[31]. Về sau, chúng tôi rất thân thuộc, đều biến thành bạn thân thiết, rồi chuyện gì cũng đều bàn luận. Có rất nhiều người hỏi tôi: “Thầy rất có tiền, tiền do đâu mà có?”. Thật đấy! Trong các tôn giáo, Phật giáo xác thực là có tiền nhất, tiền do đâu mà có? Do bố thí, càng thí càng đưa tới nhiều hơn. Đừng nên hỏi xin tiền người khác, cứ tận hết sức tu bố thí, nó sẽ đưa tới.

Dân gian thờ thần Tài. Thần Tài là ai? Chính là đại phu^[32] Phạm Lãi của nước Việt thời Xuân Thu. Có lẽ người bình

[31] Chín đại tôn giáo ở Tân Gia Ba là Ấn Độ giáo, Phật giáo, Do Thái giáo (Judaism), Bái Hỏa giáo (Zoroastrianism), Đạo giáo, Cơ Đốc giáo (Công giáo và Tin Lành), Hồi giáo, Tích Khắc giáo (Sikh) và Ba Cấp Y giáo (Bahá'í).

[32] Đại phu là một chức quan rất cổ tại Trung Quốc, đã có từ thời kỳ Xuân Thu Chiến Quốc, có vai trò chủ yếu là cố vấn của nhà vua, không quy định chức vụ cố định, tùy cơ cấu cai trị của từng nước mà đại phu có quyền hạn khác nhau, nhưng thấp hơn chức Khanh. Lại còn chia ra nhiều bậc khác nhau như Trưởng đại phu, Thượng đại phu, Trung đại phu v.v... Lạn Tương Như từng làm Thượng đại phu nước Triệu, Khuất Nguyên làm Tam Lư đại phu nước Sở (chức vị Tam Lư chương quân vương tộc nước Sở. Vương tộc nước Sở gồm 3 chi phái là Chiêu, Khuất và Cảnh. Tam Lư đại phu cai quản cả 3 dòng này).

Sau khi Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Hoa, đại phu là cận thần của hoàng đế, cũng chia ra nhiều bậc. Chẳng hạn, Trung đại phu trực thuộc Lang Trung Lệnh. Đời Hán, đặt thêm các chức Ngự Sử đại phu, Thái Trung đại phu, Giám đại phu. Trung đại phu về sau đổi thành Quang Lộc đại phu, nhiệm vụ chủ yếu là nghị luận chính sự. Phạm Lãi giữ chức Thượng đại phu nước Việt, kiêm nhiệm Thượng Tướng Quân trong công cuộc bình Ngô.

thường biết đến Phạm Lãi chẳng nhiều lắm, nhưng người biết Tây Thi rất nhiều. Tây Thi là vợ của Phạm Lãi. Thuở trẻ, Tây Thi bị quốc vương là Câu Tiễn phái sang nước Ngô, làm gián điệp trước mặt Ngô vương Phù Sai, sưu tập tình báo.

Do vậy, nước Ngô lẽ đâu chẳng vong quốc? Nước Ngô đã mất rồi, cô ta trở về ôm lấy chồng, cùng nhau rời khỏi Câu Tiễn, đi buôn bán. Người này thông minh, có trí tuệ, yêu nước, thực hiện hy sinh, hiến dâng. Buôn bán được mấy năm bèn phát tài. Sau khi phát tài, bèn đem của cải cứu giúp nhân dân đói nghèo, tức là tán tài, đi khắp nơi kết duyên, bố thí, cúng dường. Bố thí hết rồi, từ món vốn nhỏ nhoi lại buôn bán, sau vài ba năm lại phát tài. Quý vị thấy lịch sử ghi là ông ta “tam tụ, tam tán” (ba lần đại phát tài, ba lần phân chia hết tài sản). Trong mạng ông ta có tiền của. Bố thí hết rồi, mấy năm sau lại phát đạt, lại còn phát tài nhiều hơn trước, phát tài rồi lại tán tài, tam tụ, tam tán. Đây là điển hình, khuôn mẫu cho giới thương nhân.

Vì thế, dân gian coi ông ta là Tài Thần. Trong quá khứ thờ Tài Thần là thờ Phạm Lãi. Tôi thấy ở Đài Loan cũng thờ thần tài, nhưng xem ra là ai? Quan Công! Quan Công chẳng dính dáng gì đến phát tài. Quan Công tượng trưng cho nghĩa khí. Trong 12 đức mục, Quan Công đại diện cho lễ, nghĩa, liêm, sĩ, trọn chẳng tượng trưng cho của cải. Thờ Phạm Lãi làm Tài Thần thì có lý, phải học tập ông ta quý vị mới có thể phát tài. Do vậy, bố thí hết sức trọng yếu. Kẻ muốn phát tài, hãy tu tài

bố thí. Của cải chẳng dành cho chính mình. Của cải phải vì quảng đại quần chúng, quý vị mới thật sự phát tài.

Chúng ta muốn thông minh, trí tuệ, hãy nên tu pháp bố thí. Quả báo của pháp bố thí là thông minh trí tuệ. Quả báo của vô úy bố thí là được khỏe mạnh, sống lâu. Vô úy là gì? Khi người khác gặp khó khăn, hoặc lúc họ kinh hoảng, sợ hãi, quý vị có thể giúp người ấy hóa giải, khiến cho người ấy thân tâm bình an. Đó là vô úy bố thí. Quả báo là được khỏe mạnh, sống lâu. Tu vô úy bố thí thuận tiện nhất, đơn giản nhất là ăn chay, đừng ăn thịt chúng sinh.

Quý vị thấy chúng sinh khi bị giết đáng thương lắm. Chúng chẳng có năng lực chống cự, bị quý vị giết, ăn, nổi oán hận của chúng vĩnh viễn chẳng hóa giải! Do vậy, trong kinh, đức Phật có dạy chúng ta 2 câu danh ngôn: *“Dục tri thế gian đao binh kiếp”* (Muốn biết kiếp nạn đao binh trên thế gian), đao binh kiếp là chiến tranh. Nếu quý vị thật sự muốn biết chiến tranh trên thế gian này do đâu mà có, vì sao có chiến tranh? Nếu mong cho thế gian này vĩnh viễn không có chiến tranh, đức Phật có dạy 1 câu: *“Trừ phi chúng sinh bất ngật nhục”* (Trừ phi chúng sinh chẳng ăn thịt).

Nếu chúng sinh chẳng ăn thịt nữa, chiến tranh trên thế gian này chẳng còn nữa. Nói cách khác, chiến tranh là do chúng ta ăn thịt, đó thật sự là nhân tố thứ nhất, oan oan tương báo, chẳng xong, chẳng kết thúc. Vì thế, không sát

sinh, không ăn thịt là vô úy bố thí. Tích cực hơn nữa, khi chúng ta thấy chúng sinh bị bắt, bị giết, có thể cứu một mạng cho chúng, bèn dùng tiền chuộc để phóng sinh, đó là chuyện tốt. Cứu cho chúng một mạng, chúng sẽ cảm ân đội đức quý vị, đó là vô úy bố thí. Phạm vi của vô úy bố thí cũng vô cùng rộng lớn. Chúng ta phải biết tu công đức ấy như thế nào, đó cũng là tu công đức khỏe mạnh, sống lâu. Phải yêu thương, che chở tiểu động vật, cây cối, hoa, cỏ. Vì sao? Chúng nó đều có linh tánh.

Trong Phật môn, giới luật của người xuất gia có câu: *“Thanh tịnh tỳ-kheo bất đạp sinh thảo”* (Tỳ-kheo thanh tịnh chẳng giẫm lên cỏ tươi). Cỏ mọc rất tươi tốt, quý vị đạp lên nó để đi, nó có vui lòng hay chẳng? Chẳng phải là nó không có tri giác, nó có thể thấy, nghe, hiểu ý nghĩ con người.

Không chỉ cây cối, hoa, cỏ có Thọ, Tướng, Hành, Thức, kể cả núi, sông, đại địa, bùn, cát, đá đều có thể thấy, nghe, hiểu ý nghĩ của con người. Vì thế, phải cung kính hết thủy. Do vậy, chúng ta đối với hết thủy mọi vật đều phải cung kính, vì vật chất và tinh thần vĩnh viễn nối liền, vĩnh viễn không thể tách rời!

Trong kinh, đức Phật dạy, trong một hạt trần sa, hiện thời các nhà lượng tử lực học cũng phát hiện, trong một hạt vi trần có thông tin viên mãn của toàn thể vũ trụ. Do đó, Hiền Thủ Đại sư bảo một vi trần trọn khắp pháp giới, xuất sinh vô

tận. Vì trần còn như thế, hà huống cây cối, hoa, cỏ, hết thấy các động vật? Vì thế, chúng ta hiểu đạo lý này, *quảng tu cúng dường* mới là thật sự cúng dường chính mình, khiến cho chính mình có của cải vô tận, trí tuệ, tướng hảo đều từ chỗ này mà có. Chư Phật, Bồ tát thật sự làm.

Thứ tư, “*Sám hối nghiệp chướng*”. 3 thứ trước đều là tu đức, tích công lũy đức. Nếu chẳng sám trừ nghiệp chướng, công đức do quý vị tu tập, tích lũy sẽ bị rò rỉ, giống như chúng ta cầm một cái chén đựng nước, phía trên rót nước vào, nhưng dưới đáy bị nứt, bị rò, sẽ rỉ mất, quý vị chẳng chứa đựng công đức được. Ất phải vá lỗ rò ấy, nghiệp chướng là lỗ rò, nó tổn hao công đức, phải vá kỹ nó. Dùng phương pháp gì để vá? Sám hối. Dùng phương pháp gì để sám hối? Phàm phu chúng ta luân hồi trong lục đạo, mê mất tự tính, chẳng biết chỗ tốt đẹp do tu điều lành, cứ tạo tác cả đồng ác nghiệp, giết, trộm, dâm, dối, tham, sân, si, mạn, có ai chẳng tạo? Chính mình cũng không phải là ngoại lệ.

Sau khi học Phật mới hiểu rõ mình làm sai rồi! Trật rồi, đã sai lầm mất rồi! Không sao! Hy vọng từ nay trở đi chẳng làm sai nữa, đó là đúng. Chương Gia Đại sư dạy tôi phương pháp sám hối, “sau này chẳng tạo nữa”, đó là chân sám hối. Sám trừ nghiệp chướng, theo như Khổng môn, Khổng phu tử có một học trò tu sám trừ nghiệp chướng tốt đẹp nhất, người ấy cũng là học trò đặc ý nhất của Ngài, tức Nhan Hồi. Quý vị thấy Phu tử tán thán Nhan Hồi “bất nhị quá”, tức là

chỉ phạm khuyết điểm một lần, sau khi đã biết rồi, tuyệt đối chẳng phạm sai lầm đã phạm trước đây. Đó là chân sám hối. Trong Phật pháp dạy chúng ta “phát lộ sám hối”, tức là chính mình đã làm chuyện sai quấy, chớ nên bưng bít, phải có dũng khí bày tỏ khuyết điểm của chính mình khiến cho mọi người đều biết.

Dụng ý ấy rất sâu! Quý vị hướng về mọi người công bố rồi, vẫn chẳng biết xấu hổ mà tái phạm ư? Nếu tái phạm, người ta sẽ nói: “Vài hôm trước, người đã phạm, có sao người lại phạm?”. Do vậy, đối với chính mình sinh ra sức ước thúc có tác dụng rất lớn, lợi ích thật sự của phát lộ sám hối chính là ở chỗ này, vừa cổ vũ, khích lệ người khác, vừa bày tỏ khuyết điểm của chính mình, quyết định sau này chẳng tạo nữa, đó là chân sám hối. Dẫu sám hối phát lộ, sau đấy vẫn tạo thì chẳng phải là chân sám hối.

Trong danh từ này, Sám là tiếng Phạn, dịch âm tiếng Ấn Độ là Sám Ma (ksama), người xưa tỉnh lược âm cuối, dùng một chữ Sám. Hối là tiếng Hán, chữ Sám có ý nghĩa rất gần với chữ Hối, nên kết hợp 2 chữ Phạn và Hán, như thế gọi là “Phạn Hoa hợp dịch”, gộp chung lại để phiên dịch. Vì thế, Sám hối có ý nghĩa thật sự là “về sau chẳng tạo nữa, chẳng phạm lần thứ hai”. Đó là chân sám hối. Chớ nên che giấu, bưng bít tội nghiệp. Giấu diếm thì tội nhỏ biến thành tội lớn, tội lớn biến thành trọng tội, phiền phức to. Thật sự hối lỗi, sửa lỗi, đổi mới, về sau chẳng tạo nữa, nghiệp chướng tiêu

trừ. Nghiệp chướng đã tiêu trừ, công đức của quý vị mới có thể tích lũy. Nghiệp chướng chẳng tiêu trừ, giấu diếm tội nghiệp do chính mình đã tạo, chẳng muốn nói với người khác, sợ kẻ khác biết, dẫu quý vị làm nhiều chuyện tốt đến mấy, vẫn chẳng có cách nào bù đắp tội nghiệp (mầm mống tội lỗi) của chính mình.

Nói theo Phật pháp, sau khi chết, vẫn phải đọa địa ngục, đáng sợ ngần ấy! Nhất định phải giải quyết vấn đề trong một đời này; nếu đời này chẳng thể giải quyết, nói “sau khi chết sẽ giải quyết”, đâu có đơn giản như vậy! Vì sao? Con người sau khi đã chết, so với hiện tại càng hồ đồ hơn, thần trí chẳng có cách nào nhạy bén như trong hiện tại! Ngạ quỷ, súc sinh, địa ngục thua kém nhân đạo quá xa! Do vậy, chúng ta được làm thân người, thì điều tốt đẹp là có thể sám hối nghiệp chướng, đoạn ác, tu thiện, tích công lũy đức, đều được thành tựu trong một đời này, chớ nên đợi đến đời sau.

Trong đời này, gặp gỡ pháp môn Tịnh Độ, được nghe 10 đại nguyện vương. 10 đại nguyện vương được xếp trong *Chứng Tín Tự* của bộ kinh này. Quý vị nói xem ý nghĩa sâu chừng nào? Đây là trí tuệ chân thật, thiện xảo phương tiện của Phật, Bồ tát nhằm nhắc nhở chúng ta. Sám hối thông với hết thầy Phật pháp. Đại thừa, Tiểu thừa, Hiển giáo, Mật giáo, Tông môn, Giáo hạ, 84.000 pháp môn, vô lượng pháp môn, môn nào cũng đều là pháp môn sám hối.

Thứ năm, “*Tùy hỷ công đức*”. Tùy hỷ công đức là phá trừ ganh ghét, ngạo mạn. Ganh ghét, ngạo mạn là đại phiền não. Vì sao con người tạo nghiệp? Chủ yếu đều là ở chỗ này, thấy người khác có chuyện tốt đẹp, chính mình chẳng bằng kẻ ấy, lòng ganh ghét, ngạo mạn dấy lên, nghĩ hết mọi phương cách để gây chướng ngại, phá hoại kẻ ấy. Nếu chúng ta hỏi, người tu tùy hỷ công đức, tu Phổ Hiền hạnh nguyện, có thật sự bị kẻ ấy chướng ngại, phá hoại hay không? Chẳng có! Bất luận dùng thủ đoạn gì, hủy báng người ấy cũng thế, lăng nhục người ấy cũng thế, hãm hại người ấy cũng thế, người ấy thật sự chẳng bị hại. Không chỉ chẳng bị hại, mà còn được thành tựu.

Các bằng hữu đọc kinh *Kim Cương* rất nhiều. Trong kinh *Kim Cương* có một câu chuyện, Nhẫn Nhục tiên nhân bị vua Ca Lợi cắt chặt thân thể, rất nhiều người biết chuyện ấy. Nhẫn Nhục tiên nhân là tiền thân của Phật Thích Ca Mâu Ni, vua Ca Lợi có tổn hại được Ngài hay không? Chúng ta thấy là tổn hại, nhà vua lăng trì xử tử Nhẫn Nhục tiên nhân, thủ đoạn rất tàn khốc để giết chết Nhẫn Nhục tiên nhân; nhưng nhìn về phía Nhẫn Nhục tiên nhân, những hành động ấy thành tựu ông ta, viên mãn Nhẫn Nhục Ba La Mật! Chịu tai nạn như vậy, chẳng có chút tâm oán hận nào. Điều này chẳng dễ dàng, nhưng với Ngài một chút tâm oán hận cũng chẳng có.

Không chỉ chẳng có tâm oán hận tâm, mà còn sinh khởi tâm báo ân. Báo ân gì vậy? Thành tựu viên mãn Nhẫn Nhục

Ba La Mật cho Ngài, giống như khảo thí, vượt được cái ải ấy, vừa vượt qua bèn thành Phật. Phật Thích Ca Mâu Ni đã thành Phật! Khi ấy, vua Ca Lợi hỏi Ngài: “Người có oán hận hay không?”. “Chẳng có! Trong tương lai, ta thành Phật, người sẽ độ thứ nhất là bệ hạ”.

Phật Thích Ca Mâu Ni thành Phật, người thứ nhất đặc độ là Tôn giả Kiều Trần Như. Kiều Trần Như là vua Ca Lợi thuở ấy. Làm sao quý vị có thể hại nổi người thật sự tu đạo? Chẳng thể nào! Nhưng quý vị hại người ấy có tội hay không? Có tội. Tội kết ở chỗ nào? Chẳng phải là kết từ chỗ Nhẫn Nhục tiên nhân. Nhẫn Nhục tiên nhân tu 6 Ba La Mật. Nhẫn Nhục là chủ tu, 5 thứ kia là trợ tu, 1 chủ, 5 bạn. Ngài trụ trong thế gian giáo hóa rất nhiều chúng sinh. Quý vị giết chết Ngài, những người tiếp nhận sự giáo hóa của Ngài chẳng có thầy, do công phu chẳng đủ, bèn bị thoái chuyển! Quý vị phải lãnh cái tội ấy. Vua Ca Lợi phải gánh cái tội ấy. Vua Ca Lợi giết Nhẫn Nhục tiên nhân, mắc tội, hủy hoại duyên phận đặc độ của hết thầy chúng sinh, tội lỗi ấy là địa ngục A Tỳ, cho nên vua Ca Lợi đọa địa ngục A Tỳ. Chỉ có Phật pháp giảng rõ ràng, rành rẽ nghiệp nhân quả báo này!

Mở đầu kinh *Phát Khởi Bồ tát Thù Thắng Chí Nhạo* cũng có một câu chuyện giống như vậy. Có 2 người xuất gia giảng kinh, thuyết pháp, giảng rất hay, người tin tưởng rất đông. Nay, chúng ta nói là quy y nhiều, cúng dường cũng nhiều, sinh tâm cung kính thầy. Có người xuất gia khác thấy vậy, dấy

tâm ganh ghét, trong lòng khó chịu, tung tin đồn trong giới tín đồ: “Vị pháp sư này tuy giảng kinh khá lắm, nhưng thiếu đức hạnh”, ác ý hủy báng. Sau khi thánh chúng nghe lời đồn đại, tín tâm đối với pháp sư dấy lên hoài nghi, thoái chuyển cũng rất nhiều, đã phá hoại pháp hội đạo tràng giảng kinh của pháp sư rồi! Có 5 người xuất gia đọa địa ngục. Thật ra, kết tội ở chỗ nào? Đoạn dứt thiện tâm và duyên nghe pháp của thánh chúng, kết tội ở chỗ này.

2 vị pháp sư giảng kinh ấy chẳng oán hận kẻ phá hoại. 2 vị cũng thành tựu Nhẫn Nhục Ba La Mật. Vì thế, hại người, người chẳng bị hại, cuối cùng hại đến ai? Hại chính mình. Đối tượng bị quý vị làm hại chẳng bị hại, nhưng do duyên phận nghe pháp của cả đồng người bị quý vị đoạn dứt, quý vị hãm hại những người ấy, gây hại cho thánh chúng ấy, chứ chẳng hại được vị pháp sư ấy. Quý vị nói có oan uổng hay không? Trong tâm muốn hại người, nhưng chẳng hại được; đối với những kẻ chẳng mong hãm hại, quý vị lại hại nhóm người đó, đây là gì? Ngu si, thiếu trí tuệ!

Nếu kẻ ấy thông minh, thấy rõ ràng, sẽ chẳng làm chuyện này, mà sẽ làm như thế nào? *Tùy hỷ công đức*. Vị pháp sư ấy nhọc nhằn giáo hóa đồ chúng, người nhiều ngàn ấy được lợi ích, thành tựu do pháp sư dạy dỗ. Nếu kẻ ấy thông minh, sẽ nắm được toàn bộ công đức của pháp sư, có thể hay không? Có thể chứ! Tán thán, cung kính vị pháp sư đó, làm cho nhiều tín đồ đều đến tiếp nhận giáo huấn của pháp sư ấy, pháp sư

dạy họ thành công, do công lao của ai? Công lao của người giới thiệu.

Quý vị thấy: Đều do tôi đưa quý vị đến. Nếu tôi không đưa đến, do đâu mà quý vị biết? Công đức tùy hỷ và công đức của pháp sư to như nhau, có khi còn trội hơn. Nếu quý vị ảnh hưởng nhiều người, sẽ vượt trội nhiều lắm. Lợi ích người khác là lợi ích chính mình thật sự, hại người khác thật ra là hại chính mình. Chúng ta nhất định phải hiểu đạo lý này. Người hiểu rõ đạo lý này, trong quá khứ, khi chúng tôi còn trẻ, chưa học 10 nguyện Phổ Hiền, chẳng biết, đến khi gặp phải tình hình như vậy, trong tâm rất khó chịu.

Học 10 nguyện Phổ Hiền rồi mới biết, hoát nhiên đại ngộ, nguyên lai chính mình quả thật chẳng bị chướng ngại, bị chướng ngại là kẻ khác, là quần chúng. Nhưng trong xã hội hiện thời, khoa học kỹ thuật phát triển, chúng ta lợi dụng công cụ khoa học kỹ thuật cao, tốt lắm! Đưa Phật pháp đến gia đình của mỗi cá nhân, đó là gì? Giảm bớt ganh ghét, chướng ngại xung đột.

Thính chúng đến đây chẳng nhiều lắm, mấy người, kẻ khác thấy quý vị thính chúng chẳng nhiều, cũng coi như chẳng đáng kể! Thính chúng của quý vị càng đông, trong tâm họ càng khó chịu, sức ganh ghét, chướng ngại càng mạnh. Họ thấy quý vị chẳng được mấy người, cũng là chẳng đáng kể gì, nên không quấy rối! Vì thế, khoa học kỹ thuật,

công nghệ cao cũng giúp nhiều đồng tu nghe pháp, giác ngộ, y giáo phụng hành hơn, đạt được lợi ích chân thật.

Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, phải biết tu tùy hỷ công đức. Tu tùy hỷ đạt được công đức chiếm tiện nghi rất nhiều. Vì sao? Bỏ công sức rất ít, thu được hiệu quả quá lớn. Thí dụ như giảng kinh. Pháp sư giảng kinh còn phải chuẩn bị bài giảng, còn phải nhọc nhằn giảng trên giảng đài, kẻ khác ở bên cạnh khuyên mấy người đến nghe, công đức bình đẳng với pháp sư, quý vị nói xem người nào được lợi hơn? Hiểu rõ chuyện này, nhãn quang của chúng ta phải nhìn xa hơn một chút, nhìn to hơn một chút, Tây Phương Cực Lạc thế giới Phật A Di Đà nhọc nhằn! 5 kiếp tu hành kiến lập thế giới Cực Lạc, vất vả ngàn ấy; quý vị thấy mười phương chư Phật, Bồ tát đều khuyên dạy người khác đến thế giới Cực Lạc, tu hành, tiếp nhận giáo huấn. Phật Di Đà ở nơi ấy nhọc nhằn răn dạy, các Ngài chỉ là khuyên lớn, hướng dẫn người khác, công đức trội vượt Phật A Di Đà .

Quý vị thấy người sang Tây Phương Cực Lạc thế giới đông ngàn ấy. Vì sao? Do hết thấy chư Phật khuyên lớn, hướng dẫn. Phật Thích Ca Mâu Ni khuyên lớn bọn đệ tử chúng ta trong thế giới Sa Bà hãy cầu sinh Tịnh độ, Phật Thích Ca Mâu Ni rất thoải mái, rất đỡ tốn công. Quý vị nghiệp chướng quá nặng, tiêu tan nghiệp chướng chẳng dễ dàng, hãy đến thế giới Cực Lạc, Phật A Di Đà sẽ giúp quý vị tiêu tan. Mê quá sâu, thời gian mê quá dài, phá mê khai ngộ chẳng dễ

dàng, hãy đến thế giới Cực Lạc, đều tìm Phật A Di Đà, Ngài có cách giúp đỡ quý vị. Quý vị thấy Phật Thích Ca chỉ cần nói mấy câu ấy, người ta đến Tây Phương Cực Lạc thế giới làm Phật. Cảm ơn ai? Cảm ơn Phật Thích Ca Mâu Ni. Không có Phật Thích Ca Mâu Ni, làm sao biết thế giới Cực Lạc, làm sao biết đến chỗ nào? Vì thế, thành tựu của Thích Ca Thế Tôn và thành tựu của Phật A Di Đà chẳng hai, chẳng khác. Tùy hỷ công đức mà! Đây là người thông minh bậc nhất, phải hiểu đạo lý này. Tùy hỷ sẽ đạt được công đức chân thật.

Thứ sáu, *“Thỉnh chuyển pháp luân”*. Điều này đòi hỏi phải có phúc báo kha khá, phải có trí tuệ. Tùy hỷ dễ dàng, người thiếu phúc báo cũng có thể thành tựu đại phúc báo. Thỉnh chuyển pháp luân chẳng dễ dàng. Thỉnh pháp sư đến nơi này giảng một bộ kinh chẳng dễ dàng. Thuở Phật Thích Ca Mâu Ni tại thế, trưởng giả Cấp Cô Độc nhận biết Phật giáo, biết Phật pháp tốt đẹp, hy vọng lễ thỉnh đức Thế Tôn đến đại thành Xá Vệ giảng kinh, giáo học. Tìm không được địa điểm thích đáng, vì mọi người đều biết Phật Thích Ca Mâu Ni chẳng đến một mình.

Nếu Ngài đến, cũng phải tiếp đãi đệ tử Thường tùy chúng gồm 1.255 người. Tìm được hoa viên và biệt thự của Thái tử Kỳ Đà. Cơ sở ấy rất thích hợp. Ông ta có tiền, trưởng giả Cấp Cô Độc giàu có, là bậc đại phú trưởng giả, tính mua hoa viên của Thái tử, tìm Thái tử thương lượng. Thái tử Kỳ Đà nói giỡn: “Ông muốn mua hoa viên của ta? Được! Ông đem vàng

ròng lót đi, lót được bao nhiêu, ta bán cho ông bấy nhiêu”. Ông ta thật sự dùng vàng ròng lót. Thái tử Kỳ Đà cảm động: “Phật Thích Ca Mâu Ni là người như thế nào mà ông bỏ tiền của như vậy?”. Ông ta giới thiệu Phật Thích Ca Mâu Ni với Thái tử Kỳ Đà. Thái tử Kỳ Đà nói: “Không được! Công đức này ông chẳng thể làm một mình, ta phải có một nửa”. Trưởng giả Cấp Cô Độc nói: “Không được! Ngài đã hứa bán, tôi đã mua hoàn toàn. Tôi đã dùng vàng ròng lót hết rồi!”. Rốt cuộc, Thái tử Kỳ Đà cũng rất thông minh: “Được! Ông có thể lót vàng ròng, nhưng hoa, cỏ, cây cối trong hoa viên này của ta rất nhiều. Ông chẳng phủ vàng lên hoa, cỏ, cây cối, nên hoa, cỏ, cây cối là của ta. Ta chặt trụi hết, biến thành một bãi đất hoang!”. Cuối cùng thỏa thuận, được rồi! Đất là của trưởng giả Cấp Cô Độc, hoa, cỏ, cây cối là của Thái tử Kỳ Đà, nên gọi là Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên (Cây của Thái tử Kỳ Đà, vườn của ông Cấp Cô Độc). Quý vị thấy quý vị không có cơ sở, làm sao có thể thỉnh Ngài? Đó là *“Thỉnh chuyển pháp luân”*, ắt phải là đại phú đại quý mới có sức ảnh hưởng như thế được!

Thỉnh Phật chuyển pháp luân là giảng kinh, dạy học, công đức ấy to lớn. Nói theo mặt Sự, công đức và phúc đức giống nhau, nhưng dụng tâm khác nhau. Hoàn toàn nhằm lợi ích người khác, thỉnh Phật đến đây giảng kinh, làm cho nhiều người tiếp nhận giáo huấn của đức Phật, không vì chính mình. Chính mình chẳng có mảy may tham cầu nào! Đó là công đức. Nếu khi thỉnh Phật đến giảng kinh, thuyết

pháp, hồi hướng công đức ấy cho ta, phù hộ ta bình an, phù hộ gia đình ta sự nghiệp phát đạt, sẽ biến thành phúc đức, do ý niệm khác nhau! Làm sao chúng ta biết chuyện họ làm là công đức? Thái tử Kỳ Đà và trưởng giả Cấp Cô Độc đều là Bồ tát hóa thân. Một vị Phật xuất thế, ngàn vị Phật ủng hộ. Các Ngài chẳng phải là phàm phu, biểu diễn cho chúng ta xem, nhằm bảo cho chúng ta biết đây là chuyện tốt đẹp. Nếu quý vị muốn tu phúc, phúc báo lớn nhất. Phúc lớn nhất là gì? Giúp người khác phá mê khai ngộ. Ta chẳng có năng lực, nhưng Phật có trí tuệ, Phật thông minh, thỉnh Ngài đến giáo học, đến thành tựu công đức ấy. Dụng ý ở chỗ này, chúng ta chớ nên không biết điều này.

Ngày nay, chúng ta hiểu, một vị pháp sư hoặc cư sĩ thật sự tu hành đúng như lời dạy, vị ấy có thể thành tựu. Sau khi thành tựu, ở trong thế gian này giảng kinh, thuyết pháp độ bao nhiêu chúng sinh! Do vậy, chúng ta biết rõ: Có thể bồi dưỡng một, hai pháp sư, thành tựu họ, trong tương lai, vị ấy thành tựu trong một đời; đó là thành tựu người hộ pháp. Công đức ấy thù thắng, hoặc phúc đức ấy lợi ích vô biên, nhất là trong thời đại hiện tại, giáo huấn của cổ thánh tiên hiền đang ở ranh giới tồn tại hay mất đi, tiếp tục hay tuyệt diệt. Nếu chẳng có ai cứu vãn, thế hệ sau không có ai kế tục, giáo huấn của thánh hiền sẽ bị gián đoạn nơi đây, chẳng còn nữa! Nhận biết có mấy người thật sự phát tâm, thật sự muốn học, hãy toàn tâm toàn lực bồi dưỡng họ, giúp đỡ họ.

Đó là gì? Cứu vãn Phật pháp, cứu vãn đại đạo của cổ thánh tiên hiền. Chúng ta không bàn đến công đức, mà bàn đến chuyện người thế gian mong cầu phúc. Phúc báo của quý vị ở chỗ nào? Thừa thật cùng quý vị, chẳng khoa trương mảy may, đời sau quý vị sẽ làm thiên vương trên cõi Trời, chẳng phải là đế vương trong nhân gian. Đế vương trong nhân gian chẳng có phúc báo lớn như thế, phải hiểu điều này!

Hiện thời, phúc bậc nhất là gì? Bồi dưỡng nhân tài, thầy trò tốt đẹp, toàn tâm toàn lực thực hiện, khuynh gia bại sản, vứt bỏ tánh mạng cũng phải làm. Quả báo của quý vị là trên cõi Trời. Trên trời có 6 tầng, mỗi tầng sau thù thắng hơn tầng trước. Người có trí tuệ chân thật, người có phúc báo chân thật mới có thể đến đó. Do vậy, quý vị có thể biết: Nếu chướng ngại vị pháp sư hoặc những người có thể thành tựu ấy, chướng ngại họ, hủy báng họ, hãm hại họ, chẳng phải là quý vị hại một mình người ấy, mà là đoạn dứt toàn bộ Phật pháp, chướng ngại toàn bộ giáo huấn của thánh hiền. Tội lỗi ấy có quả báo là địa ngục A Tỳ.

Quý vị giết một ức người, tội vẫn còn nhỏ; chướng ngại sự giáo huấn của thánh hiền, tội lỗi ấy không chỉ là giết một ức người. Đối với công đức, họa - phúc, cát - hung, hãy chú tâm quan sát và tư duy, quý vị sẽ liễu giải. Thời cổ, có người làm như vậy, như trưởng giả Cấp Cô Độc thỉnh Phật Thích Ca Mâu Ni đến giảng kinh. Ông ta cũng chưa giảng một bộ kinh nào, mà dùng vàng ròng lót đất, bỏ sạch tài sản cũng phải làm. Vì

sao? Ông ta hiểu rõ, thông hiểu, chẳng ngu xuẩn! Ông ta thật sự học Phật, tâm thanh tịnh, đã thành Phật, vẫn mong hưởng thụ phúc báo trong nhân gian, cõi Trời, bèn sinh lên trời!

Thứ bảy, “*Thỉnh Phật trụ thế*”. Đây là thời đức Phật tại thế, thỉnh Ngài trụ thế lâu dài để giáo hóa chúng sinh nhiều hơn. Chư Phật Như Lai, Pháp thân đại sĩ ngự trong thế gian này do duyên phận. Thuở ấy, khi Phật Thích Ca Mâu Ni thành đạo, không ai biết, người bình thường chỉ thấy Phật Thích Ca Mâu Ni ngồi dưới cội Bồ đề, ai biết Ngài đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính? Không ai biết. Do không ai biết, không có ai thỉnh pháp, Phật sẽ ra đi, diệt độ. Coi như là xong! Chư thiên thuộc Ngũ Bất Hoàn Thiên trong Tứ Thiên Thiên trông thấy. Từ cõi Trời, họ thấy Phật Thích Ca Mâu Ni khai ngộ dưới cội Bồ đề, đã thành Phật, không có ai khải thỉnh. Họ từ trời xuống, huyễn hóa thành hình dạng con người, cùng nhau khải thỉnh, thỉnh Phật trụ thế, thỉnh Phật giảng kinh, giáo hóa chúng sinh. Phật Thích Ca Mâu Ni nhận lời, chẳng nhập diệt. Lúc ấy, Ngài mới từ gốc Bồ đề đứng lên, đi đến Lộc dã Uyển gần đó không xa. Trong Lộc dã Uyển có 5 người, đều là họ hàng của Ngài. Khi Ngài rời khỏi gia đình, 5 vị ấy đi theo, chăm sóc cuộc sống hằng ngày của Ngài. Ngài tìm 5 người ấy thuyết pháp cho họ. Trong 5 người ấy có Kiều Trần Như. Kiều Trần Như nghe đức Thế Tôn thuyết pháp cũng giác ngộ, chứng quả A La Hán, cũng là buông Kiến Tư phiền não xuống. Đó là *Thỉnh Phật trụ thế*.

Phật ở trong thế gian, độ kẻ hữu duyên. Kinh nói rất hay: “*Phật chẳng độ kẻ vô duyên*”. Vô duyên là gì? Không tin, không hiểu, chẳng thể lý giải. Quý vị giảng kinh cho kẻ ấy, kẻ ấy chẳng hiểu, chẳng thể tiếp nhận, đương nhiên càng không thể y giáo phụng hành. Người như vậy gọi là kẻ vô duyên. Ta nghe xong tin tưởng, tuy không hiểu, ta cũng không làm được, nhưng vẫn là có duyên với Phật. Duyên ấy là gì? Duyên cạn, chẳng sâu! Có thể tin, có thể hiểu, duyên sâu hơn một chút. Có thể hành, càng sâu hơn. Có thể chứng, vãng sinh là chứng, đó là căn đã chín muồi! Do vậy, Phật đến thế gian, ưu tiên bậc nhất là độ chúng sinh căn cơ đã chín muồi, họ chắc chắn có thể thành Phật.

Khi đức Phật tại thế, người căn tánh nhậy bén rất nhiều, nghe đức Phật thuyết pháp, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính, có hạng người này! Đại triệt đại ngộ, nhưng vẫn còn có chỗ chưa làm được, thì gọi là giải ngộ. Đức Phật ở trong thế gian nhằm giúp người ấy thăng tiến. Có người trong vài ba năm từ giải ngộ đạt đến chứng ngộ; có những người 7-8 năm; có những người mười mấy năm, hai mươi mấy năm đều có, căn tánh mỗi người khác nhau. Vì thế, đức Phật dạy mọi người, bởi căn tánh khá cạn, có thể tin, nhưng vẫn chưa thể lý giải.

Quý vị thấy trước hết đức Phật nói *A Hàm* 12 năm, giúp họ tăng tấn. 12 năm ấy là giáo dục cơ sở, là Tiểu thừa. Tiếp theo đó là *Phương Đẳng* 8 năm, tiến nhập Đại thừa, là lớp

dự bị của Đại thừa. Lại *Bát Nhã* 22 năm, thuần là Đại thừa. Cũng có thể nói là trong suốt cuộc đời giáo học của đức Thế Tôn, khoa mục này là khoa mục chủ yếu, khoa mục cốt lõi. Trong 49 năm, khoa mục này giảng hết 22 năm. Cuối cùng, *Pháp Hoa* 8 năm, giống như Chương trình Nghiên cứu sinh. *Pháp Hoa* là quy về pháp Nhất thừa, thành Phật. *Bát Nhã* là Bồ tát. Từng tầng một nâng người ta cao lên. Những người này đều là kẻ hữu duyên.

Chưa thể đại triệt đại ngộ, chưa thể minh tâm kiến tính, nhưng cũng có cơ sở khá tốt, những người này dành lại cho ai? Kinh giảng rất rõ ràng, dành cho Bồ tát Di Lặc đến độ. Vì thế, trong tương lai Bồ tát Di Lặc thành Phật, những người đắc độ trong Long Hoa tam hội, là những người chưa minh tâm kiến tính, chưa chứng quả trong hội của Phật Thích Ca Mâu Ni, trong tương lai đều sẽ thành tựu trong hội ấy. Trong một thời gian lâu dài như thế, Bồ tát Địa Tạng thay Phật giáo hóa chúng sinh, duy trì cho chúng sinh cục diện ấy, cũng là từ từ nâng họ cao lên hòng chẳng đến nỗi thoái chuyển. Bồ tát Địa Tạng lấy gì làm trung tâm trong giáo học?

Thưa quý vị, “Hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy”, phải biết điều này! Những điều ấy là hiếu và kính. Hiếu, kính là pháp căn bản của pháp thế gian và xuất thế gian. Hết thấy thiện pháp đều sinh từ hiếu, kính. Hiếu, kính không có, thì thiện pháp đều không có! Hết thấy các pháp nếu đặt vững căn cội trên hiếu, kính, thì chúng ta biết pháp ấy là chính pháp.

Vì sao? Hiếu, kính là đức bậc nhất trong Tính đức. Đã nắm được cốt lõi của Tính đức, lẽ đâu chẳng thành tựu?

Trong 10 nguyện của Bồ tát Phổ Hiền, nếu nói về nguyện chỉ có 7 điều ấy. 7 điều ấy là nguyện, cổ đại đức bảo 3 điều sau là hồi hướng. *“Thường tùy Phật học”* là hồi hướng Bồ đề. *“Hằng thuận chúng sinh”* là hồi hướng chúng sinh. *“Phổ giai hồi hướng”* là hồi hướng pháp giới, cũng là hồi hướng Tính đức. Câu *“Thường tùy Phật học”* vô cùng trọng yếu. “Thường” là vĩnh viễn chẳng gián đoạn. Chúng ta học theo ai? Học theo Phật, chẳng sai. Vì sao? Phật là bậc đại triệt đại ngộ, phúc huệ viên mãn. Nói theo Lý, phúc huệ trong tự tính của chúng ta và phúc huệ của Như Lai không hai, không khác, nhưng chúng ta đã mê, mê mất rồi, còn Phật giác ngộ, chẳng mê.

Chúng ta mong mỏi phúc huệ trong tự tính của chính chúng ta hiện tiền, nên chúng ta đi theo Ngài sẽ chẳng sai. Ngài thị hiện, nói rõ với chúng ta: Toàn là phúc tuệ sẵn có trong tự tính, làm sao có thể sai lầm được? Vì thế, chỉ bảo chúng ta phải học theo Phật. Hiện thời, Phật chẳng tại thế, nhưng kinh bốn vẫn còn trên cõi đời. Kinh bốn tuy nhiều, 84.000 pháp môn, “pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp”. Đối với căn tánh của chúng ta trong hiện thời quá ít thì không được, quá nhiều bèn tiêu hóa không nổi, tìm một bộ kinh chẳng dài, chẳng ngắn, thích hợp với căn tánh của chúng ta là kinh Đại thừa *Vô Lượng Thọ*. Được! Suốt đời này, chúng ta

học một bộ kinh này, thật sự học bộ kinh này. Thưa quý vị, 10 năm, quý vị dẫu chẳng đại triệt đại ngộ, cũng sẽ đại ngộ, thấp hơn đại triệt đại ngộ một bậc. Quý vị đại ngộ, khẳng định là có, chỉ cần quý vị thực hiện được chữ “Thường” này! Thường là chớ nên gián đoạn, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài.

Chúng ta thấy từ xưa đến nay, quả thật có nhiều người chẳng biết chữ, chưa hề học hành, thứ gì cũng chẳng biết. Có người bảo kẻ ấy, Phật A Di Đà hay lắm, quý vị hãy niệm câu Phật hiệu này, tương lai nhất định được lợi ích. Người ấy có thiện căn, chẳng hoài nghi, tiếp nhận, từ hôm ấy trở đi, thật sự suốt ngày từ sáng đến tối luôn là Phật A Di Đà, niệm 3 năm, biết trước lúc mất, chẳng ngã bệnh, rất tiêu sái đứng vãng sinh, hoặc ngồi vãng sinh, chẳng ngã bệnh, ra đi, đến thế giới Cực Lạc. Thời gian 3 năm thôi!

Nếu chúng ta dụng công nơi kinh giáo 10 năm, lẽ đâu chẳng khai ngộ? Trong kinh *Di Giáo*, đức Thế Tôn đã nói: *“Chế tâm một chỗ, không gì chẳng thành tựu”*. Ta muốn đến thế giới Cực Lạc, muốn thân cận Phật A Di Đà, làm chuyện này, quý vị hãy tập trung tâm vào một chỗ, một bộ kinh này, một câu Phật hiệu, quý vị sẽ làm được, chẳng khó! Trên thế gian, làm chuyện khác khó khăn, chứ chuyện này chẳng phải cầu cạnh ai khác, chỉ cần chính mình hạ quyết tâm là có thể làm được! Bí quyết thành công ở ngay trong câu này!

Nguyện kế tiếp trọng yếu, vì thân người chúng ta vẫn ở trong thế gian này, sống như thế nào? Hằng thuận chúng sinh, tùy thuận. Thế nào cũng được, tôi muốn tới thế giới Cực Lạc, thế giới này chẳng ăn nhằm gì đến tôi, có gì là không chịu được? Còn có gì để ham hố, tranh giành? Thật sự làm được “không tranh với người, không cầu nơi đời”, nhất là hiện thời địa cầu lắm tai nạn ngàn ấy, chỗ nào an toàn? Chẳng có chỗ nào! Nếu tâm đã định, chỗ nào cũng an toàn. Nếu tâm chẳng định, nơi đâu cũng chẳng an toàn.

Tâm định bèn ở trong thế giới Cực Lạc, mỗi ngày niệm tại đâu, nghĩ tại đó, chẳng có tai nạn, tốt lắm; có tai nạn cũng tốt lắm, có tai nạn sẽ sớm ra đi. Bất luận thuận cảnh hay nghịch cảnh, chẳng hoan hỷ mà cũng chẳng bi ai, đối đãi mọi vật bằng cái tâm bình thường, kết thiện duyên với hết thảy chúng sinh. Chúng sinh làm chuyện sai quấy, quý vị trông thấy, kẻ ấy có tập khí ngạo mạn, ganh ghét, chẳng khuyên hấn, chẳng phê bình, cũng chẳng ghim chuyện đó trong lòng, trong tâm chỉ có Phật A Di Đà. Đối với người có thiện căn bèn khuyên kẻ ấy niệm Phật. Đối với kẻ chẳng có thiện căn, hãy để mặc kẻ ấy.

Cuối cùng là “*Phổ giai hồi hướng*”. Câu này có cùng ý nghĩa với một câu nói trong *Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán* của Hiền Thủ Quốc sư, tức là câu nói về 3 thứ châu biến, trong đó, loại thứ 3 là “*Bao hàm Không và Có*”, tâm lượng của quý vị đã mở rộng. “*Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*”. Có tâm lượng to

như thế, quý vị mới có thể thành Phật. Không có tâm lượng to như thế, chẳng thể thành Phật, tối đa là thuộc địa vị Bồ tát. Thành Phật là phải giúp đỡ hết thảy chúng sinh khắp pháp giới hư không giới đều có thể chứng đắc rốt ráo viên mãn. Đó là cái tâm thành Phật. Chẳng còn phân biệt nữa, giống như trong nhan đề kinh này; tâm thanh tịnh hiện tiền, tâm bình đẳng hiện tiền, tâm đại giác hiện tiền.

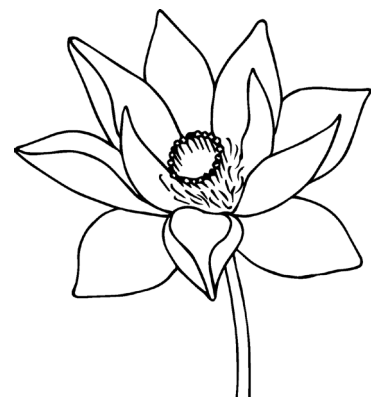
“Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác” là tâm vô thượng Bồ đề. Đó là chân tâm của chúng ta. Niệm niệm chẳng vì chính mình. Niệm niệm vì toàn thể của cả vũ trụ, phổ giai hồi hướng. Hồi hướng cho hết thảy hữu tình chúng sinh, cây cối, hoa, cỏ, núi, sông, đại địa, hết thảy hiện tượng tự nhiên trong khắp pháp giới hư không giới. Vì sao? Những hiện tượng ấy đều là *“duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”*, toàn là tự tính, có cùng một Thể với chính mình, chẳng có mảy may sai biệt. Chúng ta có tâm phân biệt là trật rồi, có tâm chấp trước càng trật hơn. Những lầm lỗi thảy đều buông xuống, trở về Nhất chân. Trong Nhất chân, 10 đức hạnh to lớn này đều trọn đủ viên mãn. Ở đây, tôi chỉ giới thiệu đơn giản 10 điều này, giới thiệu tỉ mỉ xin hãy nghe hay đọc trong bài giảng kinh *Hoa Nghiêm*.



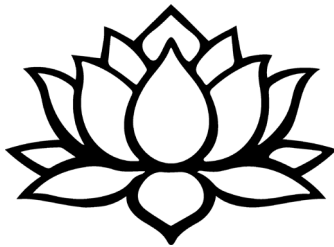
TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA



TẬP 99



Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong



Chur vị pháp sư, chư vị đồng học, xin xem tiếp *Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải*, trang 115, dòng thứ 5, xem từ câu thứ 2.

“Như thượng thập nguyện, nguyện nguyện giai viết: Ngã thử đại nguyện, vô hữu cùng tận. Niệm niệm tương tục. Vô hữu gián đoạn. Thân, ngữ, ý nghiệp. Vô hữu bì yếm” (10 nguyện như trên, nguyện nào cũng đều nói: “Đại nguyện này của tôi chẳng có cùng tận. Niệm niệm nối tiếp chẳng có gián đoạn. Thân, ngữ, ý nghiệp chẳng có nhọc mỏi”).

Trong đoạn kinh văn này, lúc Bồ tát Phổ Hiền phát nguyện, đối với mỗi nguyện đều dùng mấy câu này để tổng kết. Ở đây nói “*Ngã thử đại nguyện*” (Đại nguyện này của tôi), nguyện thứ nhất là “*Lễ kính chư Phật*”, nguyện thứ hai là “*Xưng tán Như Lai*”, cho đến nguyện thứ mười là “*Phổ giai hồi hướng*”. Mỗi nguyện chẳng có cùng tận, tương ứng với khắp pháp giới. Đúng như “tam chủng châu biến” (3 thứ trọn khắp) trong *Hoàn Nguyên Quán* của Hiền Thủ Quốc sư, thứ nhất là “*Trọn khắp pháp giới*”.

Trong *Hoàn Nguyên Quán*, Ngài nói là “dao động”. Dao động ấy hết sức vi tế, rất nhanh. Mỗi dao động đều lập tức trọn khắp pháp giới. Tốc độ ấy chẳng có cách nào tưởng tượng được, chắc chắn không phải là tốc độ ánh sáng hay tốc độ sóng điện từ như đã nói trong hiện tại, chẳng có cách nào sánh bằng. Ánh sáng mặt trời, từ mặt trời chiếu đến địa

cầu phải mất hơn 8 phút, nhưng dao động trong tự tính vừa động liền trọn khắp pháp giới. Đó là loại thứ nhất trong 3 thứ trọn khắp. Nguyên của Bồ tát Phổ Hiền cũng là một thứ dao động, bất luận là hữu ý hoặc vô tình, bất luận là thiện nguyện hay là ác niệm, đều là cùng một đạo lý. Vì thế, chuyện này chẳng phải là giả, mà là thật!

Đối với mấy câu tổng kết này của Bồ tát Phổ Hiền, hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian không gì chẳng phải là như vậy. Hữu tình có ý niệm. Ý niệm ấy động, tức là hiện tượng dao động. Vô tình chúng sinh thuộc về vật chất. Vật chất có dao động hay không? Có. Hiện thời, coi như chúng ta đã hiểu rõ, chẳng dao động nó sẽ không tồn tại, nhất định phải dao động nó mới tồn tại. Giống như chúng ta xem phim ảnh. Phim ảnh là từng tấm phim một chiếu rất nhanh qua ống kính của máy chiếu, khiến cho chúng ta thấy huyền tượng trên màn bạc, ngỡ chúng đang cử động.

Trên thực tế, chẳng phải là như vậy, mỗi tấm phim đều độc lập. Nếu chúng chẳng cử động (tức là từng tấm phim không được kéo qua ống kính), sự chuyển động của hình ảnh trên màn bạc bèn ngưng dứt. Nếu chúng chẳng còn được liên tiếp chiếu qua ống kính nữa, màn bạc trống rỗng, hiện tượng là như vậy đó. Hiện thời, lục căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới lục trần bên ngoài, đó là tướng dao động liên tục. Các nhà khoa học còn thêm vào một câu, hiện tượng vật chất là hiện tượng tích lũy liên tục của ý niệm, do ý niệm tích lũy thành. Ý

niệm tích lũy thành vật chất, nên vật chất có hiện tượng dao động. Nếu “sóng” ý niệm chẳng động, vật chất sẽ chẳng còn nữa, chẳng tồn tại. Các hiện tượng dao động ấy đều trọn khắp pháp giới, lập tức trọn khắp pháp giới. Khoa học hiện thời vẫn chưa thể ứng dụng hiện tượng dao động ấy để truyền đạt thông tin. Sự truyền đạt ấy quá nhanh, ánh sáng và sóng điện từ đều chẳng thể sánh bằng. Do vậy, câu này là thật, chẳng phải là nói tỷ dụ, mà tương ứng với pháp giới!

Câu thứ hai, “*Niệm niệm tương tục*” (Niệm niệm tiếp nối), nói theo cách bây giờ là “tương ứng với thời gian”. Thời gian có tồn tại hay không? Niệm niệm liên tục, thời gian tồn tại dưới hình thái này. Nếu niệm niệm chẳng liên tục, thời gian chẳng có, đã đoạn rồi. Vì thế, thời gian cũng là huyền tướng do niệm niệm liên tục sinh ra. “*Vô hữu gián đoạn*” (Chẳng có gián đoạn), đấy là tương ứng với tự tính. Tự tính bất sinh bất diệt, chẳng gián đoạn. Bất quá, ở đây, hai câu trước nói đến trạng thái dao động của tự tính.

Thật ra, tự tính bất động, trạng thái dao động ấy chẳng thật, nó khiến cho tự tính sinh ra ảnh hưởng, nhưng tự tính quả thật chẳng gián đoạn, tự tính chẳng biến đổi. Tiếp đó là “*Thân, ngữ, ý nghiệp*”, tức là tương ứng với tam nghiệp. Mỗi nguyện đều tương ứng với pháp giới, tương ứng với thời gian, tương ứng với tự tính, tương ứng với tam nghiệp thân - ngữ - ý. “*Vô hữu bì yếm*” (Chẳng có nhọc mỏi). Tự tính vốn là như thế. Đây là Bồ tát Phổ Hiền đã nêu khuôn phép,

gương mẫu tu hành cho chúng ta. Nêu gương cho ai? Đều là nêu gương cho Pháp thân Bồ tát. Phẩm cuối cùng của kinh *Hoa Nghiêm* là *Bồ tát Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm*. Phẩm này có nhan đề đầy đủ là *Nhập Bất Tư Nghị Giải Thoát Cảnh Giới Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm*.

Bất Tư Nghị Cảnh Giới là sở nhập (Cái được chứng nhập), tức là trở về tự tính. *Phổ Hiền Hạnh Nguyên* là năng nhập (Cái có thể nhập, phương tiện hoặc chủ thể thực hiện sự chứng nhập ấy). Chỉ có tu Phổ Hiền hạnh nguyện mới có thể nhập cảnh giới ấy. Tịnh tông gọi cảnh giới ấy là Thường Tịch Quang Tịnh Độ. 4 câu này, kể thêm câu cuối là “*Vô hữu bì yếm*” (Chẳng có nhọc mỏi) thành 5 câu, chính là Bồ tát Phổ Hiền vì chúng ta hình dung Thường Tịch Quang. Thường Tịch Quang có tác dụng, chẳng phải là vô tác dụng. Chúng sinh có cảm, Thường Tịch Quang bèn hiện tướng, thuận theo tâm của chúng sinh để ứng với khả năng nhận lãnh của họ.

Đoạn tiếp theo, “*Hạnh Nguyên Phẩm*” (Trong phẩm *Hạnh Nguyên*), có mấy câu như sau: “*Hạnh Nguyên Phẩm phục vân*” (*Hạnh Nguyên Phẩm* lại nói), tức là nói thêm. “*Nhược nhân tụng thử nguyện giả*” (Nếu ai tụng nguyện này). Tỉnh lược những câu kể đó, chỉ sao lục đoạn này: “*Thị nhân lâm mạng chung thời, tối hậu sát-na, nhất thiết chư căn tất giai tán hoại*” (Người ấy lúc lâm chung, trong sát-na cuối cùng, hết thảy các căn thảy đều hư hoại). Đây là nói về người thường đọc tụng phẩm *Hạnh Nguyên*.

Kinh văn của cả phẩm *Hạnh Nguyên* rất dài, gồm có tất cả 40 quyển. Cổ đại đức nhằm tạo thuận tiện cho hành nhân tu học. “Hành nhân” là đệ tử Phật môn, tức là người y theo kinh giáo để tu hành, đặc biệt lấy ra một quyển để lưu hành đơn độc, hòng làm cho người bình phàm học tập dễ dàng. Thanh Lương Đại sư làm chuyện này. Lão nhân gia lấy ra quyển cuối cùng của bộ *Tứ Thập Hoa Nghiêm*. Thông thường, chúng ta nói đến *Phổ Hiền Bồ tát Hạnh Nguyên Phẩm*, thì quá nửa là nói tới quyển cuối cùng này.

Tông Mật Đại sư đã chú giải quyển ấy tỉ mỉ, đó chính là tác phẩm *Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm Biệt Hành Sớ Sao*. Gọi tên như vậy, do nó chẳng phải là toàn bộ kinh, chỉ là quyển cuối cùng của cả bộ kinh, tức quyển cuối cùng trong 40 quyển. Quyển này đặc biệt trọng yếu. Quyển này chính là “10 đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc” như trong kinh điển thường nói. Quyển này dẫn dắt về Cực Lạc, mà cũng là trong 53 lần tham học của Thiện Tài đồng tử. Đến cuối cùng, đồng tử tham phỏng Bồ tát Phổ Hiền. Bồ tát Phổ Hiền đưa Thiện Tài về thế giới Cực Lạc, vô cùng thù thắng!

Nói theo người tu hành pháp môn này, ở đây kinh *Hoa Nghiêm* nói là “độc tụng”. Đối trước kinh bốn bề niệm, thì là “độc” (讀: đọc). Chẳng đối trước kinh bốn mà đọc thuộc lòng thì gọi là “tụng”. Tụng (誦) là niệm thuộc lòng, niệm rất thuần thực, có thể niệm thuộc lòng một quyển kinh văn này. Đọc cũng thế, mà tụng cũng vậy, chẳng thể không hiểu

ý nghĩa của kinh. Kinh có 4 loại, “giáo, lý, hành, quả”. Văn tự, ngôn thuyết là Giáo, trong Giáo có Lý, tức là có đạo lý. Chẳng thể không hiểu rõ Lý, hiểu rõ là Giải.

Quý vị đã hiểu rõ đạo lý ấy, sau khi liễu giải phải hành. 10 đại nguyện vương này đều được áp dụng trong cuộc sống hằng ngày, sẽ thay đổi hết thảy tâm thái sai lầm của chúng ta. Điều thứ nhất, quý vị có thể nói ai chẳng ngạo mạn hay không? Ngạo mạn là phiền não bẩm sinh, chẳng cần phải học! Một niệm bất giác, A Lại Da liền xuất hiện, 8 thức, 51 Tâm sở là hiện tượng tinh thần. Thức thứ 8, tức A Lại Da, là căn bản của mê hoặc. 3 tế tướng từ A Lại Da biến hiện thành Mạt Na. Mạt Na là thức thứ 7. Từ thức thứ 7 lại biến hiện thức thứ 6. Thức thứ 6 là ý thức. Thức thứ 7 có tên tiếng Phạn là Mạt Na (Manas-vijñāna), dịch sang nghĩa tiếng Hán là Nhiễm Ô thức, hàm ý nó chẳng sạch sẽ, chấp trước.

4 đại phiền não thường đi theo Mạt Na, chúng có từ lúc mới sinh ra. 4 đại phiền não, thứ nhất là Ngã kiến, chính là chấp trước có ngã, còn chưa có thân, chưa phải là chấp trước thân, mà là chấp trước có ngã. Do có ngã nên mới đi tìm thân thể, tìm thân thể để đầu thai, tìm thân thể trong lục đạo. Ngoài Ngã kiến có Ngã ái. Ngã ái là là tham. Ngã mạn là ngạo mạn. Ngã mạn là sân khuể, Ngã si. Tham, sân, si là tam độc phiền não. Khi nào sẽ có? Một niệm bất giác bèn có. Tuy có, chẳng nghiêm trọng như hiện thời. Hiện nay, chúng ta tham, sân, si quá nghiêm trọng, chiêu cảm khá nhiều tai nạn xuất hiện.

Do vì chẳng chuyển thức thành trí, vẫn dùng 8 thức. Chúng ta biết Phật, Bồ tát trong Tứ thánh pháp giới vẫn dùng 8 thức. Đã dùng 8 thức, thì chúng ta biết Ngã kiến, Ngã ái, Ngã mạn, Ngã si đương nhiên vẫn còn, nhưng rất nhẹ nhàng, rất vi tế. Trong Tứ thánh pháp giới hãy còn 4 đại phiền não ấy; trong lục đạo thì thô thiển, nặng nề, chúng biến thành Kiến Tư phiền não. Trong kinh Phật đã nói rất cặn kẽ. Trong tam giới có 88 phẩm Kiến hoặc và 81 phẩm Tư hoặc, chúng do những thứ ấy (Ngã kiến, Ngã ái, Ngã mạn, Ngã si) biến hiện ra.

Do vậy, chúng ta phải thừa nhận, chưa thể chuyển 8 thức thành 4 trí, thì Ngã mạn hãy còn, chẳng dễ đoạn. Pháp thân Bồ tát đã đoạn, tuy đã đoạn nhưng vẫn còn có tập khí. Khi học kinh *Hoa Nghiêm*, chúng ta đã thảo luận chuyện này rất nhiều. Kinh điển cho biết, muốn đoạn hoàn toàn tập khí, phải trải qua 3 A-tăng-kỳ kiếp. A-tăng-kỳ (Asamkhyā) là đại kiếp. 3 A-tăng-kỳ, A-tăng-kỳ là con số rất lớn, phải trải qua thời gian dài ngàn ấy, tập khí mới chẳng còn. Tập khí chẳng có, chúng ta biết cõi Thật Báo sẽ chẳng có. Cõi Thật Báo do tập khí biến ra.

Thật vậy, chưa đoạn vô minh, hễ còn có một phẩm vô minh chưa đoạn, thì vẫn ở trong mười pháp giới, chẳng ở trong cõi Thật Báo. Phải đoạn hết một phẩm vô minh ấy, thật sự đoạn thì mới có thể vượt thoát mười pháp giới, trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Cõi Thật Báo của chư Phật Như Lai cũng là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chính mình.

Trong cảnh giới ấy, tự - tha bất nhị, khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước đều chẳng có. Ở đây, chúng ta cũng gọi nó là Nhất chân pháp giới. Nó là thật, mười pháp giới là giả, lục đạo lại càng chẳng cần phải nói nữa! Chúng ta phải thường huân tập những kinh giáo ấy, phải đọc tụng, phải nghe giảng, phải hiểu nghĩa, phải thường tư duy. Tư duy là tác quán, biến nó thành một thứ vũ trụ quan và nhân sinh quan của chúng ta.

Đó là vũ trụ quan và nhân sinh quan chính xác nhất, chẳng có mảy may sai lầm. Đối với vũ trụ quan và nhân sinh quan của chư Phật Như Lai, chúng ta cũng có thể nhập cảnh giới ấy, đó là “thật sự tu hành”. Thường tác quán như thế, nói thật ra, phép quán ấy chính là 6 hạng mục trong *Hoàn Nguyên Quán* của Hiền Thủ Đại sư, tức là “*hiển nhất thể, khởi nhị dụng, thị tam biến*” (hiển lộ một thể, khởi 2 tác dụng, phô bày 3 thứ trọn khắp), sau đó là “*tứ đức, ngũ chỉ, lục quán*”.

Người ấy “*Lâm mạng chung thời, tối hậu sát-na*” (Lúc lâm chung, trong sát-na cuối cùng). “Tối hậu” là lúc tắt hơi, đã hết thở, thần thức ly khai thân thể. Khi ấy “*nhất thiết chư căn tất giai tán hoại*” (hết thấy các căn thấy đều hư hoại). Đó là gì? Nơi thân thể, 6 căn chẳng khởi tác dụng, mắt không thể thấy, tai chẳng thể nghe.

“*Nhất thiết chư căn*” là 6 căn, 6 căn mất tác dụng. Vì sao? Thức đã rời khỏi, trong tâm quý vị, A Lại Da đã rời

khỏi, Mạt Na đã rời khỏi, ý thức đã rời khỏi, 5 thức trước cũng đã rời khỏi thân thể này! Thức có tồn tại hay không? Tồn tại. Nó rời khỏi thân thể, nhưng nó tồn tại. Thế tục chúng ta gọi nó là “linh hồn”. Linh hồn rời khỏi thân thể. Khi con người chưa chết, linh hồn có thể rời khỏi thân thể hay không? Đôi khi cũng có, hiện tượng ấy được gọi là “linh hồn xuất khiếu”.

Thân thể người ấy chưa hoại, còn hít thở, nhưng linh hồn tạm thời rời khỏi thân thể trong một khoảng thời gian ngắn, sẽ khởi lên tác dụng có năng lực lớn hơn bình thường. Là khỏi thân thể giống như lơ lửng trong không trung, người ấy có thể trông thấy thân thể của chính mình, và cũng có thể thấy động tác của hết thảy mọi người chung quanh. Như vậy là linh hồn có thể rời khỏi thân thể. Chúng ta nằm mộng. Mộng là linh hồn đang khởi tác dụng, chẳng phải là thân thể, mà là linh hồn đang khởi tác dụng.

Nói tới linh hồn, thì cũng có sự hiểu lầm. Hồn có, nhưng nó nhất định chẳng linh! Nói là hồn thì được, chứ nó chẳng linh. Vì vậy, Khổng Tử chẳng nói linh hồn, mà gọi là “du hồn”. Quý vị đọc kinh *Dịch*: “*Tinh khí vi vật, du hồn vi biến*”^[33], dùng “du hồn” để nói rất hay, chẳng phải Khổng lão phu tử không biết.

[33] Có rất nhiều cách giải thích câu này. Nói chung khó hiểu và không rõ ràng, nên chúng tôi chọn cách giải thích đơn giản của Giáo sư Từ Tịnh Dân trong tác phẩm *Độc Dịch Giản Thuyết*. Theo đó, sinh mạng của chúng ta do âm dương của cha mẹ kết hợp. Trước đó, du hồn của chúng ta nhập vào thai, nhờ vào tinh khí của cha mẹ để thành thân hình, đó là “tinh khí vi vật”, hoặc gọi là Sinh. Khi thân thể chúng ta suy lão, âm dương phân ly, do vậy, hồn mất nơi nương tựa, đó là chết. Hồn mất nơi nương tựa, phiêu đảng nên gọi là du hồn. Đến khi âm dương giao hội, do khí phạm tương cảm, lại nương gá vào để chuyển thể lần nữa, nên gọi là “du hồn vi biến”.

Vì tốc độ hoạt động của hồn rất nhanh, nó hết sức không ổn định, giống như ý niệm của chúng ta, niệm trước diệt, niệm sau sinh, niệm này tiếp nối niệm kia, ở trong trạng thái ấy, nên gọi “du hồn” là chính xác.

Nó chẳng thông minh, nếu thật sự linh thì làm sao có thể vào trong 3 ác đạo đầu thai? Chẳng có đạo lý ấy! Vào trong 3 ác đạo đầu thai, vẫn chưa phải là mê hoặc, điên đảo mà vào, lầm tưởng là cảnh giới tốt đẹp, sau khi đến đó bèn bị lừa, chẳng thoát ra được. Tình hình nói chung là như vậy. Chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi, lục đạo là giới hạn. Tu hành tốt đẹp, có thể sinh lên thiên đạo, có thể đạt đến Dục Giới Thiên, Sắc Giới Thiên, Vô Sắc Giới Thiên, nhưng chẳng thoát lìa lục đạo. Tu hành đến một mức công phu nhất định, thật sự có một chút giác ngộ. Dù chưa phải là đại triệt đại ngộ, nhưng thật sự có giác ngộ trong Phật pháp, bèn thoát ly lục đạo.

Đã thoát ly lục đạo, thì chúng ta sẽ không gọi nó là linh hồn nữa, mà thường gọi là “linh tánh”. Cách gọi này cũng chính xác, vì linh tánh là chính mình chân thật. Linh tánh như chúng ta thường nói ấy thuộc về 4 pháp giới, chẳng thuộc trong lục đạo. Ở đây, sách *Chú Giải* cho biết, người sắp mất, trong một sát-na, sát-na ấy là lúc vô cùng mấu chốt, nên lâm chung trợ niệm hết sức có lý!

Lục căn đã hư hoại, chẳng khởi tác dụng, “*nhất thiết thân thuộc tất giai xả ly*” (hết thân thể thân thuộc thân đều lìa bỏ).

Người nhà quyến thuộc chia tay quý vị, cũng là duyên phận cùng nhau tụ hợp của quý vị đã hết. Sau này còn có thể tiếp tục hay không? Điều ấy phụ thuộc duyên phận, có lúc duyên phận vào lúc ấy đã hết. Do vậy, con người phải giác ngộ, đức Phật đã giảng rất hay về mối quan hệ giữa con người với nhau, gồm 4 thứ duyên: Báo ân, báo oán, đòi nợ, trả nợ, đều có lúc kết thúc. Duyên ấy chẳng còn, dẫu gặp gỡ cũng chẳng nhận ra.

Do vậy, nó chẳng thật, là giả. Chúng ta đến thế gian này, quan hệ với mọi người là 4 thứ duyên phận ấy. Sau khi học Phật, đã hiểu rõ, giác ngộ, phải chuyển biến 4 thứ duyên ấy thành pháp duyên, sẽ là tốt đẹp. Chuyển biến thành pháp duyên, đó là tự độ, độ người. Trong tương lai, quý vị thành Phật, những người hữu duyên ấy bất luận ở chỗ nào, tụ tán trong khắp pháp giới hư không giới, họ gặp khổ nạn, khẩn cầu, quý vị sẽ tiếp nhận được làn sóng ý niệm ấy, vì họ có duyên với quý vị mà! Sau khi quý vị nhận được, chắc chắn sẽ lập tức ứng. Cảm ứng đạo giao. Chúng sinh có cảm, Bồ tát bèn ứng, quý vị sẽ đến giúp họ.

Đối với cảm ứng, kinh Phật đã giảng rất rõ ràng, có 4 hình thái khác nhau: Hiển cảm hiển ứng, Minh cảm minh ứng, Hiển cảm minh ứng, Minh cảm hiển ứng (Cảm và ứng rõ rệt; Cảm và ứng ngấm ngấm; Cảm rõ rệt, ứng ngấm ngấm và Cảm ngấm ngấm, ứng rõ rệt), 4 thứ hình thái bất đồng. Trong đời quá khứ, chúng ta đời đời kiếp kiếp kết nhiều duyên với chư Phật, Bồ tát. Khi chúng ta gặp khó khăn, tâm

và miệng cầu Phật, Bồ tát gia trì, cầu Phật, Bồ tát phù hộ, Phật, Bồ tát có gia trì quý vị hay không? Gia trì! Có khi gia trì, nhưng ta chẳng cảm nhận được, đó là âm thầm gia trì quý vị.

Quý vị là hiển cảm, vì cầu Phật, Bồ tát, Phật rõ rệt, Bồ tát âm thầm phù hộ quý vị, đó là minh ứng. Học Phật, đối với giáo lý đã đạt đến trình độ nhất định, tức là trình độ lý giải, quý vị sẽ có thể tin tưởng. Thuở đầu, học rất khó, lúc mới học, hiển ứng thì biết, chứ minh ứng (ứng âm thầm) kẻ ấy chẳng biết, bảo là chẳng linh. Tuyệt đối chẳng phải là không linh! Vì sao Bồ tát ứng mà chẳng hoàn toàn hiển ứng, lại còn có minh ứng? Chúng ta phải hiểu điều này! Chư Phật, Bồ tát ứng, nhưng chẳng khởi tâm, động niệm, chẳng có phân biệt, chấp trước; nếu khởi tâm động niệm sẽ biến thành phàm phu. Các Ngài chẳng thoái chuyển, vĩnh viễn trụ trong Thường Tịch Quang.

Thường Tịch Quang ở chỗ nào? Không chỗ nào chẳng tồn tại, không lúc nào chẳng hiện diện, nên cảm ứng đạo giao ngay lập tức. Phật, Bồ tát hiển ứng hay minh ứng (ứng ngầm ngầm), đều do ý niệm và tâm thái của chúng ta chiêu cảm. Kinh giảng rất hay, *“Tùy chúng sinh tâm, ứng sở tri lượng”* (Thuận theo tâm của chúng sinh mà ứng với khả năng lãnh hội của họ), chẳng do ý nghĩ của Phật, Bồ tát. Phật, Bồ tát chẳng có ý nghĩ gì.

Ở đây, đối với câu “*Nhất thiết thân thuộc tất giai xả ly*” (Hết thấy thân thuộc đều phải lìa bỏ), chúng ta phải giác ngộ đoạn kinh văn này. “Thân thuộc” là người đã kết duyên với ta trong quá khứ. Sau khi học Phật, phải dùng phương pháp trí tuệ để biến họ thành pháp quyến, đó là đúng. Nếu tình chấp rất sâu, nhất định sẽ nảy sinh chướng ngại đối với sự tu hành của chúng ta. Không chỉ chướng ngại quý vị chứng quả, mà còn chướng ngại quý vị vãng sinh, ngay cả nghĩa lý của kinh giáo cũng bị nó chướng ngại. Bị nó chướng ngại điều gì? Quý vị hiểu sai, chẳng phải là nghĩa chân thật của Như Lai. Nghĩa chân thật của Như Lai là Tính đức. Tính đức từ trong tự tính tự nhiên lưu lộ.

Quý vị vừa khởi tâm động niệm, nó đã bị lệch lạc rồi. Do vậy, đối với thân thuộc, có cần phải làm ra vẻ thân ái như thế hay không? Phải! Vì sao? Nhằm giáo hóa chúng sinh ngu muội, dạy cho họ luân lý, đạo đức, khiến cho họ được sống trong một xã hội trật tự, ban cho họ cuộc sống hạnh phúc mỹ mãn trên thế gian này, ban cho họ điều ấy. Phật, Bồ tát phải làm như thế cho họ thấy, nêu gương hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ; đây là một cơ sở của hài hòa, ổn định, hỗ trợ hợp tác, đức hạnh trên thế gian. Để dạy loại chúng sinh ấy, Phật, Bồ tát ắt phải làm như vậy, phải biểu diễn, thực hiện. Nếu có cảm tình thật sự sẽ là phàm phu.

Bồ tát biểu diễn giống như đang diễn xuất trên sân khấu, biểu diễn vô cùng giống như thật. Quý vị chẳng nhìn thấy

sơ sót nào. Người rất sáng mắt mới có thể thấy rõ ràng, kẻ bình phàm chẳng thể thấy rõ! Ngài biểu diễn hết sức giống như thật, thì mới có thể cảm hóa chúng sinh, mới có thể dạy họ trung, hiếu, liêm, sỉ, mới có thể dạy dỗ chúng sinh, ý nghĩa là như thế đó. Trên thực tế thì sao? Trên thực tế, tâm các Ngài vĩnh viễn “thanh tịnh, bình đẳng, giác” như trong kinh đã nói. Chúng ta phải biết điều này. Nếu biết, thì chúng ta sẽ biết học. “Học” là tu học, chúng ta mới có thể học giống hệt. Về mặt Sự, sẽ giống như lục đạo phàm phu; về Lý, bèn như Nhất chân pháp giới, cả hai phía đều giống, đó là chư Phật, Bồ tát ứng hóa trên thế gian. Quý vị thấy điều đầu tiên mà người thế gian khó bỏ nhất là thân tình, nên đặt điều này lên đầu.

Lại xem điều kế tiếp, *“Nhất thiết oai thế tất giai thoái thất”* (Hết thảy oai thế thảy đều lui mất). Trên thế gian, quý vị có thế lực. “Oai” (威) là quyền lực. Quý vị có quyền, có thế, làm một vị quan to. Lúc mất, chẳng mang theo được gì. Chẳng thể mang theo tước vị, quyền lực, oai thế được! Điều này, cho quý vị biết chúng là giả. Thân tình là giả, mà oai thế cũng giả trất. *“Phụ tướng đại thần, cung thành nội ngoại, tượng mã xa thặng, trân bảo phục tạng”* (Phụ tướng, đại thần, cung thành trong ngoài, xe voi, xe ngựa, kho tàng quý báu), quý vị là đế vương, dưới tay có tể tướng, đại thần,

có cung điện, có Tử Cấm Thành^[34], hưởng thụ phúc báo trên thế gian.

Xe voi, xe ngựa là phương tiện giao thông của quý vị, “*Trân bảo phục tạng*” (Kho tàng quý báu) là những thứ quý báu do quý vị cất giữ. “*Như thị nhất thiết, vô phục tương tùy*” (Hết thấy những thứ như thế chẳng còn theo ta nữa), nghĩa là chẳng mang theo được gì. Câu này bảo chúng ta phải thật sự giác ngộ, thật sự minh bạch, phải nên hiểu rõ: Đối với cái có thể mang theo được thì dụng tâm, cái gì không mang theo được, chớ nên bận lòng về nó. Hễ quan tâm đến nó là sai mất rồi.

Dụng tâm sai lầm, thứ gì cũng chẳng mang theo được! Cổ nhân dạy con cái như thế nào? Tích công lũy đức cho con cháu. Hết thấy của cải trên thế gian chẳng cần để lại cho chúng nó. Con cháu của họ là con cháu tốt lành. Vì sao? Họ biết tu phúc, tương lai tiền đồ vô lượng. Tổ tông có đức, tự mình biết tu phúc. Đức hạnh của tổ tông sẽ phù trợ con cháu, đó là đúng! Để lại của cải cho chúng nó, nếu là hạng

[34] Tử Cấm Thành là cung điện của nhà vua. Tử Cấm Thành là danh xưng chỉ có từ thời Minh trở đi, chỉ cho hai nơi:

1. Cổ Cung nhà Minh ở Nam Kinh, còn gọi là Nam Kinh Cổ Cung, do Châu Nguyên Chương (Minh Thái Tổ) bắt đầu xây dựng vào năm Chí Nguyên 27 (1367). Khi ấy, Châu Nguyên Chương vẫn còn là Ngô Vương, chưa xưng đế, nên còn gọi là Ngô Vương Tân Cung. Cung ở phía Nam núi Chung Sơn, có kích thước 790x750 mét, gồm nhiều điện như Phụng Thiên, Cần Thân, Văn Lâu, Vũ Lâu, Cần Thanh Cung, Khôn Ninh Cung, Đông Tây Lục Cung, chia thành 4 cửa chính là Ngọ Môn, Tây Hoa, Huyền Vũ, Đông Hoa. Phía sau cửa Ngọ Môn lại có thêm một lớp cửa là Phụng Thiên Môn. Sau khi Minh Thành Tổ dời đô về Bắc Kinh, nơi này được gọi là Cổ Cung, và dùng làm hành cung nếu vua xuống phương Nam. Khi bọn phi Thái Bình Thiên Quốc tấn công Nam Kinh dưới đời nhà Thanh đã phá hủy, đốt cháy toàn bộ cung điện này.

2. Tử Cấm Thành (Cổ Cung Bắc Vật Quán) tại Bắc Kinh là cung điện do Minh Thành Tổ xây khi dời đô lên Bắc Kinh và được dùng làm cung điện nhà vua mãi cho đến khi nhà Thanh sụp đổ.

con cháu bất hiếu, sẽ bại hoại dễ dàng. Chúng nó do có được quá dễ dàng, sẽ chẳng biết quý trọng, coi thường, nên bị bại hoại. Những gương xưa nay trong ngoài nước giống như vậy rất nhiều. Lịch sử đã ghi chép, tin tức rất phong phú, nhất định phải giác ngộ, những thứ ấy chẳng thể mang theo được!

“Duy thử nguyện vương, bất tương xả ly” (Chỉ có nguyện vương này là chẳng lìa bỏ). Đây là thứ quý vị mang theo được, mang theo được 10 nguyện. Quý vị có thể mang thứ này theo được! 10 nguyện này là Tính đức vốn có trong tự tính; do mê mất tự tính, nên coi thường, bỏ sót, tư tưởng và tâm hạnh đều trái phạm Tính đức. Chúng ta biết lỗi, nay phải tìm lại Tính đức; đã làm sai thì phải “quay đầu là bờ”. Tiếp đó, Bồ tát Phổ Hiền dạy chúng ta *“Thường tùy Phật học”*. Câu này trọng yếu. Phật Thích Ca Mâu Ni suốt đời vì chúng ta thị hiện điều gì? Lão nhân gia thị hiện *“quay đầu là bờ”*, tích lũy công đức khôn sánh. Tích lũy công đức to khôn sánh, giúp hết thảy chúng sinh khổ nạn, khiến cho hết thảy chúng sinh khổ nạn là khổ, được vui.

Phật Thích Ca Mâu Ni chẳng cho tiền chúng sinh, cũng chẳng cho họ vật dụng cần thiết. Phật Thích Ca Mâu Ni cho chúng sinh điều gì? Giúp chúng sinh giác ngộ, đó là thật, chẳng giả! Dùng phương pháp gì? Dùng giáo học, nêu gương, thân làm, miệng dạy. Đích thân làm cho quý vị thấy, miệng nói cho quý vị nghe, khiến cho quý vị hiểu rõ, giác ngộ. Vì

sao? Vô lượng vô biên nỗi khổ đều do mê sinh ra. Do đã mê rồi, nên quý vị nghĩ trật, nhìn lầm, nói sai, làm quấy, quả báo làm sao tốt đẹp cho được?

Quả báo là lục đạo luân hồi. Chỉ có thật sự giác ngộ, thật sự hiểu rõ, vũ trụ là như thế nào, nhân sinh ra sao, ta từ đâu đến, tương lai sẽ đi về đâu, hiểu rõ toàn bộ, kẻ ấy tự tại, chẳng mê nữa. Kẻ ấy chẳng mê, nên chẳng nghĩ trật, chẳng nói sai, chẳng làm quấy; hằng ngày tích lũy công đức, hằng ngày tích lũy phúc đức. Phúc huệ song tu, thì mới có thể giải quyết vấn đề.

Phật Thích Ca Mâu Ni giúp con người giải quyết vấn đề từ căn bản, chẳng phải là cành nhánh. Dẫu nói đến “cầu”, trong phần trước, tôi đã nói rất nhiều, trong các buổi giảng, chúng tôi thường nói: Chúng ta muốn cầu của cải, cầu thông minh trí tuệ, cầu khỏe mạnh, sống lâu, đức Phật đã dạy quý vị phương pháp, chỉ cần quý vị nương theo lý luận và phương pháp mà Ngài đã dạy để thực hiện, chắc chắn sẽ đạt được! *“Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng”* (Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng), chẳng phải là không cầu được. Pháp thế gian và xuất thế gian không gì chẳng cầu được. Thật đấy, chẳng thể nghĩ bàn!

Cầu như thế đắc đại tự tại, trong tâm cũng chẳng có chút gánh nặng nào, chẳng phải bận lòng. Cầu tài, của cải sẽ cuộn cuộn đưa tới, nhưng phải có trí tuệ; nếu chẳng có trí tuệ, dấy

tâm tham tài, của cái chẳng phải là thứ tốt đẹp, mang lại tội nghiệp cho quý vị, như vậy là sai mất rồi. Vì vậy, Phật pháp từ đầu tới cuối luôn đặt trí tuệ vào vị trí thứ nhất. Có trí, lẽ đâu chẳng có của cải? Có của cải, chưa chắc đã có trí tuệ. Có trí tuệ, nhất định có của cải. Do đó, quý vị chú tâm quan sát, trong thế gian và xuất thế gian, chỉ có lòng từ bi của Phật là chân thật. Nương theo 10 nguyện này tu tập, suốt đời chúng ta không gì chẳng được như nguyện, hưởng thụ quả báo chân thật của chính mình.

Nguyện vương này, *“Ư nhất thiết thời dẫn đạo kỳ tiền, nhất sát-na trung tức đắc vãng sinh Cực Lạc thế giới”* (Trong hết thấy thời, nó dẫn đường đằng trước, trong một sát-na liền được vãng sinh thế giới Cực Lạc). Nếu 10 nguyện trọn đủ, sinh về cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới. *“Đáo dĩ, tức kiến A Di Đà Phật”* (Đã đến, liền thấy Phật A Di Đà). Chẳng phải là cõi Hữu Dư, chẳng ở trong Đồng Cư, mà ở trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, thấy Báo thân Phật. *“Kỳ nhân tự kiến sinh liên hoa trung, mộng Phật thọ ký”* (Người ấy tự thấy sinh trong hoa sen, được Phật thọ ký). Quý vị nói xem, có vui sướng lắm hay không? Cũng giống như nói *“đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, gặp mặt Phật A Di Đà bèn thành Phật”*. Phật thọ ký cho người ấy. *“Đắc thọ ký dĩ”* (Đã được thọ ký). Thọ ký bèn thành Phật. *“Kinh ư vô số bách thiên vạn ức na-do-tha kiếp”* (Trải qua vô số trăm

ngàn vạn ức na-do-tha^[35] kiếp). Đó là nói tới thời gian. “*Phổ ư thập phương bất khả thuyết bất khả thuyết thế giới*” (Khắp trong bất khả thuyết bất khả thuyết^[36] thế giới), là nói tới nơi chốn.

“*Dĩ trí tuệ lực, tùy chúng sinh tâm nhi vi lợi ích*” (Dùng sức trí tuệ thuận theo tâm chúng sinh để tạo lợi ích). Tạo lợi ích ứng với khả năng tiếp nhận của chúng sinh. Quý vị đến mười phương thế giới giáo hóa chúng sinh. Giáo hóa chúng sinh giống như Quán Âm, Văn Thù, Phổ Hiền, nên dùng thân Phật để độ được, bèn hiện thân Phật, nên dùng thân Bồ tát để độ được, bèn hiện thân Bồ tát. Thuận theo tâm chúng sinh mà hiện tướng, hiện các thứ tướng bất đồng, có thể đồng thời hiện vô lượng vô biên thân trong các nơi chốn khác nhau. Phật, Bồ tát ứng hóa nhất định hoàn toàn tương ứng với căn tánh của chúng sinh, tự nhiên tương ứng. Tính đức có năng lượng to lớn như vậy, pháp được nói sẽ tự nhiên tương ứng; chúng sinh vừa tiếp xúc, vừa nghe nói bèn khai ngộ. Chưa có năng lực như vậy, làm sao có thể độ chúng sinh? Vì vậy, tu 10

[35] Một na-do-tha (na-dữu-đa) là một con số khá lớn. Cụ thể lớn bao nhiêu, thì có nhiều thuyết khác biệt. Đời Nguyên, Châu Thế Kiệt đã cho rằng Na Do Tha là một vạn vạn lần A Tăng Kỳ. Một A Tăng Kỳ là 10 lũy thừa 104, tức là sau con số một (1) có 104 số 0. Na Do Tha là sau số một có 112 con số 0. Thuyết này hơi khác với lời dạy trong kinh *Hoa Nghiêm* (theo phẩm *A Tăng Kỳ* của kinh *Hoa Nghiêm* thì Na Do Tha chỉ là 10 lũy thừa 28).

[36] Bất khả thuyết: Bất khả thuyết là một con số rất lớn trong kinh *Hoa Nghiêm*. Phẩm *A Tăng Kỳ* nói Tâm Vương Bồ tát hỏi Phật về các con số, đức Phật bèn dạy: Một trăm lạc xoa là một câu chi, câu chi lần câu chi là một a dữu đa, a dữu đa lần a dữu đa là một na do tha, na do tha lần na do tha là một tối thắng... cho đến bất khả tư nghị lần bất khả tư nghị là một bất khả tư nghị chuyển, bất khả tư nghị chuyển lần bất khả tư nghị chuyển là một bất khả lượng, bất khả lượng lần bất khả lượng là một bất khả lượng chuyển, bất khả lượng chuyển lần bất khả lượng chuyển là một bất khả thuyết, bất khả thuyết lần bất khả thuyết là một bất khả thuyết chuyển, bất khả thuyết chuyển lần bất khả thuyết chuyển là một bất khả thuyết bất khả thuyết. Một lạc-xoa là mười vạn (100.000).

đại nguyện vương vãng sinh Cực Lạc thế giới, thấy Phật A Di Đà, trí tuệ, đức năng, và tướng hảo trong tự tính đều khôi phục. Đúng là con đường tắt để Bồ tát thành Phật.

“Năng ư phiền não đại khổ hải, bạt tể chúng sinh, linh kỳ xuất ly, giai đắc vãng sinh A Di Đà Phật Cực Lạc thế giới” (Có thể ở trong biển cả khổ sở, phiền não, cứu vớt chúng sinh, khiến cho họ thoát khỏi, đều được vãng sinh thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà). Cứu khổ cứu nạn phải cứu đến cùng, không thể chỉ cứu nửa vơi, đưa những người ấy đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, ai nấy đều viên mãn. Lý luận và phương pháp đưa đến Tây Phương Cực Lạc thế giới đều nằm trong bộ kinh này. Chúng ta chớ nên quên mất bộ kinh này. Hãy luôn nhớ câu kinh văn đầu tiên *“Hàm cộng tuân tu Phổ Hiền đại sĩ chi đức”* (Đều cùng tuân tu đức của Phổ Hiền đại sĩ). Câu này quá trọng yếu!

Do vậy, trong niên hiệu Hàm Phong, nhà Thanh trước kia, cư sĩ Ngụy Mặc Thâm đã soạn bản hội tập cho kinh *Vô Lượng Thọ*. Và chính ông ta cũng đem quyển kinh *Phổ Hiền Bồ tát Hạnh Nguyện Phẩm* này ghép vào sau *Tịnh Độ tam kinh*, gọi là *Tịnh Độ tứ kinh*. Trong tương lai, chư vị đồng tu thấy *Tịnh Độ tứ kinh* liền biết tứ kinh là gì, chính là do Ngụy Mặc Thâm thêm phẩm *Hạnh Nguyện* vào đó. Hợp lý! *“Hàm cộng tuân tu Phổ Hiền đại sĩ chi đức”*, thật sự có lý. Đến đầu thời Dân Quốc, Ấn Quang Đại sư là một vị tổ sư trong thời cận đại của Tịnh Độ tông, lão nhân gia đem chương *Đại*

Thế Chí Bồ tát Niệm Phật Viên Thông của kinh *Lăng Nghiêm*, ghép vào *Tịnh Độ tứ kinh*.

Bát Nhã Tâm Kinh có 260 từ, còn chương *Đại Thế Chí Viên Thông* có 244 từ, ghép vào sau *Tịnh Độ tứ kinh*, nay gọi là *Tịnh Độ ngũ kinh*. Cần biết rằng: *Tịnh Độ* vốn chỉ có 3 kinh, bản thứ 4 là do cư sĩ Ngụy Mặc Thâm thêm vào, bản thứ 5 do Ấn Quang Đại sư thêm vào. Chúng ta nghĩ xem còn có thể thêm vào hay không? Không thể tăng thêm, đã viên mãn. Quý vị có muốn tăng thêm cũng không được, đã viên mãn rồi. Trong 9.000 năm của thời kỳ Mạt pháp, *Tịnh Độ* khế hợp căn cơ của hết thảy chúng sinh, 5 bộ kinh này có thể phổ độ hết thảy chúng sinh, giúp mọi người vãng sinh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Thọ trì hoàn toàn 5 bộ rất tốt; thật ra, cả 5 bộ đều chẳng dài. Trong kinh luận *Tịnh tông*, dài nhất là bộ kinh *Vô Lượng Thọ* này, còn như *Đại Thế Chí Viên Thông Chương* chỉ có 244 từ, cũng là một bộ, rất thích hợp với căn tánh của người thời Mạt pháp. Nếu nói theo kiểu Trung Quốc, kinh luận *Tịnh tông* quả thật là “giản yếu tường minh”, tức là đơn giản, ngắn gọn, mà cũng tỉ mỉ, rõ ràng, thích hợp nhất cho đại chúng trong hiện tại và mai sau tu học.

“*Hựu kỳ trung đệ thập nguyện phổ giai hồi hướng, hiển Phổ*” (Lại nữa, trong ấy, nguyện thứ 10 là hồi hướng khắp cả, hiển thị ý nghĩa của từ Phổ). Hiển lộ từ Phổ, “*tòng sơ (đệ nhất nguyện) lễ kính nãi chí đệ cửu nguyện hằng thuận chúng sinh*” (từ ban đầu (nguyện thứ nhất) là lễ kính cho

đến nguyện thứ 9 là hằng thuận chúng sinh), đều nhằm hiển thị từ Hiền trong đức hiệu của Bồ tát Phổ Hiền.

“Cố tri thập chủng đại nguyện, hiển Phổ Hiền nghĩa. Hiền tắc thụ cùng tam tế, Phổ tắc viên nhiếp vô dư” (Nên biết 10 đại nguyện hiển thị ý nghĩa Phổ Hiền. Hiền là theo chiều dọc rốt ráo 3 đời. Phổ là nhiếp trọn vẹn, chẳng sót). Chúng ta nói là “theo chiều ngang trọn khắp mười phương”. Hiền là nói thời gian quá khứ, hiện tại, tương lai. Phổ là nói mười phương, tức bốn phương, bốn góc, trên, dưới, bao quát toàn bộ.

“Thanh Lương Sớ vân, quả vô bất cùng viết Phổ, bất xả nhân môn viết Hiền. Chánh hiển kinh trung Phổ Hiền, tức Vị Hậu Phổ Hiền” (Thanh Lương Sớ giảng: “Quả không gì chẳng cùng tốt là Phổ, chẳng xả hạnh tu nhân là Hiền. Điều này chỉ rõ Phổ Hiền trong kinh chính là Vị Hậu Phổ Hiền”). 2 câu này giải thích rốt ráo ý nghĩa của danh hiệu Phổ Hiền. Quả không gì chẳng cùng tốt. Cùng (窮) là đã đạt đến tốt bậc. Chúng ta nói là “rốt ráo viên mãn”, đó là gì? *Hoàn Nguyên Quán* giảng “một Thể, hai tác dụng, ba thứ trọn khắp”, là quả không gì cùng tốt. Khó có nhất là chẳng bỏ Nhân môn. Nhân môn là gì? Tứ đức, Ngũ chỉ, Lục quán là những Nhân môn được nói trong *Hoàn Nguyên Quán*.

Đã thành Phật, đã chứng địa vị Diệu Giác từ lâu, vẫn đến thị hiện trong nhân gian. Thị hiện gì? Nam, nữ, già, trẻ, các

nghe nghiệp, thị hiện làm kẻ sơ học, thị hiện làm Tiểu thừa. Chúng sinh thuộc căn tánh gì, bèn thị hiện thuận theo căn tánh của chúng sinh, thì mới có thể tiếp dẫn hết thấy chúng sinh, mới có thể thỏa mãn nhu cầu của chúng sinh có căn tánh bất đồng. Chư Phật Như Lai chẳng có mảy may ý nghĩ của riêng mình, đó là “hằng thuận chúng sinh”. Hễ có một tí ý nghĩ của riêng mình sẽ chẳng hằng thuận. Hằng thuận là trí tuệ chân thật, thiện xảo phương tiện, thần thông, đạo lực vô tận, nhưng phàm phu không biết.

Điều này, chỉ rõ Phổ Hiền được nói trong kinh, tức là vị Bồ tát được nhắc đến trong kinh này, cũng như Phổ Hiền được nói trong kinh *Hoa Nghiêm* đều thuộc địa vị gì? Là Vị Hậu Phổ Hiền, tức là đã thành Phật, thuộc địa vị Diệu Giác. Chúng đắc địa vị Diệu Giác, nhưng Ngài lui xuống địa vị Bồ tát để giúp đỡ chúng sinh. Vì sao? Phật pháp là sư đạo, chúng ta phải biết điều này. Thầy cao vời vợi bên trên, học trò mang lòng kính sợ thầy. Vừa kính trọng vừa sợ hãi, nên dạy lũ học trò chẳng thuận tiện cho lắm, vậy thì thầy làm sao? Thầy thay đổi thân phận, mang thân phận bạn học. Thân phận bạn học thuận tiện hơn nhiều, nói sao cũng dám nói, nên dễ dạy. Vì thế, Phật dạy chúng sinh chẳng dùng đến thân phận Phật, lui xuống làm thân phận Bồ tát, đó là Vị Hậu Phổ Hiền.

“Diệt tức Thiện Đạo Đại sư sở vị, tông quả hướng nhân chi tướng” (Cũng chính là “tướng từ quả hướng về nhân” như Thiện Đạo Đại sư đã nói). Ngài vốn đã chứng quả, nay trở

về nhân địa, quả là Phật, nhân là Bồ tát. Dùng thân phận Bồ tát để ứng hóa trên thế gian. Bồ tát như thế nào? Thừa quý vị, quá nửa đều là Thập Tín Vị Bồ tát, địa vị không cao. Thập Tín rất gần chúng ta, nội dung giảng dạy cũng là nội dung rất gần gũi, dễ hiểu, chúng ta có thể tiếp nhận, nghe hiểu, mà cũng thật sự có thể làm được. Đó là một vị thầy giỏi. Trong thời đại hiện tại, thánh giáo suy vi, đại chúng bình phàm, nam, nữ, già, trẻ, các nghề nghiệp đều chẳng học thánh giáo.

Nếu quý vị lấy sách vở Đại thừa quá sâu để dạy họ, về căn bản là họ nghe không hiểu. Dẫu có hiểu, cũng hoàn toàn chẳng ăn khớp với cuộc sống của họ, họ chẳng dùng được! Điều đó có nghĩa là gì? Kinh giáo chẳng khế cơ! Tuy khế lý, tức là nói theo Lý chẳng sai, nhưng chẳng đúng với căn cơ của chúng sinh. *Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm* là tài liệu dạy học cho nghiên cứu sinh, còn chúng sinh hiện thời là căn cơ gì? Căn cơ Tiểu học. Quý vị lấy tài liệu học tập của nghiên cứu sinh để dạy tiểu học, làm sao họ có thể tiếp nhận cho được? Đó gọi là khế lý, chẳng khế cơ. Đối với những tài liệu để giảng dạy trong các trường học hiện thời, người trẻ tuổi học tập rất nhiều thứ, Tiểu học, Trung học, Đại học, quý vị thấy trong ấy dạy những gì?

Người học đông đảo như thế, nhưng nói theo Phật pháp, những tài liệu giảng dạy ấy khế cơ mà chẳng khế lý, hoàn toàn chẳng ăn khớp với giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả. Học trò có thể học được một ít công nghệ, có thể kiếm sống

trong xã hội, nhưng chẳng biết làm người! Giáo dục làm người họ chưa được học, còn giáo dục để làm việc, họ học chẳng ít. Chúng ta sống trong thời đại này, gặp gỡ căn tánh như vậy, phải hiểu rõ. Sau khi hiểu rõ, mới biết dùng phương pháp gì để giúp họ vừa kế cơ vừa kế lý.

Do vậy, lão cư sĩ Hạ Liên Cư xuất hiện trong thời đại này chẳng phải là ngẫu nhiên. Cụ hội tập kinh *Vô Lượng Thọ* một lần nữa, chỉnh lý thành bản hoàn thiện. Bản hoàn thiện ấy do hội tập 5 bản dịch gốc hợp thành. Trong quá khứ cũng có người làm, nhưng thành quả có khuyết điểm, chẳng viên mãn. Đầu tiên là cư sĩ Vương Long Thư đời Tống hội tập, lần thứ hai do ông Ngụy Mặc Thâm hội tập trong niên hiệu Hàm Phong, đời Thanh, lần thứ ba do Hạ lão cư sĩ hội tập vào đầu thời Dân Quốc.

Họ đều chẳng phải là người bình phàm, mà toàn là hàng Bồ tát đầy bản lãnh, thị hiện cho chúng ta thấy. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ ban cho chúng ta bản chú giải này, dụng ý rất ư là sâu. Vì sao? Thời Mạt pháp hãy còn 9.000 năm nữa. Trong 9.000 năm ấy, Tịnh Độ là đương cơ. Trong 9.000 năm ấy cần đến Phật pháp, thì cần loại Phật pháp nào? Cần bộ kinh này, cần pháp của Vô Lượng Thọ Phật. Chúng tôi cũng hiểu rõ chân tướng sự thật này; vì thế, lần này chúng tôi chọn giảng bản chú giải của cụ Hoàng Niệm Tổ để mọi người cùng nhau học tập. Chúng tôi nhắm đến mục đích hy vọng những thứ này (bản hội tập kinh *Vô Lượng Thọ* và bản

Chú Giải của cụ Hoàng) có thể lưu truyền hậu thế, dành cho người đời sau tham khảo, giúp họ học tập, giúp họ kiến lập tín tâm, nguyện lực, y giáo phụng hành, vãng sinh Tịnh độ. Mục đích ở chỗ này.

Tiếp đó, *“Hựu Phổ Hiền kệ vân”* (Lại nữa, bài kệ của Phổ Hiền có nói). Trong bài kệ của Bồ tát Phổ Hiền: *“Ngã ký vãng sinh bỉ quốc dĩ, hiện tiền thành tựu thử đại nguyện. Phổ nguyện trầm nịch chư chúng sinh, tốc vãng Vô Lượng Quang Phật sát”* (Tôi đã vãng sinh cõi ấy rồi, hiện tiền thành tựu đại nguyện này. Nguyện khắp chúng sinh đang chìm đắm, mau sinh cõi Phật Vô Lượng Quang). Bài kệ này *“thị tức Phổ Hiền tự ngôn”*, tức là do Bồ tát Phổ Hiền tự nói. *“Ngã ký vãng sinh Cực Lạc quốc dĩ, thành tựu sở phát chi thập chủng đại nguyện”* (Ta đã vãng sinh cõi Cực Lạc, thành tựu 10 thứ đại nguyện đã phát). Nói cách khác, viên mãn 10 thứ đại nguyện, thế giới Cực Lạc hiện tiền. Vì sao? Thế giới Cực Lạc do 10 thứ đại nguyện ấy kiến lập.

Trong khi tu nhân, Phật A Di Đà đã phát 48 nguyện, quý vị đem so với 10 nguyện của Bồ tát Phổ Hiền, sẽ thấy hoàn toàn tương ứng. Nói cách khác, 10 nguyện Phổ Hiền triển khai thành 48 nguyện của Phật Di Đà. 48 nguyện của Phật Di Đà cô đọng thành 10 nguyện Phổ Hiền. Vì vậy, tu hành viên mãn 10 nguyện, thế giới Cực Lạc tự nhiên hiện tiền. Do nguyện nhân nào? Hết thấy các pháp sinh từ tâm tưởng. 10 nguyện là nhân. Thế giới Cực Lạc là quả. Nhân đã viên, quả

đương nhiên sẽ trọn đủ. Đạo lý là như thế đó. Điều khó có là 2 câu kết thúc: *“Phổ nguyện trăm nịch chư chúng sinh. Túc vãng Vô Lượng Quang Phật sát”*. Đó là hồi hướng. Sau đó, lại có *“Nãi dĩ thù thắng hạnh nguyện công đức, giai tất hồi hướng chúng sinh đồng sinh Cực Lạc”* (Dùng công đức thù thắng của hạnh nguyện để hồi hướng cho chúng sinh ắt đều cùng sinh về Cực Lạc).

Bồ tát thị hiện trên thế gian, thực hiện 10 nguyện này, làm cho chúng ta thấy. Dụng ý gì? Dụng ý nhằm ảnh hưởng chúng sinh trong thế giới Sa Bà, khuyên họ hãy bắt chước. Thời thời khắc khắc nhắc nhở, thời thời khắc khắc khuyên dụ, hướng dẫn, mang ý nghĩa ấy. Vì Bồ tát Phổ Hiền thành Phật đã lâu, đã sớm tu hành viên mãn. Ngài thả chiếc bè Từ, đến thế gian này, ứng hóa có thân phận và kiến thức giống như chúng ta, làm cho chúng ta thấy Ngài chịu tu. Ngài đã tu thành công. Chúng ta sẽ lấy Ngài làm gương mẫu, làm điển hình. Ngài có thể tu thành công, ta nghĩ ta nhất định cũng có thể tu thành công. Từ bi đạt tới tột bậc! Học rồi, đức của Phổ Hiền sẽ từ trong tâm chính mình lưu lộ. Trong một đời chúng ta, từng chút thiện hạnh nhỏ nhặt đều chẳng vì chính mình, ta đều hồi hướng cho pháp giới chúng sinh, nguyện hết thấy chúng sinh đồng sinh Cực Lạc. Đại nguyện ấy không chỉ tương ứng với Phổ Hiền, mà còn tương ứng viên mãn với Phật A Di Đà. Niệm niệm chẳng vì chính mình, chỉ có hết thấy chúng sinh.

“Phổ giai hồi hướng, nãi thành Phổ nghĩa” (“Phổ giai hồi hướng” nhằm thành tựu nghĩa Phổ). Ý nghĩa của từ Phổ đã thành tựu. *“Di Đà tứ thập bát nguyện, nhiếp nhất thiết chúng sinh, thị phổ giai hồi hướng chi bốn nguyên”* (48 nguyện của Phật Di Đà nhiếp thọ hết thảy chúng sinh là cội nguồn của phổ giai hồi hướng). Nói cách khác, phổ giai hồi hướng là bốn nguyện phổ độ hết thảy chúng sinh đều chứng Phật quả rất ráo viên mãn của Phật A Di Đà. Ở đây, cụ Hoàng đã chỉ ra rất hay: 10 nguyện của Bồ tát Phổ Hiền đến cuối cùng là dùng phổ giai hồi hướng để viên mãn, chính là 48 nguyện của Phật A Di Đà được viên mãn. Do vậy, *“Phổ Hiền thập đại nguyện vương, chính thị Di Đà đại nguyện chi đệ tam thập ngũ nguyện chi quảng diễn”* (10 đại nguyện vương của Phổ Hiền chính là sự mở rộng của nguyện thứ 35 trong Di Đà đại nguyện).

Nguyện thứ 35 là *“Nhất sinh bổ xứ nguyện”*. Ở đây, lời nguyện đã được trích lục như sau: *“Sinh ngã quốc giả, cứu cánh tất chí Nhất Sinh Bổ Xứ, trừ kỳ bốn nguyện vị chúng sinh cố, bị hoằng thệ khải, giáo hóa nhất thiết hữu tình giai phát tín tâm, tu Bồ đề hạnh, hành Phổ Hiền đạo”* (Kẻ sinh về nước ta, rất ráo ắt đạt tới địa vị Nhất Sinh Bổ Xứ, ngoại trừ người nào do bốn nguyện vì chúng sinh mà khoan đạt đến địa vị ấy, mặc áo giáp hoằng thệ, giáo hóa hết thảy hữu tình đều cùng phát tín tâm, tu hạnh Bồ đề, hành đạo Phổ Hiền). Ở đây, tôi không giảng đoạn kinh văn này. Trong phẩm thứ 6 ở phần sau, chúng ta đọc đến đoạn kinh văn ấy sẽ lại giảng giải tường tận.

“Do thị khả kiến, hội trung thánh chúng. Đa thị tăng sinh Cực Lạc. Phi hoằng thệ khải. Du hóa thập phương. Trợ Phật hoằng hóa” (Do vậy, có thể thấy: Thánh chúng trong hội. Phần nhiều đã từng sinh về Cực Lạc. Khoác áo giáp hoằng thệ. Đạo khắp mười phương. Giúp Phật hoằng dương, giáo hóa). Mấy câu này nói hay quá! Thuở ấy, Phật Thích Ca Mâu Ni giảng bộ kinh này tại Linh Sơn. Bộ kinh này và kinh *Pháp Hoa* được giảng cùng một chỗ. Kinh *Pháp Hoa* giảng tại núi Linh Thứu. Bộ kinh này cũng được giảng tại núi Linh Thứu. Thính chúng cũng giống như trong kinh *Pháp Hoa*, đại tỳ-kheo chúng một vạn hai ngàn người cùng nhóm họp, khác hẳn các pháp hội khác! Trong các pháp hội khác, kinh văn thường chép là 1.250 người. Bộ kinh này là một vạn hai ngàn người.

Trong đại chúng, có rất nhiều vị đã từng vãng sinh thế giới Cực Lạc, lại trở về. Phật Thích Ca Mâu Ni giáo hóa chúng sinh ở nơi đây, các Ngài quay lại. Vì sao quay lại? Chính vì nguyện thứ 35 này. Bốn nguyện của các Ngài là vì chúng sinh. Đặc biệt, có duyên phận với chúng sinh trong thế giới này, bản thân các Ngài chưa chứng đến Đẳng Giác, nhưng các Ngài quay lại giúp đỡ hết thảy chúng sinh khổ nạn. Người như vậy rất nhiều, trong hàng xuất gia đã có, mà trong hàng tại gia lại càng nhiều. Tại gia độ chúng sinh càng thuận tiện hơn. Biến thành người nhà, quyến thuộc, bằng hữu đến độ quý vị, giúp quý vị sinh khởi tín tâm đối

với pháp môn Tịnh tông, giúp quý vị hiểu rõ ý nghĩa trong kinh, y giáo tu hành, giúp quý vị hành Phổ Hiền đạo, tức là hành 10 đại nguyện vương.

Trong quá trình thành lập Tịnh Tông Học Hội, lần trước chúng tôi đã thưa bày đại lược cùng quý vị. Nhưng bài viết trình bày duyên khởi của Tịnh Tông Học Hội được viết tại Thánh Hà Tây, Gia Châu (San Jose, California) của nước Mỹ, tại một thị trấn nhỏ tên là Khố Phách Đề Nặc (Cupertino). Lúc đó, tôi ở bên ấy, viết ra duyên khởi của Tịnh Tông Học Hội. Trong bài viết về duyên khởi, chúng tôi nêu ra 5 khoa mục mà người tu Tịnh Độ nhất định phải nghiêm túc học tập, thực hiện. 5 khoa mục ấy là *Tịnh Nghiệp Tam Phúc, Lục Hòa Kính, Giới - Định - Tuệ Tam Học, Lục Ba La Mật*, và *Phổ Hiền Thập Nguyện*. 5 khoa mục như vậy.

Thời gian trôi qua rất nhanh, đã hơn 20 năm rồi, có hiệu quả hay không? Dường như hiệu quả chẳng rõ rệt. Đồng học tại gia chẳng thể thực hiện *Thập Thiện Nghiệp Đạo*, đồng học xuất gia chẳng thể thực hiện *Sa Di Luật Nghi*, như vậy là vãng sinh sẽ có vấn đề. Chúng tôi cũng nghiêm túc phản tỉnh, vì sao cổ nhân làm dễ dàng đường ấy, mà người hiện thời làm khó khăn đường ấy. Làm không được, nguyên nhân ở chỗ nào? Chúng tôi cũng tốn không ít thời gian nghiên cứu vấn đề này, đã tìm được kết luận. Trong đời này, chúng ta chẳng vun bồi cõi rể giáo dục, cho nên chẳng làm được *Thập Thiện Nghiệp*.

Do vậy, chúng tôi bèn nghĩ, trong giáo dục truyền thống, căn bản giáo dục nào được vun bồi? 3 căn bản Nho, Thích, Đạo. Căn bản của Nho là gì? Luân Lý, Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức. Trong quá khứ, lớp tuổi nhi đồng hết sức nghiêm túc học tập những đức mục này. Không có văn tự, nhưng cha mẹ dạy bảo, bậc trưởng thượng trong nhà quý vị dạy dỗ, thân thích, bằng hữu dạy bảo, thậm chí người xa lạ chẳng quen biết, trông thấy quý vị phạm quy củ cũng đều chỉ trích, dạy dỗ, được dưỡng thành từ nhỏ. Trẻ nhỏ thấy nhiều, nghe nhiều, đúng là “tai nghe, mắt nhiễm, trở thành thói quen”. Chính mình làm chuyện quấy, bị kẻ khác chỉ trích, bèn tuân phục, cúi đầu, chẳng dám cãi lại. Chúng tôi nghĩ đến vấn đề này, nghĩ sau khi nhà Mãn Thanh vong quốc, xã hội loạn động bất an, mãi cho đến hiện tại vẫn chẳng an định. Vun bồi căn bản giáo dục đều bị coi nhẹ, sơ sót, không chỉ chẳng nhìn thấy, mà cũng chẳng ai nói tới, điều này rất đáng sợ!

Do vậy, trong lúc nhiều người đang nói tới văn hóa truyền thống, chúng tôi mới nghiêm túc đưa ra 3 căn bản của Nho, Thích, Đạo: *Đệ Tử Quy* của Nho gia, *Cảm Ứng Thiên* của Đạo gia và *Thập Thiện Nghiệp Đạo* của Phật gia. Quả thật, trong thời quá khứ, người xưa từ nhỏ đều biết đến 3 căn bản này, đều được giáo dục nên học Phật rất dễ dàng. Mở kinh bốn ra xem, ta thấy “thiện nam tử, thiện nữ nhân”, chúng ta chẳng xa lạ chút nào. Quay đầu nghĩ lại, đại khái là nói đến chúng ta, ta cũng đáng thuộc trong số đó. *Thập Thiện Nghiệp Đạo*

đã làm được, quý vị là thiện nam tử, thiện nữ nhân. *Thập Thiện Nghiệp Đạo* không làm được, nhân quả trong *Cảm Ứng Thiên* không biết, quý vị chưa được giáo dục. Có cơ sở Nho và Đạo, chỉ cần tiếp xúc *Thập Thiện Nghiệp Đạo* liền hiểu rõ, có thể thực hiện.

Vì vậy, trong Phật pháp, bắt luận xuất gia hay tại gia, nghiêm túc học tập, lẽ nào không thành tựu! Hiện thời, những thứ này bị coi thường, bỏ sót, chẳng có nữa. Chẳng có thì sẽ như thế nào? Người ta biết làm việc, nhưng chẳng biết làm người! Phương pháp làm việc đã học, nhưng quy củ làm người chẳng học, con người chẳng biết làm người, xã hội sẽ động loạn.

Hiện thời, muốn xã hội an định, muốn xã hội hài hòa, ngoại trừ tìm lại những thứ của thánh hiền, chẳng có biện pháp nào tốt đẹp hơn. Do vậy, chúng tôi vẫn đề xướng *Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp Đạo*, hàng xuất gia còn có thêm *Sa Di Luật Nghi*. Chúng ta nghĩ xem trong số những người dạy các môn này trong hiện thời, có ai từ thế giới Cực Lạc trở lại hay không? Tôi nghĩ chắc chắn là có! Những vị Pháp thân Bồ tát ấy tới thế gian thị hiện gì vậy? Thị hiện làm giáo viên Tiểu học; thật đấy, chẳng giả đâu! Đây là 32 ứng thân của Bồ tát Quán Thế Âm, nên dùng thân gì để độ được liền hiện thân ấy. Chắc chắn là như vậy. “*Tằng sinh Cực Lạc, phi hoằng thệ khải, du hóa thập phương, trợ Phật hoằng hóa*” (Từng sinh Cực Lạc, khoác giáp hoằng thệ,

du hóa mười phương, giúp Phật hoằng dương, giáo hóa). Chúng ta chớ nên khinh dễ, phải tôn trọng, phải lễ kính.

“Như thị triển chuyển giáo hóa, triển chuyển độ thoát” (Lần lượt giáo hóa, lần lượt độ thoát như vậy). Đó là pháp luân thường chuyển. Chúng ta nghiêm túc nỗ lực dạy người khác, người khác học được, lại đi dạy kẻ khác nữa. Đặc biệt là trong thời đại hiện tiền, những nơi làm mẫu quan trọng hơn bất cứ điều gì khác. Thiếu những nơi ấy, tuy chúng ta có dạy, tốn thời gian nhiều đến đâu đi nữa, hao tổn tinh thần đến đâu đi nữa, hiệu quả chẳng rõ rệt. Vì sao? Người khác chẳng nhìn thấy. Vì thế, nhất định phải có chỗ thí nghiệm, thực hiện trong một phạm vi nhỏ, trong một khu vực nhỏ, hoặc một thị trấn nhỏ, thực hiện 100%, có một nơi như thế. Tôi tin tưởng mọi người chúng ta thật sự phát tâm, Tam Bảo gia trì, nguyện vọng ấy sẽ được thực hiện, sẽ xuất hiện. Dạy bên ngoài, quý vị có tin hay không?

Quý vị đến nơi ấy mà xem, hãy đến tham quan. Sau khi họ thấy, chẳng còn hoài nghi nữa, cũng sẽ thật sự làm. Có thể sinh ra hiệu quả hay không, điều này rất trọng yếu! Hiện thời, có rất nhiều người đang tu phúc trong Phật môn, dựng chùa to miếu lớn, có lợi ích hay không? Trước đây, thầy Lý còn tại thế, thường bảo chúng tôi: *“Hữu miếu vô đạo, bất năng hưng giáo”* (Có chùa, nhưng chẳng có đạo, giáo pháp chẳng thể hưng thịnh). Lão nhân gia cả đời không coi trọng đạo tràng, nên đạo tràng rất sơ sài, cụ coi trọng bồi dưỡng nhân

tài. Hiện thời, chúng ta không chỉ phải coi trọng bồi dưỡng nhân tài, mà còn phải coi trọng những tiểu khu gương mẫu. Tại Tam Trọng, Đài Loan, có một con phố, có 2 vị thầy vất vả lo toan tại đó suốt 13 năm, rất có thành tích, nay đã được chính phủ công nhận.

Người thật sự có tâm, thật sự là bậc Bồ tát từ Tây Phương Cực Lạc thế giới trở lại, thay Phật A Di Đà làm chuyện tốt đẹp, thật sự cứu khổ, cứu nạn, cứu giúp hết thảy chúng sinh, lập ra những chỗ làm gương. Đó là sự nghiệp Bồ tát, sự nghiệp thần thánh. Sự nghiệp nào trong thế gian đều chẳng thể sánh bằng! Trong quá khứ, chúng tôi đã thực hiện tại trấn Thang Trì của huyện Lô Giang 3 năm, nay đã chuyển đến nơi đây. 3 năm ở Lô Giang là giáo dục toàn dân, làm thành công. Dọn sang bên này, tôi chú trọng bồi dưỡng giáo viên, làm cơ sở huấn luyện thầy trò.

Trong tương lai có duyên phận như vậy, tiểu trấn, tiểu khu nào muốn làm, chúng tôi sẽ có giáo viên đến dạy. Không có thầy đến dạy sẽ chẳng thành công. Do vậy, chúng tôi đọc đến đoạn này, nghĩ đến những vị thầy tốt đẹp ấy, thật sự thực hiện rồi hy sinh, dâng hiến, vốn là từ thế giới Cực Lạc trở lại. Trong quá khứ đã đến thế giới Cực Lạc, nay giúp Phật giáo hóa chúng sinh, xoay vần giáo hóa, xoay vần độ thoát. *“Thị cố kinh trung vô lượng vô biên nhất thiết Bồ tát, giai tuân Phổ Hiền đại sĩ chi đức”* (Vì thế, vô lượng vô biên hết thảy các vị Bồ tát trong kinh đều tuân theo đức của Phổ Hiền đại sĩ). Có

phải là từ thế giới Cực Lạc quay lại hay không? Từ câu nói ấy, quý vị sẽ thấy được tin tức. Câu nào vậy? *“Giai tuân Phổ Hiền đại sĩ chi đức”*. Nếu từ Tây Phương Cực Lạc thế giới đến, người ấy chắc chắn có tập khí này. Không cần ai phải dạy, chính người ấy thể hiện *Lễ kính chư Phật, Xưng tán Như Lai, Quảng tu cúng dường, Sát trừ nghiệp chướng*, hiển thị ra, tự nhiên làm cho quý vị thấy. Thật đấy, chẳng giả đâu!

Chúng ta lại xem tiếp đoạn dưới: *“Cụ túc vô lượng hạnh nguyện, an trụ nhất thiết công đức pháp trung. Thượng lương cú sơ tán chư đại sĩ chi thật đức”* (Đầy đủ vô lượng hạnh nguyện, an trụ trong hết thảy các pháp công đức. 2 câu trên khen ngợi thật đức của đại sĩ). 2 câu này nói chung về các vị đại Bồ tát. Họ có công đức chân thật, trọn đủ vô lượng hạnh nguyện. Vô lượng hạnh nguyện là 10 đại nguyện vương được mở rộng, khuếch trương, giống như các vị đại Bồ tát đã mở rộng *Thập Thiện Nghiệp Đạo* thành 84.000 tế hạnh. 84.000 tế hạnh của Bồ tát quy nạp thành *Thập Thiện Nghiệp*. Ở đây cũng là 10 điều của Phổ Hiền, mở rộng thành vô lượng vô biên hạnh nguyện.

“Vô lượng giả, kỳ đa, kỳ đại, vô pháp xưng lượng, cố danh vô lượng” (Vô lượng là nhiều, lớn, chẳng có cách nào đo lường, nên gọi là vô lượng), trong *Nhiếp Đại Thừa Luận Thích* có nói. Thích (釋) là giải thích *“Bất khả dĩ thí loại đắc tri vi vô lượng”*, nghĩa là chẳng có cách nào dùng tỷ dụ để sánh ví mà hòng biết được thì gọi là “vô lượng”. Giải thích 2

từ này! “*Hạnh vị Lục Độ, Tứ Nhiếp đẳng đại hạnh*” (“Hạnh” là các đại hạnh như Lục Độ, Tứ Nhiếp v.v...).

Bồ tát biểu hiện cho chúng ta thấy, nhằm khẳng định những điều ấy, làm cho chúng ta xem. Bọn phàm phu chúng ta có tâm hạnh tương phản: Bồ tát thích bố thí, phàm phu ưa tích trữ. Phàm phu tích trữ những thứ không mang theo được, còn Bồ tát thì thứ gì không mang theo được đều bố thí hết. Phàm phu chuộng làm ác, Bồ tát chuộng trì giới. *Bố thí độ keo tham. Trì giới độ ác nghiệp. Nhẫn nhục độ sân khuể. Tinh tấn độ giải đãi. Thiền định độ tán loạn. Trí tuệ độ ngu si.* Bồ tát dùng 6 điều này để tự độ, độ người khác.

Tứ Nhiếp pháp là phương thức tiếp dẫn chúng sinh. Nói theo cách bây giờ, chúng là các cách thức để Bồ tát giao tiếp công chúng. Bồ tát tiếp dẫn chúng sinh như thế nào? Ngài có 4 phương pháp:

1) Phương pháp thứ nhất là Bố thí. Bố thí ở đây khác với Bố thí trong Lục Độ. Bố thí ở đây là gì? Mời khách nhiều, tặng quà nhiều. Người thế gian chúng ta thường nói là “*lễ đa, nhân bất quái*” (lễ nhiều, người ta chẳng trách). Bồ tát thật sự dùng phương pháp như thế, tặng quà nhiều, mời khách nhiều, tạo dựng cảm tình. Sau khi đã tạo dựng quan hệ tốt đẹp rồi, sẽ dễ nói chuyện.

2) Ái ngữ là lời lẽ tốt đẹp thật sự quan tâm. Thuốc hay đắng miệng, thật sự có thể nói lời chân tâm với họ.

3) Lợi hành là hành vi của Bồ tát nhất định có lợi cho chúng sinh.

4) Cuối cùng là Đồng sự, hết sức lỗi lạc, hằng thuận chúng sinh, tùy hỷ công đức. Bồ tát có trí tuệ. Bồ tát có thần thông. Dẫu quý vị có ác hạnh, Ngài vẫn có thể tùy thuận. Trong tùy thuận sẽ uốn nắn quý vị, khiến cho quý vị giác ngộ, quay đầu là bờ.

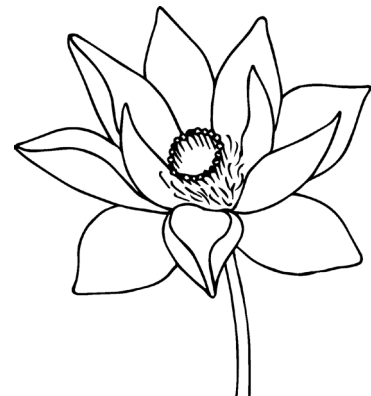
Trong *Hoàn Nguyên Quán*, Hiền Thủ Quốc sư đã giảng Tứ đức, đó là Tính đức, là đại căn đại bản của đức hạnh Bồ tát, giống như bốn nguyện của Phật A Di Đà và bốn nguyện của Bồ tát Phổ Hiền. Đó là đại căn đại bản. Thứ nhất là “*Tùy duyên diệu dụng*”. Thứ hai là “*Oai nghi có pháp tắc*”. Oai nghi có pháp tắc là nêu gương tốt cho người ta thấy, chớ nên nêu gương xấu, phải nêu gương tốt. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác đều phải nêu bày dáng vẻ tốt đẹp. Dáng vẻ ấy tương ứng với Tính đức, chắc chắn phải là dáng vẻ tốt đẹp tương ứng với hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ, nhân, ái, hòa, bình. “*Nhu hòa chất trực*”, đây là thái độ biểu hiện trong tiếp xúc với đại chúng, một niềm hoan hỷ, tâm địa chân thành, biểu lộ ra ngoài một niềm hoan hỷ. “*Đại chúng sinh khổ*” (Chịu khổ thay cho chúng sinh). Chúng ta có thể biểu diễn đại nguyện chịu khổ thay cho chúng sinh rất khá, có thể làm rất tốt, thật sự giúp nhiều chúng sinh quay đầu là bờ.



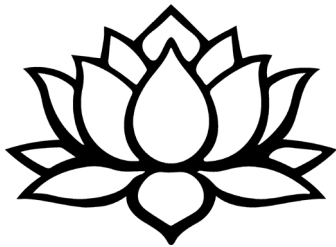
TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA



TẬP 100



Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong



Chur vị pháp sư, chư vị đồng học, xin xem tiếp *Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải*, trang 116, xem dòng thứ 5, từ dưới đếm lên. Chúng ta đọc từ chỗ ấy:

“Cụ túc vô lượng hạnh nguyện, an trụ nhất thiết công đức pháp trung. Thượng lương cú sơ tán chư đại sĩ chi thật đức. Vô lượng giả, kỳ đa, kỳ đại, vô pháp xứng lượng” (Đầy đủ vô lượng hạnh nguyện, an trụ trong hết thảy các pháp công đức. Mấy câu này khen ngợi thật đức của đại sĩ. Vô lượng là nhiều, lớn, chẳng có cách nào đo lường), nói không được, “cố danh vô lượng. *Nhiếp Đại Thừa Luận Thích* vân: Bất khả dĩ thí loại đắc tri” (nên gọi là vô lượng. *Nhiếp Đại Thừa Luận Thích* nói: “Chẳng thể dùng thí dụ, so sánh để biết được”).

Thông thường, do thí dụ sẽ có thể biết được, nhưng ở đây vẫn chẳng có cách nào thí dụ sao cho thích hợp nên gọi là Vô lượng. Vô lượng hạnh nguyện. *“Hạnh vị Lục Độ, Tứ Nhiếp đẳng đại hạnh”* (Hạnh là các đại hạnh như Lục Độ, Tứ Nhiếp v.v...). Trong phần trước, chúng tôi đã trình bày rồi. *“Nguyện vị Tứ hoằng thệ dũ thập đại nguyện đẳng thắng nguyện”* (Nguyện là các nguyện thù thắng như Tứ hoằng thệ nguyện và 10 đại nguyện v.v...). *Tứ Hoằng Thệ Nguyện* là tổng nguyện (nguyện chung) của hết thảy chư Phật, Bồ tát trong giáo pháp Đại thừa, chỉ nói 4 câu, nhưng 4 câu đã bao gồm toàn bộ vô lượng đại nguyện trong lúc tu nhân của hàng Bồ tát.

Nguyên thứ nhất là *“Chúng sinh vô biên thế nguyên độ”*. Nói theo cách bây giờ, chữ Độ (度) này là giúp đỡ, góp sức thành tựu họ. Chúng sinh vô lượng vô biên, trong kinh giáo đã nói: *“Phật thị môn trung, bất xả nhất nhân”* (Trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một ai). Chắc chắn Phật, Bồ tát chẳng bỏ qua bất cứ một ai, bất cứ chúng sinh nào. Vì sao? Các vị Bồ tát biết hết thấy chúng sinh và chính mình là một Thể, so với “một nhà” còn thân thiết hơn. Một chúng sinh bị khổ, chịu nạn, há có thể bỏ qua? Đã là một chúng sinh cũng chẳng bỏ qua, hiện thời chúng sinh khổ nạn nhiều ngàn ấy, vì sao Phật chẳng độ họ?

Chúng ta nhất định phải hiểu điều này. Trong kinh đã có giải thích: *“Tâm, Phật, chúng sinh, tam vô sai biệt”* (Tâm, Phật, chúng sinh, 3 thứ chẳng sai biệt). Ý nghĩa của “3 thứ chẳng sai biệt” rất rộng, chẳng phải chỉ có một ý nghĩa. Cách giải thích thứ nhất là 3 điều ấy bình đẳng, 1 mà 3, 3 mà 1. Chúng sinh, Phật, tâm là 1 chuyện, chẳng phải là 3 chuyện, mà là 1, chẳng phải là 3. Cách giải thích thứ hai là sức của 3 thứ ấy bằng nhau. Nghiệp lực của chúng sinh, nguyện lực của chư Phật và sức mạnh của tâm là bình đẳng. Tâm là Thể, Phật và chúng sinh đều là tác dụng. Một đẳng là tác dụng chánh diện, Phật là chánh diện. Một đẳng là tác dụng phản diện, chúng sinh là tác dụng phản diện. Cũng có thể nói, Phật là tác dụng thiện, chúng sinh là tác dụng bất thiện, sức mạnh bằng nhau.

Do vậy, chúng sinh có cảm, Phật bèn có ứng. Tội nghiệp của chúng sinh chẳng tiêu trừ, sức mạnh của Phật chẳng tăng thêm, sức mạnh của tâm cũng chẳng tăng thêm. Tâm, Phật, chúng sinh, nghiệp lực bất thiện của chúng sinh ắt phải tiêu trừ, thì sức mạnh của Phật mới giúp được. Tâm chẳng có thiện hay ác. Nó là bản thể, nhưng bất luận là chân hay vọng, đều là từ Thể khởi lên tác dụng. Tâm tùy duyên, có thể thuận theo duyên nhiễm hay tịnh. Chúng sinh tạo tội nghiệp, nó bèn thuận theo nhiễm duyên hiện ra lục đạo luân hồi, hiện ra quả báo trong tam đồ. Nó tùy duyên. Chư Phật, Bồ tát đoạn ác, tu thiện, tích công, lũy đức, nó cũng tùy duyên. Thế giới Hoa Tạng là tâm tùy duyên. Thế giới Cực Lạc cũng là tâm tùy duyên. Nó có thể thuận theo duyên nhiễm hay tịnh, chưa hề có khởi tâm động niệm. Vì thế, đức Phật mới nói: *“Hết thấy các pháp sinh từ tâm tưởng”*. “Tâm tưởng” chỉ ý niệm của chúng ta. Người hiện thời gọi là “tâm thái”. Nó làm chủ. Chủ thể thiên biến vạn hóa, có ý nghĩa như thế đó.

Do vậy, nguyên thứ nhất trong *Tứ Hoằng Thệ Nguyên* là bốn nguyên độ chúng sinh, là thật, chẳng giả. Quả thật, trong cửa nhà Phật chẳng bỏ một ai. Phật, Bồ tát đối với hết thấy chúng sinh bình đẳng, nghiệp chưa tiêu trừ, bèn giúp kẻ ấy tiêu trừ nghiệp chướng. Tiêu trừ nghiệp chướng lại chẳng thể miễn cưỡng, phải hăng thuận chúng sinh. Khi nào chúng sinh giác ngộ, nhưng ngộ có tiểu ngộ và đại ngộ, đẳng cấp khác biệt rất nhiều. Đối với chúng sinh chưa giác ngộ, Bồ tát

luôn dùng thiện xảo phương tiện giúp họ giác ngộ. Sau khi họ bắt đầu giác ngộ, vẫn dùng thiện xảo phương tiện giúp họ nâng cao. Hy vọng họ giác ngộ càng sâu rộng hơn mãi cho tới lúc viên mãn.

Chúng ta thường gọi viên mãn là “thành Phật”. Thành Phật là viên mãn, đấy là nguyện độ chúng sinh. Nói đúng ra, *Tứ Hoằng Thệ Nguyện* thật sự là nói đến 1 nguyện này, 3 nguyện sau là để hoàn thành chuyện này. Ngày nay, chúng ta cũng phát nguyện này. Nguyện đã phát, nhưng chẳng có năng lực giúp chúng sinh. Vì thế, 3 nguyện sau nhằm thành tựu chính mình. Quý vị thấy: Dạy người khác là dạy chính mình trước. Độ chúng sinh cũng là độ chính mình trước. Chưa độ được mình mà có thể độ người, chẳng có lẽ ấy! Kinh Phật thường nói “chẳng có đạo lý ấy”. Nếu quý vị muốn giúp người khác, nhất định phải thành tựu chính mình trước. Do vậy, điều thứ 2 là “*Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn*”. Phải đoạn trừ tập khí phiền não. Đoạn trừ là gì? Thành tựu đức hạnh của chính mình. Điều này rất trọng yếu. Xưa nay, trong ngoài nước, trong sự giáo dục của thánh hiền, đức hạnh luôn được đặt hàng đầu. Nếu người nào chẳng có đức hạnh, kẻ ấy ngu si chút nào càng tốt chút ấy, do chẳng tạo tội nghiệp to lớn. Nếu kẻ ấy thông minh, hẳn sẽ hại người, làm hại rất nhiều. Vì thế, giáo dục phẩm đức được đặt hàng đầu!

Phẩm đức đã thành tựu. Nguyện kế tiếp là “*Pháp môn vô lượng thệ nguyện học*”. Đây là nói tới yêu cầu phải có tri thức

và trí tuệ. Thiếu tri thức, thiếu trí tuệ, chẳng thể giúp mình, mà cũng chẳng thể giúp người. Nguyên cuối cùng, trí tuệ và học thuật đều phải đạt đến rốt ráo viên mãn, quý vị mới có thể phổ độ chúng sinh.

Vì thế, nguyên cuối là *“Phật đạo vô thượng thế nguyên thành”*. Thành Phật là giống như hiện nay chúng ta đi học đạt được học vị cao nhất là học vị Tiến sĩ. Phật, Bồ tát, A La Hán là các danh xưng học vị trong Phật môn; học vị cao nhất là Phật Đà, học vị hạng hai là Bồ tát, học vị hạng ba là A La Hán. A La Hán đã giác ngộ, tiểu ngộ. Bồ tát đại ngộ. Phật là đại triệt đại ngộ. Chuyện là như thế đó. Chúng ta phải biết kiến thức Phật học thông thường này. Do vậy, chúng ta phải phát *Tứ Hoằng Thế Nguyên* này. Vì sao? Nguyên là động lực. Tập khí phiền não của chúng ta rất nặng, vì sao phải đoạn phiền não? Chẳng phải vì chính mình, mà vì giúp đỡ hết thảy chúng sinh. Sức mạnh ấy rất lớn! Ta đoạn phiền não sớm một ngày, sẽ giúp chúng sinh sớm một ngày, chúng sinh được lợi ích sớm một ngày, chẳng phải vì chính mình.

Vì chính mình, thì lười biếng một chút vẫn chẳng sao. Ta chậm một vài năm, hoặc chậm trễ một vài kiếp chẳng sao! Quý vị thấy chúng sinh khổ nạn nhiều ngàn ấy, há nỡ lòng nào! Vì thế, đây là động lực đại từ đại bi thúc đẩy, nguyên lực thúc đẩy, hy vọng chính mình ngay lập tức buông tập khí phiền não xuống.

Sau khi buông xuống mới có thể thành tựu pháp môn, trí tuệ mới có thể thành tựu. Nếu chẳng buông tập khí phiền não xuống mà quảng học đa văn, thì những gì quý vị học tập toàn là tri thức, chẳng phải là trí tuệ. Trí tuệ và tri thức khác biệt ở chỗ này. Trong tri thức chẳng có tập khí phiền não, nó sẽ là trí tuệ. Nếu vẫn mang tập khí phiền não, thì là tri thức. Bởi lẽ, tri thức chỉ có thể giải quyết vấn đề cục bộ, chắc chắn còn có hậu quả! Trong xã hội hiện thời, chúng ta thấy rất rõ ràng! Có người nói xã hội hiện thời là xã hội tri thức bùng nổ, chẳng sai chút nào. Ai nấy đều đang cầu tri thức, nhưng chẳng biết đến luân lý, đạo đức.

Cũng có người nói con người hiện thời biết làm việc, nhưng chẳng biết làm người. Lời này có lý! Không biết hiếu thuận với cha mẹ, không biết tôn kính tôn trưởng, thậm chí kẻ làm cha mẹ còn trẻ tuổi chẳng biết dạy dỗ con cái ra sao. Đây là tập khí phiền não chưa đoạn. Trung Quốc và các nước đồng văn từ xưa tới nay, bất luận là giáo dục gia đình (trước đây thực là gia giáo), giáo dục trong nhà trường, hay trong xã hội, đều đặt luân lý, đạo đức vào vị trí hàng đầu. Luân lý, đạo đức là *"Phiền não vô tận thế nguyên đoạn"*, xếp nó vào vị trí thứ nhất. Người thiếu tri thức chẳng sao, biết làm người, biết hiếu, đễ, trung, tín, biết lễ, nghĩa, liêm, sỉ, nhân, ái, hòa, bình, kẻ ấy là người tốt, chẳng tạo tội nghiệp. Dẫu kẻ ấy chẳng có cống hiến cho quốc gia, xã hội, nhưng chẳng gây tổn hại. Quý vị nghĩ xem: Giáo dục rất trọng yếu! Sau khi

đã có cơ sở ấy, lại cầu tri thức, tri thức là trí tuệ. Trong Phật pháp gọi đoạn sạch tập khí phiền não là Căn bản trí. Trí tuệ của quý vị có căn bản rồi, giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả là căn bản; toàn bộ tri thức do cầu được sẽ biến thành trí tuệ, gọi là Hậu đắc trí.

Tác dụng của Hậu đắc trí là thiện xảo phương tiện. Chẳng dùng trí tuệ ấy để cầu lợi ích cho chính mình, mà dùng để mưu cầu phúc lợi cho hết thảy chúng sinh. Đây là chuyện tốt đẹp, nhưng nếu chưa thành Phật, đức hạnh và trí tuệ quý vị sẽ chưa đạt tới viên mãn. Chưa đạt tới viên mãn, quý vị độ chúng sinh sẽ không viên mãn. Vì sao? Quý vị chỉ có thể giúp kẻ có phúc huệ thấp hơn quý vị, chứ đối với kẻ có phúc huệ cao hơn chính mình, quý vị sẽ chẳng thể giúp được. Vì thế, phát nguyện muốn thành Phật, thành Phật có thể giúp Đẳng Giác Bồ tát. Chỉ có thành Phật mới có thể giúp họ. Chưa thành Phật, không giúp được Đẳng Giác Bồ tát. Quý vị là Đẳng Giác Bồ tát, không thể giúp Đẳng Giác Bồ tát. Nếu quý vị là Thập Địa Bồ tát, thì kể cả Thập Địa lẫn Đẳng Giác, quý vị đều chẳng giúp được! Đó là đại ý của *Tứ Hoảng Thệ Nguyện*, nhất định phải cầu đạt đến rốt ráo viên mãn. Người xưa nói “hoàn mỹ”, thì hoàn mỹ là chẳng khuyết điểm. Đạt đến Phật Đà mới chẳng có khuyết điểm, chứ Đẳng Giác Bồ tát vẫn còn thua một bậc.

“Dữ thập đại nguyện đẳng” (Và 10 đại nguyện v.v...), 10 đại nguyện đã nói đại lược trong phần trước. *“Bồ tát Phổ*

Hiền thập đại nguyện đảnh”. “Đảnh” là nói tới những thứ khác, như 48 nguyện do Ngài Pháp Tạng đã phát trong hội này, hoặc các vị Bồ tát trong khi tu nhân đã phát ra vô lượng vô biên đại nguyện thù thắng. “*Nguyện dĩ đạo hạnh, hạnh dĩ mãn nguyện*” (Nguyện để hướng dẫn hạnh, hạnh nhằm mãn nguyện). Nguyện nhằm dẫn dắt quý vị tu hành. Nếu chẳng nguyện, quý vị tu hành chẳng thể thành tựu. Vì sao? Chẳng có phương hướng, thiếu mục tiêu, giống như lái thuyền trong biển cả, chẳng có phương hướng, chẳng có mục tiêu, chúng ta biết là rất nguy hiểm. Không chỉ chẳng đạt được mục đích, mà còn gặp nguy hiểm tột cùng bất cứ lúc nào.

Thật đấy, chẳng giả đâu! Vì thế, con người chẳng thể không có nguyện. Trong Phật pháp gọi là “nguyện”, thế tục thường nói đến “chí”. Người chẳng thể không có chí; vì thế, chí và nguyện thường được gộp chung, nhà Phật gọi là nguyện. Hết thấy chư Phật, Bồ tát có chung một nguyện độ chúng sinh, phổ độ chúng sinh. “Phổ” có nghĩa là bình đẳng, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, mang ý nghĩa bình đẳng. Bồ tát ứng hóa trên thế gian. Vì sao? Nhằm giúp đỡ hết thấy chúng sinh khổ nạn. Trong các hành động giúp đỡ, có một nguyện tắc bất biến, đó là “*giúp chúng sinh phá mê khai ngộ*”. Điều này rất trọng yếu! Phật, Bồ tát biết tất cả hết thấy khổ nạn và quả báo của chúng sinh. Căn nguyên của quả báo bất thiện là do mê mất bốn tánh. Mê chứ không giác, đó là cội

nguồn chung, căn cội của hết thảy khổ nạn và quả báo. Phật, Bồ tát giáo học từ chỗ này. Nắm vững từ căn bản, thì mới có thể sinh ra hiệu quả thù thắng. Vì thế, cứu khổ cứu nạn là giúp chúng sinh phá mê, khai ngộ.

Như vậy là chúng ta hiểu rõ, thuở tại thế, Phật Thích Ca Mâu Ni suốt đời dạy học, mỗi ngày đều dạy chẳng gián đoạn, chỉ cần gặp Ngài đều là người có duyên. Gặp một người bèn dạy một người, gặp hai người bèn dạy hai người. Ngài dạy học chẳng câu nệ thời gian, cũng chẳng có nơi chốn nhất định, bất luận chỗ nào, bất luận lúc nào, hễ gặp gỡ, Ngài bèn dạy. Bậc thầy như vậy, xưa nay rất ít thấy người nhiệt tâm dường ấy. Vì sao? Ngài biết quan hệ giữa người khác và chính mình. Đó là luân lý nhà Phật. Luân lý cũng được giảng đến mức viên mãn.

Hết thảy chúng sinh và ta là một Thể. Đã là một Thể thì gặp người khác, kẻ ấy đã mê, tạo tác bất thiện, há lẽ nào chẳng dạy? Không chỉ phải dạy, mà còn nhất định phải giúp cho kẻ ấy giác ngộ. Đó là “chẳng bỏ một ai”. Vì thế, nguyện trọng yếu vô cùng. Nguyện chính xác, phương hướng mục tiêu chính xác, thì hạnh của chúng ta chánh đáng, tư tưởng, lời lẽ, và hành vi đều chánh đáng. Tư tưởng, lời lẽ, hành vi bất chánh, nói cách khác, nguyên nhân là do chí nguyện chẳng lập. Chí nguyện chẳng kiên cố, nên tư tưởng và hành vi của kẻ ấy trong cuộc sống hằng ngày mới có lệch lạc.

Hạnh nhằm mãn nguyện, nhất định phải tu hành thì mới có thể thỏa mãn nguyện vọng của quý vị. Chúng ta muốn đoạn phiền não, phải học pháp môn. Phiền não chẳng đoạn, học pháp môn bằng cách nào? Pháp môn nhất định phải giúp quý vị đoạn phiền não. Vì sao? Trong giai đoạn này, đoạn phiền não là chủ yếu. Phiền não chẳng đoạn, pháp môn chẳng thể thành tựu. Phương pháp đoạn phiền não và học pháp môn vô lượng vô biên. *“Pháp môn vô lượng thệ nguyện học”*, vô lượng, vô biên; nhưng để đoạn phiền não, chỉ có thể chọn lựa mấy thứ trong vô lượng vô biên pháp môn, không thể quá nhiều. Nhiều quá lại chuốc lấy một đồng lớn phiền não! Không chỉ chẳng đoạn được, mà ngược lại phiền não còn tăng trưởng. Hiện tượng như thế rất phổ biến. Xưa nay, trong ngoài nước đều có, chẳng phải là ngoại lệ.

Do vậy, đọc tụng Đại thừa cũng là một pháp môn trong 84.000 pháp môn. Ta đọc tụng nhằm mục đích nào? Chẳng phải là pháp môn vô lượng thệ nguyện học, không nhằm mục đích này, mà nhằm giúp ta đoạn phiền não. Phiền phức lớn nhất trong các phiền não là vọng niệm và vọng tưởng. Quý vị thấy đó, niệm trước diệt, niệm sau sinh, tuyệt đối chẳng thể ngưng dứt, đương nhiên càng chẳng thể đoạn dứt. Vọng niệm toi bời, cả đồng ý niệm bất thiện, dùng phương pháp gì? Vô lượng pháp môn quy nạp lại chỉ có mấy thứ: Trì giới là một phương pháp; tu định là một phương pháp; tác quán là một phương pháp, đó là Chỉ quán; niệm

Phật là một phương pháp; đọc kinh cũng là một phương pháp. Đọc kinh phải đọc như thế nào? Dùng phương pháp đọc kinh để chấm dứt vọng niệm. Không đọc kinh, vọng niệm rất nhiều.

Đọc kinh nhằm tập trung cái tâm một chỗ, chế tâm nhất xứ. Cũng là nói “buông xuống tất cả ý niệm, cung kính niệm bộ kinh này”, như kinh *Vô Lượng Thọ*, tốc độ không nên quá nhanh, mà cũng đừng quá chậm, phải khiến cho vọng tưởng chẳng xâm nhập, nhằm mục tiêu này. Ta đọc kinh này từ đầu đến cuối một lần, đại khái phải từ 1,5 giờ đến 2 giờ. Đây là quý vị tu hành 1,5 giờ hoặc tu 2 giờ. Đọc kinh là đoạn phiền não, nhất định phải hiểu mục tiêu này. Do vậy, sau khi đọc một bộ kinh, vọng niệm cũng chẳng có. Công phu khá lắm!

Đọc một bộ kinh, trong 2 tiếng đồng hồ chẳng khởi một vọng niệm. Công phu tốt đẹp lắm. 2 tiếng đồng hồ chẳng khởi một vọng niệm. Nói thông thường, phải huấn luyện bao lâu? Đại khái huấn luyện từ 3 năm đến 5 năm mới có thể đạt tới trình độ này. Vì thế, niệm một bộ kinh, khởi lên 10 hoặc 20 vọng tưởng là bình thường. Muốn đạt đến mức khởi vài ba vọng tưởng ước chừng phải mất 3 năm công phu. Chẳng có 3 năm công phu, sẽ chẳng làm được. Có thể khởi một vọng tưởng, đại khái phải đến 5 năm công phu. Tâm quý vị đã định, định lâu sẽ khai trí tuệ. Phương pháp đọc tụng là như vậy.

Đọc tụng quyết định không nên nghĩ trong kinh có ý nghĩa gì, vì quý vị vừa nghĩ tới ý nghĩa, thì ý nghĩa là vọng tưởng. Vọng tưởng lại xâm nhập rồi. Chỉ niệm, chẳng có ý nghĩa gì, dùng cách này để dứt vọng tưởng. Niệm Phật, tu định, trì giới đều dùng phương pháp này. Mục tiêu tương đồng, dụng ý như nhau. Vì thế, phương pháp đọc tụng này đối với phần tử tri thức hữu hiệu nhất. Nhiều năm qua, tôi sử dụng biện pháp này.

Tôi niệm Phật không được, niệm Phật suốt ngày cả một vạn tiếng Phật hiệu, vẫn cứ khởi vọng tưởng y như cũ, nhưng xem kinh hoặc đọc kinh thì được; vì thế, đây là do căn tánh của mỗi cá nhân khác nhau. Lúc mới học cũng có thể thử xem, trì chú, trì giới đều có thể thử xem phương pháp nào thích hợp với chính mình, sử dụng rất thuận tiện, chính mình cũng rất ưa thích, bèn dùng phương pháp ấy. Vì thế, hiện thời mỗi ngày, thông thường vào lúc ít khách, thời gian đọc kinh của tôi sẽ chẳng ít hơn 4 giờ đồng hồ. Tôi dùng phương pháp này để đoạn ý niệm của chính mình. Trọn chẳng nghĩ đến ý nghĩa trong kinh, hề nghĩ sẽ là cầu giải, đó là một pháp môn khác.

Hiện thời, tôi đọc kinh. Mục đích của tôi là nhằm tu Định, nhằm ngưng dứt vọng niệm. Công phu ở chỗ này. Nghiên cứu cầu giải, một mặt nâng cao cảnh giới của chính mình, giúp cho Chỉ quán của chính mình. Triết học hiện thời gọi Chỉ quán là vũ trụ quan và nhân sinh quan. Nâng cao cảnh giới của chính mình về phương diện ấy. Mặt khác, chúng tôi

chia sẻ tâm đắc trong học tập với đại chúng, cũng giúp cho mọi người có thể liễu giải nghĩa lý của kinh. Sau khi liễu giải, biết chính mình mỗi ngày phải sống như thế nào. Đó là tu hành, tu hành là cuộc sống.

Nói cách khác, chúng ta chẳng sống cuộc đời lục đạo luân hồi. Chúng ta ở nơi đây (trong lục đạo) mà sống cuộc đời của Phật, Bồ tát, có thể đạt tới thanh lương, tự tại. Người thế gian gọi cuộc sống ấy là “hạnh phúc mỹ mãn”. Cuộc sống của Phật, Bồ tát là hạnh phúc mỹ mãn. Nói cách khác, dùng kinh điển để chỉ đạo chúng ta sống như thế nào, mang ý nghĩa này. Do vậy, hạnh mới có thể mãn nguyện. Dùng một chữ “Hạnh” để bao gồm hành vi sai lầm của chúng ta, bao gồm tư tưởng, kiến giải, ngôn ngữ, tạo tác. Nương theo kinh giáo để uốn nắn, sửa đổi cách nghĩ lầm, thấy trật, nói sai, làm quấy, đó là tu hành. Tu hành ở chỗ nào? Tu hành trong hết thấy thời, hết thấy chỗ.

Thật vậy, tu nơi khởi tâm động niệm, đó là cội rễ của hạnh. Khởi tâm động niệm thiện, ngôn hạnh của quý vị chắc chắn là thiện. Khởi tâm động niệm bất thiện, ngôn hạnh đương nhiên sẽ bất thiện, căn nguyên của nó là ý niệm. Vì thế, hạnh nhằm mãn nguyện. *“Hạnh như túc, nguyện như mục, hổ tương y trì”* (Hạnh như chân, Nguyện như mắt, nương tựa lẫn nhau). Đây là nói về mối quan hệ giữa hạnh và nguyện. Nguyện lãnh đạo quý vị, chỉ dẫn quý vị phương hướng và mục tiêu chính xác, quý vị mới có thể đạt đến.

“Cụ túc”, trong kinh Phật thường dùng 2 từ này. Ở đây, giải thích ý nghĩa 2 từ này rất hay. “*Viên mãn vô dư*”, nghĩa là viên mãn, chẳng khiếm khuyết mảy may nào, đó là “cụ túc”. “Cụ túc” có nghĩa là viên mãn. “*Hạnh Nguyên Phẩm vân*”, nghĩa là trong phẩm *Bồ tát Phổ Hiền Hạnh Nguyên* có nói, “*Văn thử nguyện vương*” (Nghe nguyện vương này). Quý vị nghe 10 đại nguyện vương của Bồ tát Phổ Hiền, đại khái quý vị cũng có thể hiểu rõ ý nghĩa của 10 điều ấy, “đọc, tụng, thư tả” (đọc, tụng, biên chép), đều là công phu. Đối trước kinh điển để niệm là Đọc (讀); Tụng (誦) là niệm thuộc lòng. Niệm rất thuộc, không cần xem kinh cũng có thể đọc thuộc lòng, đó là tụng. Ngoài đọc, tụng ra là biên chép, nay chúng ta gọi là “mặc tả” (默寫: chép thuộc lòng). Nhưng khi viết có thể nhìn vào kinh bốn để chép, thì chúng ta gọi là “sao kinh” (抄經); không xem kinh để viết, thì gọi là “mặc tả”.

“Thư tả” là 2 loại này. “*Thị chư nhân đẳng, ư nhất niệm trung. Sở hữu hạnh nguyện giai đắc thành tựu*” (Những người ấy trong một niệm. Tất cả hạnh nguyện đều được thành tựu). Quý vị hãy suy nghĩ mấy câu này, nếu chúng ta chẳng Nhất tâm xưng niệm, sẽ chẳng có hiệu quả ấy! Kinh *Di Giáo* nói “Chế tâm nhất xứ”. Nhất tâm xưng niệm và Chế tâm nhất xứ có cùng một ý nghĩa. Người thế gian chúng ta nói là “chuyên tâm”. Khi tụng niệm công khóa, khi tu hành, tâm vô nhị niệm, kinh văn hiển hiện rõ ràng, minh bạch trong tâm của chính mình. Trong khi ấy, 10 nguyện này, nguyện nào

cũng đều trọn đủ, đều được thành tựu. Trong 1 nguyên, viên mãn 9 nguyên khác. Nguyên nào cũng là như thế, quý vị thấy 10 nguyên biến thành 100 nguyên. Do vậy, mỗi đời trong ba đời đem phối hợp với ba đời, quá khứ, hiện tại, tương lai, lại thành cửu thế.

Cửu thế là nói theo thời gian, tức là đời quá khứ của quá khứ, đời hiện tại của quá khứ, đời vị lai của quá khứ, đời quá khứ của hiện tại, đời hiện tại của hiện tại, đời vị lai của hiện tại; đời vị lai của vị lai, đời hiện tại của vị lai, đời quá khứ của vị lai. Quý vị chia ra như vậy, cửu thế cộng với “tam thế” ban đầu sẽ thành “thập thế”. Mỗi thế có 10 nguyên, nên 10 nguyên sẽ biến thành 1.000 nguyên. Do lý do đó, 10 điều thiện của Bồ tát có thể lần lượt biến thành 84.000 tế hạnh, do từ chỗ này mở rộng ra. 10 nguyên Phổ Hiền đương nhiên cũng là 84.000 tế hạnh, lại mở rộng ra, đúng là vô lượng, vô biên, vô số, vô tận. *“Một tức là nhiều, nhiều tức là một”*, đây là câu nói tổng kết trong kinh *Hoa Nghiêm*. Đều ở trong một niệm tâm, niệm niệm như vậy, chẳng thể nghĩ bàn!

“Thử chánh hiển từng quả hướng nhân, dĩ Di Đà chi thiện xảo phương tiện gia trì hồi hướng, thành tựu vô lượng siêu xuất Thập Địa chư thánh chi hạnh nguyện” (Điều này chỉ rõ từ quả hướng về nhân, dùng phương tiện thiện xảo của Phật Di Đà để gia trì hồi hướng thành tựu vô lượng hạnh nguyện vượt trội các vị thánh trong Thập Địa).

Đoạn kinh văn ngắn này trong phẩm *Hạnh Nguyên* cho thấy Như Lai từ quả hương đến nhân. Bồ tát Phổ Hiền đã chứng đắc quả vị rốt ráo, thuộc địa vị Diệu Giác, thị hiện thân phận Đẳng Giác Bồ tát trong hội Hoa Nghiêm. Đẳng Giác Bồ tát là nhân vị (địa vị tu nhân), Diệu Giác là quả vị (địa vị chứng quả). Nói cách khác, chúng sinh có cảm, tự tính Thường Tịch Quang có ứng. Tướng của ứng thân ấy là Đẳng Giác Bồ tát. Đó là “từ quả hương đến nhân”, người xưa gọi chuyện này là “thả chiếc bè Từ”.

Ngài quay lại, dần dần tiến lên cao hơn; nay Ngài lui lại, lui lại để giúp đỡ chúng ta. Nếu Ngài không lui xuống, cứ trụ trong địa vị ấy, chúng ta sẽ không thể tiến lên. Ngài đến đi tự do, chúng ta chẳng tự do, nên Ngài cần phải lui xuống giúp đỡ chúng ta. Giúp bằng cách nào? Quý vị thấy, Bồ tát Phổ Hiền dùng thiện xảo phương tiện của Phật Di Đà để gia trì, hồi hướng, thả chiếc bè Từ, vẫn xin Phật A Di Đà dùng thiện xảo phương tiện nơi bốn nguyện gồm 48 nguyện để gia trì, hồi hướng, đấy là biểu diễn cho chúng ta thấy.

Chúng ta trông thấy, hiểu rõ, có nên nương tựa Phật A Di Đà hay không? Đã chứng đắc địa vị Diệu Giác, quay trở lại thị hiện như vậy, chẳng có chi khác, chỉ nhằm khuyến cáo chúng ta nhất định phải nương cậy Phật A Di Đà. Phật A Di Đà ở chỗ nào? Một bộ kinh này là Phật A Di Đà, phải hiểu điều này. Chúng ta mỗi ngày cúng dường tượng Phật A Di Đà, mỗi ngày đốt hương, dập đầu lạy lục cầu Ngài phù hộ,

đó là mê tín. Như vậy là có lỗi với Phật A Di Đà, coi Phật A Di Đà như thần tiên. Sai lầm rồi! Thờ hình tượng nhằm ý nghĩa gì? Thờ tượng để nhắc nhở chúng ta thường nghĩ đến kinh *Vô Lượng Thọ*.

Giáo huấn của Phật A Di Đà dành cho chúng ta hoàn toàn ở trong bộ kinh điển này; nghe danh hiệu liền nghĩ đến kinh điển, thấy hình tượng cũng phải nghĩ đến kinh điển, tác dụng ở chỗ này. Thờ thờ khắc khắc dùng hình tượng để nhắc nhở chúng ta, dạy chúng ta niệm niệm chớ quên. Người học Phật thờ hình tượng Phật, Bồ tát là do ý nghĩa ấy. Phải biết điều này; nếu không, sẽ là làm chuyện mê tín. Vì sao người học Phật chúng ta thờ hình tượng Phật nhiều như thế? Tính đức của chúng ta vô lượng vô biên. Nếu chỉ dùng một danh hiệu, một hình tượng, sẽ chẳng có cách nào hiển thị Tính đức viên mãn của chúng ta.

Do vậy, Phật A Di Đà đại diện kinh *Vô Lượng Thọ*, Bồ tát Quán Thế Âm đại diện phẩm *Phổ Môn*, Bồ tát Phổ Hiền đại diện phẩm *Hạnh Nguyện*, Bồ tát Văn Thù đại diện kinh *Bát Nhã*, Bồ tát Địa Tạng đại diện kinh *Bốn Nguyện*. Chúng ta trông thấy hình tượng các Ngài bèn nghĩ đến giáo huấn trong các bộ kinh điển ấy. Các kinh điển ấy dạy gì? Kinh *Vô Lượng Thọ* biểu thị đại viên mãn. Quán Âm Bồ tát biểu thị từ bi. Nghe các danh hiệu ấy, thấy các hình tượng ấy, phải nghĩ ta nên giống hệt như Bồ tát Quán Âm, dùng tâm đại từ đại bi đối đãi hết tất cả chúng sinh, mang ý nghĩa này, chớ nên hiểu

sai! Bồ tát Địa Tạng biểu thị hiếu thuận cha mẹ, tôn kính sư trưởng. Đây là căn bản của giáo học. Giáo dục của thánh hiền thế gian và xuất thế gian sinh ra từ đâu? Sinh từ hiếu thảo cha mẹ và tôn trọng thầy. Vì thế, danh hiệu của Bồ tát là Địa Tạng. Địa là đại địa, Tạng là kho báu.

Nay, quý vị thấy người ta thăm dò đại địa để tìm khoáng sản. Địa ở đây là nói tới tâm địa. Kho báu trong tâm địa là vô lượng trí tuệ, vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo, dùng phương pháp gì để khai thác? Dùng 2 phương pháp là hiếu thảo cha mẹ và tôn trọng thầy để khai thác kho báu trong tự tính, dùng ý nghĩa này. Nghe danh hiệu, thấy hình tượng, bèn lập tức nghĩ đến hiếu thân, tôn sư, quý vị thấy Tính đức thường thấu lộ ra ngoài. Đó là chuyện tốt. Bồ tát Văn Thù biểu thị trí tuệ, Bồ tát Phổ Hiền biểu thị “thật sự làm”, dùng danh từ này cho dễ hiểu. Bồ tát Phổ Hiền là thật sự làm, khai phát Tính đức trong tự tính.

Đặt ra những thứ ấy, những nghệ thuật phẩm ấy đều là thiện xảo phương tiện trong nhà Phật, chẳng có chút xíu mê tín nào! Do vậy, thật sự hiểu, đã hiểu rõ ràng, chúng ta sẽ bội phục Phật pháp năm vóc sát đất. Đó gọi là gì? Nghệ thuật hóa giáo học. Nghệ thuật hóa là trong thời cận đại, từ sau Đệ nhị thế chiến. Trong xã hội, chúng ta nghe nói đến danh từ “nghệ thuật hóa” rất nhiều. Thứ gì cũng đều nhấn mạnh nghệ thuật, ngay cả chiến tranh cũng nhấn mạnh nghệ thuật, chánh trị cũng là nghệ thuật, công thương cũng là

nghệ thuật, đều nhấn mạnh nghệ thuật hóa! Từ 3.000 năm trước, Phật đã thực hiện nghệ thuật hóa, thấy đều tiến nhập nghệ thuật hóa giáo học, chúng ta chẳng thể không bội phục. 3.000 năm sau, con người mới nghĩ tới, mới theo đuổi nghệ thuật. Do vậy, trong Phật pháp, hết sức coi trọng điêu khắc, hội họa, âm nhạc, mỹ thuật, kiến trúc, thứ gì cũng đều nhằm biểu thị pháp, thứ gì cũng đều là giáo học. Quý vị thật sự thấu hiểu, chẳng cần nói câu nào. Bước vào chùa miếu, quý vị cũng thu được một bài học rất phong phú, rất viên mãn. Những điều này đều nhằm nói về thiện xảo phương tiện, gia trì hồi hướng, tất cả hết thảy đều là gia trì.

Cuối cùng nói “*Phổ giai hồi hướng*”, tâm lượng của chúng ta đã khôi phục bình thường. Tâm lượng bình thường là “*Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*” (Tâm trọn khắp thái hư, lượng như các cõi nước nhiều như cát). Người xưa thường nói “lượng to, phúc lớn”. Đức Phật bảo chúng ta, tâm lượng của mỗi cá nhân chúng ta vốn còn to hơn hư không pháp giới, quý vị vốn sẵn là như vậy. Nay, chúng ta phải tìm lại cái vốn có, phải tìm lại tự tính, hồi hướng là đạt tới viên mãn, tìm lại nó một cách viên mãn. Cách luyện tập trong lúc thường ngày là như thế nào? Phải luyện tập ngay trong hiện tại. Hiện thời, tâm lượng rất nhỏ, phải vận dụng trong thường nhật, khởi tâm động niệm đừng nghĩ vì chính mình, hãy thường nghĩ vì chúng sinh, tâm lượng bèn rộng mở. Thật vậy, trí tuệ hiện tiền, phúc báo cũng to lớn.

Niệm niệm nghĩ vì chính mình, buôn bán mong phát tài, niệm niệm mong mình phát tài, tiền của sẽ có hạn. Vì sao? Trong mạng đã định sẵn, quý vị chẳng có cách nào vượt qua hạn mức đã định sẵn ấy; nhưng nếu chuyển biến ý niệm, ta phát tài chẳng vì chính mình, mà phát tài nhằm giúp hết thảy chúng sinh khổ nạn. Tuyệt lắm! Đấy chẳng còn là tài vật trong mạng của quý vị nữa. Vì sao? Tính đức tỏ lộ, của cải sẽ vô lượng vô biên. Vì sao? Tất cả chúng sinh khổ nạn đều hưởng phúc của quý vị. Đó là thật!

Vào 2.500 năm trước, nhằm thời đại Xuân Thu, tức là nhằm thời đại Ngô - Việt thời Xuân Thu, quý vị thấy Phạm Lãi buôn bán chẳng vì chính mình, rất nhanh, mấy năm đã phát tài to. Sau khi phát tài, thấy người ta nghèo cùng, khổ sở, đều giúp đỡ, tán tài, chia cho mọi người, khiến cho mọi người có thể sống qua ngày. Chính mình lại từ cái vốn nhỏ nhoi để bắt đầu buôn bán, trong mạng cũng có, hơn nữa, lại làm chuyện tốt đẹp to tát dường ấy, ông ta thật sự có thể phát tài. Phát tài là vì có đại đạo, bố thí mà! Từ món tiền vốn nhỏ để bắt đầu buôn bán, chưa đầy vài ba năm lại phát tài. Phát tài nhiều hơn lần trước, lập tức chia hết của cải. Sau khi chia sạch, lại làm từ đầu, rất tuyệt! 3 lần tụ tài, 3 lần tán tài, nên sau này, người ta thờ ông ta làm Tài thần. Người Hoa thờ ai làm Tài thần? Phạm Lãi! Điều này rất có lý, ông ta là một vị thương nhân Bồ tát, dạy quý vị kinh doanh, buôn bán như thế nào?

Chẳng vì chính mình, mà vì chúng sinh. Bản thân quý vị tu phúc, đời đời kiếp kiếp hưởng chẳng hết. Quý vị thấy quý vị đã cứu vớt bao nhiêu người? Quý vị bố thí, thi ân, trong tương lai, con cháu trong nhà quý vị ai nấy đều là con hiếu, cháu hiền. Vì sao? Chúng nó đến báo ân, chẳng đến báo oán, chẳng đến đòi nợ. Phạm Lãi nêu gương cho chúng ta thấy. Đặc biệt là trong thế giới hiện đại, hết thảy nhấn mạnh khoa học, khoa học đòi hỏi chứng cứ, chúng ta cũng phải nêu gương. Tán tài chẳng thua thiệt. Tán tài là chiếm đại tiện nghi, nhưng chẳng ai biết chuyện này.

Đến hồi hướng mới thật sự là viên mãn. Do vậy, người ấy thành tựu vô lượng hạnh nguyện vượt trội chư thánh thuộc Thập Địa. Người ấy thực hiện triệt để, viên mãn. Những vị Bồ tát ấy học theo Phật A Di Đà. Phật A Di Đà kiến lập Tây Phương Cực Lạc thế giới để làm gì? Chẳng phải vì chính mình, chẳng dính vào tiếng tăm, lợi dưỡng cho chính mình, mà nhằm giúp lực đạo chúng sinh trong hết thảy các cõi Phật khắp pháp giới hư không giới, tiếp dẫn họ đến thế giới Cực Lạc, tạo ra một đạo tràng thích hợp nhất để tu hành thành tựu trong thế giới Cực Lạc, hoan nghênh họ đến đó. Chẳng đòi hỏi điều kiện rất cao, mà là điều kiện rất đơn giản, quý vị thật sự là thiện nam tử, thiện nữ nhân, cũng tức là quý vị có thể làm được *Thập Thiện Nghiệp Đạo*. Tin tưởng pháp môn này, bằng lòng vãng sinh, Ngài sẽ đến tiếp dẫn quý vị. Điều kiện căn bản để vãng sinh là tín, nguyện, trì danh. Quý

vị thấy đơn giản lắm! Nhưng chúng ta chớ nên quên, đừng sơ sót một điều kiện trọng yếu như Phật Thích Ca Mâu Ni đã giới thiệu: *“Chẳng thể do chút ít thiện căn, phúc đức, nhân duyên mà được sinh về cõi ấy”*. Câu này trọng yếu lắm.

Quý vị có tín, có nguyện, có hạnh, đến cuối cùng quý vị chẳng thể vãng sinh, bèn trách “Phật lừa ta”. Phật chẳng lừa quý vị. Phật đã nói rất rõ ràng, quý vị ít thiện căn, phúc đức, nhân duyên, sẽ chẳng thể đến đó. Đến đó, nhất định phải là người nhiều thiện căn. Thiện căn là gì? Thiện căn là tín, nguyện. Quý vị thật sự tin tưởng, nguyện thiết tha. Đó là thiện căn. Phúc đức là gì? Phúc đức là thật sự làm, ta thật sự thực hiện *Thập Thiện Nghiệp Đạo*, vì nơi ấy toàn là chư thượng thiện nhân cùng nhóm họp một chỗ.

Tiêu chuẩn của thiện là 10 thiện nghiệp: Không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không nói dối chiều, không nói thêu dệt, không ác khẩu, không tham, không sân, không si. Làm được điều kiện này vài phần là được rồi. Làm viên mãn cả 10 điều kiện sẽ thành Phật. Chúng ta có thể làm đến 1% thì được rồi, nắm chắc vãng sinh Cực Lạc thế giới! Do vậy, 10 nguyện ấy chẳng thể không tu. Cách tu 10 nguyện ấy ra sao? Tôi đã nói rất nhiều lần, thực hiện *Đệ Tử Quy* và *Cảm Ứng Thiên* chính là tu *Thập Thiện Nghiệp Đạo*. Vì *Thập Thiện Nghiệp Đạo* chỉ đề ra cương lĩnh, chẳng nói chi tiết. *Cảm Ứng Thiên* và *Đệ Tử Quy* là hạng mục chi tiết, còn 10 điều trong *Thập Thiện Nghiệp Đạo* là tổng cương

lãnh. Quý vị thực hiện 2 thứ ấy thì *Đệ Tử Quy* đã làm được, *Thập Thiện Nghiệp* cũng làm được, quý vị là chư thượng thiện nhân. Tuy là tiểu thiện, khi vãng sinh, Phật A Di Đà trước hết dùng Phật quang chiếu gọi quý vị. Phật quang vừa chiếu, tiểu thiện sẽ biến thành đại thiện, nâng lên cao, đó là Phật lực gia trì. Phật lực gia trì là tương đối, nghĩa là quý vị có bao nhiêu, Ngài tăng thêm bấy nhiêu. Chúng ta tu nhiều, Ngài sẽ tăng thêm nhiều, chớ nên không hiểu đạo lý này!

Chúng ta lại xem đoạn kế tiếp: *“An trụ nhất thiết công đức pháp trung, nhất thiết công đức pháp chỉ Phật quả chi vô tận công đức”* (An trụ trong hết thấy pháp công đức: “Hết thấy công đức” chỉ Phật quả công đức vô tận). Chúng ta thường nói viên mãn xứng tánh là hết thấy công đức, thật vậy, cũng chẳng có gì hiếm lạ. Vì sao? Vốn trọn đủ trong tự tính. Hết thấy chúng sinh ai nấy đều có phần, chẳng phải là nói Phật có, còn chúng ta chẳng có. “Chúng ta có” là có như thế nào?

Tuy có, nhưng hiện thời bị chướng ngại. Tuy có, nhưng không lấy ra được. Ví như quý vị có tài sản ứ đọng, đều để trong ngân hàng, cất trong ấy. Hiện thời, quý vị ở bên ngoài, muốn ăn một bữa cơm, túi không có tiền, vẫn phải tạm thời làm lụng một chút, người ta mới cho quý vị ăn một bữa. Chẳng phải là quý vị không có, nhưng hiện thời chẳng lấy ra được, có chướng ngại. Đạo lý là như vậy đó. Phật và Pháp thân Bồ tát chẳng có chướng ngại; vì thế, đối với Tính đức viên mãn có thể tự tại khởi tác dụng, đối với vô lượng trí

tuệ, vô lượng thần thông có thể tự tại khởi tác dụng. Đạo lý như vậy đó. Đức Phật đã nói rất rõ ràng, nếu chúng ta diệt trừ chướng ngại, chướng ngại của chúng ta chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Chướng ngại chia thành 3 loại lớn ấy. Mỗi loại đều là vô lượng vô biên, gồm 3 loại lớn ấy! Đức Phật nói rất rõ ràng, hoàn toàn diệt trừ 3 loại lớn ấy, quý vị sẽ thành Phật, chẳng khác gì Phật A Di Đà, trí tuệ và đức tướng trong tự tính sẽ hiện tiền viên mãn.

Chưa có năng lực trừ diệt hoàn toàn, thì trừ từng phần. Có tất cả 3 phần, trong 3 phần diệt trừ 1 phần, đã khởi tác dụng rồi. Trừ từ bên ngoài, tức là trước hết, hãy trừ từ bên ngoài, phần ở bên ngoài chính là chấp trước. Nếu là thật sự đoạn trừ, chúng ta buông chấp trước xuống. Chẳng còn chấp trước hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, quý vị chứng quả A La Hán, hết thấy công đức trong tự tính thấu lộ 1/3. 1/3 đã là thần thông rộng lớn rồi! Nhiều người trong chúng ta đã đọc *Tây Du Ký*, biết Tôn Ngộ Không thần thông quảng đại, nhưng A La Hán vượt trội Tôn Ngộ Không chẳng phải chỉ là một vạn lần. Tôn Ngộ Không chẳng thể sánh bằng A La Hán! Quý vị biết, đó là vì năng lực khôi phục, thần thông khôi phục. Nếu lại khử thêm một phần, tức là lại trừ khử phần phân biệt, nghĩa là đối với hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian chẳng còn phân biệt. Chư vị phải biết, không chấp trước sẽ đắc tâm thanh tịnh. Nhan đề kinh này là “*Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác*”. Chẳng chấp trước, tâm

thanh tịnh hiện tiền, đó là A La Hán. Chẳng phân biệt, tâm bình đẳng hiện tiền. Bồ tát chẳng phân biệt. A La Hán còn có phân biệt, Ngài chẳng chấp trước, nhưng có phân biệt. Đối với phân biệt, Bồ tát cũng chẳng có, Tính đức trong tự tính thấu lộ 2/3. Cuối cùng là đại triệt đại ngộ, đó là Giác. “Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác”, sự giác ấy là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính, hoàn toàn chẳng có chướng ngại, Tính đức trong tự tính thấu lộ toàn bộ.

Ở đây, nói đến vô tận công đức. Phật quả có công đức vô tận, đó là viên mãn xứng tánh. Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác đều đã đạt được. Nếu chẳng giải thích như vậy, chỉ nói “hết thấy các pháp công đức” thì Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ tát, Phật đều có thể nói là các Ngài trọn đủ hết thấy các pháp công đức. Phía sau thêm vào một câu, nói rõ là công đức vô tận nơi Phật quả. Như vậy là không phải là nói tới quả vị Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ tát, chẳng nói tới các địa vị ấy, mà nói tới quả địa Như Lai. Thật sự chứng đắc viên mãn “Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác”, thì mới là cảnh giới đó.

Đây là nói người vãng sinh Tây Phương Cực Lạc thế giới đều an trụ trong hết thấy các pháp công đức nhằm cổ vũ, khích lệ chúng ta cầu sinh thế giới Cực Lạc. Chúng ta vãng sinh Tây Phương Cực Lạc thế giới trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Nói thật ra, sự hưởng thụ của chúng ta nhiều nhất là bằng Thanh Văn, chưa viên mãn, nhưng thế giới ấy là thế giới đặc thù, chẳng giống những thế giới khác! Trong nguyện

thứ 20, Phật A Di Đà đã nói hễ ai sinh về Tây Phương Cực Lạc thế giới “đều là A Duy Việt Trí Bồ tát”. Câu này rất trọng yếu. Trong các cõi Phật khắp mười phương chẳng có điều này, chỉ riêng thế giới Cực Lạc là có.

Do bốn nguyện và oai thần của Phật A Di Đà gia trì, quý vị đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, tuy chưa đoạn phiền não, nhưng trí tuệ, thần thông, và đạo lực của quý vị bằng với A Duy Việt Trí Bồ tát. A Duy Việt Trí Bồ tát là gì? Là Phật! Hạ hạ phẩm vãng sinh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, đến bên kia được đãi ngộ, được hưởng thụ sự đãi ngộ nơi Phật quả, tìm đâu ra điều này! Cũng có thể nói là quý vị đến thế giới Cực Lạc bèn thành Phật. Sự “thành Phật” ấy chẳng phải là thật sự thành Phật, mà do Phật A Di Đà gia trì quý vị. Loại đãi ngộ ấy do Phật A Di Đà ban cho quý vị, chẳng do chính bản thân quý vị đạt được, chính mình vẫn còn phải tu hòng thật sự đạt đến. Bất quá chính mình tu sẽ rất dễ dàng, lại còn rút ngắn thời gian với một mức độ to lớn.

Quý vị thấy đó, tu hành trong thế giới Sa Bà này phải mất vô lượng kiếp, trụ trong vô lượng kiếp; đến thế giới Cực Lạc tu hành, chúng ta nói về quả vị thấp nhất là hạ hạ phẩm vãng sinh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, tu hành trong thế giới Cực Lạc. Tu đến mức an trụ trong hết thảy các pháp công đức phải mất thời gian bao lâu? 12 kiếp. Quý vị thấy vô lượng kiếp lập tức rút ngắn thành 12 kiếp. Đối với hoàn cảnh học tập tốt đẹp, thuận tiện ấy, quý vị có nên đến đó hay

không? Khắp pháp giới hư không giới, chẳng thể tìm đâu ra một nơi nào giống như vậy! Chỉ có một chỗ gương mẫu như thế, hết sức đáng quý! Mười phương hết thấy chư Phật, Bồ tát đều tán thán, đều khuyên dạy chúng ta phải sinh về đó, nhưng chúng ta vẫn chẳng muốn sinh về. Quý vị nói xem, nghiệp chướng của quý vị nặng nề lắm thay! Bao nhiêu vị Bồ tát mong tưởng đến đó mà chẳng có duyên phận này, chẳng gặp gỡ duyên phận này. Do duyên phận, nay chúng ta được gặp gỡ, nhưng chẳng mong sinh về, đúng là lầm lạc quá đỗi! Đó là pháp tu rất ráo viên mãn, thành tựu trong một đời!

“Nhân Vương Kinh Sớ vân: Thí vật danh Công” (Nhân Vương Kinh Sớ giảng: “Thí cho chúng sinh gọi là Công”), Công ở đây là công đức. “Công đức” giải thích ra sao? Ở đây có nói: *“Quy kỷ viết Đức”* (Quy về mình là Đức). Do vậy, công đức và phúc đức khác nhau, ngàn vạn phần đừng coi tu phúc là công đức; nếu vậy, quý vị đã hoàn toàn sai lầm mất rồi! Công là “thí vật”. Ở đây là “vật” chẳng nói “thí cho người” mà nói “thí vật”. Nếu nói là người thì trong mười pháp giới chỉ có nhân đạo, Ngài nói “vật” bao gồm toàn bộ mười pháp giới trong ấy. Đối với những kẻ ngang vai vế chúng ta, thì nói là “bố thí”, đối với những bậc cao hơn chúng ta như chư thiên thì gọi là “cúng dường”.

Cúng dường cũng là bố thí, nhưng nói “cúng dường” thì danh xưng tôn kính hơn một chút. Trên là cúng chư Phật, Bồ tát, chư thiên, thiện thần; dưới là cúng dường cửu giới

chúng sinh, đều gọi chung là “vật”. Trong từ “Vật” này có 2 ý nghĩa:

- Một là đối tượng bố thí của chúng ta, nay chúng ta nói là hết thấy người và vật.

- Thứ hai là nội dung bố thí, có tài bố thí, pháp bố thí và vô úy bố thí. Chúng ta dùng này 3 thứ này để bố thí hay cúng dường, trên là đến thiên thần, dưới là chúng sinh trong địa ngục. Tâm lượng ấy lớn lắm!

Các nhà khoa học hiện thời nói đến các chiều không gian khác nhau. Chúng ta thường gọi chúng là “mười pháp giới”, tức các chiều không gian khác nhau. Trong các chiều không gian khác nhau đều có sinh vật, bao gồm lục đạo chúng sinh chưa khai ngộ, hoặc là chúng sinh thuộc Tứ thánh pháp giới tuy đã khai ngộ, nhưng chưa viên mãn. Họ đều là đối tượng để chúng ta bố thí hay cúng dường, đó là “tu công”. Quý vị tu công nhất định được lợi ích. Lợi ích gì vậy? Quy về chính mình là đức. Quý vị thí tài bèn được của cải. Thừa quý vị, càng thí sẽ càng nhiều!

Năm 1999, tôi ở Tân Gia Ba, đề nghị với cư sĩ Lý Mộc Nguyên, khi ấy ông ta làm Tổng Vụ của Cư Sĩ Lâm. Lâm trưởng là ông Trần Quang Biệt, nhưng ông Lý giống như Chấp hành đồng sự (Giám đốc điều hành). Hết thấy mọi việc trong Cư Sĩ Lâm đều do ông ta quản trị. Tôi khuyên ông ta nên thí thực, tức là cho người khác ăn cơm. Cách làm ra sao?

Cho mọi người đến Cư Sĩ Lâm ăn cơm miễn phí, chẳng phân biệt là tôn giáo nào. Kẻ ấy có tin tưởng tôn giáo hay không chẳng quan trọng, chỉ cần đến ăn cơm, chúng tôi đều hoan nghênh. Hoan nghênh kẻ ấy đến ăn cơm. Lại còn ăn cơm không gián đoạn. Ăn theo lối buffet, đến ăn lúc nào cũng được, suốt ngày đêm 24 tiếng đồng hồ chẳng gián đoạn. Ban đêm vẫn mở cửa. Ban đêm thì có mạn đầu (bánh bao không nhân), bánh mì, điểm tâm, cháo, thức ăn lót dạ^[37], nước trà, 24 giờ chẳng gián đoạn. Ước chừng mỗi ngày có hơn 1.000 người đến Cư Sĩ Lâm ăn cơm. Cuối tuần hoặc ngày lễ, cả 3-4 ngàn người, vô cùng náo nhiệt. Khi đó, Cư Sĩ Lâm thâm nhập vẫn còn khá lắm, chúng tôi thực hiện cách ấy. Làm chưa đến một tháng, Cư Sĩ Lâm chẳng cần phải bỏ ra đồng nào để mua sắm. Vì sao?

Người Tân Gia Ba đều biết tới, những đệ tử Phật môn mỗi ngày đem gạo đến biếu, dầu cũng biếu cho, rau dưa đưa đến biếu, thứ gì cũng chẳng phải mua. Biếu tặng nhiều quá, người ăn được quá ít. Mỗi ngày mấy ngàn người mà vẫn ăn quá ít. Những thứ ấy chẳng thể giữ được, giữ lại chúng sẽ hư mất, đặc biệt là rau dưa. Làm thế nào đây? Cư Sĩ Lâm tìm 2 xe chở hàng nhỏ, mỗi ngày đưa đi bố thí, biếu tặng bên ngoài. Đưa đến đâu? Các tôn giáo khác, họ có viện dưỡng lão, cô nhi viện, trường học, thầy đều đem tặng hết.

[37] Nguyên văn “Tiểu Thái”. Theo cách gọi của người Đài Loan. Đây là những món ăn vặt được chuẩn bị với số lượng ít, thường dùng như món khai vị, hoặc lót dạ trước khi ăn các món chính thức, chẳng hạn dưa leo trộn chua ngọt, sứa trộn, đậu nành non trộn thật cay v.v...

Tất cả các tôn giáo chúng tôi đều bố thí, bố thí hết cả, càng thí, càng nhiều! Do vậy, những tôn giáo ấy cũng rất thân thiết với chúng tôi.

Đến Cư Sĩ Lâm ăn cơm, có chẳng ít món ăn, quầy buffet của chúng tôi có từ 15 đến 20 món ăn. Mỗi ngày đều là như vậy, đều là mới nấu nóng hổi. Ông Hoàng Kim Huy là Tổng thống Tân Gia Ba xưa kia, có một hôm đến Cư Sĩ Lâm dùng cơm, chúng tôi cùng ăn chung. Ông ta nói với ông Lý Mộc Nguyên: “Các vị thật sự giỏi quá! Trong nhà tôi thức ăn chỉ có 5 món, quý vị có đến hai mươi mấy món”. Do ông ta đến thăm, nên hôm đó đặc biệt tăng thêm thức ăn, nấu thêm mấy món nữa! “Quá phong phú, quý vị lấy tiền từ đâu ra?”. Khi các tu sĩ hoặc tín đồ các tôn giáo đến đây ăn cơm cũng đều hỏi như vậy. Thấy có nhiều người ngần ấy, quý vị lấy tiền từ đâu ra? Ông Lý Mộc Nguyên nói: “Chúng tôi có ông chủ làm hậu thuẫn”. Họ hỏi: “Ông chủ là ai?”. “Phật A Di Đà”, chứng minh đức Phật nói chẳng sai, càng thí, càng nhiều, thứ gì cũng có, chẳng phải bận lòng chút nào!

Hiện thời, quý vị thấy trong nước cư sĩ Tề Tổ Bình ở núi Đông Thiên Mục. Chỗ bà ta là núi hoang, chẳng có gì cả, phát tâm bố thí, mười mấy năm qua càng thí càng nhiều. Đúng như trong Phật môn đã nói: *“Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng”*. Quý vị phải hiểu rõ đạo lý và chân tướng sự thật này. Quý vị đã hiểu rõ, sẽ yên tâm lớn mật bố thí, chẳng sợ hãi. Quý vị hiểu đây là phúc huệ chân thật, do bố thí mà

có. Tài bố thí được của cải. Pháp bố thí được thông minh, trí tuệ. Vô úy bố thí được khỏe mạnh, sống lâu. Quý vị thấy 3 điều này có ai chẳng mong muốn! Của cải do đâu mà có? Trong mạng có của cải là do trong đời quá khứ quý vị đã tu tài bố thí. Không phải trời già quyết định, cũng chẳng phải do Phật, Bồ tát ban cho! Ông tu ông đắc, bà tu bà đắc, không tu không đắc!

Một người là như thế, một gia đình là như thế, một nước cũng là như thế. Nếu người lãnh đạo các nước hiểu đạo lý này, cần gì phải phát động chiến tranh? Chẳng cần! Quý vị vẫn là “hữu cầu tất ứng”. Hơn nữa, phát động chiến tranh sẽ “cái được chẳng bù nổi cái mất”.

Đối với “cầu” trong Phật pháp, xưa kia, Chương Gia Đại sư đã dạy tôi, có đạo lý, có lý luận, có phương pháp. Đúng lý, đúng pháp, có cầu ắt ứng, chẳng có gì là mê tín trong ấy! Cần gì phải tạo tội nghiệp? Tạo tội nghiệp chỉ khiến đức bị khuyết, chỉ khiến cho của cải, trí tuệ, sức khỏe và tuổi thọ trong mạng của quý vị bị giảm xuống, chẳng thể tăng lên. Vì thế, giáo huấn của thánh hiền có giá trị, có chỗ hữu dụng, chẳng thể không tìm lại. Không chỉ phải tìm lại, mà còn phải đích thân dốc sức hành, phát huy rộng lớn.

Tịnh Ảnh Sớ đã giải thích công đức như sau: “*Công vị công năng, chư hạnh giai hữu lợi ích chi công, cố danh vi công*” (Công là công năng, các hạnh đều có công năng lợi ích

nên gọi là công). “Chư hạnh”: Tư tưởng, kiến giải, ngôn ngữ, hành vi được gọi là “chư hạnh”, chúng đều có công năng lợi ích. Nếu chúng tùy thuận Tính đức, đó là công.

Trái phạm Tính đức thì tạo nghiệp (tạo nên những mầm mống tội lỗi, khổ quả), như vậy là có tội! Theo bước thánh hiền, cổ thánh tiên hiền, chư Phật, Bồ tát, thánh hiền của các tôn giáo Tây phương, đều là công. Vi phạm giáo huấn của thánh hiền là tội. “*Thử công thị thiện hành gia đức*” (Công ấy là đức sẵn có của người làm lành). Chúng tôi đổi một chữ trong câu này cho mọi người dễ hiểu, tức là “*thiện hành nhân gia chi đức*” (Đức của người làm điều thiện). “Thiện hành hành gia đức” có nghĩa như vậy. Đức ấy cũng đạt được, quý vị có được của cải, thông minh, trí tuệ, khỏe mạnh, sống lâu. “*Cố danh công đức*” (Nên gọi là công đức). Cách giải thích từ công đức này cũng rất hay.

“*Đức thể danh pháp*” (Thể của đức là pháp). Đức ấy do đâu mà có? Do pháp, tức là an trụ trong hết thấy các pháp công đức. Lại phải giải thích chữ pháp này. “*Phạn vân Đạt Ma*” (tiếng Phạn là Dharma). Dharma là tiếng Ấn Độ, tiếng Phạn là Dharma, người Hoa dịch là Pháp. “*Thông ư nhất thiết*” (Chỉ chung hết thấy). Đây là danh từ chung để chỉ hết thấy vạn sự vạn vật. “*Vô luận tiểu giả, đại giả, hữu hình giả, vô hình giả, chân thật giả, hư vọng giả, thị sự vật giả, thị đạo lý giả*” (Bất luận là lớn, nhỏ, hữu hình, vô hình, chân thật, hư vọng, là sự vật hay là đạo lý). Nói ngắn gọn, dùng một từ để

xưng hô là Pháp. Đó là cách xưng hô theo đối pháp^[38]. Trong toàn thể vũ trụ, trong giáo pháp Đại thừa thường dùng 6 từ để bao gồm toàn bộ hết thảy mọi sự trong vũ trụ. 6 từ ấy là:

- *Tánh - Tướng*: Trong triết học gọi Tánh là bản thể của vũ trụ, Tướng là hiện tượng. Kinh Phật dùng danh từ này. Triết học hiện thời cũng dùng danh từ này.

- Thứ hai là *Lý - Sự*. Lý là lý luận, Sự là tất cả hết thảy tạo tác, biến hóa. Sách *Hoàn Nguyên Quán* nói “*Xuất sinh vô tận*”, đó là Sự, nó biến hóa. Y báo và Chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều thuộc về Sự. Tự tính thanh tịnh viên minh thể là Lý. Do vậy, Lý là Thể, Sự là Tướng, đặc biệt coi trọng sự biến hóa.

- Sau cùng là *Nhân - Quả*.

Tánh - Tướng, Lý - Sự, Nhân - Quả đã bao gồm trọn hết toàn thể vũ trụ, chẳng sót một pháp nào. Phật pháp thường nói như thế.

“*Duy Thức Luận viết*” (*Duy Thức Luận* nói), nêu kinh luận để giải thích danh tướng này. “*Pháp vị quỹ trì. Quỹ vị quỹ phạm (軌範), khả sinh vật giải*” (Pháp là quỹ trì (duy trì theo đúng đường lối). Quỹ (軌) là đường lối, khuôn khổ, có thể khiến cho chúng sinh khởi lên kiến giải). Quỹ là quỹ đạo (軌道: đường lối định sẵn), cũng là “trật tự” như ta nói trong

[38] Đối Pháp hiểu theo nghĩa hẹp là Luận Tạng, hiểu theo nghĩa rộng là danh từ thuật ngữ trong Phật pháp. Đối Pháp nghĩa là dùng trí tuệ nơi thánh đạo vô lậu để quán sát đạo lý Tứ Đế và thật quả Niết Bàn.

hiện thời. Trong toàn thể vũ trụ, quý vị thấy tinh hệ, ngân hà. Chúng ta nói tới ngân hà, những tinh cầu ấy vận hành trong vũ trụ đều có quỹ đạo, tuy rất nhiều, cũng là vô số vô lượng; nhưng chúng có trật tự nhất định, chẳng xảy ra va chạm, điều đó gọi là quỹ; vì thế, nay chúng ta gọi là “pháp tắc thiên nhiên”. Trên địa cầu có rất nhiều sinh vật, những sinh vật cùng tồn tại, sinh trưởng trên địa cầu, có liên quan với nhau. Do liên quan lẫn nhau mới tạo thành cân bằng sinh thái trên địa cầu, địa cầu phát triển tốt đẹp, quý vị chớ nên phá hoại.

Nếu con người tùy thuận thiên nhiên, sẽ thuận lợi nhất; phá hoại thiên nhiên, tai nạn sẽ xảy đến. Chúng tôi nêu một thí dụ rõ rệt nhất. Cha mẹ sinh ra chúng ta có thân thể này, đó là tự nhiên. Chúng ta tùy thuận tự nhiên, khéo yêu thương thân thể này, quý vị sẽ cả đời khỏe mạnh, hạnh phúc. Nếu quý vị chẳng ưa thích nó, muốn đến thẩm mỹ viện, biến đổi khuôn mặt tự nhiên thành dáng vẻ như quý vị tưởng tượng. Có thể hay không? Có thể chứ! Sau khi đi thẩm mỹ viện, thỏa ý đại khái được mấy năm, quý vị phải khổ cả đời, đau khổ cả đời. Nỗi khổ ấy do chính quý vị chuốc lấy. Ở Úc Châu Học Viện, có một nữ cư sĩ làm công quả, thuở trẻ đi sửa mũi, sống mũi được nâng cao hơn, sau lúc 40 tuổi đau khổ không chịu nổi, mỗi ngày phải chịu tội, gặp tôi kể chuyện ấy. Tôi nói: “Bà đã phá hoại cân bằng sinh thái tự nhiên, nên hiện thời phải chịu tai nạn này”.

Khoa học kỹ thuật phát triển, mọi người đã hiểu sai lời cổ nhân: *“Nhân định thắng thiên”*. Hiện thời, người ta hiểu câu ấy nghĩa là gì? Con người nhất định có thể thắng thiên, tức là chiến thắng tự nhiên, trật lất rồi! Trước đây, người ta nói *“Nhân định thắng thiên”*, nghĩa là con người phải định, nói về tu thiền định. Có thiền định rất sâu, định sinh trí tuệ. Năng lực ấy có thể thắng thiên, có ý nghĩa như vậy. Nay, tâm quý vị dao động, hời hợt, học được một chút khoa học kỹ thuật, liền nghĩ mình vạn năng, có thể thắng thiên hay không? Quý vị thấy hiện thời quý vị thay đổi sinh thái tự nhiên, khiến cho địa cầu tức giận, nổi nóng, nó phải trả thù. Nó lay động nhẹ nhẹ, những cao ốc, dinh thự bèn sụp đổ hoàn toàn, quý vị có dấu lại nó hay không? Cổ nhân nói chẳng sai, nhưng hiện thời rất nhiều ý nghĩa đã bị vặn vẹo, hiểu lệch lạc mất rồi! Bởi lẽ, đối với tự nhiên, cổ nhân kính trời, kính quỷ thần.

Khổng phu tử cũng chẳng phải là ngoại lệ: *“Kính quỷ thần nhi viễn chi”*. “Viễn chi” là gì? Chẳng để cho quỷ thần thao túng! Thật ra, điều ấy tương ứng với 10 đại nguyên vương, lễ kính chư Phật, kể cả trời, đất, quỷ thần, bao gồm núi, sông, đại địa, không gì chẳng kính. Quỷ thần cung cấp tin tức thiện, chúng ta có thể tiếp nhận; nếu là bất thiện, vi phạm pháp tắc thiên nhiên, chúng ta chẳng cần phải tiếp nhận nó. Tương ứng với pháp tắc của thiên nhiên, thì chúng ta có thể tiếp nhận, chấp nhận. Trong trời đất, quỷ thần có kẻ thiện lương, chẳng phải là không có, nhưng kẻ bất thiện cũng chẳng ít, chúng ta chớ

nên không biết. Nhất định phải dùng định lực, tâm chớ nên bộp chộp, hời hợt. Đừng nên bị xung động bởi cảm tình, hãy dùng lý trí để xử sự hòng khỏi mắc phải lỗi lầm!

Con người hiện thời đi sau tiến bộ khoa học. Thật vậy, chúng ta có lỗi với địa cầu, có lỗi với núi, sông, đại địa, khai thác bừa bãi, phá hoại tùy tiện, chẳng có một chút tâm cung kính nào. Phật pháp cho chúng ta biết cây cối, hoa, cỏ đều có linh tánh. Trong kinh điển, đức Phật bảo chúng ta cây cối nào có chiều cao bằng con người thì cây ấy có thần cây. Chẳng phải là cây thành thần mà là do linh thể (spirits) dựa vào cây. Họ nghĩ cây ấy là nơi cư trú của họ. Nguyên nhân là như vậy đó. Vì thế, trước kia, người xuất gia tu hành trên núi, chặt mấy cây để dựng một túp lều tranh, đức Phật cho phép, nhưng 3 ngày trước khi quý vị muốn chặt cây ấy, phải cúng tế thần cây, tụng kinh hồi hướng cho họ; xin phép họ 3 ngày sau sẽ chặt cây, xin họ dọn nhà đi, thông báo, loan tin cho họ. Đâu có giống như trong hiện thời, chặt phá cả đồng, chẳng thèm thông báo. Quý vị nói xem, như vậy thì thần cây có tức giận hay không? Họ sẽ kiểm chuyện với quý vị. Đào quặng, vừa đủ bèn ngưng, chớ nên có tâm tham. Có tâm tham, phiền phức sẽ xảy đến. Hiện thời đã làm quá lỗ rồi, quá sức quá lỗ, nên núi, sông, đại địa biến đổi nhiều, rõ rệt lắm! Đến tột cùng, rất có thể toàn thể đại lục sẽ bị chìm xuống đáy biển!

Trong quá khứ đã từng có chuyện này. Các nhà khoa học nói: Trên địa cầu, khoảng chừng năm vạn năm trước, khoa

học kỹ thuật cũng khá phát triển. Trên thế giới này có nước Đại Tây (Atlantis), do cũng làm quá lỗ, luân lý, đạo đức, nhân quả đều chẳng cần đến nữa, tin tưởng nhân định thắng thiên, tùy ý phá hư địa cầu, tùy tiện thay đổi núi, sông, đại địa đến nổi lục địa chìm xuống đáy biển. Chỗ hiện thời là Đại Tây Dương, vào thời cổ là Đại Tây quốc. Chuyện này có thật hay không? Hiện nay, rất nhiều nhà thám hiểm đã ngồi tàu ngầm đến đáy biển quan sát, phát hiện thật sự có di tích thành thị dưới đáy biển, chứng tỏ chuyện này chẳng giả. Biên giới của khu vực ấy gần sát nước Mỹ và Ba Tây.

Trong quá khứ, địa cầu đã có tấm gương ấy. Nếu người hiện thời làm quá lỗ, cũng có thể gặp tình trạng này. Đối với những chuyện này, Phật pháp đã tiết lộ tin tức, chúng ta phải coi trọng, Phật, Bồ tát chẳng nói lời giả. Làm người phải theo quy củ, phải tuân thủ, giữ vững “quỹ đạo” của chính mình, phải nêu gương điển hình cho đại chúng. Bởi lẽ, hết thấy các pháp đều có quỹ phạm (đường lối, phạm vi riêng biệt). “*Khả sinh vật giải*”. “Vật” này chỉ chúng sinh. “*Khả sinh vật giải*”, nghĩa là khiến cho chúng sinh thấy những hiện tượng ấy sẽ có thể lý giải, biết Sự và Lý của nó, có thể lý giải Sự và Lý ấy.

“*Lệ như vô thường*” (Chẳng hạn như từ vô thường). Vô thường là danh tướng. “*Sử nhân sinh khởi vô thường chi giải*” (Khiến cho người ta phát khởi sự thấu hiểu đối với vô

thường). Danh từ này có thể khiến cho một số người đối với tất cả hết thấy các pháp trong thế gian sinh khởi sự lý giải về vô thường, biết kinh Phật giảng hết thấy các pháp chẳng thật. *“Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”*. Vì sao? Nó vô thường, chẳng thể tồn tại vĩnh hằng, biến hóa trong từng sát-na. Không phải chỉ riêng địa cầu biến hóa trong từng sát-na, mà khắp pháp giới hư không giới đều biến hóa trong từng sát-na. Hiện thời, các nhà khoa học đã phát hiện chân tướng sự thật này.

Ai chủ trì sự biến hóa trong từng sát-na ấy? Đức Phật dạy: *“Hết thấy các pháp sinh từ tâm tướng”*. Chủ thể là niệm, tức ý niệm. Hiện thời, các nhà lượng tử học đã phát hiện chuyện này, trong kinh, đức Phật giảng đạo lý sâu như vậy, người bình thường rất khó hiểu, nếu được Lượng tử học chứng minh sẽ rất hữu ích cho Phật pháp. Quả nhiên, chứng thực những điều được nói trong kinh giáo Đại thừa đều là sự thật. Đối với Phật pháp và sự giáo học của các tôn giáo sẽ khởi tác dụng rất lớn, người ta chẳng còn coi tôn giáo là mê tín nữa. Giáo dục tôn giáo sẽ có tác dụng rất lớn đối với nhân loại, thật sự có thể hóa giải hết thấy tai nạn, giúp xã hội khôi phục an định, hòa hài. Chúng ta phải khẳng định cổ thánh tiên hiền chẳng phải là vô tri, chẳng phải là mê tín, mà thông minh hơn chúng ta nhiều lắm. Chúng ta thua kém họ rất xa!

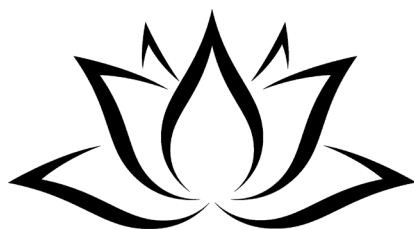
“Trì vị trụ trì, bất xả tự tướng, nhất thiết chư pháp, các hữu kỳ tướng” (Trì trong quỹ trì có nghĩa là gìn giữ, chẳng bỏ tự tướng, hết thấy các pháp mỗi pháp đều có tướng của nó), ý nói hết thấy các pháp có thể duy trì trong một khoảng thời gian. Trên thực tế, nó biến hóa trong từng sát-na, nhưng biến hóa rất nhỏ yếu, chúng ta nhìn không ra. Chẳng hạn như con người biến đổi mỗi ngày, già yếu trong từng sát-na, luôn biến hóa, nhưng nếu chỉ vài ngày thì chúng ta không thấy người đó già suy, phải sau một vài năm mới thấy người ấy thật sự biến đổi đôi chút; chẳng đột nhiên biến đổi, mà biến đổi trong từng sát-na. Hiện tượng này được gọi là trì hay bảo trì.

Tiếp đó, sách viết: *“An trụ nhất thiết, Hội Sớ thuyết: An trụ giả, bất động nghĩa”* (“An trụ hết thấy”, Hội Sớ nói: “An trụ nghĩa là bất động”). “Bất động” ở đây chẳng phải là thật sự bất động. *“Đức thành bất thoái, cố viết an trụ”* (Đức thành tựu, chẳng lui sụt, nên gọi là an trụ). Câu này nói rất hay. *“Vô đức bất cụ, cố vân nhất thiết”* (Không đức nào chẳng đủ, nên nói là “hết thấy”), ý nghĩa này cũng vô cùng hay.

Tu đức có thành tựu. A Lại Da gần với chân tâm, đó là hiện tượng trong Tứ thánh pháp giới, chưa thật sự chuyển thức thành trí, nhưng có thể tuân thủ giáo huấn của thánh hiền, nghiêm túc giữ gìn giáo huấn của thánh hiền, người ấy có đức này. Thể của đức ấy là Tính đức. Tu đức tương ứng

với Tính đức; do vậy, tuy là vô thường, nhưng tốc độ biến đổi của nó thông thả. Hiện tại, khoa học đã tăng nhanh tốc độ vô thường; giáo huấn của thánh nhân khiến vô thường chậm lại, quý vị thấy 2 thứ hiệu quả khác nhau.

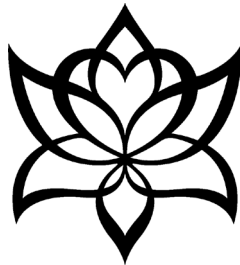
Vì thế, giáo huấn của thánh hiền đem lại an trụ, bình an, hòa hài; khoa học đem lại động loạn cho xã hội. Hiện thời, mỗi cá nhân chúng ta đều biết nói điều này. Mỗi cá nhân đều chẳng cam lòng, chẳng bằng lòng, mà chẳng làm sao được, đều mong làm sao để khôi phục sự bình thường, đó là đại sự; nhưng nếu ý niệm của mọi người đều khôi phục bình thường sẽ chẳng khó, nhất định phải cậy vào giáo huấn của thánh hiền.



MỤC LỤC



TẬP 91.....	5
TẬP 92.....	49
TẬP 93.....	89
TẬP 94.....	129
TẬP 95.....	171
TẬP 96.....	217
TẬP 97.....	265
TẬP 98.....	305
TẬP 99.....	343
TẬP 100	383



HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
65 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.39260024 Fax: 024.39260031

TỈNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA - QUYỂN 10

Chủ giảng: **LÃO PHÁP SƯ TỊNH KHÔNG**

Trưởng ban biên dịch: **TK. Thích Đồng Bổn**

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc Bùi Việt Bắc
Chịu trách nhiệm nội dung
Tổng biên tập Lý Bá Toàn
Biên tập: **Phan Thị Ngọc Minh**
Sửa bản in: **TT Phật Học Chánh Trí**
Trình bày & bìa: **Khánh Chi**

Đối tác liên kết:
CÔNG TY TNHH VĂN HÓA PHÁT QUANG
26 Nguyễn Tử Nha, P.12, Q. Tân Bình, TP.HCM

In 500 cuốn, khổ 19,5x26,5cm tại Công ty CP in Khuyến học phía Nam, Lô B5-8 đường D4, khu công nghiệp Tân Phú Trung, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP.HCM. Số XNĐKXB:1590-2024/CXBIPH/05-57/HĐ ngày 15/05/2024. Số QĐXB của NXB: 1044/QĐ-NXBHĐ, cấp ngày 17/05/2024 In xong và nộp lưu chiểu năm 2024. Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN) 978-604-89-8227-0